

ĐỂ HIỂU CHỈ MỘT
CUỘC ĐỜI, TA PHẢI
NUỐT LẤY CẢ
THẾ GIỚI



TIÊU VONG TỪ MỖI
KHOẢNH KHẮC NHƯNG
SẼ KHÔNG BAO GIỜ
CHẤM DỨT SỰ TIÊU VONG



NGÀY
XƯA
NGÀY
XƯA...



CAPPUCCINO
EBOOK

Y ĐÃ LỰA CHỌN GIỮA
SỐNG MÃI HOẶC CHẾT
KHI TẤN CÔNG



NGƯỜI TA NÊN
TẬN TỤY VÌ
CHỦ NHÂN
CỦA MÌNH



CÁCH DUY
NHẤT ĐỂ
THOÁT KHỎI
CẢNH ĐỒ LÀ
BƯÔNG HÌNH
VÀO NÓ



VĂN HỌC

LITERATURE

Ngọc Tan, Yên Nhi, Hồng Vỹ dịch



ĐINH MỆNH
SẼ XÂY RA
NHƯ NỖ
PHẢI THỂ



CON NGƯỜI
CÓ THỂ RẤT
TẬN NHÂN
VỚI NHAU



NẾU ĐÂY LÀ THẾ GIỚI
TỐT NHẤT TRONG MỌI
THẾ GIỚI KHẢ DĨ, VẬY
NHỮNG THẾ GIỚI KIA
LÀ GÌ?



NGƯỜI TA SINH RA
TỪ CHIẾN CÔNG
CỦA HỌ



TÔI KHÔNG
PHẢI LÀ CHIM,
VÀ KHÔNG
LƯỚI NÀO
BẤY ĐƯỢC TÔI



NGƯỜI CHẾT
LUÔN NẶNG
HƠN TRÁI TIM
TAN VỠ





VĂN HỌC

LITERATURE

KHÁI LƯỢC NHỮNG TƯ TƯỞNG LỚN

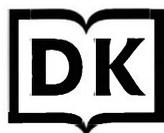
Ngọc Tân, Yên Nhi, Hồng Vỹ dịch

NHA XUẤT BẢN
ĐÀN TRI



DÔNG A

yeukindlevietnam.com



Penguin
Random
House

DK LONDON

TỔNG BIÊN TẬP
Sam Atkinson
TỔNG BIÊN TẬP MỸ THUẬT
Gillian Andrews
GIÁM ĐỐC MỸ THUẬT
Karen Self
GIÁM ĐỐC XUẤT BẢN
Jonathan Metcalf
MINH HOA
James Graham

Thiết kế bởi
STUDIO8 DESIGN

For the curious
www.dk.com

Original Title: **The Literature Book**
Copyright © 2016 Dorling Kindersley Limited
A Penguin Random House Company

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty
Cổ phần Văn hóa Đông A, 2021.

Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng
chuyển nhượng bản quyền giữa Công ty Cổ phần
Văn hóa Đông A và Dorling Kindersley.

All rights reserved. No part of this publication
may be reproduced, stored in a retrieval system,
or transmitted in any form or by any means,
electronic, mechanical, photocopying,
recording, or otherwise, without prior written
permission of the copyright owner.

Mọi tác quyền đều đã được bảo hộ.
Không phần nào của tác phẩm này có thể được
tái bản, sử dụng hay lưu truyền dưới bất kỳ
hình thức nào hay bằng bất cứ phương tiện nào
từ điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm cho đến
các hình thức khác, khi chưa có sự đồng ý trước
bằng văn bản của người nắm giữ tác quyền.

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9, ngõ 26, phố Hoàng Cầu,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
VPGD: Số 347, phố Đồi Cẩn,
Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
ĐT: 024.66860751 - 024.66860752
Email: nxbdantri@gmail.com
Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Bùi Thị Hương
Chịu trách nhiệm nội dung:
Lê Quang Khôi
Biên tập:

Vũ Thị Thu Ngân
Trình bày bìa (theo bản gốc):
Hoàng Thảo
Trình bày (theo bản gốc):
Ngọc Hưng
Sửa bản in:
Khuong An, Xuân Các

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA ĐÔNG A

Hà Nội: 113 Đông Các, P. Ô Chợ Dừa,
Q. Đống Đa
ĐT: 024.38569367 - 024.38569381;
Fax: 024.38569367
Tp. Hồ Chí Minh: 209 Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3
ĐT: 028.36369488; Fax: 028.36369489
Email: tdtdonga@gmail.com;
Website: sachdonga.vn

In 2.000 cuốn, khổ 19,3 cm x 23,5 cm
tại Công ty TNHH TKMT & TH
Huỳnh đệ Anh Khoa,
409/16 Nguyễn Trọng Tuyển, P. 2,
Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
Số xác nhận đăng ký xuất bản:
1889-2021/CXBIPH/5-56/DT.
Số quyết định xuất bản:
1149/QĐXB-NXBĐT
do NXB Dân Trí cấp ngày 09/06/2021.
Mã ISBN: 978-604-331-457-1.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

CÁC TÁC GIẢ

JAMES CANTON, CỔ VẤN BIÊN TẬP

Cổ vấn và đồng tác giả James Canton là
giảng viên văn học tại Đại học Essex, Anh,
nơi ông dạy môn "sáng tác về thiên nhiên
hoang dã: văn học và môi trường." Các sách
đã xuất bản của ông gồm *Từ Cairo đến
Baghdad: Lữ khách Anh trên đất Ả Rập*
(2011) và *Ngoại Essex: Hình dung lại cảnh
quan văn học* (2013), khám phá những ràng
buộc giữa các cảnh quan và bản thân chúng
ta, đào sâu vào thế giới tự nhiên và những
điều kỳ diệu trong đó. Hiện ông đang viết
một câu chuyện về hành trình đi qua những
miền đất hoang dại nhất ở Anh lần theo dấu
tích của những thế giới tiền sử.

HELEN CLEARY

Helen là tác giả và biên tập viên sách phi
hư cấu, tung theo học ngành văn học Anh
tại Đại học Cambridge, Anh. Bà tiếp tục
hoàn thành chương trình Thạc sĩ chuyên
ngành viết sáng tạo danh giá tại Đại học
Đông Anglia, tại đây bà được chính W. G.
Sebald và Lorna Sage giảng dạy. Helen là
tác giả đã có sách xuất bản thuộc các thể
loại thơ, truyện ngắn cũng như phi hư cấu.

ANN KRAMER

Nhà văn, nhà sử học Ann Kramer từng
làm việc cùng nhiều nhà xuất bản, trong
đó có DK, trước khi chính thức trở thành
nhà văn. Suốt nhiều năm, bà đã viết
nhiều sách cho độc giả phổ thông với các
đề tài đa dạng từ hội họa, văn học và các
ngành nhân văn cho đến lịch sử nữ giới.
Là người đam mê sâu sắc sách và văn học,
Ann còn giảng dạy các lớp văn học và dạy
chữ cho người trưởng thành.

ROBIN LAXBY

Tác giả và biên tập viên tự do Robin Laxby có bằng ngữ văn Anh tại Đại học Oxford, Anh và từng làm giám đốc xuất bản ở London. Ông từng thẩm định sách hu cấu cho bộ *Cẩm nang sách hay* và đã xuất bản năm cuốn sách về thơ kể từ 1985. Hội tác giả Anh gán đây vừa trao cho ông gói trợ cấp để hoàn thành tác phẩm thơ văn xuôi 30.000 từ.

DIANA LOXLEY

Diana Loxley là biên tập viên và tác giả tự do, trước đây là biên tập cấp cao cho một công ty xuất bản ở London, Anh. Bà có bằng tiến sĩ văn học tại Đại học Essex. Trong các tác phẩm của bà, có thể kể đến bài phân tích tu tưởng thực dân và đế quốc trong các văn bản quan trọng của thể loại hu cấu vào thế kỷ 19.

ESTHER RIPLEY

Esther Ripley có bằng ưu hạng ngành tâm lý văn học, có nhiều năm làm nhà báo, biên tập viên tạp chí giáo dục, nhà phê bình sách, và giám khảo cuộc thi kể chuyện. Là một biên tập cấp cao trước đây của DK, bà từng viết nhiều sách trẻ em và nay viết về các chủ đề văn hóa đa dạng.

MEGAN TODD

Bà là giảng viên chính môn khoa học xã hội tại Đại học Trung Lancashire, Anh. Megan Todd có bằng văn học Anh tại Đại học Aberdeen, Scotland. Bà giảng dạy văn học Anh tại một trường chuyên ở Cumbria và hoàn thành chương trình học Thạc sĩ, chuyên ngành nghiên cứu về giới tại Đại học Newcastle, trọng tâm về văn học của phụ nữ.

HILA SHACHAR

Hila Shachar là giảng viên văn học Anh tại Đại học Montfort, Anh và là tác giả của đoàn ballet Úc. Bà có bằng tiến sĩ văn học Anh tại Đại học Tây Úc. Bà đã cho ra mắt nhiều tác phẩm về sách và điện ảnh, trong đó có tác phẩm được nhắc đến trên tờ *New York Times* – *Hậu kiếp văn hóa và chuyển thể tác phẩm kinh điển lên màn ảnh* (2012). Bà còn là tác giả nhiều nghiên cứu về chuyển thể tác phẩm văn học, nữ quyền trong văn học, truyện hu cấu phổ thông và kinh điển. Hiện bà đang viết một chuyên khảo về phim tiểu sử văn học, tìm hiểu về việc chuyển thể cuộc đời các tác giả lên màn ảnh.

ALEX VALENTE

Alex Valente là nhà nghiên cứu tại Đại học Đông Anglia, Anh, đồng thời là dịch giả và tác giả văn học. Alex Valente từng góp bút vào cuốn *Sổ tay Oxford về văn học thiếu nhi* (2015) và *Văn hóa sáng tác truyện tranh* (2016) cùng một số ấn phẩm thơ và văn xuôi bằng cả tiếng Anh và tiếng Ý. Ông giảng dạy các môn văn học cho sinh viên năm nhất tại Đại học Đông Anglia.

BRUNO VINCENT

Từng là người bán sách, sau đó làm biên tập viên, nay là tác giả tự do, Bruno Vincent dành cả cuộc đời mình cho sách và con chữ. Ông là tác giả của mười đầu sách, trong đó có hai cuốn nằm trong top 10 sách bán chạy của *Sunday Times* và mười tập truyện kinh dị Gothic theo phong cách Dickens dành cho trẻ em.

NICK WALTON

Nick Walton là giám đốc phát triển khóa học Shakespeare tại Quỹ Noi sinh Shakespeare ở Stratford-upon-Avon, Anh. Ông từng viết lời giới thiệu cho các ấn phẩm của Penguin như *Timon thành Athens* và *Quả ngọt thất lạc của tình yêu*, là đồng tác giả cuốn *Sách tranh dài Shakespeare*. Ông cũng đóng góp cuốn *Shakespeare* trong bộ *Khái lược những tu tưởng lớn* của DK.

MARCUS WEEKS

Marcus Weeks nghiên cứu âm nhạc, triết học, và công nghệ nhạc cụ, có một sự nghiệp phong phú, đầu tiên là giáo viên tiếng Anh, sau đó là nhạc sĩ, quản lý phòng trưng bày nghệ thuật, và nhà phục chế nhạc cụ trước khi chính thức trở thành nhà văn. Ông từng chấp bút và góp bút cho nhiều cuốn sách về các đề tài nhân văn, nghệ thuật, và khoa học thường thức với mục tiêu biến các tu tưởng lớn trở nên hấp dẫn và dễ tiếp cận, bao gồm các tu tưởng trong bộ *Khái lược những tu tưởng lớn* của DK.

PENNY WOOLLARD

Là người quản lý ngành Nghiên cứu sân khấu tại Đại học Essex, Anh, Penny Woollard có bằng tiến sĩ văn học từ cùng trường. Bài nghiên cứu của bà tên là: "Châu Mỹ của Derek Walcott: nước Mỹ và Caribbean". Bà còn giảng dạy về Walcott cùng nhu văn học Mỹ tại Đại học Essex.

MỤC LỤC

10 GIỚI THIỆU

ANH HÙNG VÀ TRUYỀN THUYẾT 3000 TCN-1300

- 20 Chi các vị thần sống mãi trong ánh dương
Sử thi Gilgamesh
- 21 Tu dưỡng theo phẩm đức xưa giúp con người bền chí
Kinh Dịch, được cho là của Chu Văn Vương
- 22 Ta sắp gây tội gì đây, hỏi Krishna?
Mahabharata, được cho là của Vyasa
- 26 Hỏi nữ thần, hãy hát lên con giận của Achilles
Iliad, được cho là của Homer
- 34 Sự thật dễ sợ biết chừng nào khi hiểu rằng sự thật không giúp được gì!
Vua Oedipus, Sophocles
- 40 Cổng địa ngục rộng mở đêm ngày; thoai thoai xuống, con đường dễ dàng thay
Aeneid, Virgil
- 42 Định mệnh sẽ xảy ra như nó phải thế
Beowulf
- 44 Và Scheherazade bắt đầu...
Nghìn lẻ một đêm
- 46 Thế gian nhu mộng lớn, há nhọc mình nhân sinh
Toàn Đường thi

- 47 Những thú có thật trong bóng tối cũng chẳng thật hơn mộng
Truyện kể Genji, Murasaki Shikibu
- 48 Người ta nên tận tụy vì chủ nhân của mình
Bài ca Roland
- 49 Tandaradei, dịu ngọt là tiếng son ca
"Dưới bóng cây đọt", Walther von der Vogelweide
- 50 Sai lầm thay kẻ nào dám cưỡng lại tình yêu
Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo, Chrétien de Troyes
- 52 Vết thương của kẻ khác sẽ là bài học cho ta
Saga về Njal
- 54 Đọc thêm

TỪ PHỤC HƯNG ĐẾN KHAI SÁNG 1300-1800

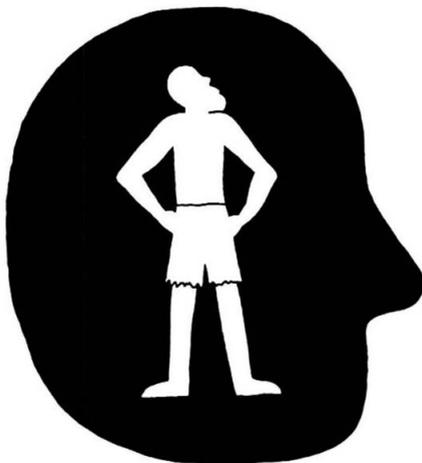
- 62 Ta thấy mình giữa khu rừng u tối
Thần khúc, Dante Alighieri
- 66 Không cần sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, chỉ nguyện chết cùng năm, cùng tháng, cùng ngày
Tam quốc diễn nghĩa, La Quán Trung
- 68 Sang trang qua câu chuyện khác
Chuyện kể Canterbury, Geoffrey Chaucer
- 72 Tiếng cười là tài sản của con người. Hãy sống vui vẻ.
Gargantua và Pantagruel, François Rabelais

- 74 Nhu với bông hoa này, đám mây tuổi tác sẽ làm nhan sắc nàng tàn phai
Les Amours de Cassandre, Pierre de Ronsard
- 75 Kẻ yêu lạc thú phải sa ngã vì lạc thú
Tiến sĩ Faustus, Christopher Marlowe
- 76 Người ta sinh ra từ chiến công của họ
Don Quixote, Miguel de Cervantes
- 82 Ai trong đời mình cũng đóng nhiều vai diễn
First Folio, William Shakespeare
- 90 Coi trọng mọi thứ cũng bằng chẳng coi trọng gì
Chàng ghét đời, Molière
- 91 Nhưng ta vẫn nghe thấy sau lưng cỗ xe thời gian chao cánh rộn gán
Những vần thơ đa tạp, Andrew Marvell
- 92 Vò và thịt con sò tách ra như thời khắc chia cách, thu cũng dần trôi qua
Lối lên miền Oku, Matsuo Bashō
- 93 Chẳng có gì cản trở trên hành trình lên ngọn núi của cái chết
Tự sát vì tình ở Sonezaki, Chikamatsu Monzaemon
- 94 Tôi sinh năm 1632, ở thành phố York, trong một gia đình khấm khá
Robinson Crusoe, Daniel Defoe
- 96 Nếu đây là thế giới tốt nhất trong mọi thế giới khả dĩ, vậy những thế giới kia là gì?
Candide, Voltaire

- 98 Tôi đủ gan dạ để bước chân
trán qua địa ngục
Những tên cướp, Friedrich Schiller
- 100 Không khó khăn nào trong
tình yêu khó hơn việc viết ra
điều ta không cảm nhận được
Les Liaisons dangereuses,
Pierre Choderlos de Laclos
- 102 Đọc thêm

TRÀO LƯU LÃNG MẠN VÀ SỰ TRỖI DẬY CỦA TIỂU THUYẾT 1800–1855

- 110 Thi ca là hơi thở, là tinh túy
linh hồn của mọi tri thức
Những khúc ballad trữ tình,
William Wordsworth và
Samuel Taylor Coleridge
- 111 Không gì tuyệt vời và kỳ thú
hơn đời thực
Nachtstücke, E. T. A. Hoffmann
- 112 Con người luôn làm lỗi cho
đến khi họ không còn cố gắng
Faust, Johann Wolfgang
von Goethe
- 116 Ngày xưa ngày xưa...
*Chuyện kể cho trẻ em và trong
gia đình*, Anh em Grimm
- 118 Ta sống vì cái gì, ngoài việc
làm trò cho láng giềng, rồi đến
lượt mình cười nhạo lại họ
Kiều hãnh và định kiến,
Jane Austen
- 120 Có ai hiểu được nỗi kinh
hoàng trong những việc làm
bí mật của tôi
Frankenstein, Mary Shelley
- 122 Mọi người vì một người, một
người vì mọi người
Ba chàng linh ngạ lâm,
Alexandre Dumas



- 124 Nhưng hạnh phúc tôi không
bao giờ nhắm tới, thú xa lạ với
linh hồn tôi
Eugene Onegin, Alexander
Pushkin
- 125 Hãy để linh hồn tinh lạnh
trước một triệu vũ trụ
Lá cỏ, Walt Whitman
- 126 Bạn đã thấy một con người trở
thành nô lệ như thế nào, giờ
hãy xem con đường một nô lệ
trở lại làm người
*Chuyện đời Frederick
Douglass*, Frederick Douglass
- 128 Tôi không phải là chim; và
không lưới nào bắt được tôi
Jane Eyre, Charlotte Brontë
- 132 Anh không thể sống thiếu
cuộc đời anh! Anh không thể
sống thiếu linh hồn anh!
Đình Gió Hú, Emily Brontë
- 138 Không sự điên rồ nào mà con dá
thú của Trái Đất gây lại không bị
vượt bởi sự điên rồ của con người
Moby-Dick, Herman Melville
- 146 Mọi cuộc chia ly đều báo trước
một cuộc chia ly sau cuối
Nhà Lạnh, Charles Dickens
- 150 Đọc thêm

KHẮC HỌA ĐỜI THỰC 1855–1900

- 158 Sự buồn chán, nhu con nhện âm
thảm đang giăng to nơi những
góc khuất trong trái tim nàng
Bà Bovary, Gustave Flaubert
- 164 Tôi cũng là đứa con của mảnh
đất này; tôi cũng lớn lên nơi
son thùy này
Người Guarani, José de Alencar
- 165 Thi si là thân quyến trong
những đám mây
Les Fleurs du mal, Charles
Baudelaire
- 166 Không ai lắng nghe
không phải lý do để im lặng
Những người khốn khổ,
Victor Hugo
- 168 Tò mò hơn và hơn nữa!
Alice ở Xứ sở Diệu kỳ,
Lewis Carroll
- 172 Đau khổ là điều không thể
tránh khỏi đối với một trí tuệ
lớn và một trái tim sâu
Tội ác và hình phạt,
Fyodor Dostoyevsky
- 178 Miêu tả trực tiếp đời sống của
nhân loại, hay thậm chí chi
của một dân tộc, dường như là
không thể
Chiến tranh và hòa bình,
Leo Tolstoy
- 182 Một tâm trí hẹp hòi sẽ không
thể nhìn một thú từ những góc
nhìn khác nhau
Middlemarch, George Eliot
- 184 Ta có thể bất chấp luật con
người, nhưng ta không thể
chống lại luật thiên nhiên
Hai vạn dặm dưới biển,
Jules Verne

- 185 Ở Thụy Điển, tất cả những gì chúng tôi làm là mừng lễ đại xá
Căn phòng đỏ,
August Strindberg
- 186 Nàng được viết ra bằng một thủ tiếng nước ngoài
Chân dung một quý cô,
Henry James
- 188 Con người có thể rất tàn nhẫn với nhau
Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn, Mark Twain
- 190 Chàng đơn giản chỉ muốn lại xuống hầm mỏ, để chịu đựng và để đấu tranh
Này mắt, Émile Zola
- 192 Mặt Trời đêm giờ đây thật xấu xí trong mắt nàng, hết nhu một vết thương rục rữa to lớn trên nền trời
Nàng Tess nhà d'Urberville,
Thomas Hardy
- 194 Cách duy nhất để thoát khỏi cảm đó là buông mình vào nó
Chân dung Dorian Gray,
Oscar Wilde
- 195 Có những thú xưa và nay mà đôi mắt con người không được phép ngắm
Dracula, Bram Stoker
- 196 Một trong những chốn tâm tối của Trái Đất
Giữa lòng tâm tối, Joseph Conrad
- 198 Đọc thêm



PHÁ VỠ TRUYỀN THỐNG 1900–1945

- 208 Thế giới đầy những sự việc hiển nhiên mà không một ai buồn để mắt đến
Con chó của dòng họ Baskerville,
Arthur Conan Doyle
- 209 Tôi là con mèo. Tôi chưa có tên. Tôi chẳng biết mình sinh ra ở đâu
Tôi là con mèo, Natsume Sōseki
- 210 Gregor Samsa tỉnh dậy trên giường và nhận ra mình đã biến thành một con bọ khổng lồ
Hóa thân, Franz Kafka
- 212 Dulce et decorum est pro patria mori
Những vần thơ, Wilfred Owen
- 213 Ánh văn chương ragtime miệt thị những vần điệu truyền thống
Đất hoang, T S Eliot
- 214 Loài cây sao thiên đang lung lo những quả của đêm xanh ướt át
Ulysses, James Joyce
- 222 Khi còn trẻ, tôi cũng có nhiều ước mơ
Gào thét, Lỗ Tấn
- 223 Tình yêu không cho gì ngoài chính nó và không lấy gì ngoài bản thân nó
Nhà tiên tri, Kahlil Gibran
- 224 Sự phê phán đánh dấu khởi nguồn của tiến triển và khai sáng
Núi thần, Thomas Mann
- 228 Như lũ bướm đêm giữa những tiếng thì thảo và rượu sâm panh và muôn ánh sao trời
Gatsby vĩ đại,
F. Scott Fitzgerald
- 234 Cựu thế giới phải sụp đổ. Hãy thức tỉnh, hỡi con gió rạo động!
Berlin Alexanderplatz,
Alfred Döblin
- 235 Chứa đầy trên boong các con tàu xa xa là những giấc mơ của mọi người đàn ông
Mắt họ đang nhìn Chúa,
Zora Neale Hurston
- 236 Người chết luôn nặng hơn trái tim tan vỡ
Giấc ngủ dài, Raymond Chandler
- 238 Thật huyền bí làm sao, cái xứ sở của nước mắt
Hoàng tử bé,
Antoine de Saint-Exupéry
- 240 Đọc thêm

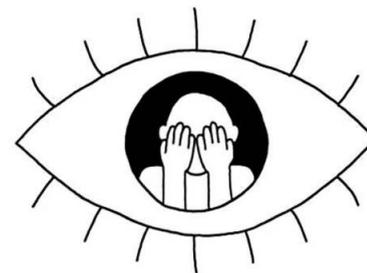
VĂN HỌC HẬU CHIẾN 1945–1970

- 250 Anh Cà đang dò theo bạn
Một chín tám tư,
George Orwell
- 256 Tôi đã mười bảy tuổi, và thỉnh thoảng tôi cu xù như thế mười ba
Bắt trẻ đồng xanh,
J. D. Salinger
- 258 Từ thân là kẻ cảm đau đến từ nước Đức
Hoa anh túc và kỳ ức, Paul Celan
- 259 Tôi vô hình, hiểu rằng đơn giản vì mọi người từ chối nhìn thấy tôi
Người vô hình, Ralph Ellison
- 260 Lolita, ánh sáng đời tôi, lửa đục trong tôi. Tôi lỗi của tôi, linh hồn của tôi
Lolita, Vladimir Nabokov
- 262 Anh ấy lật gió từng phiến đá và mò mẫm đến từng con giòi
Đợi chờ Godot, Samuel Beckett

- 263** Vừa chạm tay vào vinh hạnh
vừa chạm tay vào sự sống là
điều bất khả
Kim Các Tu, Yukio Mishima
- 264** Anh ấy là Beat – là gốc rễ, là
linh hồn của phúc lành
Trên đường, Jack Kerouac
- 266** Cái gì dân tộc này cho là tốt thì
các dân tộc khác cho là tệ hại
*Quê hương tan rã, Chinua
Achebe*
- 270** Ngay đến giấy dán tường còn
có tri nhớ tốt hơn con người
Cái trống thiếc, Günter Grass
- 272** Em nghĩ rằng chỉ có một loại
người mà thôi. Là con người.
Giết con chim nhại, Harper Lee
- 274** Chẳng có gì mất mát nếu ta có
dùng khi tuyên bố rằng tất cả
đã mất và chúng ta phải làm
lại từ đầu
Lò cò, Julio Cortázar
- 276** Y đã lựa chọn giữa sống mãi
hoặc chết khi tấn công
Bảy-22, Joseph Heller
- 277** Phép lạ ngày thường cũng quá
khứ sống động
*Cái chết của một nhà tự nhiên
học, Seamus Heaney*
- 278** Phải có một cái gì đó không hay
với chúng ta. Làm cái việc chúng
ta đã làm
Máu lạnh, Truman Capote
- 280** Tiêu vong từ mỗi khoảnh khắc,
nhưng sẽ không bao giờ chấm
dứt sự tự tiêu vong
*Trăm năm cô đơn,
Gabriel García Márquez*
- 286** Đọc thêm

VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI 1970–HIỆN TẠI

- 296** Lịch sử của chúng ta là tập
hợp những thời khác vừa qua
*Câu vồng của trọng lục,
Thomas Pynchon*
- 298** Ban sắp bắt đầu đọc cuốn tiểu
thuyết mới của Italo Calvino
*Nếu một đêm đông có người lữ
khách, Italo Calvino*
- 300** Để hiểu chi một cuộc đời, ta
phải nuốt lấy cả thế giới
*Những đứa con của nửa đêm,
Salman Rushdie*
- 306** Giành lấy tự do cho mình là
một việc; khẳng định quyền
sở hữu tự do đó là một việc khác
Yêu dấu, Toni Morrison
- 310** Đất trời mờ mịt
Cao lương đỏ, Mạc Ngôn
- 311** Không thể kể được một câu
chuyện như thế này. Một câu
chuyện như thế này chỉ có thể
cảm nhận được
Oscar và Lucinda, Peter Carey
- 312** Một tâm nhìn lịch sử, kết quả
của sự ràng buộc đa văn hóa
Omeros, Derek Walcott
- 313** Tôi muốn giết ai đó, sắp phát
điên đến nơi rồi.
*Tâm thần kiểu Mỹ,
Bret Easton Ellis*
- 314** Họ lặng lẽ xuôi dòng con sông
tĩnh lặng và linh thiêng
*Chàng trai thích hợp,
Vikram Seth*
- 318** Đó là một ý tưởng hết sức Hy
Lạp, và hết sức sâu sắc. Cái
đẹp chính là nỗi khiếp đảm
Lịch sử bí mật, Donna Tartt
- 319** Cái ta thấy trước mắt chỉ là một
phần vô cùng nhỏ của thế giới
*Biên niên kỳ chim vận dây cót,
Haruki Murakami*
- 320** May ra trong một thế giới mù lòa
thì vạn vật mới là bản thân chúng
Mù lòa, José Saramago
- 322** Tiếng Anh là một phương tiện
không thích hợp với thực tế
của Nam Phi
Ruồng bọ, J. M. Coetzee
- 324** Mọi khoảnh khắc xảy ra hai
lần: bên trong và bên ngoài,
và chúng là hai câu chuyện
hoàn toàn khác nhau
Răng trắng, Zadie Smith
- 326** Cách tốt nhất để giữ bí mật là
vô nhu không có bí mật
Tay sát thủ mù, Margaret Atwood
- 328** Có thú gì đó gia đình ông ta
muốn quên đi
Hàn gấn, Jonathan Franzen
- 330** Tất cả đều này sinh từ con ác
mộng mà chúng ta cùng nhau
tạo ra
Vị khách, Hwang Sok-yong
- 331** Tôi lấy làm tiếc rằng phải mất
cả đời để học cách sống
*Vô cùng vang dội và kẻ cận lạ
thường, Jonathan Safran Foer*
- 332** Đọc thêm



319 Cái ta thấy trước mắt chỉ là một phần vô cùng nhỏ của thế giới
Biên niên kỳ chim vận dây cót, Haruki Murakami

320 May ra trong một thế giới mù lòa thì vạn vật mới là bản thân chúng
Mù lòa, José Saramago

322 Tiếng Anh là một phương tiện không thích hợp với thực tế của Nam Phi
Ruồng bọ, J. M. Coetzee

324 Mọi khoảnh khắc xảy ra hai lần: bên trong và bên ngoài, và chúng là hai câu chuyện hoàn toàn khác nhau
Răng trắng, Zadie Smith

326 Cách tốt nhất để giữ bí mật là vô nhu không có bí mật
Tay sát thủ mù, Margaret Atwood

328 Có thú gì đó gia đình ông ta muốn quên đi
Hàn gấn, Jonathan Franzen

330 Tất cả đều này sinh từ con ác mộng mà chúng ta cùng nhau tạo ra
Vị khách, Hwang Sok-yong

331 Tôi lấy làm tiếc rằng phải mất cả đời để học cách sống
Vô cùng vang dội và kẻ cận lạ thường, Jonathan Safran Foer

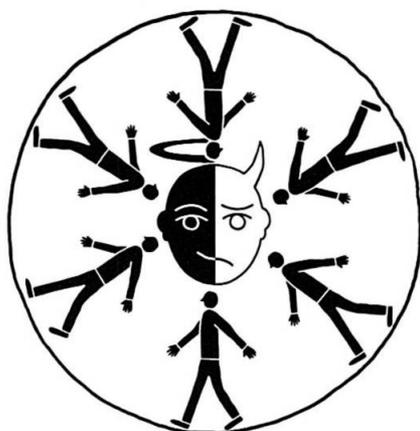
332 Đọc thêm

340 THUẬT NGỮ

344 CHỈ MỤC

352 LỜI CẢM ƠN

GIỚI THIỆU



Nghệ thuật kể chuyện cũng xưa như chính nhân loại. Truyền thống nắm bắt những sự kiện và đúc tin của các cộng đồng đã có từ thời con người quây quần bên đồng lửa và kể nhau nghe những câu chuyện. Lịch sử được lưu truyền dưới hình thức truyền thuyết và thần thoại từ thế hệ này sang thế hệ khác trong nỗ lực giải đáp những bí ẩn về vũ trụ và sự sáng thế.

Chữ viết ra đời cùng lúc với những nền văn minh cổ đại, nhưng thuở đầu, người ta phát minh ra nó chỉ nhằm thực hiện các chức năng đơn giản ít mang tính sáng tạo – như ghi chép lại các giao dịch mua bán hay tính toán số lượng hàng hóa. Hàng nghìn phiến đất sét viết chữ hình nêm được tìm thấy ở Ugarit, Syria đã hé lộ sự phức tạp của chữ

viết vào thời điểm 1500 TCN. Chữ viết nhanh chóng phát triển, từ mục đích cung cấp thông tin mua bán ban đầu trở thành công cụ để lưu giữ lịch sử truyền miệng trong mọi nền văn hóa, ghi lại các tập quán, tu tưởng, đạo lý và cấu trúc xã hội. Điều này đưa đến sự ra đời của những tác phẩm văn viết đầu tiên, những thiên sử thi, anh hùng ca ở vùng Luông Hà, Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại, hay những trước tác triết học và lịch sử ở Trung Hoa cổ đại. Như John Steinbeck đã đúc kết trong diễn từ Nobel năm 1962 của ông: “Văn học cũng xưa như chính ngôn ngữ nói. Nó sinh ra từ nhu cầu của con người, và nó vẫn không có gì thay đổi ngoại trừ việc ta càng lúc càng cần nó hơn.”

Cô Bingley trong *Kiều hành và định kiến* của Jane Austen có thể đã ngây ngô khi tuyên bố: “Có thứ gì làm người ta lâu chán hơn một cuốn sách kia chứ!”, nhưng nhiều người trong số chúng ta hẳn cũng đồng tình với ý kiến của cô. Bất chấp vô số thứ có thể khiến độc giả ngày nay xao nhãng, văn học vẫn luôn giúp con người thỏa mãn những nhu cầu tinh thần và tình cảm, mở mang tâm hồn để người đọc thấy được thế giới rộng lớn và sự đa dạng phi thường của nó. Có những tác phẩm được chấp bút hàng trăm năm trước mà vẫn còn khiến người thời nay say mê thích thú; có những văn bản theo lối Hậu Hiện đại mang tính thách đố cao

độ, nhưng lời cuốn ta không dứt ra được; và có những cuốn tiểu thuyết mới mẻ đến độ đọc chúng khiến ta có cảm giác ngôn từ nhu chi mới được phát minh ra ngày hôm qua.

Định nghĩa văn học

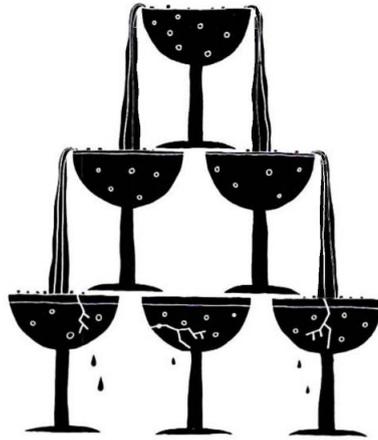
Dù định nghĩa thô sơ của “văn học” vốn chỉ là “bất cứ thứ gì được viết ra”, từ này đã trở nên chủ yếu gắn liền với các tác phẩm truyện hư cấu, chính kịch và thơ ca, mang một màu sắc cao quý và ưu nhiệm với sức nặng khó lòng đo đếm. Những giá trị này có thể được tìm thấy trong các áng văn chương kinh điển nổi lên từ giữa thế kỷ 19, vốn là đối tượng của bao nghiên cứu học thuật và sự mên mê trân trọng. Bản thân khái niệm “kinh điển” này cũng là lối dùng phái sinh từ cách gọi “kinh điển tôn giáo”. Nói đến văn học kinh điển – những trước tác được công nhận rộng rãi là mang tính chất phi thường – đa phần cũng là nói đến những tác phẩm đã thành quen thuộc của văn học phương Tây.

Từ giữa thế kỷ 20, các lý thuyết gia về văn hóa và văn học đã tranh luận nhiều để chất vấn thẩm quyền của các danh tác kinh điển, mà hầu hết đều là của những “người Âu da trắng khuất núi từ lâu”. Ý niệm về một hệ thống “danh tác kinh điển” vẫn có giá trị như một khung tham chiếu hữu dụng, nhưng thay vì được dùng để chỉ một số tựa sách nhất định, thuật ngữ này phát triển



Tôi bắt đầu bằng cách viết câu đầu tiên – rồi gửi gắm câu thứ hai vào tay Chúa Toàn Năng.
Laurence Sterne





qua từng thế hệ. Mỗi thế hệ luôn thẩm tra lại cái ý thức hệ và cơ cấu đầy sức nặng mà người đi trước lấy làm cơ sở để lựa chọn đâu là danh tác, đồng thời đặt câu hỏi vì sao tác phẩm này kia lại bị loại ra. Có thể nói, chính việc nghiên cứu quá trình hình thành các tác phẩm văn học và địa vị của chúng trong hệ thống kinh điển có thể giúp ta cải thiện sự đọc của mình. Với tinh thần đó, cuốn sách này đề cập đến nhiều tác phẩm được công nhận từ lâu là "danh tác", nhưng cùng xem xét vị trí của chúng trong bối cảnh văn học rộng lớn hơn, phong phú hơn, với đủ các trước tác từ khắp mọi miền thế giới. Ta đặt chúng bên cạnh số sáng tác mới hơn, những trang viết đã trao sức mạnh cho những tiếng nói bị đè nén qua hàng thế kỷ bởi các định chế xã hội như chủ nghĩa thực dân và chế độ phụ quyền, cũng như bởi sự lấn át của châu Âu trong thế giới văn học.

Những cuốn sách được chọn

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một hành trình đi qua lịch sử văn học, với hơn một trăm tác phẩm làm cột mốc dọc đường. Hướng tiếp cận của sách mang tính toàn cầu, tìm hiểu các áng văn chương từ nhiều nền văn hóa đa dạng có thể hãy còn xa lạ đối với nhiều bạn đọc. Những cái tên được chọn trong sách, có thể là ví dụ tiêu biểu cho một phong cách hoặc kỹ thuật viết nào đó, hay đại diện cho một hội

nhóm hoặc trào lưu đã mở ra hướng đi mới được các cây bút đương thời tiếp nhận, hoặc trở thành tiền đề để đòi sau mở rộng khai thác. Các tác phẩm được xếp theo trật tự thời gian để nhấn mạnh sự nổi lên của những cách tân văn chương theo bối cảnh chính trị xã hội của chúng. Ví dụ, trong thế kỷ 17 và 18, văn học Pháp đã phát triển từ hài kịch châm biếm xã hội Tân cổ điển của Molière sang lối đã kịch ngậm trào phúng theo chủ nghĩa lạc quan Khai sáng của Voltaire, rồi sau này là những khắc họa trần trụi về sự suy đồi của giới quý tộc Pháp như trong *Les Liaisons dangereuses* của Pierre Choderlos de Laclos, xuất bản chỉ vài năm trước khi Cách mạng Pháp xảy ra. Những biến chuyển này trong văn học có sự chông lạp không thể tránh khỏi, do các kỹ thuật tiên phong được một

số nhà văn khai sáng ra cần có thời gian để trở nên chính thống, trong khi những người khác thì vẫn tiếp tục đi theo phong cách truyền thống từ các thời đại trước.

Danh sách nào cũng luôn gây tranh cãi; ta có thể dễ dàng thay thế khoảng một trăm cuốn sách được chọn trong đây bằng một trăm cuốn khác. Chúng không phải một danh sách "phải đọc" cố định nào; thay vào đó, mỗi tác phẩm đơn thuần gắn liền với một tiêu điểm hay bối cảnh nào đó, đi kèm với dòng thời gian ghi lại các cột mốc và sự kiện văn học liên quan. Mục tham khảo chéo nêu ra những tác phẩm cùng loại hoặc có ảnh hưởng đến tác phẩm đang bàn đến (hoặc chịu ảnh hưởng từ nó). Phần đọc thêm liệt kê hơn 200 tựa sách, giúp ta có được cái nhìn chi tiết hơn về bối cảnh văn học mỗi thời kỳ.

Câu chuyện văn học

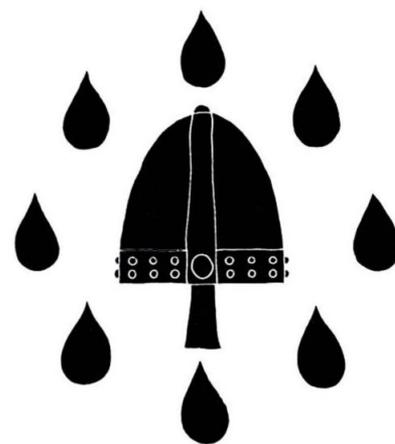
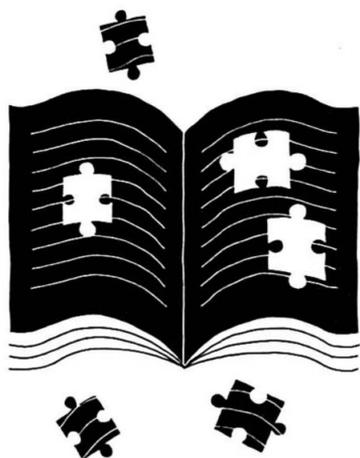
Những câu chuyện đầu tiên được viết ra có từ khoảng 4.000 năm trước trong các sử thi như *Gilgamesh* của vùng Luông Hà hay *Mahabharata* của Ấn Độ, vốn đều dựa trên chuyện truyền khẩu. Văn, điệu và nhịp trong những bài ca và chuyện truyền khẩu giúp việc ghi nhớ trở nên dễ dàng, nên không ngạc nhiên gì khi những tác phẩm viết đầu tiên đều có hình thức thơ quen thuộc. Nhiều văn bản thời kỳ đầu mang tính chất tôn giáo; các kinh điển thiêng liêng như Kinh Thánh và Qur'an thường kể chuyện



Có những cuốn sách để chúng ta thấy tự do và có những cuốn giúp chúng ta được tự do.

Ralph Waldo Emerson





thời sơ sử, gây nhiều ảnh hưởng lên văn viết suốt nhiều thế kỷ. Loại văn chương về sau gọi là kịch Hy Lạp lại theo thể tự sự diễn ca, trao cho các nhân vật tiếng nói cá nhân, dùng ban đồng ca để bình luận về kịch cảnh, đặc biệt có lối phân chia hài kịch và bi kịch vẫn được dùng đến ngày nay. Những câu chuyện trong *Nghìn lẻ một đêm* của thế giới Ả Rập có nhiều nguồn gốc khác nhau, nhưng điểm nổi bật của công trình văn xuôi hu cấu này nằm ở chỗ nó đã sử dụng các kỹ thuật về sau trở thành cơ sở cho tiểu thuyết hiện đại, như truyện khung (một hình thức truyện trong truyện), phức bút (tiên báo nội dung), hay việc đưa vào những chủ đề tái lập xuyên suốt.

Dù nhiều tác phẩm thế tục như anh hùng ca Anglo-Saxon *Beowulf* và các truyện phiêu lưu hiệp sĩ vẫn xuất hiện rải rác thời Trung cổ, nhìn chung những văn bản tôn giáo tiếng Latin và Hy Lạp vẫn là thủ thống trị văn hóa phương Tây giai đoạn này. Đến thời Phục hưng, những thành tựu đột phá trong triết học và khoa học đã mở đường cho sự đổi mới văn chương. Sức mạnh thúc đẩy đằng sau các thành tựu thời Phục hưng chính là sự xuất hiện của nhiều bản dịch mới cho các trước tác Hy Lạp và La Mã, giúp học giới thoát khỏi ảnh hưởng của tín điều Giáo hội. Mô hình giáo dục theo chủ nghĩa nhân văn, vốn kết hợp dạy triết học, ngữ

pháp, lịch sử và ngôn ngữ, được xây dựng trên cơ sở tri thức của thế giới cổ đại. Kinh Thánh được dịch sang nhiều ngôn ngữ bản địa, giúp giáo đồ Kitô trực tiếp hiệp thông cùng Thiên Chúa. Máy in Gutenberg ra đời, đem sách đến với đông đảo bình dân, và đề tài đời sống thường nhật đã đi vào văn học nhờ những tác giả như Geoffrey Chaucer và Giovanni Boccaccio. Đến đầu thế kỷ 17, Miguel de Cervantes sáng tác *Don Quixote*, tác phẩm được nhiều học giả xem là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên, và tuyển tập kịch của Shakespeare (thường gọi First Folio) cũng đã được xuất bản.

Sự nổi lên của tiểu thuyết

Kịch và thơ tiếp tục có những bước tiến cùng lúc vai trò của tiểu thuyết dần phát triển một cách chắc chắn, và đến cuối thế kỷ 18, tiểu thuyết

đã trở thành hình thức biểu hiện chính yếu trong văn chương.

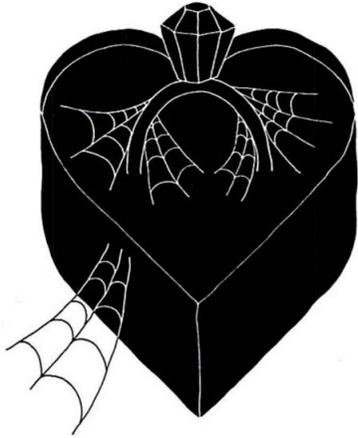
Giống như các họa sĩ thường được xét đến theo khía cạnh trào lưu như Baroque hay Rococo, thì tương tự vậy, lịch sử văn chương cũng được định hình bởi những nhóm tác giả có phong cách, kỹ thuật viết hoặc hoàn cảnh địa lý giống nhau. Trào lưu Lãng mạn, với nét tiêu biểu là những câu chuyện diễn tiến dựa trên cảm xúc của nhân vật anh hùng có tính cách đặc trưng thay vì yếu tố cốt truyện hay hành động, có nguồn gốc từ trào lưu Sturm und Drang ("Bão táp và xung kích") ở Đức. Trong khi đó, ở Anh, các nhà thơ Lãng mạn dùng thi ca để minh chứng cho sức mạnh chưa lành của thiên nhiên đối với tâm hồn con người, một chủ đề cũng được các cây bút theo thuyết Siêu việt New England tiếp nhận. Thuật ngữ "thể loại" cũng dần được dùng để gọi tên các bộ phận của văn học hu cấu – ví dụ như thể loại tiểu thuyết Gothic. Đến thế kỷ 19, chủ nghĩa Lãng mạn bị thay thế bởi một loại hình chủ nghĩa hiện thực xã hội mới mẻ, với sân khấu là những căn phòng khách của giới trung lưu và thượng lưu nước Anh trong truyện Jane Austen, những thị trấn Pháp tinh tế trong truyện Gustave Flaubert, nhưng rồi dần được dùng để khắc họa đời sống cơ cực của người nghèo. Fyodor Dostoyevsky gọi cuốn tiểu thuyết *Tội ác và hình phạt* của ông là một



Từ này nối tiếp từ kia nối tiếp từ khác, đó là sức mạnh.

Margaret Atwood





kiểu “hiện thực kỳ ảo”, và những độc thoại nội tâm đen tối của nhân vật Raskolnikov đã mang các yếu tố của loại truyện tâm lý kỳ. Theo thời gian, văn học hu cấu đã phân hóa thành nhiều thể loại, dù các dòng nhánh, bao hàm mọi thứ được viết ra ngày nay, từ tiểu thuyết phân địa đàng cho đến tự truyện hu cấu và văn học Holocaust.

Cùng với sự lớn mạnh của tiểu thuyết, kho từ vựng văn học cũng được mở rộng để miêu tả các loại văn phong: “tiểu thuyết thu từ” được viết dưới dạng các lá thư; “Bildungsroman” và “picaresque” chỉ những câu chuyện về sự thành nhân. Ngôn ngữ văn chương cũng phát triển, và loại tiểu thuyết sử dụng tiếng địa phương đã mở rộng vốn ngôn ngữ của từng quốc gia, như cách Harriet Beecher Stowe và Mark Twain đã nắm bắt được sự đa dạng của nhân dân Hoa Kỳ.

Đầu thế kỷ 20, sự phát triển của khoa học, công nghệ và sản xuất công nghiệp cùng những trào lưu nghệ thuật mới đã cách mạng hóa xã hội phương Tây. Suốt hai thập kỷ, Thế chiến I làm dang dở cả một thế hệ thanh niên. Sau đó, một cơn bão thể nghiệm văn học hân hân xuất hiện, khi những cây bút Hiện đại chủ nghĩa tìm tòi những bút pháp sáng tạo như kỹ thuật dòng ý thức hay tự sự phân mảnh để thể hiện cảm thức đau đớn và xa lạ trước một thế giới đang từng ngày đổi thay. Được một thời gian tươi

sáng ngắn ngủi cho văn học, thế giới lại rơi vào hỗn loạn vì Thế chiến II, và phong trào văn chương cũng trì trệ lại do nhiều cây bút bị cuốn vào vòng chiến cuộc, viết những ấn phẩm tuyên truyền hoặc làm phóng sự ở tiền tuyến thay vì dành thời gian sáng tác thi ca.

Bùng nổ toàn cầu

Sau hai cuộc thế chiến thảm khốc, thế giới đã sẵn sàng thay đổi, và văn học chiếm vị trí trung tâm trong trào lưu phân văn hóa ở phương Tây thập niên 1950–60. Các nhà văn, nhà lý thuyết Hậu Hiện đại chú trọng vào những mẹo viết, đòi hỏi người đọc dụng công nhiều hơn so với khi đọc lối tự sự hiện thực đơn thuần. Giờ đây tiểu thuyết đã mang tính phân mảnh, hoặc có thời gian truyện phi tuyến tính, những người dẫn chuyện “không đáng tin”, những tình tiết kiểu hiện thực huyền ảo và những kết thúc mở. Giai đoạn này, văn học phương Tây – cụ thể là văn học Anh ngữ – giảm dần ảnh hưởng lên văn hóa thế giới. Nền văn học hậu thực dân trỗi dậy ở các nước như Nigeria, Nam Phi và Ấn Độ, và các tác giả như Gabriel García Márquez đã nâng cao vị thế của một nhóm nhà văn Mỹ Latin có sức sáng tạo phi thường.

Văn học hiện đại ngày nay là bản hòa âm của những tiếng nói trước kia ít được lắng nghe từ những nhà nữ quyền, nhà vận

động dân quyền, người đồng tính, người Mỹ bản địa và gốc Phi và người nhập cư. Ranh giới “kinh điển” và “đại chúng” bị xóa nhòa, các tài năng được nhìn nhận một cách công bằng. Việc xuất bản toàn cầu, xuất bản độc lập hoặc bằng Internet, những khóa học văn quốc tế, các giải thưởng sách quốc gia và quốc tế, cùng số lượng ấn phẩm dịch ngày càng tăng lên, đã đem tiểu thuyết của Australia, Canada, Nam Phi, Ấn Độ, Caribbean, Trung Quốc hiện đại và nhiều nước khác đến với độc giả toàn cầu. Thư viện văn học khổng lồ này đã trở thành biểu tượng tôn vinh sự khác biệt, đồng thời nhắc ta nhớ về những liên hệ chung kết nối mọi quốc gia trên toàn thế giới. ■



Đọc là phương tiện duy nhất giúp chúng ta trượt một cách không chú ý, thường là vô vọng, vào lớp da, giọng nói và tâm hồn kẻ khác.

Joyce Carol Oates



ANH HÙNG VÀ TRUYỀN THUYẾT

3000 TCN-1300



Những văn bản xưa nhất được biết đến, bằng tiếng Sumer, được viết ra trên phiến đất sét ở Abu Salabikh, nam Luông Hà.



KH.2600 TCN

Chu Văn Vương viết bình chú cho **một phương pháp chiêm bói cổ xưa**, về sau được mở rộng thành *Kinh Dịch*.



THẾ KỶ 12-11 TCN

Các **anh hùng ca Hy Lạp cổ đại** *Iliad* và *Odyssey* được viết ra, tương truyền tác giả là Homer.



KH.THẾ KỶ 8 TCN

Thành bang Athens của Hy Lạp áp dụng **hiến pháp dân chủ**, mở ra thời kỳ cổ điển.



508 TCN

TỪ 2100 TCN



Sử thi Gilgamesh là một trong những **tác phẩm văn viết cổ nhất thế giới**.

THẾ KỶ 9-4 TCN



Các sử thi tiếng Phạn vĩ đại *Mahabharata* và *Ramayana* được viết ra ở Ấn Độ cổ đại.

551-479 TCN



Triết gia Trung Hoa Khổng Tử truyền bá Nho giáo và **soạn ra Ngũ kinh**.

THẾ KỶ 5 TCN



Các nhà soạn bi kịch **Aeschylus, Euripides và Sophocles** tranh nhau danh hiệu kịch tác gia vĩ đại nhất Athens.

Các hệ thống chữ viết ban đầu được dùng để ghi lại giao dịch thương mại và quản lý hành chính. Dần dà, các hệ thống này phát triển, giúp lưu lại trí tuệ người xưa, sự kiện lịch sử và nghi lễ tôn giáo, trước đó vốn được người đời ghi nhớ và truyền miệng cho thế hệ sau. Trong những nền văn minh thời kỳ đầu ở Luông Hà, Trung Hoa, Ấn Độ và Hy Lạp, các kinh điển văn học đầu tiên được viết ra đều là về lịch sử và thần thoại.

Loại hình văn học có sớm nhất này là dạng truyện thơ dài, gọi là sử thi hoặc anh hùng ca, thường xoay quanh những truyền thuyết về các chiến binh và nhà lãnh đạo vĩ đại chiến đấu để bảo vệ dân tộc mình khỏi kẻ thù và các thế lực xấu xa. Sự kết hợp giữa sự kiện lịch sử và chuyện phiêu lưu mang tính thần thoại, được kể qua văn điệu của thơ, đã soi sáng di sản

văn hóa của các dân tộc theo một cách thức lời cuốn và dễ nhớ.

Chuyện kể về thần và người

Những thiên anh hùng ca đầu tiên, như các phiên bản khác nhau của *Sử thi Gilgamesh* hay các sử thi tiếng Phạn vĩ đại *Mahabharata* và *Ramayana*, thường kể về nguồn gốc một nền văn minh, hay một thời điểm bước ngoặt nào đó trong buổi sơ sử của nó. Đằng sau những kỳ công của một cá nhân anh hùng hay một gia tộc cai trị nào đó, các anh hùng ca này cũng lý giải sự can thiệp của thánh thần, làm nổi rõ sự tương phản giữa quyền uy của các vị thần với cái mong manh phàm thế của nhân vật anh hùng. Đây cũng là chủ đề xuất hiện trong các anh hùng ca được cho là của Homer về sau. Các anh hùng Achilles và Odysseus của ông được khắc họa không chỉ như

những chiến binh cao quý trong cuộc chiến thành Troy đã kiến lập quyền lực hùng mạnh cho Hy Lạp cổ đại, mà còn là những nhân vật con người đối diện với số phận và điểm yếu của bản thân. Về sau, khi ảnh hưởng của Hy Lạp lụi tàn, các thi sĩ La Mã đã phát triển một hình thức anh hùng ca Latin riêng, thậm chí vay mượn yếu tố từ câu chuyện cuộc chiến thành Troy, như Virgil đã làm trong *Aeneid* để viết nên thiên sử về sự sáng lập thành Rome. Quy mô và chiều sâu trong anh hùng ca Homer cùng cấu trúc thi ca của chúng đã tạo nên cơ sở xây dựng nên nền văn học phương Tây.

Kịch Hy Lạp

Một thành quả khác của nghệ thuật kể chuyện thời Hy Lạp cổ đại là kịch, từ việc đơn thuần thuật lại câu chuyện phát triển lên đến chỗ diễn lại hành động của

Virgil viết ra kiệt tác *Aeneid*, có lẽ là anh hùng ca Latin nổi tiếng nhất.



29-19 TCN

Thơ Trung Hoa đạt đến đỉnh cao vào thời nhà Đường, với tác phẩm của các nhà thơ như Lý Bạch và Đỗ Phủ.



618-907

Các cư dân gốc Bắc Âu định cư ở đảo Iceland lập ra một hội đồng chung gọi là *Althing* cho cộng đồng mới của họ.



930

Vào "Thời đại Hoàng kim" của văn hóa Hồi giáo, thơ ca Ả Rập cổ điển nở rộ, và *Nghìn lẻ một đêm* lần đầu được tập hợp lại.



KH. THẾ KỶ 8-13

Trong *Lancelot*, hiệp sĩ trên xe kéo, Chrétien de Troyes đưa ra ý tưởng về truyện phiêu lưu hiệp sĩ với bối cảnh dựa trên những truyền thuyết thời Vua Arthur.



KH. 1175-81

THẾ KỶ 5



Thi sĩ Kalidasa sáng tác các sử thi tiếng Phạn *Raghuvamsha* và *Kumarasambhava*, cùng với vở kịch *Abhijnanashakuntala*.

868



Cuốn sách in xua nhất được biết đến – *Kinh Kim Cương* của Phật giáo – được làm ra ở Trung Hoa bằng kỹ thuật in mộc bản.

THẾ KỶ 8-11



Anh hùng ca Anglo-Saxon *Beowulf* được soạn ra, là anh hùng ca bằng tiếng Anh Cổ xưa nhất còn sót lại.

THẾ KỶ 11



Truyện kể Genji của Murasaki Shikibu và *Sách gối đầu* của Sei Shōnagon lấy đời sống cung đình Heian Nhật Bản làm bối cảnh.

nhân vật, qua đó thổi hồn cho câu chuyện. Dần dà hình thức kể chuyện bằng kịch nghệ này trở nên phức tạp tinh vi hơn, và đến khi Athens trở thành một thành bang theo chế độ dân chủ, sân khấu kịch đã là một bộ phận thiết yếu trong nền văn hóa của nó, với những kịch tác gia như Aeschylus, Euripides và Sophocles viết ra những vở bi kịch và hài kịch thu hút hàng nghìn khán giả.

Từ Âu đến Á

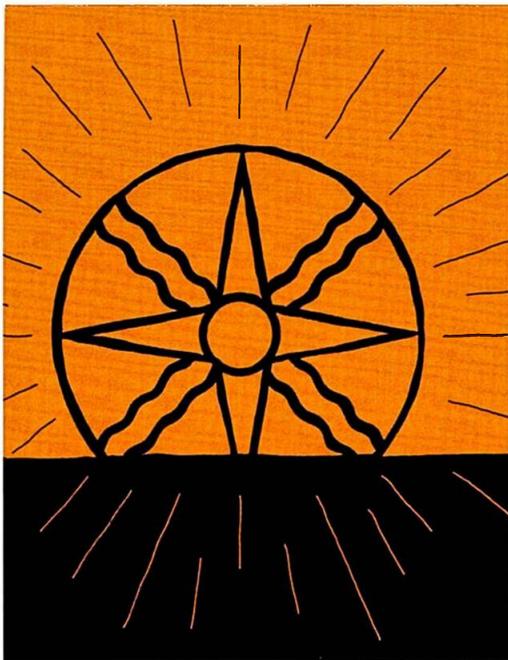
Ở phía bắc châu Âu, chuyện truyền khẩu chiếm ưu thế, và mãi đến khoảng thế kỷ 8 người ta mới bắt đầu ghi chép lại những câu chuyện trong các nền văn hóa này. Anh hùng ca Anglo-Saxon hoàn chỉnh cổ nhất được biết đến, *Beowulf*, mang các yếu tố lịch sử và thần thoại mà dân Anh được kế thừa từ tổ tiên Scandinavia của họ. Truyện dân gian Iceland về sau

cũng được dựa trên truyền thuyết Bắc Âu. Trong khi đó, ở châu Âu lục địa, giới quý tộc ưa chuộng sáng tác của các thi sĩ chuyên nghiệp. Một số nhà thơ lấy đề tài từ thần thoại Hy-La cổ đại, còn những nghệ sĩ du ca ở miền nam nước Pháp thích khai thác chuyện về Charlemagne và quân đội của ngài trong cuộc chiến chống người Moor và Saracen theo Hồi giáo. Các *trouvères* ở vùng phía bắc Pháp thì ngược lại, thường kể những chuyện trữ tình lãng mạn về giới hiệp sĩ và những mối tình cung đình vào triều đại của vị vua huyền thoại Arthur của nước Anh.

Xa về phía đông, vào "Thời đại Hoàng kim" của văn minh Hồi giáo cuối thời Trung cổ, khi giới học giả được trọng vọng, những chuyện kể văn xuôi như trong *Nghìn lẻ một đêm* được coi trọng nhờ giá trị giải trí của chúng, dù người ta vẫn xem thơ là loại hình

văn chương cao nhất. Tương tự, ở Trung Hoa cổ đại, truyền thuyết về các vị anh hùng được xem như chuyện dân gian hơn là văn học; những áng văn viết đầu tiên trở thành kinh điển đối với người Trung Hoa đều viết về lịch sử, phong tục và triết lý của nền văn hóa. Tuy nhiên, ngoài số trước tác ghi chép theo sự thật này, còn có Kinh Thi, tuyển tập thơ ca khuyết danh đã trở thành hình mẫu để nền thơ Trung Hoa phát triển suốt nhiều thế kỷ, đạt đến đỉnh cao vào thời nhà Đường.

Vào thế kỷ 11, Nhật Bản, nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi văn minh Trung Hoa, đã phát triển một nền văn học riêng biệt bằng tiếng Nhật, với những tác phẩm văn chương hư cấu kể về đời sống chốn cung đình Heian từ thời xa xưa cho đến các triều đại đang trị vì, báo trước sự trỗi dậy của tiểu thuyết ở châu Âu sau này. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Thời đại Đồ đồng

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỷ 30 TCN Các hệ thống chữ viết lần đầu xuất hiện ở Lưỡng Hà và Ai Cập.

Kh.2600 TCN Những văn bản cổ nhất được biết đến (chưa mang tính văn học) được viết ra bằng tiếng Sumer trên các phiến đất sét, tại Abu Salabikh, Lưỡng Hà.

Kh.2285–2250 TCN Công chúa, nữ tu người Akkad là Enheduanna, tác giả xưa nhất lưu danh đến nay, sống và sáng tác ở thành Ur thuộc văn minh Sumer.

SAU ĐÓ

Kh.1700–1100 TCN Rig Veda, tác phẩm đầu trong bốn kinh Vệ Đà của Hindu giáo, ra đời ở tây bắc Ấn Độ.

Kh.1550 TCN *Tù thư Ai Cập* là văn bản tang chế đầu tiên của Ai Cập được viết trên giấy papyrus thay vì viết lên tường hầm mộ hoặc quan tài.

CHỈ CÁC VỊ THẦN SỐNG MÃI TRONG ÁNH DƯƠNG

SỬ THI GILGAMESH (TỪ 2100 TCN)

Chữ viết xuất hiện trước tiên ở vùng Lưỡng Hà vào buổi bình minh của Thời đại Đồ đồng (kh.3300–1200 TCN). Các ký tự hình nêm, thoát đầu được dùng để ghi lại các giao dịch mua bán, đã phát triển từ các chữ số sang từ tượng thanh, cho phép ghi lại ngôn ngữ Sumer và Akkad.

Trong số mảnh văn bản mà nhà khảo cổ chuyên về Assyria là Hormuzd Rassam tìm thấy năm 1853 có những phiến đất sét chép lại chuyện về Vua Gilgamesh huyền thoại xứ Uruk – thuộc loại những áng văn viết xưa nhất. Các câu chuyện trong đó có thể đã được truyền miệng qua nhiều thế hệ dưới hình thức lịch sử kết hợp với thần thoại.

Từ bạo chúa đến anh hùng

Sử thi Gilgamesh, tên gọi của những câu chuyện này, kể lại việc nhà cai trị áp bức của thành Uruk vùng Lưỡng Hà đã được một bài học nhu thế nào, để rồi trở thành anh hùng của người dân. Nhằm trừng phạt sự kiêu ngạo của Gilgamesh, các vị thần đã gửi xuống Enkidu, một “người hoang dã” được nặn từ đất sét,

hòng cho Gilgamesh ném mùi đau khổ. Tuy nhiên, sau trận đấu, họ đã trở thành bạn, rồi cùng nhau thực hiện một loạt cuộc phiêu lưu giết quái vật. Nổi giận trước bước ngoặt sự kiện này, các thần đã buộc Enkidu phải chết. Mất đi người bạn đồng hành khiến Gilgamesh đau đớn, đồng thời cũng giúp chàng ý thức được kiếp sống hữu hạn của mình. Nửa sau câu chuyện kể về hành trình Gilgamesh đi tìm bí mật của cuộc sống bất tử trước khi trở về Uruk – chàng vẫn là phạm nhân khả tử, nhưng đã thông thái hơn và trở thành một nhà cai trị cao quý hơn. ■

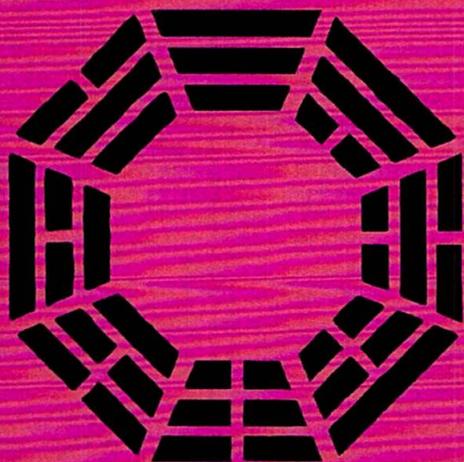
“

Cuộc sống mà người tìm kiếm, người sẽ chẳng bao giờ tìm thấy.

Sử thi Gilgamesh

”

Xem thêm: *Mahabharata* 22–25 ▪ *Iliad* 26–33 ▪ *Beowulf* 42–43 ▪ *Saga về Njal* 52–53



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Ngũ kinh

TRƯỚC ĐÓ

Kh.thế kỷ 29 TCN Phục Hy, vị vua đầu tiên của Trung Hoa theo huyền thoại, đã lập ra một phương pháp bói dựa trên các que tổ hợp từ ba "hào", cũng là nền tảng của thu pháp Trung Hoa sau này.

SAU ĐÓ

Kh.500 TCN *Kinh Lễ*, sách về nghi lễ của Trung Hoa cổ, được soạn ra, tương truyền là nhờ công Khổng Tử.

Thế kỷ 2 TCN Hệ thống kinh điển Nho giáo bắt đầu với Ngũ kinh.

136 TCN Hán Vũ Đế tôn *Chu Dịch* là kinh điển quan trọng nhất, đặt cho nó cái tên *Kinh Dịch*.

960–1279 Thời nhà Tống, học giả Chu Hy san định *Tứ thu* – bốn tác phẩm có từ trước năm 300 TCN – vào hệ thống kinh điển Nho giáo cùng với Ngũ kinh.

TU DƯỠNG THEO PHẨM ĐỨC XƯA GIÚP CON NGƯỜI BỀN CHÍ

KINH DỊCH (THẾ KỶ 12–11 TCN), ĐƯỢC CHO LÀ CỦA CHU VĂN VƯƠNG

Ý nghĩa của *Kinh Dịch* nằm ở giá trị chiêm bói của nó, gần giống như một kiểu sách tiên tri. Thoạt kỳ thủy, nó được phát triển lên từ phép bói được cho là của vị vua huyền thoại Phục Hy, rồi được chuẩn tác hóa thành *Chu Dịch* dưới thời Chu Văn Vương (1152–1056 TCN). Thủ tục "Hậu thiên bát quái" của Văn Vương mô tả 64 que trùng quái, có lẽ là tổ hợp các số thu được khi gieo que bằng có thi hoặc đồng xu, mỗi que gắn liền với một ý nghĩa riêng được Văn Vương viết lời bình giải. Các học giả đời sau bổ sung những bình chú trong "Thập Dục" (*Dịch Truyện*), cùng với *Chu Dịch* tạo thành *Kinh Dịch* (*I Ching* theo cách gọi của phương Tây).

Tác phẩm này thường được liệt vào Ngũ kinh cùng với *Kinh Thi*, *Kinh Thu*, *Kinh Xuân Thu*, *Kinh Lễ* (*Kinh Nhạc* đã thất truyền). Ngũ kinh được cho là do Khổng Tử (551–479 TCN) – Confucius theo cách gọi của phương Tây – san định. Triết học đạo đức và chính trị của Khổng Tử đã trở thành tu tưởng

hệ chính thức của Trung Hoa kể từ thế kỷ 3 TCN.

Lâu về sau, vào khoảng thế kỷ 12, bốn trước tác ngắn hơn – hoặc được gán là của Khổng Tử, hoặc được cho là lấy cảm hứng từ ông – đã được tập hợp lại thành *Tứ thu* của Nho giáo.

Suối nguồn trí tuệ

Ngũ kinh và *Tứ thu* là những kinh điển chính của Nho giáo, tu tưởng hệ của nhà nước Trung Hoa. Tính siêu hình của *Kinh Dịch* có vẻ không tương hợp với sự duy lý của Nho giáo, tuy nhiên người ta vẫn xem nó là một suối nguồn trí tuệ lớn lao. Nó bổ khuyết cho Nho giáo ở nhiều khía cạnh như triết học, lịch sử, phép tác và thi ca, một cuốn sách được nghiên cứu không chỉ vì giá trị bói toán mà còn vì nó đưa ra được những lời khuyên về đạo sống, nói rõ những điều bậc "quân tử" nên làm trong những tình huống khác nhau, và cho đến ngày nay, cuốn sách được nhiều người cả trong lẫn ngoài Trung Hoa đọc đến để kiếm tìm sự thông thái. ■

Xem thêm: *Toàn Đường thi* 46 ▪ *Tam quốc diễn nghĩa* 66–67 ▪ *Lối lên miền Oku* 92

TA SẮP GÂY TỘI GÌ ĐÂY, HỎI KRISHNA?

**MAHABHARATA (THẾ KỶ 9-4 TCN),
ĐƯỢC CHO LÀ CỦA VYASA**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Đại sử thi tiếng Phạn

TRƯỚC ĐÓ

Thiên niên kỷ 3 TCN Vyasa viết ra *Mahabharata* nguyên gốc; ông cũng là một nhân vật trong đó.

Kh.1700-500 TCN Kinh Vệ Đà (Rig Veda, Yajur Veda, Sama Veda và Atharva Veda) bằng tiếng Phạn được soạn ra, cùng nhau hợp thành những kinh điển Hindu giáo đầu tiên.

SAU ĐÓ

Kh.thế kỷ 5-4 TCN Tuong truyền Valmiki đã viết ra *Ramayana* theo hình thức các *shloka* (câu thơ đôi), trở thành chuẩn mực của thơ tiếng Phạn.

Kh.250 TCN-1000 Kinh Purana của Hindu giáo hình thành. Chúng bao gồm phá hệ của các vị thần và các chuyện sáng thế.

Thiên sử thi này của tiểu lục địa Ấn Độ nằm trong số những áng văn chương cổ nhất được biết đến, thuộc về một truyền thống văn học truyền khẩu lâu đời. Như những áng văn cổ khác, các câu chuyện trong tác phẩm là sự kết hợp của nhiều yếu tố như thần thoại, truyền thuyết và sự kiện có thật trong lịch sử, được phát triển qua nhiều thế kỷ và sau cùng được viết ra.

Ngoài sử thi này, trước tác Ấn Độ cổ đại còn có kinh Vệ Đà, là những văn bản thiêng liêng, hồng tâm tu tưởng của Hindu giáo, được chép lại vào khoảng giữa thiên niên kỷ 2 TCN. Cả kinh Vệ Đà và thiên sử thi đều được viết bằng tiếng Phạn, ngôn ngữ viết phổ biến ở Ấn Độ cổ đại, là cội nguồn

Xem thêm: *Sử thi Gilgamesh* 20 ▪ *Iliad* 26–33 ▪ *Nghìn lẻ một đêm* 44–45 ▪ *Ramayana* 55 ▪ *Chuyện kể Canterbury* 68–71 ▪ *Những đứa con của nửa đêm* 300–05 ▪ *Chàng trai thích hợp* 314–17

“

Các thi nhân đã, đang và sẽ còn kể lại câu chuyện về lịch sử trần gian này.

Mahabharata

”

của nhiều ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Ấn-Âu.

Cho đến thế kỷ 1, giữ vai chủ đạo trong nền văn học tiếng Phạn vẫn là kinh Vệ Đà và hai đại sử thi: *Mahabharata* và *Ramayana*. Dù *Ramayana* có những yếu tố lịch sử, thần thoại và chuyện dân gian, dường như nó là công trình của một cá nhân: tuong truyền đó là hiền giả, thi sĩ Valmiki. Trái lại, *Mahabharata*, dài hơn và nổi tiếng hơn cả *Ramayana*, có một nguồn gốc phức tạp hơn, cho thấy tác phẩm đã được phát triển trong một thời kỳ rất lâu.

Món quà của Vishnu

Mahabharata có lẽ lần đầu tạc hình vào thế kỷ 9 TCN, và chỉ đến thế kỷ 4 TCN nó mới mang đầy đủ hình hài như ta biết đến ngày nay. Đây là một tác phẩm rất dài, với hơn 100.000 *shloka* (câu thơ đôi), chia làm 18 *parva* (quyển). Bên cạnh câu chuyện về mối xung đột giữa hai chi tộc anh em, sử thi này còn kể về lịch sử của cả gia tộc Kuru và của Ấn Độ nói chung cũng như Hindu giáo, thú tôn giáo trọng yếu của nó. Ngay từ đầu, người kể chuyện ở quyển đầu tiên, *Adi Parva* ("Sách Khởi Nguyên"), đã nói: "Thứ gì có ở đây cũng sẽ có ở đâu đó khác.

Thứ gì không có ở đây sẽ không có ở bất kỳ đâu."

Tuong truyền tác giả của *Mahabharata* là thi sĩ, hiền giả Vyasa; điều này được nêu rõ trong phần đầu tác phẩm. Theo truyền thuyết, Vyasa sống vào thiên niên kỷ thứ 3 TCN, là một hóa thân của vị thần Hindu giáo Vishnu. Phần lớn nội dung sử thi được kể qua lời Vaishampayana, môn đồ của Vyasa; ngoài ra còn có hai giọng kể khác: du tử-hiền giả Ugrasrava Sauti và viên cận thần Sanjay.

Theo Vaishampayana, Vyasa đã đọc toàn bộ câu chuyện cho vị thần đầu voi Ganesha chép lại chỉ trong một lần tọa thuyết. Nhiều năm sau đó, chuyện kể của Vaishampayana cuối cùng đã trở thành *Mahabharata* qua phiên bản kể lại của Sauti trong một cuộc tế hội của các hiền giả Hindu giáo, như *Adi Parva* thuật lại. Sự phức tạp trong ngôi dẫn chuyện này cho thấy rằng có thể đã có nhiều phiên bản khác nhau

của câu chuyện tồn tại trong lịch sử cho đến khi nó mang hình hài như ngày nay ta biết.

Xuyên suốt *Mahabharata*, cái cách lịch sử, thần thoại và tôn giáo hòa quyện vào nhau cũng là một nét điển hình. Dù cốt truyện trung tâm xoay quanh sự chia rẽ của gia tộc Bharata cai trị miền bắc xứ Ấn Độ, mà cao trào là cuộc chiến tại Kurukshetra và kết quả của nó, câu chuyện cũng mang một chiều kích thần thoại với nhân vật Krishna, một hóa thân khác của Vishnu. Ngoài ra còn có nhiều tuyến truyện phụ khác cùng một số trường đoạn đào sâu vào triết học và tôn giáo, một trong số đó là *Bhagavad Gita* (Chỉ Tôn ca) đã trở thành một tác phẩm riêng với tầm quan trọng lớn.

Hiền giả Vyasa đã sáng tác sử thi *Mahabharata*, tức "Đại truyện về dòng dõi Bharata", tên một gia tộc cai trị ở miền bắc Ấn Độ. Vị thần đầu voi Ganesha đã chép lại câu chuyện.



Thiên sử thi đề cập đến các chủ đề nhu ràng buộc và xung đột gia đình, nghĩa vụ và lòng dũng cảm, định mệnh và lựa chọn, trình bày chúng qua một loạt phúng dụ và ngụ ngôn để lý giải những khía cạnh của "chính pháp", một khái niệm phức tạp có thể tạm hiểu là "hành động đúng".

Sự chia rẽ gia tộc

Sau phần đầu giải thích bối cảnh, *Mahabharata* từng bước kể lại việc vương triều Kuru dần bị chia rẽ thành hai phe đối địch, nhà Kaurava và nhà Pandava. Đây lần lượt là những hậu nhân của hai vị hoàng tử là Dhritarashtra mù và em trai Pandu. Mầm mống thù địch được gieo khi Dhritarashtra

bị tước quyền thừa kế ngai vàng vì khuyết tật của mình. Pandu lên ngôi vua, nhưng sau lại vương phải một lời nguyện khiến ông không thể làm cha. Với sự giúp đỡ của các vị thần, những người vợ của ông đã mang thai, giúp huyết thống của nhà Pandava được duy trì. Tuy nhiên, 100 người con trai của Dhritarashtra cho rằng vương quốc thuộc về họ, và sau khi trưởng nam nhà Pandava là Yudhishtira đăng cơ, họ đã lừa chàng trong một canh bạc xúc xắc khiến chàng đánh mất tất cả. Nhà Pandava sau đó buộc phải lưu vong trong tù ngục.

Nhiều năm sau, năm anh em Pandava quay về đòi lại vương vị, từ đó mà nổ ra chiến cuộc tại

Mong mỏi của Arjuna muốn được hành động đúng với *dharma* khiến chàng chần chừ hành động, nhưng Krishna, người điều khiển chiến xa cho chàng, đã chỉ rõ cho chàng thấy con đường của chính pháp.

Arjuna

Chiến tranh là sai trái.

Giết hại gia đình và bằng hữu không phải là điều tôi có thể làm.

Bao lực đi ngược lại nguyên tắc đạo đức của tôi.

Đây là những việc làm tội lỗi.

Krishna

Ngươi có nghĩa vụ chiến đấu vì chính nghĩa.

Ngươi có nghĩa vụ bảo vệ người của mình và quyền lợi của họ.

Ngươi phải gạt sang một bên những cảm xúc và dính mắc.

Chối bỏ nghĩa vụ của mình còn tội lỗi hơn thế.



Con người không phải chủ nhân của số mệnh, mà chỉ là con rối gỗ treo đầu sợi dây.

Mahabharata



Kurukshetra. Arjuna, con thứ ba của Pandu, bước vào trận đánh chống lại những người anh họ với người bạn đồng hành thân cận Krishna đánh xe cho chàng, nhưng chỉ miễn cưỡng tham chiến sau khi Krishna thuyết phục rằng chàng có nghĩa vụ phải chiến đấu vì lẽ phải. Cuộc chiến trở thành một trận tằm máu, hầu hết phe Kaurava đều bị giết; số ít ỏi sống sót trả thù quân Pandava bằng cách ám sát họ trong giấc ngủ. Chỉ năm anh em Pandava thoát được cuộc tàn sát, và sau cùng họ đã tận diệt nhà Kaurava.

Yudhishtira lại lên làm vua, nhưng đây là một chiến thắng vô nghĩa; từ đó thiên sử thi bắt đầu đi vào khúc vi thanh bi thảm sau cuộc chiến. Krishna, hóa thân của Vishnu, bị giết chết trong một tai nạn, và anh em Pandava bắt đầu dẫn bước vào một hành trình dài hiểm nguy để lên đến thiên giới. Đến tận cuối cùng họ mới được đoàn tụ với nhau, rồi cùng hòa giải với những người anh họ Kaurava nơi thế giới linh hồn.

Những lưỡng nan đạo lý

Chính pháp (*dharma*) là chủ đề xuyên suốt *Mahabharata*, cả ở khía cạnh áp dụng khái niệm này như thế nào cho mọi cảnh huống của chúng ta, lẫn việc phải khó khăn ra làm sao mới đi được con đường ấy do trở lực số mệnh và những điểm yếu cố hữu của con



Dhritarashtra mù lòa xuất hiện cùng vợ là Gandhari, người đã chịu bịt mắt để chia sẻ thế giới tăm tối với chồng. Khuyết tật của ông là nghiệp do những việc làm xấu ó kiếp trước.

người. Như Kripa – một người phe Kaurava – nói ở quyển thứ mười *Sauptika Parva* ("Sách về giấc ngủ"): "Có hai lực lượng: số mệnh và nỗ lực của con người – mọi phạm nhân đều phụ thuộc và bị trói buộc bởi chúng, không còn gì khác." Đúng và sai hiếm khi rõ ràng, và chính bằng cách hòa giải những lợi ích mâu thuẫn nhau nhu tình yêu và nghĩa vụ, ta mới thoát được vòng sinh tử luân hồi.

Mỗi hồi trong *Mahabharata* đều cho ta thấy sự tương phản giữa những điểm mạnh và yếu của con người, và sự đối đầu đúng-sai (mà đỉnh điểm là cuộc chiến thảm khốc giữa các anh em Kaurava và Pandava) được thể hiện với đầy đủ tinh phức tạp, tế vi và kết cục tàn khốc nó mang lại. Trong hầu hết sử thi, các nhân vật phải giải quyết những lương nan đạo lý của kiếp nhân quả, nhưng đến những phần cuối, đặc biệt là sau cái chết của Krishna, ta thấy họ phải đối mặt với định

mệnh tinh thần của bản thân. Sau nhiều bi kịch và xung đột, câu chuyện cũng kết thúc, các nhân vật chính đạt được lạc phúc vĩnh hằng, nhưng cái kết đó cũng nhắc nhở ta rằng nỗi khổ nhân sinh kia vẫn luôn còn đây trên trần gian.

Viên ngọc văn hóa

Cốt truyện và đề tài rộng lớn của *Mahabharata*, xây dựng trên những chuyện kể lịch sử và thần thoại được ưa chuộng đồng thời lồng vào đó thông điệp đạo lý và tôn giáo, đã giúp nó nổi tiếng đến tận ngày nay. Với thành tựu mà nó đã vun đến, phải vài thế kỷ sau đó mới xuất hiện *Ramayana* có thể tranh với nó ngôi vị sử thi tiếng Phạn vĩ đại nhất. Dù không thể sánh với *Mahabharata* về quy mô và độ lôi cuốn, *Ramayana* lại có sự đồng đều nhất quán và giàu chất thi ca hơn, và hai kiệt tác này đã cùng nhau mở ra truyền thống sử thi tiếng Phạn nở rộ trong giai đoạn từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7. Được xem như những suối nguồn của trí tuệ Hindu giáo cũng như lịch sử và thần thoại Ấn Độ, các sử thi này chiếm giữ những giá trị văn hóa trong xã hội Ấn Độ có thể sánh với *Iliad* và *Odyssey* của Homer với thế giới phương Tây. ■

Bhagavad Gita

Tâm điểm của *Mahabharata* là cuộc chiến tại Kurukshetra, bắt đầu ở quyển sáu, trong đó có phần ngày nay gọi là *Bhagavad Gita* (Chỉ Tôn ca). Trước khi giao chiến, Arjuna, hoàng tử nhà Pandava, nhận ra những người họ hàng bên kia chiến tuyến và quyết định hạ cung xuống. Nhưng các anh em chàng và người đồng hành Krishna nhắc chàng nhớ rằng chàng có nghĩa vụ chiến đấu vì chính nghĩa. Cuộc đối thoại triết học giữa họ được miêu tả qua 700 câu thơ trong *Bhagavad Gita*, một trường đoạn tự nó đã trở thành kinh điển quan trọng của Hindu giáo, giải thích về các khái niệm như *dharma* (chính pháp), *karma* (nghiệp do nhân quả) và *moksha* (hay mọc xoa, sự giải thoát khỏi vòng luân hồi). Dù những lời khuyên của Krishna nhắm cụ thể vào nghĩa vụ chiến đấu của Arjuna, cũng có thể hiểu chiến trường đó là một ẩn dụ cho sự đối đầu thiện ác nói chung, và con khủng hoảng lương tri của Arjuna tượng trưng cho những lựa chọn mà ai trong chúng ta cũng phải quyết định.

“

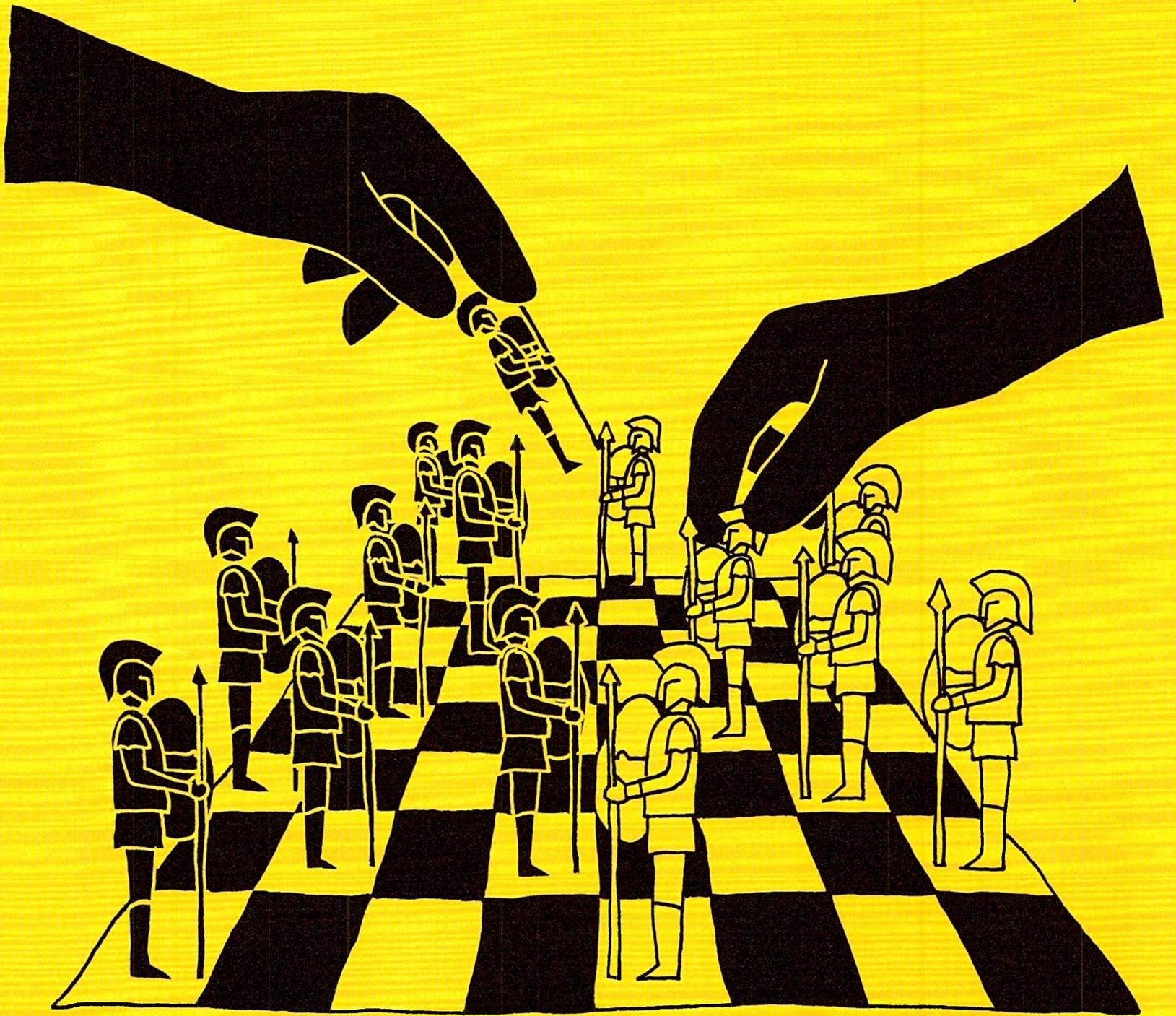
Khi thần thánh muốn một phạm nhân bị đánh bại, trước tiên họ tước đi sự tinh táo của kẻ đó, để hắn nhìn nhận mọi thứ sai lầm.

Mahabharata

”

**HỒI NỮ THẦN,
HÃY HÁT LÊN
CƠN GIÃN
CỦA ACHILLES**

***ILIAD* (KH. THẾ KỶ 8 TCN),
ĐƯỢC CHO LÀ CỦA HOMER**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Anh hùng ca Hy Lạp

TRƯỚC ĐÓ

Từ 2100 TCN Các phiên bản *Sử thi Gilgamesh*, áng văn viết cổ nhất được biết, xuất hiện trong ngôn ngữ Sumer.

Thế kỷ 9 TCN *Mahabharata* xuất hiện ở Ấn Độ.

SAU ĐÓ

Kh.thế kỷ 8 TCN Anh hùng ca *Odyssey* kể tiếp chuyện của một nhân vật chính trong *Iliad* là Odysseus; tương truyền cả hai anh hùng ca đều do Homer sáng tác.

Kh.700 TCN Gắn nhu cùng giai đoạn những phiên bản sau cùng của anh hùng ca Homer thành hình, Hesiod viết *Thần hệ*, trường thi mô tả sự sáng thế và thần thoại về các vị thần Hy Lạp cổ đại.

Thế kỷ 1 TCN Anh hùng ca Hy Lạp trở thành hình mẫu để các thi sĩ La Mã Horace, Virgil và Ovid sáng tác.

Anh hùng ca là những trường thi kể về một vị anh hùng nào đó đại diện cho một nền văn hóa cụ thể. Chúng ghi lại các chiến công và nỗi gian lao của các vị anh hùng, giải thích lựa chọn và động lực của họ, giúp một xã hội thiết lập và ổn định những nguyên tắc đạo đức của nó.

Anh hùng ca hay sử thi là loại hình văn học xuất hiện sớm bậc nhất trong nhiều nền văn hóa khắp thế giới. Những câu chuyện phổ biến này ban đầu được truyền miệng, theo thời gian được nhuận sắc, diễn giải lại, hình thức hóa, và cuối cùng được viết ra, thông thường cũng trở thành nền tảng cho lịch sử văn học của nền văn hóa đó. Anh hùng ca thường có nhiều nhân vật và phá hệ, độ dài thường lớn với cấu trúc phức tạp. Có lẽ người xưa thuộc nằm lòng được các anh hùng ca nhờ vào nhịp thơ lặp đi lặp lại của chúng, hoặc diễn ngâm chúng với nhạc đệm theo, bởi thơ vốn dễ nhớ hơn nhiều so với văn nói xuôi. Thật vậy, từ "epic" (sử thi, anh hùng ca) trong tiếng Anh xuất phát từ *epos* tiếng Hy Lạp, mang cả hai nghĩa là "câu chuyện" và "tho".

Chiến tranh thành Troy

Thời Hy Lạp cổ đại có nhiều anh

“

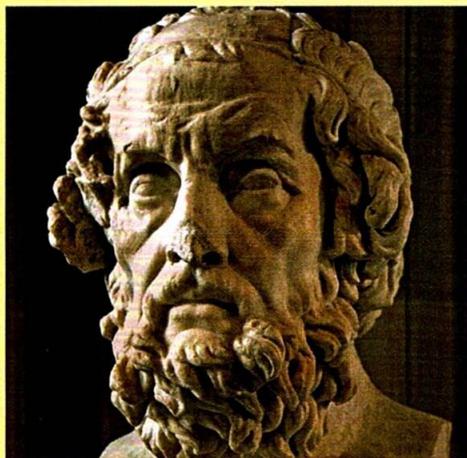
Hãy uống cạn chiến cuộc này.

Iliad

”

hùng ca kể về Chiến tranh thành Troy – cuộc xung đột giữa phe Achaea (liên minh các thành bang Hy Lạp) và thành Troy. Thuộc loại có sớm nhất và nổi tiếng nhất trong số này là *Iliad* và *Odyssey*, đều được cho là của một tác giả duy nhất, Homer. Giới sử học nhìn nhận rằng hai anh hùng ca này được dựa trên sự kiện có thật – chiến tranh giữa Hy Lạp và Troy thật sự vẫn lác đác nổ ra khoảng năm thế kỷ trước khi những tác phẩm này ra đời – nhưng nhân vật và cốt truyện của chúng thì là sản phẩm của trí tưởng tượng. Tuy nhiên, người Hy Lạp thời Homer hẳn đã tin rằng đây là những câu chuyện có thật kể về chiến tích oai hùng của tổ tiên họ.

Người Hy Lạp bắt đầu viết anh hùng ca vào khoảng thế kỷ 8 TCN.



Homer sống vào thời trước khi có chân dung tả thực. Bức tượng bán thân này tạc theo hình ảnh của nhà thơ, xuất hiện vào thế kỷ 2 TCN.

Nghi vấn Homer

Tương truyền, hai anh hùng ca lớn của Hy Lạp cổ đại là *Iliad* và *Odyssey* đều là sáng tác của nhà thơ Homer – dù người ta không biết gì nhiều về ông. Kể từ thời sử gia Hy Lạp Herodotus vào thế kỷ 5 TCN, đã có nhiều lưỡng ý kiến về ngày sinh và mất, quê quán, cùng nhu các chi tiết khác về cuộc đời Homer. Các học giả thời cổ điển thường nêu lên "nghi vấn Homer" về một loạt vấn đề liên quan. Homer là ai – ông có thật không, nếu có thì sống vào thời nào? Liệu Homer có phải tác giả

duy nhất của các sử thi, hay đó là công trình của nhiều tác giả? Tác giả đã sáng tác chúng, hay đơn thuần ghi lại các áng thơ đã được truyền miệng qua nhiều thế hệ?

Nhiều học giả cho rằng hai tác phẩm này thật ra đã phát triển lên từ chuyện truyền miệng, được nhiều nhà thơ gọt giũa và nhuận sắc qua nhiều phiên bản. Không có bằng chứng chắc chắn nào, và nghi vấn Homer đến nay vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng.

Xem thêm: *Sử thi Gilgamesh* 20 ▪ *Vua Oedipus* 34–39 ▪ *Aeneid* 40–41 ▪ *Beowulf* 42–43 ▪ *Odyssey* 54 ▪ *Thần hệ* 54 ▪ *Biến thể* 55 ▪ *Digenis Akritas* 56 ▪ *Chuyện về chiến dịch của Igor* 57 ▪ *Ulysses* 214–21

Cả quân Hy Lạp lẫn Troy đều được các vị thần giúp sức – họ lợi dụng cuộc chiến để giải quyết mâu thuẫn riêng. Hera, Athena và Poseidon ở bên chiến tuyến Hy Lạp, còn Apollo, Aphrodite và Artemis đứng về phe Troy. Zeus chủ yếu giữ thái độ trung lập.

Các vị thần

Zeus
vua của các thần

Hera
nữ hoàng của các thần

Athena
nữ thần trí tuệ

Poseidon
thần biển cá

Apollo
thần Mặt Trời

Aphrodite
nữ thần tình yêu

Artemis
nữ thần Mặt Trăng

Phe Achaea (Hy Lạp)

Agamemnon
vua xứ Mycenae

Achilles
chiến binh Hy Lạp vĩ đại nhất

Patroclus
chiến hữu của Achilles

Menelaus
vua xứ Sparta

Odysseus
vua và thống soái xứ Ithaca

Phe Troy

Priam
vua thành Troy

Hector
con trai Priam

Paris
em trai Hector

Helen
vợ Menelaus

Aeneas
con trai Aphrodite

Phát xuất từ chuyện truyền khẩu, chúng cũng mang hình thức truyền thơ. Anh hùng ca Hy Lạp có nhịp thơ đều đặn – mỗi dòng gồm sáu “cước”, mỗi cước cấu thành từ một âm tiết nhấn và hai âm tiết không nhấn. Nhịp thơ này được gọi là “dactylic hexameter”, hay “nhịp thơ anh hùng ca”. Từ nhịp thơ cơ bản này sinh ra nhiều biến thể, tạo sự linh động cần thiết cho việc sáng tác thơ.

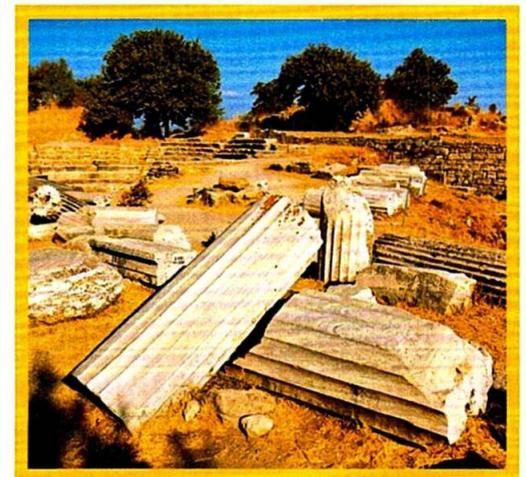
Chuyện về thần và người

Iliad là một chuyện kể phức tạp về cuộc chiến ở Ilium (Troy) từ góc nhìn của một nhân vật cụ thể – Achilles. Một số phần trong câu chuyện được kể lại dưới hình thức hồi tưởng hoặc viễn tượng tiên tri. Đan xuyên vào đó là nhiều cốt truyện phụ và góc nhìn vào cuộc đời các nhân vật chính. Ta không thể làm rõ bao nhiêu phần trong công trình đồ sộ này là sáng tác

của Homer, bao nhiêu phần đến từ công sức gọt giũa và nhuộm sắc của nhiều thế hệ trước đó. Thành quả cuối cùng là một tác phẩm kết hợp cả lịch sử, truyền thuyết và thần thoại, trong khi vẫn không hề thiếu những giá trị thiết yếu làm nên một câu chuyện hay – đủ cả mọi phiêu lưu và bi kịch nhân sinh – giúp nó lôi cuốn người đọc.

Sự đồ sộ của *Iliad*, cả về độ dài lẫn quy mô tự sự (sau rốt, chính nhờ nó mà người ta mới có một ý niệm về “tâm mức sử thi”), được thể hiện qua hơn 15.000 dòng thơ, chia làm 24 quyển. Thay vì kể đơn thuần theo trật tự thời gian, Homer đã thu hút người đọc tức thì nhờ sử dụng một phương thức thường thấy nơi nhiều anh hùng ca khác. Đó là đưa người đọc vào thẳng cao trào hành động, hay *in media res* (“ngay giữa sự việc”), theo cách nói của thi sĩ La Mã Horace. Homer mở truyện ở năm

cuối cùng của cuộc chiến, vốn đã kéo dài suốt chín năm trước đó. Homer có dành một số phần ngoại đề giải thích bối cảnh những sự kiện mình đang mô tả, nhưng



Người ta tin rằng Troy chỉ là một thành phố thần thoại suốt thời gian dài. Tuy nhiên, các nhà khảo cổ nay đồng ý rằng di chỉ ở Anatolia, Thổ Nhĩ Kỳ chính là Troy trong *Iliad* của Homer.

nguyên nhân của cuộc xung đột, điều mà độc giả ngày nay hẳn đều biết rõ, phần lớn chỉ là những giá trị định của ông.

Nguyên ủy của cuộc chiến

Mầm mống Chiến tranh thành Troy đã xuất hiện trong những sự kiện xảy ra ở lễ cưới của nàng tiên biển Thetis với người anh hùng Hy Lạp Peleus, một bạn đồng hành của Hercules oai hùng. Trong số nhiều vị thần dự lễ cưới có Hera, Athena và Aphrodite. Tranh cãi đã xảy ra giữa ba vị nữ thần này, ai cũng nhận mình là người đẹp nhất. Để phân xử, Zeus chỉ định Paris, con trai Vua Priam thành Troy, làm người đưa ra tiếng nói cuối cùng về sắc đẹp của các nữ thần. Aphrodite đã thắng nhờ hứa với Paris rằng chàng sẽ có được nàng Helen thành Troy, người phụ nữ đẹp nhất trần thế. Thật không may, Helen đã là vợ của Menelaus, em trai Vua Agamemnon xứ Mycenae, một thành bang Hy Lạp. Việc Paris quyến rũ Helen sau đó đã khơi mào cho chiến tranh.

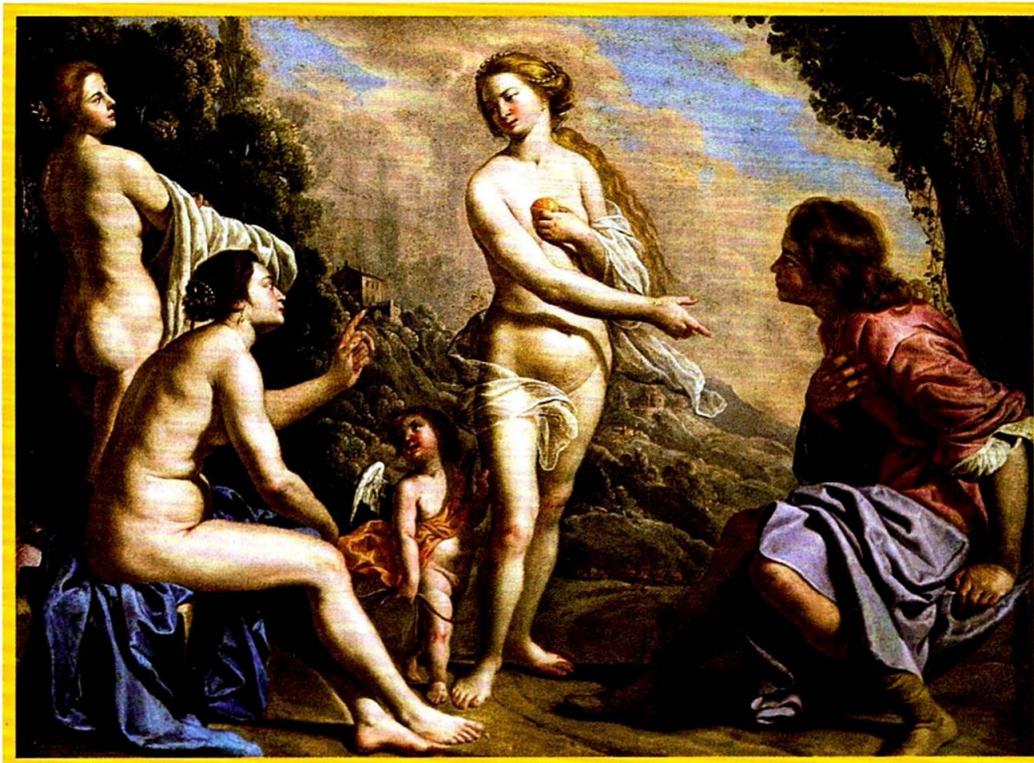
Người đọc bước vào câu chuyện ở thời điểm quân Achaea do Agamemnon đứng đầu đang tấn công để giành lại Helen. Phần mở đầu tác phẩm, "Hỏi nữ thần, hãy hát lên con giận của Achilles" thiết lập bối cảnh ban đầu để người đọc nắm bắt câu chuyện, nhưng nó cũng ngụ ý rằng đây là chuyện về sự trả thù cá nhân – và

“

Chiến thắng chuyển từ người này sang kẻ kia.

Iliad

”



cũng ngầm ám chỉ sự can thiệp của các vị thần. Song song với diễn biến chiến cuộc là chuyện về Achilles. Danh dự và lòng dũng cảm của chàng cũng chính là hình ảnh phản chiếu những giá trị đó của toàn cõi Hy Lạp.

Sức mạnh của con giận

Giận dữ là chủ đề chiếm vị trí ưu nhiệm trong *Iliad*, thể hiện trong chính cuộc chiến, là động lực chủ đạo đằng sau hành động của nhiều nhân vật. Đó là con giận chính đáng của Agamemnon và Menelaus khi Helen bị đoạt mất, và cũng chính sự cuồng nộ, bị kích phát hết lần này đến lần khác theo mạch truyện, đã thôi thúc Achilles, biến chàng thành một chiến binh đáng sợ. Con giận của chàng không chỉ hướng đến quân Troy, thậm chí không chỉ nhắm vào kẻ địch phạm nhân; đã có lúc chàng nổi cơn thịnh nộ đấu với thần sông Xanthus.

Ẩn dưới những cuồng nộ đó của Achilles là một cảm thức về danh dự và phẩm giá, khiến chàng thấy bị xúc phạm trước sự thiếu tôn trọng và bất công, như người Hy Lạp nói chung thường

Khi Paris được hỏi ai là nữ thần "đẹp nhất", Hera cố lấy lòng chàng bằng một đế chế, Athena thì bằng vinh quang, còn Aphrodite hứa rằng chàng sẽ có Helen, người phụ nữ đẹp nhất thế gian.

thấy. Nhưng cũng có lúc cái cảm thức đó hướng vào bên trong, khi chàng phải vật lộn với những mâu thuẫn giữa nghĩa vụ, định mệnh, tham vọng và lòng trung thành.

Ở đầu *Iliad*, Achilles điên tiết với Vua Agamemnon, thống soái quân Hy Lạp, khi vị này chiếm lấy cho riêng mình nàng Briseis – một phụ nữ trước đó đã được ban cho Achilles như một chiến lợi phẩm. Không thể trực tiếp phát tiết cơn giận ra với nhà vua, Achilles lui về lều riêng, từ chối tiếp tục tham chiến. Chỉ đến khi người bạn thân Patroclus chết trận dưới tay Hector, con cả của Vua Priam và là người anh hùng thành Troy, Achilles mới trở lại chiến trận, điên cuồng hơn bao giờ hết, vì giờ đây cơn giận của chàng đã có đích nhắm cụ thể để trút vào.

Chuyện hai vị anh hùng

Giống như Achilles, Hector là chi

huy quân đội. Chàng là chiến binh dũng mãnh và cao quý nhất phe Troy. Nhưng tính cách và động lực của chàng thì tương phản với Achilles, như hai thái cực trong thái độ đối với chiến tranh.

Thói thúc Achilles không chỉ là con cuồng nộ nội tâm mà còn là những động cơ cao quý hơn: bảo vệ danh dự của nhà vua và xứ sở, và sau rốt là trả thù cho cái chết của chiến hữu Patroclus. Hector thì chiến đấu vì lòng trung thành – trung thành với Troy, lẽ dĩ nhiên, nhưng hơn thế nữa là trung thành với gia đình. Chàng luôn bảo vệ em trai Paris, người vì quyến rũ Helen mà gây ra nông nỗi chiến tranh, và trung thành với vua cha Priam, một đấng quân vương công minh nhân từ. Achilles sinh ra đã nhu một chiến thần, rất ít mối ràng buộc gia đình, còn Hector chiến đấu với sự miễn cưỡng nhưng không kém phần quyết liệt, bởi chàng chiến đấu để bảo vệ gia đình và quê hương, chứ không vì danh dự của một ai.

Chân dung cao quý của hai vị anh hùng mà Homer khắc họa cũng không thiếu khiếm khuyết.

Tính cách và cảnh ngộ của họ là ẩn dụ cho những giá trị trái ngược trong xã hội và trong mỗi cá nhân, cho sự đối lập giữa nghĩa vụ và trách nhiệm với lòng trung thành và tình yêu. Chẳng có bên nào là hoàn toàn đúng hoặc sai, nhưng trong cuộc chiến này, phải có một bên thắng cuộc. Dù cuối cùng cả hai anh hùng đều chết trận – Achilles hạ sát Hector, rồi bản thân chàng bị giết bởi một mũi tên trí mạng vào gót chân – chính chủ nghĩa anh hùng mà Achilles là hiện thân đã chiến thắng giá trị của những ràng buộc thân hữu mà Hector là đại diện. Đến kỳ cùng, *Iliad* đã khẳng định rằng, có vinh quang trong chiến trận, và người ta có thể có những lý do cao quý để mà chiến đấu.

Định mệnh và các vị thần

Homer hiểu rằng độc giả của ông – những người Hy Lạp – thừa biết kết cục câu chuyện, vì nếu thành Troy thắng cuộc thì đã chẳng có nền văn minh Hy Lạp. Định mệnh đã dành chiến thắng cho phe Hy Lạp, và để củng cố cái điều không thể tránh khỏi này, Homer nhiều

“

Trong mọi vật biết thờ và bò dưới gian thế, không thứ gì buồn thảm hơn con người.

Iliad

”

lần viện đến những lời tiên tri xuyên suốt *Iliad*, đề cập về vai trò của số phận và các vị thần đối với kết quả của cuộc chiến.

Với người Hy Lạp cổ đại, thần linh là những đấng bất tử cai quản một số địa hạt nhất định và sở hữu những quyền năng nhất định; họ không phải là đấng vô thượng toàn năng thường thấy trong các tôn giáo sau này. Đôi khi họ can thiệp vào thế giới con người, nhưng thường là không. Tuy nhiên, trong *Iliad*, vì một số

Luôn nghĩ cho người khác, Hector là người đàn ông của gia đình, cố ngăn cản cảnh đổ máu kéo dài.

Là người đáng tin cậy, Hector chỉ huy quân lính một cách quả cảm, trung thành với tổ tiên dòng tộc.

Tâm tính ôn hòa, Hector dễ mắc sai lầm và yếu lòng trong cuộc đối đầu quyết định.



Các chiến binh Hector và Achilles có tính cách và động lực trái ngược nhau; đây là chủ đề lặp đi lặp lại trong chiêm nghiệm của Homer về lý tưởng anh hùng.

Là kẻ đơn độc, Achilles chỉ biết khao khát vinh quang.

Vốn khó đoán, Achilles khác biệt với mọi người, luôn bị ám ảnh bởi danh dự.

Nóng tính và dễ lên cơn cuồng nộ, Achilles hoàn toàn cuốn mình vào cánh bạo lực của cuộc chiến.

“

Ta đã chịu đựng cảnh ngộ chưa phạm nhân nào từng phải chịu; ta đã hôn tay kẻ giết con trai mình.

Iliad

”

liên đới lợi ích mà vài vị thần đã nhiều lần can dự vào Chiến tranh thành Troy. Nói cho cùng, cuộc chiến đã nổ ra vì việc bắt cóc nàng Helen, con gái của Zeus và Leda. Paris đã chinh phục Helen với sự giúp sức của Aphrodite, từ đó mà gây chia rẽ phe phái trên đỉnh Olympus, ngôi nhà của các thần. Ngoài ra còn có những mối liên hệ thần-người khác: chẳng hạn như nàng tiên biển Thetis cũng chính là mẹ của Achilles.

Chính những liên hệ nhu vậy xui khiến các thần can thiệp vào chuyện của phạm nhân, bảo vệ

những người được họ phò trợ khỏi nguy hiểm và gây khó khăn cho kẻ địch của những người đó.

Apollo là vị thần đối địch gay gắt với phe Hy Lạp và đã nhiều phen khiến họ khốn đốn. Khi Patroclus mặc bộ giáp của Achilles để giả làm chàng và xuất trận, Apollo đã can thiệp để phá bỏ bộ giáp, giúp Hector giết được Patroclus. Tức giận trước cái chết của người bạn thân nhất, Achilles thề sẽ trả thù. Một lần nữa thần linh lại can thiệp: người mẹ bất tử của chàng là Thetis trao cho chàng một bộ giáp mới, do chính thần Hephaestus rèn nên.

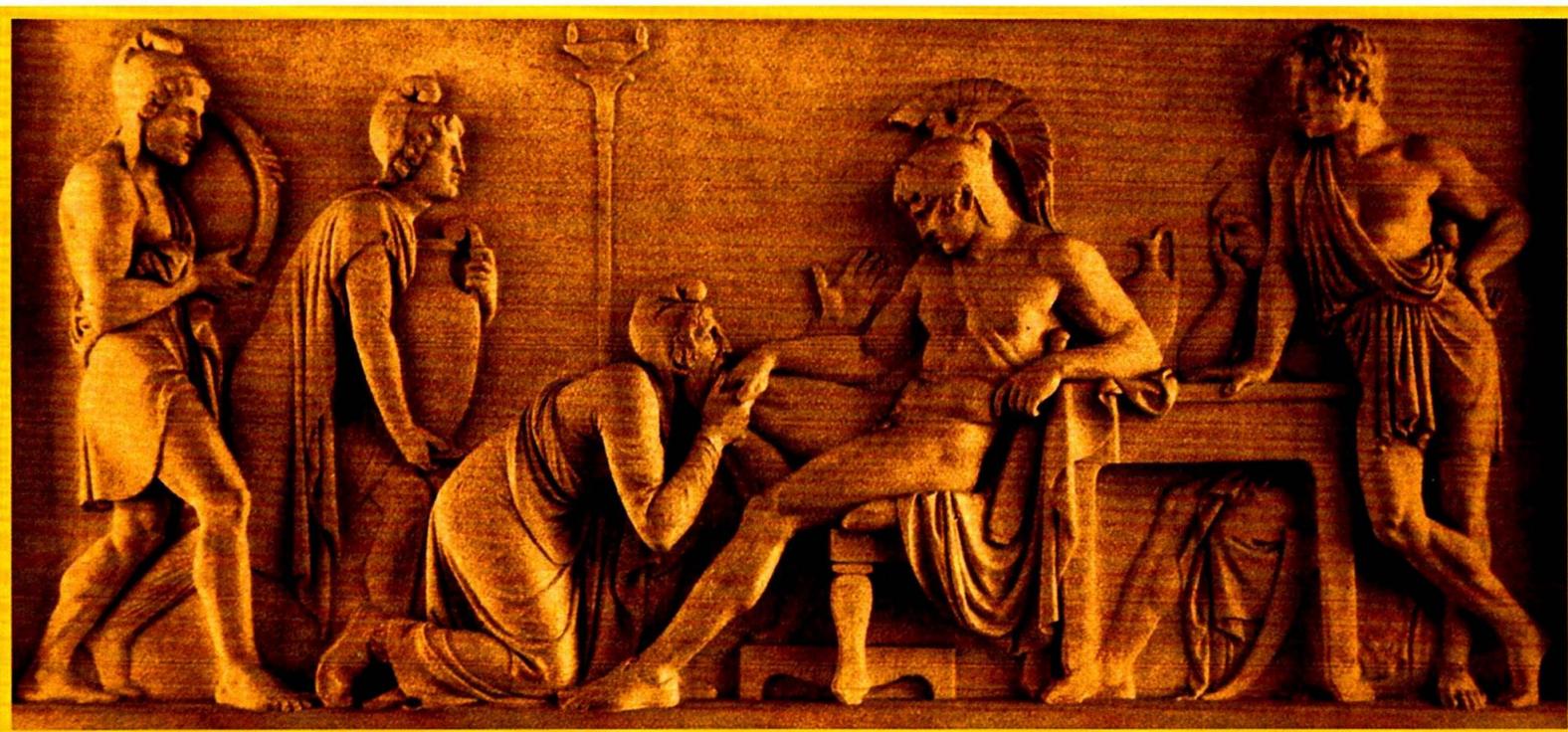
Nhu cầu cần được bảo vệ này nhấn mạnh khác biệt giữa con người và thần thánh – tính khả tử của chúng ta. Các anh hùng bước vào chiến trận biết rằng mình đang đối mặt cái chết, nhưng họ vượt qua được vì hiểu rằng cuối cùng phạm nhân ai rồi cũng chết. Con người không chỉ khả tử, mà mọi tạo tác của chúng ta cũng không tồn tại mãi. Các nhân vật biết cuộc chiến không chỉ gây thương vong nhân mạng, mà một quốc gia sẽ vì nó mà bị hủy diệt – và phe nào được ca khúc khải hoàn, thì một ngày nào đó nền văn

minh của họ cũng phải kết thúc. Homer đã nhiều lần nói thẳng sự thật này khi viện dẫn những lời tiên tri về tương lai thành Troy lẫn các nhân vật chính của *Iliad*, cũng là định mệnh chung của mọi xã hội loài người. Tuy nhiên, điều sẽ sống mãi chính là vinh quang của các anh hùng cùng chiến công vĩ đại của họ, sẽ được lưu truyền đời đời qua những chuyện kể.

Sau cuộc chiến

Sau những binh đao, tẩm máu và cuồng nộ, anh hùng ca của Homer kết thúc trong hòa giải và yên bình. Trường đoạn cảm động và đáng nhớ nhất có lẽ là khi Vua Priam già nua đến gặp Achilles xin chàng trả lại xác con trai Hector. Xúc động trước thỉnh cầu của người cha già, Achilles đã ra lệnh đình chiến tạm thời để phe Troy có thời gian cử hành lễ mai táng thích hợp, và con cuồng nộ của chàng cũng được người ngoại.

Priam hôn tay Achilles và thỉnh cầu chàng rú lòng thương mà trả lại xác con trai Hector, người đã bị Achilles giết trong trận quyết đấu. Achilles bày tỏ lòng cảm thông trước nỗi đau của Priam.



Nhưng ta đều biết sự yên bình đó không kéo dài lâu. Chiến cuộc sẽ tái hồi, thành Troy sẽ sụp đổ, và Achilles sẽ tử trận. Nhưng câu chuyện vẫn chưa kết thúc ở đó.

Odyssey, anh hùng ca thứ hai của Homer, tiếp tục dẫn ta theo câu chuyện về số phận của một người anh hùng Hy Lạp khác là Odysseus (hay Ulysses theo cách gọi của người La Mã) khi chàng lên đường từ Troy trở về quê nhà Ithaca sau cuộc chiến. Trong *Odyssey*, chàng kể lại kết cục bị hủy diệt của thành Troy và cái chết của Achilles, nhưng đó cũng là bối cảnh cho câu chuyện về cuộc phiêu lưu gian truân của chính chàng.

Tinh hoa của phương Tây

Hầu như không thể nói quá về ảnh hưởng của *Iliad* và *Odyssey* lên văn học Hy Lạp và La Mã cổ đại, tức lên toàn bộ văn học Tây phương. Chúng không chỉ là những tác phẩm văn chương đầu tiên ở châu Âu, mà còn là những tượng đài đặt nền móng vững chắc cho dòng văn học anh hùng ca.

Tài nghệ của Homer trong việc sử dụng các phép so sánh phức tạp giàu hình ảnh đem lại cho thơ ông một chiều sâu chưa có tiền lệ, và cách ông vận dụng nhuần nhuyễn nhịp thơ dactylic hexameter giúp câu chữ ông viết mang một nhạc tính dồi dào cảm hứng. Nhịp thơ này được tiếp nhận trong các tác phẩm anh hùng ca Hy Lạp về sau, và thủ pháp ngữ pháp trộn của Homer đã trở thành ngôn ngữ văn chương chuẩn mực đối với người Hy Lạp.

Công lao quan trọng hơn hết của Homer có lẽ nằm ở chỗ ông đã biến di sản chuyện truyền khẩu về các anh hùng dân gian thành loại hình văn học anh hùng ca. Ông cũng vạch ra các đặc điểm của thể loại này; ví dụ, lời kể chủ yếu nên bám theo số mệnh và hành trình của người anh hùng, đặt trên bối cảnh lịch sử, với nhiều tình tiết đan quện hoặc phân hồi. Homer



còn đặt ra chuẩn mực cho ẩn ngôn của anh hùng ca, mà trọng tâm thường là sự đối lập giữa giá trị cá nhân và giá trị xã hội.

Iliad và *Odyssey* đã truyền cảm hứng cho một số thi sĩ Hy Lạp viết nên những anh hùng ca theo chủ đề tương tự; ngoài ra chúng cũng gây ảnh hưởng lên một loại hình mới mẻ là kịch nghệ, phát triển vào giai đoạn cổ điển của văn hóa Hy Lạp. Được đọc rộng rãi vào thời Hy Lạp cổ đại, đến thời La Mã cổ đại, *Iliad* và *Odyssey* đã thành trước tác kinh điển, truyền cảm hứng cho các thi sĩ sáng tạo

“

Không nghi ngờ gì, Zeus và mọi vị thần khác đều biết chiến binh nào phải chết để kết thúc tất cả những điều này.

Iliad

”

Odyssey kể chi tiết về cái chết của người anh hùng Achilles. Chàng bị giết bởi một mũi tên từ cung của Paris, được thần Apollo dẫn hướng tới điểm yếu trí mạng trên người chàng – gót chân.

nên một nền anh hùng ca Latin khác biệt, mà đỉnh cao là *Aeneid* của Virgil, tác phẩm mô tả bằng sự sụp đổ của thành Troy, cũng là một lời ca ngợi dành cho Homer.

Ảnh hưởng trường tồn

Sự kính ngưỡng dành cho anh hùng ca Homer không gói gọn trong thời cổ điển. Tác phẩm của ông được đọc và nghiên cứu rộng rãi vào thời Trung cổ, các câu chuyện trong đó được kể đi kể lại vô số lần dưới nhiều hình thức.

Có thể xem loại thơ cổ mà Homer viết ra là tiền thân của truyền saga thời Trung cổ cũng như tiểu thuyết sau này. Từ buổi đầu thế kỷ 20, những loại hình kể chuyện khác cho đông đảo đại chúng – từ điện ảnh đến phim truyền hình – đã tiếp bước khuôn mẫu anh hùng ca này, và cấu trúc cùng những liên hệ văn hóa của chúng đều chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Homer. ■

SỰ THẬT

DỄ SỢ BIẾT CHỪNG NÀO

KHI HIỂU RẰNG SỰ THẬT

KHÔNG GIÚP ĐƯỢC GÌ!

***VUA OEDIPUS* (KH.429 TCN),
SOPHOCLES**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Kịch cổ điển Hy Lạp

TRƯỚC ĐÓ

Kh.thế kỷ 7 TCN Dithyramb, loại hình ca vũ giải trí do ban đồng ca diễn xướng, thường được diễn ở Delos và Athens để tôn vinh thần Dionysus.

Kh.532 TCN Thespis, thường được xem là diễn viên đầu tiên, thủ diễn một vở kịch.

Kh.500 TCN Pratinas giới thiệu kịch châm biếm satyr.

458 TCN *Oresteia* của Aeschylus, "tam bộ khúc" kịch cổ điển duy nhất lưu truyền nguyên vẹn, lần đầu được công diễn ở Athens.

431 TCN Chủ nghĩa hiện thực trong *Medea* của Euripides khiến khán giả ngỡ ngàng.

SAU ĐÓ

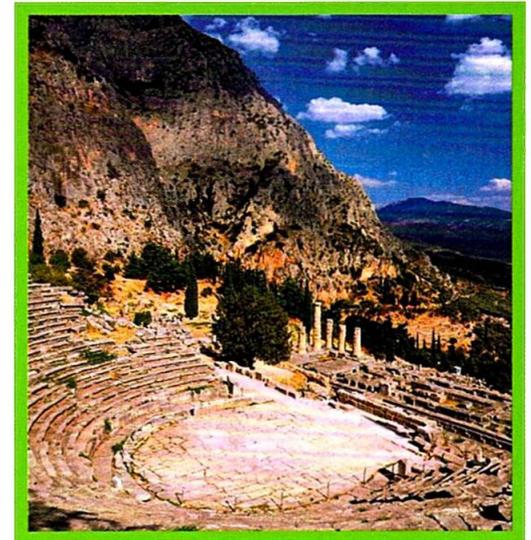
423 TCN Hài kịch *Những đám mây* của Aristophanes châm biếm xã hội Athens, cụ thể là nhắm vào Socrates.

Với cuộc nổi dậy lật đổ vị quân chủ độc tài cuối cùng vào năm 510 TCN và thiết lập một hình thức chính thể dân chủ, thành bang Athens bước vào kỷ nguyên Hy Lạp cổ điển. Suốt hai thế kỷ, Athens không chỉ là trung tâm quyền lực chính trị trong khu vực mà còn là cái nôi của hoạt động tri thức, từ đó chúng kiến sự nở rộ phi thường của triết học, văn học, văn hóa và nghệ thuật, về sau ảnh hưởng sâu rộng lên sự phát triển của văn minh phương Tây.

Đỉnh cao của văn hóa Hy Lạp cổ điển là thành tựu của các tu tướng gia, nghệ sĩ và tác giả ở Athens, những người đã phát triển các giá trị mỹ học như sự sáng sủa, hình thức, sự cân bằng – những nguyên lý được cô đọng trong các công trình kiến trúc cổ điển. Ngoài ra, một góc nhìn khác lấy con người làm trung tâm cũng ảnh hưởng lên sự phát triển của một loại hình nghệ thuật viết tuông đối mới là kịch nghệ, vốn thành hình từ truyền thống trình diễn tôn giáo để tôn vinh thần Dionysus do một ban đồng ca thực hiện.

Sự ra đời của kịch

Vào buổi đầu thời kỳ cổ điển, các

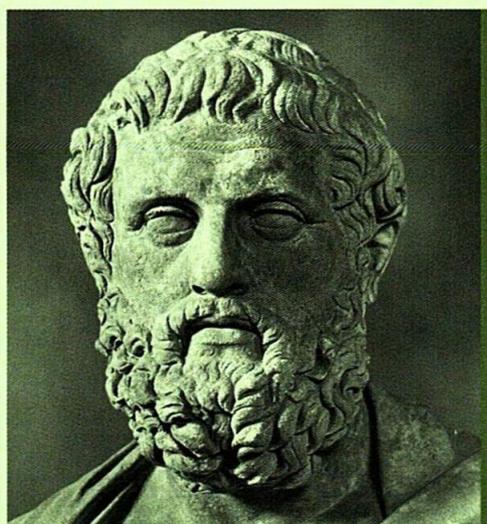


Nhà hát ở Delphi có ba khu vực: sân khấu, chỗ cho ban đồng ca (ở phía trước) và khán đài. Nhà hát được xây vào thế kỷ 4 TCN với sức chứa khoảng 5.000 người.

màn trình diễn tôn giáo có sự thay đổi, chuyển từ những buổi lễ nặng về phần âm nhạc sang thứ gần giống như kịch mà ta biết ngày nay, với việc thêm vào các diễn viên thủ vai nhân vật trong câu chuyện thay vì đơn thuần kể lại chuyện.

Hình thức giải trí mới mẻ này rất được công chúng ưa chuộng, trở thành tiết mục tiêu điểm của lễ hội thường niên Dionysia kéo dài suốt vài ngày trong một nhà

Sophocles



Sophocles sinh ra ở Colonus gần Athens (kh.496 TCN). Ông sớm bộc lộ khiếu âm nhạc, từ đó mà có hứng thú với nghệ thuật kịch. Kịch tác gia cách tân Aeschylus đã khuyến khích và có lẽ đã đào tạo ông. Lần đầu dự cuộc thi ở sân khấu Dionysia năm 468 TCN, ông thắng giải nhất từ tay Aeschylus, vị quân quân đang thống trị, rồi sớm trở thành nhà viết bi kịch nổi danh nhất thế hệ mình. Tổng cộng ông đã viết hơn 120 vở kịch, nhưng chỉ một số ít còn truyền lại nguyên vẹn. Sophocles cũng có địa vị cao trong xã hội Athens, được bổ nhiệm quản lý ngân khố

trong chính quyền của Pericles, rồi về sau thành một chỉ huy quân đội. Ông kết hôn hai lần, cả con trai Iophon và cháu nội Sophocles đều nối nghiệp biên kịch. Không lâu trước khi qua đời năm 406 TCN, ông hoàn thành vở kịch cuối cùng, *Oedipus ở Colonus*, được cháu nội ông dàn dựng công diễn sau ngày ông mất.

Tác phẩm chính khác

Kh.441 TCN *Antigone*

Kh.429 TCN *Vua Oedipus*

Kh.409 TCN *Electra*

Xem thêm: *Iliad* 26–33 ▪ *Aeneid* 40–41 ▪ *Odyssey* 54 ▪ *Oresteia* 54 ▪ *Medea* 55 ▪ *Ong bò về* 55 ▪ First Folio 82–89 ▪ *Chàng ghét đời* 90

hát lộ thiên được xây riêng, thu hút lượng khán giả đến 15.000 người. Các nhà biên kịch đăng ký tác phẩm để trình diễn trong lễ hội, gồm một bộ ba bi kịch rồi đến một vở kịch vui, mong đoạt được phần thưởng danh giá.

Có ba kịch tác gia thống trị danh sách thắng giải suốt phần lớn thế kỷ 5 TCN: Aeschylus (kh.525/524–kh.456/455 TCN), Euripides (kh.484–406 TCN) và Sophocles (kh.496–406 TCN). Đóng góp của họ, lên đến vài trăm vở kịch, đã thiết lập một chuẩn mực chắc chắn cho nghệ thuật kịch. Aeschylus, lớn tuổi nhất trong ba người, thường được xem là nhà cách tân đã khởi xướng nhiều quy ước gắn liền với kịch nghệ sau này. Ông có công mở rộng số lượng diễn viên trong vở diễn, cho họ tương tác với nhau bằng thoại, từ đó phát sinh ý niệm về xung đột kịch. Thay vì để ban đồng ca xuống lên hành động kịch, diễn viên nay chiếm trung tâm của sân khấu, và vai trò của ban đồng ca trở thành thiết lập bối cảnh cho vở diễn và bình luận về hành động nhân vật.

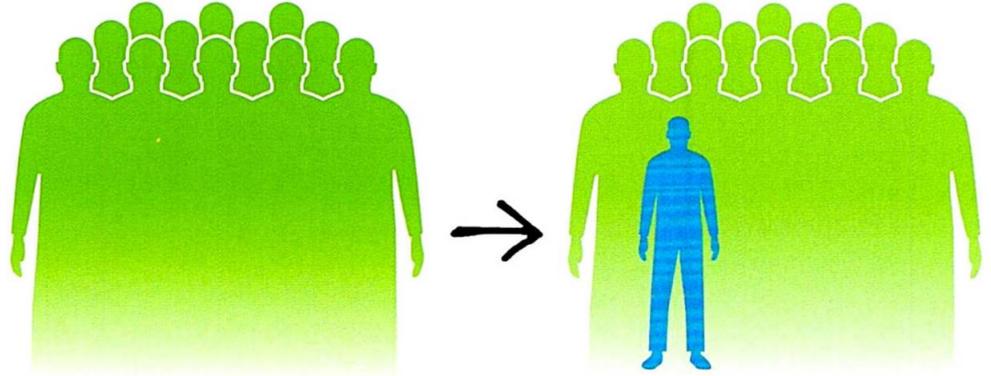
Bước chuyển lớn sang chủ nghĩa hiện thực được thực hiện do công Euripides; ông giảm thiểu vai trò của ban đồng ca, giới thiệu các nhân vật mang tính ba chiều hơn với những tương tác phức tạp hơn.

Phá vỡ quy ước

Trong ba kịch tác gia vĩ đại này, chính Sophocles với các vở bi kịch của ông được xem là đỉnh cao của kịch cổ điển Hy Lạp. Buồn thay, chỉ có bảy trong số 123 vở bi kịch ông từng viết còn sót lại đến nay, trong đó hay nhất có lẽ là vở *Vua Oedipus*.

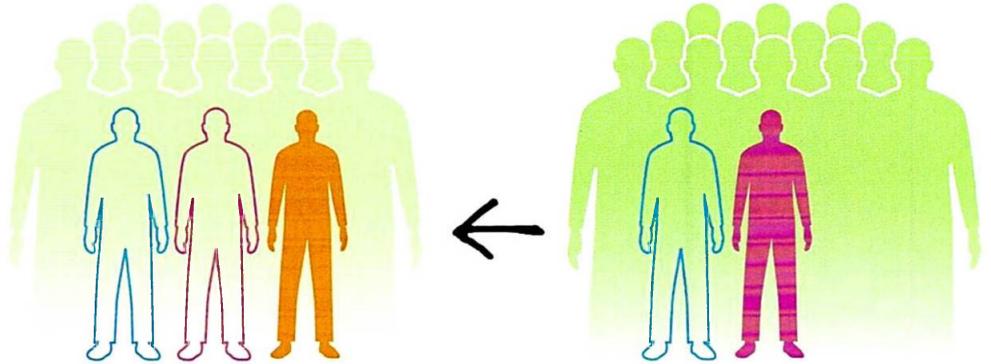
Vở kịch này là một trong ba vở Sophocles viết về vị vua huyền thoại thành Thebes (hai vở kia là *Oedipus ở Colonus* và *Antigone*),

Sự phát triển của bi kịch Hy Lạp



Ban đồng ca trình bày vở bi kịch, thuật lại các hành động; về sau ban đồng ca vẫn luôn giữ vai trò thiết lập bối cảnh và bóc lộ những suy nghĩ trong nội tâm mà nhân vật không thể diễn lại trên sân khấu.

Nhân vật chính thứ nhất, với Thespis tiên phong, là nhân vật bi kịch chính; nghệ thuật diễn xuất ra đời từ đây.



Nhân vật chính thứ ba, do Sophocles khởi xướng, là kẻ phản diện, thay thế cho nhân vật chính thứ nhì nay giữ vai trò hỗ trợ cho nhân vật chính thứ nhất, chẳng hạn như một trợ thủ hay một quân sư.

Nhân vật chính thứ nhì, do Aeschylus khởi xướng, thường giữ vai phản diện trong vở kịch. Các nhân vật giơ đũa có thể tương tác bằng thoại, giúp phát sinh ý niệm về xung đột kịch.

được gọi chung là các vở kịch Thebes. Sophocles đã phá vỡ thông lệ bi kịch bộ ba do Aeschylus đặt ra, viết và dựng các vở này thành những tác phẩm riêng rẽ, không theo trật tự thời gian, và thời điểm ra đời của chúng cách nhau đến vài năm. Trong *Vua Oedipus* (thường được biết tới dưới cái tên Latin *Oedipus Rex*), những gi

Sophocles đã làm nay được xem như toát yếu cho bi kịch Athens cổ điển. Vở kịch có cấu trúc theo lệ thường: mở đầu là phần phi lộ, tiếp theo là phần giới thiệu nhân vật, rồi cốt truyện dần hé mở qua từng hồi, đan xen trong đó là lời bình luận của ban đồng ca, cuối cùng đến đoạn đồng thanh *exodus*, tức phần kết. Dựa theo khung sườn này, Sophocles đã

cách tân, thêm vào một diễn viên chính thứ ba để tăng sự đa dạng về tương tác nhân vật, giúp xây dựng kịch bản phức tạp hơn, tạo ra được độ căng tâm lý mà nay ta vẫn quen gọi là “kịch tính”.

Một bi kịch điển hình loại này sẽ là chuyện về một anh hùng gặp điều không may, thông thường do bàn tay can thiệp của thần thánh hoặc số mệnh, đưa đến sự sụp đổ cho anh ta. Tuy vậy, khi bi kịch cổ điển phát triển, nỗi bất hạnh của người anh hùng dần dà được khắc họa như là kết quả từ điểm yếu hoặc lầm lỗi nào đó trong tính cách của nhân vật chính – cái “khuyết điểm trí mạng”. Trong *Vua Oedipus*, cả định mệnh lẫn tính cách nhân vật đều góp phần gây ra chuỗi sự kiện bi kịch. Tính cách của Oedipus cũng hoàn toàn không ngả rạch rời trắng đen. Ở đầu vở kịch, chàng được giới thiệu là vị vua được người dân Thebes tôn kính. Họ mong chàng giúp họ thoát khỏi lời nguyền, nhưng kịch bản dần hé mở rằng chính chàng vô tình có liên can đến lời nguyền đó. Sự tiết lộ này góp phần vào không khí điềm triệu vốn là một điểm đặc trưng của những bi kịch cổ điển hay

“

Nỗi đau lớn nhất là nỗi đau ta gây ra cho chính mình.
Vua Oedipus

”

nhất. Cảm giác tai ương trời dặt khi khán giả vốn thường đã biết rõ những câu chuyện loại này; chuyện về Oedipus cũng không ngoại lệ. Tình huống đó tạo nên tính mỉa mai bi kịch: khán giả, đã biết trước số phận nhân vật, chứng kiến anh ta dần tiến tới kết cục bi thảm không thể tránh khỏi đó mà không hề hay biết. Trong *Vua Oedipus*, Sophocles gia tăng cái cảm thức về điều không thể tránh khỏi này bằng cách nhiều lần viện dẫn những lời tiên tri từ nhiều năm trước mà cả Oedipus và người vợ Jocasta đã lờ đi. Câu chuyện không thật sự muốn nhấn mạnh vào những sự kiện đưa tới sự sụp đổ của Oedipus, mà nhấn

vào những sự kiện hé lộ ý nghĩa của những việc chàng làm trong quá khứ.

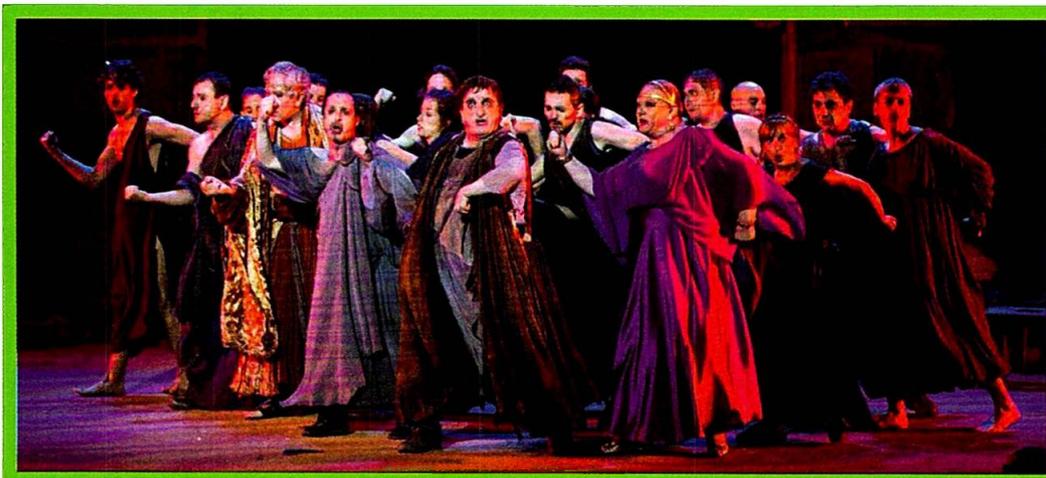
Bi kịch được báo trước

Chuỗi sự kiện bắt đầu với việc thành Thebes bị nạn dịch hoành hành. Thấy đồng ó đền Delphi phán rằng dịch bệnh sẽ bị đẩy lui một khi tìm ra được kẻ đã giết Laius, vị vua cũ của Thebes và cũng là người chồng quá cố của Jocasta. Oedipus đến xin lời khuyên của nhà tiên tri mù Tiresias để tìm ra kẻ sát nhân. Điều này đặt Tiresias vào tình thế khó xử, bởi dầu mù lòa, Tiresias có thể thấy được điều Oedipus không thể, rằng Oedipus chính là tên hung thủ đó mà không hề tự biết, và ông khuyên chàng quên đi chuyện đó. Nhưng Oedipus đòi được biết sự thật, để rồi giận dữ chối bỏ trước lời buộc tội của nhà tiên tri, còn Tiresias thì tiết lộ thêm rằng hung thủ sẽ là con trai của chính vợ chàng. Oedipus động tâm nhớ lại thời trẻ, có lần chàng đã tới đền Delphi với quyết tâm tìm ra cha mẹ thật của mình sau khi tình cờ nghe được mình chỉ là con nuôi. Vậy nhưng bà đồng báo chàng rằng rồi chàng sẽ giết cha ruột của mình và lấy mẹ mình – thế là chàng chạy trốn, lên đường đến Thebes. Trên đường vào thành, chàng đã đụng độ một người đàn ông lớn tuổi hơn ngang đường chàng và đã giết chết ông ta.

Khán giả không thể bỏ qua ý nghĩa của sự kiện này, đặc biệt khi Sophocles giới thiệu nhân vật Jocasta, vợ Oedipus, góa phụ của Laius. Bà an ủi Oedipus rằng những lời tiên tri kia không hề đúng: đã từng có lời sấm rằng Laius sẽ bị chính con trai mình

Bức tranh tường khắc cổ này khắc họa những mặt nạ dùng trong bi kịch. Diễn viên thường đeo mặt nạ, đôi khi với những biểu cảm thái quá, ngộ hâu lợt tả được nhân vật họ đang thủ vai.





giết chết, trong khi ông bị bọn cướp hạ sát.

Thông tin này giúp khán giả thấy quá rõ ràng rằng lời tiên tri cho Oedipus đã tự nó hoàn thành nó: nó thúc đẩy chàng bỏ nhà đi, kích hoạt chuỗi sự kiện dẫn đến việc chàng vô tình giết chính cha ruột Laius, sau đó trở thành vua Thebes thay ông, và lấy chính mẹ ruột Jocasta làm vợ.

Vở kịch đạt đến cao trào khi mọi thứ trở nên rõ ràng với Oedipus. Trong cơn đau đớn, chàng đã tự làm mù mình. Xuyên suốt vở bi kịch, ban đồng ca đã nói thành lời những suy nghĩ và cảm xúc nội tâm mà nhân vật không thể tự bộc lộ; lúc này, trên sân khấu trống, họ kết thúc vở kịch bằng cách lặp lại rằng

“

Sao người đời cứ phải sợ hãi,
Khi định mệnh nắm trong
tay những gì ta không thể
thấy trước?

Con người chỉ nên sống cho
hôm nay.

Vua Oedipus

”

“không nên xem ai là may mắn cho đến khi hẳn chết rồi”.

Truyền thống phương Tây

Vua Oedipus lập tức được khán giả Athens đón nhận, và Aristotle ca ngợi nó có lẽ là tác phẩm hay nhất trong mọi bi kịch cổ điển Hy Lạp. Kỹ năng của Sophocles trong việc xử lý kịch bản phức tạp về các chủ đề tự do ý chí và định mệnh, về khuyết điểm trí mạng của một nhân vật cao quý, không chỉ đã đặt ra chuẩn mực cho kịch cổ điển, mà còn thiết lập nền móng cho truyền thống kịch phương Tây về sau. Sau khi Aeschylus, Euripides và Sophocles qua đời, không nhà viết bi kịch nào của Hy Lạp có thể vươn tới được địa vị của họ.

Thi học của Aristotle, kh.335 TCN

Aristotle (384–322 TCN) trọng vọng các nhà bi kịch, và *Thi học* của ông là khảo luận về nghệ thuật bi kịch. Ông xem bi kịch là một *mimesis* (sự mô phỏng) của một hành động, gọi lên cho ta những cảm xúc nhu thương cảm và hãi sợ. Những cảm xúc này đạt được *katharsis*, sự hòa giải, thông qua diễn tiến vở kịch.

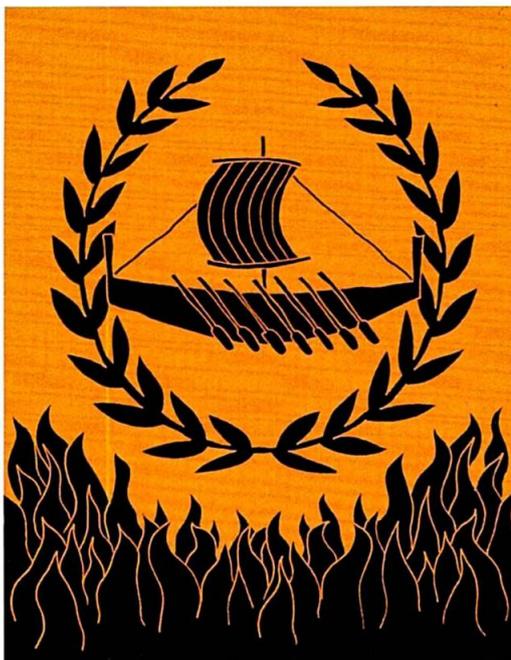
Chất lượng một vở bi kịch được xác định qua sáu yếu tố: cốt truyện, nhân vật, tu tưởng, ngôn từ, hình ảnh và giai điệu. Cốt truyện phải là một “thể thống

Vở hài kịch của Aristophanes tên *Của cải* (*Ploutus* trong tiếng Hy Lạp), được trình diễn trong hình bói các diễn viên đương đại, là một lời châm biếm nhẹ nhàng xoáy vào đời sống và sự phân chia của cải ở thành Athens.

Kịch vẫn là trọng tâm trong đời sống văn hóa Athens, nhưng sự tung hô dần được dành cho nhà sản xuất hoặc diễn viên thay vì kịch tác gia. Các vở hài kịch của Aristophanes (kh.450–kh.388 TCN) phân nào giúp lấp vào khoảng trống để lại do sự thiếu vắng các vở bi kịch lớn, và thị hiếu công chúng dần chuyển sang loại chính kịch ít mang tính nghiêm túc hơn.

Dẫu vậy, đến tận ngày nay, bi kịch cổ điển Hy Lạp vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt nhờ những thành tựu của chúng trong việc khám phá tâm lý nhân vật, được Freud và Jung tiếp nhận trong học thuyết của họ về vô thức, xung lực và cảm xúc bị dồn nén. Các vở bi kịch Athens còn sót lại nói chung và *Vua Oedipus* nói riêng được hồi sinh vào thời Khai sáng, và từ đó trở đi các nhà biên kịch vẫn tiếp tục khai thác các chủ đề và câu chuyện của chúng và công diễn chúng thường xuyên. ■

nhất của hành động”, với mở đầu, phần giữa, đoạn kết. Trong đó phải có ít nhất một nhân vật mà vận may đảo chiều, do số phận hoặc do khuyết điểm trong tính cách, hoặc cả hai. Tiếp đến là tu tưởng, tức chủ đề và thông điệp luân lý của vở kịch. Thứ đến là ngôn từ, là cách dùng câu chữ, phép ẩn dụ, cách diễn viên đọc thoại. Phần hình ảnh (cảnh trí, hiệu ứng sân khấu) và giai điệu (ban đồng ca) nên gắn liền với cốt truyện và giúp khắc họa nhân vật rõ nét hơn.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Văn học La Mã

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỷ 3 TCN Dựa theo khuôn mẫu Hy Lạp, Gnaeus Naevius viết các sử thi và kịch bằng tiếng Latin về thần thoại và lịch sử La Mã.

Kh.200 TCN Anh hùng ca *Annals* của Quintus Ennius kể về lịch sử hình thành của Rome sau khi thành Troy sụp đổ.

Kh.80 TCN Các bài hùng biện của Cicero đánh dấu bình minh "Thời đại Hoàng kim" của văn học Latin, kéo dài cho đến khi Ovid qua đời vào năm 17 hoặc 18.

SAU ĐÓ

Thế kỷ 1 TCN Horace để lại các di sản thơ *Tụng ca*, *Trào phúng* và *Tho epode*.

Kh.8 Truyện thơ *Biến thể* của Ovid ra đời.

Thế kỷ 2 Apuleius viết *Con lừa vàng*, một phiên bản trào lộng của *Biến thể*.

CỔNG ĐỊA NGỤC RỘNG MỞ ĐÊM NGÀY; THOAI THOẠI XUỐNG, CON ĐƯỜNG ĐỂ DÀNG THAY

AENEID (29–19 TCN), VIRGIL

Rome bắt đầu thay thế Hy Lạp trở thành trung tâm quyền lực vùng Địa Trung Hải từ khoảng thế kỷ 3 TCN, và chính vào giai đoạn này văn học Latin nảy nở. Ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp lên đô thành Rome thời cổ là rất lớn, và nền văn học La Mã thực thụ thoát kỳ thủy phát triển rất chậm. Dù sử dụng tiếng Latin, nhưng các tác giả La Mã vẫn viết theo người Hy Lạp cho đến khoảng năm 80 TCN, khi chính khách, nhà hùng biện, nhà văn và thi sĩ Cicero khơi mào "Thời đại Hoàng kim" của văn học Latin, một thời kỳ đã

thiết đặt phong cách và hình thức cho một truyền thống văn học La Mã đặc trưng.

Cội rễ của đế chế

Cái "Thời đại Hoàng kim" ấy trải dài suốt giai đoạn Cộng hòa La Mã chuyển mình thành một đế quốc. Bước tiến gắn liền với bao can qua nội chiến này được phản ánh trong sự chuyển đổi từ những trước tác lịch sử và hùng biện của Cicero, Sallust và Varro sang các công trình đậm tính thi ca của Horace, Ovid và Virgil, nhất là sau khi Hoàng đế Augustus lên ngôi năm 27 TCN.

Virgil

Publius Vergilius Maro sinh ra năm 70 TCN ở Mantua, miền bắc Italy. Chính ở vùng này của Cộng hòa La Mã, ông đã sống phần lớn giai đoạn đầu đời và sáng tác *Tho eclogue*, tập thơ về cuộc sống đồng quê. Tác phẩm lớn tiếp theo của Virgil là *Tho georgic*, đề tặng chính khách Gaius Maecenas, nhà bảo trợ của ông. Virgil cũng kết giao với Octavian, tức Hoàng đế Augustus sau này, và sánh vai với Horace và Ovid trên thi đàn Rome. Ông chấp bút kiệt tác

Aeneid vào khoảng năm 29 TCN với sự khích lệ của Octavian, rồi tiếp tục viết và chỉnh sửa nó cho đến ngày qua đời vì bệnh sốt năm 19 TCN. Tương truyền lúc Virgil hấp hối, di nguyện của ông là tiêu hủy *Aeneid*, có thể vì ông thất vọng với cách Augustus cai trị, nhưng tác phẩm vẫn được ấn hành sau ngày ông mất theo lệnh của vị hoàng đế.

Tác phẩm chính khác

Kh.44–38 TCN *Tho eclogue*
29 TCN *Tho georgic*

Xem thêm: *Iliad* 26–33 ▪ *Biển thê* 55 ▪ *Con lừa vàng* 56 ▪ *Thần khúc* 62–65 ▪ *Địa đàng đã mất* 103



Chịu đựng nhọc nhằn của thực tại hôm nay, Sống giữ mình chờ đợi tươi sáng ngày mai.

Aeneid



Sinh thời là nhân vật hàng đầu văn giới La Mã, Virgil đã viết nhiều tác phẩm thi ca, nhưng chính anh hùng ca *Aeneid* mới đem lại cho ông danh vọng muôn đời. Câu chuyện về nguồn gốc thành Rome này có lẽ ra đời do sự ủy nhiệm của Hoàng đế Augustus, và lòng tự hào dân tộc cao trong buổi đầu của đế chế chắc chắn đã góp phần vào thành công của truyện thơ gọi lòng yêu nước này.

Dù mang chủ đề dân tộc, gốc rễ *Aeneid* bắt nguồn từ văn học Hy Lạp, đặc biệt là *Iliad* và *Odyssey* của Homer, những khuôn mẫu chính mà *Aeneid* dựa theo. Chúng có chung “nhịp thơ anh hùng ca” cổ điển đều đặn. Mười hai quyển trong *Aeneid* kể về hành trình của Aeneas từ quê nhà Troy đến Italy, và cuộc chiến ở Latium (xứ của dân Latin) sau cùng dẫn tới sự hình thành Rome.

Một thành tựu như Homer

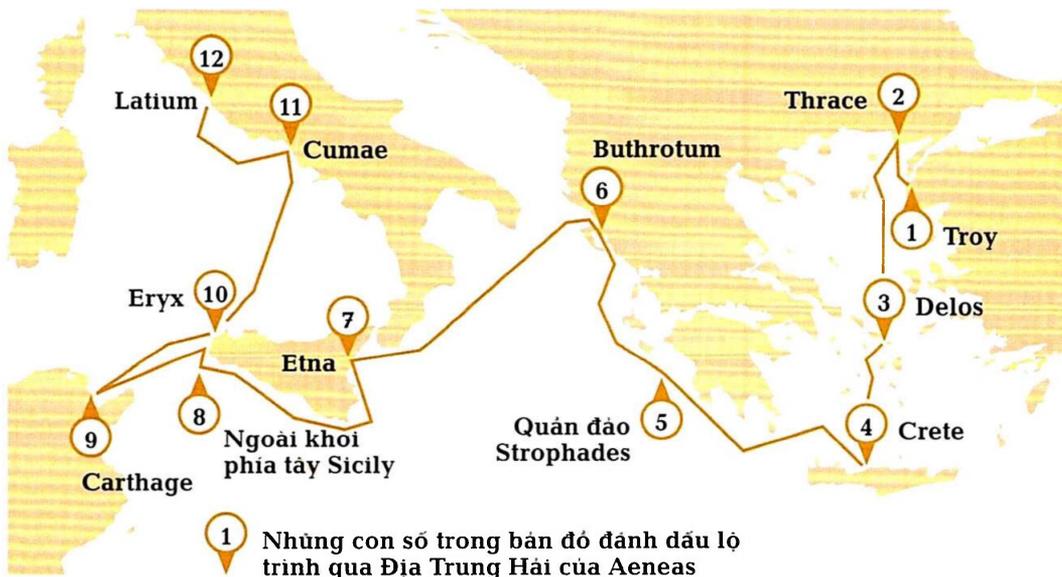
Aeneas là nhân vật đã xuất hiện trong *Iliad*, nhưng Virgil đã khéo léo kể tiếp chuyện về chàng, kết nối truyền thuyết Troy với truyền thuyết về Rome và so sánh phẩm đức của người anh hùng với những giá trị truyền thống tương tự của La Mã. Virgil mở đầu bằng câu “*Arma virumque cano...*” (“Ta hát

Chuyến du hành của Aeneas quanh Địa Trung Hải

1 Troy: Chạy trốn cùng vua cha Anchises và những người khác; vong hồn vợ chàng mách bảo chàng đi tìm vùng đất dọc sông Tiber.

4 Crete: Mộng thấy chu thần khải thị cho chàng biết rằng vùng đất của cha ông mà chàng đang đi tìm nằm ở xứ Italy xa xôi.

5 Quần đảo Strophades: Sống sót sau khi lạc vào xứ các Harpy và bị tấn công; họ báo chàng biết nạn đói xảy ra ở Italy.



9 Carthage: Gặp gỡ và phải lòng Nữ hoàng Dido, chỉ rời xa nàng vì các vị thần thuyết phục chàng tiếp tục lên đường.

11 Cumae: Được nữ tiên tri dẫn đường xuống âm giới, nói chuyện với các vong hồn và được hé lộ về thành Rome tương lai.

12 Latium: Được Vua Latinus chào đón ở cửa sông Tiber, và ông gả con gái Lavinia cho chàng.

về binh đao và về một con người...”), nêu lên chủ đề tác phẩm theo cùng cách thức với *Iliad* (“Hỡi nữ thần, hãy hát lên con giận của Achilles...”), và khởi sự kể chuyện về hành trình đến Italy của Aeneas, từ lúc chàng bị bão đánh giạt vào Carthage. Tại đây, chàng kể cho Nữ hoàng Dido về sự sụp đổ của Troy. Sau khi vờ rút lui, quân Hy Lạp trốn ven bờ biển, để lại một con ngựa gỗ khổng lồ có bánh xe. Một gián điệp của Hy Lạp thuyết phục phe Troy rằng con ngựa được thần Athena bảo vệ và sẽ giúp Troy trở nên bất khả xâm phạm. Đến đêm, sau khi quân Troy đã đưa con ngựa vào thành, một nhóm chiến binh tinh tuyển chui ra từ con ngựa và mở cổng cho quân Hy Lạp đánh vào.

Xuyên suốt tác phẩm, Virgil luôn nhấn mạnh những *pieta* (phẩm đức, nghĩa vụ) của Aeneas, về việc chàng rời quê nhà để đến với định mệnh của mình ở Latium dưới bàn tay can thiệp của số phận và thần thánh như thế nào.

Aeneid không chỉ giúp danh tiếng Virgil nổi bật lên trong số các tác gia La Mã; bản thân nó có lẽ đã thành tác phẩm tiếng Latin được coi trọng nhất. Tên tuổi Virgil được tôn vinh suốt thời Trung cổ, và ông xuất hiện trong *Thần khúc* của Dante như người dẫn đường. Câu chuyện *Aeneid* được kể lại nhiều lần kể từ khi nó ra đời, và ý niệm về mối nguy kiểu “con ngựa thành Troy” – “Cẩn thận những người Hy Lạp mang quà đến” – đã thâm nhập vào văn hóa đại chúng. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Anglo-Saxon

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỷ 7 Caedmon, một tu sĩ ở Tu viện Whitby xuất thân mục tử, sáng tác một thánh ca, thi phẩm bằng tiếng Anh Cổ đầu tiên được biết tới.

Kh.thế kỷ 8 Văn khắc chữ rune trên Thánh giá Ruthwell – nằm ở một vùng của Scotland xưa thuộc về vương quốc Northumbria – là các câu thơ từ bài thơ nay mang tên “Giấc mơ của thánh giá”, tác phẩm trộn lẫn hình tượng chiến binh với chuyện Chúa bị đóng đinh.

SAU ĐÓ

Kh.1000 Anh hùng ca *Waldere* được chép lại. Chỉ hai mảnh văn bản sót lại đến nay, nhưng cũng cho biết phân nào lý tưởng của người chiến binh Anglo-Saxon.

Thế kỷ 10 Các tu sĩ dòng Benedict soạn nên một hợp tuyển thơ Anglo-Saxon nay gọi là *Sách Exeter*.

ĐỊNH MỆNH SẼ XẢY RA NHƯ NÓ PHẢI THẾ

BEOWULF (THẾ KỶ 8–11)

Dù giới học thuật vẫn chia rẽ ý kiến về niên đại ra đời chính xác của *Beowulf*, đây vẫn là anh hùng ca Anglo-Saxon cổ nhất lưu truyền đầy đủ đến nay. Nó được kể bằng thứ tiếng nay gọi là tiếng Anh Cổ, hay tiếng Anglo-Saxon, hình thành từ các ngôn ngữ hệ German được truyền đến nước Anh nhờ những kẻ xâm lược từ Bắc Âu, và vẫn là ngôn ngữ chung ở đây cho đến cuộc Norman Chinh phạt năm 1066.

Từ thế kỷ 5, tiếng Anh Cổ đã được sử dụng rộng rãi ở Anh và miền nam Scotland, nhưng chỉ

để nói, còn văn viết bằng thứ tiếng bản địa này hình thành khá chậm. Đến thế kỷ 7, xứ Anh cải sang Kitô giáo. Tiếng Latin trở thành ngôn ngữ của tầng lớp học thức, nhưng tu viện Kitô giáo nơi chép ra các bản thảo cũng dùng tiếng Latin. Nhưng đến triều đại Vua Alfred (cai trị 871–899), bản dịch tiếng Anh Cổ của các kinh sách Kitô tiếng Latin bắt đầu xuất hiện bên cạnh các văn bản gốc.

Di sản truyền khẩu

Nhiều khả năng *Beowulf* ra đời trong khoảng từ thế kỷ 8 đến đầu thế kỷ 11, bởi dấu mang đề tài ngoại giáo, nó vẫn được viết theo góc nhìn Kitô giáo. Văn chưa rõ liệu người chép ra bản thảo gốc có phải là tác giả của trường ca này hay không, hay chỉ là chép lại một tác phẩm đã có từ trước. Trong truyền thống Anglo-Saxon có những người ngâm thơ kể chuyện gọi là “scop”, mà *Beowulf* và vài văn bản tiếng Anh Cổ khác có nhắc tới, và có thể trường ca này đã được truyền miệng suốt nhiều năm tháng trước khi được chép lại.

Tương tự như ngôn ngữ mà tác phẩm này dùng, câu chuyện trong đó cũng bắt nguồn từ xứ Scandinavia, kể về các truyền thuyết Bắc Âu, với vài nhân vật lịch sử sống vào khoảng năm

“

Mỗi chúng ta phải biết rằng rồi sẽ có ngày ta rời bỏ thế giới này; hãy tìm vinh quang trước khi chết nếu có thể, bởi đó là kết cục tốt nhất cho một chiến binh ra đi.

Beowulf

”

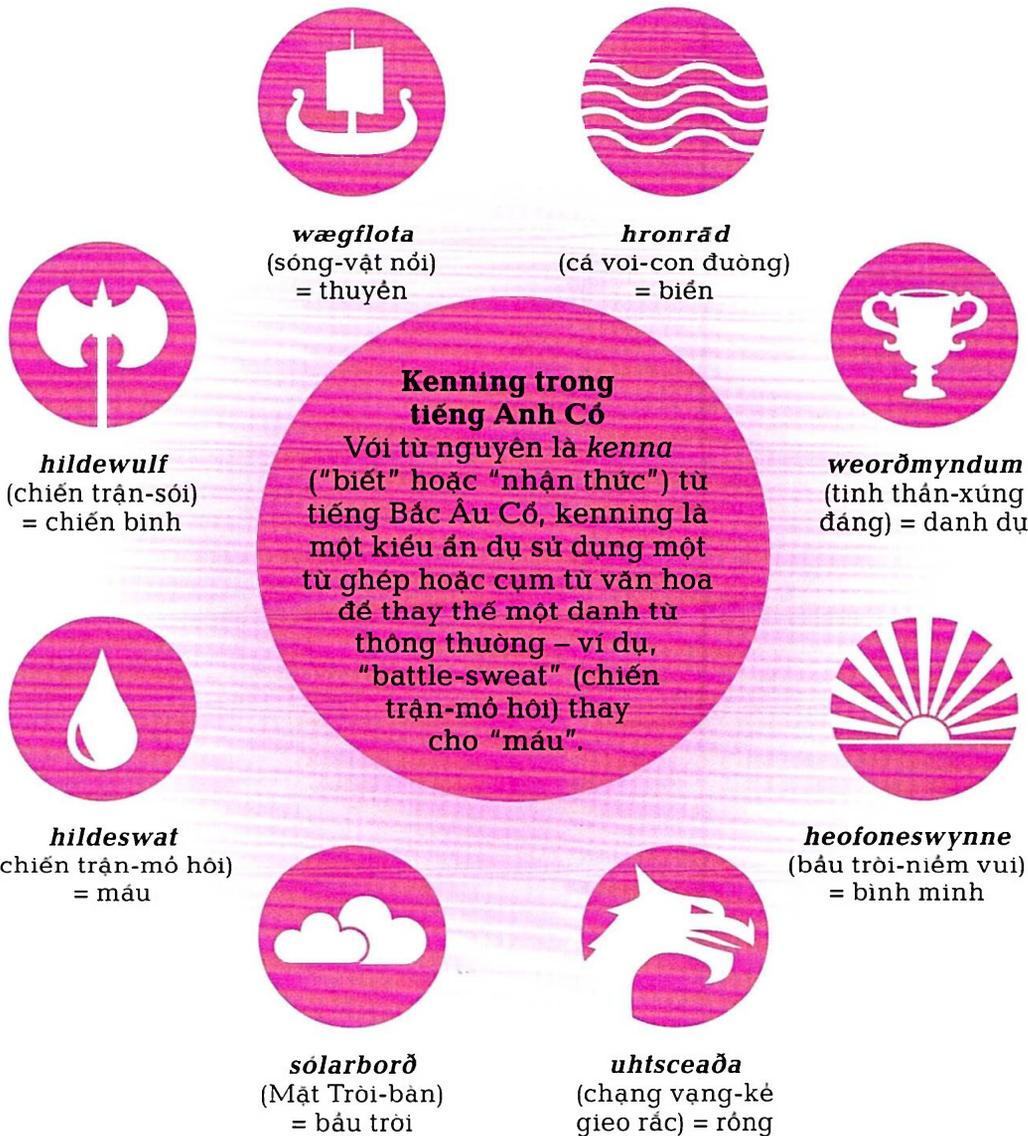
Xem thêm: *Sử thi Gilgamesh* 20 ▪ *Mahabharata* 22–25 ▪ *Iliad* 26–33 ▪ *Aeneid* 40–41 ▪ *Lancelot*, hiệp sĩ trên xe kéo 50–51 ▪ *Saga về Njal* 52–53 ▪ *Cantar de mio Cid* 56–57 ▪ *Thần khúc* 62–65 ▪ *Chúa Nhân* 287

500. Nó kể lại cuộc đời và chiến công của Beowulf, chiến binh người Geat đã đến giúp vua Đan Mạch Hrothgar giải thoát xứ sở khỏi con quái vật Grendel và sau đó là mẹ của nó. Từ một chàng trẻ tuổi phiêu lưu ngông cuồng, Beowulf về sau đã thành vị vua được kính trọng của người Geat, như lời Hrothgar từng khuyên, “Chớ buông mình vào sự kiêu ngạo, hỡi chiến binh lấy lòng!” Trận chiến cuối cùng của ông là với một con rồng để cứu người dân của mình.

Anh hùng ca và bi ca

Bên cạnh câu chuyện về người hùng giết quái vật, cuộc chiến giữa thiện và ác, trường ca này cũng nhấn mạnh chủ đề về lòng trung thành và tình chiến hữu, về tính phù du của kiếp sống, về mối nguy từ sự kiêu hãnh và ngạo mạn của con người khi đối mặt với cái chung cục không thể tránh khỏi. Nhà văn, học giả người Anh J. R. R. Tolkien lập luận rằng *Beowulf* mang tính bi ca không kém chất anh hùng ca; nó không chỉ là lời ai oán trước cái chết của người anh hùng, mà còn là khúc bi ca hoài niệm về một cách sống đang dần mất đi, về cuộc tranh đấu chật vật của chúng ta chống lại số phận.

Dù nguyên bản của *Beowulf* được lưu giữ trong Bản thảo Nowell niên đại cuối thế kỷ 10 đầu 11, nó vẫn chỉ được xem như hiện vật lịch sử mãi cho đến thế kỷ 19, khi xuất hiện bản dịch của nó sang tiếng Anh hiện đại, và đến tận thế kỷ 20, giá trị văn chương của nó mới được thừa nhận, chủ yếu nhờ công sức Tolkien. Ngày nay *Beowulf* đã được dịch vô số lần sang nhiều ngôn ngữ, trở thành một tác phẩm nổi tiếng, truyền ảnh hưởng lên dòng văn học kỳ ảo đương đại. ■



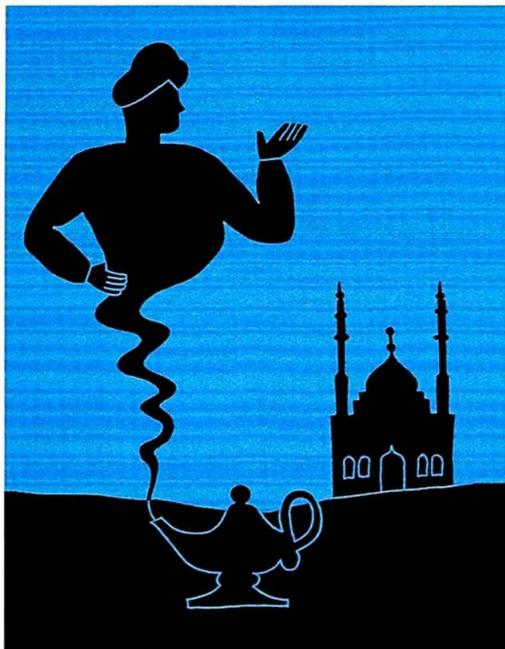
Thơ ca bằng tiếng Anh Cổ

Beowulf là một anh hùng ca dài 3.182 câu, mang âm hưởng hào hùng và sử dụng thể thơ Anglo-Saxon đặc trưng.

Điểm đáng chú ý nhất của thơ bằng tiếng Anh Cổ là không như âm luật thơ hiện đại, chúng thường được viết theo thể thơ lập âm đầu. Mỗi dòng thơ được chia làm hai nửa, không nối với nhau bằng vần cuối mà bằng cách lập âm đầu, phân chia giữa hai nửa là điểm ngắt, biến mỗi dòng

thành một câu thơ đôi lập âm đầu. Một đặc trưng nữa là kiểu ẩn dụ kenning, là một từ ghép theo lối hoa mỹ khi không có từ đơn tương ứng mang chất thơ cần thiết, ví dụ như *hildenaedre* ("battle-serpent", tức "chiến trận-mãng xà") thay cho "mũi tên".

Các đặc trưng này khiến việc dịch sang ngôn ngữ hiện đại gặp khó khăn, nhất là khi xét đến sự phong phú về nghĩa bóng của tiếng Anh Cổ.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Ả Rập sơ kỳ

TRƯỚC ĐÓ

610–632 Theo tín điều Hồi giáo, Kinh Qur'an (tiếng Ả Rập nghĩa là "diễn ngâm") được Thượng đế mặc khải cho Muhammad.

Thế kỷ 8 Một hợp tuyển bảy bài thơ tiền-Hồi giáo, một số ra đời vào thế kỷ 6, được chép bằng chữ dát vàng trên vải lanh, tương truyền đã được treo trên tường đền Kaaba ở Mecca. Chúng có tên *Al-Mu'allaqat* ("tho treo").

SAU ĐÓ

Kh.990–1008 Badi' al-Zamān al-Hamadāni viết *Maqamat* ("tập hợp"), tuyển tập truyện bằng văn vần về những cuộc gặp gỡ của Abul-Fath al-Iskanderi khôn ngoan.

Thế kỷ 13 *Truyện Bayad và Riyad* ra đời ở xứ Andalusia Hồi giáo, là câu chuyện lãng mạn về tình yêu mà con trai một thương gia dành cho một cung nữ ở nước ngoài.

VÀ SCHEHERAZADE BẮT ĐẦU...

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM
(KH. THẾ KỶ 8–15)

Thế giới Ả Rập có truyền thống kể chuyện từ lâu đời, chuyện dân gian luôn được truyền miệng qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, từ thế kỷ 8 trở đi, với sự nở rộ của những trung tâm dân cư và một nền văn hóa Ả Rập phức tạp đang phát triển, người ta bắt đầu phân chia rạch ròi giữa *al-fus'ha* (thủ ngôn ngữ tinh hoa dùng ở các trung tâm học thuật) và *al-ammiyyah* (ngôn ngữ của người bình dân). Văn học thời tiền-Hồi giáo – gồm cả truyện dân gian – sử dụng tiếng địa phương dân ít được tầng lớp

trí thức ưa chuộng, và các tác gia Ả Rập dần thôi viết những áng văn tuông tuọng để tập trung vào thơ và thể loại phi hư cấu.

Sức hút của những câu chuyện

Vậy nhưng bất chấp sự chú trọng dành cho "nghệ thuật thi ca cao cấp", công chúng vẫn yêu thích những truyện hư cấu hay. Dầu không được các học giả Ả Rập đánh giá cao, tuyển tập chuyện kể được gọi bằng nhiều cái tên suốt vài thế kỷ kể đó mà nay ta gọi là *Nghìn lẻ một đêm* hoặc *Đêm Ả Rập* vẫn trở thành nổi tiếng muôn đời.

Thời đại Hoàng kim của văn học Hồi giáo

Vào giữa thế kỷ 8, lãnh thổ do người Hồi giáo kiểm soát trải dài từ Trung Đông qua Ba Tư đến tiểu lục địa Ấn Độ, từ Bắc Phi vươn tới Iberia. Những đô thị lớn của thế giới Hồi giáo trở thành các trung tâm chính trị và văn hóa.

Đây là buổi đầu Thời đại Hoàng kim của Hồi giáo kéo dài khoảng 500 năm. Các trung tâm học thuật như Tuế Quán ở Baghdad thu hút nhiều nhà bác học đa lĩnh vực – khoa học, triết học và nghệ thuật – cũng

như các học giả Kinh Qur'an, thánh điển của Hồi giáo.

Tương truyền Kinh Qur'an là lời Thượng đế mặc khải cho Muhammad, nên nó không chỉ được xem như suối nguồn trí thức tôn giáo mà còn trở thành khuôn mẫu cho văn học Hồi giáo. Phong cách và ngôn ngữ của nó ảnh hưởng sâu sắc lên văn học Hồi giáo cổ điển nở rộ từ thế kỷ 8 trở đi, chủ yếu trong lĩnh vực thơ, vốn được đề cao hơn văn xuôi hư cấu trong thế giới Hồi giáo.

Xem thêm: Mahabharata 22–25 ▪ Chuyện kể Canterbury 68–71 ▪ Mười ngày 102 ▪ Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình 116–17 ▪ Truyện cổ Andersen 151 ▪ Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc 152 ▪ Nhà tiên tri 223

Những đêm của Scheherazade



Khi đêm xuống, Scheherazade dẫn dụ chồng nàng bằng cách kể tiếp câu chuyện từ đêm trước.



Sau khi kết thúc chuyện này, nàng bắt đầu kể chuyện khác, ngôi kể thường là một nhân vật trong chuyện.



Đến chỗ cao trào lúc bình minh, nàng được tha chết để vị hoàng tử có thể biết kết cục vào đêm kế.

Tập truyện kể này tụ hình theo một cách thức lộn xộn suốt vài thế kỷ, và không có phiên bản nào của nó đúng nghĩa là chính thống. Những người kể chuyện tập hợp đủ các câu chuyện từ Ấn Độ, Ba Tư, Ả Rập, bổ sung thêm dần qua hàng thế kỷ. Bản chép tay tiếng Ả Rập cổ nhất còn sót lại của nó được cho là ra đời ở Syria vào cuối thế kỷ 15. Nó sử dụng thứ ngôn ngữ bình dân trái ngược hẳn với thi ca Ả Rập cổ điển và Kinh Qur'an.

Truyện trong truyện

Nghìn lẻ một đêm có cấu trúc truyện khung, tức là một câu chuyện bao hàm trong nó mọi câu chuyện khác. Truyện khung ở đây là về Vương phi Scheherazade khi nàng đứng trước mỗi nguy bị chồng là Hoàng tử Shahryar xử tử. Sau khi người vợ trước ngoại tình, hoàng tử đi đến chỗ tin rằng mọi phụ nữ đều lừa dối; chàng phát thệ rằng mỗi ngày sẽ cưới một tân nương, "tước đi trinh tiết của nàng ta trong đêm và giết nàng vào sáng hôm sau để bảo đảm danh dự cho mình". Để thoát kết cục đó, tân vương phi tri hoãn kể đoạn kết câu chuyện nàng kể vào đêm tân

hôn, khiến Shahryar phải tạm hoãn việc hành quyết nàng. Sau 1.001 đêm như vậy, chàng thủ nhận rằng nàng đã thay đổi hẳn tâm hồn chàng và nói lời xin lỗi nàng.

Chuyện Scheherazade kể là sự hòa quyện của những chuyện kỳ ảo tại những nơi chốn trong truyền thuyết với các câu chuyện liên quan đến nhân vật lịch sử có thật – như Haroun al Rashid (kh.766–809), người đứng đầu Hồi triều Abbas trong Thời đại Hoàng kim của Hồi giáo. Sự đa dạng của những câu chuyện này khiến tập truyện mang nhiều thể loại phong phú, từ phiêu lưu,

lãng mạn, cổ tích cho đến kinh dị, hay thậm chí là "khoa học viễn tưởng".

Ảnh hưởng ở phương Tây

Đến tận thế kỷ 18, châu Âu mới biết đến những câu chuyện này nhờ phiên bản *Les Mille et Une Nuits* (1704–17) của học giả Pháp Antoine Galland. Bản thảo mà Galland dùng để chuyển ngữ vốn còn xa mới đủ "nghìn lẻ một đêm", nên ông bổ sung vào các chuyện kể Ả Rập khác như "Ali Baba", "Aladdin" và "Sinbad". Chúng hoàn toàn không nằm trong *Nghìn lẻ một đêm* nguyên gốc, nhưng đã trở thành những chuyện nổi tiếng nhất trong tập này ở phương Tây.

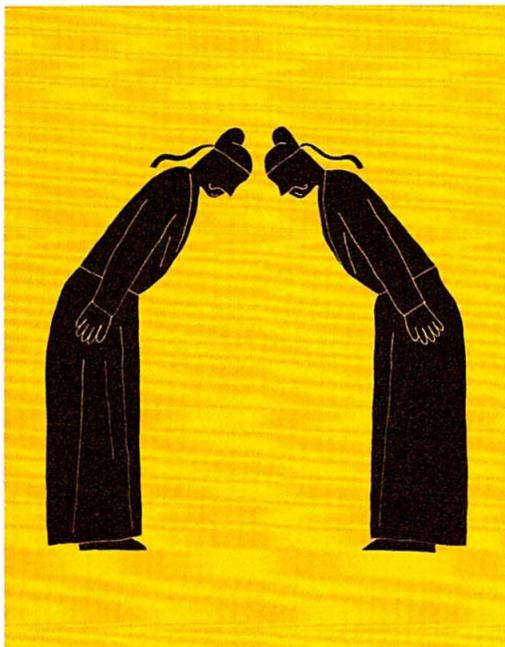
Cuốn sách của Galland, với nào là thần đèn, nào thám bay, nổi tiếng chính nhờ chất ngoại lai xa lạ đó, và nó có tầm ảnh hưởng quan trọng lên phong trào sưu tầm chuyện dân gian đầu thế kỷ 19, với anh em nhà Grimm là đại diện tiêu biểu. Một bản dịch khác năm 1885 của Sir Richard Burton thúc đẩy một mối quan tâm nghiêm túc hơn dành cho văn hóa Hồi giáo – nhưng ở thế giới Ả Rập, người ta vẫn xem *Nghìn lẻ một đêm* là truyện kỳ ảo giải trí hơn là văn học. ■



Hỡi nàng, hãy kể chúng tôi nghe một câu chuyện mới, tuyệt diệu và kỳ thú, cho qua những canh dài đêm muộn.

Nghìn lẻ một đêm





BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Thi ca Trung Hoa để chế

TRƯỚC ĐÓ

Kh.thế kỷ 4 TCN *Sơ từ ra đời*, là tuyển tập "từ" của nhiều tác giả, trong đó có Khuất Nguyên và Tống Ngọc.

Thế kỷ 2 và 3 Tào Tháo, sau là Ngụy Vũ Đế, cùng các con là Tào Phi và Tào Chương khởi xướng dòng văn học Kiến An cuối thời nhà Hán.

SAU ĐÓ

960–1368 Thời nhà Tống và Nguyên, "từ" phổ biến hơn Đường thi.

1368–1644 Đứng đầu thi đàn nhà Minh là Cao Khải, Lý Đông Dương và Viên Hoành Đạo.

1644 Người Mãn Châu lập ra nhà Thanh, mở ra một giai đoạn nở rộ về nghiên cứu và xuất bản Đường thi.

THẾ GIAN NHƯ MỘNG LỚN, HÁ NHỌC MÌNH NHÂN SINH TOÀN ĐƯỜNG THI (THẾ KỶ 8, SAN ĐỊNH VÀO THẾ KỶ 18), TUYỂN TẬP THƠ CỔ LÝ BẠCH, ĐỖ PHỦ VÀ VƯƠNG DUY

Truyền thống thơ Trung Hoa đã có từ thế kỷ 11 TCN. Loại thơ phổ biến thời kỳ đầu này là "từ", là kiểu thơ gắn liền với âm nhạc, thường nói về tình yêu. Bên cạnh đó là "thi", những bài thơ với niêm luật nghiêm nhặt hơn, thường mang chủ đề chiêm nghiệm. Vào buổi đầu nhà Hán thế kỷ 3 TCN, một tuyển tập 305 bài "thi" được soạn ra, chính là *Kinh Thi*, một trong Ngũ kinh của văn học Trung Hoa, chuẩn mực của thơ cổ điển Trung Hoa về sau.

Truyền thống thi ca

Định cao của "thi" là vào thời nhà Đường (618–907). Trong thế kỷ 8, một vài nhà thơ kiệt xuất đã nổi lên. Tiêu biểu trong số này có Lý Bạch (701–762), chuyên làm thơ về những chiêm nghiệm, hoài niệm và tình bằng hữu; có bạn ông là Đỗ Phủ (712–770), một "nhà thơ-sứ giả"; và có học giả Vương Duy (699–759), người vẽ ra những khung cảnh thiên nhiên hiếm khi thấy bóng con

người. Đến năm 1705, Hoàng đế Khang Hy (cai trị giai đoạn 1661–1722) sai học giả Tào Dân (ông của Tào Tuyết Cẩn) soạn tập đại thành *Toàn Đường thi* với khoảng 50.000 bài thơ của hơn 2.000 tác giả. Khoảng năm 1763, Tôn Thù đã soạn một tuyển tập ngắn hơn là *Đường thi tam bách thủ*, một tác phẩm cũng đạt được địa vị kinh điển như *Kinh Thi*, đến ngày nay vẫn là cuốn sách phải đọc quan trọng ở Trung Quốc. ■

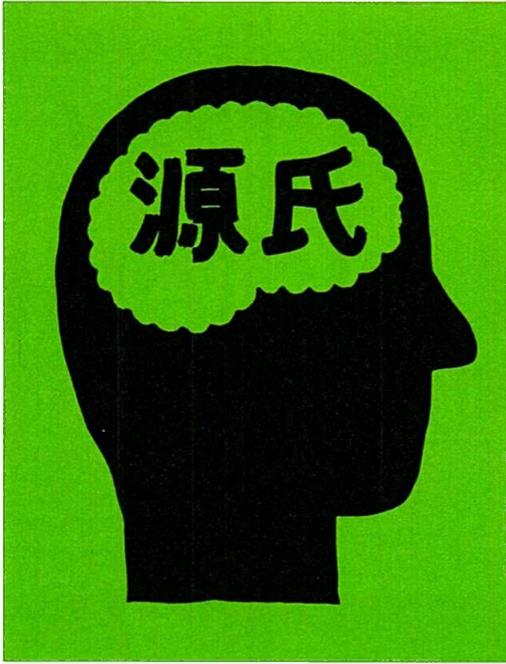
“

Trông nhau mà chẳng chán,
Núi Kính Đình cùng ta.
“**Độc tọa Kính Đình sơn**”

Lý Bạch

”

Xem thêm: *Kinh Dịch* 21 ▪ *Tam quốc diễn nghĩa* 66–67 ▪ *Lối lên miền Oku* 92



NHỮNG THỨ CÓ THẬT, TRONG BÓNG TỐI CŨNG CHẲNG THẬT HƠN MỘNG

TRUYỆN KỂ GENJI (KH.1000–1012),
MURASAKI SHIKIBU

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học dưới triều Heian

TRƯỚC ĐÓ

Kh.920 Tuyển tập *waka* (hay “hòa ca”, loại thơ cổ của Nhật Bản) đầu tiên ra đời, gọi là *Cổ kim tập* (“tuyển tập thơ cổ kim”).

Cuối thế kỷ 10 Tác phẩm mang màu sắc cổ tích *Truyện nàng Ochikubo* được sáng tác.

Kh.1000 Sei Shōnagon hoàn thành *Sách gói đầu* viết về đời sống cung đình dưới triều đại Nữ Thiên hoàng Teishi.

SAU ĐÓ

Đầu thế kỷ 12 *Kim tích truyện* (“truyện kể xưa nay”) được soạn ra, gồm các chuyện kể của Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản.

1187 Fujiwara no Shunzei hoàn thành *Thiên tài tập* (“ghi chép nghìn năm”), tuyển tập *waka* cuối cùng dưới thời hoàng triều.

Nghệ thuật và văn hóa Nhật Bản nở rộ trong thời Heian (794–1185) khi kinh đô nằm ở Heian-kyō (Kyoto ngày nay). Chính vào giai đoạn này mà văn học cổ điển Nhật Bản trỗi dậy, ghi dấu ấn khác biệt tách khỏi ngôn ngữ và văn hóa Trung Hoa. Dù tiếng Trung Hoa vẫn là ngôn ngữ của triều đình và quý tộc, một dạng chữ đơn giản hơn là văn tự ký âm *kana* của Nhật Bản dần trở thành quốc ngữ dùng trong văn học.

Sự bảo trợ của triều đình

Thơ ca được các đời Thiên hoàng Heian đề cao và cổ xúy; tổng cộng có tám tập thơ lớn bằng tiếng Nhật ra đời từ sự ủy nhiệm của họ. Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ 10, các tác phẩm văn xuôi cũng bắt đầu xuất hiện, gồm có truyện kể lịch sử và truyện dân gian, như *Truyện ông lão đốn tre* (tức *Nàng tiên ống tre*) hay *Truyện nàng Ochikubo*, tương truyền do một thành viên của triều đình Heian sáng tác. Nhân vật nổi bật hơn cả là Murasaki

Shikibu (973–1014 hoặc 1025), một tùy nữ cung đình, tác giả tiểu thuyết đầu tiên của Nhật Bản (và có lẽ là của cá nhân loại) – *Truyện kể Genji*. Tác phẩm 54 chương này kể về cuộc đời và những chuyện tình của “Genji phong nhã” – một hoàng tử bị tước quyền kế tập – và các hậu duệ của chàng. Dù không có cốt truyện thực sự mà chỉ là một chuỗi sự kiện, các nhân vật trong tiểu thuyết được khắc họa rất thuyết phục, không chỉ giúp hé lộ đời sống cung đình Heian lúc bấy giờ mà còn cho ta thấy những suy tư và động cơ của họ, khiến tác phẩm này mang nhiều nét của tiểu thuyết tâm lý hiện đại.

Murasaki có lẽ chủ định viết *Truyện kể Genji* cho tầng lớp quý tộc đọc, nhưng nó đã được đón nhận rộng rãi và trở thành kinh điển, được ấn loát dưới nhiều phiên bản kể từ thế kỷ 12. Dấu nổi tiếng là vậy, phong cách phức tạp của nó khiến cho mãi đến thế kỷ 20 mới có bản dịch sang tiếng Nhật hiện đại, đi kèm nhiều chú giải để giải thích các liên hệ văn hóa trong đó. ■

Xem thêm: *Sách gói đầu* 56 ▪ *Lối lên miền Oku* 92 ▪ *Tụ sát vì tình ở Sonezaki* 93



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chansons de geste

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỷ 5–11 Các thi nhân gọi là "scop" ở nước Anh Anglo-Saxon thường giải trí cho triều đình bằng cách hát hoặc kể lại các anh hùng ca, chủ yếu là từ Bắc Âu.

880 *Ngợi ca Thánh Eulalia* là một trong những văn bản đầu tiên viết bằng thứ tiếng bản địa phương bắc *langue d'oïl* (tiếng Pháp Cổ).

SAU ĐÓ

Cuối thế kỷ 11 hoặc đầu thế kỷ 12 Những thi phẩm Chất liệu Pháp đầu tiên xuất hiện, như *Chanson de Guillaume* và *Gormont et Isembart*.

Kh.1200 *Cantar de mio Cid* ra đời, là anh hùng ca Tây Ban Nha xưa nhất được biết.

Thế kỷ 14–15 Thời kỳ vĩ đại của thi ca Pháp Trung cổ kết thúc khi Chiến tranh Trăm năm (1337–1453) nổ ra cùng thảm họa Cái chết Đen.

NGƯỜI TA NÊN TẬN TỤY VÌ CHỦ NHÂN CỦA MÌNH

BÀI CA ROLAND (KH.1098)

Dù một số văn bản tôn giáo bằng tiếng Pháp cổ bản địa đã có từ đầu thế kỷ 9, văn học tiếng Pháp nhìn chung bắt đầu với *chansons de geste* ("những bài ca về chiến công anh hùng"), loại anh hùng ca do những người hát rong gọi là *jongleur* hát hoặc kể lại tại triều đình. Thoạt đầu các truyện thơ này được truyền miệng, nhưng người ta dần dà chép lại chúng kể từ cuối thế kỷ 11.

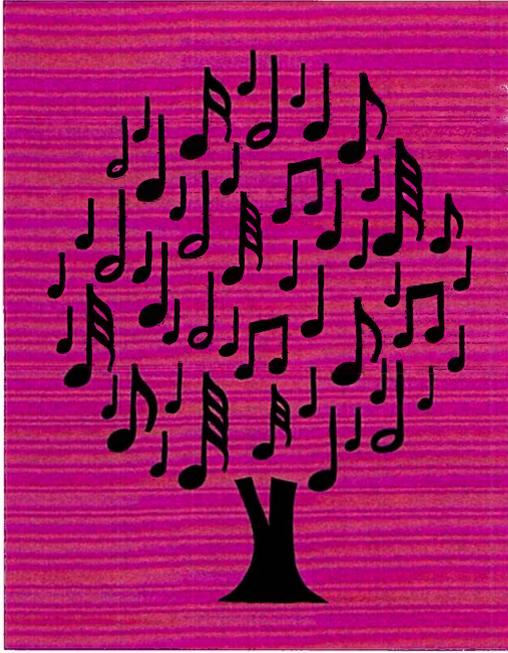
Những chiến công truyền thuyết *Chansons de geste* là nền tảng của Chất liệu Pháp, một trong ba bộ phận của một nhóm tác phẩm văn học lớn thời Trung cổ, và chủ yếu viết bằng tiếng Pháp cổ. Tác phẩm thuộc Chất liệu Pháp nói về chiến công của các nhân vật lịch sử như vua người Frank là Charlemagne. Hai nhóm tác phẩm lớn khác – Chất liệu La Mã (lịch sử và thần thoại thời cổ điển) và Chất liệu Anh (chuyện về Vua Arthur và các hiệp sĩ) – đều không phải là đề tài của *chansons de geste*.

Một trong những *chanson* thuộc Chất liệu Pháp có sớm nhất là *Bài ca Roland*, phiên bản của

một thi sĩ tên Turolde. Với khoảng 4.000 dòng thơ, tác phẩm kể về trận đánh truyền thuyết ở Roncevaux (Roncesvalles ngày nay) năm 778, thời Charlemagne đang cai trị. Trong trận đánh thành trì Hồi giáo Saragossa ở Tây Ban Nha, Roland đã bị cha duong phản bội và bị phục kích. Quyết không gọi cứu viện, chàng quá cảm chiến đấu, nhưng đến khi thấy lính của mình bị thảm sát, chàng dùng tù và ngà voi gọi viện binh trả thù, thổi mạnh đến mức tắt hơi mà chết. Charlemagne đã nghe thấy, dẫn quân tới và đánh bại phe Hồi giáo.

Chansons de geste đã truyền cảm hứng cho truyền thống thơ *cantar de gesta* ở Tây Ban Nha, trong đó có anh hùng ca *Cantar de mio Cid* (Bài ca về Cid) ở vùng Castile. Nhiều tác phẩm của nó được kể lại bằng tiếng Đức và cả tiếng Bắc Âu cổ với *Karlamagnús saga* (Saga về Charlemagne). Ngay cả sau khi các nhà thơ từ thế kỷ 12 dần ưa chuộng sáng tác thơ trữ tình về tình yêu quý tộc, thì những *chanson* hay nhất, như *Bài ca Roland*, vẫn được yêu thích cho đến thế kỷ 15. ■

Xem thêm: *Beowulf* 42–43 ▪ "Dưới bóng cây đơan" 49 ▪ *Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo* 50–51 ▪ *Chuyện kể Canterbury* 68–71



TANDARADEI, DỊU NGỌT LÀ TIẾNG SƠN CA

“DƯỚI BÓNG CÂY ĐOẠN” (CUỐI THẾ KỶ 12),
WALTHER VON DER VOGELWEIDE

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Troubadour và minnesinger

TRƯỚC ĐÓ

Cuối thế kỷ 11 Truyền thống thơ troubadour về tình yêu quý tộc, viết bằng phương ngữ Occitania miền nam Pháp (*langue d'oc*), lan đến Tây Ban Nha và Italy.

Thế kỷ 12 Các thi sĩ *trouvères*, trong đó có Chrétien de Troyes, bắt đầu sáng tác thơ trữ tình bằng *langue d'oïl*.

Cuối thế kỷ 12 Der von Kurenberg và Dietmar von Aist khởi xướng truyền thống *Minnesänger* của Đức.

SAU ĐÓ

Cuối thế kỷ 13 Heinrich Frauenlob, một trong các *Minnesänger*, mở trường dạy *Meistersinger*.

Kh. tn. 1330 Số nghệ sĩ troubadour Pháp ít dần rồi biến mất hẳn vì đại dịch Cái chết Đen (kh.1346–53).

Những người hát rong kể hoặc hát các anh hùng ca là màn giải trí thường thấy trong các cung đình châu Âu buổi đầu thời Trung cổ. Nhưng vào thế kỷ 11, một số thi sĩ với xuất thân dòng dõi hơn, ban đầu là ở Occitania miền nam Pháp, bắt đầu trở thành các nghệ sĩ du ca. Để phân biệt với các *jongleur* và những người giải trí thông thường khác, người ta gọi họ là troubadour. Thơ ca của họ chuyển trọng tâm từ chuyện kể lịch sử sang tình yêu quý tộc – những kỳ công của các hiệp sĩ và mối tình họ dành cho các công nương quyền quý của mình.

Những nghệ sĩ có thân phận

Thơ trữ tình thoát đầu xuất hiện ở miền bắc Pháp, sau là Italy và Tây Ban Nha. Trong thế kỷ tiếp đó, các nghệ sĩ giải trí có thân phận, gọi là *Minnesänger* (minnesinger trong tiếng Anh), nổi lên ở Đức. Nổi bật là Walther von der Vogelweide (kh.1170–kh.1230), một thi sĩ làm cả thơ chính trị và thơ châm biếm. Ông được biết đến nhiều nhất nhờ “Dưới bóng cây đoạn”, một bài thơ tình trang nhã kiểu troubadour về tình yêu quý tộc, với vài khác biệt

nổi bật. Bằng cách dùng điệp ngữ dễ nhớ “Tandaradei”, tiếng hót của chim sơn ca, ông gọi liên hệ đến những điệp khúc trong nhạc dân gian, và quan trọng hơn, những ngôn từ đẹp nhất trong bài thơ là dành cho một cô gái bình thường chứ không phải một công nương quyền quý nào.

Những đặc điểm này đã báo trước cái kết của thời đại thơ trữ tình về tình yêu quý tộc. Cột mốc đó ở Đức là sự nổi lên của lớp nhà thơ mới chuyên nghiệp hơn, các *Meistersinger*, hay mastersinger. ■

“

Hắn ai kia còn thấy
Nơi ấy, nằm cạnh nhau,
Cỏ xanh ai giẫm nát
Bên hoa úa phai màu.
“Dưới bóng cây đoạn”

”

Xem thêm: *Bài ca Roland* 48 ▪ *Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo* 50–51 ▪ *Chuyện kể Canterbury* 68–71



SAI LẦM THAY KẸ NÀO DÁM CƯỖNG LẠI TÌNH YÊU

**LANCELOT, HIỆP SĨ TRÊN XE KÉO
(KH.1175–1181), CHRÉTIEN DE TROYES**

BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Truyện hiệp sĩ lãng mạn về thời Arthur

TRƯỚC ĐÓ

1138 *Historia Regum Britanniae* của giáo sĩ, nhà chép biên niên sử người Wales Geoffrey xứ Monmouth phổ biến truyền thuyết về Vua Arthur.

Thế kỷ 12 *Tristan*, thi phẩm bằng tiếng Pháp Cổ của Thomas nước Anh, kể lại truyền thuyết về hiệp sĩ Bàn Tròn Tristan và tình nương Iseult của chàng.

SAU ĐÓ

Thế kỷ 13 Tập truyện năm tập cùng chủ đề là Lancelot-Grail (còn gọi là Prose Lancelot hay Vulgate Cycle) được một nhóm giáo sĩ vô danh viết ra bằng tiếng Pháp Cổ, kể về cuộc phiêu lưu tìm Chén Thánh của Lancelot.

1485 Trong *Le Morte d'Arthur*, nhà văn Anh Sir Thomas Malory kể lại một phiên bản khác của các truyền thuyết thời Arthur.

Truyền thống thơ anh hùng ca bắt nguồn từ Homer và Virgil vẫn sống xuyên thời Trung cổ dưới hình thức *chansons de geste*, các bài ca chiến công anh hùng được sáng tác và biểu diễn bởi giới troubadour ở miền nam Pháp và đồng nghiệp của họ thuộc các xứ Địa Trung Hải. Loại anh hùng ca Trung cổ này kể về những hành động dũng cảm, những trận đánh từ thời xa xưa hay cuộc chiến chống lại người Saracen và người Moor. Nhưng đến thế kỷ 12, chuyện hiệp sĩ phiêu lưu kiểu này dần mang màu sắc khác, thay cho công trạng chiến chinh là chuyện yêu đương

quý tộc đóng vai chủ đề chính yếu, từ chủ nghĩa anh hùng chuyển sang những chiến công cao cả.

Truyện thuyết về thời Arthur

Thi sĩ có công đem tới sự đổi thay này là Chrétien de Troyes, một *trouvère* (tuong tự như troubadour, nhưng là ở miền bắc Pháp) lấy cảm hứng từ truyền thuyết về Vua Arthur và các hiệp sĩ Bàn Tròn. Thời Chrétien sống, có hai nền văn hóa khác biệt ở Pháp với đặc trưng là phương ngữ riêng: các troubadour ở miền nam sử dụng *langue d'oc*, còn ngôn ngữ của giới *trouvère* ở miền bắc

Chrétien de Troyes

Ta không biết gì nhiều về Chrétien de Troyes, một *trouvère* sống vào cuối thế kỷ 12, phục vụ trong cung đình của Marie nước Pháp. Họ mượn "de Troyes" cho thấy có thể ông đến từ Troyes, thuộc xứ Champagne của Pháp, hoặc đó là do nhà bảo trợ Marie của ông, Nữ bá tước xứ Champagne, đặt cung đình ở Troyes. Thơ ông, chủ yếu sáng tác vào giai đoạn 1160–1180, cho thấy ông giữ một chức sắc nhỏ trong Giáo hội. Tác phẩm chính

của Chrétien là bốn truyện thơ lãng mạn về thời Arthur, và qua mối tình của Lancelot và Guinevere, ông đã đưa vào những câu chuyện này khái niệm tình yêu quý tộc mới mẻ. Truyện thơ thứ năm, *Perceval, chuyện về Chén Thánh*, vẫn chưa hoàn thành khi ông qua đời khoảng năm 1190.

Tác phẩm chính khác

Kh.1170 *Erec và Enide*

Kh.1176 *Cligès*

1177–81 *Yvain, hiệp sĩ su tử*

Xem thêm: *Bài ca Roland* 48 ▪ "Dưới bóng cây đoan" 49 ▪ *Don Quixote* 76–81 ▪ *Sir Gawain và Hiệp Sĩ Xanh* 102 ▪ *Le Morte d'Arthur* 102



Khi Lancelot bị buộc ngồi trên xe kéo như một tù phạm, chàng phải rất miễn cưỡng nghe theo. Danh dự của chàng về sau được chuộc lại bằng những chiến công anh hùng.

là *langue d'oil*. Không lạ gì khi Chrétien quay lưng với thế giới cổ điển vùng Địa Trung Hải và các anh hùng của miền nam Pháp mà hướng đến "Chất liệu Anh", những truyền thuyết của xứ Anh và vùng Brittany.

Tình yêu chiến thắng tất cả

Bên cạnh việc giới thiệu truyền thuyết về thời Arthur cho một bộ phận người Pháp, Chrétien còn tái định khái niệm truyện hiệp sĩ lãng mạn. Trong *Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo*, nhân vật chính là Lancelot trước đó còn ít được biết đến. Cuộc phiêu lưu của chàng về bản chất mang tính lãng mạn, và chất hiệp sĩ cao quý của chàng được thể hiện trong sứ mệnh bảo vệ danh tiết cho Nữ hoàng Guinevere.

Mang sứ mệnh giải cứu Guinevere khỏi nanh vuốt xấu xa của Méléagant, Lancelot dấn thân vào một loạt cuộc phiêu lưu, với những cuộc đụng độ không thể tránh khỏi cùng Méléagant mà chàng thường là người chiến thắng, và với những tình cảm về văn chàng dành cho Guinevere.

Mọi chuyện dẫu vậy không phải lúc nào cũng thuận lợi: một chuỗi hiểu lầm và dối gạt khiến chàng tưởng rằng tình cảm của Guinevere chỉ là nhân tình ấm lạnh, rồi sự tôn nghiêm của chàng cũng bị thách thức khi chàng buộc phải quá giang trên một chiếc xe kéo vốn thường được dùng để chở phạm nhân, và có thời điểm chính chàng cũng bị tống giam. Nhưng đến cuối cùng, Lancelot và tình yêu của chàng đã chiến thắng, danh tiết của Guinevere và sự tôn quý của chàng vẫn được bảo toàn.

Thời đại hiệp sĩ

Sự cách tân mà Chrétien mang lại cho thơ anh hùng ca hòa điệu với tâm trạng chung của thời đại, và dù loại *chansons de geste* vẫn còn được đọc giá ưa chuộng, giới thi sĩ khắp châu Âu bắt đầu tiếp nhận phong cách mới, thường là trên chủ đề truyền thuyết thời Arthur. Nhiều người chọn kể về các đôi tình nhân như Lancelot và Guinevere, Tristan và Iseult; người thì kể chuyện về sứ mệnh cao cả đi tìm Chén Thánh. Tuy nhiên, đến thế kỷ 13, thơ anh hùng ca cũng dần lụi tàn, và chuyện về thời Arthur dần được kể lại dưới hình thức văn xuôi nhiều hơn, với đỉnh cao là *Le Morte d'Arthur* (Cái chết của Arthur) của Sir Thomas Malory.

Dòng truyện hiệp sĩ lãng mạn về thời Arthur mất hẳn độc giả khi bình minh của thời Phục hưng ló dạng. Vào thời điểm Miguel de Cervantes viết *Don Quixote* năm 1605, bức tranh về các hiệp sĩ cao quý, những người đẹp mắc nạn và thủ tình yêu quý tộc kiểu cách đã trở thành một khuôn sáo quá quen thuộc, dù những từ "hiệp sĩ" và "lãng mạn" vẫn là tính chất gắn liền với thế giới Trung cổ huyền bí. ■

Ba loại hình khác biệt trong thơ anh hùng ca đã phát triển ở Tây Âu thời Trung cổ. Được ghi lại chủ yếu bằng tiếng Pháp Cổ, mỗi loại này phân biệt với nhau bởi chủ đề hoặc đề tài của chúng.



Chất liệu La Mã

Thần thoại và truyền thuyết trong thế giới cổ điển, của Hy Lạp và đặc biệt là của La Mã, ngoài ra còn có sử truyện về các nhân vật như Alexander Đại đế và Julius Caesar.



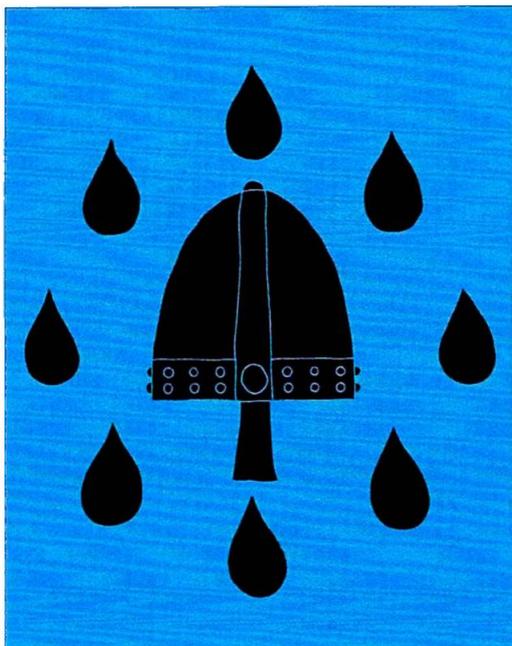
Chất liệu Pháp

Truyền thuyết về Charlemagne và các lạc hầu, về chiến tranh với người Moor và Saracen, trong đó có chuyện về Roland, Guillaume d'Orange và Doon de Mayence.



Chất liệu Anh

Truyền thuyết về xứ Anh và vùng Brittany, cuộc phiêu lưu tìm Chén Thánh, chuyện về Brutus nước Anh, Vua Cole, Vua Lear và Gogmagog.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Saga Bắc Âu

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỷ 12 Những saga bằng tiếng Na Uy Cổ đầu tiên, *Konungasogur* (Saga về các vị vua), được viết ra ở Na Uy và Iceland.

Kh.1220 Tương truyền học giả Iceland Snorri Sturluson đã sáng tác (hoặc soạn lại) tuyển tập chuyện thần thoại *Edda văn xuôi*.

Nửa sau tn. 1200 Một tuyển tập thơ khuyết danh về thần thoại Scandinavia ra đời, về sau được gọi là *Edda thơ*.

SAU ĐÓ

Thế kỷ 13 Các bản dịch *chansons de geste* truyền cảm hứng cho dòng saga hiệp sĩ Iceland phát triển.

Kh.1300 Chuyện về gia tộc Sturlung ở Iceland thế kỷ 12 được tổng hợp lại thành *Sturlungasogur* (Saga đương thời).

VẾT THƯƠNG CỦA KẺ KHÁC SẼ LÀ BÀI HỌC CHO TA

SAGA VỀ NJAL (CUỐI THẾ KỶ 13)

Truyện saga Bắc Âu – với những chiến công anh hùng, xung đột gia tộc, phiêu lưu tình ái, truyền thuyết và chi tiết lịch sử – được viết ra vào khoảng thế kỷ 12–14. Phần lớn chúng đều khuyết danh tác giả. Cho đến thế kỷ 12, hầu hết saga này chỉ lưu truyền dưới dạng truyền miệng trước khi các thợ chép chữ chép lại chúng nhiều năm sau. Tuy nhiên, không như đa phần văn học Trung cổ vốn được viết lại bằng chữ của giới hàn lâm là Latin, truyện saga được chép bằng những ngôn ngữ bản địa của người bình dân, tiếng Na Uy Cổ

và Iceland Cổ. Chúng chia làm năm loại chính: saga về các vị vua, chủ yếu nói về những nhà cai trị sơ khai ở Na Uy, có cả Orkney và Thụy Điển; saga đương thời, nói về chuyện thế tục của các thủ lĩnh Iceland (và đôi khi được đặt tên theo gia tộc lớn Sturlung); *Fornaldarsogur* (saga về thời cổ), ít dựa theo lịch sử, chủ yếu nói về những thời kỳ trong thần thoại và truyền thuyết; saga hiệp sĩ, như *Saga về Alexander*, thoát kỳ thù là những bản dịch *chansons de geste* từ tiếng Pháp; và cuối cùng là saga của người Iceland.

Eddur

Eddur (số ít *Edda*) là một bộ phận của văn học Iceland thời cổ xuất hiện trong những cuốn sách thế kỷ 13 là *Edda văn xuôi* và *Edda thơ*. Hai tác phẩm này tạo thành nguồn tư liệu đầy đủ nhất về thần thoại Scandinavia.

Edda văn xuôi, hay *Edda mới*, được sáng tác (hoặc soạn lại) bởi học giả Iceland Snorri Sturluson (1179–1241) vào khoảng năm 1220. Đây là cuốn cẩm nang về thơ, giải thích nhịp thơ mà các *skald* (nhà thơ cung đình) thời đầu sử dụng và giới thiệu các đề

tài thần thoại trong thi ca thời sơ khai. Ngoài phần lệ ngôn, cuốn sách có ba phần chính: *Skáldskaparmál* ("Ngôn ngữ của thơ"); *Háttatal* ("Danh mục nhịp thơ"); và *Gylfaginning* ("Gylfi bị lừa"), phân kể chuyện Vua Gylfi đến Asgard, vương quốc của các vị thần.

Edda thơ, hay *Edda cũ*, là một tuyển tập ra đời sau với nội dung về thời kỳ xưa hơn rất nhiều, chứa nhiều bài thơ chủ đề anh hùng và huyền thoại do tác giả khuyết danh sáng tác.

Xem thêm: *Iliad* 26–33 ▪ *Beowulf* 42–43 ▪ *Bài ca Roland* 48 ▪ *Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo* 50–51 ▪ *Cantar de mio Cid* 56–57 ▪ *Ivanhoe* 150 ▪ *Kalevala* 151 ▪ *Chúa Nhân* 287

Được chép lại vào đầu thế kỷ 13, saga của người Iceland (hay saga gia tộc) là truyện anh hùng bằng văn xuôi, tập trung vào lịch sử của một dòng tộc, mô tả những đấu tranh và xung đột diễn ra trong dòng tộc đó.

Chủ nghĩa hiện thực trong saga gia tộc, cùng với văn phong sáng sủa đẹp đẽ và sự khắc họa sinh động các nhân vật, đưa chúng lên địa vị cao nhất của truyền thống saga Iceland cổ điển. Nổi bật có *Saga về Egil*, *Saga về dân xứ Laxárdalr*, *Saga về Grettir* và *Saga về Njal*. Một số học giả tin rằng tác giả của *Saga về Egil* là Snorri Sturluson, các tác phẩm kia thì khuyết danh.

Huyết thù bi kịch

Saga về Njal, hay “Truyện Njal bị thiêu chết”, là một trong những saga Iceland dài nhất và thường cũng được xem là hay nhất. Nó được viết bằng văn xuôi xen lẫn thơ, tái hiện cuộc sống ở Iceland trong thời đại anh hùng, miêu tả các sự kiện xảy ra giữa các đại gia tộc trong giai đoạn thế kỷ 10–11. Là một tác phẩm chuông hồi với âm hưởng ám đăm, nội dung chính của *Saga về Njal* xoay quanh một mối huyết thù kéo dài 50 năm, ảnh hưởng đến cuộc đời của rất nhiều nhân vật được khắc họa phức tạp và sinh động.

Phần lớn truyện này tập trung kể về hai người anh hùng: Njal, một trạng su thông tuệ, khôn ngoan, cùng với bạn chàng là Gunnar, một chiến binh dũng mãnh nhưng hành động miễn cưỡng. Cả hai đều yêu hòa bình, nhưng danh dự và tinh thần tộc cuốn họ và gia đình họ vào vòng xoáy xung đột đẫm máu với những hậu quả bi kịch. Ở một số khía cạnh – như độ dài, nội dung và chủ đề tâm lý – *Saga về Njal* giống như một tiểu thuyết hiện đại. Các nhân vật và mối quan hệ của họ đem lại cảm giác

Văn học của người Bắc Âu	
Saga về các vị vua 	Là đỉnh cao của văn học saga, <i>Konungasogur</i> kể về công tích của các vị vua. Nổi tiếng nhất là <i>Heimskringla</i> của Snorri Sturluson (kh.1230), kể về các vị vua Na Uy.
Saga đương thời 	<i>Sturlungasogur</i> kể về xung đột nội bộ ở Iceland vào thế kỷ 12 và 13. Không như loại saga gia tộc, chúng được viết không lâu sau khi sự kiện diễn ra, giàu chi tiết về bối cảnh lịch sử xã hội.
Saga về thời cổ 	<i>Fornaldarsogur</i> kể về những sự kiện trước khi Iceland có người định cư, nổi bật là <i>Saga về nhà Völsung</i> (kh.1270). Ngoài truyền thuyết anh hùng Đức và thần thoại, chúng kể về chuyện phiêu lưu ở những xứ sở xa xôi.
Saga hiệp sĩ 	<i>Riddarasogur</i> bao gồm các bản dịch tiếng Bắc Âu của loại truyện hiệp sĩ lãng mạn nhằm tới độc giả phổ thông. Thuộc loại cổ nhất là câu chuyện về Tristan (kh.1226)
Saga gia tộc 	<i>Islendingasogur</i> là nhóm truyện lịch sử gia tộc kể về những thế hệ đầu tiên của các gia tộc đi khai phá giai đoạn kh.930–kh.1030. Chúng thường khuyết danh tác giả.

quen thuộc, đáng tin. Ngoài chủ đề chính là vấn đề danh dự và hậu quả của việc trả thù, saga này còn giúp ta thấy vai trò của luật pháp trong việc hòa giải xung đột.

Ảnh hưởng mạnh mẽ

Saga Iceland về nên các chiến binh, vua chúa, những con người sức vóc và những bậc tôn trưởng hùng mạnh. Bằng cách khắc họa các sự kiện lịch sử và thời đại nhiều nhượng cũng như các thần thoại và truyền thuyết xa xưa, chúng cung cấp cho ta bức tranh hiện thực về một xã hội nay đã không còn, cùng những câu chuyện lãng mạn kỳ ảo.

Cùng nhau, những truyện này được xếp vào nhóm tác phẩm xuất sắc bậc nhất của văn học Âu châu Trung cổ. Ảnh hưởng của chúng

lên các nhà văn đời sau là rất lớn, tiêu biểu có Sir Walter Scott, thi sĩ kiêm nhà biên kịch người Scotland thế kỷ 19, và J. R. R. Tolkien, nhà văn dòng văn học kỳ ảo người Anh thế kỷ 20. ■



Đừng bao giờ phá vỡ hòa bình giữa người và kẻ khác, cái trật tự đúng mà những người tốt đã cố công tạo dựng.

Saga về Njal



ĐỌC THÊM

TỬ THƯ AI CẬP (THẾ KỶ 16 TCN)

Được viết và minh họa trên giấy papyrus, *Tử thư Ai Cập* là tập hợp khoảng 200 bài kinh chú từ nhiều nguồn, dùng để dẫn lối cho linh hồn ở kiếp sau. Người ta tâng theo xác ướp những cuộn bản thảo do thợ chép chữ chép ra này, tin rằng người chết sẽ đọc được chúng trên hành trình ở thế giới bên kia, giúp họ được bảo vệ và dẫn đường trước hiểm nguy ở âm giới. Một ví dụ tiêu biểu là *Bản thảo Ani*, nay nằm ở Bảo tàng Anh, London.

ODYSSEY (KH.725–675 TCN), HOMER

Là anh hùng ca Hy Lạp cổ đại gồm 24 quyển (hơn 12.000 dòng) được soạn để diễn ngâm, *Odyssey* tương truyền do Homer (xem tr.28) sáng tác. Sù thi này một phần là hậu truyện cho tác phẩm vĩ đại khác của Homer là *Iliad*.

Aeschylus

Bảy vở bi kịch hoàn chỉnh còn lại đến nay trong số trước tác của Aeschylus – ước chừng ông đã viết từ 70 đến 90 vở kịch – cũng đủ xác lập địa vị bậc thầy của ông trong thể loại này. Tương truyền ông sinh ra ở Eleusis gần Athens vào năm 525 hoặc 524 TCN. Ông sống vào buổi đầu của nền dân chủ Athens, và đã góp công chống quân Ba Tư xâm lược – đặc biệt là trong trận Marathon. Ngoài bi kịch, ông còn viết “kịch satyr” theo phong cách nhẹ nhàng, khoái hoạt. Cả

Người anh hùng trong này là Odysseus, vua xứ Ithaca, sau khi Chiến tranh thành Troy 10 năm kết thúc đã lênh đênh trên biển tìm đường về nhà. Chàng trải qua bao phiêu lưu li kỳ, đụng độ với quái vật và cám dỗ xác thịt. Cả con trai Telemachus và vợ Penelope đều đau đầu chờ Odysseus trở về – chàng đã đi xa suốt hai mươi năm. Penelope phải đối mặt với những kẻ cầu hôn, về sau đều thiệt mạng dưới tay Odysseus giả trang trong đoạn kết kịch tính của câu chuyện.

THẦN HỆ (KH.700 TCN), HESIOD

Sù thi 1.022 dòng *Thần hệ*, hay “Sự ra đời của các vị thần”, tác phẩm của nhà thơ Hy Lạp cổ đại Hesiod (thế kỷ 8–7 TCN), nằm trong số truyện kể thần thoại xưa nhất về nguồn gốc vũ trụ và các vị thần. Bắt đầu với sự hình thành Đất (*Gaia*) từ Hồn mang (Vực sâu nguyên thủy), sù thi đi vào chi tiết từ sự ra đời đến lúc bị truất ngôi

hai thể loại này đều nằm trong hạng mục thi tại cuộc thi kịch hàng đầu Athens, lễ hội Dionysus thường niên, và Aeschylus thường đoạt ngôi vị quán quân. Một ngoại lệ là năm ông mất giải vào tay Sophocles, nhà bi kịch trẻ tuổi hơn. Ông mất tại Gela, Sicily vào năm 456 hoặc 455 TCN.

Tác phẩm chính

472 TCN *Người Ba Tư*
467 TCN *Bảy đợt tấn công Thebes*
458 TCN *Oresteia* (xem bên phải)
Thế kỷ 5 TCN *Prometheus bị xiềng*

của các thế hệ thần thánh nối nhau, kết thúc bằng khúc khải hoàn của Zeus. Trọng tâm *Thần hệ* là một số chủ đề cốt lõi đã ám ảnh trí tưởng tượng nhân loại bao đời, như sự sáng thế, mâu thuẫn giữa cha và con trai, và vị trí của nhân loại trong thế giới này.

ĐẠO ĐỨC KINH (THẾ KỶ 6–3 TCN), LÃO TỬ

Tương truyền là trước tác của Lão Tử, bậc trí giả trong truyền thuyết Trung Hoa, *Đạo đức kinh* là thánh điển chính của Lão giáo, gồm 81 chương với những lời khuyên bí ẩn về cách sống thuận “đạo”. Những cách ngôn thuyết phục, kỳ bí, đậm chất thơ – như “Vô vi tức thị vô bất vi” – của nó giúp làm rõ triết lý “vô vi” của tác giả.

ORESTEIA (458 TCN), AESCHYLUS

Được Aeschylus – người đầu tiên trong số các kịch tác gia vĩ đại thời Hy Lạp cổ điển – sáng tác, *Oresteia* là kịch bộ ba (bộ ba duy nhất truyền lại đầy đủ đến nay) kể về câu chuyện bi kịch của nhà Atreus. Vở kịch đầu mô tả việc Vua Agamemnon trở về sau cuộc chiến và âm mưu lấy mạng ông của người phối ngẫu không chung thủy Clytemnestra. Vở thứ hai nói về sự trả thù của các con ông, con gái Electra và con trai Orestes; vở thứ ba là về các hậu quả sau đó. Vòng xoáy nợ máu cuối cùng cũng chấm dứt nhờ sự thiết định pháp luật dưới ảnh hưởng của nữ thần Athena.

MEDEA (431 TCN), EURIPIDES

Là bi kịch do kịch tác gia Hy Lạp Euripides (kh.484–406 TCN) viết, *Medea* là tác phẩm hấp dẫn về sự bất công, lòng ghen tị và oán cù, với chỉ hai diễn viên trên sân khấu trong một thời điểm. Nội dung vở kịch dựa theo truyền thuyết về Công chúa Medea và cuộc trả thù thảng tay người chồng Jason (vị anh hùng trong huyền thoại tàu Argo), sau khi chàng bỏ nàng để lấy con gái vua xứ Corinth. Bất chấp sự tàn nhẫn của Medea, đặc biệt là cách nàng đối xử với những đứa con nàng có với Jason, Euripides vẫn gọi lên trong khán giả sự cảm thông dành cho nàng.

ONG BÒ VỄ (422 TCN), ARISTOPHANES

Nằm trong số những vở hài kịch vĩ đại, *Ong bò vễ* của kịch tác gia Hy Lạp Aristophanes (kh.450–kh.388 TCN) châm biếm hệ thống luật pháp ở Athens cổ đại bằng cách cho thấy một kẻ mị dân suy đồi có thể lợi dụng nó như thế nào. Hành động kịch chủ yếu xoay quanh nhân vật một ông già bản tính thích làm bôi nhọ viên. Vở kịch được xếp vào hàng kinh điển trong Hài kịch Xưa, nhóm kịch với đặc

“

Không, tôi không biết chơi đàn lyre và cũng không quen tha bổng ai.

Ong bò vễ
Aristophanes

”

trung như có sử dụng ban đồng ca, cách tân không khoan nhượng, tính hài hước thô tục, phê phán xã hội thẳng thừng, kết hợp yếu tố kỳ ảo. Tên vở kịch được đặt theo ban đồng ca, thủ vai một ban bôi nhọ không khác gì bây ong.

RAMAYANA (THẾ KỶ 5–4 TCN), VALMIKI

Thuộc hàng danh tác vĩ đại của văn học Ấn Độ, sánh vai với cả *Mahabharata*, *Ramayana* ("Hành trình của Rama") là sử thi tiếng Phạn gồm 24.000 câu thơ đôi, chia làm bảy quyển. Về khía cạnh luân lý, mục tiêu của tác phẩm là xây dựng những hình tượng lý tưởng – cho một vị vua, người anh em, người vợ, người hầu, vân vân – trong khuôn khổ một truyện kể. Chuyện kể về những hành động của Hoàng tử Rama, vốn là hóa thân của thần Vishnu, với sự giúp sức của thần khỉ Hanuman, chống lại tên vua quỷ đã bắt cóc Sita vợ chàng. Thi sĩ, hiền giả Hindu giáo Valmiki, được cho là tác giả, cũng xuất hiện trong tác phẩm.

SỞ TỪ (THẾ KỶ 4 TCN)

Là tuyển tập "từ", loại thơ thịnh hành ở nước Sở miền nam Trung Hoa thời cổ, *Sở từ* có nhiều bài tương truyền do Khuất Nguyên (kh.339–kh.278 TCN), một vị quan làm tới chức tả đô cho Sở Hoài Vương nhưng sau bị lưu đày, sáng tác. Ông là nhà cách tân văn học có công đưa nhiều biến thể vào thơ ca. Nhiều bài trong tuyển tập mang âm hưởng huyền bí do ảnh hưởng của văn hóa vu thuật ở Trung Hoa ngày trước. Nổi tiếng nhất là "Ly tao", một bài thơ dài với những tâm sự ưu sầu đã mở ra truyền thống lãng mạn trong văn học Trung Hoa.

Valmiki

Được tôn xưng là "đệ nhất thi sĩ" của nền thi ca tiếng Phạn nhờ sáng tạo ra thể thơ *shloka* cổ điển, theo tín ngưỡng Hindu, Valmiki còn là một hiền giả, sống ở Ấn Độ vào quãng nào đó từ thế kỷ 6–1 TCN. Thời trẻ ông từng là đạo tặc sát nhân trên đường cái quan, tên Ratnakara. Sau khi định cướp của thánh nhân Narada, ông thiên định nhiều năm để sám hối, nhờ đó mà đã đắc đạo. Trong thời gian ông tham thiền, một ụ tổ kiến mọc lên quanh ông, từ đó ông có cái tên "Valmiki" (tiếng Phạn nghĩa là "người sinh ra từ tổ kiến"). Tương truyền chính vị thần Hindu giáo Brahma đã ra lệnh cho ông viết *Ramayana*.

Tác phẩm chính

Thế kỷ 5–4 TCN *Ramayana*
(xem bên trái)

BIẾN THỂ (KH.8), OVID

Nhà thơ La Mã Ovid (43 TCN–18) đã đưa vào trong thi phẩm *Biến thể* của ông nhiều chuyện huyền thoại sống động đa dạng. Công trình này đánh dấu bước chuyển trong xu hướng đề tài thích hợp cho thi ca, từ chiến tranh sang tình yêu. Các câu chuyện liên kết với nhau bởi chủ đề chuyển biến, với động lực tình yêu hoặc đam mê. Đề tài của chúng bao gồm một số truyền thuyết nổi tiếng nhất của Hy Lạp và La Mã cổ đại. *Biến thể* có ảnh hưởng to lớn lên cả văn học (trong đó có Shakespeare và Dante) và nghệ thuật thị giác, đặc biệt là hội họa.

Sei Shōnagon

Sei Shōnagon, cây bút chuyên viết nhật ký và tản văn, sinh ra khoảng năm 966, là con gái của học giả, thi sĩ *waka* Kiyohara Motosuke. Bà vào triều hầu Nữ Thiên hoàng Teishi (Sadako) ở cố đô Heian, nay là Kyoto. *Sách gối đầu* của bà là bức tranh duyên dáng về cuộc sống cung đình Heian giai đoạn 991–1000. Một phần vì tài năng và trí tuệ của bà mà một số người trong triều không thích bà, trong đó có Murasaki Shikibu, tác giả *Truyện kể Genji*. Đón rằng sau khi nữ thiên hoàng qua đời, Sei Shōnagon đã rời cung và kết hôn, rồi khi chồng mất, bà xuất gia làm ni cô. Có lẽ bà qua đời vào khoảng năm 1025.

Tác phẩm chính

Kh.1000 *Sách gối đầu* (xem bên phải)

CON LỬA VÀNG (THẾ KỶ 2), APULEIUS

Là tác phẩm của Apuleius (kh.124–kh.170), một người Berber ở Numidia hưởng lợi từ những cơ hội mà luật lệ La Mã mở ra, *Con lửa vàng* là truyện hư cấu tiếng Latin duy nhất lưu truyền đến nay toàn vẹn. Nó kể về những phiêu lưu của một chàng trai trẻ hứng thú với phép thuật để rồi bị biến thành con lừa. Trong cái lột mới này, chàng qua tay hết người này tới chủ khác cho đến khi nữ thần Isis hóa giải bùa chú cho chàng. Gia vị chính làm nên câu chuyện là tính trào phúng, chất hoạt kê, nét thô tục, những phúng dụ, chiêm nghiệm đạo đức, và trên hết là sự hài hước. Ý tưởng con người biến thành loài vật từ đó đến nay vẫn là một chủ đề phổ biến trong văn học thế giới.

HILDEBRANDSLIED (KH.800)

Hildebrandslied (Bài ca Hildebrand) là bài thơ khuyết danh viết theo tiếng Đức Cổ Vùng cao, được tìm thấy trên tờ gác một bản thảo về thần học, do thợ chép chữ chép lại vào khoảng 830–840. Đến nay chỉ còn truyền lại 68 dòng; người ta tin rằng bài thơ lập âm đầu này (có thể được sáng tác để diễn ngâm) nguyên thủy có không quá 100 dòng. Nội dung kể về lần người chiến binh Hildebrand phải chiến đấu với chính con trai mình; ông phải che đậy danh tính trong khi cố không để chàng trai trẻ bị hại.

DIGENIS AKRITAS (KH.THẾ KỶ 10)

Người anh hùng Basil trong sử thi Byzantine, thường được biết đến với ngoại hiệu Digenis Akritas ("lãnh chúa biên thủy hai dòng máu"), là nhân vật chính trong tác phẩm nổi tiếng nhất của dòng ballad dân gian Akritic, rất được ưa chuộng ở Hy Lạp. *Digenis Akritas* là tên một anh hùng ca theo thể thơ không vần khuyết danh tác giả, mô tả dòng dõi, thời niên thiếu và cuộc đời anh hùng của Basil sau này. Là con trai một hoàng thân người Saracen sau cải sang Kitô giáo, Basil bộc lộ sức mạnh phi phạm và lòng gan dạ khi chiến đấu quả cảm bảo vệ Đế quốc Byzantine trước kẻ thù. Anh hùng ca này tiếp tục được khai triển thêm từ thế kỷ 12 đến 17.

SÁCH GỐI ĐẦU (KH.1000), SEI SHŌNAGON

Theo truyền thống Nhật Bản, sách gối đầu là tập thơ cá nhân, thường được sáng tác trong khuê phòng. Nổi danh nhất là những trang viết của nữ sĩ Sei Shōnagon, một tùy nữ dưới triều Heian. Thợ chép chữ

thường chép lại các bài thơ này theo chủ đề – nội dung chúng là góc nhìn con người và thiên nhiên của tác giả, từ nét châm biếm hóm hỉnh cho đến sự trân trọng những điều đẹp đẽ trong cuộc đời – thay vì trật tự thời gian; độc giả chủ yếu là người trong cung đình Nhật. Hé lộ trước mắt người đọc là những lát cắt rất nhỏ của đời sống cung đình, nhu thú vui đàn ca sáo nhị, những chú chó không nghe lời, hay những phu nhân đánh cuộc với nhau chuyện mất bao lâu để một đồng tuyết tan hết.

MABINOGION (THẾ KỶ 11–14)

Thuộc hàng xưa nhất trong nền văn xuôi Anh, *Mabinogion* là tuyển tập 11 truyện xuôi khuyết danh tác giả của xứ Wales, một số truyện cho thấy ảnh hưởng từ văn hóa Celt và Pháp. Hai bản chép tay gốc của nó có niên đại từ cuối thế kỷ 14. Yếu tố kỳ ảo siêu nhiên trong các truyện này có thể xuất phát từ văn học truyền khẩu. Hình thức và nội dung của chúng đa dạng, một số kể về vị vua huyền thoại Arthur. Người ta thường phân loại và gọi chúng là "Bốn Nhánh", gồm những chuyện về người khổng lồ, bạch mã thần kỳ, về sự loạn luân, bội phản và chuộc tội.

CANTAR DE MIO CID (KH.1140)

Anh hùng ca cổ nhất của Tây Ban Nha còn sót lại *Cantar de mio Cid* (Bài ca về Cid) kể về những chiến công của El Cid (1043–99), người anh hùng có thật trong lịch sử Castile, hùng giải phóng Tây Ban Nha khỏi tay người Moor. Ngoài việc ca ngợi tài năng quân sự và ngoại giao của El Cid, thiên trường ca cũng nhấn mạnh vào mối quan hệ của ông với Vua Alfonso VI, sử dụng giọng thơ hiện thực để mô tả

nỗ lực của người anh hùng nhằm lấy lại danh dự đã mất. Bản anh hùng ca này, vốn có thể được sáng tác để diễn ngâm trước quần chúng, vẫn không rõ tác giả – bản chép tay duy nhất còn lại ký là *Per Abbas*, nhưng người ta không bao giờ xác định được đó là ai.

CHUYỆN VỀ CHIẾN DỊCH CỦA IGOR (CUỐI THẾ KỶ 12)

Chuyện về chiến dịch của Igor, một anh hùng ca khuyết danh tác giả bằng tiếng Đông Slav Cổ, mô tả cuộc thảo phạt bất thành của một vị hoàng thân tên Igor Svyatoslavich từ "vùng đất của người Rus". Lòng kiêu hãnh anh hùng khiến Igor phải đương đầu với bất lợi quá lớn, chàng bị kẻ thù bắt làm tù binh, nhưng rồi thoát được. Câu chuyện mang cả yếu tố anh hùng ca lẫn trữ tình cùng với ngụ ý chính trị, và đã trở thành kinh điển của dân tộc Nga.

NIBELUNGENLIED (KH. 1200)

Các nhân vật chính trong tác phẩm này được biết đến rộng rãi qua chòm opera "Chiếc nhẫn của người



...những sinh mệnh đặt nằm trên máng đập lúa, linh hồn bị tuốt bỏ khỏi thân xác.

Chuyện về chiến dịch của Igor



Nibelung" của Wagner. *Nibelungenlied*, hay "Bài ca về người Nibelung", là thiên anh hùng ca khuyết danh tác giả bằng tiếng Đức Cổ Vùng cao với những hình ảnh tương tượng phong phú. Văn học Đức thời Trung cổ vốn đi theo hướng tinh hoa quý tộc, nhưng *Nibelungenlied* hướng về những ý niệm xa xưa, căn cốt hơn, đó là danh dự và sự trả thù. Trong nó có kho báu bị đánh cắp (vàng sông Rhine) và phép thuật (như phép tàng hình); có dũng sĩ diệt rồng Siegfried và to vương tình ái của chàng với công chúa Kriemhild; và có sự trả thù Kriemhild dành cho người Nibelung (Burgundy ngày nay) sau khi Siegfried bị hạ sát bởi hoàng đệ Hagen, một trong những chiến binh xuất chúng nhất của dân Nibelung. Một số nhân vật – trong đó có nữ hoàng Brunhild hùng mạnh – và một số phần trong truyện kể có cội nguồn từ truyện saga Bắc Âu Cổ.

CHUYỆN TÌNH ĐÓA HỒNG (KH. 1225–1280), GUILLAUME DE LORRIS VÀ JEAN DE MEUN

Guillaume de Lorris (kh.1200–kh.1240) người Pháp là tác giả thi phẩm 4.058 dòng *Chuyện tình đóa hồng*; Jean de Meun (kh.1240–kh.1305) đã mở rộng nó lên hơn 21.000 dòng. Lấy cảm hứng từ *Ars Amatoria* (Nghệ thuật ái tình) của Ovid, bài thơ đã trở thành một trong những ví dụ tiêu biểu nhất của thi ca Pháp cuối thời Trung cổ. Bằng thủ pháp thị kiến giấc mơ, nó kể về những to tình giảng phủ quanh một người thiếu nữ, được biểu tượng hóa thành một nụ hồng, trong khu vườn tượng trưng cho xã hội quý tộc. De Meun tiếp tục khai triển, nêu ý kiến về những chủ đề đương thời. Về sau Geoffrey Chaucer đã dịch 1.705 câu đầu sang tiếng Anh.

CANTIGAS DE SANTA MARÍA

(1252–1284), ALFONSO X

Tuyển tập đơn ca Trung cổ lớn bậc nhất *Cantigas de Santa Maria* ("Ngôi ca Mẹ Mary") được soạn bằng tiếng Galicia-Bồ Đào Nha Trung cổ, có thể nhờ công Alfonso X, vua các xứ Castile, León và Galicia. Mỗi bài ca đều nói về Mẹ Mary và sự mâu thuẫn của bà, nhắc đến những lần bà hiện xuống theo tuồng truyền địa phương; bài cuối trong mỗi nhóm mười bài đều là khúc tụng ca danh bà. Các bài hát được viết ký hiệu âm nhạc kèm lời, nhịp biến thiên hết sức đa dạng, số âm tiết mỗi dòng dao động từ hai đến 24 âm tiết.

Alfonso X

Sinh năm 1221 ở Burgos, thủ phủ vùng Castile (phía bắc Tây Ban Nha ngày nay), Alfonso X là vị vua uyên bác thông thái luôn khuyến khích học thuật và nghệ thuật. Triều đại của ông bắt đầu sau cái chết của tiên vương Ferdinand III, vị vua có công lớn mở rộng lãnh thổ Castile và linh xướng những chiến dịch *Reconquista* chống lại người Moor thành công nhất. Được thừa hưởng ngôi vị cùng gia tài và đất đai dồi dào, Alfonso ủy thác và tự mình giám sát thực hiện nhiều tác phẩm, từ luật học và thiên văn học cho đến âm nhạc và lịch sử, xây dựng vùng chắc ưu thế của người Castile ở Tây Ban Nha sau này. Ông mất ở Seville năm 1284.

Tác phẩm chính

1252–84 *Cantigas de Santa María* (xem ở trên)
Kh.1255–65 *Siete partidas*
1264 *Premera crónica general*

**TỪ PHỤC HƯNG
ĐẾN KHAI SÁNG
1300–1800**



Dante Alighieri viết *Thần khúc*, mô tả hành trình qua **Hỏa ngục, Luyện ngục và Thiên đàng.**



KH.1308–20

Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung và *Thủy hử* của Thi Nại Am ra đời, là hai tác phẩm đầu trong **tứ đại danh tác của văn học Trung Hoa.**



THẾ KỶ 14

Ở Đức, Johannes Gutenberg phát minh ra máy in chữ rời, cho phép việc **xuất bản sách in số lượng lớn** lần đầu trở thành khả thi.



KH.1439

Một cuộc **cách mạng khoa học và nhân văn chủ nghĩa** bắt đầu với các cuốn *Bản vẽ chuyển động quay của các thiên cầu* của Nicolaus Copernicus và *Vẽ cấu trúc cơ thể người* của Andreas Vesalius.



1543

1346–53



Cái chết Đen gây ra **khủng hoảng kinh tế và xã hội** to lớn, đẩy nhanh hồi kết cho kỷ nguyên Trung cổ ở châu Âu. Ở khía cạnh văn hóa, nó đã chấm dứt thời kỳ vĩ đại của thơ và nghệ thuật troubadour Pháp.

KH.1387–1400



Trong *Chuyện kể Canterbury*, Geoffrey thuật lại những câu chuyện do **một nhóm khách hành hương đa giai tầng** kể lại.

1532–64



Một loạt tiểu thuyết trào phúng của François Rabelais được xuất bản; chúng kể về chuyện phiêu lưu của những chàng khổng lồ **Gargantua và Pantagruel.**

1604



Vở kịch thời Elizabeth *Tiến sĩ Faustus* của Christopher Marlowe **được xuất bản sau khi ông mất**, tròn một thập kỷ sau ngày nó được công diễn lần đầu.

Từ đầu thế kỷ 14, phong trào văn hóa sau gọi là Phục hưng bắt đầu lan khắp châu Âu, phát xuất ở thành Florence của Italy. Bước ngoặt đánh dấu nó là sự thay đổi từ những quan niệm thời Trung cổ – vốn bị thống trị bởi giáo điều Kitô – sang một góc nhìn mang tính nhân văn hơn nhiều, được truyền cảm hứng từ công cuộc tái khám phá triết học và văn hóa Hy-La cổ đại. Nhưng đây không đơn thuần là sự phục sinh của những tu tưởng cổ điển – nó còn là thời đại của sự cách tân.

Tính anh hùng ca và tính đời thường

Trong văn học, dù lấy cảm hứng từ phong cách và hình thức thời cổ điển, các nhà văn chọn dùng ngôn ngữ bản địa của mình thay vì tiếng Latin hoặc Hy Lạp, tạo ra những câu chuyện của riêng mình thay vì chỉ kể lại chuyện trong quá khứ.

Trong số tiên phong viết theo lối này có Dante Alighieri, nhà thơ người Florence. *Thần khúc* của ông không chỉ là cuộc hành trình mang tính anh hùng ca đi qua thế giới bên kia mà còn là một ẩn dụ về thế giới đương thời.

Cùng lúc đó, các tác gia khác bắt đầu rời bỏ địa hạt sử thi và truyền thuyết để hướng đến cuộc đời, sự tự do ý chí và tài khéo của những con người bình dị. Trong *Mười ngày* ra đời năm 1353, Giovanni Boccaccio dự định viết 100 "truyện ngắn" văn xuôi bằng phương ngữ Florence. Không lâu sau, Geoffrey Chaucer cũng sáng tác một tác phẩm tương tự, *Chuyện kể Canterbury*. Cả hai đều kể nhiều câu chuyện đời thường khác nhau – từ chuyện tình yêu đến ngụ ngôn đạo đức. Chúng nhanh chóng được đọc giả đón nhận nhờ những luận bàn về thói xấu của con người, đề cập

đến những chuyện bình dân thô tục khôi hài.

Sự ra đời của tiểu thuyết

Vào thế kỷ 15, phát minh máy in của Gutenberg đã đẩy nhanh sự lan truyền tu tưởng, đồng thời giúp việc đưa sách bằng ngôn ngữ địa phương tới tay bạn đọc trở nên dễ dàng hơn. Nhu cầu sách của công chúng tăng cao một phần nhờ truyện văn xuôi của Boccaccio và Chaucer. Từ những truyện thời đầu này dần hình thành một loại hình truyện xuôi dài, mà ngày nay đã thành quá quen thuộc, nhưng lúc bấy giờ còn rất "mới mẻ", rất "tiểu thuyết".

Trong thế kỷ 16, truyện văn xuôi dần thay thế thơ anh hùng ca ở vị trí loại hình văn học chủ đạo của phần lớn châu Âu. Người đọc đặc biệt thích những câu chuyện hài hước, như kiểu truyện trào phúng của François Rabelais về

Tập đầu tiểu thuyết *Don Quixote* của Miguel de Cervantes ra mắt, đánh dấu đỉnh cao **thời đại hoàng kim** của **văn học Tây Ban Nha**.

Trong *Lối lên miền Oku*, Matsuo Bashō dùng **haiku** xen lẫn văn xuôi để kể về cuộc **hành trình tinh thần** của ông qua khắp mọi miền Nhật Bản.

Tập đầu của bộ *Encyclopédie*, do Denis Diderot và Jean le Rond d'Alembert biên tập, cung cấp một khung tham chiếu đầy đủ về **tu tưởng và khoa học thời Khai sáng**.

Vở kịch theo phong trào **Sturm und Drang** *Những tên cướp* của Friedrich Schiller khắc họa mối quan hệ đầy xúc cảm và bạo lực giữa hai anh em.



1605



1702



1751



1781

1623



Tuyển tập **hài kịch, sử kịch và bi kịch** của William Shakespeare được in, ngày nay gọi là "First Folio".

1719



Tác phẩm nổi tiếng nhất của Daniel Defoe, *Robinson Crusoe*, được xuất bản dưới dạng **tự truyện hư cấu** của nhân vật Robinson, người duy nhất sống sót trong một vụ đắm tàu.

1759



Voltaire giễu nhại tinh thần lạc quan của phong trào Khai sáng hiện đại trong *Candide*, cuốn **tiểu thuyết châm biếm, triết lý, kỳ ảo**.

1789



Sự kiện ngục Bastille ở Paris thất thủ ngày 14/7 đánh dấu khởi đầu Cách mạng Pháp; tu tưởng **tự do và bình đẳng** thời Khai sáng được thiết lập trong giai đoạn chính quyền cộng hòa thế tục.

những cuộc phiêu lưu của Gargantua và Pantagruel. Miguel de Cervantes ở Tây Ban Nha tiếp bước bằng *Don Quixote*, với một chút thông minh tinh tế hơn. Tuy nhiên, việc Cervantes châm biếm tinh thần hiệp sĩ mang một ảnh hưởng ngấm thực thụ, và thay vì một bậc anh hùng, ông đã khắc họa chàng hiệp sĩ như một con người hoàn toàn phàm tục. *Don Quixote* thường được xem là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên, hay ít ra là tiểu thuyết châu Âu đầu tiên – từ đại danh tác của Trung Hoa và *Truyện kể Genji* của Nhật Bản đều ra đời sớm hơn nhiều.

Cuộc đời trên sân khấu và trang sách

Bước tiến trong lòng độc giả của nền văn xuôi Anh diễn ra chậm chạp hơn. Các thi sĩ như Edmund Spenser và John Milton vẫn tiếp tục viết lại các anh hùng ca, nhưng

chính sân khấu mới là đối tượng thu hút công chúng hơn hết. Christopher Marlowe và Ben Jonson kết hợp tu tưởng bi kịch và hài kịch Hy Lạp vào tác phẩm sân khấu của mình, nhưng ngay cả những tên tuổi này cũng bị lu mờ trước tài nghệ bậc thầy của William Shakespeare, người tái hiện được mọi bình diện tính cách con người qua các vở hài kịch, sử kịch và bi kịch.

Tiểu thuyết bắt đầu xuất hiện ở Anh ngay sau thời Shakespeare và nhanh chóng soán ngôi sân khấu về mức độ được ưa chuộng. Ngay từ buổi đầu, các tiểu thuyết gia Anh như Daniel Defoe và Henry Fielding đã xây dựng những nhân vật chân thật trong truyện của mình, khắc họa sống động thời đại và nơi chốn, đem lại cho tác phẩm giá trị hiện thực chủ nghĩa nhất định. *Robinson Crusoe* của Defoe tự tuyên bố nó là một tự truyện "có

thật". Cả tác phẩm vui nhộn *Tristram Shandy* của Laurence Sterne và cuốn sách kỳ ảo *Gulliver du ký* của Jonathan Swift cũng sử dụng giọng văn tự truyện, nhưng theo một cách thức ôm ò đùa vui với sự tin tưởng sẵn lòng của độc giả dành cho người dẫn chuyện.

Ở nước Pháp thế kỷ 17, kịch cũng giữ vai trung tâm trong nền văn học, thậm chí bám rịt vào khuôn mẫu cổ điển hơn cả ở Anh; Jean Racine và Pierre Corneille luôn cố tuân thủ những "quy tắc" của sân khấu Hy Lạp. Tuy nhiên thị hiếu của công chúng mới có tiếng nói quyết định, và loại hài kịch châm biếm xã hội của Molière dường như hợp thời hơn. Sự chế giễu những lễ thói đương thời tiếp tục là một phần trên sân khấu văn học Pháp vào thế kỷ 18; các triết gia Khai sáng như Voltaire luôn có thể châm biếm một cách sắc sảo những thông lệ đã thành thâm căn cố đế của người đời. ■

TA THẤY MÌNH GIỮA KHU RỪNG U TỐI

**THẦN KHÚC (KH.1308–1320),
DANTE ALIGHIERI**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Anh hùng ca hậu cổ điển

TRƯỚC ĐÓ

800 TCN Thi sĩ Hy Lạp cổ đại Homer viết *Odyssey*, tác phẩm ảnh hưởng lớn lên nền văn học Tây phương.

29–19 TCN Virgil sáng tác *Aeneid* bằng tiếng Latin, khuôn mẫu cho anh hùng ca Latin thời Trung cổ về sau.

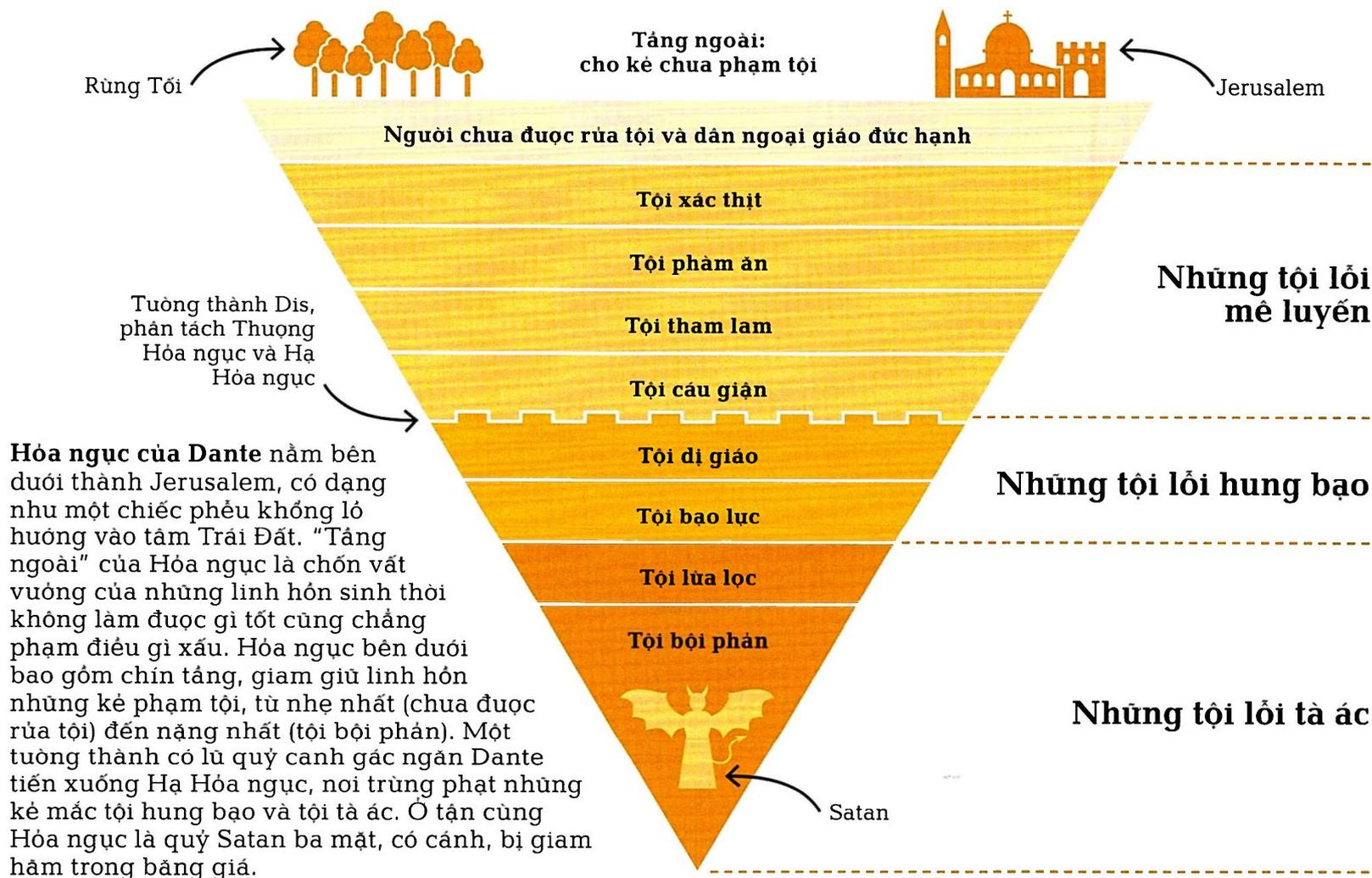
SAU ĐÓ

1572 Anh hùng ca *Bồ Đào Nha Os Lusíadas* (Dân Lusiad) của Luís de Camões nối bước truyền thống từ Dante, hòa quyện văn chương hư cấu, lịch sử và chính trị vào câu chuyện về những chuyến du hành khám phá của dân Bồ Đào Nha.

1667 Anh hùng ca vĩ đại cuối cùng viết bằng tiếng Anh, *Địa đàng đã mất* của John Milton, phản ánh sự trỗi dậy với vị thế cường quốc thế giới của nước Anh.

Anh hùng ca là loại hình văn chương được nhiều nhà thơ vĩ đại bậc nhất thời cổ lựa chọn. Người ta sáng tác chúng để ngợi ca thành tựu của các bậc anh hùng – những người được miêu tả như á thần, hoặc có sức mạnh và lòng dũng cảm phi thường – và thường dùng chúng làm dụ ngôn về những thời khắc bước ngoặt trong lịch sử, như sự ra đời của một dân tộc hay một cuộc chinh phạt kẻ thù. Đơn cử như *Iliad* của Homer, bên cạnh câu chuyện về người anh hùng Achilles, quan trọng hơn, nó còn là câu chuyện về chiến bại của thành Troy trước đại quân Hy Lạp. Những trường thi như vậy thường hòa quyện chuyện thời đó với yếu tố thần thoại, nhân

Xem thêm: *Aeneid* 40–41 ▪ *Odyssey* 54 ▪ *Nữ hoàng tiên* 103 ▪ *Dân Lusiad* 103 ▪ *Địa đàng đã mất* 103 ▪ *Căn phòng đỏ* 185 ▪ *Đất hoang* 213



vật anh hùng đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng nền văn minh. Suốt thời gian dài sau khi các nền văn minh cổ điển sụp đổ, anh hùng ca vẫn là loại hình văn học được ưa chuộng vì nó giúp người ta ca ngợi sức mạnh của dân tộc mình. Ví dụ như anh hùng ca *Nữ hoàng tiên* ra đời năm 1590 của nhà thơ Anh Edmund Spenser là khúc tán ca trước sự trỗi dậy của Elizabeth I và đất nước của bà, hay *Orlando Furioso* của Ludovico Ariosto người Italy, sáng tác năm 1516, ca ngợi thanh thế đang dần lớn của Nhà Este.

Một anh hùng ca thần thánh
Thần khúc của Dante thuộc dòng anh hùng ca hậu cổ điển – nó dài,

bi tráng, giàu ẩn dụ, thường trực thể hiện tinh thần dân tộc, một điểm phản ánh vai trò tích cực của Dante trong chính trường Florence. Tuy vậy nó vẫn khác thường và cách tân ở nhiều khía cạnh. Nếu như trong các anh hùng ca thời trước, người kể chuyện “toàn tri” và “đứng ngoài” câu chuyện, thì nay Dante đặt người kể vào trong tác phẩm; tác giả đã táo bạo sử dụng phương ngữ Tuscan (Italy) thay vì tiếng Latin theo truyền thống; ngoài ra Dante còn mở rộng nội hàm thể loại anh hùng ca bằng cách kết hợp tu tưởng cổ điển và những mô típ thần thoại với triết học châu Âu đương thời và các biểu tượng Kitô giáo. Dante đưa người đọc đi qua

Hỏa ngục, Luyện ngục và Thiên đàng, từ tội lỗi và tuyệt vọng đến sự cứu chuộc tối hậu, mô tả chi tiết quang cảnh mỗi cõi như thể đó là thực tại. Ta dễ dàng liên tưởng tới nhiều anh hùng ca cổ điển khác cũng miêu tả hành trình qua thế giới bên kia, và cũng như chúng, hành trình ở đây là một ẩn dụ: nó tượng trưng cho cuộc truy tầm ý nghĩa sống cá nhân của Dante.

Ban đầu Dante chỉ đặt tên trường thi này đơn giản là *Commedia* – tương ứng từ “comedy” (hài kịch) trong tiếng Anh – thời bấy giờ là thuật ngữ chỉ những tác phẩm trong đó nhân vật chính phải đối mặt với khó khăn thử thách, nhưng kết cục nhìn chung là có hậu (trái ngược với các



bị kịch cổ điển thường tập trung vào mất mát đau khổ). Thi sĩ thời thế kỷ 14 Giovanni Boccaccio là người đầu tiên thêm vào tên tác phẩm này từ "Divina" (thần thánh) để nó trở thành *Divina Commedia* (Thần khúc), một tính từ nói lên cả nội dung tâm linh lẫn vẻ đẹp ngôn từ tốt bậc của nó.

Chính trị và thi ca

Khi Dante bắt đầu viết *Thần khúc* – công trình rồi sẽ khiến ông mất 12 năm để hoàn thành – ông đã là nhà thơ có tên tuổi, sáng tác theo lối *dolce stil novo* ("phong cách mới ngọt ngào"), một dòng thơ có đặc trưng là tính nội quan cùng sự vận dụng tự do các phép ẩn dụ và tượng trưng. Đề tài thơ ông thường mang tính chính trị và nói về những đam mê cá nhân, và Italy cuối thế kỷ 13 là một bối cảnh cho ông nhiều cảm hứng thơ.

Bản thân Dante là người tích cực dẫn thân vào đời sống chính trị của quê nhà Florence. Lúc bấy giờ, thành quốc này cũng như các nơi khác trên xứ Italy đều vướng vào vòng xung đột quyền lực giữa Nhà thờ (phe Giáo hoàng) và Nhà nước (ủng hộ Hoàng đế Thánh chế La Mã). Các nhân vật chủ chốt trong cuộc đấu đá này được khắc họa trong *Thần khúc*, và việc đưa

người thật việc thật vào tác phẩm đã gây ra những tranh cãi nhất định góp phần vào thành công của nó.

Dante sau cùng bị phát vãng khỏi Florence do những liên đới chính trị, và dù ông rất khổ tâm vì điều đó, thì việc xa cách thế sự cũng cho ông khoảng lặng cần thiết để viết nên những áng thơ thời danh ẩn dụ về triết học, luân lý và đức tin của thế giới Trung cổ thời ông sống.

Thần khúc được bố cục làm ba phần, phản ánh tầm quan trọng của số ba trong thần học Kitô giáo (ba ngôi Cha, Con và Thánh thần). Cuộc hành trình trải đều trong ba quyển ("Hỏa ngục", "Luyện ngục" và "Thiên đàng"),

“

Buồn nào hơn nhớ lại
hạnh phúc lúc đời đau khổ.

Thần khúc

”

Luyện ngục là một ngọn núi nhiều tầng; ở mỗi tầng, những linh hồn của tầng đó sẽ trải qua những khổ ải tương ứng nhằm gột sạch tội lỗi và bước vào cõi Địa đàng trên trần thế.

mỗi quyển gồm 33 canto (chuong), cộng thêm một chương dẫn nhập, cả thảy là 100 canto. Thể thơ nó sử dụng gọi là *terza rima*, một sáng tạo của chính Dante, gồm những đoạn thơ ba dòng có liên hệ âm nối nhau.

Với góc nhìn ngôi thứ nhất, tác phẩm này kể về một kiểu "thời chung hành trình" (con đường ở kiếp sau, khi ta đã rời bỏ nhân thế). Chuyện bắt đầu với hình ảnh một khu rừng tối, biểu tượng cho cuộc sống tội lỗi nơi trần gian. Cố tìm đường thoát khỏi khu rừng, Dante leo lên một ngọn núi, nhưng ông bị chần lỏi bởi những dã thú (tượng trưng cho tội lỗi). Trong lúc cùng đường vô vọng cần đến một người hướng đạo tinh thần, ông đã gặp thi sĩ La Mã Virgil, người tới để dẫn lối cho ông theo thỉnh cầu của nàng Beatrice, tình yêu đã mất thời trai trẻ của ông. Với Dante, Virgil tượng trưng cho tu tưởng, sự duy lý và chất thi ca của thời cổ điển. Virgil trấn an Dante rằng ông sẽ tìm được sự cứu rỗi – nhưng chỉ sau khi ông đã đi hết hành trình ở thế giới bên kia. Hai người khởi sự lên đường và đi xuống Hỏa ngục.

Hành trình qua thế giới bên kia

Quyển đầu tiên của *Thần khúc* mô tả các tầng Hỏa ngục với những hình phạt tương xứng tội lỗi của mỗi cá nhân. Chẳng hạn, linh hồn kẻ xu nịnh phải chịu đời đời ngáp ngựa trong phân, trả giá cho những lời xu ướm họ đã thốt ra khi còn sống. Kẻ gạ tình thì bị lù quý có sừng ra roi tra tấn cho đến khi trở thành đồng thịt bầy nhầy. Bằng việc miêu tả kỹ lưỡng cảnh tượng và hình phạt nơi Hỏa ngục, Dante muốn người đọc tự chiêm

nghiêm về làm lạc của bản thân, thay đổi suy nghĩ để sống đúng ý Chúa, yên hòa với tha nhân.

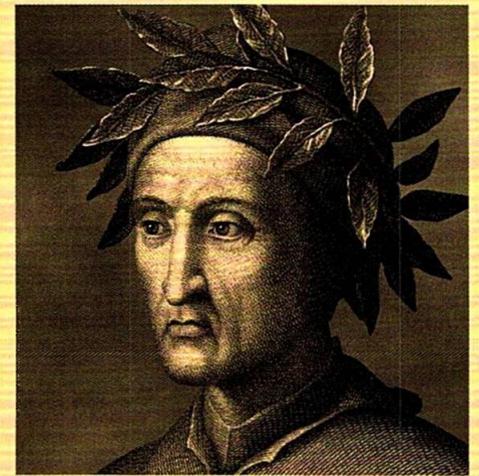
Khi đã đến đáy tận cùng của Hỏa ngục, Dante và Virgil bắt đầu leo lên Đỉnh Luyện ngục, một ngọn núi gồm nhiều tầng tròn bậc thang. Luyện ngục là chốn cho những kẻ tội lỗi lúc sinh tiền sống ích kỷ, nhưng biết ăn năn đủ để có hy vọng được cứu rỗi. Ở Luyện ngục, họ có thể thanh tẩy bản thân để sẵn sàng lên Thiên đàng. Khi đi lên ngọn núi bảy tầng tượng trưng cho bảy mối tội đầu, Dante và Virgil chứng kiến những kẻ đang phải làm các công việc nhọc nhằn để vượt qua khiếm khuyết làm lỗi đưa đến những mối tội của họ. Ví dụ như kẻ kiêu hãnh phải vác đá nặng trên lưng để học được cách khiêm cung.

Ra khỏi Luyện ngục, nàng Beatrice xuất hiện để thay Virgil

dẫn đường cho Dante: ấy là vị Virgil sinh ra trước thời Kitô giáo, do đó không thể vào "Chốn được ban phúc". Có thể xem Beatrice là tinh nữ vinh cừu dẫn lối đưa đường, là trái tim và linh hồn của nhân loại. Chính nàng đã giúp Dante đạt được sự cứu rỗi, và nhờ có nàng mà Dante dẫn hiểu được tình yêu của Thiên Chúa.

Di sản của Dante

Dante đã tiếp nhận hình thức anh hùng ca cổ điển với chất phiêu lưu anh hùng của nó, kết hợp vào câu chuyện các sự kiện mang tính cá nhân và lịch sử, qua đó trình bày một cái nhìn sâu sắc về định mệnh của Kitô giáo. *Thần khúc* đã truyền cảm hứng cho vô số họa sĩ và nhà văn, đến nỗi nhà văn Mỹ T. S. Eliot gọi nó là "đỉnh cao nhất mà thi ca đã từng và có thể đạt đến được". ■



Dante Alighieri

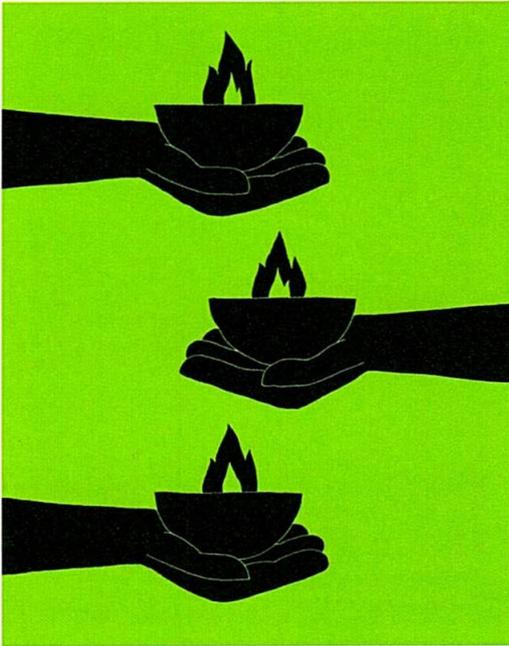
Chính trị gia, tác gia và triết gia Durante degli Alighieri (thường gọi Dante) sinh ra ở Florence, Italy vào năm 1265 trong một gia đình phú quý đã nhiều đời tham gia vào chính sự Florence. Năm 1277, Dante hứa hôn, nhưng trước đó ông đã đem lòng yêu một người con gái khác là Beatrice "Bice" Portinari, nàng thơ của ông sau này, người được ông đề tặng nhiều áng thơ tình. Bị kịch thay, nàng đột ngột qua đời năm 1290. Tâm hồn đau khổ, Dante tìm quên trong hoạt động chính trị, trở thành một *priore* (quan chức cao cấp) vào năm 1300 và làm cố vấn cho Giáo hoàng Boniface VIII trong thời gian xảy ra những cuộc chính biến ở Florence. Khi ông ở Rome, kẻ thù của ông dần chiếm được quyền lực, và Dante bị trục xuất khỏi Florence, không bao giờ được quay về. Không rõ ông khởi sự sáng tác *Thần khúc* vào thời điểm nào, nhưng có lẽ là ngay từ năm 1304. Dante mất ở Ravenna, Italy năm 1321.

Tác phẩm chính khác

- 1294 *La Vita Nuova* (Cuộc đời mới)
- 1303 *Về sức biểu hiện của phương ngữ*
- 1308 *Convivio* (Yến tiệc)

Dante đi qua chín tầng Thiên đàng, mỗi tầng gắn liền với một thiên thể theo nhu vũ trụ quan địa tâm thời Trung cổ, cùng với đó là các đẳng thiên thần. Phía trên các tầng trời là Thiên Chúa nơi Empyrean – chốn nằm ngoài không gian và thời gian.





BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tứ đại danh tác Trung Hoa

SAU ĐÓ

Thế kỷ 14 Đại danh tác thứ hai, *Thủy hử* của Thi Nại Am, là câu chuyện về một nhóm giặc cướp chống lại triều đình hủ bại.

Thế kỷ 16 Đại danh tác thứ ba, *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân, kể về hành trình thỉnh kinh từ Đại Đường đến Tây Trúc của một vị cao tăng.

Kh.1618 Một số học giả xem *Kim Bình Mai* của Lan Lăng Tiểu Tiểu Sinh là đại kỳ thu thú tu. Dù rất nổi tiếng, tác phẩm này bị cấm đoán vì yếu tố luyến ái quá lộ liễu của nó.

Kh.1791 Đại kỳ thu thú tu được thừa nhận rộng rãi, *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cẩn, kể về sự thịnh suy của một gia tộc quyền quý.

KHÔNG CẦN SINH CÙNG NGÀY, CÙNG THÁNG, CÙNG NĂM, CHỈ NGUYÊN CHẾT CÙNG NĂM, CÙNG THÁNG, CÙNG NGÀY

**TAM QUỐC DIỄN NGHĨA (THẾ KỶ 14),
LA QUÁN TRUNG**

Là tác phẩm đầu trong tứ đại danh tác Trung Hoa, *Tam quốc diễn nghĩa* là công trình văn học có giá trị và tầm ảnh hưởng to lớn. Cùng với *Thủy hử*, *Tây du ký* và *Hồng lâu mộng*, nó đánh dấu bước tách mình triệt để của văn học Trung Hoa khỏi truyền thống thơ cổ và loại văn-triết "bác bác cao kỳ". Hướng đến độc giả là người bình dân, tác phẩm sử dụng thủ bút pháp từa tựa như chuyện truyền khẩu, đối thoại trực tiếp với độc giả, sử dụng nhiều phương ngữ và các điệu ca, từ. Dù nội dung chủ yếu dựa trên sử liệu, *Tam quốc diễn nghĩa* (và ba đại kỳ thu kia) được

công nhận là tiểu thuyết. Nó là tập đại thành văn hu cấu lên đến hơn 800.000 từ (trong bản dịch tiếng Anh), với hơn một nghìn nhân vật.

Tiểu thuyết đầu tiên?

Trường thiên tiểu thuyết này khác họa sự sụp đổ của nhà Hán thành ba nước vào thế kỷ 3, kéo theo đó là 111 năm binh đao. Ra đời sau những sự kiện nó mô tả đến hơn một nghìn năm, *Tam quốc diễn nghĩa* chủ yếu dựa theo nội dung của *Tam quốc chí*, pho sử được viết vào thế kỷ 4. Các học giả tin rằng *Tam quốc diễn nghĩa* ra đời trước *Don*

La Quán Trung

Dù La Quán Trung (kh.1330–kh.1400) là nhân vật có thật, có khá ít thông tin chắc chắn về cuộc đời ông. Tương truyền ông là tác giả *Tam quốc diễn nghĩa*, tác phẩm đầu trong tứ đại kỳ thu Trung Hoa, ngoài ra còn là đồng tác giả hoặc người nhuận sắc cho tác phẩm thứ hai là *Thủy hử*. Người ta còn cho rằng ông đã sáng tác nhiều bộ truyện về các triều đại Trung Hoa,

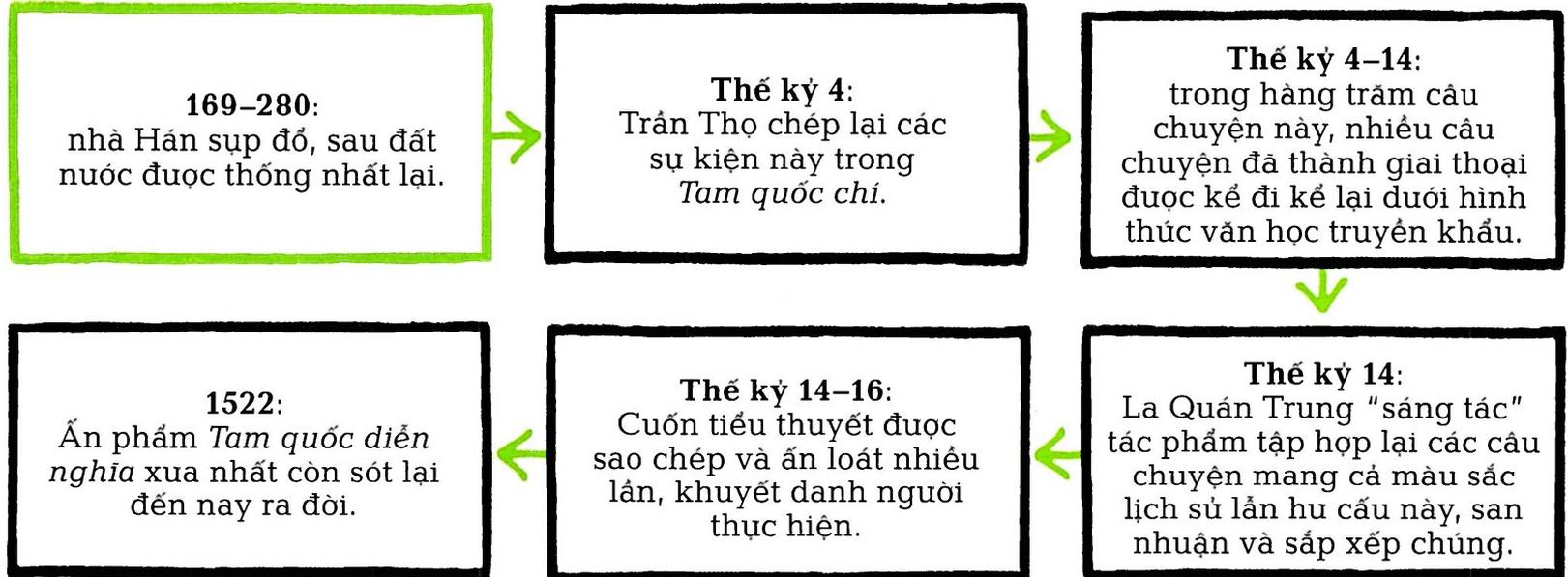
trong đó có bộ truyện huyền hoặc *Tam toại bình yêu truyện*. Tuy vậy, ở Trung Hoa thế kỷ 14, gọi ai đó là tác giả thường có nghĩa rằng đó là soạn giả chính hoặc là người san định lại nhiều văn bản truyện kể của những người đi trước.

Tác phẩm chính khác

Thủy hử (người nhuận sắc)
Tam toại bình yêu truyện
Tàn Đường ngũ đại sử diễn nghĩa
Tùy Đường chí truyện

Xem thêm: *Truyện kể Genji* 47

Lịch sử văn bản



Quixote, tiểu thuyết đầu tiên của châu Âu theo phân đồng ý kiến, đến gần 250 năm. Đáng ngạc nhiên là trước tác kinh điển này không khơi mào một bước nở rộ nào cho văn xuôi Trung Hoa – trong thực tế, “tứ đại danh tác” nổi nhau ra đời trong quãng tới 400 năm. Dầu vậy, sức hút của *Tam quốc diễn nghĩa* vẫn dài lâu: nó chưa bao giờ tuyệt bản, và nhiều trường đoạn *Tam quốc* nổi tiếng đến nỗi chúng trở thành quen thuộc với cả những người thuộc khối Hoa ngữ chưa từng đọc tác phẩm. Thành công của nó phân nào đến từ cốt truyện theo lối thủ cựu, hợp lẽ thường: kẻ xấu luôn bị trừng phạt, và trật tự luôn được văn hồi.

Một trong các chủ đề chính của pho truyện là lòng trung

Nhiều ấn bản *Tam quốc diễn nghĩa* được minh họa phong phú, giúp tác phẩm trở nên dễ đọc đối với không chỉ giới tinh hoa mà cả người bình dân ở Trung Hoa.

thành. Trong cảnh “Kết nghĩa vườn đào” (có lẽ là nổi tiếng nhất), vị quân chủ tương lai Lưu Bị kết bái huynh đệ cùng Quan Vũ và Trương Phi, lập thế đi ngược với thông lệ của xã hội bấy giờ: tình huynh đệ còn cao hơn cả mối ràng buộc lớn nhất là lòng trung bất khả tu nghị với dòng tộc. Trường đoạn này đã truyền cảm hứng cho thứ tình huynh đệ phổ

biến ở Trung Hoa từ đó đến nay.

Tuy *Tam quốc diễn nghĩa* phổ biến là vậy, ba đại danh tác kia lại không được đọc rộng rãi bằng. Dầu vậy, cả bốn tác phẩm đến nay vẫn được công chúng yêu thích và nghiên cứu (riêng *Tây du ký* rất được hoan nghênh ngoài Trung Hoa), trở thành những đỉnh cao của văn học bình dân Trung Hoa. ■



SANG TRANG QUA CÂU CHUYỆN KHÁC

**CHUYỆN KỂ CANTERBURY (KH.1387–1400),
GEOFFREY CHAUCER**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Truyện khung

TRƯỚC ĐÓ

Kh. thế kỷ 8–13 *Nghìn lẻ một đêm*, gồm nhiều câu chuyện của nhiều tác giả khắp thế giới Hồi giáo, là truyện khung được kể lại qua lời nàng Scheherazade.

1348–53 *Mười ngày* của nhà văn Italy Giovanni Boccaccio bao gồm 100 câu chuyện qua một truyện khung về những người đang chạy trốn dịch Cái chết Đen.

SAU ĐÓ

1558 *Bảy ngày* của tác giả Pháp Marguerite de Navarre là 72 truyện ngắn qua truyện khung về 10 lữ khách bị mắc kẹt.

2004 *Bán đồ mây* của nhà văn Anh David Mitchell nối tiếp truyền thống truyện khung, với những truyện trong truyện trải suốt nhiều thế kỷ.

Việc sử dụng một câu chuyện bao hàm trong nó một hoặc nhiều câu chuyện khác (kiểu truyện trong truyện) là thủ pháp văn chương có từ lâu đời. “Truyện khung” giúp thiết lập bối cảnh và cấu trúc cho câu chuyện, thường có một hoặc nhiều người dẫn chuyện để tạo sự tương giao trực tiếp với độc giả. *Nghìn lẻ một đêm* hay *Mười ngày* của Giovanni Boccaccio đã áp dụng thành công kỹ thuật này. Dù trước đó từ lâu đã có những tác phẩm sử dụng kết cấu truyện khung để giữ các câu chuyện xoay quanh một chủ đề thống nhất – thường là mang tính tôn giáo – nhưng với *Chuyện kể Canterbury*, Geoffrey Chaucer đã nâng tầm phương pháp này, đem

Xem thêm: *Nghìn lẻ một đêm* 44–45 ▪ *Mười ngày* 102 ▪ *Đình Gió Hú* 132–37 ▪ *Con chó của dòng họ Baskerville* 208 ▪ *Nếu đêm đông có người lữ khách* 298–99 ▪ *Tay sát thủ mù* 326–27



Những bản đầu tiên của *Chuyện kể Canterbury* thường kèm minh họa một bản để người đọc dễ hình dung tác phẩm hơn. Ở đây là hình ảnh các khách hành hương đang dùng bữa chung.

lại âm hưởng đầy màu sắc, mở rộng câu chuyện với nhiều nhân vật đa tính cách kể những câu chuyện mang chủ đề đa dạng.

Loại văn này về sau còn có nhiều tác phẩm như *Đình Gió Hú* của Emily Brontë và các truyện trinh thám về Sherlock Holmes của Arthur Conan Doyle. Nhiều tác phẩm hư cấu theo chủ nghĩa Hiện đại và Hậu Hiện đại vẫn sử dụng kỹ thuật truyện khung, như *Nếu một đêm đông có người lữ khách* của Italo Calvino. Ta cũng thường thấy loại kết cấu này trong các vở kịch và tác phẩm điện ảnh.

Cách tân văn chương

Chaucer có lẽ bắt đầu viết *Chuyện kể Canterbury* vào khoảng năm 1387, trong một giai đoạn ngắn rút lui khỏi công việc dân sự và triều chính. Đây là bước ngoặt quan trọng trong văn nghiệp của Chaucer: các thi phẩm khác của ông – trong đó có tác phẩm lớn đầu tiên (một khúc bi ca dưới dạng thị kiến trong mơ) và *Troilus và Criseyde*, kể lại một chuyện tình trong cuộc vây hãm thành Troy – thường nói về tình yêu quý tộc và chủ yếu chỉ được giới cung đình tiếp

nhận dưới hình thức diễn ngâm. Ngược lại, *Chuyện kể Canterbury* hướng đến đông đảo độc giả, những người có thể trực tiếp đọc tác phẩm thay vì chỉ nghe lại.

Nguyên bản tác phẩm viết bằng tiếng Anh Trung đại chủ không phải tiếng Latin hay Pháp, các ngôn ngữ thường được dùng để sáng tác thơ cung đình thời bấy giờ. Chaucer không phải người tiên phong ở mặt này, nhưng nhiều ý kiến cho rằng việc phổ biến sử dụng phương ngữ trong văn học Anh có công lớn của ông. Với tầm quan trọng tương tự, *Chuyện kể Canterbury* vẽ nên một bức tranh rõ rệt về xã hội Anh cuối thời Trung cổ, khắc họa nhân vật thuộc mọi tầng lớp, từ quý tộc cho đến giới lao động.

Dân tú chiếng

Chuyện kể Canterbury bắt đầu với phần "Phi lộ chung", thiết lập bối cảnh và khung sườn cho các câu chuyện. Câu chuyện đóng vai khung sườn ở đây là về một nhóm 29 khách hành hương trên đường đến điện thờ Thánh Thomas Becket ở Nhà thờ chính tòa Canterbury, miền nam nước Anh. Những người này gặp nhau tại Quán Tabard ở Southwark, gần London, trong đó



Đêm xuống tá túc nơi
từ quán

Hai mươi chín người khách
đồng bạn

Dân tú chiếng hành hương...

Chuyện kể Canterbury



Những nhân vật của Chaucer: giai tầng và nghề nghiệp



Quý tộc và tăng lữ

- Hiệp sĩ
- Mẹ bé trên
- Thầy tu
- Thầy dòng



Người có của nhỏ thương mại

- Lái buôn
- Luật gia
- Thầy ký
- Địa chủ



Thợ thủ công

- Người bán kim chi
- Thợ nhuộm
- Thợ mộc
- Thợ dệt
- Thợ làm thảm



Tầng lớp trung lưu

- Đầu bếp
- Thủy thủ
- Thầy thuốc
- Người vợ xứ Bath



Người nghèo đức hạnh

- Cha xứ
- Thợ cày



Tiền dân

- Người chò nhu yếu phẩm
- Thợ xây
- Quán trại
- Thầy triệu tập
- Thầy xá tội

70 CHUYỆN KỂ CANTERBURY

có chính Geoffrey Chaucer, người kể chuyện. Hành hương vốn là chuyện thường ngày ở châu Âu Trung cổ, và Chaucer gọi đám khách hành hương này là “dân tú chiếng”, những người thuộc đủ mọi tầng lớp, ngành nghề.

Nội dung phần Phi lộ chung 858 dòng này chủ yếu mô tả về giai tầng, lệ bộ và tính cách của đám khách hành hương (trong đó có cả người kể chuyện). Sau khi giới thiệu qua các vị khách, ở cuối phần Phi lộ, người chủ quán trọ (Chủ nhà) tên Harry Bailly đề xướng một cuộc thi: mỗi người sẽ kể bốn câu chuyện, hai trong đó là về hành trình hành hương, hai chuyện còn lại là chuyện trên đường trở về. Người kể câu chuyện hay nhất sẽ được đãi ăn miễn phí do các vị khách khác chi trả khi họ trở về quán trọ. Họ rút thăm, và Hiệp sĩ là người đầu tiên kể chuyện.

Các câu chuyện

Trong số 24 câu chuyện, có hai chuyện là của chính Chaucer, người kể chuyện. Phần lớn chúng được viết theo từng câu thơ đôi,

một số dưới dạng văn xuôi, nhìn chung rất đa dạng vì Chaucer vận dụng nhiều chủ đề và văn phong khác nhau. Có ngụ ngôn động vật và ngụ ngôn loại khác, có truyện fabliau (truyện thơ tiểu lâm trào phúng), có truyện thơ hiệp sĩ lãng mạn, có truyện răn dạy đạo đức, có thuyết giáo, dụ ngôn và truyện exemplum (loại giai thoại răn dạy luân lý). Trong khi Chuyện của Hiệp sĩ là truyện hiệp sĩ lãng mạn nói về việc hai anh em thành tình địch của nhau, thì Chuyện của Thợ xay là câu chuyện dung tục hoạt kê về một anh thợ mộc ở Oxford bị cấm sùng. Chuyện của Thầy triệu tập thì thô tục, trong đó mô tả một thầy dòng bị lừa đến chỗ chấp nhận tiền công là một phát râm; ngược lại, Chuyện của Bà phước thú hai kể về Thánh Cecilia, một phụ nữ sùng tín sâu sắc đã tuân đạo.

Các câu chuyện có độ dài rất khác nhau; dài bậc nhất và có lẽ cũng nổi tiếng nhất là Chuyện của Người vợ xứ Bath. Mở đầu là đoạn phi lộ khắc họa tính cách của Người vợ – thích áp đặt và ham tìm



“

Đòi là con đường đầy
khổ đau...
Chuyện kể Canterbury

”

lạc thú – rồi đến lời kể của bà về một cuộc đòi đầy màu sắc với năm ông chồng: chủ đề ở đây là quyền lực của phụ nữ đối với đàn ông.

Một bức tranh đa sắc

Để đem lại không khí chân thực cho các câu chuyện, Chaucer luôn sử dụng giọng điệu và văn phong phù hợp ứng với từng người kể, dựa theo địa vị, nghề nghiệp và tính cách của họ. Cấu trúc truyện khung cũng góp phần làm tăng thêm sự sống động đó, liên kết chuyện này với chuyện kia thông qua đối thoại và tương tác giữa các nhân vật. Những người kể chuyện thường xuyên ngắt lời nhau bằng đủ kiểu tranh cãi, khiêu khích, đôi khi bằng cả lời câu chuyện. Chuyện của Mẹ bé trên bắt đầu sau khi Chủ nhà lịch sự mời bà kể, còn ở một đoạn khác, Hiệp sĩ đã ngắt ngang lời Thầy tu khi thấy chuyện của vị này quá thương tâm. Chính cái truyện khung bao quát này đã đem lại một chiều kích khác cho từng câu chuyện riêng lẻ.

Chuyện kể Canterbury cho ta thấy một bức tranh đầy màu sắc với những nhân vật và sự kiện ở nước Anh cuối thời Trung cổ. Chaucer sống và viết vào một thời đại đặc

Bản thảo Ellesmere (kh.1410) là một bản *Chuyện kể Canterbury* được trang trí cầu kỳ lộng lẫy, là cơ sở cho hầu hết phiên bản hiện đại của tác phẩm này.

ĐỂ HIỂU CHỈ MỘT
CUỘC ĐỜI, TA PHẢI
NUỐT LẤY CẢ
THẾ GIỚI



TIÊU VONG TỪ MỖI
KHOẢNH KHẮC NHƯNG
SẼ KHÔNG BAO GIỜ
CHẤM DỨT SỰ TIÊU VONG



NGÀY
XƯA
NGÀY
XƯA...



ES TO 30 22
CAPPUCCINO
EBOOK

NGƯỜI TA NÊN
TẬN TỤY VÌ
CHỦ NHÂN
CỦA MÌNH



Y ĐÃ LỰA CHỌN GIỮA
SỐNG HÀI HOẶC CHẾT
KHI TẤN CÔNG



CÁCH DUY
NHẤT ĐỂ
THOÁT KHỎI
CẢNH ĐỒ LÀ
BƯÔNG MÌNH
VÀO NÓ



VĂN HỌC

LITERATURE

Ngọc Tan, Yên Nhi, Hồng Vỹ dịch



ĐINH MỆNH
SẼ XÂY RA
NHƯ NÓ
PHẢI THỂ



CON NGƯỜI
CÓ THỂ RẤT
TÀN NHÃN
VỚI NHAU



NẾU ĐÂY LÀ THẾ GIỚI
TỐT NHẤT TRONG MỌI
THẾ GIỚI KHẢ DĨ, VẬY
NHỮNG THẾ GIỚI KIA
LÀ GÌ?



NGƯỜI TA SINH RA
TỪ CHIẾN CÔNG
CỦA HỌ



TÔI KHÔNG
PHẢI LÀ CHIM,
VÀ KHÔNG
LƯỚI NÀO
BẮY ĐƯỢC TÔI



NGƯỜI CHẾT
LUÔN NẶNG
HƠN TRÁI TIM
TAN VỠ

KHAI LƯỢC
NHỮNG
TƯ TƯỞNG
LỚN

biệt rời ren. Cái chết Đen giai đoạn 1348–49 đã làm một phần ba dân số thiệt mạng, Khởi nghĩa Nông dân năm 1381 thì phơi bày những rạn nứt trong hệ thống phong kiến, và thẩm quyền của Giáo hội cũng như những nội tình suy đồi của nó đã bị người dân đặt dấu hỏi.

Những câu chuyện của Chaucer đã phản ánh nhiều sự kiện loại như vậy, thường khi mỉa mai trào lộng thói đạo đức giả của Giáo hội. Trong *Chuyện của Thầy xá tội*, ta thấy ông thầy xá tội này mắc mọi loại tội mà ông ta thuyết giảng bị băng, trong khi *Chuyện của Thầy dòng thi đá* kích các thầy triệu tập – những vị chức sắc trong Giáo hội có nhiệm vụ triệu tập đến tòa những kẻ có tội từ các giáo khu. Chẳng lạ gì khi *Chuyện của Thầy triệu tập* lại châm biếm các nhà tu dòng.

Công trình dang dở

Nội dung *Chuyện kể Canterbury* được Chaucer vay mượn từ nhiều nguồn khác nhau. *Chuyện của Hiệp sĩ* là dựa theo hùng ca *Teseida* của Boccaccio, ngoài ra còn có những chỗ khác trong *Chuyện kể Canterbury* có liên hệ đến tác phẩm của Boccaccio. Chaucer cũng lấy cảm hứng từ Ovid, Kinh Thánh, các truyện hiệp sĩ như *Sir Gawain và Hiệp Sĩ Xanh*, và có thể từ cả những tác phẩm của nhà thơ Anh John Gower, một người bạn của

“

Dù ngủ hay thức, bộ hành
hay phi ngựa dặm dài;
Thời gian vẫn cứ trôi; không
đợi chờ một ai.

Chuyện kể Canterbury

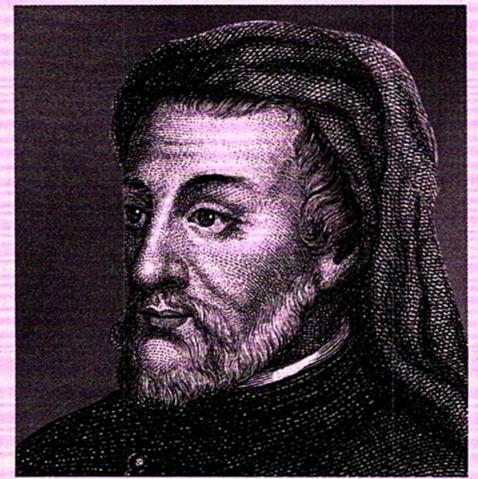
”

ông. Giới học giả không thể đoán chắc dự phóng cuối cùng của Chaucer cho *Chuyện kể Canterbury* là gì, hay thậm chí là thứ tự của các câu chuyện theo ý ông, hay liệu tác phẩm tới đó đã hoàn tất chưa. Manh mối duy nhất nằm ở phần Phi lộ chung: mỗi khách hành hương sẽ kể bốn câu chuyện. Vậy nhưng tất cả chỉ có 24 câu chuyện, tức là có người còn chưa kể được câu chuyện nào. Cùng không ai trong số các vị khách lần Chủ nhà chỉ ra số thứ tự của mỗi câu chuyện.

Kiệt tác trường tồn

Có bằng chứng cho thấy cho đến lúc chết Chaucer vẫn đang tiếp tục viết *Chuyện kể Canterbury*. Không có bản thảo gốc nào trong tay ông; người ta chỉ tìm thấy những mảnh ghi chép do người khác chép lại. Có sớm nhất trong số đó là bản thảo Hengwrt, xuất hiện không lâu sau khi Chaucer mất. Tuy vậy, phần tiếp theo nay thường được sử dụng nhất là dựa theo bản thảo Ellesmere thế kỷ 15, gồm 10 phần văn bản, mỗi phần có số câu chuyện khác nhau. Những câu chuyện được nhóm lại dựa theo manh mối và liên hệ trong văn bản, kết thúc bằng *Chuyện của Cha xứ*, một bài giảng dài bằng văn xuôi về Bảy mối tội đầu. Ngay sau đó là *Khúc tạ lỗi của Chaucer*, một lời cáo lỗi thú vị khi tác giả mong bạn đọc tha thứ cho khía cạnh dung tục thô hào trong tác phẩm của ông. Dụng ý chính xác của lời xin lỗi này không thật rõ ràng, dù một số người xem nó như phút sám hối trước lúc lâm tử của nhà thơ.

Bất chấp những điều còn chưa chắc chắn quanh cấu trúc và cốt truyện của nó, *Chuyện kể Canterbury* vẫn được tôn vinh là kiệt tác, một áng văn Anh ngữ quan trọng bậc nhất. Sự khôi hài, dung tục, cảm động và góc nhìn châm biếm của nó cho đến nay, hơn 600 năm sau ngày nó ra đời, vẫn khó tác phẩm nào bì kịp. ■



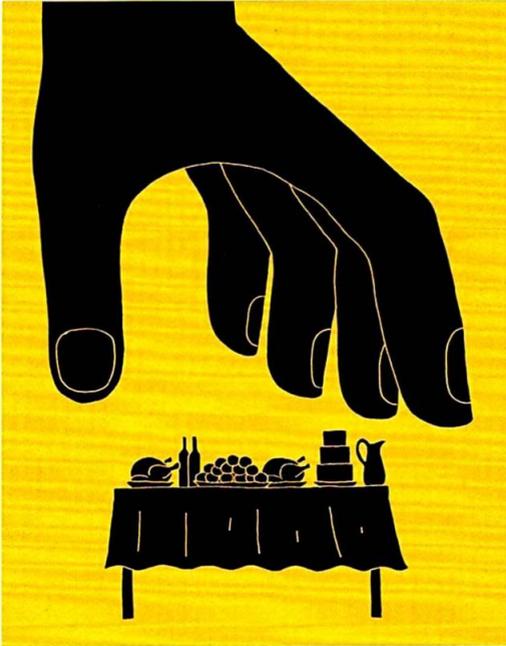
Geoffrey Chaucer

Là nhà thơ Anh vĩ đại đồng thời là một triều thần, công chức dân sự và nhà ngoại giao, Chaucer có lẽ sinh ra ở London vào khoảng năm 1343. Cha ông, một lái buôn rượu vang, xin cho con mình làm tiểu đồng trong nhà Nữ bá tước xứ Ulster để có đường tiến thân. Từ đó, ông được vào hầu Edward III, ban đầu làm lính, sau thành sử thần cho nhà vua, thường đi công cán đến Pháp và Italy, nơi ông có lẽ đã được đọc tác phẩm của Dante và Boccaccio. Từ 1374 đến 1386, ông đảm nhiệm chức vụ kiểm soát hải quan.

Chaucer kết hôn năm 1366, rồi kiếm được một nhà bảo trợ là John xứ Gaunt, con trai thứ tư của nhà vua. Thi phẩm lớn đầu tiên của ông, *Sách về nữ công tước* (1369), là một khúc bi ca về Blanche, người vợ đầu của John. Chaucer gặp nhiều khó khăn thời Richard II trị vì; tuy nhiên, đến năm 1389, ông được bổ nhiệm làm ký lục cho các dự án xây dựng của hoàng gia. Ông mất năm 1400 và được an táng ở Tu viện Westminster.

Tác phẩm chính khác

1379 *Ngôi nhà danh vọng*
Kh.1385 *Troilus và Criseyde*
Kh.1388 *Truyện thuyết về người đàn bà tốt*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

**Chủ nghĩa nhân văn
Phục hưng**

TRƯỚC ĐÓ

1304–74 Học giả, nhà thơ Italy Petrarch dịch các bản văn Hy-La, bàn đạp cho chủ nghĩa nhân văn và phong trào Phục hưng ở Italy.

1353 *Mười ngày* của Boccaccio, với 100 câu chuyện do 10 người Florence trẻ tuổi chạy trốn nạn dịch kể lại, đã thiết lập chuẩn mực cho văn học Phục hưng, ảnh hưởng lên những tác gia như Chaucer và Shakespeare.

1460 *Thợ cày xứ Bohemia*, một đối thoại giữa Tù thân và một người thợ cày, do Johannes von Tepl sáng tác, là một trong những thi phẩm nhân văn chủ nghĩa sớm nhất ở Đức.

1522–35 Nhà nhân văn chủ nghĩa Hà Lan Erasmus xuất bản bản dịch Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp và Latin; chúng là cơ sở cho bản dịch tiếng Đức của Martin Luther và tiếng Anh của William Tyndale.

TIẾNG CƯỜI LÀ TÀI SẢN CỦA CON NGƯỜI. HÃY SỐNG VUI VẺ

**GARGANTUA VÀ PANTAGRUEL (1532–1564),
FRANÇOIS RABELAIS**

Trong tác phẩm năm tập *Tiểu sử Gargantua và Pantagruel*, François Rabelais đã xây dựng một thế giới kỳ ảo xoay quanh hai chàng khổng lồ và đồng bạn của họ. Ở đây có đủ mọi yếu tố trào phúng dân gian Trung cổ nay đã quen thuộc với độc giả – những chức năng cơ thể, hành vi tính dục tục tĩu, sự sinh nở và cái chết. Giàu chất trào lộng, những câu chuyện này còn đượm hơi thở chủ nghĩa nhân văn Phục hưng, từ Italy đã lan tỏa lên phía bắc châu Âu. Thời bấy giờ, thuật ngữ “chủ nghĩa nhân văn” mang sắc thái nghĩa khác với cách dùng ngày nay: trọng tâm của nó là phục hồi mối quan tâm đối với tinh hoa tri thức thời cổ điển. Cho

“

Thời gian, dầu xóa nhòa bào mòn mọi thứ, chỉ làm cho những công tích cao cả thêm phần lớn lao và rực rỡ...

Gargantua và Pantagruel

”

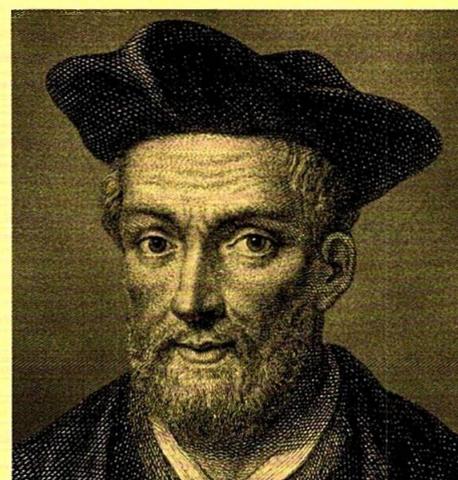
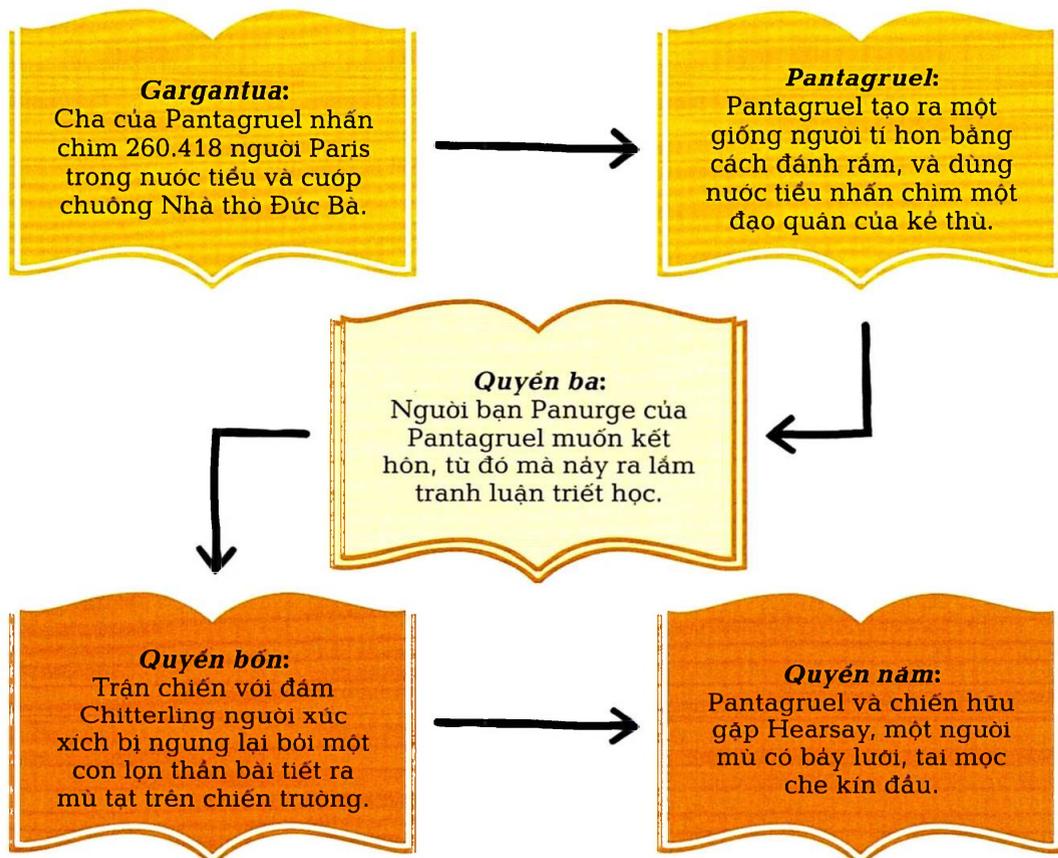
đến bấy giờ, sự giáo dục vẫn còn tuân theo truyền thống kinh viện hạn hẹp của Giáo hội một cách mù quáng; động lực chính của phong trào nhân văn là xây dựng một chương trình giáo dục hoàn bị bao gồm triết học, ngữ pháp, thi ca, lịch sử, tiếng Hy Lạp Cổ và tiếng Latin.

Tinh học thuật và trào phúng

Sống ở buổi giao thời của một thế giới đang mau chóng đổi thay này, Rabelais tìm cách hòa quyện tu tưởng nhân văn vào những cuộc phiêu lưu của các chàng khổng lồ – nhưng trước tiên, ông lôi cuốn người đọc bằng sự hài hước dung tục và chất kỳ ảo phi lý. Ngay đầu truyện, tác phẩm cho ta thấy góc nhìn của một bà mẹ đang chứng kiến một người mẹ làm bôn, khi em bé Gargantua xoay trở trong cơ thể mẹ để chui lên lọt lòng dang tai trái. Những kỳ công, cuộc đấu và cuộc tìm kiếm của Gargantua và con trai Pantagruel từ đó bắt đầu với đủ sắc màu phóng túng: những bữa thịt và hàng xéng mù tạt xúc đổ vào những cái miệng to như miệng hang; những khách hành hương bị nuốt chửng trong miếng salad; những miếng giáp che hạ bộ khổng lồ; những đội quân bị cuốn trôi trong nước tiểu; hay những quả đạn pháo rơi vãi khỏi

Xem thêm: *Muội ngày 102* ▪ *Chuyện kể Canterbury 68-71* ▪ *Don Quixote 76-81* ▪ *Tristram Shandy 104-05*

Dù Rabelais viết *Pantagruel* trước, bộ truyện này thường được xuất bản theo tuần tự câu chuyện, bắt đầu với *Gargantua*. Đặc trưng của hai quyển đầu là chất trào lộng và sự hài hước dung tục, quyển ba thì nghiêm túc hơn, còn quyển bốn và năm thì mang tính châm biếm sâu cay.



François Rabelais

Nhà văn, thầy thuốc, học giả tiếng Hy Lạp và tu sĩ François Rabelais là một trí thức đại thụ của nước Pháp thế kỷ 16. Sinh ra ở vùng Touraine, có lẽ vào năm 1494, ông theo học luật trước khi gia nhập dòng tu Francis. Về sau ông chuyển qua dòng Benedict rồi bắt đầu học nghề y và tiếng Hy Lạp. Năm 1530, phá vỡ lời thề, ông rời bỏ dòng Benedict để đến Đại học Montpellier theo đuổi y nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, ông giảng dạy về công trình của các thầy thuốc Hy Lạp như Hippocrates và Galen (ông có dịch sách các vị này), đồng thời hành nghề y ở Lyon.

Sử dụng bút danh Alcofribas Nasier (một phép đảo chữ từ tên ông), năm 1532, Rabelais xuất bản *Pantagruel*, quyển đầu trong bộ sách năm tập *Gargantua và Pantagruel* sau này, dù có ý kiến cho rằng quyển năm không phải do ông viết ra. Cả năm quyển sách đều bị trường Sorbonne lần Giáo hội kết án, và đầu được nhiều nhà bảo trợ quyển lục che chở, ông vẫn phải ra nước ngoài sống từ 1545 đến 1547 để tránh bị gia hại. Sau ông được giáo hoàng ân xá. Ông qua đời ở Paris năm 1553.

tóc Gargantua sau trận đánh. Và bất chấp các hành vi "quá khích" lộ mang đó, những chàng khổng lồ của Rabelais vẫn sẽ dễ dàng hòa hợp với thế giới mới của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng: họ thông thạo đầy đủ các môn học thuật tinh hoa như y học, luật học và khoa học. Trong thư gửi con trai, Gargantua, bấy giờ đã già, so sánh cái thời đại "tăm tối" khi ông lớn lên với thời hiện tại, khi "ánh sáng và sự tôn nghiêm đã được khôi phục".

Nhờ sự xuất hiện của máy in vào giữa thế kỷ 15, người bình dân đã có thể được đọc các bản dịch Kinh Thánh – lần đầu tiên họ được trực tiếp tiếp xúc với lời Chúa thay vì phải thông qua các bài giảng của Giáo hội. Dù là một tu sĩ, Rabelais

đã tận dụng cơ hội này để châm biếm những giáo điều. Thầy dòng John, một chiến binh hùng mạnh của Gargantua, đã được ban cho Tu viện Thelème trang lộng lẫy, đầy những bà xo ăn vận đẹp đẽ và những thầy tu tự do hành tàng. "Hãy làm những gì người muốn" là luật lệ của "dòng tu" này, bởi "chúng ta sẽ phạm những điều cấm kỵ, sẽ khao khát những gì bị chối bỏ".

Dĩ dòm, phóng túng và đầy chất trí tuệ, *Gargantua và Pantagruel* chẳng giống bất cứ tiểu thuyết nào khác. Nhiều tác gia qua hàng thế kỷ đã ca ngợi nó, gần nhất là các nhà văn Hậu Hiện đại, những người nhìn thấy nhiều điều để ngưỡng mộ nơi lối kể chuyện tự do trong tác phẩm vĩ đại của Rabelais. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Thi phái Pléiade

TRƯỚC ĐÓ

1549 Joachim Du Bellay đặt ra tôn chỉ cho phái Pléiade, cố xúi mớ phóng những khuôn mẫu kinh điển, làm sống lại phương ngữ và từ cổ, song song với việc sáng tạo từ mới.

SAU ĐÓ

1555 Lấy cảm hứng từ nhà thơ Hy Lạp Callimachus, tập *Những khúc ca* của Ronsard hùng hồn tôn vinh những đối tượng tự nhiên, như bầu trời, bên cạnh các thần thánh và anh hùng.

1576 Jean Antoine de Baïf, thi sĩ uyên bác nhất trong nhóm Pléiade, một nhà thể nghiệm thơ ca tài năng, ra mắt tác phẩm mang tính độc đáo cao: *Những mô phỏng, bài học và cách ngôn*.

1578 *Sonnet cho Hélène* của Ronsard đầy những liên tưởng về khổ lụy tình yêu; tác phẩm cũng mang âm hưởng thần thoại thời cổ điển và số mệnh.

NHƯ VỚI BÔNG HOA NÀY, ĐÁM MÂY TUỔI TÁC SẼ LÀM NHAN SẮC NÀNG TÀN PHAI

LES AMOURS DE CASSANDRE (1552),
PIERRE DE RONSARD

Pierre Ronsard (1524–1585) là đầu tàu của một nhóm nhà thơ Pháp theo chủ nghĩa nhân văn được đặt tên theo chòm sao sáng Pleiades, cũng là tên gọi một thi phái ở Alexandria có từ thế kỷ 3 TCN. Nhóm Pléiade mong muốn đưa nước Pháp lên ngang hàng với Italy Phục hưng về mặt văn học. Họ vay mượn các thể loại và kiểu mẫu thời cổ đại, dành thời gian gọt giũa chúng để minh chứng cho niềm tin thơ ca gây tranh cãi của họ.

Nghệ thuật cao vời

Ronsard xem thơ là thú nghệ thuật cao vời chứ không chỉ là món giải trí cho giới quý tộc. Ông là người đa tài, cách tân – thơ ông đầy nhạc tính, nhục cảm và chất ngoại giáo, dẫu ông là giáo sĩ trong một giáo phái nhỏ. Ông có đóng góp quan trọng cho các thể loại như tụng ca (chịu ảnh hưởng từ thi sĩ Latin Horace và Pindar người Hy Lạp), sonnet và bi ca, và đến năm 1558 thì trở thành thi sĩ cung đình cho Charles IX, vua nước Pháp. Ngày nay ông được biết đến nhiều nhất nhờ những áng thơ tình dịu dàng tài hoa.

Trong tập thơ *Les Amours de Cassandre* (Những mối tình của Cassandre), Ronsard đặt mục tiêu so bì với thi sĩ Italy Petrarch. Sự hết lòng ông dành cho Cassandre được thể hiện qua nào là những mùi tên xuyên thấu, tình được và thuốc độc, những hình ảnh mà Petrarch cũng từng sử dụng. Thế nhưng trong tay Ronsard, chúng nay lại nhuộm màu nhục cảm. Ông viện đến khao khát để mong được biến hóa – thành hạt mưa vàng rơi xuống đôi chân người thương, hay hóa thành một con bò để chở nàng đi thật xa. ■

“

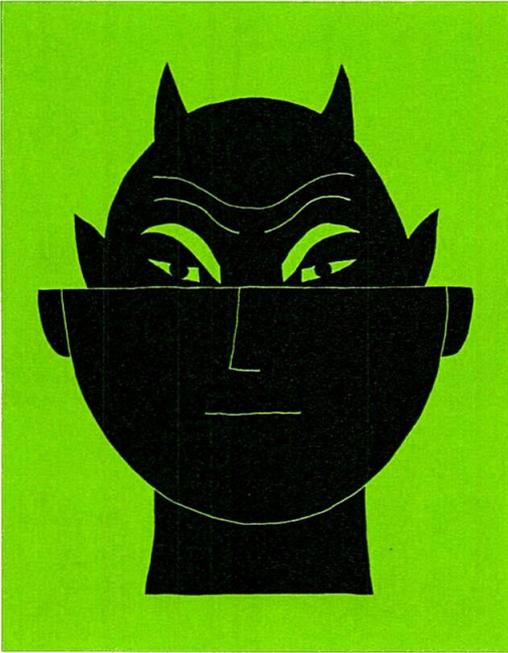
Tôi muốn hóa rục rờ
ánh vàng, / Giọt từng giọt
thành mưa miên man /
Roi xuống trên đùi nàng...
Les Amours de Cassandre

”

Xem thêm: *Gargantua và Pantagruel* 72–73 ■ *Những văn thơ đa tạp* 91 ■ *Les Fleurs du mal* 165 ■ *Một mùa địa ngục* 199

KẺ YÊU LẠC THÚ PHẢI SA NGÃ VÌ LẠC THÚ

TIẾN SĨ FAUSTUS (1604),
CHRISTOPHER MARLOWE



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Sân khấu Jacobethan

TRƯỚC ĐÓ

1592 Các yếu tố trong vở *Bi kịch Tây Ban Nha* của Thomas Kyd thời Elizabeth – như chủ đề sự báo thù và cái kịch-trong-kịch – được tiếp nối trong các vở kịch Jacobean về sau.

1598–1600 *Henry IV Phần 1* và *2* của William Shakespeare phản ánh sự quan tâm của công chúng thời Jacobethan với loại hài kịch bỏ bả, lịch sử, bạo lực và danh dự.

SAU ĐÓ

1610 *Nhà giả kim* của Ben Jonson lần đầu được công diễn, thỏa mãn cái thị hiếu thời Jacobean, mong mỏi loại kịch châm biếm sâu cay.

1614 *Nữ công tước Malfi*, bi kịch năm hồi về sự trả thù của John Webster, thực sự đậm chất Jacobethan, vì nó đề cập đến sự loạn luân, tra tấn và điên loạn.

Sân khấu kịch nước Anh dưới các triều đại của Elizabeth I (1558–1603) và James I (1603–1625) – lần lượt gọi là thời Elizabeth và Jacobean – thường khắc họa một thế giới đen tối với những vụ giết người, chính trị và sự trả thù, thường đi kèm với sự hài hước và mang tính cốp nhật. Người ta dùng từ “Jacobethan” để chỉ giai đoạn văn học Anh giữa hai thời kỳ này. Thời Elizabeth, hài kịch và bi kịch trỗi dậy, rồi chúng dần mang màu sắc tâm lý và siêu nhiên dưới triều đại Vua James, khi cung đình cũng là một chốn truy lạc suy đồi.

Giao kèo với quỷ dữ

Sinh năm 1564, thời Elizabethan, Christopher “Kit” Marlowe đã “sống cuồng” và mất sớm ở tuổi 29, theo ghi nhận là bị đâm chết trong một vụ ẩu đả. Tác phẩm của ông khơi mào cho sự hứng thú với những chủ đề tối ám của kịch nghệ thời Jacobean.

Dựa theo câu chuyện cổ Đức về nhà giả kim huyền thoại, vở *Tiến sĩ Faustus* (ban đầu mang tên *Tiểu sử bi kịch của Tiến sĩ Faustus*) của Marlowe kể lại câu



Phản thưởng cho tội lỗi là cái chết? Khắc nghiệt thật.

Tiến sĩ Faustus



chuyện về một học giả được người đời trọng vọng, nhưng vẫn khắc khoải trước những giới hạn của khoa học thông thường. Khao khát tri thức quá lớn khiến ông đã dùng tới phép thuật và triệu hồi Mephistopheles, và ác quỷ đã dụ dỗ Faustus bằng lời hứa về khoái lạc và quyền lực vô biên.

Cả hai đi đến một giao kèo chết người: Faustus đồng ý trao linh hồn cho quỷ để đổi lấy 24 năm được nó phục vụ. Vốn là người tốt nhưng bị lòng kiêu hãnh chi phối và quyền lực làm mờ mắt, đến khi Faustus nhận ra mình những chằm chằm quá sâu thì đã muộn. ■

Xem thêm: First Folio 82–89 ▪ Nữ hoàng tiên 103



NGƯỜI TA SINH RA TỪ CHIẾN CÔNG CỦA HỌ

DON QUIXOTE (1605–1615),
MIGUEL DE CERVANTES



BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Thế kỷ Hoàng kim của Tây Ban Nha

TRƯỚC ĐÓ

1499 Chuyện về một tú bà trong đối thoại *La Celestina* của Fernando de Rojas đánh dấu khởi đầu cho sự phục hưng văn học ở Tây Ban Nha.

1554 Tiểu thuyết ngắn xuất bản ẩn danh *Cuộc đời, vận may và tai ương của Lazarillo de Tormes* mở ra một thể loại mới – tiểu thuyết picaresque.

SAU ĐÓ

1609 Lope de Vega, nhà thơ lớn, nhà soạn kịch viết mãn nhất Tây Ban Nha, ra mắt tuyên ngôn nghệ thuật *Những quy tắc mới trong soạn kịch vào thời này* để giải thích bút pháp của ông.

1635 Dụ ngôn triết học *Đời là giấc mộng* của Pedro Calderón de la Barca là tác phẩm được dịch nhiều bậc nhất của Thế kỷ Hoàng kim.

T rại từ thế kỷ 16 qua 17, Thế kỷ Hoàng kim của Tây Ban Nha là một giai đoạn nghệ thuật nở rộ phi thường, khởi đầu cùng sự trỗi dậy lên vị thế siêu cường của quốc gia nhờ của cải thu được từ các thuộc địa châu Mỹ.

Dưới thời Hoàng đế Thánh chế La Mã Charles V (trị vì 1519–56), tu tướng lan tỏa tụ do khắp châu Âu, các nhà văn Tây Ban Nha cũng hòa mình cùng tinh thần Phục hưng. Những kỹ thuật mới trong nghệ thuật kể chuyện, thơ ca và sân khấu đã tạo ra các loại hình văn xuôi, thơ và kịch đặc thù mới. Tác phẩm khuyết danh tác giả *Lazarillo de Tormes* kể về một *picaro* (giang hồ trẻ) với đủ chuyện may rủi, khai sinh một dòng văn học mới – tiểu thuyết picaresque. Những thể nghiệm về thể thơ và nhịp thơ là đặc trưng trong tác phẩm của những nhà thơ như Garcilaso de la Vega. Về sức viết, nổi bật nhất phải kể đến nhà soạn kịch Lope de Vega với sự nghiệp đồ sộ đáng ngưỡng mộ gồm khoảng 1.800 vở kịch đa dạng về nhân vật, cốt truyện và yếu tố lịch sử, cùng nhiều bài sonnet, tiểu thuyết ngắn và thơ trữ tình.

Cùng lúc ấy, Miguel de Cervantes đã sáng tác *Don Quixote* (tên ban đầu là *Nhà quý tộc tài ba Don Quixote*), thành tựu văn

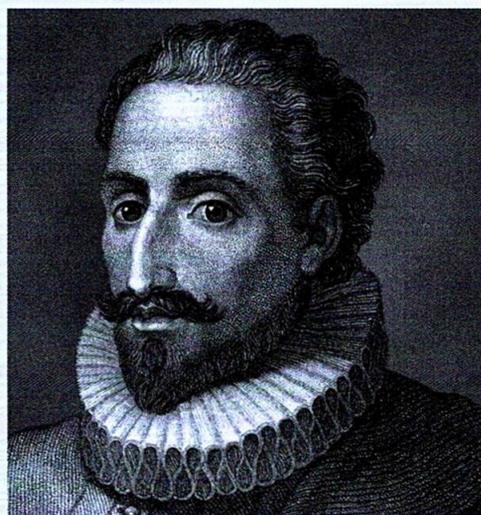
học tiêu biểu của Thế kỷ Hoàng kim. Giống như Lope de Vega, Cervantes sống và sáng tác vào đoạn cuối của thời đại này, khi Tây Ban Nha bắt đầu suy tàn vì nhiều yếu tố, như những luật lệ chuyên quyền, sự cuồng tín tôn giáo và thời thế xoay chiều sau khi hạm đội Armada bị quân Anh đánh bại. Tách rời khỏi cái dòng chảy thời đại này là Don Quixote, người anh hùng lập dị, một chân đặt trên quá khứ lãng mạn, một chân đứng lên hiện tại bất định, dẫn mình vào một cuộc phiêu lưu hiệp sĩ cho đến nay vẫn tiếp tục mê hoặc và truyền cảm hứng cho bạn đọc.

Bám sát vào hiện thực

Giống như những vở kịch của William Shakespeare sống cùng thời Cervantes, là khởi nguyên của kịch hiện đại, *Don Quixote* chính là khởi nguyên của tiểu thuyết hiện đại. Cả hai tác gia đều đào sâu vào động cơ, hành động và cảm xúc của nhân vật chính theo cách thức chưa từng có tiền lệ, đem lại cho những Hamlet, Macbeth và Don Quixote một chiều sâu tâm lý hết nhu những con người có thực.

Don Quixote bám sát hiện thực ở hai cấp độ chính. Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết say mê những anh hùng hiệp sĩ trong thú

Miguel de Cervantes



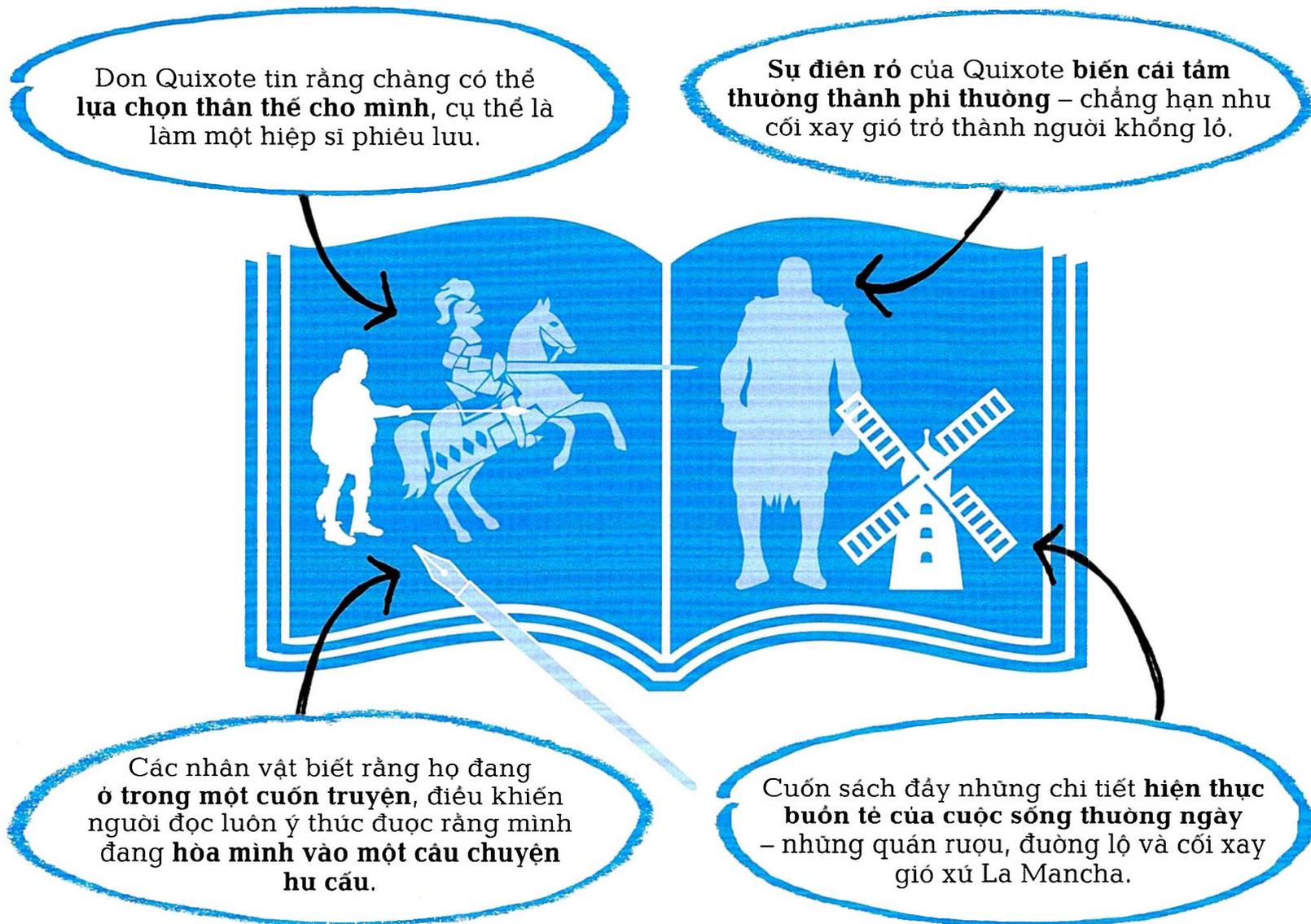
Miguel de Cervantes ra đời ở gần Madrid, Tây Ban Nha vào năm 1547. Mẹ ông là con gái nhà quý tộc, còn cha ông hành nghề y. Không có nhiều thông tin về thời trẻ của ông, nhưng nhiều khả năng ông đã sống và làm việc ở Rome vào khoảng năm 1569 trước khi gia nhập Hải quân Tây Ban Nha. Bị trọng thương trong Trận Lepanto (khi liên quân Công giáo phía nam châu Âu đánh bại quân Ottoman), ông bị quân Thổ Nhĩ Kỳ bắt năm 1575, rồi chịu năm năm tù đày ở Algiers; sau nhờ một đồng tu Công giáo trả tiền chuộc cho, ông mới về được Madrid. Tác phẩm lớn

đầu tiên của Cervantes là *La Galatea* được xuất bản năm 1585. Dẫu tài chính eo hẹp, ông tiếp tục viết và tìm thấy thành công (dù không phải về tiền tài) với *Don Quixote*. Ông mất năm 1616 ở Madrid, nhưng quan tài ông về sau thất lạc. Năm 2015, giới khoa học tuyên bố đã tìm thấy di hài ông trong một nhà tu kín ở Madrid.

Tác phẩm chính khác

1613 *Những tiểu thuyết mẫu mực*
1617 *Persiles và Sigismunda* (chưa hoàn thành)

Xem thêm: *Chuyện kể Canterbury* 68–71 ▪ *First Folio* 82–89 ▪ *Mười ngày* 102 ▪ *Amadis xứ Gaul* 102 ▪ *Cái trống thiếc* 270–71 ▪ *Lò cò* 274–75 ▪ *Nếu một đêm đông có người lữ khách* 298–99



truyện hiệp sĩ lãng mạn thời trước, tự gọi mình là "Don Quixote" để bắt chước họ. Thế nhưng, không được như những anh hùng lãng mạn kia, các nhân vật trong *Don Quixote* vẫn phải lo những nhu cầu thường nhật như ăn uống ngủ nghỉ. Họ du hành trong một thế giới có những quán trọ và cối xay gió, nhưng cung đường nhạt nhòa chẳng có gì đáng mô tả. Ngoại cảnh bao quanh các nhân vật là một ngoại cảnh bình thường hết như thế giới thực của chúng ta.

Cuốn tiểu thuyết còn bám sát hiện thực ở một cấp độ khác, mà ta gọi là "chủ nghĩa hiện thực" trong

văn học: mọi thứ xảy ra trong không gian và thời gian nhất quán (các sự việc trong sách khớp với thời đại nó được viết ra, có bối cảnh địa lý nhất quán, và thường có tuân tỵ thời gian), không có sự can thiệp mang màu sắc huyền hoặc nào.

Những người khổng lồ trong tưởng tượng

Hiện thực chủ nghĩa thế nào mặc lòng, cuốn tiểu thuyết vẫn có chỗ cho ảo tưởng – nhưng chỉ trong tâm trí nhân vật chính. Những cuộc gặp gỡ, đụng độ các chủ trọ, gái bán hoa, người chân dê, binh lính, thầy tu, tù phạm tại đảo và kẻ thất

trình, trong trí tưởng tượng của Don Quixote được phóng đại thành đủ chuyện phiêu lưu oai hùng hết như những chiến công của hiệp sĩ Amadis xứ Gaul trong loạt truyện cùng tên. Mặc bộ giáp cũ gì sét, cưỡi chú ngựa già được đặt tên lại là Rocinante, thuê "cận vệ" là bác người hầu chất phác Sancho Panza, Don Quixote – theo đúng cung cách hiệp sĩ lãng mạn – tuyên bố tình yêu dành cho người phụ nữ nông dân mà chàng gọi là Dulcinea. Trong tâm trí huyền tưởng của chàng, cái bình thường trở thành phi thường, trong đó hẳn ai cũng nhớ đến những cối xay gió ở La Mancha, đối

với Don Quixote lại thành những kẻ thù đáng sợ, xung để chàng giao thủ.

Một chiều kích sâu hơn

Khoảng cách giữa hiện thực và ảo tưởng chính là yếu tố gây hài (và không kém phần bi) trong tác phẩm, chính là chủ đề thúc đẩy văn học hu cấu nó rộ khắp thế giới suốt bốn thế kỷ sau. Chưa dừng lại ở đó, trong phần hai, ra mắt sau phần đầu 10 năm, Cervantes tiếp tục đào sâu và khai triển chủ đề này.

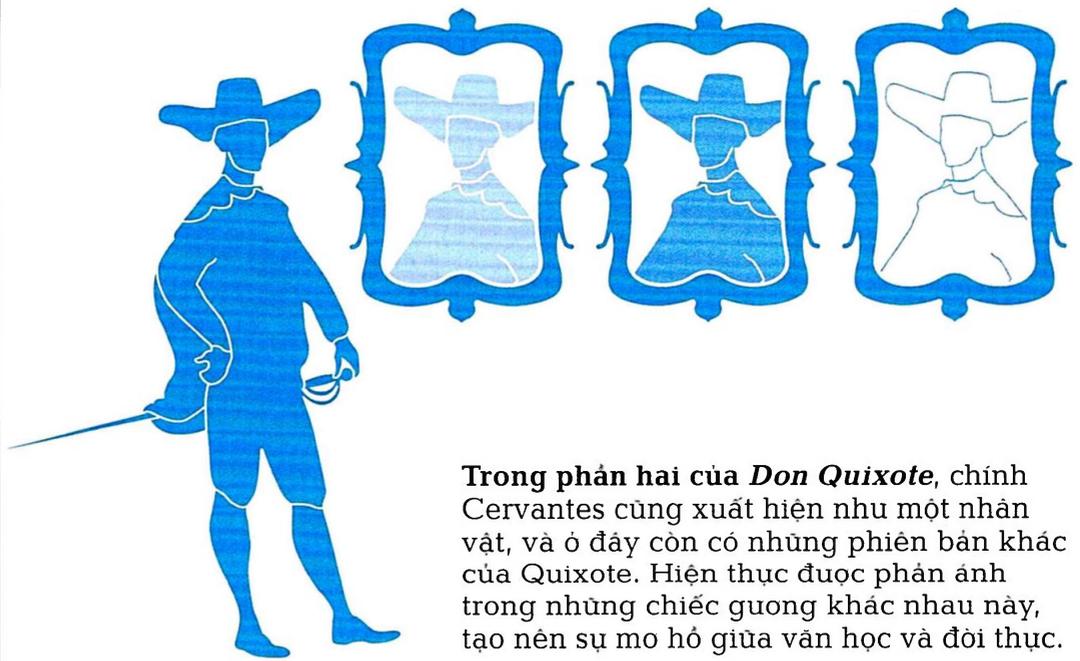
Trong phần hai, các nhân vật – kể cả Don Quixote – đều đã đọc hay chí ít là nghe kể về phần một cuốn tiểu thuyết về chính họ. Những người lạ gặp Don Quixote và Sancho Panza đều đã biết giai thoại nổi tiếng về hai thầy trò này. Một đôi vợ chồng công tước, vốn đã tỏ tường chuyện phiêu lưu của Don Quixote, rất phấn khích khi được gặp gỡ chàng. Nghi rằng lừa chàng làm vui là việc hay ho, họ dựng lên một loạt cuộc phiêu lưu tưởng tượng, để rồi trở thành trò đùa ác ý. Sự tôn quý rõ ràng không liên quan gì tới địa vị xã hội, chính là điều Cervantes muốn nói ở đây. Đọc giả bắt đầu thấy khó mà cười được nữa.

Trong khi Cervantes đang viết phần hai, xuất hiện tác phẩm giả mạo *Tập hai về nhà quý tộc tài ba Don Quixote xứ Mancha của trạng sư Alonso Fernández de Avellaneda, xứ Tordesillas*. Khi biết sáng tạo văn chương của mình bị



Sau rớt, vì ngủ quá ít và đọc quá nhiều, não chàng khô kiệt đến nỗi chàng hoàn toàn mất trí.

Don Quixote



Trong phần hai của *Don Quixote*, chính Cervantes cũng xuất hiện như một nhân vật, và ở đây còn có những phiên bản khác của Quixote. Hiện thực được phản ánh trong những chiếc gương khác nhau này, tạo nên sự mơ hồ giữa văn học và đời thực.

ấn cập, ông đã viết ở cuối phần hai: “Chi nhò có tôi mới có Don Quixote, và nhò có chàng mà mới có tôi; chàng hành động, còn tôi viết lại.” Để trả đũa bằng văn, Cervantes đã cho người hiệp sĩ của ông cùng bác cận vệ đến Barcelona bắt cóc một nhân vật trong sách của Avellaneda.

Truyện trong truyện

Bản thân văn học cũng là một chủ đề trong cuốn tiểu thuyết. Ta biết rằng sự hoang tưởng của Don Quixote đến từ việc đọc quá nhiều – một tuyên bố thú vị để mà đưa ra cho bạn đọc *Don Quixote*. Nhưng ngay cả khi cha xứ, chủ nhà và người thợ cạo đốt sạch sách của Don Quixote, thì cuộc tìm kiếm vinh quang viễn vông của chàng vẫn tiếp tục. Vai trò của người kể chuyện ở đây cũng là điều đáng bàn. Thay vì hoàn toàn đứng đằng sau nhân vật và câu chuyện, Cervantes thường xuyên xuất hiện trong sách, lúc thì là chính ông, khi thì dưới lốt Cide Hamete Benengeli, một người kể chuyện người Moor. Nhưng lời đầu tiểu thuyết – “Tại ngôi làng nào đó xứ La Mancha mà tôi cũng chẳng buồn nhớ tên” – đã cho thấy ngay tính ngang tàng cũng như khả năng kiểm soát câu chuyện của tác giả.

Được viết theo chương hồi, tác phẩm này đã đặt nền móng cho nhiều tiểu thuyết hành trình và phim ảnh sau này. Hầu hết nhân vật mà Don Quixote và Sancho Panza gặp gỡ đều có câu chuyện riêng của họ để kể, đem lại cho cuốn sách một khuôn mẫu quen thuộc, nhất là với những người đã đọc *Chuyện kể Canterbury* của Chaucer, *Mười ngày* của Boccaccio, hay những chuyện kể phương Đông du nhập vào miền nam Tây Ban Nha trong hàng thế kỷ Hồi giáo cai trị.

Đon củ như một nhân vật phụ trong cuốn tiểu thuyết là Ricote, một người Morisco (người gốc Hồi giáo bị bắt cải sang Kitô giáo), đã kể về thời gian ông bị lưu đày khỏi Tây Ban Nha – một kiểu truyện trong truyện giúp cung cấp thêm chi tiết lịch sử trong một câu chuyện hu cấu. Sự kiện trục xuất người Morisco năm 1609 là chủ đề mang tính thời sự cao lúc bấy giờ, và trong khi những truyện hiệp sĩ lãng mạn thời kỳ trước mãi đắm chìm vào một thế giới hoang đường, thì cuốn tiểu thuyết của Cervantes sẵn sàng đối diện với những vấn đề gai góc mang tính thường nhật hơn.

Ảo mộng và vô mộng

Câu chuyện tiếp tục lắt léo diễn

tiến, đưa tới biết bao ảo mộng và vô mộng. Quixote và Sancho được nghe về một chàng trai vì mê đọc truyện nông thôn điên dã mà quyết định trở thành người chăn cừu, nhưng rồi chết vì tình yêu dành cho nàng mục tử xinh đẹp Marcella. Bị kết tội là nguyên nhân đem lại cái chết của chàng, Marcella giận dữ biện hộ cho mình ở đám tang, nói rằng nàng có quyền sống như thế nào nàng muốn, và không lý gì nàng phải chịu trách nhiệm khi trở thành đối tượng cho ảo mộng của một người đàn ông. Văn học dường như đang bị kết án vì khả năng hút hồn độc giả vào một thế giới mộng mị của nó, và đó chính xác là điều mà cuốn tiểu thuyết đã đạt được.

Và là một tác giả, Cervantes cũng làm rõ rằng ông sẽ viết chính xác những gì ông muốn. Mất một thời gian dài, cuối cùng Don Quixote cũng được đưa về nhà, mệt mỏi và tình mộng. "Tôi đã điên, giờ đây thì tôi tỉnh," chàng nói, không lâu trước khi qua đời. Rõ ràng bằng cách để chàng chết đi, Cervantes còn muốn ngăn không để bất cứ hậu truyện đạo nhái nào ra đời nữa.

Dù Cervantes khẳng định quyền tác giả của ông thế nào, Don

“

"Nói ta nghe, hỡi ngài Don Alvaro," Don Quixote cất tiếng, "ta có chút gì giống cái tay Don Quixote mà ngài nói tới không?"

Don Quixote

”

Quixote là ví dụ rõ nét cho thấy sau rốt những nhân vật hư cấu vĩ đại dường như có thể vươn mình ra khỏi trang sách ban đầu để có cuộc đời riêng, vượt ngoài ý muốn tác giả. Chàng đã truyền cảm hứng cho những tiểu thuyết gia Anh theo phong cách hài hước như Henry Fielding, hay những nhà hiện thực người Pháp như Gustave Flaubert; nhân vật Emma Bovary của Flaubert có thể xem là một Quixote thế kỷ 19, đã phải trả giá khi đắm chìm vào sự hư cấu để mong thoát khỏi sự buồn chán của cuộc đời.

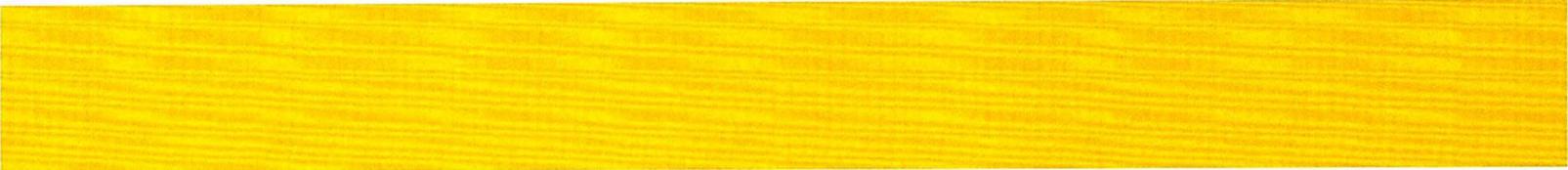
Trong thế kỷ 20, khía cạnh siêu hư cấu bông đùa của Cervantes đã truyền cảm hứng cho Jorge Luis Borges viết "Pierre Menard, tác giả Quixote" (nói về một nhà văn viết lại cuốn tiểu thuyết của Cervantes), mà Borges mô tả một cách châm biếm là "tinh tế hơn Cervantes". Don Quixote còn được bắt tù hóa khi trở thành tính từ "quixotic" trong tiếng Anh, dùng để chỉ những hành động mang màu sắc lãng du lý tưởng hóa.

Diễn giải tác phẩm

Là câu nối của loại truyện hiệp sĩ Trung cổ và tiểu thuyết hiện đại, *Don Quixote* để lại cho bao thế hệ độc giả một di sản văn hóa phong phú, và đã có nhiều cách hiểu khác nhau về tác phẩm suốt hàng thế kỷ. Khi ra mắt ở Tây Ban Nha vào Thế kỷ Hoàng kim, nó thường được xem là truyện châm biếm – với Don Quixote là đối tượng để giễu nhại; nhưng cũng với nhiều chi tiết về lịch sử Tây Ban Nha đan quyện vào câu chuyện, người ta còn xem nó là lời phê phán tham vọng đế quốc của đất nước. Ảo mộng anh hùng của Quixote có thể xem là biểu tượng cho chủ nghĩa bành trướng vô nghĩa đang trên đà suy tàn của dân tộc chàng. Với những người mang tinh thần cách mạng, Don Quixote là nguồn cảm hứng – một người đã đứng trong khi hệ thống đã sai; người theo chủ nghĩa Lãng mạn thì biến chàng thành một nhân vật bi kịch – người mang những hoài bão cao đẹp nhưng rồi gục ngã trước hoàn cảnh tầm thường. Sự đánh giá lại tác phẩm theo thời gian này cho thấy sức sống bền lâu của câu chuyện và nghệ thuật của cuốn tiểu thuyết, xây chắc cho nó một vị trí trung tâm trong lịch sử văn học. ■

La Mancha ở miền trung Tây Ban Nha – tuy ít mưa nhưng lại là vùng nông nghiệp quan trọng – không gọi lên chất văn thơ, nên thật khó tin khi biết đây là quê nhà của chàng hiệp sĩ oai hùng.





**AI TRONG ĐỜI MÌNH
CŨNG ĐÓNG NHIỀU
VAI DIỄN**

**FIRST FOLIO (1623),
WILLIAM SHAKESPEARE**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Thi sĩ xứ Avon

TRƯỚC ĐÓ

1560 Kinh Thánh Geneva bằng tiếng Anh là một trong những nguồn viện dẫn chính của Shakespeare.

1565 *Biển thể* của Ovid, bản dịch Arthur Golding, được in; đây là nguồn văn liệu chính cho Shakespeare.

1616 *Những tác phẩm* của Ben Jonson người Anh là tuyển tập kịch đầu tiên của một kịch tác gia nổi tiếng được xuất bản.

SAU ĐÓ

1709 Ấn bản *Shakespeare toàn tập* của cây bút Anh Nicholas Rowe được Jacob Tonson cho ra mắt. Đây là nỗ lực lớn đầu tiên từ sau First Folio nhằm giáo đính các vở kịch của Shakespeare. Rowe đã điều chỉnh lại chính tả và chấm câu theo lối hiện đại và phân lại các cảnh.

Khi William Shakespeare qua đời, người bạn và cũng là đối thủ trong nghề soạn kịch của ông là Ben Jonson đã viết rằng tác phẩm của ông sẽ chứng minh được giá trị "không chỉ trong một thời đại, mà là ở mọi thời đại". Tiên đoán này đã chính xác: tên tuổi Shakespeare được cả thế giới biết đến, và ông vẫn được xem là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất mọi thời. Tác phẩm của ông đã được dịch sang hơn 80 thứ tiếng; kịch của ông được chuyển thể thành tác phẩm điện ảnh, hoạt hình và nhạc kịch; và ngôn từ của ông truyền cảm hứng cho các chính trị gia, nghệ sĩ hay nhà quảng cáo khắp thế giới.

Sức mê hoặc dài lâu

Năm 1999, Shakespeare đã được bầu là "Nhân vật thiên niên kỷ" ở Anh, và những đoạn thoại trong *Giông tố* đã xuất hiện trong lễ khai mạc Thế vận hội 2012. Ông là một trong những giá trị văn hóa vĩ đại nhất mà nước Anh truyền cho thế giới, và hằng năm, khoảng 800.000 du khách vẫn tìm về Stratford-upon-Avon để ghé thăm ngôi nhà thuở ấu thời của ông.

Tại sao Shakespeare, một người đã qua đời từ năm 1616, nay vẫn được độc giả và khán giả quan

“

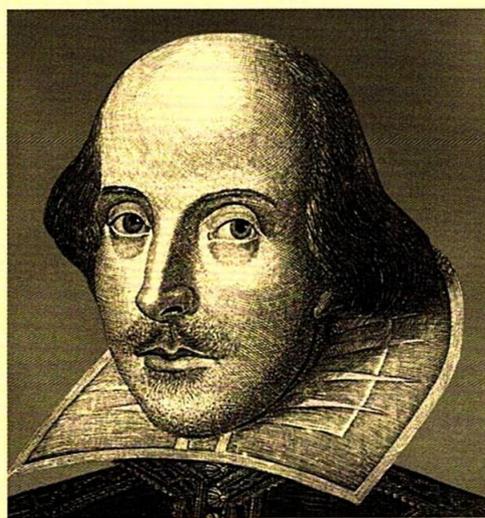
Một số người sinh ra đã vĩ đại, số khác đoạt được sự vĩ đại, số khác nữa thì bị sự vĩ đại roi trúng đầu.

Đêm thứ mười hai

”

tâm đến vậy? Phần lớn sức hút đó đến từ khả năng vận dụng ngôn từ để nắm bắt kinh nghiệm nhân sinh của ông. Kỹ năng ngôn ngữ bậc thầy cho phép ông truyền tải những cảm xúc phức tạp, đem lại sức tác động và hiệu quả to lớn. Việc khán giả của ông cũng như một lát cắt xã hội đa giai tầng, từ thợ giày cho tới triều thần, khích lệ ông phát triển một thứ ngôn ngữ thi ca mà ai cũng cảm thụ được, bất kể địa vị, nền tảng giáo dục và tuổi tác. Kịch ông viết phải lôi cuốn được loại khán giả chi phải trả một xu để được đứng xem từ ngoài sân, đồng thời tùy lúc phải thỏa mãn được thị hiếu của giới quân vương

William Shakespeare



William Shakespeare sinh ra ở Stratford-upon-Avon vào tháng 4, 1564. Ở tuổi 18 ông kết hôn với Anne Hathaway, lúc này bà đã hoài thai đứa đầu lòng trong số ba người con của họ sau này. Ghi chép cho thấy Shakespeare đã ở London ngay từ đầu những năm 1590, hoạt động dưới vai trò diễn viên. Nhận xét đầu tiên về ông dưới tu cách người soạn kịch không được tâng bốc cho lắm: đồng nghiệp Robert Greene gọi ông là "chú qua mới lên hương, tô điểm bằng những lông vũ của chúng ta".

Các vở sử kịch về Vua Henry VI của Shakespeare rất được ưa chuộng vào cuối thập niên 1590; về tiếng tăm

của ông, Francis Meres vào năm 1598 đã mô tả là "Shakespeare lời châu ý ngọc".

Là tác giả chủ lực của đoàn kịch King's Men và là người góp vốn mở nhà hát Hoàn Cầu ở Bankside, ông đã có thể mua cho mình một căn nhà ở Stratford-upon-Avon, nơi sau này ông quay về dương già. Ông qua đời vào ngày lễ Thánh George, 23 tháng 4, 1616.

Tác phẩm chính khác

1593 *Venus và Adonis*

1594 *Lucrece bị cưỡng hiếp*

1609 *Tho sonnet Shakespeare*

Xem thêm: *Vua Oedipus* 34–39 ▪ *Biển thê* 55 ▪ *Chuyện kể Canterbury* 68–71 ▪ *Tiến sĩ Faustus* 75 ▪ *Moby-Dick* 138–45 ▪ *Ulysses* 214–21

Shakespeare chào đời ở phố thị Stratford-upon-Avon. Ông sống ở căn nhà này, nằm trên đường Henley, cho đến lúc trưởng thành, góm cả năm năm đầu trong cuộc hôn nhân với Anne Hathaway.

quý tộc. Chẳng lạ gì khi ngày nay tác phẩm Shakespeare vẫn được đông đảo khán giả tiếp cận đến thế; những câu chuyện giàu trí tưởng tượng của ông có thể đem lại niềm vui thích cho cả học sinh nhỏ tuổi lẫn những người xem sân khấu lâu năm.

Một tác gia cho mọi thế giới

Thiên tài của Shakespeare nằm ở chỗ ông có thể tìm trong thế giới tự nhiên một tấm gương để khán giả soi mình trong đó; người ta nhận ra chính mình và người khác trong tác phẩm của ông. Một trong những kỹ thuật hiệu quả nhất ông dùng để thu hút khán giả là sử dụng độc thoại. Chính các khoảnh khắc này, khi nhân vật chỉ còn một mình trên sân khấu và bắt đầu chiêm niệm về bản chất sự tồn tại của mình, đã giúp hình thành một mối liên kết mạnh mẽ giữa thế giới của vở kịch và thế giới của người xem kịch. Độc thoại cho phép nhân vật bộc lộ những nỗi sợ, sự thất vọng, ước mơ và hoài bão sâu kín nhất. Trong những phút riêng



tu ấy, nhân vật của Shakespeare có thể hiện ra với đầy đủ sự mong manh dễ tổn thương; hoặc cũng có thể là sự xấu xa gian trá. Bằng cách cho nhân vật phát ngôn trong sự “riêng tu” trước mắt khán giả, Shakespeare tạo cho người xem ảo giác rằng mình được biết riêng mọi suy nghĩ thầm kín ấy. Nhân vật của ông đã không còn chỉ là phương tiện để thúc đẩy cốt truyện diễn tiến; họ hiện ra là những cá nhân con người sống trong thời khắc ấy, tự đưa ra những quyết định từ hời này sang cảnh kia.

Kịch Shakespeare được xây dựng để khán giả trải nghiệm trong nhà hát, nhưng độc giả cũng có thể thưởng thức một số vở thông qua các ấn phẩm xuất hiện sau khi kịch đã diễn trên sân khấu: sinh thời Shakespeare, *Hamlet*, *Romeo và Juliet*, *Giấc mộng đêm hè* và *Henry V* được in như những tác phẩm riêng biệt (gọi là các quarto). Tuy nhiên, các vở khác như *Julius Caesar*, *Macbeth*, *Xin như ý bạn* và *Đêm thứ mười hai* dường như không được xuất bản trước khi tác

giả qua đời, và chúng hẳn sẽ biến mất hoàn toàn nếu không có ấn phẩm năm 1623 *Hài kịch, sử kịch và bi kịch William Shakespeare*, còn được gọi là First Folio.

First Folio

Chi còn khoảng 240 bản in First Folio còn lại đến nay, biến nó thành một trong những cuốn sách đắt giá nhất thế giới, với số tiền lên tới 6 triệu USD ở các buổi đấu giá. Không nhờ cuốn sách này, nhiều kiệt tác của Shakespeare đã thất lạc mãi mãi.

Thời Elizabeth và Jacobean, không có gì đảm bảo một vở kịch sẽ được in thành sách chỉ vì nó đã được công diễn. Các nhà in có xu hướng cho rằng kịch chỉ mang tính “thời thượng” chứ không có giá trị dài lâu, và họ dành tâm sức lẫn tiền bạc để xuất bản Kinh Thánh, bài giảng và sách sử biên niên về nước Anh. Ben Jonson là nhà soạn kịch đầu tiên được in tuyển tập tác phẩm của mình. Cuốn *Những tác phẩm* của ông ra mắt năm 1616, cùng năm Shakespeare mất, và

“

Cả thế giới là một sân khấu,
Và mọi người đều chỉ là
những diễn viên.

Xin như ý bạn

”

Những vở kịch trong First Folio



Hài kịch

Giông tố
Hai quý ông từ Verona
Những bà vợ vui vẻ xứ Windsor
Phán xét sẽ bị phán xét
Hài kịch nhảm lẩn
Có gì đâu mà rộn
Quả ngọt thất lạc của tình yêu
Giấc mộng đêm hè
Người lái buôn thành Venice
Xin như ý bạn
Dạy dỗ cô vợ đánh đá
Điều tốt lành kết thúc tốt lành
Đêm thứ mười hai
Câu chuyện mùa đông



Sử kịch

Vua John
Richard II
Henry IV Phần 1
Henry IV Phần 2
Henry V
Henry VI Phần 1
Henry VI Phần 2
Henry VI Phần 3
Richard III
Henry VIII



Bi kịch

Troilus và Cressida
Coriolanus
Titus Andronicus
Romeo và Juliet
Timon thành Athens
Julius Caesar
Macbeth
Hamlet
Vua Lear
Othello
Antony và Cleopatra
Cymbeline

thành công của nó khuyến khích người ta ra mắt những tuyển tập tương tự.

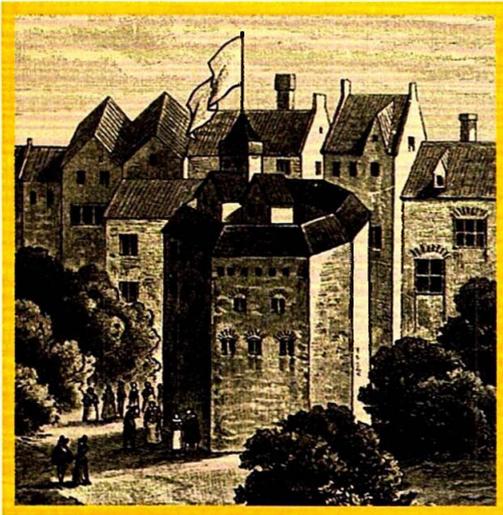
John Heminges và Henry Condell, hai đồng nghiệp diễn viên và cũng là bạn thân của Shakespeare, đã giám sát thực hiện một dự án đồ sộ là soạn First Folio. Đây là một công việc khó khăn, và ưu tiên hàng đầu của họ là tìm được các văn bản kịch. Bản thảo gốc của nhà soạn kịch thường được đoàn kịch chép lại, rồi người ta dựa vào đó để tạo ra các "kịch bản vi bạch": mỗi diễn viên nắm một bản sao phần lời thoại của mình với một đôi dòng "vi bạch" kèm theo, tức lời nhắc để biết khi

nào tới lượt họ diễn. Theo thời gian, bản thảo gốc hoặc bị thất lạc, hoặc bị thay đổi, chỉnh sửa, lấm lem vết mực. Ngày nay không bản thảo gốc nào của Shakespeare còn sót lại, dù rằng có 147 dòng trong một bản kịch tên là *Sir Thomas More* được cho là do Shakespeare chính tay viết ra. Lúc bấy giờ First Folio giống như tấm bia kỷ niệm để tưởng nhớ Shakespeare; nó được đón nhận nhiệt liệt đến nỗi chỉ sau chín năm đã tái bản (có chỉnh sửa), và từ đó trở đi vẫn tiếp tục được tái bản dưới nhiều định dạng khác nhau. Không lạ gì khi ngày nay First Folio trở thành một cuốn sách quan trọng đến vậy nếu

xét đến tầm nhìn và quyết tâm mà người ta dồn vào để xuất bản nó lần đầu.

Phân thành ba loại

First Folio chia kịch Shakespeare thành Hài kịch, Sử kịch và Bi kịch. Cách phân chia này vẫn phần nào mang tính gượng ép, thể hiện dụng ý của nhà xuất bản hơn là cho thấy cách Shakespeare nhìn nhận những vở kịch của ông. Lấy ví dụ, *Julius Caesar* được tính là bi kịch, trong khi cũng có thể xem nó là sử kịch; tương tự, *Richard III* được xếp vào mục Sử kịch, dẫu rằng có cho nó vào Bi kịch thì cũng không có gì sai.



Nhà hát Hoàn Cầu, do Shakespeare đồng sở hữu, khai trương vào năm 1599 ở bờ nam sông Thames, nhưng đến năm 1644 bị phá hủy. Người ta đã phục dựng nó ngay tại địa điểm này vào thập niên 1990.

Không nhất thiết có chuyện Shakespeare nghi sẽ theo một thể loại nhất định nào đó khi sáng tác một vở kịch. Là tác giả có xu hướng cách tân, ông thường xuyên hòa trộn các đặc điểm gắn liền với mỗi thể loại khác nhau để tạo ra sự đa dạng trong tác phẩm của mình. Chẳng hạn như trong những khoảnh khắc buồn đau nhất của vở kịch, thì thoảng ông xen vào yếu tố hài kịch đen để thay đổi bầu không khí: người phu đào huyết trong *Hamlet* cất tiếng hát giữa lúc làm việc; người gác cổng tấu hài với khán giả khi Macbeth và vợ lui vào sau cánh gà để rửa đôi tay dính máu; còn Cleopatra thì đi tới chỗ tự cười khi dự tính về việc tự sát của chính mình trong *Antony và Cleopatra*. Tương tự như vậy, các vở hài kịch mang âm hưởng vui tươi khinh khoái của Shakespeare đôi khi lại

Nữ hoàng Ai Cập Cleopatra, ở đây do Harriet Walter thủ vai, cầm lấy "con giun" để nó cắn, như một "cú nhéo của tình nhân", trong đoạn cao trào mãnh liệt chết chóc của *Antony và Cleopatra*.

nhuộm màu sắc đen tối nguy hiểm: Isabella bị Angelo ép tình trong *Phán xét sẽ bị phán xét*; Oberon phù phép đôi mắt của Titania bằng thú thuốc thần sẽ khiến nàng phải lòng bất cứ thú gì nàng thấy đầu tiên sau khi tỉnh dậy trong *Giấc mộng đêm hè*; và tính nết hà khắc theo lối Thanh giáo của Malvolio trong *Đêm thứ mười hai* cuối cùng dẫn tới việc lão bị si nhục giữa chốn công cộng.

Những quan hệ bị thử thách

Dù các vở hài kịch Shakespeare có nhiều điểm tương đồng nhau, mỗi vở vẫn mang những khác biệt rất riêng. Hầu hết chúng đều kết thúc trong viễn cảnh hôn nhân, giúp các cá nhân và cộng đồng xích lại gần nhau; điều này cũng đem lại không khí hội hè tung bùng khi vở kịch hạ màn, làm người ta quên đi mọi hiểu nhầm kim hãm niềm vui trước đó. Trong số các hài kịch này, *Quả ngọt thất lạc của tình yêu* khá đặc biệt, vì hồi kết của nó không phải là một cuộc hôn nhân, chỉ có lời hẹn ước gặp lại nhau sau một năm chia cách của đôi tình nhân.

Trong khi hài kịch thường khép lại bằng sự hòa hợp và đoàn tụ,

“

Cuộc chè chén say sưa rồi
cùng tàn.

Những diễn viên này...
Hòa tan vào không gian.

Giọng tố

”

chiều hướng kịch tính của các vở bi kịch nhìn chung mang tính tiêu cực hơn nhiều. Những mối quan hệ sẽ bị thử thách, bị đặt dưới áp lực, và cuối cùng là đổ vỡ, thông thường sẽ dẫn đến một cái chết để kết thúc vở kịch. Một số vở sử kịch cũng đi theo chiều hướng tương tự. Đằng sau những câu chuyện về vương quyền, chính trị và quyền lực là đủ thứ xung đột, cừu hận và kinh địch. Mặc cho những điểm khác biệt, các vở kịch Shakespeare vẫn có chung với nhau cái khao khát của tác giả muốn trao tiếng nói cho những nhân vật thuộc



Những mô-típ thường xuất hiện trong kịch Shakespeare

Phụ nữ già trang đàn ông		Hai quý ông từ Verona, Người lái buôn thành Venice, Xin như ý bạn, Đêm thú mười hai, Cymbeline
Anh hề		Vua Lear, Đêm thú mười hai, Xin như ý bạn
Kịch trong kịch		Giấc mộng đêm hè, Hamlet, Quả ngọt thất lạc của tình yêu
Hiện tượng siêu nhiên		Macbeth, Hamlet, Giấc mộng đêm hè, Giông tố, Julius Caesar, Richard III, Cymbeline
Nghe trộm		Đêm thú mười hai, Quả ngọt thất lạc của tình yêu, Hamlet, Othello
Nhảm lán danh tính (mô típ gây cười)		Hài kịch nhảm lán, Có gì đâu mà rộn, Phán xét sẽ bị phán xét, Điều tốt lành kết thúc tốt lành
Bão và tàu đắm		Macbeth, Vua Lear, Giông tố, Pericles, Hài kịch nhảm lán

hiều giai tầng đa dạng: ma cô, chủ chúa và gái điếm chén tạc chén thù cùng nhà vua tuông lai của nước Anh trong *Henry IV Phần 1* và *Phần 2*; anh thợ dệt Bottom trong *Giấc mộng đêm hè* chạm mặt thế giới loài tiên; và vị quân vương trong *Vua Lear* lại đi lắng nghe những suy nghĩ của anh hề và gã ăn mày.

Sự giày vò của bi kịch

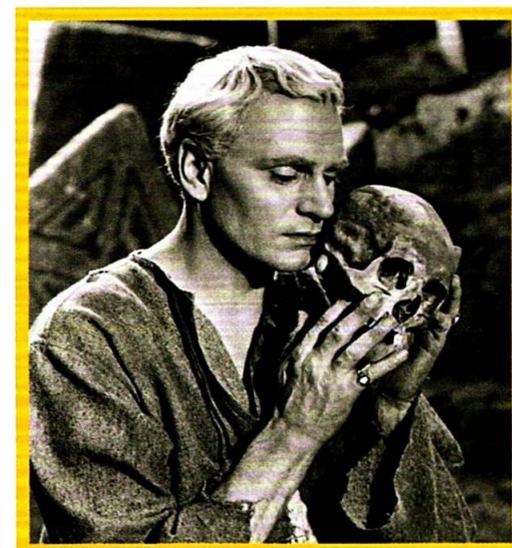
Có những tác phẩm trong First Folio xứng đáng được gọi là kiệt tác của Shakespeare. Dù có thể chưa đọc hoặc xem diễn kịch Hamlet, hẳn nhiều người vẫn quen thuộc câu nói "Tồn tại hay không tồn tại, đó là câu hỏi". Hình ảnh Hamlet đối với cả thế giới đã

gắn liền với số phận đau khổ và những suy tư sâu sắc. Thông qua chàng, Shakespeare đã tạo nên một tiếng nói giàu chất thi ca bậc nhất mọi thời, một ảo tượng văn chương về một lương tâm bị giằng xé. Shakespeare dẫn dắt người nghe đi qua những góc ngách trong tâm hồn của nhân vật tượng tượng Hamlet khi chàng khổ sở với những vấn đề về đạo lý và sự hữu hạn của kiếp người. Hamlet ưu tu suy nghĩ "giấc mơ nào sẽ đến / Khi ta rũ bỏ xác phàm này"; như vô số bài thơ, tiểu thuyết và vở kịch cho thấy, Hamlet không hề đơn độc. Vua Lear là một sáng tạo bi kịch khác trực tiếp nói lên cách Shakespeare hiểu về thân phận con người. Ở tuổi xế bóng, tri kiến

của Lear về bản thân và thế giới quanh ông xung khắc với góc nhìn của thế hệ trẻ. Lòng kiêu hãnh xui khiến ông đưa ra những phán xét hấp tấp hỏ đỏ, đẩy ông ra xa khỏi bằng hữu và gia đình, khiến ông phải chiêm nghiệm lại những hành động của bản thân và mối quan hệ giữa mình với người khác. Giống như nhiều nhân vật bi kịch khác của Shakespeare, Lear bị những suy tư ấy giày vò, và phải mất hết chiều dài một vở kịch để ông có thể đánh giá lại hoàn cảnh của mình và "nhìn nhận đúng hơn".

Những dấu hỏi về danh tính

Giấc mộng đêm hè là một trong những vở hài kịch nổi tiếng nhất của Shakespeare, trong đó Bottom là nhân vật thuộc loại đáng nhớ nhất. Trong lúc vào rừng tập kịch, Bottom bị chú yêu tinh rừng tinh quái Puck hóa phép biến đầu chàng thành đầu một con lừa. Hiệu ứng thị giác trên sân khấu gây ấn tượng mạnh mẽ hơn nhiều so với hình ảnh trên trang giấy. Ta chỉ có thể cảm nhận đầy đủ sự hoạt kê lúc người diễn viên thay đổi toàn bộ diện mạo để thể hiện sự hóa thân đó khi chúng kiến nó được biểu diễn, nhưng ngay cả độ



Hoàng tử Hamlet của Đan Mạch, ở đây được Laurence Olivier thủ diễn trong bộ phim do chính ông đạo diễn năm 1948, là nhân vật nội tâm phức tạp, đã giả điên để tìm cơ hội trả thù.



Thọ dẹt Bottom bị yểm phép trong *Giấc mộng đêm hè*, đầu hóa thành đầu lừa, lại trở thành đối tượng khao khát của Titania, người đã bị bỏ bùa bằng tinh dược.

giả cùng thấy được là cách Bottom trải nghiệm cuộc sống đã hoàn toàn bị lộn nhào, và trong một thời gian ngắn ngủi, chàng đã có thể nhìn đời bằng một đôi mắt khác. Kỹ thuật này được Shakespeare lặp lại trong một số hài kịch khác, khi các nhân vật cải trang để thay đổi danh tính của mình: Rosalind trong *Xin như ý bạn* và Viola trong *Đêm thứ mười hai* đều hóa thân thành những chàng thanh niên; hai cặp sinh đôi trong *Hài kịch nhầm lẫn* bị nhận nhầm với nhau, tạo nên hiệu ứng hết sức hài hước.

Mối họa của quyền lực

Sử kịch của Shakespeare đầy rẫy những nhân vật xảo trá. Trong *Richard III*, Richard xứ Gloucester tìm cách che đậy mưu đồ sát nhân tiềm ngói của mình, có thể xem là nhân vật phản diện hay nhất của Shakespeare. Ngoài cơ thể dị hình dị tướng, sức hút khó cưỡng của Richard lung gù đã bộc lộ ngay từ màn độc thoại mở đầu vở kịch

của hắn. Hắn cho độc giả biết mình "quyết tâm chúng tỏ sự phản diện", tuyên bố rằng hắn "khôn ngoan, giả dối và phản trắc". Những màn độc thoại kiểu vậy cùng với ngoại hình dị dạng mang tính biểu tượng đã biến Richard thành nhân vật xấu xa của vở kịch: ghét hắn chính là điều khán giả yêu thích. Vậy nhưng, như tất cả các vở sử kịch của Shakespeare từ *Richard II* đến *Henry VI* cho thấy, quyền lực lại là một thú mong manh. Như Shakespeare đã viết

trong *Henry IV Phần 2*, "Bất an cho cái đầu nào đội miện": kẻ nào nắm quyền lực trong tay sẽ luôn luôn đối mặt hiểm họa. Đây là bài học mà Richard III đã nhận ra trong ngò ngàng. Sau khi đã giết người để vươn tới ngai vàng, hắn phải tiếp tục giết cho đến chùng nào cảm thấy mọi mối nguy đe dọa vương miện của hắn đã bị loại bỏ.

Những tác phẩm đi cùng năm tháng

First Folio có độ dày hơn 900 trang, gồm 36 vở, với bức chân dung nổi tiếng của Shakespeare trên trang bìa giả. Nó vẫn thiếu các vở *Pericles* hay *Hai người bà con quý tộc* mà ta dễ dàng tìm thấy trong hầu hết toàn tập về Shakespeare ngày nay. *Giông tố*, *Cymbeline* và *Câu chuyện mùa đông* thường được liệt vào loại kịch lãng mạn trong các ấn bản hiện đại, trong khi *Coriolanus*, *Julius Caesar* và *Antony và Cleopatra* ngày nay đôi khi được gọi là "những vở kịch La Mã" của Shakespeare.

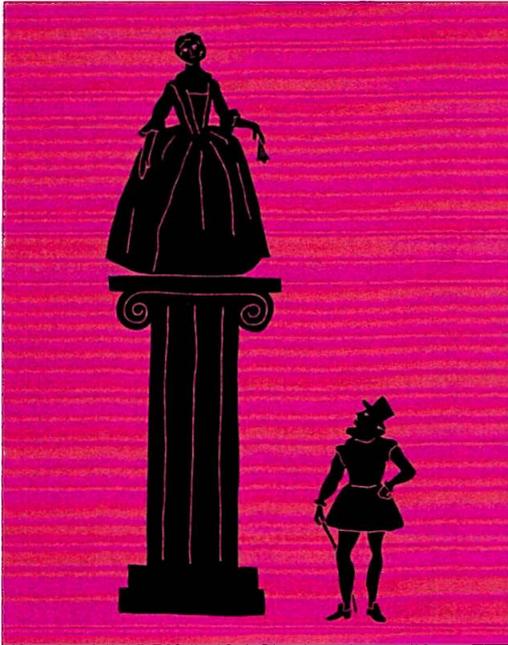
Dẫu ngày nay tác phẩm Shakespeare đã vượt ra ngoài cái khuôn khổ chung hạn hẹp của lần xuất bản đầu tiên, ta không được quên rằng chính nhờ First Folio mà các vở kịch của ông còn được lưu truyền đến nay. ■

Tranh cãi về quyền tác giả

Từ cuối thế kỷ 18, đã có nhiều thuyết âm mưu khác nhau cho rằng William Shakespeare ở Stratford-upon-Avon không phải là tác giả viết nên các vở kịch trong First Folio.

Danh sách những nhân vật khả dĩ là tác giả thật khá dài, và vẫn đang tiếp tục dài thêm. Trong số đó có Sir Francis Bacon, Christopher Marlowe, Edward de Vere, hay thậm chí là Nữ hoàng Elizabeth I, tất cả đều qua đời một thập kỷ trước khi những vở kịch cuối cùng

của Shakespeare được công diễn hay xuất bản. Làm thế nào một kịch tác gia thời Elizabeth như Christopher Marlowe lại soạn được chúng nếu ông đã bị giết từ năm 1593? Có ý kiến cho rằng Marlowe thật ra không chết trong vụ ẩu đá ở quán rượu năm 1593, ông chỉ ẩn thân và tiếp tục cống hiến cho sân khấu dưới bút danh "William Shakespeare". Kiến giải cho các giả thuyết khác cũng đều bất khả kiểm chứng như vậy.



BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Trào lưu Tân cổ điển Pháp

TRƯỚC ĐÓ

1637 vở "bi hài kịch" *Le Cid* của Pierre Corneille được công diễn và tung hô ở Paris, nhưng giới hàn lâm Pháp phê bình nó vì không tuân thủ tính thống nhất theo lối cổ điển.

1653 Công diễn những buổi đầu tiên của vở *Những địch thù*, tác phẩm đầu tay của Philippe Quinault, cây bút viết khỏe chuyên trị hài kịch, bi hài kịch, ngoài ra cũng có bi kịch.

SAU ĐÓ

1668 Jean de la Fontaine viết tuyển tập *Ngụ ngôn* dựa theo cảm hứng cổ điển, từ Aesop đến Phaedrus, mở rộng mảng thơ có vần thời bấy giờ.

1671 Molière, Corneille và Quinault hợp tác viết *Psyché*, một vở bi hài kịch vũ ba lê.

1677 Loạt bi kịch chủ đề thần thoại Hy Lạp của Jean Racine tiếp tục với *Phèdre*.

COI TRỌNG MỌI THỨ CŨNG BẰNG CHẴNG COI TRỌNG GÌ

CHÀNG GHÉT ĐỜI (1666), MOLIÈRE

Mỗi quan tâm dành cho mọi thứ thuộc về thế giới cổ điển nổi lên ở châu Âu suốt thời Khai sáng (1650–1800). Những lý tưởng Hy Lạp cổ đại về hình thức, sự sáng sủa và tao nhã đã truyền cảm hứng cho trào lưu Tân cổ điển trong mọi ngành nghệ thuật, với nước Pháp đi tiên phong ở địa hạt văn chương. Có thể thấy rõ ảnh hưởng cổ điển trong kịch nghệ Pháp, một nền kịch nghệ đã tiếp nhận có chọn lọc những ước lệ của sân khấu Hy Lạp mà Aristotle miêu tả trong *Thi học*.

Loại kịch ước lệ bằng thơ này thường là bi kịch, dựa theo chủ đề thần thoại Hy Lạp (một nguồn cảm hứng lớn của Jean Racine), nhưng thị hiếu công chúng cho các vở hài kịch cũng dần tăng, và điều này được đáp ứng nhờ những vở kịch dí dỏm của Molière.

Hài kịch châm biếm xã hội

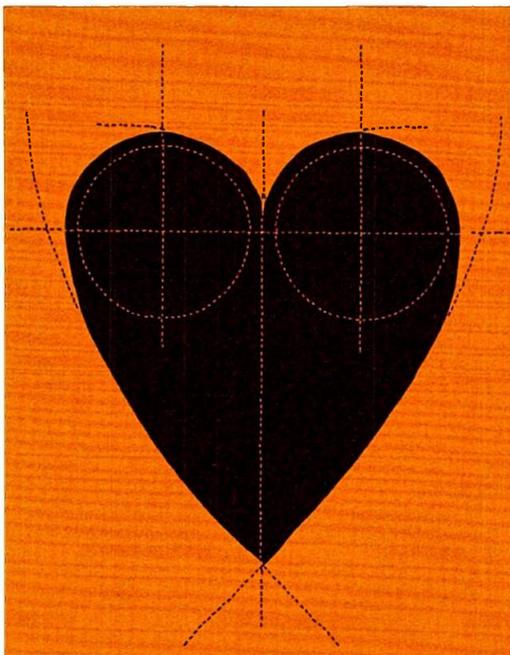
Đóng góp lớn nhất của Molière là "hài kịch châm biếm xã hội", thể loại kịch chế giễu lối thời thượng, với những nhân vật khinh thế ngạo đời như Alceste, nhân vật chính trong vở *Chàng ghét đời*, người luôn khó chịu bị bởi

thói *politesse* (lich sự giả tạo), cho đến khi chàng phải lòng cô gái nhiều người hâm mộ Célimène. Đỉnh bùa trước sự đong đưa của nàng, chàng bắt đầu hành xử hết cái lối mà chàng vốn khinh ghét ở người khác, thế nhưng chàng rồi cũng quay về bản tính cố hữu khi chỉ trích bài thơ sến sẩm của một nhà quý tộc. Việc này khiến chàng gặp rắc rối "vô phúc đáo tụng đình", mất bạn mất bè, nên chàng cố tìm người ngoại (trong vô vọng) với Célimène phù phiếm. Trong khi châm biếm tạt ghét đời của Alceste. Molière cũng phơi bày thói đạo đức giả trong cung cách quý tộc thời thế kỷ 17 theo đúng tinh thần những vở hài kịch của kịch tác gia Hy Lạp Aristophanes.

Thành công của những vở kịch Molière, trong đó có *Trường học cho các bà vợ*, *Tartuffe* và *Lão hà tiện*, đã đánh dấu mở đầu một thời kỳ của những vở kịch hóm hỉnh, tao nhã kéo dài đến thế kỷ 18. Dòng kịch này lan truyền sang Anh, truyền cảm hứng cho hài kịch thời Trung hưng, qua Oliver Goldsmith và Richard Brinsley Sheridan (và các tiểu thuyết gia như Jane Austen) đến Oscar Wilde. ■

Xem thêm: Vua Oedipus 34–39 ▪ *Candide* 96–97 ▪ *Le Cid* 103 ▪

Phèdre 103–04 ▪ *Kiều hãnh và định kiến* 118–19 ▪ *Chân dung Dorian Gray* 194



NHƯNG TA VẪN NGHE THẤY ĐẲNG SAU LƯNG, CỔ XE THỜI GIAN CHAO CÁNH RỘN GẦN *NHỮNG VẤN THƠ ĐA TẬP (1681),* ANDREW MARVELL

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Những nhà thơ Siêu hình

TRƯỚC ĐÓ

1627 John Donne sử dụng lối cường điệu Siêu hình trong khúc bi ca u uẩn về tình yêu "Đạ khúc ngày Thánh Lucy" – "Nhu thác lũ / Hai ta đã khóc, để rồi / Nhấn chìm cả thế giới, cả hai ta..."

1633 Bài "Thống khổ" của George Herbert áp dụng góc nhìn Siêu hình cho vấn đề đức tin – "Tình yêu, thú chất lỏng ngọt ngào thần thánh nhất, / Mà Chúa xem như máu, nhưng là rượu với tôi."

1648 Cuốn *Hesperides* của Robert Herrick có bài thơ *carpe diem* ("hãy sống với ngày hôm nay") nổi tiếng "Gửi các nàng trinh, để nắm bắt thời khắc", với câu thơ thời danh "Hãy hái nụ hồng khi còn có thể".

1650 Được George Herbert truyền cảm hứng, Henry Vaughan sáng tác "Thế giới", bài thơ về sự phụng hiến thần bí.

Thuật ngữ "Những nhà thơ Siêu hình" được nhà tiểu luận, nhà phê bình văn học Samuel Johnson đặt ra để chỉ một nhóm tác giả Anh vào thế kỷ 17, trong đó có John Donne, George Herbert và Andrew Marvell (1621–1678). Đặc trưng trong phong cách của họ là chất trí tuệ, logic phức tạp và tính ẩn dụ tôn giáo, thường tập trung vào những chủ đề nhu tình yêu, tình dục và đức tin.

Những khoái lạc xác thịt

Sinh thời được biết đến nhiều hơn với tư cách chính trị gia hơn là nhà thơ, Marvell sáng tác được một tập thơ, xuất bản sau khi ông qua đời dưới cái tên *Những vần thơ đa tập*, trong đó có bài thơ tình nổi tiếng "Gửi cô nhân tình e thẹn". Trong bài thơ này, chủ thể trữ tình cố thuyết phục đối tượng mà anh ta khao khát rằng hãy sống cho hiện tại và ngủ với anh ta. Lý lẽ anh ta đưa ra để bẻ gãy sự kháng cự của cô gái đầy những hình tượng đậm chất Siêu hình – những ý tưởng huê dạng, kết lại bằng một hình ảnh giàu sức gợi: "Nắm mở cùng tốt, một

chốn riêng tây, / Nhưng nơi đó chẳng có một vòng tay." Lịch sử, thần học và cả thiên văn học hòa quyện trong thơ Marvell, người cho rằng cái tinh thần Thanh giáo thế kỷ 17 là rào cản của những khoái lạc xác thịt.

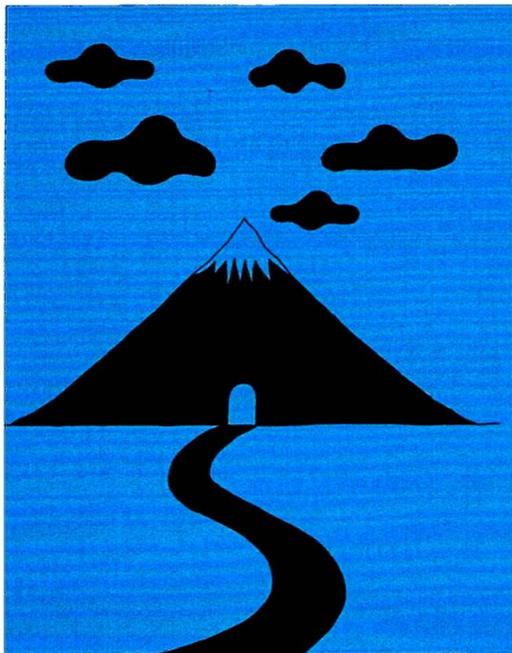
Hình ảnh sống động và sinh lực trí tuệ cũng được ông đem vào loại thơ đồng quê, với những bài như "Thọ gặt và đơm đóm" hay "Khu vườn", trong đó ông đạt được sự cân bằng tuyệt vời giữa trừu tượng và lý trí, ca ngợi lạc thú của việc lui về "Một suy tư xanh dưới bóng râm xanh". ■

“

Vấp những quả dưa trên
đường tôi qua, / Mắc bẫy, thôi
đành ngã xuống có hoa.
"Khu vườn"

”

Xem thêm: *Biển thế 55* ▪ *Les Amours de Cassandre 74* ▪
Địa đàng đã mất 103 ▪ *Đất hoang 213*



BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Haiku và haibun

TRƯỚC ĐÓ

1686 Matsuo Bashō sáng tác bài haiku nổi tiếng bậc nhất của ông về một chú ếch nhảy vào ao cũ làm vang tiếng nước xao, truyền cảm hứng cho những nhà thơ haiku thời Edo viết về chủ đề tương tự.

SAU ĐÓ

1744 Thi sĩ haiku vĩ đại Yosa Buson ra mắt tập du ký sau khi đi theo hành trình Bashō đã đi.

1819 Kobayashi Issa chứng tỏ mình là người thừa kế xứng đáng của Bashō với *Mùa xuân của đời tôi*, tập haibun kết hợp giữa văn xuôi và haiku. Issa đã viết khoảng 20.000 bài haiku, trong đó có 230 bài về đom đóm.

1885 Masaoka Shika bắt đầu đề haiku lên những bức chân dung ông vẽ – ông chủ trương viết từ cuộc sống, trên cánh đồng, như cách một họa sĩ vẽ tranh.

VỎ VÀ THỊT CON SÒ, TÁCH RA NHƯ THỜI KHẮC CHIA CÁCH, THU CŨNG DẪN TRÔI QUA

LỐI LÊN MIỀN OKU (1702),
MATSUO BASHŌ

Matsuo Bashō (kh.1644–1694) ở Edo (Tokyo ngày nay) là bậc thầy về haiku, một thể thơ ngắn của Nhật Bản. Thường được dịch sang tiếng Anh thành ba (hoặc hiếm hơn là bốn) dòng, haiku nắm bắt một khoảnh khắc thoáng qua với sự quan sát và chiêm nghiệm sâu sắc. Tuy nhiên tác phẩm nổi tiếng nhất của Bashō lại là một tập haibun, thể loại kết hợp giữa haiku và văn xuôi tự sự.

Một hành trình cao quý

Mục tiêu của Bashō trong *Lối lên miền Oku* là ghi lại cuộc hành hương về phía bắc Nhật Bản theo tinh thần Phật giáo Thiên tông, đồng thời vinh danh những thi sĩ đi trước ông. Trên cuộc hành trình, sự giao hòa trực tiếp với thiên nhiên, văn hóa, đền đài Thần đạo đã chứng ngộ cho sự giải thoát khỏi mọi ràng buộc kỹ của Bashō. Thơ và văn trong tác phẩm đạt đến sự cân bằng hoàn hảo, soi sáng lẫn nhau như một cặp gương đặt đối diện nhau. Suốt hàng trăm dặm đường chủ

yếu cước bộ, Bashō tìm kiếm minh triết, thuật lại những khám phá của mình trong các đoạn văn sống động thường nhuộm một màu sắc u hoài – ngay cả “những cây thông bị gió mạn uốn thành hình bonsai” cũng mang vẻ uy nghiêm trong cam chịu. Thơ của ông đã đạt đến *kenshō*, tức sự kiến tánh, khoảnh khắc đốn ngộ thức tỉnh trước chân lý. ■

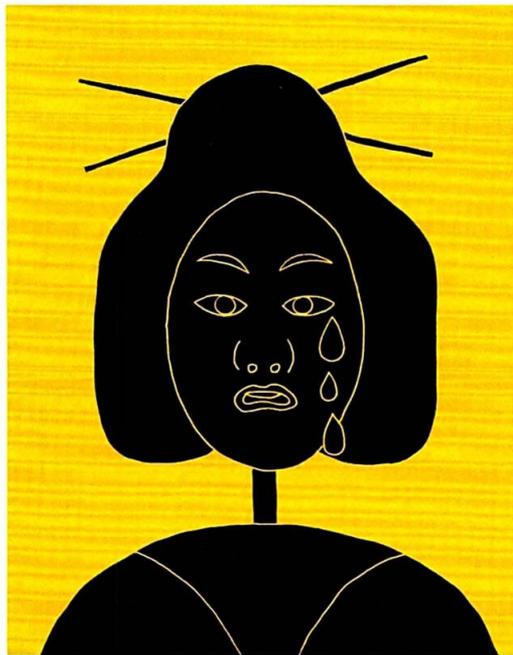
“

Kẻ cả đời lênh đênh sóng nước hay già đi trên lưng ngựa là kẻ mãi mãi lang du, nhà là bất cứ đâu bước chân đưa hẳn đến.

Lối lên miền Oku

”

Xem thêm: *Truyện kể Genji 47* ■ *Trên đường 264–65*



CHẲNG CÓ GÌ CẢN TRỞ TRÊN HÀNH TRÌNH ĐẾN NGỌN NÚI CỦA CÁI CHẾT

*TỰ SÁT VÌ TÌNH Ở SONEZAKI (1703),
CHIKAMATSU MONZAEMON*

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Kabuki và Bunraku

TRƯỚC ĐÓ

Kh.1603 Kịch Kabuki – loại hình sân khấu phóng túng hòa trộn ca vũ, hành động và điệu bộ – ra đời nhờ một vũ nữ tên Okuni, vốn là một *miko* trong ngôi đền Thần đạo ở Izumo.

Kh.1680 Bunraku phát triển thành một loại hình nhạc kịch sử dụng những con rối kích thước bằng nửa người thật để diễn theo phân lời linh xướng gọi là *jōruri*.

SAU ĐÓ

1748 Công diễn *Chūshingura*, hay *Chuyện về 47 ronin*, do Takedo Imuzo, Namiki Sosuke và Miyoshi Shoraku sáng tác. Gốc là Bunraku chuyển thể sang Kabuki, vở kịch này là đỉnh thủ đàng gờm nhất của tác phẩm Chikamatsu về độ nổi tiếng.

1963 Hiệp hội Bunraku Osaka cứu nghệ thuật sân khấu *jōruri* khỏi bị suy tàn.

Kabuki và Bunraku đều là những loại hình sân khấu cổ truyền của Nhật Bản phát xuất vào thế kỷ 17. Chất liệu nội dung của Kabuki thường mang tính thô tục, do các gánh hát rong toàn nữ biểu diễn, vốn cũng kiêm thêm nghề buôn phấn bán hương. Bunraku thì là một loại kịch rối, mỗi con rối được một người điều khiển rối chính điều khiển tay phải, người khác tay trái, người thủ ba phụ trách chân và bàn chân. Khán giả có thể thấy rõ ba người này dù họ thường vận đồ đen. Thông thường chỉ có một người linh xướng, lên bồng xuống trạm đọc phân lời miêu tả các nhân vật.

Kịch tác gia của nước Nhật

Tác giả vĩ đại nhất cho cả hai thể loại là Chikamatsu Monzaemon (1653–1725). Ông xuất thân từ tầng lớp samurai, nhưng đã chọn theo nghề sân khấu, và theo thời gian trở thành nhà soạn kịch nổi tiếng nhất Nhật Bản. Tác phẩm của ông thường nói về những cá nhân chịu sự xung đột giữa luân lý và nhu cầu bản thân.

Gốc là Bunraku sau chuyển thể thành Kabuki, *Tự sát vì tình ở Sonezaki* là kiệt tác của Chikamatsu, được viết trong khoảng hai tuần sau khi sự kiện có thật được nói tới trong vở kịch xảy ra – một đôi tình nhân trẻ đã cùng nhau tự sát trong rừng.

Giống như Romeo và Juliet bạc mệnh của William Shakespeare, trong vở kịch này Chikamatsu đã tạo ra hai nhân vật trở thành biểu tượng cho những đôi nhân tình bất hạnh. Gia đình chàng trai trẻ Tokubei đã nhận tiền hối mơn để bắt chàng lấy một cô gái, nhưng chàng một mực từ chối vì đã yêu kỹ nữ Ohatsu. Chàng bị người bạn cũ vu khống là tống tiền. Không thể thực hiện nghĩa vụ với gia đình, danh dự thì mất, tương lai với Ohatsu cũng chẳng có, Tokubei và người yêu quyết định cùng nhau tự tạn. Vở kịch này cùng các vở cùng loại đã xui khiến nhiều cuộc tự tử tương tự, dẫn đến lệnh cấm trong một giai đoạn ngắn sau năm 1723. Tuy nhiên ngôn từ của vở kịch được công nhận thuộc vào hàng mỹ lệ nhất trong văn học Nhật Bản. ■

Xem thêm: First Folio 82–89 ▪ Khung rào giếng 102 ▪ Kim Các Tự 263



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tự truyện hư cấu

SAU ĐÓ

1726 *Gulliver du ký* của tác giả người Anh-Ireland Jonathan Swift được xuất bản như một du ký và tự truyện hư cấu, lập tức đem lại thành công.

1740 Tác giả Anh Samuel Richardson ra mắt *Pamela*, một tự truyện hư cấu ghi lại cuộc đời nhân vật chính, một cô hầu, dưới dạng các lá thư.

1749 Tiểu thuyết tự truyện vui nhộn *Tom Jones* của nhà văn Anh Henry Fielding được in, kể về những chuyến phiêu lưu của một cậu bé bị bỏ rơi can trường.

1849–50 *David Copperfield* của nhà văn Anh Charles Dickens ra đời; dù là tác phẩm hư cấu, cuộc đời nhân vật chính có nhiều nét giống với Dickens.

TÔI SINH NĂM 1632 Ở THÀNH PHỐ YORK, TRONG MỘT GIA ĐÌNH KHẮM KHÁ

ROBINSON CRUSOE (1719), DANIEL DEFOE

Xây dựng tự sự trong tác phẩm văn học xoay quanh tự truyện hư cấu là một cách thức không chỉ giúp nhà văn kể lại chuyện đời một cá nhân như thể người đó chính là tác giả, mà còn gây ấn tượng rằng những lời được nói ra là ghi chép trực tiếp từ sự việc có thật. *Robinson Crusoe* (tựa gốc *Cuộc đời và những chuyến phiêu lưu kỳ thú của Robinson Crusoe*) của Daniel Defoe là tác phẩm tiên phong sử dụng giọng điệu tự truyện hư cấu này. Một số nhân vật văn học đáng chú ý của thế kỷ 18 và 19 cũng tự thuật như Crusoe có Gulliver của

Jonathan Swift, Tom Jones của Henry Fielding và David Copperfield của Charles Dickens.

Trang bìa giả của ấn bản *Robinson Crusoe* đầu tiên không ghi danh Defoe là tác giả: thay vào đó, dòng chữ "Do chính anh ấy viết ra" xuất hiện bên dưới tiêu đề – độc giả dễ có cảm tưởng đây là một câu chuyện thật. Câu mở màn của cuốn sách, bắt đầu với "Tôi sinh năm 1632", gợi ý rằng đây là chuyện có thật do một cá nhân kể lại từ kinh nghiệm phiêu lưu của mình. Chi tiết về năm sinh của "tác giả" cũng tạo cảm giác như một cuốn tự truyện thực thụ

Daniel Defoe

Người ta cho rằng Daniel Foe sinh ra ở London năm 1660 (về sau ông thêm tiền tố "De" vào họ mình). Năm 1684, ông cưới Mary Tuffley, sau đó kinh doanh và đi buôn nhiều năm, nhưng đến năm 1692 thì phá sản. Năm 1697, ông trở thành bạn tâm giao của Vua William III, rồi hoạt động ở Anh dưới tu cách mật vụ. Năm 1702, cuốn sách nhỏ *Con đường ngắn nhất cho dân biệt giáo* do ông viết và nội dung chính trị của nó khiến ông bị tổng giam rồi phá sản lần

thứ hai. Được phóng thích nhờ chính trị gia Robert Harley, Defoe làm điệp báo cho Harley, đi khắp xứ Anh và báo cáo lại ý kiến của quân chúng. Cho đến cuối độ ngũ tuần Defoe mới quay sang viết tiểu thuyết, trở thành một nhân vật chủ chốt góp công định hình tiểu thuyết, với thành công lớn là *Robinson Crusoe*. Ông qua đời năm 1731.

Tác phẩm chính khác

1722 *Moll Flanders*

1722 *Nhật ký năm dịch bệnh*

1724 *Roxana*

Xem thêm: *Gulliver du ký* 104 ▪ *Tom Jones* 104 ▪ *David Copperfield* 153 ▪ *Bắt tré đồng xanh* 256–57

Dùng giọng tự truyện để ra vẻ tác phẩm là chuyện có thật.

Cổ xúy chủ nghĩa cá nhân: con người cô độc, tự túc biết dùng lý trí để làm chủ tự nhiên.

Crusoe trở thành “vua và chúa” của hòn đảo.

Robinson Crusoe và *Gulliver du ký* đều dùng hình thức tự truyện để khiến câu chuyện phiêu lưu mang dáng dấp “truyện thật việc thật”; dầu vậy chúng vẫn khác biệt ở vài khía cạnh cốt yếu.



Robinson Crusoe



Gulliver du ký

Dùng giọng tự truyện để giấu nhại những tác phẩm hư cấu tự nhận truyện thật đương thời.

Châm biếm quan niệm cá nhân chủ nghĩa và sự dựa dẫm vào lý tính.

Gulliver trở thành tù nhân trên đảo Lilliput.

– nghĩa rằng mọi chuyện kể sau đó đều là thật. Cảm giác đó càng được củng cố khi một số phần của cuốn tiểu thuyết được viết dưới dạng nhật ký hàng hải.

Trôi dạt vào hoang đảo

Robinson Crusoe được ghi nhận rộng rãi như một tác phẩm nền tảng của chủ nghĩa hiện thực, và nhiều người cũng xem nó là tiểu thuyết Anh ngữ đầu tiên. Người ta tin rằng tác phẩm của Defoe lấy cảm hứng từ một nạn nhân đắm tàu ngoài đời thật, Alexander Selkirk, người mắc kẹt trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương vào đầu thế kỷ 18. Cuốn truyện thành công tức thời này nhắc đến những chuyến thám hiểm ở các miền xa lạ xứ Phi châu và Brazil trước khi xảy ra vụ đắm tàu trong chuyến buôn nô lệ và nhân vật chính trôi dạt vào một hòn đảo vùng Caribbean.

Crusoe đã thuật lại những nỗ lực cứu lấy số nhu yếu phẩm từ con tàu và hoàn cảnh đơn độc của ông trên hòn đảo. Ông dựng chỗ trú ẩn, chế tác công cụ để đi săn, làm vườn và chăn nuôi. Ông đánh dấu

ngày tháng bằng cách khía vết vào một cây thập giá gỗ; ông đọc Kinh Thánh và cảm tạ Chúa. Ông nuôi một con vẹt. Tất cả đó là cuộc sống của Crusoe suốt nhiều năm.

Thế rồi, vào một khoảnh khắc kinh điển bậc nhất trong văn học, Crusoe phát hiện một dấu chân trên cát, khiến ông lo sợ mình sẽ bị “người man dã” tấn công. Sau hai năm thủ thân trong pháo đài tự xây, ông dựng độ một dân bản xứ từ hòn đảo bên cạnh đang chạy trốn đăm ăn thịt người. Crusoe “cứu” anh ta, sai anh ta làm việc, đặt tên anh ta là Thứ Sáu theo cái ngày trong tuần họ gặp nhau. Mối quan hệ giữa hai người bị phê phán là quan hệ giữa ông chủ và nô lệ (giữa một nhà khai phá/ thực dân châu Âu và một người bản địa); Crusoe, người từ “nền văn minh”, chính là biểu tượng cho chủ nghĩa đế quốc đang bành trướng của nước Anh. Cũng như các nước châu Âu chiếm các vùng đất làm thuộc địa, Crusoe cũng tuyên bố quyền thống trị trên hòn đảo, xem mình như ông chủ của nó, một vị “chúa đảo”.

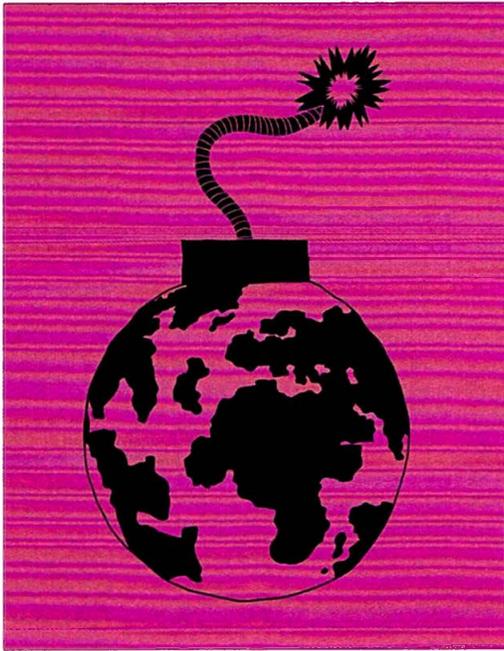
Hỏi kỹ “tự truyện” trên đảo hoang của Crusoe đã chứng minh sức sống lâu bền, truyền cảm hứng cho vô số phóng tác, khơi mào cho cả một phân loại là kiểu truyện Robinsonade. Là tác phẩm trụ cột trong văn học Anh, nó mang tầm ảnh hưởng quan trọng – có lẽ là không có đối thủ trong số mọi công trình cá nhân – và những mô típ của nó đã trở thành một phần trong văn hóa đại chúng. ■

“

[A]nh ta lại quỳ xuống, hôn mặt đất, và... đặt chân tôi lên đầu anh ta; đây dường như là dấu hiệu thể rằng sẽ mãi là nô lệ cho tôi.

Robinson Crusoe

”



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Những *philosophe*

TRƯỚC ĐÓ

1721 *Những lá thư Ba Tu* của Montesquieu châm biếm xã hội Pháp thông qua góc nhìn của hai du khách Ba Tu, những người so sánh Kitô giáo với Hồi giáo và khiến tin điều Công giáo lung lay.

1751–72 Rond d'Alembert và Denis Diderot thực hiện công trình tập thể vĩ đại của thời Khai sáng, bộ *Encyclopédie*, để "thay đổi cách người ta nghĩ".

SAU ĐÓ

1779 *Nathan thông thái*, vở kịch của Gotthold Ephraim Lessing về cuộc Thập tự chinh thứ ba, đưa ra một góc nhìn mong mỏi lòng khoan dung tôn giáo.

1796 Tiểu thuyết triết lý *Jacques nhà định mệnh* của Diderot giới thiệu thế giới quan tất định luận, trong đó có hai nhân vật không thể nào ngừng đánh nhau.

NẾU ĐÂY LÀ THẾ GIỚI TỐT NHẤT TRONG MỌI THẾ GIỚI KHẢ DĨ, VẬY NHỮNG THẾ GIỚI KIA LÀ GÌ?

CANDIDE (1759), VOLTAIRE

Một nhóm nhà văn và trí thức Pháp thế kỷ 18 về sau được gọi là các *philosophe* ("triết gia"); dấu vẩy tác phẩm của họ đã vượt ra ngoài địa hạt triết lý để len lỏi vào xã hội, văn hóa, luân lý và chính trị. Các *philosophe* – như Voltaire, Jean-Jacques Rousseau, Denis Diderot và Montesquieu – thuộc về một bước chuyển mình trí thức rộng khắp châu Âu là thời Khai sáng: một cuộc tấn công vào thói mê tín, sự bất khoan dung và bất công, nhân danh lý tính và tự do trí tuệ, trải từ cuối thế kỷ 17 đến Cách mạng Pháp 1789. Thật vậy, nguồn cảm hứng cho Cách mạng đến từ tư tưởng của các triết gia và nhà khoa học, cùng sự trỗi dậy của tinh thần duy lý và chủ nghĩa tự do trong chính trị.

“

Con người ta sinh ra để sống hoặc là trong những cơn biến động khốn khổ, hoặc là trong cơn mê lịm của sự buồn chán.

Candide

”

Chủ nghĩa lạc quan tuyệt đối
Candide (tựa gốc *Candide, ou l'Optimisme*, thường được dịch là *Candide chàng ngây thơ*) là một *conte philosophique*, tức dụ ngôn triết học, trong đó Voltaire dùng văn chương để truyền tải những giá trị của thời Khai sáng. Ở đây ông đặc biệt nhắm cái nhìn châm biếm sâu cay của mình vào những tư tưởng trong triết học lạc quan chủ nghĩa của triết gia Đức Gottfried Wilhelm von Leibniz, người cho rằng bởi vì Chúa là một đấng nhân từ, cho nên thế giới này phải là thế giới tốt nhất có thể có (tối ưu).

Âm ba tư tưởng Leibniz thể hiện trong cuốn tiểu thuyết qua nhân vật triết gia Tiến sĩ Pangloss, người luôn tâm niệm thần chú "Mọi chuyện rồi sẽ ổn trong thế giới tốt đẹp nhất giữa mọi thế giới khả dĩ", ngay cả khi đứng trước những tai ương liên tiếp. Thách thức thú triết lý siêu hình màu hồng này là câu chuyện về một loạt chông gai mà nhân vật chính, chàng Candide trẻ tuổi, phải chịu đựng: bị tống ra khỏi nhà một nam tước, trải qua bao xui rủi dù dৌ, đến cuối cùng được gặp lại cố nhân, nàng Cunégonde, chỉ để nhận ra mình không còn khao khát nàng nữa. Nhưng chính vì những sự bất hạnh này quá dày đặc và diễn ra quá nhanh, lại thêm giọng

Xem thêm: *Gulliver du ký* 104 ▪ *Jacques nhà định mệnh* 105

Vốn khô khao ngày tho, *Candide* không thể tự hình thành cho mình chính kiến về cuộc sống; thế giới quan của chàng – nào những tất định luận, chủ nghĩa lạc quan hay ý chí tự do – đều là dựa theo thế giới quan của những người quanh chàng.



Người đàn bà lớn tuổi (con gái Giáo hoàng Urban X và Công nương xứ Palestrina): Đòi ai cũng là câu chuyện về bất hạnh và khổ ải.



Bá tước Pococurante (một quý tộc Venice): Nghệ thuật không thể tạo ra lạc thú thuần khiết. Lao động nghệ thuật luôn được đánh giá quá cao.



Tiến sĩ Pangloss (thầy cũ của *Candide*): Mọi điều xảy ra đều phản ánh cái mục đích hòa hợp tối thượng mà Chúa sắp đặt cho nhân loại.



Martin (học giả, từng làm nghề viết muôn): Thế giới này vô nghĩa và đáng tởm. Nó được những lực lượng xấu xa tạo ra nhằm khiến chúng ta rơi vào điên loạn hoàn toàn.



Nông phu Thổ Nhi Kỳ: Chính trị đem đến thống khổ; tốt hơn hãy cấy ruộng vườn của mình, vì lao động đánh tan những buồn chán, thói xấu và sự nghèo khổ.

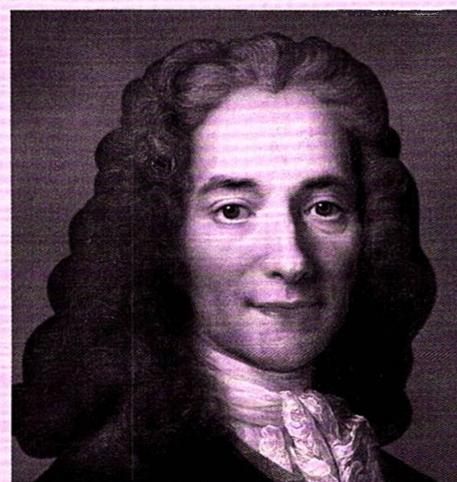
văn đậm chất hiện thực trần trụi, nên hiệu ứng chung gây ra lại là cảm giác khôi hài. Phụ nữ bị đàn ông xâm hại; các đạo quân tiêu diệt lẫn nhau; con người bị cướp bóc và bị bắt làm nô lệ. Những nghịch cảnh đủ loại này khiến cho sự sống, sức khỏe và hạnh phúc trở thành điều gì đó thật bấp bênh. Trong một thế giới của lòng tham, thói dâm ô và sự tàn bạo (thường là nhân danh tôn giáo), những việc làm tốt mới thật hiếm hoi. Đặt cạnh cái hiện thực tàn nhẫn đó, thú chủ nghĩa lạc quan của Pangloss rõ ràng quá ngây thơ.

Những dấu ấn cá nhân

Dù đầy rẫy tình tiết cường điệu lâm ly, *Candide* là câu chuyện về tu tưởng, dấu cũng có màu sắc tu truyện. Cá nhân Voltaire từng gặp nhiều chuyện không may: bị các thầy giáo dòng Tên bạo hành, thất sủng trong triều đình Pháp, bị trục xuất khỏi nước Phổ. Thêm vào đó là hai thảm họa xã hội đã tác động lên trí tưởng tượng của ông và ảnh hưởng sâu sắc lên góc nhìn của ông

về Chúa và ý chí tự do: trận động đất phá hủy Lisbon, Bỏ Đào Nha năm 1755, và sự bùng nổ Chiến tranh Bảy năm (1756–63) gieo rắc tàn phá khắp châu Âu. Cả hai sự kiện đều được nhắc đến trong *Candide* dưới dạng hu cấu hóa.

Lời kể trong sách gồm những câu chuyện cá nhân đan quyện nhau thành một sợi chỉ nối kết những bức tranh khắc họa các hệ thống xã hội tương phản. Cộng đồng đầu tiên ta được gặp là cái lâu đài phong kiến nơi nhân vật chính của ta bị tống ra ngoài. Tao đoạn mang âm hưởng không tưởng nằm ở Eldorado, một quốc gia dồi dào tài nguyên theo quân binh chủ nghĩa. Đến cuối truyện, khi sống ở một nông trại tại Thổ Nhi Kỳ, *Candide* ghé thăm một gia trang nơi mọi người làm việc theo tinh thần tập thể và sống hạnh phúc. Cái kết của truyện, khi *Candide* nói "Chúng ta phải đi mà trồng trọt trên khu vườn của mình", ám chỉ rằng người ta có thể có được hạnh phúc – bằng cách làm việc chăm chỉ và quên đi mọi thú triết lý. ■



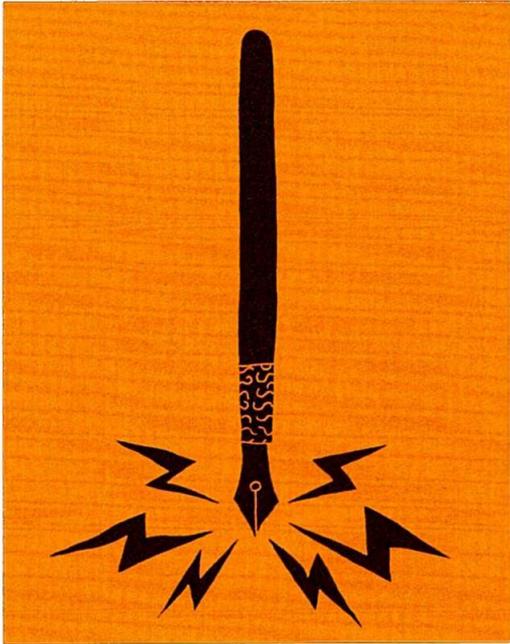
Voltaire

Là con trai một công chúng viên, François-Marie Arouet ra đời ở Paris, Pháp năm 1694. Ông là nhà soạn kịch, nhà thơ với bút danh "Voltaire". Những văn thơ châm biếm ông viết khiến ông phải nhập khám ở Bastille, Paris giai đoạn 1717–18. Sau hai năm ông ở Anh (đất nước mà ông cho rằng khoan dung và duy lý hơn Pháp), tác phẩm *Thu về nước Anh* (1733) của ông bị cấm đoán nơi quê nhà, do bị xem như một lời chỉ trích nhắm vào chính quyền.

Nhờ một nghiên cứu viết về Louis XIV, ông lại được triều đình Versailles trọng dụng và được cho làm sứ quan hoàng gia vào năm 1745. Về sau, ở Berlin, ông trở thành bạn thân của vua Phổ Frederick Đại đế. Đến độ lục tuần, ở tu dinh tại Ferney, Pháp, ông đã viết nên những tác phẩm triết học của mình, trong đó có *Candide*. Ông cũng hoạt động trong lĩnh vực cải cách nông nghiệp, đấu tranh vì công lý cho những người bị oan sai. Ông qua đời ở Paris năm 1778, thọ 83 tuổi.

Tác phẩm chính khác

- 1718 *Oedipus*
- 1733 *Những lá thư triết học*
- 1747 *Zadig*
- 1752 *Micromégas* (truyện ngắn)



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Sturm und Drang

TRƯỚC ĐÓ

1750 Triết gia gốc Thụy Sĩ Jean-Jacques Rousseau viết *Bàn về nghệ thuật và khoa học*, một tiểu luận phê phán việc phong trào Khai sáng bị cuốn về hướng duy lý thuần túy.

1774 *Nỗi đau của chàng Werther*, tiểu thuyết của thi hào Đức Johann Wolfgang von Goethe, tức thời gặt hái thành công; tác phẩm có những yếu tố sau sẽ thành đặc trưng của Sturm und Drang, như lối biểu đạt khoa trương những cảm xúc căng thẳng, hay nỗ lực vô vọng của người hùng trẻ tuổi.

1777 vở kịch *Sturm und Drang* của Friedrich Maximilian von Klingner lần đầu được công diễn, từ đó trở thành tên gọi của phong trào.

SAU ĐÓ

1808 Goethe vượt lên khỏi tinh thần Sturm und Drang với kiệt tác kịch *Faust*.

TÔI ĐỦ GAN DẠ ĐỂ BƯỚC CHÂN TRÊN QUA ĐỊA NGỤC

NHỮNG TÊN CUỚP (1781), FRIEDRICH SCHILLER

Sturm und Drang ("Bão táp và xung kích") là một giai đoạn bùng nổ đột ngột và ngắn ngủi của văn học Đức kéo dài khoảng 10 năm, bao gồm những vở kịch và tiểu thuyết với đặc trưng là nguồn năng lượng mạnh mẽ, những bạo động cả trong cảm xúc lẫn hành động, chất trữ tình rực lửa thống thiết, cùng sự phá vỡ những miền ủy kị (ở khía cạnh xã hội và nghệ thuật) để truyền tải bản chất kịch tính trong trái tim con người.

Trào lưu này là lời đáp trước những giá trị Khai sáng (đặc biệt là ở Pháp) về lý tính thuần túy và chủ nghĩa duy lý. Một số tu tưởng gia Khai sáng thời đầu cho rằng thiên tài có thể sinh ra từ quá trình làm việc và thực hành chăm chỉ, và

văn hay thi phải tuân theo những dạng thức cổ điển. Nhưng với các Sturmer und Dranger (tên gọi các tác gia theo phong trào này), những tu tưởng trên thật ngọt ngào xám xịt – họ hoàn toàn bỏ qua chúng.

Kịch *Sturm und Drang* phớt lờ những cấu trúc chuẩn tắc đã được thiết định: chúng có thể không chia thành năm hồi, lời thoại có thể không đúng quy phạm câu cú hoàn hảo, ngôn ngữ không chỉ giàu tính biểu hiện mà còn gây sốc: cả vở *Những tên cướp* của Friedrich Schiller và tiểu thuyết *Nỗi đau của chàng Werther* của Johann Wolfgang von Goethe đều có vài phiên bản cho mỗi tác phẩm, bởi người ta phải "giảm tông" ngôn ngữ trong bản gốc xuống.

Phong nhiều tuổi trẻ

Những tên cướp của Schiller, công diễn lần đầu năm 1782, là đóa hoa cuối cùng nở rộ trên con dốc lụi tàn của một trào lưu. Cốt truyện xoay quanh hai anh em nhà quý tộc có thể giới quan đối nghịch: Karl, một con người lý tưởng hóa trọng danh dự; và Franz, một kẻ lạnh lùng, trọng vật chất và thích thao túng. Sau khi bị Franz toa rập khiến chàng bị cha ruồng bỏ và mất quyền thừa kế, Karl bỏ đến sống trong rừng xứ Bohemia rồi cầm đầu một băng cướp. *Những tên cướp* đã phá vỡ những cấm kỵ.

“

Luật pháp chưa bao giờ tạo ra được lấy một người tốt: chính sự tự do này mới sinh ra những người khổng lồ, những anh hùng.

Những tên cướp

”

Xem thêm: *Candide* 96–97 ▪ *Nỗi đau của chàng Werther* 105 ▪ *Nachtstücke* 111 ▪ *Faust* 112–15 ▪ *Jane Eyre* 128–31 ▪ *Đình Gió Hú* 132–37 ▪ *Anh em nhà Karamazov* 200–01

Kịch bản của nó có yếu tố bạo lực, cướp bóc, sát nhân, và đấu tố của những hành động bạo lực bất hợp pháp ấy lại là nhân vật chính, Karl. Trong tận cùng cơn cuồng hứng, chàng thậm chí đã tự tay giết nàng Amalia vô tội, em họ chàng, người mà chàng đã hứa hôn. Ngôn ngữ vô kịch hoang dại và bạo tố nhu chính những cảm xúc nó thể hiện, nhưng cũng không kém phần trữ tình, và *Những tên cướp* được công nhận là tác phẩm sân khấu hay bậc nhất của văn học Đức. Ngày nay nó vẫn được xem như kiệt tác, được nhiều nhà phê bình đánh giá là khởi nguồn của kịch mê lô châu Âu.

Nòng cốt của Sturm und Drang là những người trẻ nhiệt huyết – hầu hết ở tuổi đôi mươi, người lớn nhất mới ngoài ba mươi. Có lẽ khi đúng tuổi hơn, những tác giả này dần mất cảm hứng với sự nổi loạn tuổi trẻ; đây có thể là nguyên nhân cho sự ngắn ngủi của trào lưu. Về sau, nhiều tác giả lựa chọn những phương thức biểu hiện giàu chiêm nghiệm hơn, khi cái thời đại bão táp và xung kích dần lắng thành một thời kỳ đơm hoa kết trái dài lâu của chủ nghĩa Cổ điển Weimar và chủ nghĩa Lãng mạn Đức. ■

Tự do

Trong *Götz von Berlichingen* (1773) của Johann Wolfgang von Goethe, một nhà quý tộc cao quý trân trọng tự do của bản thân đã không thể thích nghi trong một thế giới nơi người ta mưu cầu quyền lực chính trị bất chấp đạo lý.



Thao túng

Những người linh (1776) của Jakob Michael Reinhold Lenz kể chuyện về nàng Marie xinh đẹp, người trở thành đồ chơi trong tay các sĩ quan quý tộc trẻ tuổi theo chủ nghĩa Sô vanh, để rồi đưa đến những chuyện giết người và tự sát.



Sturm und Drang

Đề tài của các tác phẩm Sturm und Drang thường giàu nét xúc cảm đặc trưng, phản ánh những đam mê của các tác giả.



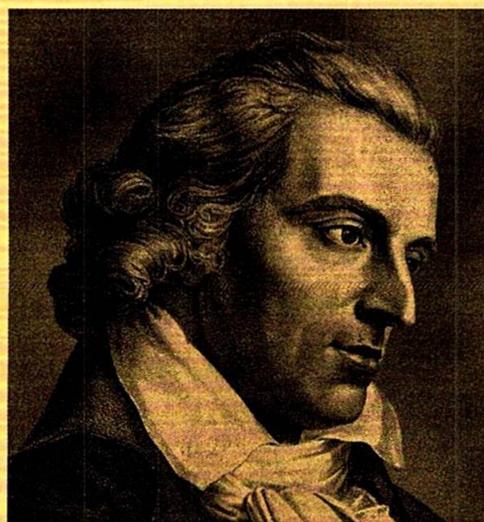
Khao khát và ghen tị

Trong *Die Zwillinge* ("Anh em sinh đôi"; 1776) của Friedrich Maximilian von Klingler, một nhân vật sáu mươi bạo lực đã giết chết người anh em sinh đôi hiền lành của mình vì người đàn bà mà anh ta khao khát.

Áp bức

Trong vở *Don Carlos* (1787) của Friedrich Schiller, nhân vật chính cố giải phóng nhân dân bị áp bức ở Flanders. Tác phẩm này phơi bày những kinh hoàng mà Tòa dị giáo đem lại.

Friedrich Schiller



Johann Christoph Friedrich von Schiller (1759–1805) sinh ra ở Württemberg, Đức. Là một nhà thơ, nhà soạn kịch, triết gia kiêm sử gia, ông viết *Những tên cướp* khi vẫn còn ngồi trên ghế nhà trường. Vở kịch giúp ông tức thời nổi tiếng, nhưng vẫn chưa đủ đem lại cho ông sự độc lập tài chính. Về sau Schiller trở thành giáo sư lịch sử và triết học ở một trường đại học tại Jena, ngôi trường sau này mang tên ông. Mối giao hảo giữa ông với Goethe dẫn đến sự ra đời của Nhà hát Weimar vào cuối thế kỷ 18, sân khấu đi đầu trong giới kịch nghệ Đức. Cả đời

ốm yếu, Schiller qua đời vì bệnh lao năm 1805, thọ 45 tuổi, sau khi trải qua vài năm cuối đời quay lại soạn kịch với nhiều thành quả. Ông vẫn được nhiều người xem là kịch tác gia cổ điển vĩ đại nhất của nước Đức.

Tác phẩm chính khác

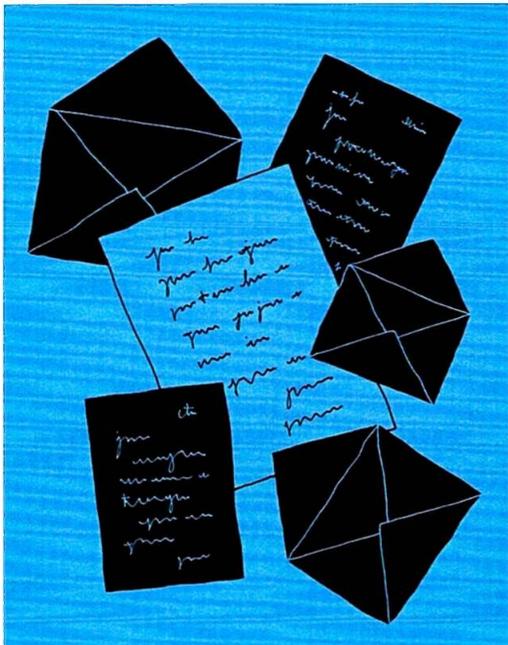
1784 *Âm mưu và ái tình*

1786 "Khải hoàn ca"

1787 *Don Carlos*

1794 *Bàn về giáo dục thẩm mỹ cho con người*

1800 *Wallenstein*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết thu từ

TRƯỚC ĐÓ

1669 Xuất bản một trong những cuốn tiểu thuyết thu từ đầu tiên, *Thu của một bà phuộc Bồ Đào Nha*. Tác giả được cho là nhà văn Pháp Gabriel-Joseph de La Vergne, bá tước xứ Guilleragues.

1740 Cuốn tiểu thuyết rất được ưa chuộng *Pamela* của nhà văn Anh Samuel Richardson khắc họa chi tiết sự sa ngã của một cô hầu gái trong trắng.

1747-48 Câu chuyện bi kịch *Clarissa* của Richardson là một trong những tiểu thuyết Anh ngữ dài nhất, cũng là kiệt tác cả đời của tác giả.

1761 Triết gia gốc Thụy Sĩ Jean-Jacques Rousseau sáng tác *Julie, hay nàng Heloise mới*, trong đó ông sử dụng hình thức thu từ để tìm hiểu những câu hỏi triết học về lý tính, luân lý và tự do ý chí.

KHÔNG KHÓ KHĂN NÀO TRONG TÌNH YÊU KHÓ HƠN VIỆC VIẾT RA ĐIỀU TA KHÔNG CẢM NHẬN ĐƯỢC

LES LIAISONS DANGEREUSES (1782), PIERRE CHODERLOS DE LACLOS

Thu từ, nhật ký và ghi chú là những phương tiện chính dùng trong viết lách để người ta giao tiếp với nhau cả trong cuộc sống thường nhật và trong văn chương suốt thế kỷ 18. *Les Liaisons dangereuses* (Những mối quan hệ nguy hiểm) là một ví dụ cho thể loại tiểu thuyết thu từ (epistolary novel, từ nguyên tiếng Hy Lạp nghĩa là "lá thư"), một hình thức kể chuyện thông qua thu từ, đôi khi là các loại tài liệu khác. Dù loại hình này nhìn chung đã biến mất sau thế kỷ 18, vào giai đoạn cực thịnh, tiểu thuyết thu từ là dòng văn thời thượng rất được ưa chuộng, phản ánh một xã hội vào cái thời thói quen viết thư nó

rộ. Không đơn thuần bắt chước theo thể loại này, Laclos đã cách tân và mở rộng nó. Những tiểu thuyết thu từ nổi tiếng nhất đương thời, như *Clarissa* của Samuel Richardson và *Julie, hay nàng Heloise mới* của Jean-Jacques Rousseau, thường dòng dài tẻ nhạt với những miêu tả tỉ mỉ cả kẻ và giọng điệu đạo đức. Không như những đồng nghiệp cùng thời đó, Laclos sử dụng hình thức thu từ để tạo nên tiết tấu hành động gây hứng thú, các nhân vật của ông cũng nói chuyện theo cung cách đi dóm tao nhã đương thời.

Tho ngây phai dẫu

Ở Pháp, tiểu thuyết thu từ gắn liền với những tự sự về nỗi đam mê, những mưu toan quyến rũ phụ nữ. Chia khóa thành công của loại tiểu thuyết này đến từ thủ triết lý "phóng đảng", trong đó dục tính, trụy lạc, lối sống vô độ xấu xa hòa trộn với những phép chơi chữ tinh vi.

Những lá thư trong *Les Liaisons dangereuses* phơi bày sự suy đồi đạo đức của giới quý tộc Pháp vào buổi ngay trước thời Cách mạng. Những "vai chính" của Laclos trong trò chơi cảm dờ này là Tử tước de Valmont và Nữ hầu tước de Merteuil, người mang bộ mặt xã hội là một quý bà đoan

“

Khi người đàn bà đâm vào tim ai, cô ta hiếm khi trật điểm trí mạng, và vết thương đó không bao giờ có thể lành được.

Les Liaisons dangereuses

”

ĐỌC THÊM

MƯỜI NGÀY (1353), GIOVANNI BOCCACCIO

Với cấu trúc truyện khung, *Mười ngày* của nhà văn, nhà thơ, học giả Ý Giovanni Boccaccio (1313–75) là tập hợp 100 câu chuyện. Truyện khung kết nối chúng kể về 10 người trẻ tuổi (bảy nữ ba nam) chạy khỏi thành Florence đang bị dịch hạch hoành hành và đến ngụ tại một dinh thự duyên dáng ở vùng Fiesole phụ cận. Cả nhóm quyết định mỗi ngày từng người sẽ kể một câu chuyện, tức sẽ có 100 câu chuyện trong 10 ngày. Ai được bầu làm chủ tọa ngày hôm đó sẽ chọn đề tài, đặt ra luật lệ để mọi người kể chuyện. Kết thúc mỗi ngày, một người sẽ hát một bài *canzone* để những người khác nhảy theo. Kết quả là một tuyển tập truyện kể trang nhã ấn tượng với chủ đề trải rộng từ những chuyện tình lụy hay tục tằn cho đến chuyện về sức mạnh của ý chí con người hay những mảnh khoe của phụ nữ với đàn ông – tác phẩm đã truyền cảm hứng cho các nhà văn từ thời Phục hưng trở đi.



Đôi môi được hôn không mất đi sự trinh nguyên, cũng như ánh trăng sẽ luôn trở lại tươi mới như ban đầu.

Mười ngày
Giovanni Boccaccio



SIR GAWAIN VÀ HIỆP SĨ XANH (KH.1375)

Với khoảng 2.500 dòng, *Sir Gawain và Hiệp Sĩ Xanh* là ví dụ nổi bật bậc nhất của loại thơ lập âm đầu trong tiếng Anh Trung đại. Trường thi không rõ tác giả này là một truyện hiệp sĩ lãng mạn, lấy bối cảnh buổi đầu triều đại của vị vua huyền thoại Arthur. Là câu chuyện huyền hoặc đầy sự thấu hiểu tâm lý với câu từ đẹp đẽ, bài thơ mô tả một loạt thử thách và cám dỗ mà người anh hùng, Sir Gawain, phải đối mặt sau khi đụng độ Hiệp Sĩ Xanh thần bí.

KHUNG RÀO GIẾNG (KH.1430), ZEAMI MOTOKIYO

Izutsu (Khung rào giếng) là vở kịch Noh kinh điển được soạn bởi Zeami Motokiyo (1363–1443), lý thuyết gia, nhà soạn kịch vĩ đại nhất của sân khấu Noh Nhật Bản. Tên vở kịch là tên loại khung gỗ bảo vệ rào quanh giếng trong văn hóa Nhật. Câu chuyện trong đó được kể qua lời một thôn nữ thuật lại cho một vị sư. Đậm chất hư ảo và giàu tính ước lệ, vở kịch Noh này kể về một cậu bé và cô bé gặp nhau bên giếng, sau này phải lòng nhau và lấy nhau.

LE MORTE D'ARTHUR (1485), SIR THOMAS MALORY

Được William Caxton in thủ công năm 1485 dù trước đó đã có một bản chép tay vào khoảng năm 1470, *Le Morte d'Arthur* (Cái chết của Arthur) là tập truyện về Vua



Ô đó cắm một thanh guom đã tuốt vỏ... Kẽ nào rút được thanh guom ấy ra khỏi phiến đá sẽ là vị vua chính danh của toàn cõi Anh.

Le Morte d'Arthur
Sir Thomas Malory



Arthur huyền thoại và các hiệp sĩ Bàn Tròn. Những câu chuyện này, lấy từ những chuyện xưa hơn của Pháp, được hiệp sĩ, quân nhân, nhà văn kiêm nghị viên người Anh Sir Thomas Malory (mất 1471) dịch sang tiếng Anh và biên soạn. Malory xếp chúng theo tuần tự thời gian từ sự ra đời của Arthur, chú trọng vào tình chiến hữu của các hiệp sĩ thay vì thứ tình yêu quý tộc được ưa chuộng ở Pháp thời ấy.

AMADIS XỨ GAUL (1508), GARCÍ RODRÍGUEZ DE MONTALVO

Amadis xứ Gaul là truyện hiệp sĩ lãng mạn tiếng Tây Ban Nha do Montalvo (kh.1450–1504) viết ra. Dù có lẽ đã có từ đầu thế kỷ 14, nhưng không rõ niên đại cũng như tác giả chuyện gốc. Phiên bản bốn tập của Montalvo kể về chàng hiệp sĩ đẹp trai, gan dạ mà lịch lãm Amadis, cùng tình yêu của chàng là Công nương Oriana; vì nàng mà chàng đã thực hiện bao chuyến phiêu lưu và

chiến công dùng cảm chống lại lũ khổng lồ và quái vật. Chất lý tưởng, phong nhã và lãng mạn cao độ của tác phẩm đã đặt ra chuẩn mực cho loại truyện hiệp sĩ sau này.

BỘ BA KỊCH BARCAS (1516, 1518, 1519), GIL VICENTE

Là công trình mang tính sùng kính tôn giáo, bộ ba kịch *Barcas* (Những con tàu) của nhà soạn kịch Bồ Đào Nha Gil Vicente (kh.1465–1573) – “cha đẻ kịch nghệ Bồ Đào Nha” – gồm ba vở kịch một hồi: *Con tàu Địa ngục*, *Con tàu Luyện ngục* và *Con tàu Thiên đàng*. Ba vở kịch bậc thầy đậm chất trào phúng ẩn dụ này được xem là những tác phẩm hay nhất của Vicente. Hành khách đi tàu phản ánh mọi giai cấp trong xã hội Lisbon, và hầu hết họ đều không thành công trong việc tới được Thiên đàng.

DÂN LUSIAD (1572), LUÍS DE CAMÕES

Thường được xem là sử thi của dân tộc Bồ Đào Nha, do thi hào Luís de Camões (1524–80) sáng tác, *Dân Lusiad* là anh hùng ca gồm 10 canto kể về chuyến hải hành tới Ấn Độ của Vasco da Gama. Mở đầu tác phẩm là lời tựa, một khúc cầu nguyện dâng các thần sông và lời đề tặng cho Vua Sebastian. Trường thi này có một loạt giọng kể khác nhau, với phân lịch sử Bồ Đào Nha do da Gama dẫn, cùng nhiều miêu tả về những cuộc phiêu lưu, bão tố và sự can thiệp của các thần thánh Hy-La. Nhìn chung đây là tác phẩm tôn vinh dân tộc Bồ Đào Nha và những thành tựu của họ.

NỮ HOÀNG TIÊN (1590, 1596), EDMUND SPENSER

Là tác phẩm làm nên tên tuổi của nhà thơ Anh Spenser (kh.1552–99),

cũng là một trong những bài thơ tiếng Anh dài nhất, *Nữ hoàng tiên* là một ẩn dụ tôn giáo, luân lý và chính trị. Lấy bối cảnh thế giới huyền thoại thời Arthur để tượng trưng cho nước Anh thời Tudor, bài thơ bao gồm sáu quyển, mỗi quyển mô tả những chiến công của một hiệp sĩ tượng trưng cho một đức hạnh nào đấy, chẳng hạn như Chastity (trinh bạch). Các hiệp sĩ phụng sự Nữ hoàng tiên Gloriana, tượng trưng cho Nữ hoàng Elizabeth I. Spenser dự tính viết 12 quyển, nhưng ông qua đời ở London khi mới 46 tuổi, trước khi kịp hoàn thành kiệt tác của mình.

LE CID (1637), PIERRE CORNEILLE

Kịch thơ năm hồi *Le Cid* của kịch tác gia Pháp Pierre Corneille (1606–84) được xem là tác phẩm định hình thể loại kịch Tân cổ điển Pháp. Lấy cảm hứng từ câu chuyện của người anh hùng dân tộc Tây Ban Nha El Cid, vở kịch kể lại đoạn thành niên của Le Cid, trong đó có sự kiện cha ruột yêu cầu chàng thách cha duong tương lai của chàng đấu tay đôi. Làm như thế, chàng đã bị buộc phải chọn

giữa người phụ nữ mình yêu và danh dự của gia tộc.

ĐỊA ĐÀNG ĐÃ MẤT (1667), JOHN MILTON

Sử thi *Địa đàng đã mất* là kiệt tác của Milton, khúc khải hoàn tối thượng của nhịp điệu và âm sắc. Tác phẩm kể lại câu chuyện Kinh Thánh về sự sa ngã của Adam và Eve, cũng là sự sa ngã của nhân loại. Được chia làm 12 quyển trong phiên bản sau cùng năm 1674 (phiên bản đầu gồm 10 quyển), trường thi này hòa quyện vào nó hai chủ đề: cuộc nổi loạn của Satan chống lại Chúa và Thiên đàng; cảm dỗ của Adam và Eve, dẫn đến việc họ bị trục xuất khỏi Địa đàng.

PHÈDRE (1677), JEAN RACINE

Bi kịch *Phèdre* của nhà soạn kịch Pháp Jean Racine (1639–99) là một đỉnh cao của kịch Tân cổ điển Pháp. Chủ đề của kịch thơ năm hồi này lấy từ thần thoại Hy Lạp, vốn đã được các kịch tác gia cổ điển Euripides và Seneca khai thác. Vở kịch của Racine khắc họa tình yêu

John Milton

Thi sĩ người Anh John Milton được biết đến nhiều nhất nhờ *Địa đàng đã mất*, sử thi tiếng Anh vĩ đại hàng đầu. Sinh ra ở Cheapside, London năm 1608, ông bắt đầu sáng tác từ thuở còn là sinh viên. Năm 1642, Nội chiến Anh bùng nổ, ông phụng sự nên chính trị cách mạng, viết những tập sách mỏng bảo vệ quyền tự do dân sự và tôn giáo. Sau khi Charles I bị hành hình năm 1649, kéo theo đó là việc lật đổ nền quân chủ Anh, ông trở thành thu ký hội đồng nhà

nước. Mất hẳn thị giác vào năm 1654, ông tiếp tục làm việc bằng cách đọc cho một trợ lý ghi chép lại. Sau cuộc Trung hưng năm 1660, ông dôn toàn tâm toàn ý vào những sáng tác vĩ đại nhất của mình. Ông qua đời năm 1674 ở London, thọ 65 tuổi.

Tác phẩm chính

- 1644 *Areopagitica*, một phát ngôn vì tự do của việc in ấn không phép
- 1667 *Địa đàng đã mất* (xem ở trên)
- 1671 *Địa đàng tìm lại*
- 1671 *Samson vô địch*

Samuel Richardson

Là "con người chủ nghĩa" theo nghĩa đen, tiểu thuyết gia Anh Samuel Richardson, sinh ra ở Derbyshire năm 1689, được nhớ đến nhiều nhất nhờ công phát triển loại tiểu thuyết thư từ cách tân. Chuyển đến London, chỉ được thụ hưởng sự giáo dục nghèo nàn (điều luôn khiến ông canh cánh trong lòng), ông trở thành thợ in bạc thây. Đời sống gia đình Richardson có nhiều bi kịch: người vợ đầu và sáu đứa con của ông mất sớm trước khi ông tái hôn. Ở tuổi 50, ông viết tiểu thuyết đầu tay, trở thành nhà văn tiếng tăm được trọng vọng. Ông qua đời năm 1761 ở London vì một cơn đột quỵ.

Tác phẩm chính

- 1740 *Pamela: Hay, Đức hạnh được tưởng thưởng*
- 1747–48 *Clarissa* (xem bên phải)
- 1753 *Tiểu sử Sir Charles Grandison*

loạn luân của Phèdre (Phaedra), đã kết hôn với vua Athens nhưng lại phải lòng con chồng là Hippolyte (Hippolytus). Sốc trước ý định của mẹ kế và cũng vì đã có ý trung nhân, Hippolyte đã cự tuyệt.

CÔNG NƯƠNG XỨ CLEVES (1678), MADAME DE LA FAYETTE

Công nương xứ Cleves của nhà văn Pháp Madame de La Fayette (1634–93) xuất hiện vào thời đại mà phụ nữ không thể công khai ghi danh tác giả, nên nó được xuất bản ẩn danh. Được xem là tiểu thuyết đầu tiên khai phá tâm lý nhân vật, sự kiện trong truyện diễn ra ở hoàng cung của vua Pháp Henry II, được La Fayette tái

hiện chính xác theo lịch sử. Nữ chính của bà, Công nương xứ Cleves, phải chôn sâu mỗi tình nàng dành cho một nhà quý tộc trẻ, nhưng rồi những hiểu lầm và lời ong tiếng ve chốn cung đình đã hủy hoại hôn nhân của nàng.

GULLIVER DU KÝ (1726), JONATHAN SWIFT

Gulliver du ký, tiểu thuyết trào phúng ảnh hưởng sâu rộng của nhà văn Anh-Ireland Jonathan Swift (1667–1745) được kể qua lời Lemuel Gulliver, một bác sĩ trên tàu, người đã ghé thăm nhiều xứ sở kỳ ảo: Lilliput, nơi các cư dân chỉ cao sáu inch; Brobdingnag, vùng đất của người khổng lồ; Laputa, một hòn đảo lơ lửng; Glubbdubdrib, đảo của các phù thủy; và xứ sở các Houyhnhnm. Hải hươc và kỳ ảo, tiểu thuyết của Swift đã kích loại sách du ký, hí lộng xã hội đương thời, châm biếm các đảng phái chính trị, những người biệt giáo, khoa học gia, triết gia, đồng thời chế giễu những ai tu duy hạn hẹp.

CLARISSA (1747–1748), SAMUEL RICHARDSON

Clarissa, hay *Tiểu sử một quý bà trẻ tuổi*, là tiểu thuyết thư từ của Samuel Richardson gồm hơn một triệu chữ, thuộc dạng tiểu thuyết Anh ngữ dài nhất. Nó lần lại chuyện đời bi kịch của nhân vật nữ chính đức hạnh, nàng Clarissa Harlowe, người bị gia đình chối bỏ rồi bị gã Lovelace vô luân hãm hiếp. Sự kiện trong truyện chủ yếu được kể lại qua thư từ của bốn nhân vật: giữa Clarissa và người bạn là cô Howe, giữa Lovelace và John Belford bạn gã.

TOM JONES (1749), HENRY FIELDING

Tom Jones (tựa gốc *Chuyện đời Tom Jones, đứa trẻ bị bỏ rơi*), cuốn hoạt kê tiểu thuyết của nhà văn Anh Henry Fielding (1707–54), là một trong những tác phẩm đầu tiên được định danh tiểu thuyết. Với nhân vật chính Tom Jones, một đứa trẻ bị bỏ rơi được địa chủ Allworthy giàu có nhận nuôi, truyện kể về những chuyện phiêu lưu của Tom và sự đeo đuổi cậu dành cho Sophia Western nết na. Qua những ngẫu hợp và xui rủi trong tình tiết, cuốn tiểu thuyết nêu bật lên một luận điểm đạo đức khi nhấn mạnh sự khác biệt giữa một Tom Jones sôi nổi có bản chất thiện tâm và Blifil, người em đạo đức giả của cậu.

TRISTRAM SHANDY (1759–1767), LAURENCE STERNE

Cuốn tiểu thuyết hài tục *Cuộc đời và chính kiến của quý ông Tristram Shandy* của giáo sĩ kiêm nhà văn người Ireland Laurence Sterne (1713–68) được xuất bản làm chín tập trong vòng tám năm. Đây có thể xem như tự truyện hư cấu của nhân



Tôi ước gì cha hoặc mẹ tôi, mà thật ra là cả hai, khi đang thực hiện cái nghĩa vụ mà họ cùng bị trói buộc vào đó nhu nhau, biết họ đang làm cái gì khi họ tạo ra tôi.

Tristram Shandy
Laurence Sterne



vật chính, một sự giàu nhại đối với những tiểu thuyết đương thời. Được kể qua cái lối vòng vo tam quốc bất tận của Shandy, truyện bắt đầu từ lúc ông được hoài thai (dù phải đến Tập II Shandy mới ra đời) rồi lần lượt đi qua cuộc đời ông, kể từ thu chuyện tám pho không đầu không cuối, liên tục nhảy cóc về thời gian, với nhiều nhân vật đặc sắc – cha mẹ Shandy, ông chú Toby và bác người hầu tên Trim, mục sư Yorick, và anh hầu Obadiah. Hướng tiếp cận mang tính thể nghiệm của nó – bên cạnh kiểu trần thuật bạ chằng hay chớ, Sterne hết để trống hẳn trang này lại vung vãi đầy hoa thị trang kia – khiến một số người xem nó như tác phẩm mở đường cho kỹ thuật viết dòng ý thức trong thế kỷ 20.

NỖ ĐAU CỦA CHÀNG WERTHER (1774), JOHANN WOLFGANG VON GOETHE

Tiểu thuyết quan trọng của phong trào Sturm und Drang *Nỗi đau của chàng Werther* đã làm nên tên tuổi quốc tế cho tác giả, nhà thơ Đức 26 tuổi Goethe (1749–1832). Hoàn thành chỉ trong sáu tuần cuồng hứng, tác phẩm đầu tay này của Goethe thuộc loại tiểu thuyết thu từ,

“

Chắc chắn rằng chẳng có gì trên đời này ngoài tình yêu khiến ta thấy cần một ai đó.
Nỗi đau của chàng Werther
Johann Wolfgang von Goethe

”

phần nào đó mang chất tự truyện, nội dung là những lá thư của chàng Werther, một nghệ sĩ trẻ theo Lăng mạn chủ nghĩa, gửi cho người bạn tên William. Những lá thư miêu tả nỗi đam mê giằng xé chàng dành cho Lotte, một phụ nữ trẻ đã hứa hôn với người khác. Cuốn tiểu thuyết nổi tiếng đến nỗi “Con sốt Werther” lan khắp châu Âu, nhiều thanh niên học theo lối ăn mặc và thói quen của chàng Werther đau khổ.

NHỮNG KHÚC CA VỀ SỰ NGÂY THƠ VÀ SỰ TÙNG TRÁI (1794), WILLIAM BLAKE

Những khúc ca về sự ngây thơ và sự từng trải của Blake – kiệt tác thơ trữ tình Anh ngữ giàu âm vận tinh tế – tìm hiểu cái nhà thơ gọi là “Hai trạng thái tương phản của linh hồn con người”. *Những khúc ca về sự ngây thơ* ra mắt trước vào năm 1789, khắc họa sự ngây thơ tuổi ấu nhi qua đôi mắt của đứa trẻ hoặc của người lớn đang quan sát. Ấn bản năm 1794 bổ sung phần đối cực “*Những khúc ca về sự từng trải*”, trong đó có bài “Con hổ” và “Con ruồi”. Thơ phần này tìm hiểu những trải nghiệm sợ hãi, xâm kích, mâu thuẫn và đè nén đi kèm với sự đánh mất sự ngây thơ thuở nhỏ.

JACQUES NHÀ ĐỊNH MỆNH (1796), DENIS DIDEROT

Xuất bản sau khi tác giả qua đời, *Jacques nhà định mệnh và thầy của chàng* của triết gia, nhà văn Pháp thời Khai sáng Diderot (1713–84) bàn về những vấn đề như trách nhiệm đạo đức, ý chí tự do và tất định luận. Phần lớn cuốn tiểu thuyết này là những đối thoại giữa Jacques và vị

William Blake

Sinh ra ở Soho, London năm 1757, Blake nghi học ở tuổi lên 10. Chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Kinh Thánh từ sớm, ông thường trải nghiệm thị kiến thần thánh suốt đoạn đời sau này; mô típ tôn giáo, tâm linh xuất hiện dày đặc trong thơ và tranh khắc ông làm. Sau thời gian học nghề một thợ in xuất chúng ở London, Blake đã phát triển một kỹ thuật in khắc axit riêng vào năm 1789, áp dụng nó trong những tác phẩm có minh họa đẹp nhất của ông. Ngày nay ông được xem như thi sĩ Lăng mạn đầu tiên với phong cách độc đáo nhất, nhưng thời điểm ông qua đời năm 1827, nhiều người đương thời phủ nhận tác phẩm của ông và xem ông như người điên.

Tác phẩm chính

1794 *Những khúc ca về sự ngây thơ và sự từng trải* (xem bên trái)
1804–20 *Jerusalem*

su phụ không được nêu danh của chàng, người đang du hành xuyên Pháp; sau khi người thầy khơi mào, hai người bắt đầu kể về tình yêu của mình. Câu chuyện giữa họ về nền bức tranh không chỉ của nước Pháp thế kỷ 18, mà là cả một thế giới nơi mọi sự kiện cứ thế ngẫu nhiên xảy ra, nơi lịch sử quyết định số phận cá nhân, mà chuyện của Jacques là một ví dụ. Cuốn tiểu thuyết của Diderot mang tính đa tầng phức tạp – chuyện đời “ngẫu nhi” của Jacques cứ thường xuyên bị ngắt ngang bởi những lời ngoại đề dằng dài thường là hoạt kê, những nhân vật khác, câu chuyện khác, và những sự kiện tình cờ. Thú văn phong hiện đại bóng đùa này khiến cuốn sách của Diderot được tôn vinh như tiền thân của tiểu thuyết thế kỷ 20.

**TRÀO LƯU LÃNG MẠN
VÀ SỰ TRỞ DẬY
CỦA TIỂU THUYẾT**

1800–1855

Động cơ hơi nước do James Watt phát triển giúp vận hành máy móc trong các nhà máy, thúc đẩy quá trình **công nghiệp hóa và đô thị hóa**.



TN.1780

Kịch tác *Faust* của Johann Wolfgang von Goethe ra đời như một thành quả từ sự dẫn thân của tác giả vào **trào lưu Cổ điển Weimar**.



1808–32

Jacob và Wilhelm Grimm giới thiệu *Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình*, **tuyển tập truyện dân gian Đức** có sức ảnh hưởng lớn.



1812–22

Ở tuổi 18, Mary Shelly khởi sự viết **truyện kỳ ảo Gothic** *Frankenstein*; hay, *Prometheus hiện đại*; hai năm sau tác phẩm ra đời.



1816

1798



Tập thơ *Những khúc ballad trữ tình* của William Wordsworth và Samuel Taylor Coleridge đánh dấu **sự khởi đầu của văn học Lãng mạn Anh**.

1808



Hoa Kỳ cấm nhập khẩu nô lệ, nhưng **chế độ chiếm nô vẫn là hợp pháp ở các bang miền Nam**.

1813



Tiểu thuyết châm biếm xã hội *Kiều hành và định kiến* của Jane Austen đưa ra một góc nhìn châm biếm về lễ thói của giới quý tộc địa chủ Anh.

TN.1830



Những tạp chí cho thị trường đại chúng đầu tiên xuất hiện, nhắm đến tầng lớp lao động biết chữ mới xuất hiện, với **những tiểu thuyết dài kỳ được ưa chuộng**.

Cuối thế kỷ 18 là giai đoạn của thay đổi cách mạng trên khắp châu Âu. Thời Khai sáng, cụ thể là Thời đại Lý tính, đã nuôi dưỡng những tiến bộ khoa học mở đường cho Cách mạng Công nghiệp, cũng như những tu tưởng triết học khác nhau đã dẫn đến cách mạng chính trị ở Bắc Mỹ và Pháp. Tác động lên xã hội của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày một tăng đã gây ảnh hưởng đáng kể lên cách nhiều người sinh sống và làm việc.

Suốt thời Phục hưng và Khai sáng, "nhân loại" và "lý tính" là hai tiêu điểm chính trong nghiên cứu văn hóa. Nhưng đến đầu thế kỷ 19, "cá nhân" bắt đầu trở thành mối lưu tâm hàng đầu. Phần nào như một lời đáp trước sự duy lý lạnh lùng của thời Khai sáng, một trào lưu đã nổi lên, chú trọng vào cảm giác chủ quan và những chức năng trí óc như trực giác, trí tưởng

tượng và cảm xúc. Trào lưu này sau được gọi là chủ nghĩa Lãng mạn.

Văn học Lãng mạn

Gốc rễ của chủ nghĩa Lãng mạn nằm trong trào lưu Sturm und Drang ở Đức, với những tên tuổi như Johann Wolfgang von Goethe và Friedrich Schiller. Trong bước chuyển từ phong cách cổ điển của thời Khai sáng sang chủ nghĩa Lãng mạn thế kỷ 19 này, họ đã đưa ra ý tưởng về một kiểu nhân vật chính khác thường: hành động của anh ta không quan trọng bằng suy nghĩ và cảm giác của anh ta. Mẫu "anh hùng Lãng mạn" này về sau trở thành loại nhân vật "phản thiết chế" tượng trưng cho tinh thần nổi loạn của thời đại, thường xuyên xuất hiện trong nhiều tiểu thuyết lúc bấy giờ. Đến cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa Lãng mạn lan khắp châu Âu đến nước Nga, nơi những Alexander Pushkin, Mikhail

Lermontov và Ivan Turgenev phát triển cảm hứng này thành một hình tượng nhân vật "đời thù", người có những tu tưởng phi chính thống khiến anh ta thấy mình hoàn toàn xa cách với xã hội.

Một đặc trưng khác của văn học Lãng mạn là niềm đam mê dành cho thế giới tự nhiên. Các nhà thơ Anh như William Wordsworth và Samuel Taylor Coleridge khắc họa vẻ đẹp và sức mạnh của tự nhiên, xem đó như liều thuốc giải độc cho thời đại công nghiệp, đồng thời ca tụng sự ngây thơ và bông bột của tuổi ấu nhi. Ta có thể thấy rõ quan điểm tương tự về đô thị hóa trong tác phẩm của những cây bút Siêu việt chủ nghĩa người Mỹ như Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau và Walt Whitman, những người khơi gợi lên một tinh thần tự do theo chủ nghĩa nhân đạo, kêu gọi "quay về với tự nhiên".

Eugene Onegin, "tiểu thuyết bằng thơ" của thi hào Nga Alexander Pushkin, được xuất bản lần đầu dưới dạng truyện dài kỳ.

Tự truyện *Chuyện đời Frederick Douglass* của Frederick Douglass, nô lệ đảo tầu người Mỹ, được ra mắt.

Harriet Taylor và John Stuart Mill công bố "Quyền bầu cử cho nữ giới", một tiểu luận đầy tính cấp tiến.

Tác phẩm của Charles Dickens được công chúng đón nhận; *Nhà Lạnh*, *Thời gian khó* và *Dorrit bé nhỏ* được đăng dưới dạng truyện dài kỳ.



1825-32



1845



1851



TN.1850

1844



Chuyện phiêu lưu giang hồ của chàng d'Artagnan trẻ tuổi được Alexandre Dumas đăng dài kỳ thành *Ba chàng lính ngự lâm*.

1847



Hai chị em Charlotte và Emily Brontë xuất bản những cuốn tiểu thuyết thời danh nhất của họ: *Jane Eyre* của Charlotte (bút danh Currer Bell) và *Đình Gió Hú* của Emily (bút danh Ellis Bell).

1851



Tiểu thuyết anh hùng ca về nghề săn cá voi *Moby-Dick* của Herman Melville, lấy cảm hứng từ sự kiện có thật, là một sứ mệnh trả thù tự nhiên.

1855



Tập thơ *Lá cỏ* của nhà thơ theo chủ nghĩa Siêu việt New England Walt Whitman được xuất bản. Ông tiếp tục bổ sung thơ cho tuyển tập đến tận khi qua đời năm 1892.

Tiểu thuyết Gothic

Tuy nhiên, nhiều tác giả lãng mạn chủ nghĩa khác thấy rằng tự nhiên (và cả bản chất con người) cũng có mặt tối, và bên cạnh niềm vui, nó cũng có thể gọi lên trong con người ta nỗi kinh sợ. Sự hùng thú trước sức mạnh hủy diệt của thế giới tự nhiên, hay thậm chí là siêu nhiên, đã truyền cảm hứng cho một thể loại văn học gọi là văn học Gothic. Phong vị của nó được định hình ở nước Đức bởi vở *Faust* của Goethe hay các truyện ngắn của E. T. A. Hoffmann, nhưng chính các tiểu thuyết gia Anh mới là những người nhiệt tình tiếp nhận nó nhất, như Mary Shelley, tác giả *Frankenstein*. Yếu tố Gothic thường trực xuất hiện trong nhiều tiểu thuyết thời Victoria, thường xuyên nhấn mạnh bản chất bất kham của nhân vật chính kiểu lãng mạn chủ nghĩa trên một phong nền hoang sơ, như trong *Đình Gió Hú* của Emily Brontë, hay

xây dựng những nhân vật kỳ hình dị trạng trong bối cảnh thành thị xám xịt như trong tác phẩm Charles Dickens. Thể loại này cũng được ưa chuộng ở Hoa Kỳ, tiêu biểu là những câu chuyện ma mị của Edgar Allan Poe; nó còn ảnh hưởng lên phong cách của Herman Melville, trong các truyện ngắn gây ám ảnh của ông và trong *Moby-Dick*.

Lịch sử và bản sắc

Khi xã hội được công nghiệp hóa, số người biết chữ tăng lên, văn học không còn chỉ dành cho tầng lớp tinh hoa học thức nữa. Tiểu thuyết nói riêng trở thành món ăn tinh thần của đông đảo quần chúng châu Âu và Hoa Kỳ vào thế kỷ 19, phần nhiều là đăng dài kỳ. Đặc biệt phổ biến là những tiểu thuyết lịch sử như của Walter Scott, Alexandre Dumas và James Fenimore Cooper, đáp ứng cái khao khát lãng mạn và phiêu lưu của công chúng nơi thị

thành, dẫu bên cạnh đó cũng có tác phẩm mang nét trang nghiêm trầm trọng hơn, như *Chiến tranh và hòa bình* của Leo Tolstoy. Truyện dân gian và truyện cổ tích cũng được ưa thích, và giống như tiểu thuyết lịch sử, chúng thường mang nét đặc thù của một nền văn hóa. Sự quan tâm dành cho những truyền thống địa phương này hòa điệu với chủ nghĩa dân tộc đang lớn mạnh thời bấy giờ.

Số người biết chữ tăng lên không chỉ mở rộng lượng độc giả; ngày càng có nhiều tác giả đủ loại xuất hiện, đáng chú ý nhất là một thế hệ các cây bút nữ như chị em nhà Brontë và George Eliot ở Anh, những người tiên phong mở ra góc nhìn của nữ giới trong văn chương (dẫu họ vẫn phải sử dụng bút danh nam), và những nô lệ đầu tiên được giải phóng, như Frederick Douglass, Harriet Jacobs và Solomon Northup, đã cất tiếng nói thay cho những người da đen bị áp bức ở Hoa Kỳ. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Những nhà thơ Lãng mạn Anh quốc

TRƯỚC ĐÓ

1794 *Những khúc ca về sự ngây thơ và sự từng trải* của William Blake đánh dấu đoạn đầu của chủ nghĩa Lãng mạn. Như Wordsworth sau này, nó đề cao sự tinh khôi của tuổi thơ ấu, trao tiếng nói cho những nhân vật bên lề xã hội.

SAU ĐÓ

1818 Bài sonnet của Percy Bysshe Shelley về bức tượng Ozymandias chỉ ra mối lưu tâm của văn học Lãng mạn đối với sự tầm thường của con người.

1819 Mối liên hệ giữa thi ca Lãng mạn với men say, cái chết và trí tưởng tượng được thể hiện trong bài thơ "Bài ca chim sơn ca" của John Keats.

1818–1823 *Don Juan* của Lord Byron – với chất hoài nghi, lật đổ và trí tuệ – chất văn thú chủ nghĩa Lãng mạn trước kia của ông.

THI CA LÀ HƠI THỞ, LÀ TINH TÚY LINH HỒN CỦA MỌI TRI THỨC

**NHỮNG KHÚC BALLAD TRỮ TÌNH (1798–1800),
WILLIAM WORDSWORTH VÀ
SAMUEL TAYLOR COLERIDGE**

William Wordsworth (1770–1850) và Samuel Taylor Coleridge (1772–1834) thuộc về nhóm "Những nhà thơ Hồ", những người sống và sáng tác ở quận Hồ (Lake) của nước Anh, một địa điểm gợi nên nhiều cảm hứng thơ. Là hai người bạn, họ cùng nhau sáng tác *Những khúc ballad trữ tình*, tập thơ Lãng mạn chủ nghĩa với tham vọng (như lời tựa trong ấn bản thứ hai năm 1800 ghi rõ) là "dõi theo những dòng chảy xuôi ngược của một tâm hồn rung động bởi thú tình yêu lớn lao mà giản dị trong bản chất của chúng ta". Đáp lại thú chủ nghĩa duy lý quá đà của thời đại công nghiệp, chủ nghĩa Lãng mạn Anh (giai đoạn 1790–1830) đặt cảm hứng của nó nơi kinh nghiệm nhân sinh, trí tưởng tượng, tự nhiên và tự do cá nhân.

Dân chủ hóa thi ca

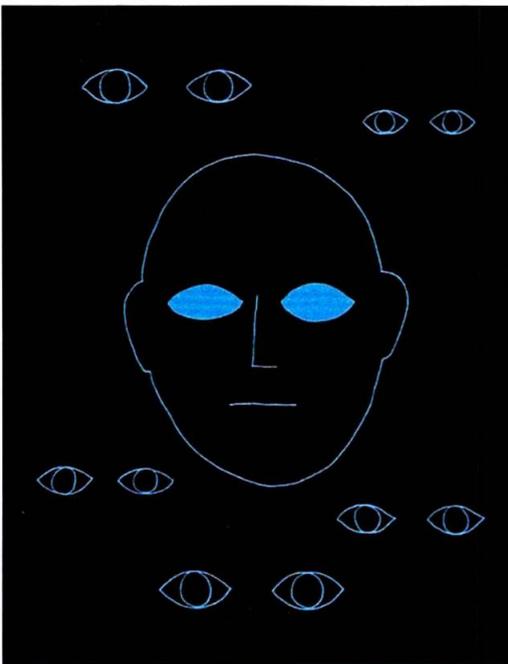
Những khúc ballad trữ tình bắt đầu bằng "Chuyện người thủy thủ già", một bản ballad bảy phần của Coleridge với âm hưởng huyền hoặc: nhiều người đồng ý rằng loại thơ mang chất siêu nhiên nhưng "nghe như chuyện thật" là

đặc sản riêng của thi sĩ này. Còn với Wordsworth, đó là khả năng đem lại "nét quyến rũ lạ lẫm" cho những thú thường ngày, đánh thức nơi người đọc cái đáng yêu của những điều thân thuộc. Cả hai nhà thơ đều tin thi ca nên được viết bằng ngôn ngữ sáng sủa, không tô chuốt, dễ hiểu với đông đảo quần chúng, cũng như nên có nhịp thơ và vần điệu đơn giản; chủ đề họ chọn cũng nhất quán với tinh thần "dân chủ hóa thi ca" này: đó thường là đời sống của người miền quê ít học, với cảm xúc thuần khiết và phổ quát. Loại thơ "bắc bậc cao kỳ" được thay thế bằng thơ về cái nghèo, tội ác và sự điên loạn.

Thuần khiết và suy tu

Một số bài thơ của Wordsworth tập trung vào đề tài trẻ em: ông tin rằng trẻ em sống gần với tự nhiên hơn và có mối gắn kết với tự nhiên – tuổi ấu thơ là tuổi của ngây thơ, bông bột và vui đùa. Phần lớn những bài thơ này là để "cảm" chứ không phải để "nghĩ", trừ hai bài giàu chất suy tu: "Chim sơn ca" của Coleridge, một bài thơ gây tranh cãi, và "Tho viết cách Tu viện Tintern vài dặm" của Wordsworth. ■

Xem thêm: *Những khúc ca về sự ngây thơ và sự từng trải* 105



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa Lãng mạn Đức

TRƯỚC ĐÓ

1797–99 Nhà thơ nổi tiếng Friedrich Hölderlin viết tiểu thuyết trữ tình bi kịch hai phần *Hyperion*. Cuốn sách phản ánh hứng thú điển hình của chủ nghĩa Lãng mạn Đức đối với văn hóa Hy Lạp cổ đại.

SAU ĐÓ

1821 *Hoàng thân xứ Homburg* của Heinrich von Kleist được công diễn lần đầu – 10 năm sau ngày tác giả qua đời vì tự sát. Với chủ đề lòng yêu nước, trong đó vị hoàng thân bị kết án vì bất tuân thượng lệnh rồi bất tỉnh trong cơn hò đỏ, vở kịch đã được chỉnh sửa để không gây xúc phạm giới tinh hoa Phổ.

1827 *Sách những bài ca* của Heinrich Heine được xuất bản. Tập thơ Lãng mạn năm phần này đem lại tiếng tăm cho Heine, nhiều bài về sau được Franz Schubert và Robert Schumann phổ nhạc.

KHÔNG GÌ TUYỆT VỜI VÀ KỶ THÚ HƠN ĐỜI THỰC

NACHTSTÜCKE (1817), E. T. A. HOFFMANN

Trào lưu Lãng mạn Đức xuất hiện sau nhu khúc đối thanh cho trào lưu Cổ điển Weimar; những người chủ trương nó muốn gạt bỏ mọi tiết chế câu thúc, chỉ quan tâm đến góc nhìn của người nghệ sĩ. Văn học Lãng mạn ở Đức xem thời Trung cổ trong quá khứ là một giai đoạn của sự mọc mầm trí tuệ nên được tái hiện lại. Nó cũng tìm hiểu khía cạnh siêu nhiên, huyền bí và kỳ ảo của trí tưởng tượng – những nhà Lãng mạn muốn thế giới trở nên nhu mộng ảo, còn mộng ảo trở nên chân thật nhu chính thế giới. Không nghiêm túc nhu chủ nghĩa Lãng mạn Anh, chủ nghĩa Lãng mạn Đức thường mang chất hóm hình khôi hài.

Hé lộ mặt tối

Nachtstücke của E. T. A. Hoffmann (1776–1822), nhà văn nguyên quán Königsberg ở Phổ, là tuyển tập tám truyện ngắn pha lẫn sự nhẹ nhàng với màu sắc tối ám của sự phi lý tính trong tâm hồn con người. Các câu chuyện được kể bằng giọng điệu giản dị bình dân, ai cũng đọc được, không ra vẻ trí tuệ hàn lâm. Hoffmann là nhạc sĩ hơn là nhà văn; *Nachtstücke* (Đạ khúc) là cái

tên thường đặt cho một nhạc phẩm, và đây là một trong nhiều tác phẩm Lãng mạn Đức sau được phổ nhạc hoặc chuyển thành opera.

Nổi tiếng nhất trong số truyện này là “Người Cát”. Nhân vật dễ mền trong truyện cổ này, người thổi cát vào mắt lũ trẻ để đem đến giấc mơ đẹp cho chúng, ở đây lại hóa thành con quái vật chuyên móc mắt trẻ em. Những câu chuyện mang chất Gothic hoặc kỳ ảo thường gọi một góc nhìn ghê rợn về tâm thức con người, cũng nhu sự chật vật của cá nhân để được yên bình với xã hội. ■

“

Lão bỏ mắt lũ trẻ vào túi và mang chúng về mặt trăng lưới liềm để cho những đứa con của lão ăn...

“Người Cát”

”

Xem thêm: *Những tên cướp* 98–99 ■ *Nỗi đau của chàng Werther* 105 ■ *Những khúc ballad trữ tình* 110 ■ *Faust* 112–15 ■ *Frankenstein* 120–21

CON NGƯỜI LUÔN LẦM LỖI CHO TỚI KHI HỌ KHÔNG CÒN CỐ GẮNG

FAUST (1808, 1832),

JOHANN WOLFGANG VON GOETHE



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Trường phái Cổ điển
Weimar

TRƯỚC ĐÓ

1776 Dưới sự giúp đỡ của chàng trai Goethe, triết gia Đức Johann Gottfried Herder đến Weimar và bắt đầu viết mỹ học văn chương, gọi lại những giá trị Hy Lạp cổ điển. Tu tưởng của ông giúp hình thành nền tảng triết lý cho trường phái Cổ điển Weimar.

1794 Friedrich von Schiller viết thu cho Goethe. Sau khi họ gặp nhau ở Weimar, tình bạn giữa họ tạo nên xương sống cho trường phái Cổ điển Weimar.

1799 Schiller hoàn tất bộ ba kịch *Wallenstein*, thường được xem là những vở sù kịch bằng tiếng Đức hay nhất, là tác phẩm trụ cột của trào lưu Cổ điển Weimar.

Chi đến khi sắp qua đời năm 1832, Johann Wolfgang von Goethe cuối cùng mới hoàn thành được tác phẩm nổi tiếng nhất của ông – *Faust*, bi kịch hai phần, phần đầu viết xong từ năm 1808. *Faust* cũng là thành tựu nổi bật nhất của trào lưu Cổ điển Weimar, một giai đoạn nở rộ các hoạt động văn hóa và văn học ở thành Weimar thuộc Đức, bắt đầu từ thập niên 1780 và kéo dài gần 30 năm.

Hai tác giả gắn nhu gắn liền với trường phái Cổ điển Weimar là Goethe và người bạn, người cộng sự của ông, kịch tác gia Friedrich von Schiller (1759–1805). Thời trẻ, cả hai đều tham gia phong trào Sturm und Drang (“Bão táp và xung kích”) cuối thế kỷ 18, một trào lưu với những vở kịch và tiểu

Xem thêm: *Tiến sĩ Faustus* 75 ▪ *Những tên cướp* 98–99 ▪ *Les Liaisons dangereuses* 100–01 ▪ *Nỗi đau của chàng Werther* 105 ▪ *Núi thần* 224–27 ▪ *Bắt trẻ đòng xanh* 256–57



Tuổi già nào giúp ta nhỏ lại
– chỉ là / Ta vẫn ấu nhi như
một thời đã qua.

Faust



thuyết phá vô chuẩn mực văn học thời Khai sáng và cổ xúy việc thể hiện cảm xúc đam mê. Tuy nhiên, đến thập niên 1780, khi bầu máu nóng tuổi trẻ đã dịu bớt, Goethe và Schiller bắt đầu nhìn lại những giá trị Khai sáng mà họ từng chối bỏ, tìm cách dung hòa chúng với thứ nhiệt huyết của Sturm und Drang, đồng thời nhìn lại thời Hy Lạp cổ điển với tâm thế tìm cách kiến tạo những chuẩn mực thẩm mỹ mới mẻ và tốt hơn.

Cổ điển hợp sức

Trường phái Cổ điển Weimar thường được xem là thành tựu chung của Goethe và Schiller, dù nó cũng bao gồm những tác giả khác – đáng chú ý có triết gia Johann Gottfried Herder (1744–1803) và thi sĩ, tiểu thuyết gia Christoph Martin Wieland (1733–1813).

Khi xây dựng quan niệm thế nào là văn hay, Goethe và Schiller đồng ý với nhau rằng sự toàn mỹ là một mục tiêu bất khả. Thay vào đó, họ nhấn mạnh tầm quan trọng của sự cân bằng và hòa hợp, cho rằng có thể xem một tác phẩm văn học là vĩ đại nếu nó đạt được sự cân bằng hoàn hảo giữa các thành tố không hoàn hảo của nó. Bằng

cách này, tác phẩm có thể đạt đến tính thống nhất toàn thể mà các tác giả Hy Lạp cổ điển tìm kiếm.

Theo Goethe và Schiller, sự cân bằng này là có thể đạt được, bằng cách kết hợp ba thành tố thiết yếu đối với một tác phẩm nghệ thuật. Yếu tố đầu tiên, *gehalt*, cái cảm hứng và viễn tượng ban đầu của tác giả, kết hợp với yếu tố thứ hai là *gestalt*, hình thức mỹ học của tác phẩm, vốn có thể dựa theo các khuôn mẫu cổ điển được nghiên cứu sâu sát. Yếu tố thứ ba, *inhalt*, là sức nặng sáng tạo của tác giả – cái “nội dung”, hay cụ thể hơn, là ngôn từ trong một tác phẩm văn chương. Do đó cần phải xử lý yếu tố *inhalt* một cách cẩn thận, bởi nó có thể gây ra sự mất cân bằng và lạc dòng khỏi cái *gehalt* và *gestalt*.

Goethe và Schiller thường giúp đỡ và động viên nhau sáng tác – chính Schiller kiên quyết



Nơi đây việc làm hiểu lời nói
Đã khiến chúng lạc lối năm nào;
Tinh Nữ muôn đời trường cửu ấy,
Nâng đỡ tâm hồn người lên cao.

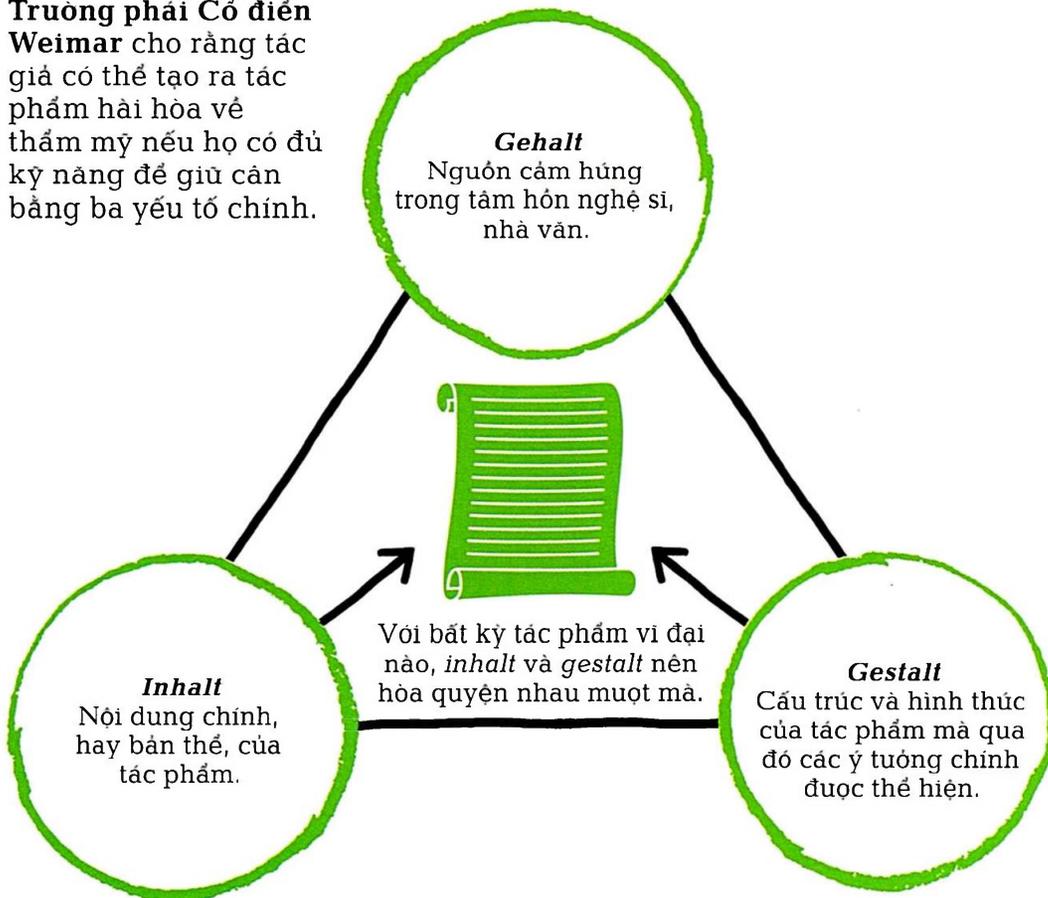
Faust



khuyến Goethe quay lại viết tiếp *Faust*, tác phẩm mà ông khởi sự chấp bút ở tuổi ngoài đời mười trước khi gác lại một bên. Hai người viết thu cho nhau hàng ngày cho đến khi Schiller qua đời năm 1805, thời điểm mà nhiều

Trường phái Cổ điển

Weimar cho rằng tác giả có thể tạo ra tác phẩm hài hòa về thẩm mỹ nếu họ có đủ kỹ năng để giữ cân bằng ba yếu tố chính.





nhà phê bình xem như đoạn kết của trào lưu Cổ điển Weimar.

Thế giới trên sân khấu

Câu chuyện về Faust được dựa theo nhiều truyền thuyết phổ biến về giao kèo với quỷ dữ, lưu truyền rộng khắp châu Âu từ đầu thế kỷ 16 trở đi, truyền cảm hứng cho nhiều tác phẩm, trong đó có vở *Tiến sĩ Faustus* năm 1604 của Christopher Marlowe.

Trong khi các phiên bản sớm hơn khắc họa truyền thuyết về Faust một cách tương đối đơn giản như cuộc đối đầu giữa Chúa và quỷ dữ, giữa thiện và ác, thì *Faust* của Goethe mang một chiều kích sâu sắc hơn những đạo lý đơn thuần. Goethe cho rằng, trong việc sống, hành động và nỗ lực, con người có thể phạm sai lầm, nhưng bằng cách học từ những lỗi lầm này, họ có thể hướng mình đến chính nghĩa.

Goethe bắt đầu vở kịch (sau lời đề tặng bằng thơ) bằng một phần phi lộ. Ở đây đạo diễn, nhà thơ và anh hề thảo luận với nhau một vở kịch hay cần có những đặc điểm gì. Mỗi người giữ một quan điểm riêng: đạo diễn muốn dựng một vở kịch thu hút khán giả và được công chúng Đức đón nhận nồng nhiệt; nhà thơ, người lý tưởng hóa, cố vẽ ra những giá trị trường cửu

và tạo nên một tác phẩm toàn vẹn và truyền cảm hứng – một kiệt tác trường tồn cùng năm tháng; còn anh hề thì muốn giải trí cho khán giả bằng hài kịch và hành động. Ba người cuối cùng đi đến một thỏa thuận – nhà thơ có thể soạn ra một vở kịch sâu sắc thế nào tùy thích, miễn nó phải có hành động, yếu tố hài kịch và bi kịch. Cuộc thảo luận kết thúc với một lời hứa hướng đến khán giả – rằng toàn bộ thế giới, từ thiên đàng, qua trần thế cho đến địa ngục – đều sẽ được thể hiện trên sân khấu. *Faust: Phần một* bắt đầu với cảnh thiên đàng, nơi Mephistopheles (quỷ dữ) ngăm ngọi về nhân loại và đánh cược với Chúa rằng hắn có thể khiến Faust, một trong những

“

Chính nỗ lực của kẻ đấu tranh
Cứu hắn khỏi vượt nanh
quỷ dữ.
Faust

”

Kẻ bán linh hồn vì lợi lạc trần thế là ý tưởng từ lâu đã thu hút các nhà văn. Phần một vở kịch của Goethe đã truyền cảm hứng cho vở opera của Charles Gounod. Trong hình, Bryn Terfel (phải) thủ vai Mephistopheles.

kẻ được Chúa ưu ái nhất, sa vào con đường tội lỗi và đánh mất linh hồn vào tay hắn. Chúa chấp nhận ván cược, nhưng ngài khẳng định niềm tin của mình rằng Faust sẽ giữ vững đức tin, vì nhu ngài chỉ ra, dù trong đời mình con người có thể phạm sai lầm, nhưng về cơ bản con người là thiện hảo.

Một giao kèo chết người

Chuyển xuống hạ giới, ở khung cảnh nước Đức đương thời, Goethe giới thiệu với chúng ta nhân vật Faust, một giáo sư, bác sĩ kiêm nhà thần học. Faust đang ngồi tuyệt vọng trong thư phòng, cảm thấy sở học của mình đã đến giới hạn, và ông chỉ là “một tên khò thăm hại, chẳng thông tuệ hơn trước kia chút nào”; thậm chí ông đã nghĩ đến chuyện tự vẫn. Quỷ xuất hiện, và cả hai đi đến một thỏa thuận: Mephistopheles đồng ý sẽ thỏa mãn mọi mong ước trần thế của Faust; đổi lại, Faust sẽ phải giao linh hồn mình cho quỷ, nơi địa ngục. Một khía cạnh trong thỏa thuận này là nếu quỷ có thể đem lại cho Faust một khoảnh khắc tuyệt đối trọn vẹn đến mức Faust chỉ muốn sống khoảnh khắc đó mãi, thì chính lúc đó ông sẽ chết. Giao kèo thế là được ký bằng máu.

Faust sau gặp và phải lòng một thiếu nữ tên Gretchen. Với sự giúp sức của quỷ, ông quyến rũ được nàng, nhưng hạnh phúc mà Faust mong mỏi mau chóng biến thành cái chết và bi kịch, và thế là trong phần đầu này, nguyện vọng của Faust đã không được thỏa mãn.

Faust: Phần hai mang tính phức tạp cao hơn. Nó bao gồm năm hồi khác biệt, bối cảnh liên tục thay đổi: từ hiện thực qua huyền ảo, từ

lịch sử qua thần thoại. Trong thực tế, sau khi đã khám phá thế giới cá nhân nhỏ bé của Faust trong Phần một, giờ đây Goethe đặt các sự kiện trong một thế giới rộng lớn hơn. Phần hai đưa ra nhiều tuyến truyện đầy kỳ ảo, nhiều khi gây bối rối, chẳng hạn như việc Faust lấy nàng Helen thành Troy (người phụ nữ đẹp nhất thế gian trong thần thoại Hy Lạp) làm vợ.

Một cột mốc văn chương

Faust là ví dụ tiêu biểu cho trường phái Cổ điển Weimar ở khía cạnh phong phú trong những liên hệ cổ điển của nó: nhân vật trong vở kịch bao gồm cả các thần thánh và anh hùng của thần thoại Hy Lạp, có đủ bối cảnh từ những thời đại xa xưa. Văn phong của nó đa dạng đến ngạc nhiên, mang cả chất bi kịch Hy Lạp lẫn loại giáo kịch rất được ưa chuộng thời Trung cổ.

Tao đàn Weimar, do Theobald von Oer vẽ năm 1860, khắc họa Goethe (bên phải, tay ngang hông) đứng đối diện Schiller (bên trái, đang đọc), với Herder và Wieland ngồi đằng sau.



Nó vay mượn cảm hứng từ ca vũ kịch masque thời Phục hưng và *commedia dell'arte* (một loại hình sân khấu ở Ý có từ thế kỷ 17, trong đó diễn viên chính tự ứng khẩu diễn quanh các diễn viên quần chúng), đồng thời vận dụng nhiều loại hình thi ca khác nhau.

Không nghi ngờ gì, *Faust* chính là thành tựu đỉnh cao của trào lưu Cổ điển Weimar, dấu rằng thời gian để hoàn thành nó kéo dài đến nỗi khi Phần hai được xuất bản, vài tháng trước ngày Goethe mất năm 1832, thì chính trào lưu đó cũng đã kết thúc từ lâu.

Faust không đặt dấu ấn ảnh hưởng đáng kể lên "thế hệ kế cận" nào, bởi những nhà văn sau đó đã xuất bản được nhiều tác phẩm trước khi vở kịch xuất hiện. Thay vào đó, trào lưu Lãng mạn Đức (chủ trương bỏ qua sự "cân bằng" cổ điển) đã trở dậy và lan khắp phần lớn châu Âu. Bất chấp sức ảnh hưởng khiêm tốn đương thời, *Faust* về sau trở thành tác phẩm văn học Đức nổi tiếng và được nghiên cứu nhiều bậc nhất, và ngày nay được xem như một trong những vở kịch vĩ đại nhất từng được viết ra. ■



Johann Wolfgang von Goethe

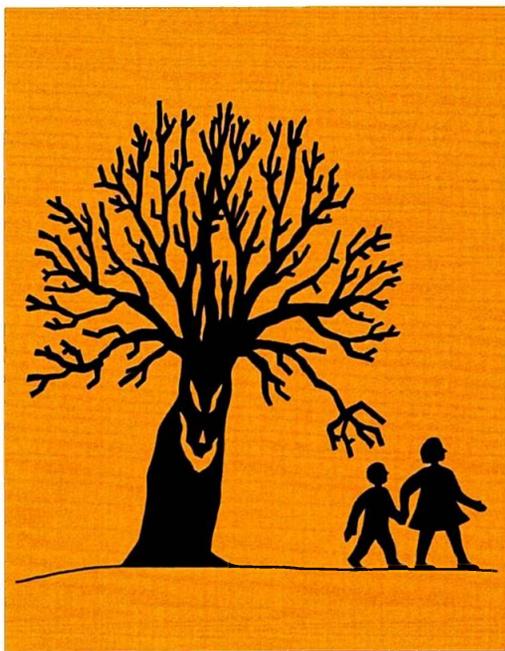
Sinh ngày 28 tháng 8, 1749 ở Frankfurt trong một gia đình trung lưu khá giả, Goethe không chỉ là một nhân vật văn chương, một tác giả vĩ đại; ông còn am tường nhiều lĩnh vực khác, từ luật học, triết học đến thực vật học, động vật học, khoa học và y học.

Goethe được giáo dục tại gia cho tới năm 1765, khi ông chuyển đến Leipzig học luật. Tại đây ông bắt đầu sáng tác thơ trữ tình, soạn vở kịch dài đầu tay. Ông tiếp tục viết lách sau khi tốt nghiệp, khẳng định tên tuổi như một cây bút xuất chúng và cách tân.

Năm 1775, ông được mời đảm nhiệm một vị trí trong triều đình Weimar, rồi tại chức suốt 10 năm, trước khi rời triều năm 1786 để đi Italy hai năm. Từ khoảng năm 1794, ông cộng tác với Friedrich von Schiller, thành quả là nhiều tác phẩm văn học và văn hóa xuất sắc đầy sức ảnh hưởng. Ông tạ thế ngày 22 tháng 3, 1832.

Tác phẩm chính khác

1773 *Götz von Berlichingen*
1774 *Nỗi đau của chàng Werther*
1795–96 *Wilhelm Meister học nghệ*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tuyển tập truyện dân gian

TRƯỚC ĐÓ

Kh.1350–1410 Những chuyện truyền khẩu xứ Wales được tập hợp trong *Mabinogion*, áng văn xuôi xưa nhất xứ Anh.

1697 Tác giả Pháp Charles Perrault viết *Chuyện Mẹ Ngỗng*, tuyển tập những truyện gốc hoặc được viết lại.

1782–87 Tác giả Đức Johann Karl August Musäus ra mắt một tuyển tập truyện trào phúng dân gian nổi tiếng.

SAU ĐÓ

1835–49 Truyện dân gian Phần Lan được tôn vinh trong sử thi *Kalevala* do Elias Lönnrot biên soạn.

1841 Xuất bản *Truyện dân gian Na Uy* của Peter Christen Asbjørnsen và Jørgen Moe.

1979 *Căn phòng máu* của tiểu thuyết gia Anh Angela Carter thách thức lối khắc họa phụ nữ trong truyện dân gian truyền thống.

NGÀY XƯA NGÀY XƯA...

**CHUYỆN KỂ CHO TRẺ EM VÀ TRONG GIA ĐÌNH
(1812–1822), ANH EM GRIMM**

Tuyển truyện dân gian, loại văn bản tổng hợp những truyền thống văn hóa như chuyện cổ tích, lịch sử truyền miệng và niềm tin quần chúng (thường được kể trong nhà hoặc trong dịp cộng đồng quây quần) vốn đã được soạn từ thời Trung cổ. Thuật ngữ “chuyện cổ tích” được nhà văn Pháp Madame d’Aulnoy đặt ra cuối thế kỷ 17, nhưng người ta thường biết đến nhiều hơn những phiên bản cổ tích do một người cùng thời với bà là Charles Perrault kể lại. Nhà nghiên cứu cổ vật người Anh William Thoms là người đầu tiên định nghĩa từ “folklore” (truyện/văn hóa dân gian) trong lá thư gửi tạp chí *The Athenaeum* năm 1846.

Một số truyện kể, như trong tập *Mabinogion* của xứ Wales thế kỷ 14, mang chức năng tôn giáo và tâm linh – nhưng nhìn chung truyện dân gian thường không có liên hệ tôn giáo. Cũng không có những nơi chốn, con người hay sự kiện có thật. Thay vào đó, chúng mang tính phi lịch sử, kể về một thời “ngày xưa ngày xưa...”, với những nhân vật khuôn mẫu, những phép thuật xuất hiện ngẫu nhiên, có phần thưởng và sự trả thù, và có kết cục “hạnh phúc mãi về sau”. Liên hệ thơ văn và chủ nghĩa hiện thực hiếm khi được sử dụng; văn phong truyện cổ tích thường mộc mạc, chủ yếu dùng hình ảnh trực quan, và cốt truyện là yếu tố then chốt: những câu chuyện này thường có tiết tấu nhanh đáng kinh ngạc.

Làm giàu văn hóa Tây phương

Anh em Grimm, như nhiều nhà nghiên cứu truyện dân gian sau họ, dốc tâm huyết vào dự án học thuật ghi lại những chuyện cổ tích được kể khắp nền văn hóa của họ, để xác định và bảo tồn tâm hồn nhân dân.

Đây là một dự phóng mang màu sắc sử thi lãng mạn: mỗi quan tâm truyện dân gian vốn nảy sinh từ sự trở dậy của chủ nghĩa dân tộc và niềm tự hào văn hóa, tuyển tập của anh em Grimm cũng không ngoại lệ. Họ cũng không phải những học



Ngày xưa, khi ước nguyện
vẫn thành sự thật...

**Chuyện kể cho trẻ em và
trong gia đình**



Xem thêm: *Nghìn lẻ một đêm* 44–45 ▪ *Truyện cổ Andersen* 151 ▪ *Kalevala* 151 ▪ *Căn phòng đẫm máu* 333

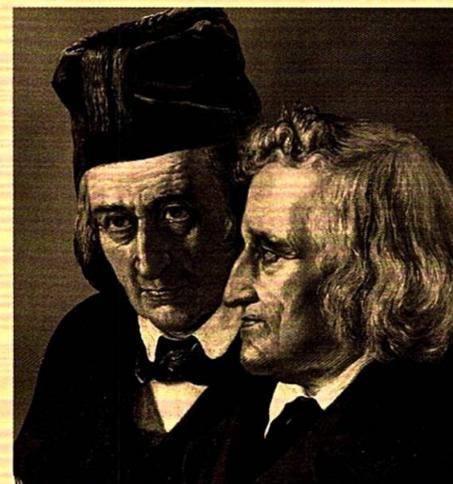
giả châu Âu duy nhất đảm đương sứ mệnh này: nhiều đồng nghiệp của họ ở trường đại học cũng có chung nhiệt huyết với truyền thống dân gian. Nhưng công trình của anh em Grimm, thể hiện trong *Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình*, chính là hợp tuyển truyện dân gian lớn nhất, được dịch và đọc nhiều nhất châu Âu. W. H. Auden cho rằng truyện cổ Grimm “nằm trong số vài cuốn sách là tài sản chung mà ta có thể tìm thấy cả văn hóa Âu châu trong đó”.

Không như ta tưởng, thu thập truyện không có nghĩa phải dẫn thân tìm kiếm trong những cánh rừng hoang sơ nào. Nguồn tư liệu cho anh em Grimm thường tụ đến với họ, một số câu chuyện thậm chí còn đã được viết sẵn ra, như truyện “Cây bách xù”, do họa sĩ Philip Otto Runge gửi đến cho họ.

Trong ấn bản đầu, anh em Grimm chủ yếu viết cho độc giả người lớn. Chỉ sau khi bản dịch sang tiếng Anh

năm 1823 của Edgar Taylor được trẻ em ưa chuộng, họ mới chỉnh sửa bản gốc tiếng Đức để “làm sạch”. Chẳng hạn, phiên bản đầu của “Rapunzel” để cập thẳng việc nàng mang thai (ngoài hôn nhân), nhưng khi được chỉnh sửa, nàng chỉ đơn giản là béo ra. Yếu tố bạo lực thì không nhất thiết được gia giảm. Cendrillon, phiên bản Cinderella tiếng Pháp trong truyện của Charles Perrault, đã tha thứ cho các em và tìm chồng tốt cho họ. Trong phiên bản khốc liệt của anh em Grimm, bảy chim giúp đỡ Cinderella đã mổ mù mắt các cô em.

Mặc cho yếu tố bạo lực, tuyển tập của anh em Grimm vẫn duy trì sức hút dài lâu, được chuyển thể và viết lại nhiều lần thông qua các loại hình khác nhau. Hình ảnh mơ mộng của “Ngày xưa ngày xưa” tiếp tục bộc lộ những chân lý không thể phai mờ, và cùng với sức quyến rũ của một kết cục vui vẻ và có hậu, vẫn làm mê đắm độc giả qua bao thế hệ. ■



Jacob Grimm và Wilhelm Grimm

Được gọi chung là anh em Grimm, Jacob (1785–1863) và Wilhelm (1786–1859) là những học giả, nhà nghiên cứu văn hóa, nhà ngôn ngữ học và từ điển học nổi danh người Đức.

Là những người con trai lớn nhất sống được tới lớn trong một gia đình sáu người con, hai anh em được nuôi dạy ở Hanau, Hesse. Dầu gia cảnh nghèo khó sau khi người cha luật sư qua đời, họ vẫn được học ở Đại học Marburg nhờ một người cô có quan hệ rộng.

Anh em Grimm được ghi công là đã phát triển phương pháp luận thời kỳ đầu cho việc thu thập truyện dân gian, nay đã thành nền tảng cho lĩnh vực nghiên cứu dân gian. Họ cũng là những nhà bác ngữ học (lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ trong các sử liệu) có tiếng. Hai anh em còn thực hiện bộ từ điển tiếng Đức đồ sộ (32 tập), vẫn dang dở khi họ qua đời.

Tác phẩm chính khác

1813–16 *Những cánh rừng Đức xưa*

1815 *Heinrich đáng thương của Hartmann von der Aue*

1815 *Những khúc ca từ Edda cũ*

1816–18 *Những saga Đức*

1852–1960 *Từ điển tiếng Đức*

Các nguyên mẫu nhân vật trong truyện dân gian

<p>Tro thù có phép thuật</p> 	<p>Trong phiên bản của Grimm, Cinderella ngồi khóc bên mộ mẹ, có một cây phi bên cạnh; cây phi sau cho nàng xiêm y để dụ vũ hội (Perrault thay cây phi bằng mẹ tiên đồ đầu).</p>
<p>Mẹ kế xấu xa</p> 	<p>Nhân vật loại này trong phiên bản đầu tiên của Grimm thật ra là mẹ ruột, về sau được đổi thành “mẹ kế” để giữ lại tính thiêng liêng của tình mẫu tử.</p>
<p>Phù thủy hoặc pháp sư</p> 	<p>Nguyên mẫu này tạo ra cơ hội hoặc bước chuyển trong kịch bản, hoặc khơi mào những sự kiện mâu nhiệm nhưng thường đem lại tai ương.</p>
<p>Kẻ lừa gạt</p> 	<p>Nguyên mẫu này tạo ra những hiểm họa hoặc trở ngại, thử thách trật tự tự nhiên.</p>
<p>Con vật biến hình</p> 	<p>Truyện Grimm đầy rẫy những nhân vật hóa thành chim hoặc các con vật khác, chỉ trở lại thành người khi đến lúc.</p>



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết châm biếm xã hội

TRƯỚC ĐÓ

1740 *Pamela* của nhà văn Anh Samuel Richardson kể về một cô hầu gái leo lên nấc thang xã hội; nó được xem là cuốn tiểu thuyết châm biếm xã hội thời kỳ đầu.

SAU ĐÓ

1847 *Jane Eyre* của Charlotte Brontë phê phán sự phân chia và định kiến giai cấp thời Victoria, cũng như những kỳ vọng ép buộc mà phụ nữ phải đối mặt.

1847–48 *Hội chợ Phù Hoa* của tiểu thuyết gia Anh William Makepeace Thackeray mỉa mai sự lá mặt lá trái và giả dối của xã hội qua những trò vụ lợi của nhân vật Becky Sharp.

1905 Tiểu thuyết châm biếm xã hội *Ngôi nhà vui vẻ* của nhà văn Mỹ Edith Wharton phản ánh những câu thúc xã hội, kinh tế và đạo đức áp đặt lên phụ nữ.

TA SỐNG VÌ CÁI GÌ, NGOÀI VIỆC LÀM TRÒ CHO LÃNG GIỀNG, RỒI ĐẾN LƯỢT MÌNH CƯỜI NHẠO LẠI HỌ?

KIÊU HÃNH VÀ ĐỊNH KIẾN (1813), JANE AUSTEN

Nhà đầu thế kỷ 18 chứng kiến sự trỗi dậy của tiểu thuyết, và không lâu sau đó là chủ nghĩa Lãng mạn trong văn học. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ này, một dòng văn mới đã xuất hiện ở nước Anh – tiểu thuyết châm biếm xã hội. Loại tiểu thuyết này rời xa những cảm xúc chan chứa và chất kỳ ảo huyền hoặc thường thấy ở chủ nghĩa Lãng mạn. Thay vào đó, nó nhấn mạnh vào đức tin, lễ lối và cấu trúc xã hội của những tầng lớp cụ thể. Đối với thể loại này, phụ nữ thường giữ vai ưu nhiệm – họ có thể là tác giả, hoặc là nhân vật chính – và vì lý do ấy mà loại truyện này đôi khi bị xem là tầm thường, một điều hoàn

toàn không đúng. Ví dụ tiêu biểu cho dòng văn này là những tiểu thuyết của Jane Austen. Chúng châm biếm nhẹ nhàng lễ thời xã hội của giới tiểu quý tộc nông thôn Anh, cũng như giễu nhại chất kịch quá đà của chủ nghĩa Lãng mạn Gothic. Austen nhấn mạnh vào sự thô lậu và nực cười của tầng lớp thượng lưu Anh: tầm quan trọng của địa vị, sự kỳ thị dành cho người thuộc tầng lớp thấp kém, cái hệ thống xã hội trường thượng, thấy đều bộc lộ qua những cuộc khiêu vũ, viếng thăm và đàm tiếu.

Trên dưới xã hội

Trong *Kiêu hãnh và định kiến*, người đọc dõi theo chị em nhà Bennet trong cuộc tìm kiếm ý trung nhân. Với phụ nữ thời này, một cuộc hôn nhân tốt là chìa khóa để duy trì hoặc nâng cao địa vị xã hội. Cuốn tiểu thuyết được kể chủ yếu qua góc nhìn của nhân vật chính Elizabeth Bennet (người Austen yêu thích nhất trong số các nữ chính của bà), một thiếu nữ gia giáo, thiện tâm. Cô là một trong năm người con gái của ông Bennet, một quý ông miền quê, thông minh mà bất đắc chí, cùng bà vợ tự đại thô lậu của ông; cuộc hôn nhân của họ là tấm gương hoàn hảo cho những điều nên tránh trong cuộc sống vợ chồng.

“

Trí tưởng tượng của một quý cô hoạt động rất mau lẹ; nó nhảy từ ngưỡng mộ sang yêu, từ yêu sang mơ tưởng vợ chồng chỉ trong giây lát.
Kiêu hãnh và định kiến

”

Xem thêm: *Jane Eyre* 128–31 ▪ *Hội chợ Phù Hoa* 153 ▪ *Bắc và nam* 153 ▪ *Middlemarch* 182–83



Emma Woodhouse
(*Emma*) là một bà mối mù mờ về cảm xúc của người khác.



Fanny Price (*Trang viên Mansfield*) bị gia đình mà cô sống cùng đánh giá thấp.



Elinor Dashwood
(*Lý trí và tình cảm*) không thể bộc lộ những cảm xúc của mình.

Cuộc đời các nữ chính của Austen
chịu ảnh hưởng và thường bị hạn chế bởi giai tầng xã hội của họ và những tập quán của thời đại. Austen đã khắc họa từng nhân vật một cách tinh tế.



Catherine Morland
(*Tu viện Northanger*) tin mình là một nữ anh hùng kiểu Gothic.



Anne Elliot (*Thuyết phục*) bối rối khi tình cũ xuất hiện trở lại.



Marianne Dashwood (*Lý trí và tình cảm*) thì bộc lộ cảm xúc một cách quá tự do.

Elizabeth gặp gỡ chàng quý tộc Fitzwilliam Darcy, người bị cô thu hút không cưỡng lại được; tuy nhiên sự kiêu hãnh ngạo mạn và thái độ bề trên của anh khiến cô cảm thấy bị xúc phạm. Tương phản với Darcy là anh bạn Bingley, chân chất và giàu có không kém, đang gắm ghé cô chị Jane của Elizabeth. Vậy nhưng đến khi cô em Lydia bóc đồng bỏ nhà theo chàng si quan bán tòn George Wickham và thanh danh cả gia đình bị đe dọa, chính Darcy, người không ai ngờ tới, đã ra tay can thiệp giúp đỡ. Niềm kiêu hãnh, định kiến và sự thiếu kinh nghiệm của Elizabeth khiến cô có những nhận định sai

lầm (về cả Wickham và Darcy) mà cô phải trả giá, nhưng thông qua những thử thách này cô mới hoàn toàn trưởng thành. Tương tự, Darcy đã vượt lên cái tôi kiêu hãnh của mình để chứng tỏ bản thân xứng đáng với cô, bất chấp địa vị xã hội cao hơn của anh.

Thật ra, bằng sự hóm hỉnh và châm biếm tinh tế, Austen đã làm rõ ràng người được giáo dục tốt không nhất thiết là người khéo cu xù (dù khéo cu xù có thể là chỉ dấu của người có đạo đức tốt). Dẫu bối cảnh truyện có thể hạn hẹp, *Kiêu hãnh và định kiến* vẫn là một chứng nhân sắc sảo cho lễ thói và đạo đức xã hội trong thời của nó. ■

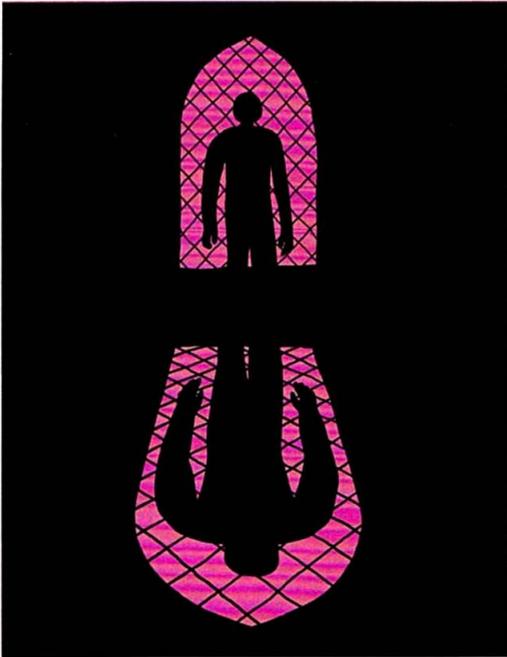


Jane Austen

Jane Austen sinh ra tại nhà mục sư Steventon, Hampshire, Anh năm 1775, là người thứ bảy trong số tám người con của một mục sư miền quê tương đối khá giả. Thuở nhỏ bà đọc sách rất chăm nhờ được tiếp cận thư viện của cha, một điều kiện mà các cô gái vào thời bấy giờ ít có được. Bà bắt đầu viết khi bước vào tuổi thiếu nữ, sáng tác phiên bản phối thai của *Kiêu hãnh và định kiến* vào giai đoạn 1796–97, với tựa *Những ấn tượng đầu tiên*. Năm 1800, cha bà về hưu, đưa cả gia đình tới Bath; ở đó Jane thấy không hạnh phúc. Cùng với mẹ và chị gái, năm 1809, bà chuyển đến Chawton, Hampshire, tiếp tục viết lách hằng ngày. Những quan sát về cuộc sống thượng lưu trưởng giả ở Hampshire đã cung cấp chất liệu cho tiểu thuyết của bà. Dù viết nhiều về hôn nhân, bản thân bà không bao giờ lập gia đình, dù bà từng nhận được một lời cầu hôn. Bà qua đời năm 1817 ở tuổi 41.

Tác phẩm chính khác

- 1811 *Lý trí và tình cảm*
- 1814 *Trang viên Mansfield*
- 1815 *Emma*
- 1818 *Tu viện Northanger*
- 1818 *Thuyết phục*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện Gothic so kỳ

TRƯỚC ĐÓ

1764 *Lâu đài xứ Otranto* của nhà văn Anh Horace Walpole được xuất bản. Về sau nó được tôn vinh là thủy tổ của truyện Gothic.

1794 Nhà văn Anh Ann Radcliffe ra mắt tiểu thuyết *Bí ẩn lâu đài Udolpho*, giới thiệu với người đọc loại "anh hùng" Gothic tối ám, ủ ê được lãng mạn hóa.

1796 Với cảm hứng từ tiểu thuyết của Radcliffe và các truyện kinh dị Đức, Matthew Lewis người Anh sáng tác *Tu sĩ*, một trong những tiểu thuyết Gothic được ưa chuộng nhất thời đó.

1817 E. T. A. Hoffmann người Phổ viết tập truyện ngắn *Nachtstücke*, trong đó có truyện "Người Cát" nổi tiếng, hòa trộn triết lý Lãng mạn với chủ đề kinh dị và phi lý tính của văn học Gothic.

CÓ AI HIỂU ĐƯỢC NỖ KINH HOÀNG TRONG NHỮNG VIỆC LÀM BÍ MẬT CỦA TÔI

FRANKENSTEIN (1818), MARY SHELLEY

Những chủ đề chính của văn học Gothic định hình vào cuối thế kỷ 18, nhiều năm trước khi *Frankenstein* của Mary Shelley được xuất bản. Những *Lâu đài xứ Otranto* của Horace Walpole, *Bí ẩn lâu đài Udolpho* của Ann Radcliffe hay *Nachtstücke* của E. T. A. Hoffmann đã thiết định các nét chính cho thể loại này: những nhân vật tha hương chu du hải ngoại nơi có cảnh trí hùng vĩ, hoặc kẹt trong các lâu đài tàn tạ, trong câu chuyện ác mộng đầy rẫy yếu tố bạo hành, độc đoán và sát nhân.

Trọng tâm văn học Gothic so kỳ nằm ở sự kết hợp giữa mối quan tâm của chủ nghĩa Lãng mạn dành cho sức mạnh của tâm trí, giới hạn của sự tưởng tượng và những câu hỏi về xã hội đương thời, kết hợp

với những vai phản diện quý tộc xấu xa, những cái chết đẫm máu và bối cảnh Trung cổ u ám đúng chất Gothic. Hiện thân cho hỗn hợp này thường là quý hút máu, hồn ma, quái vật, hay những nhân vật nữ bí ẩn và kinh dị.

Trong *Frankenstein*, Mary Shelley đã mở rộng các yếu tố này, liên kết chúng với những câu hỏi triết học rộng hơn, qua đó thay đổi vĩnh viễn dòng văn Gothic. Cảm hứng cho tác phẩm này đến từ một lần bà tham gia buổi văn đàm cùng một nhóm người, trong đó có hai thi sĩ Lãng mạn người Anh Percy Bysshe Shelley và Lord Byron. Một tối nọ, nhóm bạn này ngồi kể chuyện quanh bếp lửa khi ngoài trời mưa gió đang gào thét. Byron đề nghị kể chuyện ma, và trí tưởng tượng của Mary Shelley bắt đầu bị khuấy động.

Một thời đại bất an

Dấu bối cảnh ra đời giống gió liều trai trên có vẻ thích hợp với nó, *Frankenstein* không chỉ là một câu chuyện kinh dị đơn thuần. Một đóng góp quan trọng bậc nhất của Shelley cho dòng văn Gothic nằm ở kỹ năng của bà trong việc mở rộng những chủ đề khuôn mẫu như sự ngược đãi, đe dọa và những nỗi ám ảnh ghê rợn sang một cuộc khai phá phức tạp hơn về mối quan tâm Lãng mạn chủ nghĩa nổi trội bậc



Ánh chớp nhoáng lên soi sáng vật đó... cái thú xấu xa, con quý bán thiu mà tôi đã trao cho sự sống.

Frankenstein



Xem thêm: *Tiến sĩ Faustus* 75 ▪ *Nachtstücke* 111 ▪ *Faust* 112–15 ▪ *Đình Gió Hú* 132–37 ▪ *Chân dung Dorian Gray* 194 ▪ *Dracula* 195

Những yếu tố Gothic

Bối cảnh u ám		Lâu đài tàn tạ, rừng sâu tăm tối, tháp cao bí hiểm, nơi chốn hoang dã xa xôi, nghĩa trang, lăng mộ.
Nhân vật khuôn mẫu		Kẻ bạo quyền hung ác, trinh nữ mặc đọa, những phụ nữ điên rồ ngây dại, femme fatale (nữ nhân tai họa), tu sĩ hoặc bà phúc tà ác.
Điềm triệ		Điềm báo, điềm gở, thị kiến, giấc mơ, cơn bão, trăng tròn.
Hiện tượng siêu nhiên		Ma, quái vật, những sự kiện không thể lý giải, ma cà rồng, ma sói.
Những cảm xúc quá độ		Kinh hoàng, điên loạn, thống khổ, cuồng nộ, đam mê, hiếu kỳ, gào thét.

nhất thời bấy giờ: sự tha hóa của cá nhân trong thế giới hiện đại.

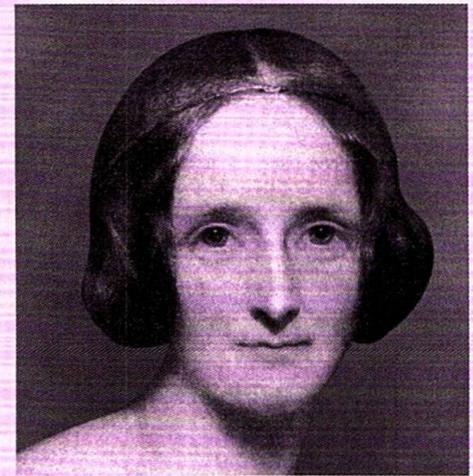
Ngữ ngôn của thời đại

Frankenstein không phải tên con quái vật khét tiếng, mà đó là Victor Frankenstein, nhân vật chính của cuốn truyện – một nhà khoa học, một nghệ sĩ, người đã tạo ra con quái vật không tên mà ông mô tả là “cái xác quý quái mà khốn thay tôi đã ban cho sự sống”. Frankenstein là một thiên tài sáng tạo cô độc, mang trong mình nỗi kinh hoàng “bí mật” do chính ông gây ra khi ông vượt quá giới hạn đạo đức của nhân loại theo cung cách Lãng mạn điển hình. Thông qua ông, Shelley đã xây dựng lại chủ đề Gothic về sự quái dị dưới hình ảnh lý tưởng hóa của một thế ngoại dị nhân tha hương lang bạt. Theo học giả David Punter, cuốn sách xoay vào “sự chối bỏ cái xa lạ, cả ở bình diện xã hội lẫn tâm lý”. Con quái vật

trong *Frankenstein* là sản phẩm từ một khoảnh khắc sáng tạo của nhân vật chính trong cái thời đại công nghiệp hóa mới mẻ đầy bất an, cũng là sản phẩm của tác giả trong nỗ lực lý giải biến động chính trị và xã hội của thời đại.

Chất kinh dị của *Frankenstein* không nằm nơi con quái vật, mà là trong – thông qua những phong vị Gothic như sự ám ảnh, tha hương, cô lập hòa quyện trong nó – nỗi bất an của thời đại đang choán lấy tâm trí các nhà Lãng mạn: những câu hỏi về tôn giáo và khoa học; triết lý cho sự công bằng; tranh luận về nguồn gốc sự sống; và vai trò của giáo dục, văn hóa và sự dưỡng dục trong việc định hình bản sắc cá nhân.

Kết cục mà con quái vật của Frankenstein gây ra cho ông chính là một ngụ ngôn hiện đại tối hậu, khéo léo bao hàm vào nó các vấn đề luân lý và xã hội dưới lớp một truyện kinh dị Gothic. ■



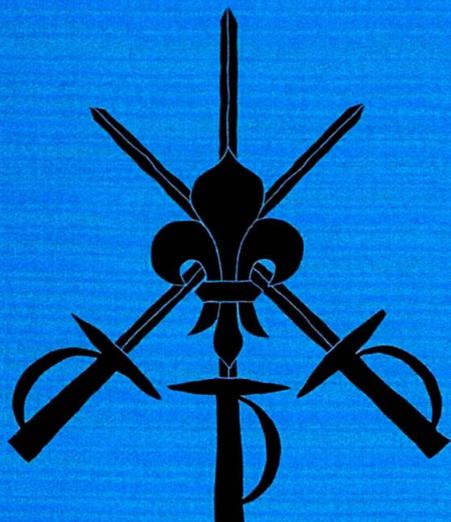
Mary Shelley

Tiểu thuyết gia Mary Wollstonecraft Shelley chào đời ngày 30 tháng 8, 1797 ở London, Anh. Mẹ bà, cây bút nữ quyền Mary Wollstonecraft, qua đời 11 ngày sau khi sinh bà. Cha bà là triết gia cấp tiến William Godwin.

Ở tuổi 14, Shelley được gửi đến sống tại Scotland. Năm 1814, bà quay về London sống ở nhà cha (lúc này đã tục huyền) và gặp gỡ thi sĩ trẻ Percy Bysshe Shelley. Dù ông đã có vợ, hai người vẫn cùng nhau trốn sang Lục địa và kết hôn năm 1816. Mỗi luồng duyên này đầy tình yêu mà cũng lắm bi kịch: chỉ một trong bốn người con của họ sống sót, và Percy chết đuối năm 1822. Mary sáng tác cho đến ngày qua đời năm 1851. Bà được nhớ đến nhiều nhất nhờ tiểu thuyết *Frankenstein*, khởi thảo năm 1816, quãng thời gian hạnh phúc của bà và chồng cùng những bè bạn thân thiết của họ.

Tác phẩm chính khác

- 1817 *Ghi chép chuyến đi sáu tuần*
- 1819 *Mathilda*
- 1826 *Con người cuối cùng*
- 1830 *Vận mệnh của Perkin Warbeck*
- 1835 *Lodore*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết lịch sử

TRƯỚC ĐÓ

1800 *Lâu đài Rackrent* của nhà văn Anh-Ireland Maria Edgeworth mở đường cho loại truyện hư cấu lịch sử.

1814 *Waverley* là tác phẩm đầu trong loạt tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Scotland Walter Scott, trong đó có *Rob Roy* (1817) và *Ivanhoe* (1820).

1823–41 Nhà văn Mỹ James Fenimore Cooper viết bộ "Chuyện về Vó Da", gồm những tiểu thuyết lịch sử như *Những người tiên phong* (1823) và *Người Mohican cuối cùng* (1826).

SAU ĐÓ

1829 *Nhà Chouan* của Honoré de Balzac kể về cuộc nổi dậy lật đổ hoàng gia năm 1799 ở Pháp.

1889 *Tướng quân giữa mé hôn trận* của Gabriel García Márquez là tiểu thuyết lịch sử Hậu Hiện đại về Simon Bolivar, "Nhà giải phóng Nam Mỹ".

MỌI NGƯỜI VÌ MỘT NGƯỜI, MỘT NGƯỜI VÌ MỌI NGƯỜI

BA CHÀNG LÍNH NGỰ LÂM (1844), ALEXANDRE DUMAS

Tiểu thuyết lấy bối cảnh một thời kỳ lịch sử đã qua không phải ý tưởng gì mới lạ – truyện hư cấu về quá khứ cũng xưa như chính bản thân văn học – nhưng phải đến thế kỷ 19, tiểu thuyết lịch sử, với tu cách một thể loại riêng rẽ, mới đạt thành công chưa từng thấy. Nhu cầu về nó đầu tiên xuất hiện ở Anh, được khơi mào nhờ những tiểu thuyết của nhà văn Scotland Sir Walter Scott trong giai đoạn 1814–32. Chúng được đông đảo bạn đọc đón nhận, cả ở Anh lẫn các nước khác, và thành công của chúng truyền cảm hứng cho làn sóng những tiểu thuyết mang chủ đề tương tự.

Vào những năm 1820, tầm ảnh hưởng của tiểu thuyết Scott nói riêng lan đến cả Hoa Kỳ, có thể thấy trong bộ "Chuyện về Vó Da" của James Fenimore Cooper.

Truyện lịch sử của Anh được dịch rộng rãi, tạo ra nhu cầu cho loại văn này trên khắp châu Âu, nổi bật là ở Pháp, nơi những nhà văn như Victor Hugo và Honoré de Balzac linh ẩn tiên phong. Tuy nhiên tác giả Pháp nổi tiếng nhất về thể loại này lại là Alexandre Dumas.

Khao khát phiêu lưu

Ba chàng lính ngự lâm, tiểu thuyết đầu tay của Dumas, được đăng thành nhiều kỳ vào năm 1844, gần như lập tức biến ông thành tên tuổi thời danh. Cuốn tiểu thuyết này bao hàm mọi yếu tố làm nên một tác phẩm được công chúng thời đó ưa chuộng: những anh hùng điển trai lãng mạn và những vai phản diện xảo quyệt; cốt truyện có hành động gan dạ, có tình chiến hữu; thêm vào đó là bối cảnh của một thời kỳ đầy những mưu mô chính trị mà độc giả của cuốn sách đã biết quá rõ.

Thời điểm cuốn sách được xuất bản, nước Pháp vừa trải qua giai đoạn rối ren hậu Cách mạng: căng thẳng giữa phe bảo hoàng và phe cộng hòa vẫn chưa yên, và bức tranh lãng mạn về một quá khứ hư cấu hóa có sức hấp dẫn lớn với những ai mong mỏi một thời đại yên bình hơn.

Trung tâm câu chuyện của Dumas là d'Artagnan, một chàng quý tộc trẻ tuổi rời quê nhà Gascony vào năm 1623 để tìm cách gia nhập

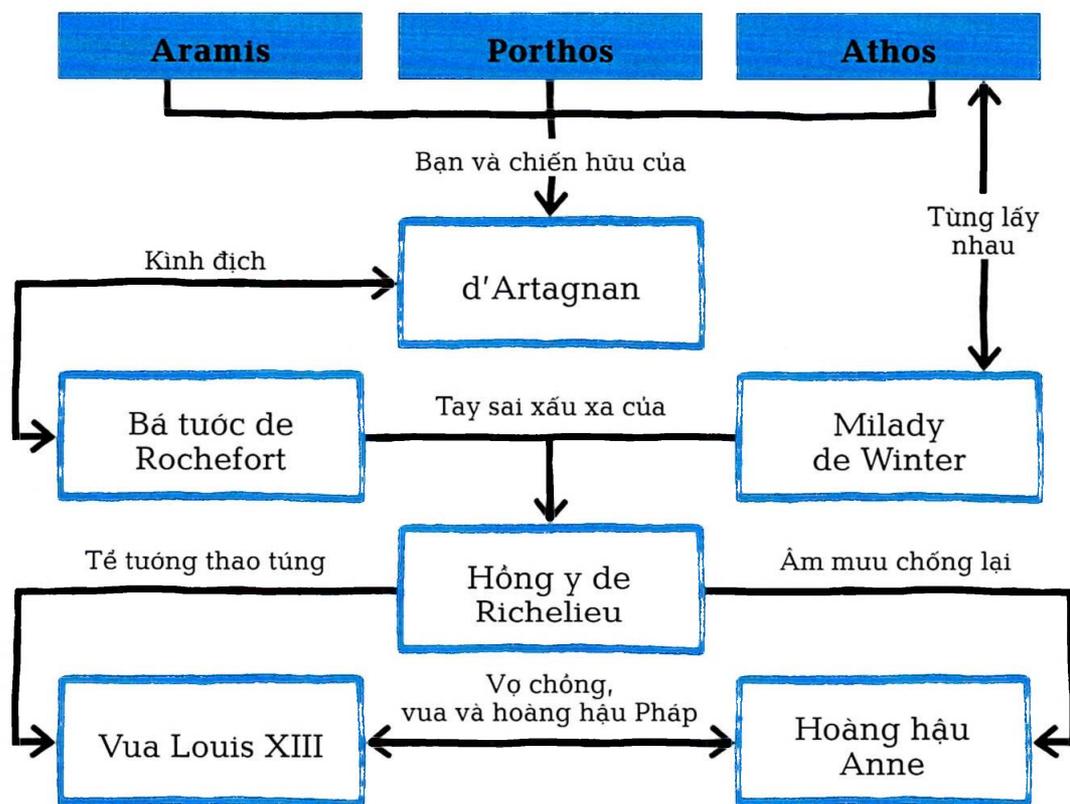
“

Chớ bao giờ sợ rắc rối, hãy luôn tìm kiếm mạo hiểm phiêu lưu.

Ba chàng lính ngự lâm

”

Xem thêm: *Ivanhoe* 150 ▪ *Người Mohican cuối cùng* 150 ▪ *Những người khố khổ* 166–67 ▪ *Chiến tranh và hòa bình* 178–81 ▪ *Chuyện hai thành phố* 198



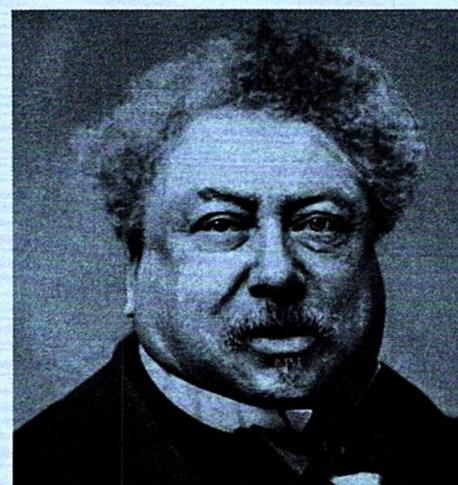
Ngũ lâm quân, đội cận vệ hoàng gia, là hồng tâm của một câu chuyện kết hợp những yếu tố chính trị quốc tế, âm mưu cung đình, tình bằng hữu, sự cừu địch và những chuyện tình lãng mạn: một câu chuyện lịch sử với những chủ đề vượt thời gian, bảo đảm cho thành công lâu dài của nó.

đội Ngũ lâm quân ở Paris. Một chuỗi trắc trở khiến chàng nhụt chí tang bồng, thế rồi chàng nhận lời ti thí với Athos, Porthos và Aramis, ba chàng lính ngũ lâm trong tên của cuốn sách, rồi kết giao với họ. Cùng nhau, họ thực hiện một loạt sứ mệnh để bảo toàn danh tiết cho hoàng hậu, bảo đảm nhà vua không bị mờ mắt trước những mưu toan của Hồng y Tể tướng de Richelieu để mà gây chiến với Anh. Có lắm cuộc vui thù tạc trong cuốn sách, và dĩ nhiên có cả chuyện tình ái lãng mạn.

Tuy nhiên, đằng sau cái chất hào hân giang hồ đó, Dumas cũng nêu lên những luận điểm thật sự nghiêm túc, và bức tranh thời đại của ông không thiếu màu sắc phê phán. Những chàng ngũ lâm quân oai hùng của ông can đảm và hấp dẫn, nhưng họ trung thành với nền

quân chủ một cách mù quáng, và không phải lúc nào cũng lịch lãm trong đối nhân xử thế. Và Vua Louis XIII, đối tượng cho lòng trung thành của họ, lại được khắc họa như một con người cá tin và khiếm nhược, liên tục bị thao túng bởi vị hồng y và các tay sai của ông ta, Bá tước de Rochefort và Milady de Winter.

Các phần của cuốn truyện được công chúng Pháp đón nhận nồng nhiệt vào mùa hè năm 1844, sau đó được chuyển ngữ rộng rãi. Tiếp đó thành công, Dumas viết tiếp hai cuốn "hậu truyện về d'Artagnan", *Hai mươi năm sau* và *Tù tước de Bragelonne*, cùng tác phẩm mang phong cách tương tự là *Bá tước Monte Cristo*, tất cả đều thành công đến tận ngày nay, dù là tiểu thuyết gốc hay các phiên bản chuyển thể cho truyền hình và điện ảnh. ■



Alexandre Dumas

Alexandre Dumas, tên khai sinh Alexandre Davy de la Pailleterie, sinh ra ở Picardy, Pháp năm 1802. Cha ông là con của thống đốc Saint-Domingue (Haiti ngày nay) và Marie-Cessette Dumas, một nữ nô lệ người Caribbean gốc Phi.

Giống như cha mình, Alexandre về sau lấy họ bà nội, nhưng thế gia quý tộc cũng là bệ phóng cho sự nghiệp văn chương của ông. Ông làm việc cho Công tước xứ Orléans (tức "Công dân Nhà vua" Louis-Philippe sau này), và sau thành công bước đầu với sù kịch, ông dần sang viết tiểu thuyết, trong số đó có loạt truyện về d'Artagnan đã giúp ông nổi tiếng. Khi Louis-Philippe bị lật đổ, Dumas rời Pháp năm 1851, đến 1864 mới trở về.

Là người đa tình, Dumas được cho là có bốn đứa con, trong đó có người con trai cùng tên cũng là nhà văn, thường được gọi là Alexandre Dumas Con.

Tác phẩm chính khác

1845 *Hai mươi năm sau*
1847–50 *Tù tước de Bragelonne*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Nhân vật "đòi thù"

TRƯỚC ĐÓ

1812–24 Các nhân vật Childe Harold và Don Juan của thi sĩ Anh Lord Byron là tiền thân của những nhân vật "đòi thù" trong văn học Nga.

SAU ĐÓ

1840 Tiểu thuyết duy nhất của Mikhail Lermontov, *Một anh hùng thời đại*, khai thác chủ đề "đòi thù" với người hùng Grigory Pechorin, một hình tượng kiểu Byron khao khát được hành động để xua tan nỗi chán đời.

1850 Với Tchulkaturin, một nhân vật kiểu Hamlet, tiểu thuyết ngắn *Nhật ký đòi thù* của Ivan Turgenev đã đào sâu thêm ý tưởng về một con người lý tưởng hóa thụ động.

1859 Nhân vật chày lười mơ mộng Oblamov trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Ivan Goncharov mang mọi đặc điểm lười biếng thụ động của mẫu nhân vật "đòi thù".

NHỮNG HẠNH PHÚC TÔI KHÔNG BẢO GIỜ NHẢM TỚI, THỨ XA LẠ VỚI LINH HỒN TÔI

EUGENE ONEGIN (1833),
ALEXANDER PUSHKIN

Gống như nhân vật chính trong *Eugene Oegin*, Alexander Pushkin (1799–1837) cũng bị giết trong một cuộc đấu súng. Dầu vẫn số là vậy, ông vẫn được xem là nhà thơ Nga vĩ đại nhất. Tác phẩm của ông có sức ảnh hưởng vô cùng lớn, đặc biệt là kiệt tác *Eugene Oegin*, trong đó nhân vật chính đã đặt ra khái niệm và phác nên tính cách của "con người đòi thù".

Là một cá nhân vô mộng với đời, thường sinh ra trong nhung lụa quyền quý, loại nhân vật này nhìn xã hội bằng đôi mắt buồn chán, hoài nghi, lạnh đậm, đồng thời cảm thấy mình trội bật hơn người ở khía cạnh đạo đức và trí tuệ.

Một cuộc đòi dang dở

Với bối cảnh nước Nga Sa hoàng thập niên 1820, *Eugene Oegin* là một "tiểu thuyết bằng thơ", nhu cách Pushkin gọi. Tác phẩm kể về cuộc đời và số phận của Eugene Oegin, một địa chủ chán đời; Vladimir Lensky bạn chàng, một thanh niên lãng mạn mộng mơ; và nàng Tatyana Larina thông minh xinh đẹp, cùng người chị Olga thích đong đưa của nàng.

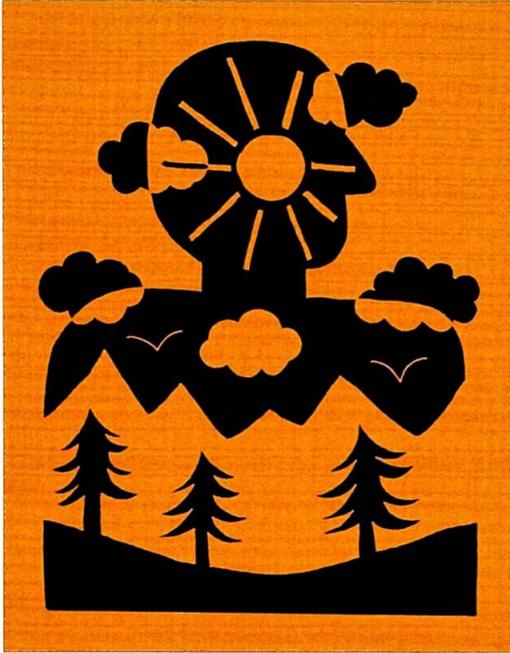
Tatyana phải lòng Oegin, nhưng chàng khuốc từ nàng vì không muốn "trói đời vào cuộc sống gia đình êm ấm". Sau khi không thể mà cũng không sẵn lòng ngăn bi kịch xảy ra, chàng đấu súng và giết Lensky, bỏ điên trang đi xa vài năm, đến khi quay lại thì biết rằng Tatyana đã lấy chồng.

Định mệnh cô độc

Bằng bút pháp sinh động và thường pha màu mỉa mai, Pushkin không chỉ mô tả cuộc đời các nhân vật chính, mà còn giới thiệu nhiều nhân vật phụ khác. Tinh thần hiện thực của ông đã khắc họa những cảnh đời nước Nga, song song đó là nhiều liên hệ văn chương và quan sát triết lý đa dạng, một số trong đó mang tính châm biếm xã hội đương thời.

Đến cuối truyện, Eugene Oegin, sau khi dành phần lớn cuộc đời giữ mình xa cách người xung quanh, đã hối tiếc cho số phận cô độc của mình. Con người đòi thù mà Pushkin sáng tạo đã được các nhà văn khác tiếp nhận, trở thành mô típ thường xuyên xuất hiện trong văn học Nga các thập niên 1840 và 1850. ■

Xem thêm: *Tristram Shandy* 104–05 ■ *Một anh hùng thời đại* 151–152



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa Siêu việt

TRƯỚC ĐÓ

1840 Tác giả, nhà phê bình văn học Margaret Fuller và tiểu luận gia, thi sĩ Ralph Waldo Emerson chủ trương tập san Siêu việt chủ nghĩa *The Dial*, đăng bài về văn học, triết học và tôn giáo..

1850 Emerson, người phát ngôn của chủ nghĩa Siêu việt, nói về một "tinh thần phổ quát" tự biểu lộ nó qua cuộc đời những thiên tài như Plato và Shakespeare.

1854 Phán thưởng cho lối sống đơn giản hòa mình vào tự nhiên được Henry David Thoreau miêu tả trong *Walden; hay Một mình sống trong rừng*.

SAU ĐÓ

1861–65 Nhà thơ Mỹ vĩ đại Emily Dickinson trải qua giai đoạn sáng tác sung mãn nhất. Thơ của bà hòa trộn âm hưởng Siêu việt với nỗi rợn ngợp trước sự bao la của vũ trụ.

HÃY ĐỂ LINH HỒN TĨNH LẠNH TRƯỚC MỘT TRIỆU VŨ TRỤ

LÁ CỎ (1855), WALT WHITMAN

Trào lưu Siêu việt trỗi dậy mạnh ở Hoa Kỳ vào giữa thế kỷ 19, lấy cảm hứng từ tu tưởng siêu nghiệm của Kant, cho rằng mối quan tâm của tri thức "không nằm ở sự vật, mà nằm ở cách ta tri nhận sự vật". Sự kết hợp này giữa chất trí tuệ và siêu hình – cộng với sự ca tụng thân xác, tinh dục và tự nhiên – chính là đặc trưng trong sáng tác của nhà thơ Mỹ Walt Whitman (1819–92) và các cây bút Siêu việt khác.

Ngoại ca thể xác và linh hồn

Tập thơ *Lá cỏ* của Whitman có những bài như "Tôi hát lên dòng điện thân xác", trong đó ngoài việc tôn vinh linh hồn, ông bày tỏ khao khát muốn giải thoát người Mỹ khỏi sự xấu hổ trước thể xác, khuyến khích khuynh hướng quân bình chủ nghĩa và đề cao sự nối kết giữa người với người. "Bài ca về tôi" là khúc tụng ca toàn thể nhân loại: nhà thơ tưởng tượng mình quay trở về vòng tuần hoàn của tự nhiên. Bằng nhịp thơ thoi miên huyền hoặc, Whitman say đắm trong những cảm xúc giác quan: "Tôi sẽ đến bờ nước khu rừng, trần trụi không che giấu, /

Tôi điên dại mong nó hòa mình cùng tôi."

Whitman say mê tự nhiên và những vòng tuần hoàn của nó, mà theo ông trong đó đã ẩn chứa sự tồn tại hiển nhiên của Thiên Chúa. Ông có cùng quan điểm như nhà thơ Emerson, cho rằng nhân loại về thiên bẩm là thiện hảo, một tu tưởng đã trở thành đặc trưng của chủ nghĩa Siêu việt. Những bài sau này được cho vào tập thơ, như "Chú nhện nhả nện lặng thâm", còn cho thấy một cảm hứng thần bí trước "những đại dương vô bờ của không gian". ■

“

Đây là cỏ mọc nơi nào có đất
và nước / Đây là bầu khí
chung tưới tắm khắp địa cầu.
"Bài ca về tôi"

”

Xem thêm: *Những khúc ballad trữ tình 110*



BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM Truyện nô lệ

TRƯỚC ĐÓ

1789 *Chuyện đời thú vị của Olaudah Equiano, hay Gustavus Vassa người Phi châu* được xuất bản ở Anh; nó là câu chuyện qua lời kể của một cậu bé nô lệ người Benin (Nigeria ngày nay).

SAU ĐÓ

1853 Tụ truyện *Mười hai năm nô lệ* của Solomon Northup khắc họa cuộc sống tương phản của người da đen tự do ở miền Bắc và nô lệ da đen ở miền Nam Hoa Kỳ.

1861 Trong *Những sự kiện trong đời một cô gái nô lệ*, cậu nô lệ Harriet Jacobs tập trung vào trải nghiệm của nữ nô lệ.

1979 Trong tiểu thuyết *Họ hàng*, một truyện nô lệ kiểu mới của Octavia E. Butler, nhân vật chính du hành thời gian giữa California ngày nay và Maryland thời tiền Nội chiến ở Hoa Kỳ.

BẠN ĐÃ THẤY MỘT CON NGƯỜI TRỞ THÀNH NÔ LỆ NHƯ THẾ NÀO, GIỜ HÃY XEM CON ĐƯỜNG MỘT NÔ LỆ TRỞ LẠI LÀM NGƯỜI

CHUYỆN ĐỜI *FREDERICK DOUGLASS* (1845), FREDERICK DOUGLASS

Trong những thập niên trước cuộc Nội chiến Mỹ (1861–65), có khoảng bốn triệu nô lệ ở các bang miền Nam Hoa Kỳ, trong khi các nhà vận động bãi nô ở miền Bắc đấu tranh để chấm dứt hoạt động phi nhân này. Năm 1841, Frederick Douglass – một nô lệ người lai trốn sang miền Bắc – được mời đến tọa đàm ở Massachusetts của Hội Chống Chiếm nô để nói về chủ đề này, và nổi lên như một tiếng nói đầy sức nặng. Về sau ông kể lại chuyện đời mình trong một cuốn sách bán được 5.000 bản trong vòng bốn tháng sau khi ra mắt năm 1845, trở thành khuôn mẫu cho thể loại truyện nô lệ trong văn học Mỹ. Trong sách, Douglass nêu

lên câu hỏi, “Một người trở thành nô lệ như thế nào?”. Ông kể chuyện mình bị tước đoạt khỏi người mẹ khi chưa đầy một tuổi. Lúc nào cũng đói và lạnh, ông đã thấy đám cai quát roi các lao động nam vì những lý do nhỏ nhặt nhất. Chúng kiến nô lệ bị giết hại vì không nghe lời, chàng trai trẻ Frederick nhận ra rằng “giết một nô lệ hay một người da màu... không bị xem là tội ác, dù là dưới góc nhìn của tòa án hay của cộng đồng”.

Văn học là sự giải phóng

Được Cơ quan Chống Chiếm nô xuất bản, với hai nhà vận động bãi nô hàng đầu viết lời tựa, *Chuyện đời Frederick Douglass, một nô lệ Mỹ* phân nào được viết cho hợp mục đích vận động bãi nô. Bằng thủ ngôn ngữ trôi chảy cuốn hút xen nhiều hình ảnh Kinh Thánh, người nô lệ đào tẩu này đã lột trần nhiều huyền thoại do miền Nam thêu dệt, chẳng hạn như trí tuệ thiếu năng của người da đen, hay bản chất tốt lành của việc chiếm hữu nô lệ. Ông kết luận Cơ Đốc giáo ở miền Nam “thuần túy là lớp màn che đậy những tội ác ghê tởm nhất, một chiêu bài biện minh cho sự dã man kinh khủng nhất...”.

Trong diễn tiến truyện, Douglass nêu câu hỏi “Một nô lệ được trở thành người như thế nào?”. Ông trả



Đây là một công việc mới mẻ, lăm lem và khó nhọc đối với tôi; nhưng tôi đến với nó bằng trái tim tươi vui và đôi tay sẵn sàng. Tôi giờ đây là ông chủ của chính mình.

*Chuyện đời
Frederick Douglass*



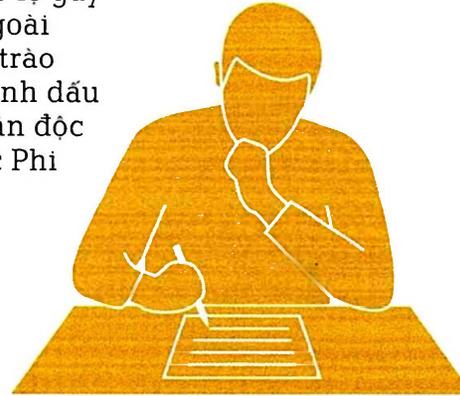
Xem thêm: *Túp lều bác Tom* 153 ▪ *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* 188–89 ▪ *Người vô hình* 259 ▪ *Yêu dấu* 306–09

lời câu hỏi này bằng cách xây dựng câu chuyện đời mình như một cuốn truyện bom nghịch về quá trình thành nhân. Lúc còn là một cậu bé, Frederick được một cô giáo dạy đọc và viết; ông nhanh chóng nắm bắt được sức mạnh của ngôn từ trong việc phơi bày sự bất công và mở khóa bản ngã tương lai của mình. Dù sau đó không được dạy sâu hơn, ông tiếp tục học hỏi từ đám thiếu niên da trắng nhà nghèo và những công nhân đồng nghiệp của mình. Bước ngoặt xảy ra vào năm ông 16 tuổi, khi ông đánh thắng một tay cai nô tàn bạo: một cảm thức mạnh mẽ về sự khám phá bản thân hiện hiện xuyên suốt phần còn lại trong câu chuyện thành nhân của ông.

Ảnh hưởng dài lâu

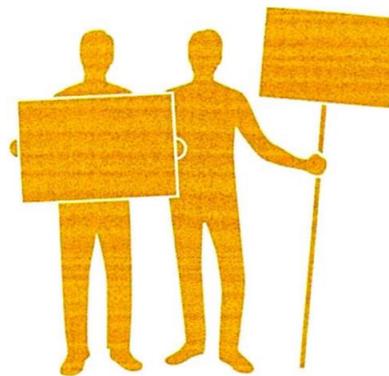
Sau Nội chiến Mỹ, mối quan tâm dành cho truyện nô lệ lắng dần. Dầu vậy, ngôn ngữ và cảm xúc của dòng văn này nổi lên trở lại vào giữa thế kỷ 20 trong các bài hùng biện của những nhà hoạt động vì dân quyền như Martin Luther King. Truyện nô lệ trở thành trọng tâm trong nền văn học của người da đen, một bộ phận của kho tàng văn học kinh điển Mỹ. ■

Truyện kể của các nô lệ gây một hiệu ứng kép: ngoài việc thúc đẩy phong trào bãi nô, chúng còn đánh dấu sự ra đời của dòng văn độc đáo do người Mỹ gốc Phi sáng tác.



Viết ra sự thật

Những nô lệ đào tẩu sang miền Bắc kể lại những câu chuyện buốt nhói hé lộ mọi bất công và tàn bạo mà họ phải chịu trong đời mình.



Tuyên truyền

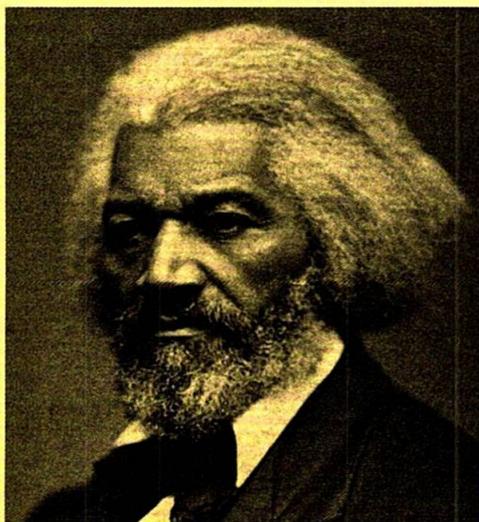
Được đọc rộng rãi, truyện nô lệ là công cụ tuyên truyền đầy sức mạnh cho phong trào bãi nô và các hiệp hội chống chiếm nô.



Tim thấy tiếng nói

Những câu chuyện này trao tiếng nói và lịch sử cho những con người đã phải cảm lạnh vì chế độ chiếm nô.

Frederick Douglass



Là con của Harriet Bailey và một người da trắng không rõ danh tính, Frederick Augustus Washington Bailey, sinh ra đã là nô lệ, ra đời tại Maryland vào tháng 2, 1818. Ở tuổi 20, ông trốn đến New York rồi cưới Anna Murray, một phụ nữ da đen tự do. Họ có năm người con.

Chuyến đến Massachusetts, Frederick đổi sang họ Douglass để tránh bị bắt; ông thường phát biểu tại các tọa đàm bãi nô. Ông cũng thuyết trình tại Anh, nơi bạn bè ông đã gây quỹ giúp ông chuộc mình khỏi kiếp nô lệ vào năm 1846 tại Baltimore. Douglass định cư ở New York, xuất bản báo, giúp đỡ các nô

lệ đào tẩu và mộ lính da đen cho phe miền Bắc. Sau khi vợ qua đời, ông tục huyền với biên tập viên, nhà nữ quyền Helen Pitts, một phụ nữ da trắng. Douglass sau thành cảnh sát trưởng Đặc khu Columbia và là tổng lãnh sự Mỹ ở Haiti. Ông qua đời tại Washington, D.C. năm 1895.

Tác phẩm chính khác

1855 *Xiềng xích của tôi và tự do của tôi*

1881 *Cuộc đời và thời đại của Frederick Douglass* (chỉnh sửa năm 1892)

TÔI KHÔNG PHẢI LÀ CHIM; VÀ KHÔNG LƯỚI NÀO BẦY ĐƯỢC TÔI

JANE EYRE (1847), CHARLOTTE BRONTË



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa nữ quyền Victoria

SAU ĐÓ

1847 Emily Brontë ra mắt *Đinh Gió Hú*, đi vào những vấn đề nữ quyền như giới, đời sống gia đình và địa vị người phụ nữ trong xã hội Victoria.

1853 Xuất bản *Villette* của Charlotte Brontë. Tác giả trở lại với những chủ đề thời đầu của mình (sự tự quyết, bản sắc và sự độc lập của phụ nữ) khi văn phong đã chín muồi hơn.

1860 *Lò xay bên sông Floss* của George Eliot khắc họa mâu thuẫn giữa sự phát triển trí tuệ của nữ giới với quan niệm về nghĩa vụ gia đình.

1892 Charlotte Perkins Gilman ra mắt "Giấy dán tường vàng", một truyện ngắn thời đầu của văn học nữ quyền Mỹ lột tả sức khỏe tinh thần của phụ nữ dưới sự đè nén của chế độ gia trưởng.

Khi *Jane Eyre* được xuất bản lần đầu năm 1847, nó ghi danh tác giả là Currer Bell, bút danh Charlotte Brontë dùng để che giấu giới tính của mình (thời đó sáng tác của các cây bút nữ lắm khi bị giới phê bình xem là thú văn hạng hai). Cuốn sách còn có tiêu đề phụ là *Tự truyện*, cho thấy nó lấy cảm hứng từ dòng văn Bildungsroman ("tiểu thuyết thành nhân") của Đức thế kỷ 19. Trong những câu chuyện loại này, người đọc thường được dõi theo cuộc đời của các nhân vật chính từ thuở ấu thơ, vượt bao khó khăn để vươn tới tuổi trưởng thành. Đặc biệt, sự phát triển của cái tôi và bản sắc cá nhân thường được thể hiện thông qua các nhân

Xem thêm: *Đình Gió Hù* 132–37 ▪ *Middlemarch* 182–83 ▪ *Núi thần* 224–27 ▪ *Biển Sargasso rộng lớn* 290

Lâu đài Haddon, dinh thự Trung cổ tráng lệ ở Derbyshire, Anh, được dùng làm bối cảnh hu cấu Lâu đài Thornfield trong hai phiên bản chuyển thể điện ảnh của *Jane Eyre*.

vật nam, bởi thời bấy giờ phụ nữ nhìn chung bị xem là thiếu chiều sâu. Nét cấp tiến của *Jane Eyre* so với thời đại của nó nằm ở chỗ nó cho rằng phụ nữ cũng có một nội tâm phức tạp tương đương nam giới, thay vì chỉ có vẻ đẹp bề ngoài nông cạn.

Phát triển nhân vật

Nhân vật nữ chính giản dị, đam mê và thông minh của Brontë khiến người đọc say mê dõi theo sự phát triển cảm xúc và các mối quan hệ của nàng, qua đó thấu cảm và đồng cảm với cảnh ngộ của những phụ nữ cùng một giai tầng với nàng, cũng như những bất công cuộc đời mà các cô gái trẻ và phụ nữ nói chung gặp phải. Không như nhiều tác giả nam cùng thời hay khắc họa nhân vật nữ như những hình mẫu chung tuông trung cho cái đẹp thẩm mỹ và luân lý, trong tác phẩm này, không có cái nhìn ngưỡng mộ xa



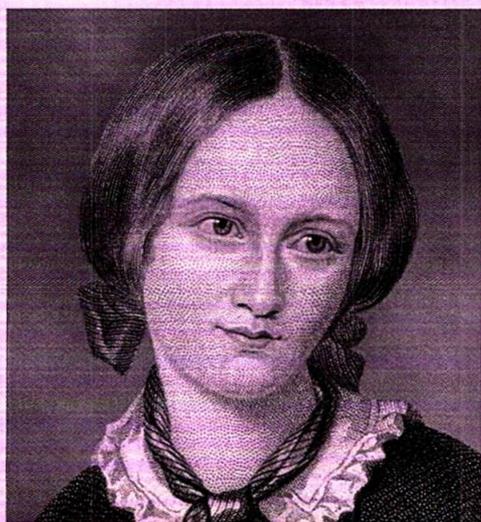
cách "rập khuôn" nhu vậy cho nhân vật Jane.

Cuốn sách kể lại câu chuyện về Jane Eyre, từ thời thơ ấu mồ côi được người mợ nhận nuôi, sau đi học ở viện dục anh Lowood, đến khi trở thành nữ gia sư ở Lâu đài Thornfield, một trang thụ miền quê. Brontë khắc họa con người ba chiều phức tạp của Jane, khiến độc giả dành tình cảm cho nàng, cảm thương tuổi thơ bị ngược đãi của nàng, rồi đến những bất công nàng phải chịu sau này, không có được cho mình sự tự do tự lập. Khao khát tự do và nỗi khắc

khỏi vươn lên của Jane được thể hiện bằng chất văn nói loạn trong nhiều đoạn văn đáng nhớ.

Ở Lâu đài Thornfield, Jane gặp gỡ (rời yêu) ông Rochester, chủ nhân lâu đài, một con người bí ẩn. Yêu ông, nàng cùng sa vào một tình huống phức tạp – người vợ đầu của ông, Bertha Mason, bị mất trí và phải sống trên tầng áp mái của tòa nhà. Không thể kết hôn với Rochester, Jane rời Thornfield ra đi, không xu dính túi, nhưng rồi số phận đã đem đến cho nàng một gia tài và đưa nàng trở về với Rochester.

Charlotte Brontë



Sinh ngày 21 tháng 4, 1816 ở Yorkshire, Anh, Charlotte Brontë là con gái thứ ba của mục sư Patrick Brontë và Maria Branwell vợ ông. Năm 1824, Charlotte cùng hai chị, Maria và Elizabeth, và em gái Emily được gửi đi học ở một trường nội trú, nơi sau đó phát dịch thương hàn do điều kiện vệ sinh nghèo nàn. Với Charlotte, đây chính là nguyên nhân khiến hai người chị của bà sớm qua đời, và bà đã dùng trải nghiệm ở đây làm nền tảng xây dựng hình ảnh Viện Lowood trong *Jane Eyre*.

Nghề nghiệp của Charlotte là dạy học, đôi khi là tại gia. Tiểu

thuyết đầu tay của bà *Ngài giáo sư* bị từ chối, chỉ được in sau khi bà qua đời. Sau thành công tức khắc của *Jane Eyre* năm 1847 là những bi kịch khi em trai Branwell cùng hai em gái Emily và Anne nói nhau qua đời. Sáu người con nhà Brontë chỉ còn mình bà. Bà lấy mục sư A. B. Nicholls năm 1854, rồi qua đời khi trở dạ tháng 3 năm sau đó.

Tác phẩm chính khác

1849 *Shirley*

1853 *Villette*

1857 *Ngài giáo sư*

Một số nhà nữ quyền xem Bertha Mason – người vợ mất trí bị giam cầm của Edward Rochester, ông chủ của Jane – là hình ảnh phản chiếu ẩn dụ của Jane cũng như địa vị của bà trong xã hội. Với Jane, Bertha Mason là vai phản diện, nhưng ta có thể xem bà như song trùng kiểu Gothic về mặt tâm lý của nàng, một phiên bản nữ quyền luận của “ngài Jekyll và ông Hyde” do Robert Louis Stevenson sáng tạo nên.

Jane nghe thấy những giọng nói.

Từ thơ ấu đến lúc thiếu nữ, Jane luôn được dạy phải biết đè nén cảm xúc.

Jane phản ứng “như một con mèo điên” khi bị bà mợ nhốt trong phòng lúc nhỏ.

Jane bị giam cầm trong cuộc sống nội trợ.



Jane Eyre

Bertha Mason

Bertha bị coi là điên.

Bertha phát tiết sự giận dữ, đam mê và những cảm xúc rối ren của bà.

Bertha gào rú “như con thú hoang kỳ lạ”.

Bertha bị giam cầm theo nghĩa đen.

Nó lệ trong gia đình

Câu chuyện lôi cuốn về Jane Eyre vượt xa tầm vóc của một tiểu thuyết Bildungsroman Anh thông thường. Brontë đã hòa vào đó diễn ngôn chống “chế độ nô lệ” mang tính cách mạng trong những tiểu luận chính trị thế kỷ 19 mà bà và các em gái vẫn thường đọc. Trong *Jane Eyre*, thú ngôn ngữ chính trị này không bàn đến nhân loại nói chung, mà chỉ đề cập cụ thể đến nữ giới tầng lớp trung lưu trong xã hội thời Victoria và những ràng buộc của đời sống gia đình vận lên cuộc đời họ. Trong một đoạn giàu cảm xúc bậc nhất của cuốn tiểu thuyết, Jane nói với người đọc rằng phụ nữ “cùng khổ sở trước sự đè nén quá khắc nghiệt, sự trị trệ quá độc đoán hết nhu đàn ông; và sẽ thật thiếu cặn nếu đàn ông, những người có nhiều đặc quyền đặc lợi hơn, cho rằng thiên

chức của phụ nữ chỉ gói gọn trong việc làm bánh pudding, đan tất, chơi piano và thêu túi”. Lời kêu gọi bình đẳng giới này hiện diện xuyên suốt cuốn tiểu thuyết trong câu chuyện của Jane Eyre, một phụ nữ mong mỏi tự do, độc lập và hành động.

Khía cạnh nữ quyền này của cuốn tiểu thuyết đã không bị những người cùng thời với Brontë bỏ qua. Dù thoát đầu có nhiều luồng ý kiến ca ngợi tác phẩm, một số người vẫn chỉ trích nội dung quá cấp tiến của nó, xem góc nhìn về cảnh ngộ nữ giới của nó “không phải là góc nhìn của phụ nữ”. Dầu vậy, Jane Eyre nhanh chóng trở thành nhân vật nữ gây ảnh hưởng bậc nhất trong nền văn học lúc bấy giờ. Sau khi cuốn tiểu thuyết được xuất bản, một thể loại nữ chính mới nổi lên trong văn học thời Victoria – những con người giản dị, nổi loạn

và thông minh, tương phản với mẫu phụ nữ thụ động, ngọt ngào, xinh đẹp, gắn liền với cuộc sống gia đình mà những nam nhà văn như Charles Dickens và William Makepeace Thackeray thường xây dựng.

Không gian của nữ giới

Jane Eyre đã mở ra cánh cửa cho những nhà văn nữ cùng thời tìm hiểu về giới hạn trong cuộc sống của phụ nữ, cũng như khao khát bình đẳng của họ. Đây là chủ đề nổi bật trong nhiều tác phẩm vĩ đại của thời Victoria. Lấy ví dụ, *Middlemarch* của George Eliot đã phê phán chế độ gia trưởng và mặt vô đạo đức của nó, hướng người đọc đến những mộng ước vô tan của phụ nữ. Cái hiện thực của trách nhiệm gia đình chi phối cuộc sống của phụ nữ mà Brontë đã đưa vào tiểu thuyết thời Victoria thông qua không gian gia

đình giàu sức gọi trong *Jane Eyre* tiếp tục ám ảnh nhiều cây bút nữ xuyên suốt thế kỷ 19.

Nhiều nhà nữ quyền đọc *Jane Eyre* chú ý đến một số không gian trọng yếu, như những căn phòng đặc biệt, những khung cửa sổ, và nhất là cái tầng áp mái khét tiếng ở Lâu đài Thornfield, nơi Edward Rochester, người Jane yêu, nhốt người vợ đầu "mất trí" của ông. Không gian gia đình thường gọi so sánh mật thiết đến cơ thể nữ giới và chính bản thân người nữ, và đây là lý do mà nhiều truyện của tác giả nữ đương thời thường đầy rẫy chi tiết mô tả không gian trong nhà. Các nhà phê bình nữ quyền luận cho rằng đây là những phương thức biểu hiện tự nhiên cho cách phụ nữ phản ứng trước những giới hạn khắc nghiệt và ý thức hệ về giới thời bấy giờ.

Điên rồ và hoang dại

Jane là một phụ nữ không cam chịu cuộc đời bó hẹp dành cho nữ giới thời Victoria, luôn chống lại cái không gian trong nhà tù hãm mà nàng muốn thoát khỏi. Đã có những phút sống gió trong mối quan hệ của họ khi mà Rochester gọi Jane là "một sinh vật hoang dại tự do kiên quyết", và "Dù tôi có làm gì với cái lông, tôi cũng không thể có được nó – sinh vật đẹp đẽ hoang dại kia!". Cách gọi Jane là một sinh vật "hoang dại" trong lồng cũng rất hợp để nói về người vợ đầu của ông, Bertha, bị giam trong lồng theo nghĩa đen nơi tầng áp mái của căn nhà. Chúng điên của Bertha là hình ảnh tượng trưng cho những câu thúc áp lên cuộc đời người phụ nữ, là hình ảnh phản chiếu cho cảm giác bị cầm tù suốt cuộc đời mình trong tâm hồn Jane. Bertha chính là sự khắc họa chân thực cục đơan nhất về điều xảy ra với phụ nữ thế kỷ 19 khi họ lập gia đình và đánh mất bản sắc cá nhân của mình; bà không chỉ là ẩn dụ hay là tấm gương phản



Người ta thường cho rằng phụ nữ phải hết sức nhu mì; nhưng cảm xúc của phụ nữ cũng không khác gì đàn ông; phụ nữ cũng cần rèn luyện tài năng họ có, cũng cần không gian cho những nỗ lực của họ hết nhu đàn ông.

Jane Eyre



chiếu cảm giác gò bó và giận dữ trong Jane, mà còn tượng trưng cho sự "mất trí" trước một đời bị đè nén.

Nhiều tác giả sau này đã xây dựng những phiên bản nữ quyền luận chi tiết hơn về những cánh ngợ tương tự cuộc đời Bertha. Khi nhà văn Mỹ Charlotte Perkins Gilman ra mắt truyện ngắn nữ quyền luận "Giấy dán tường vàng" năm 1892, bà đã khai triển diễn giải của Brontë về sự mất trí của Bertha bằng cách đặt dấu hỏi trước sự áp bức phụ nữ ở khía cạnh y tế và văn hóa trong

một xã hội gia trưởng. Trong tiểu thuyết được đón nhận rộng rãi *Biển Sargasso rộng lớn* năm 1966, nhà văn Anh gốc Dominica Jean Rhys kể lại câu chuyện của Bertha dưới một góc nhìn khác: Bertha (tên thật là Antoinette), một phụ nữ Creole ở xứ thuộc địa Jamaica, kết hôn với một người Anh, theo người đó đến nước Anh, bị mắc kẹt trong một xã hội gia trưởng áp bức, đánh mất bản sắc của mình và hóa điên.

Không phải điên, mà là bị mắc kẹt

Từ góc nhìn nữ quyền luận, hình ảnh song trùng kia của Jane không hề "điên", mà là bị cầm cán tự do – như mọi phụ nữ khác. Dưới ánh sáng này, câu nói đầy cảm xúc mà Jane nói với Rochester, rằng "Tôi không phải là chim; và không lưới nào bẫy được tôi: tôi là một con người tự do với ý chí độc lập" trở thành lời nhắc nhở buốt nhói về những tấm lưới xã hội đã đánh bẫy người phụ nữ trong thế kỷ 19, gây nên những vết thương tâm lý điên loạn cho họ. Khi viết *Jane Eyre*, có lẽ chính Brontë cũng không ý thức được mình đã tạo ra không chỉ một mà đến hai biểu tượng nữ quyền: một là Jane, và hai là "Người đàn bà điên trên tầng áp mái". ■

Người đàn bà điên trên tầng áp mái

Tác phẩm nữ quyền luận về *Jane Eyre* nổi tiếng nhất là *Người đàn bà điên trên tầng áp mái* của các học giả Mỹ Sandra M. Gilbert và Susan Gubar. Ra mắt năm 1979, cuốn sách này lấy tựa đề từ *Jane Eyre*, đào sâu vào cuốn tiểu thuyết của Brontë bên cạnh tác phẩm của các cây bút nữ cùng thời như Jane Austen, Mary Shelley, Emily Brontë, George Eliot, Elizabeth Barrett Browning, Christina Rossetti và Emily Dickinson.

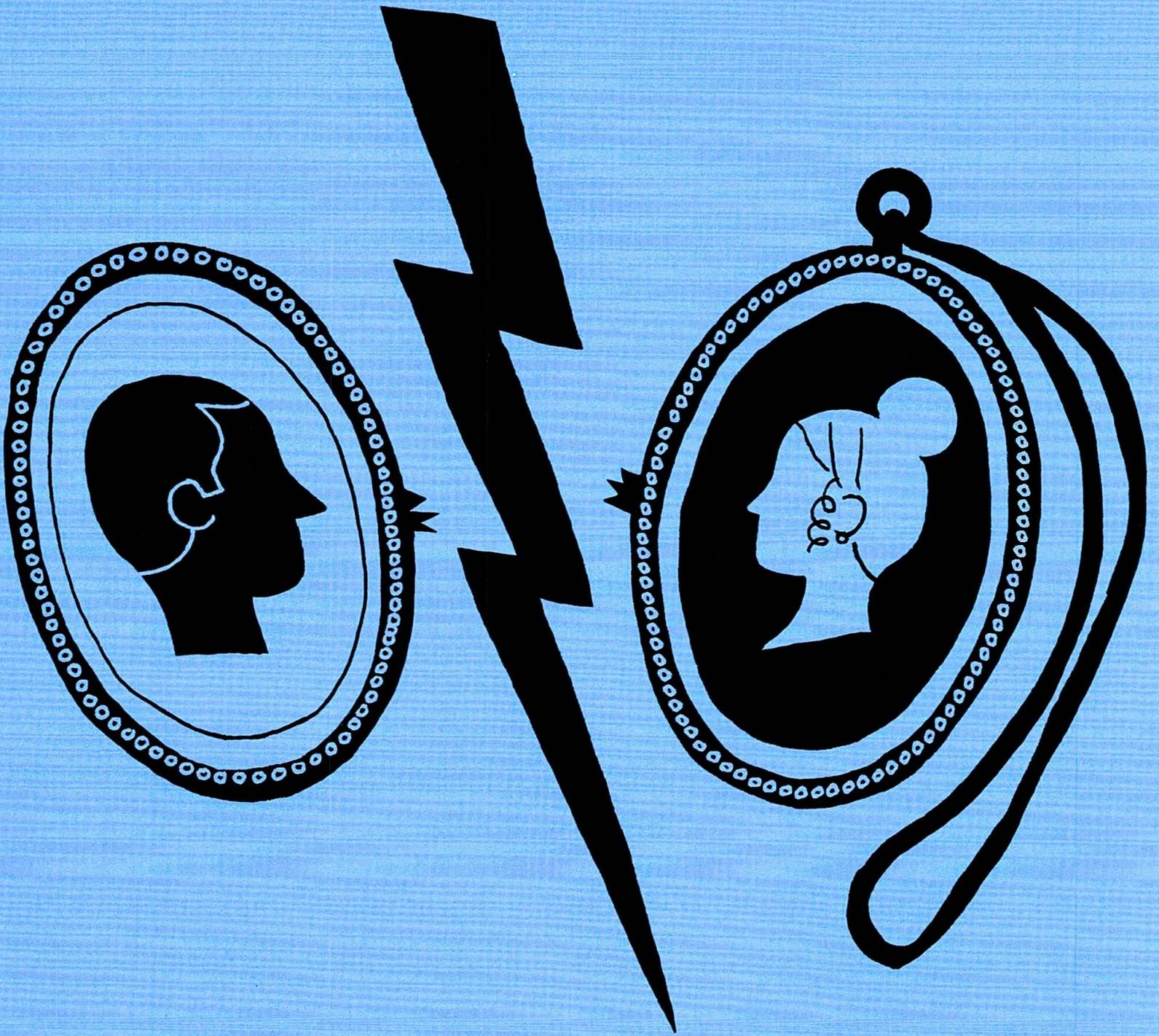
Trọng tâm phân tích chính của họ là về khái niệm "mất trí" trong tương quan với những kim kẹp về cảm xúc, tâm lý và thể xác mà phụ nữ thế kỷ 19 phải chịu.

Các tác giả cho rằng những nam nhà văn thế kỷ 19 thường khắc họa phụ nữ hoặc là thiên thần hoặc như ác quỷ; nổi bật an trước sự rập khuôn này được các cây bút nữ thể hiện qua những nhân vật nữ hoặc là cam chịu, hoặc là mất trí hoàn toàn.



**ANH KHÔNG THỂ
SỐNG THIẾU CUỘC ĐỜI ANH!
ANH KHÔNG THỂ SỐNG THIẾU
LINH HỒN ANH!**

ĐỈNH GIÓ HÚ (1847),
EMILY BRONTË



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện Gothic thời Victoria

TRƯỚC ĐÓ

1837–39 *Oliver Twist* của Charles Dickens đem cái không khí u ám của truyện Gothic thời kỳ đầu đến những con đường ở London.

1840 Edgar Allan Poe viết truyện về những mối quan hệ dữ dội, hòa lẫn các chủ đề Gothic: những ngôi nhà tàn tạ, đáng sợ; hồn ma; và xác chết sống dậy.

1847 Xuất bản *Jane Eyre* của Charlotte Brontë: chủ đề về sự giam hãm và ngược đãi trong gia đình của tác phẩm này được phản chiếu trong *Đình Gió Hú*.

SAU ĐÓ

1852–53 Charles Dickens viết *Nhà Lạnh*, thay những lâu đài Gothic đổ nát thời trước bằng những khu ổ chuột London, phát triển dòng văn Gothic thành thị Victoria.

Đình Gió Hú của Emily Brontë được công nhận là một trong những chuyện tình nổi tiếng nhất trong văn hóa phương Tây. Tuy nhiên nhận định này hàm chứa bất cập: dù mối tình mãnh liệt và oan nghiệt của hai nhân vật chính, Catherine và Heathcliff, chắc chắn là thu hút, độc giả sớm nhận ra cuốn tiểu thuyết này nói về bạo lực, sự ám ảnh và ngược đãi, hoàn toàn không phải chuyện tình cảm lãng mạn. Trong cuốn sách này, Emily Brontë mở rộng và đào sâu lại các chủ đề Gothic theo cách thức phơi bày những mối quan ngại về giới, giai cấp, sự nghèo khổ và đời sống gia đình thời Victoria.

Huyền thoại trên những cánh đồng hoang

Câu chuyện trong cuốn tiểu thuyết là về sự báo thù, phụ thuộc và khao khát đam mê, xảy ra xoay quanh một dinh thự gọi là Đình Gió Hú, trên phòng nền khô cằn của những cánh đồng hoang miền Yorkshire. Nó lần theo cuộc đời nhân vật phản anh hùng Heathcliff, một đứa trẻ đường phố mồ côi ở Liverpool được nhà Earnshaw nhận nuôi. Heathcliff lớn lên cùng cô con gái Catherine và cậu con trai Hindley của gia



“
 Ôi tôi đang bốc cháy! Tôi ước mình được ở ngoài những cánh cửa kia – tôi ước mình lại là con gái, nửa man dã và cứng cỏi, và tự do.

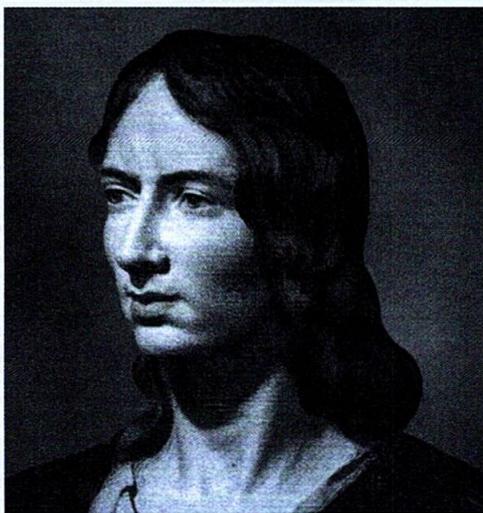
Đình Gió Hú



đình. Cuốn sách kể lại mối quan hệ phức tạp giữa họ, những tranh chấp quyền lực sau này, mất mát của Heathcliff khi người bạn lòng Catherine lấy Edgar Linton, và sự trả thù mà gã đã thực hiện.

Cuốn tiểu thuyết sử dụng cấu trúc truyện khung – gồm một tuyến truyện riêng rẽ bao hàm câu chuyện chính. Truyện khung ở đây kể về chuyến viếng thăm của một quý ông tên Lockwood tới Đình Gió Hú; ở đó ông đã nhìn thấy hồn ma của Catherine, khiến ông kinh sợ sâu sắc, nên ông nằng nặc bắt Nelly Dean, người hầu cũ của Catherine, kể lại lịch sử của ngôi nhà. Câu chuyện Nelly kể mở ra

Emily Brontë



Sinh ngày 30 tháng 7, 1818, Emily Brontë là con gái thứ năm của mục sư Patrick Brontë. Gia đình bà sống ở làng Haworth, nơi rìa bãi đồng hoang ở Yorkshire, một địa điểm đã gây ảnh hưởng sâu sắc lên sáng tác của Emily và các chị em bà, Charlotte và Anne.

Sau khi người mẹ qua đời năm 1821, đến năm 1824, bà cùng các chị em mình được gửi đến Lancashire theo học Trường nữ thực cho con cái Giáo sĩ. Sau khi hai người chị lớn Elizabeth và Maria qua đời vì bệnh thương hàn, ba cô gái còn lại trở về nhà. Về sau, ở Haworth, họ quyết định

bắt đầu in tác phẩm của mình dưới bút danh nam; Emily lấy tên “Ellis Bell”. Tiểu thuyết duy nhất được xuất bản của bà là *Đình Gió Hú* (1847), ngoài ra bà và các chị em mình còn có một tập thơ chung ra mắt một năm trước đó. Đáng buồn là Emily không bao giờ được chứng kiến thành công của cuốn tiểu thuyết – bà mất vì bệnh lao chỉ một năm sau khi nó ra đời.

Tác phẩm chính khác

1846 *Tho của Curren, Ellis và Acton Bell*

Xem thêm: Jane Eyre 128–31 ▪ Nhà Lạnh 146–49 ▪ Oliver Twist 151 ▪ Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc 152 ▪ Những kỳ vọng lớn lao 198

trước mắt chúng ta nhu nó mở ra với Lockwood.

Đình Gió Hú không đạt thành công tức thời khi nó ra mắt năm 1847, có lẽ vì những tâm hồn nhạy cảm thời Victoria không thể quen được với cái đam mê bất kham và sự tàn bạo của nó. Nhưng quan điểm công chúng sau này đã xoay chiều khi tác phẩm được giới phê bình tôn vinh. Tiểu luận viết về nó năm 1916 của Virginia Woolf đánh dấu bước ngoặt trong việc diễn giải nó. Woolf mô tả cuốn sách như một câu chuyện cổ tích, một huyền thoại vượt thời gian trong bản chất. Cách nhìn nhận này về cuốn tiểu thuyết trở nên phổ biến cho đến ngày nay; tuy nhiên, có vẻ như nó đã bỏ qua hoặc xem nhẹ tầm quan trọng trong việc Brontë sử dụng ước lệ Gothic trong văn bà, cũng như mối quan hệ của tác phẩm với văn học nói chung và những vấn đề trong thời đại của nó.

Chủ đề Gothic

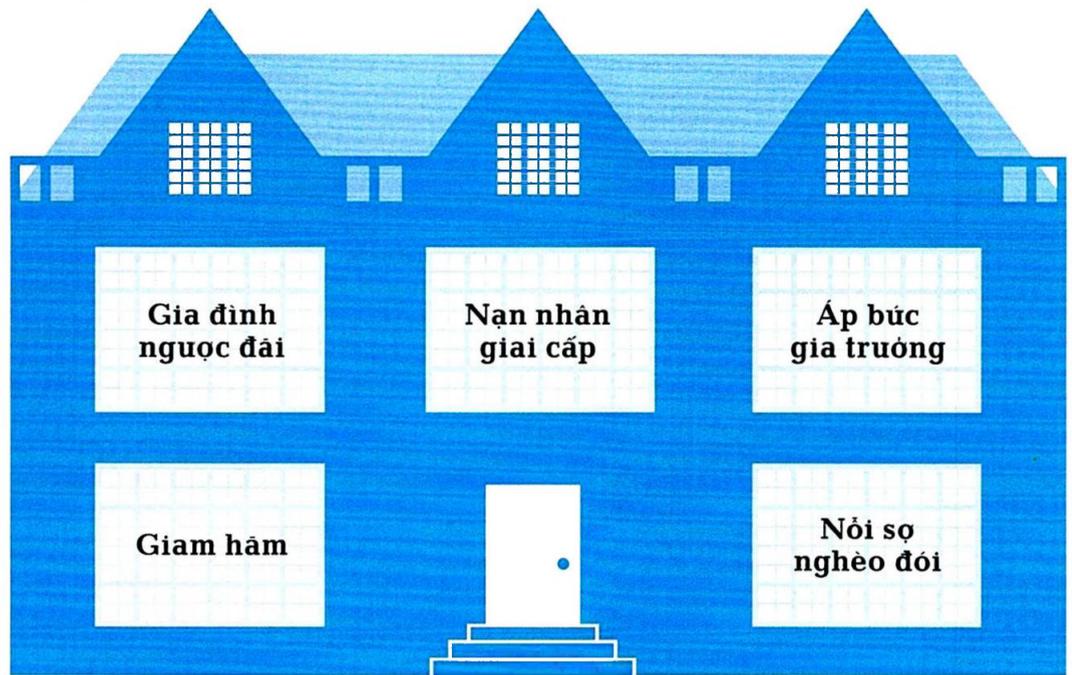
Nét đặc biệt nổi bật của *Đình Gió Hú* nằm ở cái cách nó vận dụng chủ đề Gothic thời Victoria. Những nhà văn khác lúc bấy giờ, như Charles Dickens, sử dụng

“

Nỗi kinh hoàng khiến tôi thành tàn bạo; thấy rằng có cố rừ sinh vật kia ra thế nào cũng vô vọng, tôi kéo cổ tay nó vào tấm kính vỡ, cạ vào đó tới lui cho tới khi máu chảy xuống ướt đầm cả vải giường.

Đình Gió Hú

”



Ngôi nhà trong *Đình Gió Hú* tượng trưng cho sự náo loạn của câu chuyện, cũng như những cảm xúc rối ren của các nhân vật chính. Thay vì là tổ ấm che chở trước mưa gió cuộc đời, nhà ở đây lại biến thành khung cảnh Gothic của những ngược đãi, hãi sợ, tù ngục, lạm dụng và áp bức.

yếu tố Gothic trong tiểu thuyết hiện thực, qua đó tăng thêm chiều sâu cho các chủ đề, phong cách và nội hàm gắn liền với văn học Gothic so kỳ. Thay vì những lâu đài Trung cổ tàn tạ, Dickens khắc họa những khung cảnh đô thị xập xệ, đầy rẫy nghèo đói và bóc lột. Thay cho những trang thụ đáng sợ nuốt chửng những nạn nhân của nó, Dickens phơi bày sự ngược đãi kinh khiếp xảy ra bên ngoài mái ấm gia đình, trên những con đường ứ đọng của London.

Đi xa hơn Dickens, Brontë đã mở rộng dòng văn Gothic thông qua nhân vật Heathcliff, người được đưa về *Đình Gió Hú* khi còn là một cậu bé. Khi mới về nhà, và xuyên suốt câu chuyện về sau, Heathcliff luôn bị nhắc đến như “dân di-gan”. Thời Victoria, từ “gypsy” (di-gan) mang một vài hàm ý: nó ám chỉ ai đó thuộc một chủng tộc khác, và cũng được dùng để lăng nhục những kẻ lang thang không nhà, những kẻ khiến người khác e sợ.

Chiều kích phức tạp hơn trong cách Brontë xử lý chủ đề Gothic còn thể hiện rõ nét trong cách bà khắc họa những xung đột nội tâm của các nhân vật. Lấy ví dụ, khi Catherine buộc phải chọn giữa Heathcliff và Linton, cô đã mất ngủ suốt ba ngày liền, không còn có thể phân biệt mơ thực.

Chất trang nghiêm thời Victoria

Khác biệt chủng tộc và sự nghèo khổ của giai cấp công nhân là những mối quan tâm chính yếu của người thời Victoria. Họ đã tỏ vẻ nên ý niệm về sự trang nghiêm và bản sắc dân tộc Anh thông qua hình ảnh không gian gia đình được lý tưởng hóa của tầng lớp trung lưu. Chính Dickens thường khắc họa những bức tranh gia đình khuôn sáo, tô bật sự tương phản giữa không gian quý tộc trang nghiêm với sự nghèo nàn, cả về chữ nghĩa và đạo đức, của cuộc sống ngoài đường phố. Brontë thì ngược lại – bà đem cái



Bối cảnh đống hoang tượng trưng cho mối đe dọa man rợ mà tự nhiên là đại diện. Cái khung cảnh tiêu điều, nơi con người ta để lạc lối này, cũng là một nhân vật của câu chuyện.

Hiện thực trần trụi bên ngoài vào không gian trong nhà, gọi lại âm hưởng trong những truyện Gothic thời kỳ trước, khi nhà không phải là mái ấm để nướng nấu và khuấy khỏa, mà là chốn bạo hành ngược đãi. Trong khi làm như thế, bà đã cho người đọc đương thời thấy được rằng cảnh ngộ “nô lệ”, “không của không nhà” gắn liền với Heathcliff cũng hiện rõ cả trong cái không gian gia đình lý tưởng hóa: “nhà” thật ra không hề an toàn hơn những con phố Gothic tội lỗi.

Hình ảnh Heathcliff, đứa trẻ bị bỏ rơi được tìm thấy ở Liverpool, không chỉ gắn liền với dân di-gan mà còn với cả nạn buôn nô lệ thời bấy giờ. Có thể xem nhân vật này như sự biểu thị Gothic của thế giới bên ngoài, đem chất kinh hoàng từ những điều không quen thuộc vào môi trường trong nhà. Thông qua mối gắn bó giữa gã với Catherine, người cũng bị ngược đãi và không được ngó ngang gì đến trong Đỉnh Gió Hú hết nhu gã, sự tồn tại của gã đã hé lộ rằng tội ác và bóc lột không chỉ là những

chuyện của riêng tầng lớp lao động thành thị nghèo khổ.

Tình nhân hay ác quỷ?

Mối quan hệ giữa Catherine và Heathcliff mang màu sắc giày vò hơn là lãng mạn. Họ hút lấy nhựa sống của nhau vì nhu cầu và thù hận, là hình ảnh phản chiếu của nhau trong những khao khát và chán ghét xã hội. Lời Heathcliff thỉnh cầu Catherine, “Anh không thể sống thiếu cuộc đời anh! Anh không thể sống thiếu linh hồn anh!”, cho thấy rằng quan hệ của họ không phải là quả ngọt tình yêu, mà là mối tương ngộ hiện sinh giữa hai tâm hồn. Catherine cũng có nói một câu tương tự: “Dù linh hồn chúng tôi cấu thành từ

thứ gì đi nữa, chúng đều là một thứ nhu nhau.” Với cô, Heathcliff không hề là đối tượng cho những mơ mộng thiếu nữ, và cô thậm chí đã cảnh báo em chồng mình đừng thần tượng gã như một người hùng truyện tình nào. Cô chỉ nhìn nhận gã đúng với bản chất của gã: ích kỷ và chiếm đoạt. Chính cô cũng là một nhân vật ích kỷ và ngang bướng, và những hành động của cô chẳng khác gì sự phản chiếu cái ý chí bất kham của Heathcliff.

Sống ở Đỉnh Gió Hú, chịu đựng những tủi nhục vì xuất thân hèn kém, Heathcliff khao khát leo lên những nấc thang giai cấp để vươn đến quyền lực xã hội, để được sở hữu cái điền sản mà Catherine chính là hình ảnh đại diện. Giống như những phụ nữ trung lưu khác cùng thời, bản thân Catherine cũng bị xem như một thứ tài sản, một nét đặc trưng của ngôi nhà đã giam cầm cô. Với cô, Heathcliff tượng trưng cho một thứ vũ khí giúp cô chống lại cái thế giới trung lưu đáng kính luôn bắt cô phục tùng kể từ khi cô bước vào tuổi trưởng thành.

Giới và không gian trong nhà

Mối quan hệ giữa chất Gothic thời Victoria và vấn đề về giới là một khía cạnh quan trọng của *Đỉnh Gió Hú*, được thể hiện rõ nét trong

“

Những bất hạnh lớn nhất của tôi trên đời này là những bất hạnh của Heathcliff, và tôi đã chứng kiến, đã cảm thấy từng thứ một ngay từ lúc bắt đầu.

Đỉnh Gió Hú

”

một đoạn văn dù dội và nổi tiếng bậc nhất của cuốn tiểu thuyết. Khi lần đầu đến Đình Gió Hú, ngài Lockwood xui xẻo tưởng mình sẽ được thấy một dinh thự Victoria miên quý điển hình, với cái khung cảnh gia đình đầm ấm tươi vui hòa thuận mà Dickens vẫn thường mô tả. Thế nhưng ông lại nhu lạc vào những trang tiểu thuyết Gothic, bị lũ chó lạ tấn công, bị người chủ nhà cục cằn xua đuổi, và được người quản gia bí ẩn đưa đến ngủ trong một căn phòng ma ám.

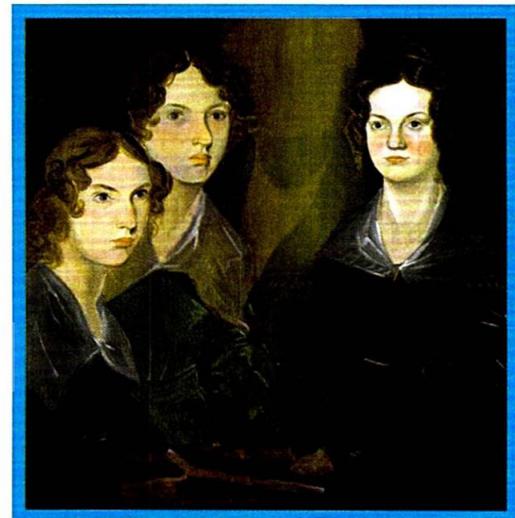
Cao trào cuộc chạm trán giữa Lockwood với bóng ma của Catherine thời thơ ấu trong phòng ngủ cũ của cô là cảnh tượng đầm máu gây sốc khi ông chủ ý chà mạnh cổ tay trần của hồn ma vào mảnh kính lờm chớm trên khung cửa sổ vỡ. Hình ảnh dù dội ghê rợn này lẽ ra chỉ là chất kịch mê ló Gothic đơn thuần nếu như ta không xét đến mối quan hệ phức tạp giữa Catherine và ngôi nhà cô lớn lên. Suốt cuộc đời cô, cuộc sống gia đình là cuộc sống trong giam cầm. Cô tìm cách trốn thoát khỏi nó, nhưng mĩa mai thay, sau khi chết lại ám từng góc ngách của Đình Gió Hú để tìm lối vào. Giống như Heathcliff, cô cũng là kẻ "không nhà", không thuộc về đâu cả. Với trường hợp của cô,

chất kinh hoàng Gothic thực sự nằm ở việc ngôi nhà không thể dung nạp cô và những khát khao của cô. Nhu da thịt hồn ma cô bị Lockwood của nát, căn tính của cô đã vụn vỡ từ khi cô còn sống. Thông qua cô, Brontë đã phơi bày những hạn chế của ý thức hệ gia đình Victoria, vốn thường được dùng để định nghĩa phụ nữ thời ấy.

Giam cầm trong gia đình

Suốt thế kỷ 19, người phụ nữ gắn kết mật thiết với ngôi nhà cô ta ở đến mức những nhà phê bình có tiếng thời Victoria như John Ruskin mô tả chính cơ thể người nữ như một bộ phận không gian riêng tu của ngôi nhà. Sự tù hãm kim kẹp cuộc đời phụ nữ này là vấn đề đã được phản ánh trong *Jane Eyre* do Charlotte Brontë sáng tác – một người đàn bà đã bị cầm tù theo nghĩa đen trong nhà mình. Trong *Đình Gió Hú*, chủ đề Gothic về sự giam cầm nữ giới, biểu lộ thông qua Catherine, đã gợi ý rằng lối thoát duy nhất cho người phụ nữ chính là tự hủy hoại mình, mãi mãi trở thành một linh hồn không nhà.

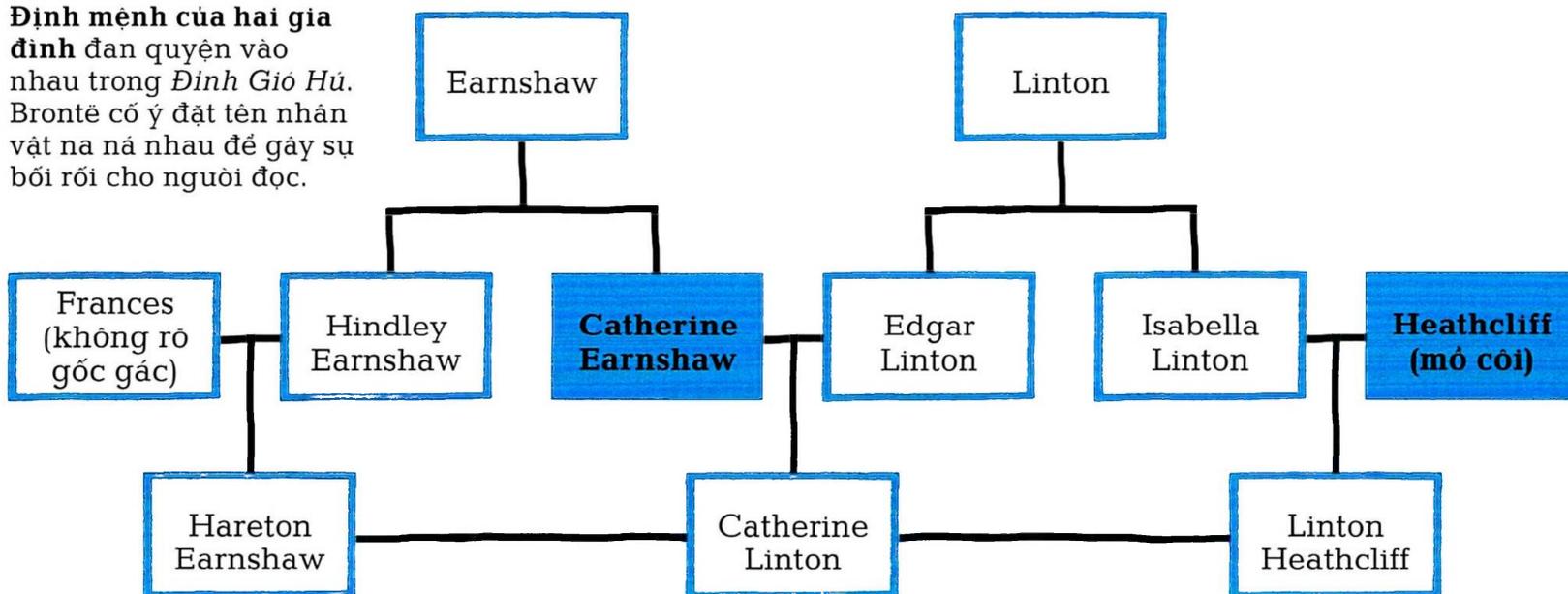
Với Catherine, ý thức hệ gia đình thời Victoria không chỉ là một nhà tù; nó còn là thể lương nan hiện sinh khiến cô tự vấn mình



Chị em nhà Brontë (Anne, Emily và Charlotte) trong bức tranh do người em trai Branwell vẽ; cả ba đã cùng nhau sáng tác văn chương và khai thác những chủ đề chung.

thuộc về nơi nao, bào mòn cuộc sống, hút kiệt sinh lực của cô, chỉ để lại một "hồn ma bóng quế" của con người cũ, ban đầu còn là ẩn dụ, sau thì hoàn toàn theo nghĩa đen. Đây chính là sức mạnh của *Đình Gió Hú* và cách thức nó vận dụng những yếu tố Gothic Victoria; nó hé lộ rằng tấn bi kịch cơ bản của câu chuyện không nằm ở mối quan hệ oan nghiệt giữa Catherine và Heathcliff, mà nằm ở việc cả hai đều không có nơi nào để thuộc về. ■

Định mệnh của hai gia đình đan quện vào nhau trong *Đình Gió Hú*. Brontë cố ý đặt tên nhân vật na ná nhau để gây sự bối rối cho người đọc.



**KHÔNG SỰ ĐIÊN RỒ NÀO MÀ
CON DÃ THÚ
CỦA TRÁI ĐẤT GÂY RA
LẠI KHÔNG BỊ VƯỢT XA
BỞI SỰ ĐIÊN RỒ CỦA CON NGƯỜI**

***MOBY-DICK* (1851), HERMAN MELVILLE**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa Lãng mạn U ám

TRƯỚC ĐÓ

1845 Trong bài thơ "Con quạ" của Edgar Allan Poe, con chim lặp đi lặp lại từ "Nevermore", đẩy kẻ đang mòn mõi tiếc thương người yêu đã mất chìm vào điên loạn.

1850 Trong *Chữ A màu đỏ* của Nathaniel Hawthorne, Hester Prynne có một con gái ngoài giá thú. Chữ "A" màu đỏ mà nàng phải mang trên áo là viết tắt của "Adulteress" (lang chạ).

1851 *Ngôi nhà báy đầu hồi* của Hawthorne khai thác chủ đề tội lỗi, sự trừng phạt và cứu chuộc, pha chút hơi hướng siêu nhiên và thuật phù thủy.

SAU ĐÓ

1853 Trong *Ký lục Bartleby* của Melville, một tác phẩm văn học hiện sinh tiên phong, nhân vật chính nhả nhận từ chối những nhiệm vụ của mình và chìm sâu vào chiêm nghiệm hiện sinh thuần túy.

Nửa đầu thế kỷ 19, Hoa Kỳ chứng kiến sự phát triển của hai nhánh Lãng mạn chủ nghĩa. Nhánh thứ nhất, nổi bật với Ralph Waldo Emerson và Henry David Thoreau, được gọi là chủ nghĩa Siêu việt, một trào lưu lý tưởng hóa có trọng tâm là niềm tin vào linh hồn, hay "ánh sáng nội tâm", cũng như tính thiện hảo cố hữu của con người và thế giới tự nhiên. Nhánh còn lại là chủ nghĩa Lãng mạn U ám, với cái nhìn bi quan hơn về bản chất con người; những nhà văn như Edgar Allan Poe, Nathaniel Hawthorne và Herman Melville khai phá chủ đề về cái xu hướng tội lỗi và tự hủy diệt của cá nhân, đối nghịch với tinh thần lý tưởng hóa của chủ nghĩa Siêu việt.

Mặt tối

Cả hai trường phái này đều nhận ra nguồn năng lượng tinh thần trong tự nhiên, nhưng trong khi phái Siêu việt xem tự nhiên như một kênh hiệp thông giữa Chúa và nhân loại, thì các nhà Lãng mạn U ám lại có cái nhìn kém lạc quan hơn về sự toàn hảo của con người. Với họ, tự nhiên là hiện thân của những chân lý u ám bí huyền mà con người đã tự chuốc lấy và phải đối mặt. Bằng tinh thần bi quan tương tự, họ xem nỗ lực cải cách xã



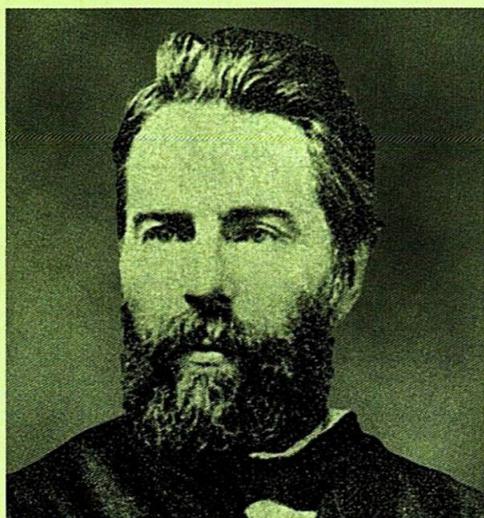
...tất cả những thú bóp vụn gân cốt và nướng chín não bộ; tất cả sự quý quyết ngấm ngấm của đời sống và tu tưởng; tất cả xấu xa, đối với Ahab điên, đều tụ hình rõ rệt và trở thành thú khả di tấn công được nơi con cá voi Moby Dick.

Moby-Dick



hội như một giấc mơ không tưởng mơ hồ. Trong những áng thơ văn từ khoảng năm 1836 đến thập niên 1840, những nhà Lãng mạn U ám thường khắc họa các cá nhân thất bại trong nỗ lực đem lại sự thay đổi tích cực. Bị cuốn hút bởi nỗi kinh sợ, tính siêu nhiên và chất quý dị cũng như sự thống khổ và bi kịch, họ hứng thú trước tính dễ sa ngã vào tội lỗi của con người và các hệ quả tâm lý của tội ác, làm lỗi, sự trả thù và điên loạn. Đây là những yếu tố đã xuất hiện trong

Herman Melville



Melville sinh năm 1819 ở New York, là con một thương nhân nhập khẩu hàng. Nối nghiệp cha, ông tiếp tục đi học ở địa phương, làm việc trên nông trại của người chủ, rồi làm thu ký ngân hàng. Ở tuổi 20, ông phục vụ trên một tàu buôn đi Liverpool. Năm 1841, ông kiếm được việc trên tàu săn cá voi *Acushnet*. Thời gian sống nơi quần đảo Marquesas ở Nam Thái Bình Dương cho ông cảm hứng viết tiểu thuyết đầu tay *Typee*. Về sau ông tiếp tục theo các tàu săn cá voi, từng phục vụ trên một tàu frigate của Hải quân Hoa Kỳ. Nghề đi biển cung cấp chất liệu để ông sáng tác *Moby-Dick*, và ông đã hy vọng sự

hứng thú của đại chúng với những chuyến hải hành sẽ giúp tác phẩm được đón nhận. Nhưng thời điểm cuốn sách ra mắt, thị hiếu công chúng đã chuyển sang miền Viễn Tây, và sinh thời Melville không được chứng kiến ngày *Moby-Dick* được tôn vinh như kiệt tác. Ông qua đời sau một cơn đau tim năm 1891.

Tác phẩm chính khác

- 1846** *Typee*
- 1853** *Ký lục Bartleby*
- 1857** *Một người tự tin*
- 1888–91** *Billy Budd* (xuất bản sau khi tác giả qua đời, năm 1924)

Xem thêm: First Folio 82–89 ▪ *Frankenstein* 120–21 ▪ *Lá cỏ* 125 ▪ *Đình Gió Hù* 132–37 ▪ *Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc* 152 ▪ *Chữ A màu đỏ* 153 ▪ *Dracula* 195 ▪ *Câu vồng của trọng lực* 296–97

Siêu việt và Lãng mạn U ám là hai mặt đối lập của thời kỳ Phục hưng Hoa Kỳ giữa thế kỷ 19. Các nhà Siêu việt xem tự nhiên và con người vốn dĩ thiện hảo; ngược lại, với phái Lãng mạn U ám, tự nhiên là lực lượng tà ác ngấm ngấm, và con người về bản chất vô cùng dễ mắc sai lầm.

Tự nhiên là lực lượng tinh thần linh thánh, kết nối con người với Chúa.

Nhân loại sở hữu ngọn lửa thánh linh, con người về bản chất là thiện hảo.

Đỉnh cao của cá nhân là khi họ độc lập và tự dựa vào bản thân.



Siêu việt

Lãng mạn U ám

Tự nhiên là lực lượng tinh thần tà ác, hé lộ những sự thật đáng sợ.

Nhân loại vốn bất toàn, có khuynh hướng tội lỗi và tự hủy diệt.

Cá nhân muốn thay đổi mọi thứ tốt hơn thì chỉ có thất bại.

văn học Gothic, mở đường cho truyện kinh dị hiện đại. Bởi những chân lý mà các nhà Lãng mạn U ám muốn hé lộ thường mang tính nguyên thủy và phi lý tính, nên chủ nghĩa Tượng trưng – một phương thức biểu hiện phớt lờ lý tính – được họ ưa chuộng sử dụng. Edgar Allan Poe viết truyện và thơ với nhiều chi tiết mộng ảo đen tối: những người bị chôn sống, những dinh thự hoang phế, và một con qua khỏi lên trong ta nỗi đau. Với Nathaniel Hawthorne, một tác giả tìm thấy ác mộng trong cái đạo đức giả theo lối Thanh giáo của thế giới thực, thì nỗi ô nhục và những tội lỗi bị mặt là đề tài sáng tác của ông.

Vào ngày 5 tháng 8, 1850, hai cây bút vĩ đại của chủ nghĩa Lãng mạn U ám là Hawthorne, khi ấy 46 tuổi, và Herman Melville, 31 tuổi, gặp nhau trong một chuyến dã ngoại vùng núi ở Massachusetts. Melville, bấy giờ đang vật lộn với

thiên tiểu thuyết vĩ đại về nghề săn cá voi *Moby-Dick*, tìm thấy cảm hứng mạnh mẽ trong chất hướng nội Lãng mạn và sự cự tuyệt thói thường của nhà văn tiên bối. Về sau ông cùng vợ và gia đình chuyển đến sống gần nhà Hawthorne, và trong những trang mở đầu của *Moby-Dick*, ông đề tặng cuốn sách cho Hawthorne, “để ghi dấu sự ái mộ tôi dành cho thiên tài của ngài”.

Hành trình trả thù

Với ngôn ngữ, tinh tiết, nhân vật và chất tượng trưng phong phú, bên cạnh đó là kiến thức sâu rộng phi thường về nghề biển mà nó thể hiện, *Moby-Dick*; hay, *Cá voi trắng* là áng hùng ca vĩ đại đầu tiên của nước Mỹ. Đây là cuốn sách với tham vọng văn chương lớn lao; ngay từ câu mở đầu thời danh “Củ gọi tôi là Ishmael”, tác phẩm này đã cuốn người đọc theo

hành trình của người kể chuyện để khám phá ý nghĩa “trong cái tháng 11 mưa phùn ẩm thấp của tâm hồn [ông ta]”.

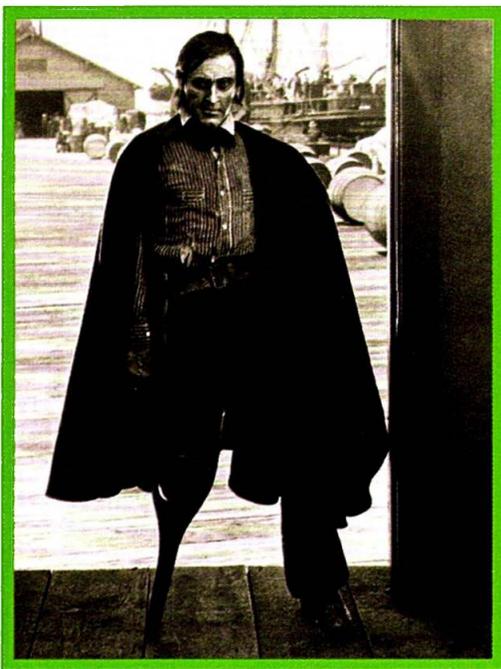
Trong thực tế, hành trình của Ishmael gắn liền với cuộc phiêu lưu ám ảnh kết thúc trong bi kịch của Ahab, thuyền trưởng tàu săn



Vì tất cả mọi người, bị kích thay, chỉ trở thành vĩ đại qua một sự bệnh hoạn nào đó... mọi sự vĩ đại phạm thế đều chỉ là một con bệnh.

Moby-Dick





Hình ảnh Ahab như một vị thuyền trưởng cuồng ám thù hận ban đầu chỉ được xây dựng qua những thông tin gián tiếp và lời kể; Ahab chỉ thực sự xuất hiện sau hơn 100 trang tiểu thuyết.

cá voi *Pequod*, khi ông lùng sục khắp biển cả để truy tìm Moby Dick, con cá nhà táng trắng khổng lồ đã cản cụt chân ông đến gối. Ahab, "con người to lớn, phạm tục, thần thánh" cất bước trên boong tàu bằng chiếc chân giả làm từ xương cá voi, mang một sức hút quý dị. Ở một chiều sâu tâm lý nào đó, ông đang dẫn thân vào một cuộc chiến với Chúa, sự hiện

hữu khôn tả thành lời đằng sau "cái mặt nạ không thể lý giải" của Moby Dick – viên tượng về thế giới của Ahab đầy những sự vật tượng trưng cho điều gì đó bất tri, kỳ bí và hung hiểm. Bằng cách đấu với con cá voi, ông cũng đang đấu với Chúa, cái tác nhân bất tri đó. Câu chuyện về nỗi ám ảnh của ông mà cuốn tiểu thuyết này kể lại cũng là một sứ mệnh truy tầm ý nghĩa của sự sống và cái chết, với góc nhìn về những chủ đề như tôn giáo và sự điên loạn.

Sự thèm khát trả thù hung bạo của Ahab chỉ được xoa dịu ở đoạn sau của truyện bởi tình cảm triu mến ông dành cho cậu thủy thủ dọn boong da đen tên Pip, cùng với đó là một đoạn hoài niệm ngắn ngủi đã khiến ông rơi một giọt lệ vào đại dương. Khi nói chuyện với Starbuck, viên đại phó của tàu *Pequod*, về 40 năm cô đơn lãnh đênh trên biển của mình, ông đã nghĩ về vợ ("Ta đã biến cô gái tội nghiệp đó thành góa bụa khi lấy nàng, Starbuck à") và đứa con trai nhỏ của ông. Những hối tiếc này nhanh chóng chìm lấp trong cái ham muốn đẩy màu căm ghét (hai mối tội đầu trong một) mong được trả thù.

Một quốc gia nổi trời

Cả hành trình của tàu *Pequod* lẫn chính cái tên của nó đều mang hơi

hương ẩn dụ: *Pequod* (hay *Pequot*) là tên một bộ lạc người Mỹ bản địa gần như đã bị tuyệt diệt dưới tay dân di cư Thanh giáo Anh hồi thế kỷ 17. Câu chuyện vì thế bóng gió ám chỉ đến ngày tàn của một nền văn minh do lòng tham vật chất vô đáy, sự bành trướng đế quốc, chủ nghĩa da trắng thượng đẳng và sự khai thác tận diệt thiên nhiên đem lại. Có thể xem con tàu như hình ảnh thu nhỏ của thế giới và của nước Mỹ nói riêng; khi nỗi ám ảnh của Ahab tiềm nhiệm ra khắp con tàu, ta thấy cả một xã hội trong đó.

Thủy thủ đoàn của tàu thuộc về nhiều chủng tộc và tín ngưỡng, phản ánh tính phổ quát trong viễn tượng của Melville. Những thủy thủ này làm việc cùng nhau, phụ thuộc vào nhau, tự do đi lại và giao tiếp cùng nhau trong phạm vi

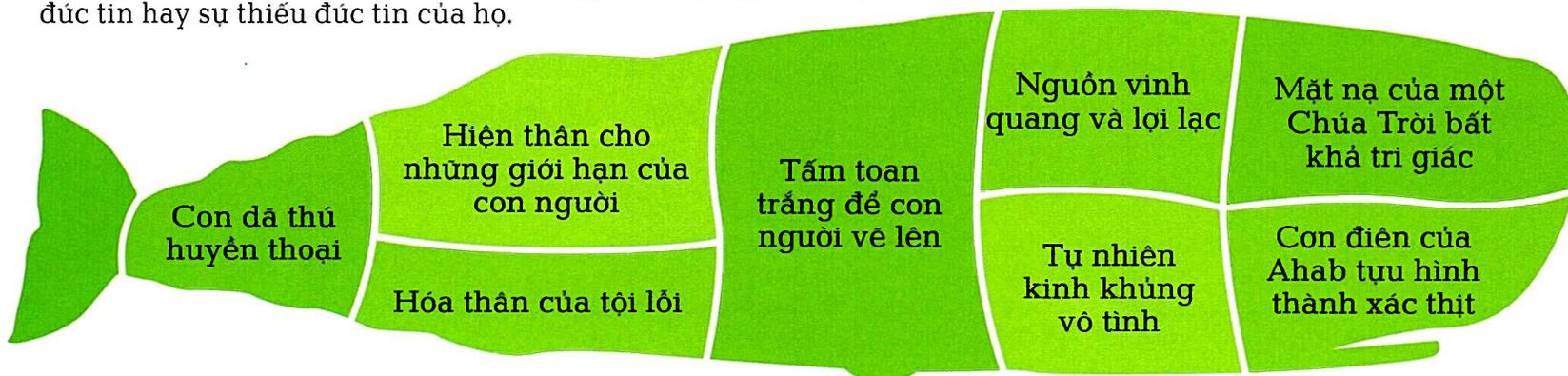


Và con cá voi trắng là biểu tượng của tất thảy những điều này.

Moby-Dick



Con cá voi trắng khổng lồ được lấy tên để đặt cho cuốn tiểu thuyết của Melville là một biểu tượng sống động cho sứ mệnh trả thù của Ahab. Tuy nhiên, những nhân vật khác lại diễn giải con vật theo những cách khác nhau dựa theo nền tảng giáo dục, giai tầng, đức tin hay sự thiếu đức tin của họ.



“

Moby Dick không tìm người. Người, chính người, mới điên cuồng kiếm tìm nó.

Moby-Dick

”

thang bậc chức vụ và mệnh lệnh. Tuy nhiên cái xã hội nổi trời đã dạng này còn lâu mới mang tính dân chủ: sự phân biệt địa vị và chủng tộc gây ra bất bình đẳng, và mọi người trên tàu đều phải cúi mình trước luật lệ sắt đá của Ahab. Sự đa dạng trong tư tưởng và cảm xúc của thủy thủ đoàn tạo nên đối cực kịch tính cho con độc tuồng của người thuyền trưởng và thú năng lượng đơn nhất từ con cá voi mà ông đang quyết chí săn lùng và tiêu diệt.

Là phương tiện săn tìm, con tàu cũng là một nhà máy nổi, và Melville hoàn toàn hiểu rõ người đọc sẽ thấy nơi con tàu hình ảnh của nền kinh tế thị trường, thời đại cơ giới và chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ.

Kinh Thánh và lời tiên tri

Là một thiên hùng ca của khát vọng băng bó ("Đừng nói với ta về băng bó, anh bạn;" Ahab nói, "ta sẽ hạ cả Mặt Trời nếu nó xúc phạm ta"), *Moby-Dick* sử dụng các liên hệ Kinh Thánh để tăng thêm chiều kích ý nghĩa cho nó. Hai nhân vật chính, Ishmael và Ahab, được đặt tên theo nhân vật Kinh Thánh. Trong Sáng Thế Kỳ

Tàu săn cá voi là cảnh tượng quen thuộc ở New Bedford, Massachusetts, nơi Melville từng làm việc, cũng là bối cảnh phân đầu *Moby-Dick*. Tàu săn cá voi rời cảng này lần cuối vào năm 1925.

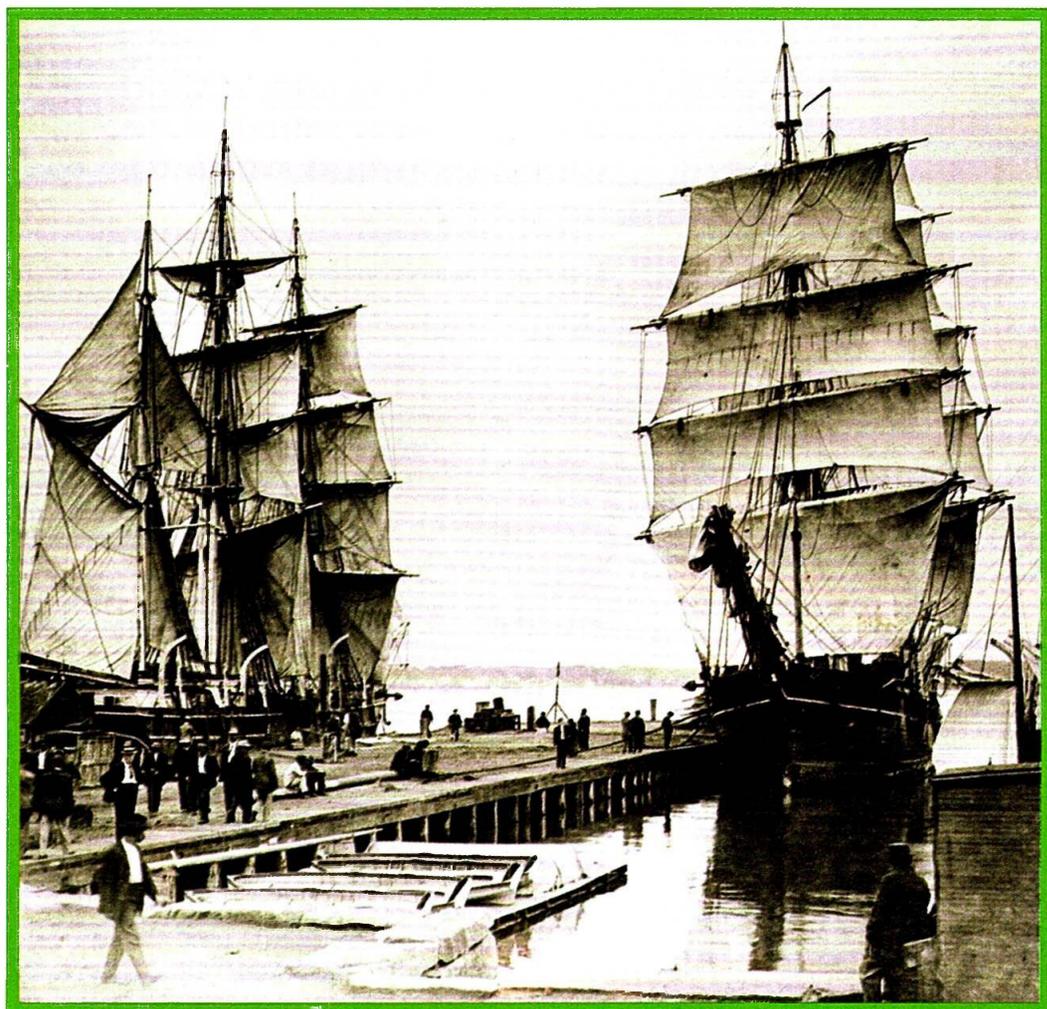
16-25, Ishmael, đứa con ngoài giá thú của tổ phụ Abraham, bị gạt ra ngoài vì người con hợp pháp Isaac. Bằng cách đặt cái tên này cho người dẫn chuyện, Melville đã nhấn mạnh một điều rằng Ishmael chỉ là một người ngoài cuộc, một tên lang thang: sự thiếu kinh nghiệm trong nghề săn cá voi của anh khiến anh không có được sự chấp nhận vô điều kiện từ thủy thủ đoàn. Ahab, trong Sách Các Vua 1.21, thì là một nhà cai trị, vì thèm muốn một vườn nho mà đã chiếm đoạt nó bằng mưu gian, để rồi đi tới kết cục nhục nhã. Chuyện của Ahab trong *Moby-Dick* cũng mang nét tương đồng nhất định: cái thành công ông tìm thấy cũng sẽ đặt dấu chấm hết cho số phận ông.

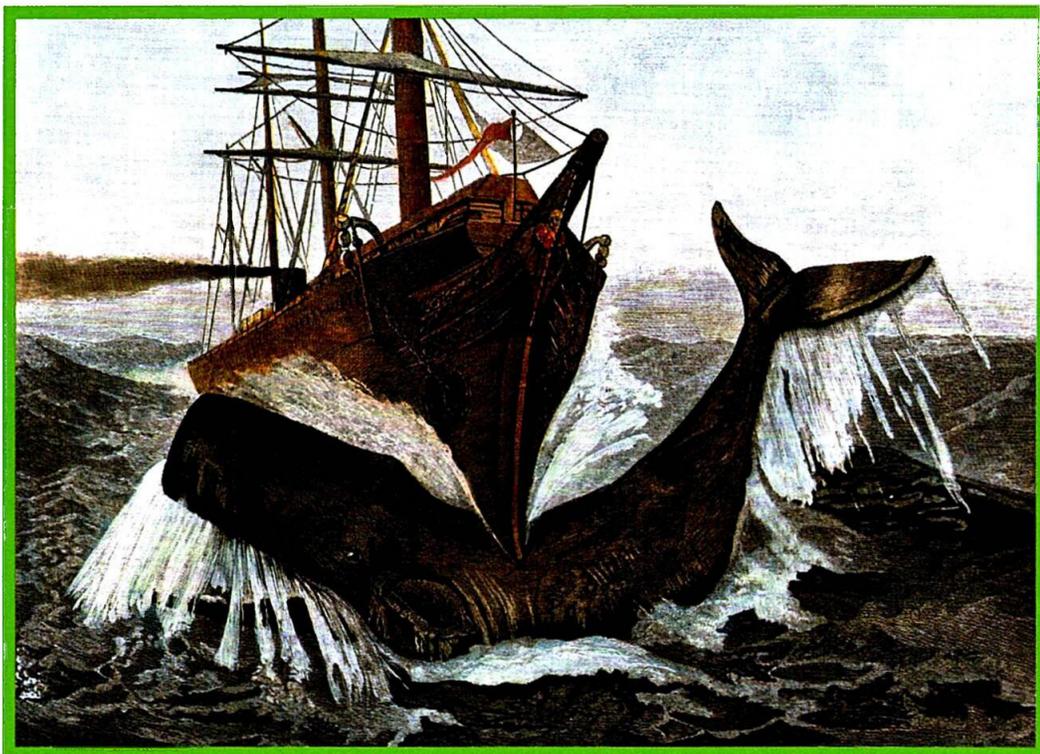
Cơ chế của thời vận và định mệnh chính là nỗi khắc khoải của Melville, và ông đã tạo ra cảm giác về điểm gờ bằng những lời

tiên tri. Trước khi Ishmael xin lên *Pequod*, một nhân vật tên Elijah (một cái tên khác lấy từ Kinh Thánh) đã dự đoán cái chung cục mờ hồ của con tàu. Về sau, những lời sấm của người phóng lao móc Fedallah đã tiên báo về đoạn kết của câu chuyện: vị thuyền trưởng sẽ bỏ mạng chỉ sau khi nhìn thấy hai điếm triệu, một "không phải do người phạm tạo ra" và một tạo thành từ thứ gỗ mọc lên từ đất Mỹ - nhưng Ahab lại xem đây như dấu hiệu cho thấy ông sẽ sống sót trở về từ cuộc hành trình.

Lừa địa ngục và sự báo thù

Sau khi làm quen với người phóng lao móc Queequeg, Ishmael chưa chát nhận xét: "Năm ngủ với một kẻ ăn thịt người tinh táo còn hơn là với một Kitô hữu say xin." Sự châm chích như vậy nhằm vào Kitô giáo, cũng như các tôn giáo khác, là một cảm





Tàu săn cá voi *Essex* từ Nantucket đã đụng độ một con cá nhà táng lớn và bị đắm ở Thái Bình Dương vào năm 1820. Đây là một trong vài vụ việc đã truyền cảm hứng để Melville chấp bút *Moby-Dick*.

hưng xuyên suốt cuốn sách. Khi tập hợp thủy thủ đoàn trên boong, Ahab đã cho ba người phóng lao móc "ngoại giáo" uống từ chiếc "cốc lễ" là phần đầu rồng nơi mũi lao bằng thép của họ, cảnh tượng báng bổ lễ ban thánh thể, và gọi họ là những hồng y của ông, bắt họ lập thế giết chết Moby Dick. Với mũi lao nhuộm máu mà về sau ông sẽ dùng để xiên vào con cá voi, Ahab nói bằng tiếng Latin và giọng điệu cuồng lộng: "Ta rửa tội cho nguoi, không nhân danh Cha mà nhân danh Quỷ dữ" – câu nói mà Melville đã mô tả với Hawthorne là "tiêu ngữ bí mật" của cuốn sách. Ông viết cho Hawthorne rằng mình đã sáng tác "một cuốn sách xấu xa", hay như trong một lá thư trước đó, rằng tiểu thuyết của ông đã "được trui qua lửa địa ngục".

Bản thân con tàu, được sơn đen và trang hoàng bằng răng và

xương cá nhà táng khổng lồ, gọi lên hình ảnh con tàu tống táng của một tôn giáo hắc ám nguyên sơ nào đó – Melville đã mô tả nó như "con tàu ăn thịt đồng loại, tự lừa mình dẫn tới bằng những mảnh xương của kẻ thù". Về đêm, ngọn lửa đun mỡ cá voi biến con tàu thành một "địa ngục đỏ rực". Cứ như thế, tự thân bối cảnh câu chuyện đã khơi gợi lên thú đức tin nổi loạn thảng hoặc vẫn vang vọng trong những hành động và thoại của truyện.

Kịch nghệ và thi ca

Cuốn sách sử dụng một số phương thức biểu hiện gắn với kịch nghệ hơn là tiểu thuyết, chẳng hạn như độc thoại (suy tu của nhân vật được nói ra trực tiếp với độc giả), lời chỉ đạo sân khấu, hay thậm chí là một đoạn kịch ngắn như trong Chương 40 ("Nửa đêm, khoang mũi tàu"). Khi khắc họa thú tham vọng đua tới sự tự hủy diệt này, Melville đã lấy cảm hứng từ những anh hùng trong bi kịch thời Elizabeth. Với Ahab, ta thấy hình bóng các nhân vật kịch Shakespeare: một anh hùng-phản diện đầy bi kịch như Macbeth, một Vua Lear bất

duy lý đến vô cảm, một Hamlet sôi sục khao khát trả thù. Trong một tiểu luận viết năm 1850, Melville bày tỏ sự ngưỡng mộ ông dành cho "những điều uyên áo xa xôi" trong kịch Shakespeare và những chân lý cốt tử mà "các nhân vật u tối" của Shakespeare phát ngôn ra. Melville rõ ràng đã dùng những phương thức đặc chất Shakespeare để thể hiện viên kiến của mình, từ độc thoại như đã nói ở trên (mà Shakespeare đã sử dụng đến mức thần sầu) cho đến thú ngôn ngữ huê dạng mãnh liệt, thú văn xuôi có nhịp điệu gán như những dòng thơ không vần.

Nguồn cảm hứng khác cho ngôn ngữ Melville dùng trong tác phẩm là thiên sử thi không vần *Địa đàng đã mất* của John Milton. Ngoài ra, ta còn tìm thấy được sự tương đồng khác trong bài thơ *Chuyện người thủy thủ già* của Samuel Taylor Coleridge – con chim hải âu lớn bị người thủy thủ bắn hạ gọi liên tuông đến con cá voi của Melville.

Những yếu tố bách khoa thu

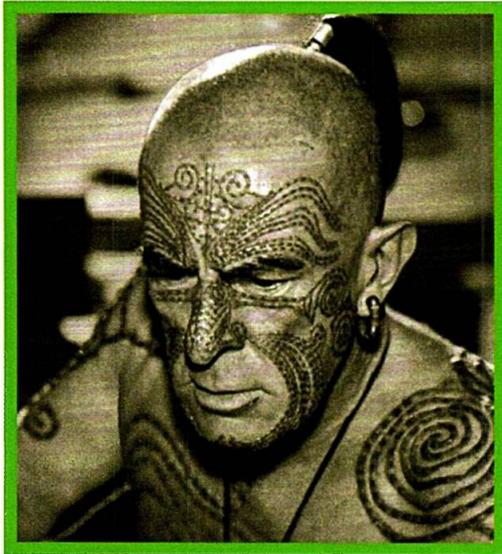
Việc sử dụng các yếu tố đa dạng từ sân khấu đến thi ca, với sự sáng tạo táo bạo, đã giúp nâng tầm *Moby-Dick* thành một cột mốc văn chương to lớn, hòa quyện cùng những vay mượn từ một thể tài văn chương khác: bách khoa thu. Khi sự hỏi hớp của câu chuyện



Ta thấy trong nó một sức mạnh vô song, một sự tà ác khôn dò trong từng đường gân thớ thịt.

Moby-Dick





Queequeg, thợ phóng lao xăm mình người Polynesia, nằm trong thủy thủ đoàn đa dân tộc của tàu *Pequod*. Dù bị gọi là dân ngoại giáo và kẻ ăn thịt người, ông lại là người nhẹ nhàng, độ lượng, chân thật và trung thành.

đang lên cao thông qua một loạt cuộc săn ngày một kịch tính, cái đã ấy lại bị hãm có chủ đích ở một số quang cảnh mang tính “chiến thuật” bởi những chương truyện giàu kiến thức về nhân chủng học, động vật học, cũng như những sự thật khác về cá voi và nghề săn cá voi – có đoạn tả cụ thể cách chiết xuất dầu cá voi, hay đoạn bàn về hình ảnh cá voi trong hội họa.

Khối lượng kiến thức đồ sộ với hàm lượng đậm đặc ấy sẽ không có gì là lạ nếu ta xét đến kinh nghiệm tự học của Melville: “Tôi đã bơi qua các thư viện,” Ishmael tuyên bố như vậy, và đó chính là điều Melville đã làm, ngấu nghiến hàng núi kiến thức thông qua việc đọc sách, thường là trong những chuyến hải hành của chính tác giả. Nội dung và âm hưởng của những chương kiểu “bách khoa thu” này bổ sung cho cuốn tiểu thuyết chất hiện thực chủ nghĩa ngôn ngôn chi tiết, giúp thế giới quan lãng mạn U ám của Melville trở nên gắn gũi với nền văn minh mà những người đọc cuốn sách đang sống trong đó, dạy họ hiểu về nền văn minh này thông qua khoa học và lịch sử.

Một hỗn hợp lôi cuốn

Kịch nghệ Shakespeare và thông tin kiến thức cấu thành hai loại văn phong đặc trưng của cuốn tiểu thuyết, và bên cạnh đó là loại thứ ba: tình tùy hứng trong lối kể chuyện. Phong cách này tự bật lên ngay từ câu thứ nhì của Ishmael (“Vài năm trước đây – xin đừng bận tâm chính xác là bao năm – khi gần như nhân túi...”) và thường xuyên tái hiện giữa những đoạn viết đầy chất biểu hiện và

“

Làm sao người có thể chịu đựng được mà chưa phát điên? Phải chăng thiên đàng còn ghét người tới mức người không thể phát điên?

Moby-Dick

”

các điểm nhấn mang nét sân khấu. Thể loại và phong cách hòa quyện vào nhau đem lại hiệu ứng mạnh mẽ.

Chiều sâu kiến thức và văn phong đa dạng là những điều làm nên *Moby-Dick*; vì hai phần ba bề mặt Trái Đất là biển cả, ta có thể nói câu chuyện này là một vở kịch tâm lý được diễn trên quy mô lớn nhất có thể. Bằng những suy tu về thiện ác trong một vũ trụ vô tình, bằng sự phóng chiếu một thế giới xã hội chi tiết cao độ, thiên hùng ca vĩ đại về sự điên rồ kết hợp viễn tượng bi quan này đã thiết lập chuẩn mực mới cho mọi tham vọng văn chương. ■

Tiểu thuyết Mỹ vĩ đại

Sứ mệnh viết nên một “tiểu thuyết Mỹ vĩ đại”, vừa để thể hiện niềm tự hào dân tộc, vừa để thách thức những truyện kinh điển châu Âu, trở thành một tham vọng nổi bật của nước Mỹ thế kỷ 19.

Cụm từ “tiểu thuyết Mỹ vĩ đại” được tiểu thuyết gia John De Forest đặt ra năm 1868. Tiêu chí cốt yếu ở đây, đó là tác phẩm cần nắm bắt được cái hồn riêng của nước Mỹ. Những truyện saga gia tộc về vấn đề chủng tộc và các mối căng thẳng xã hội

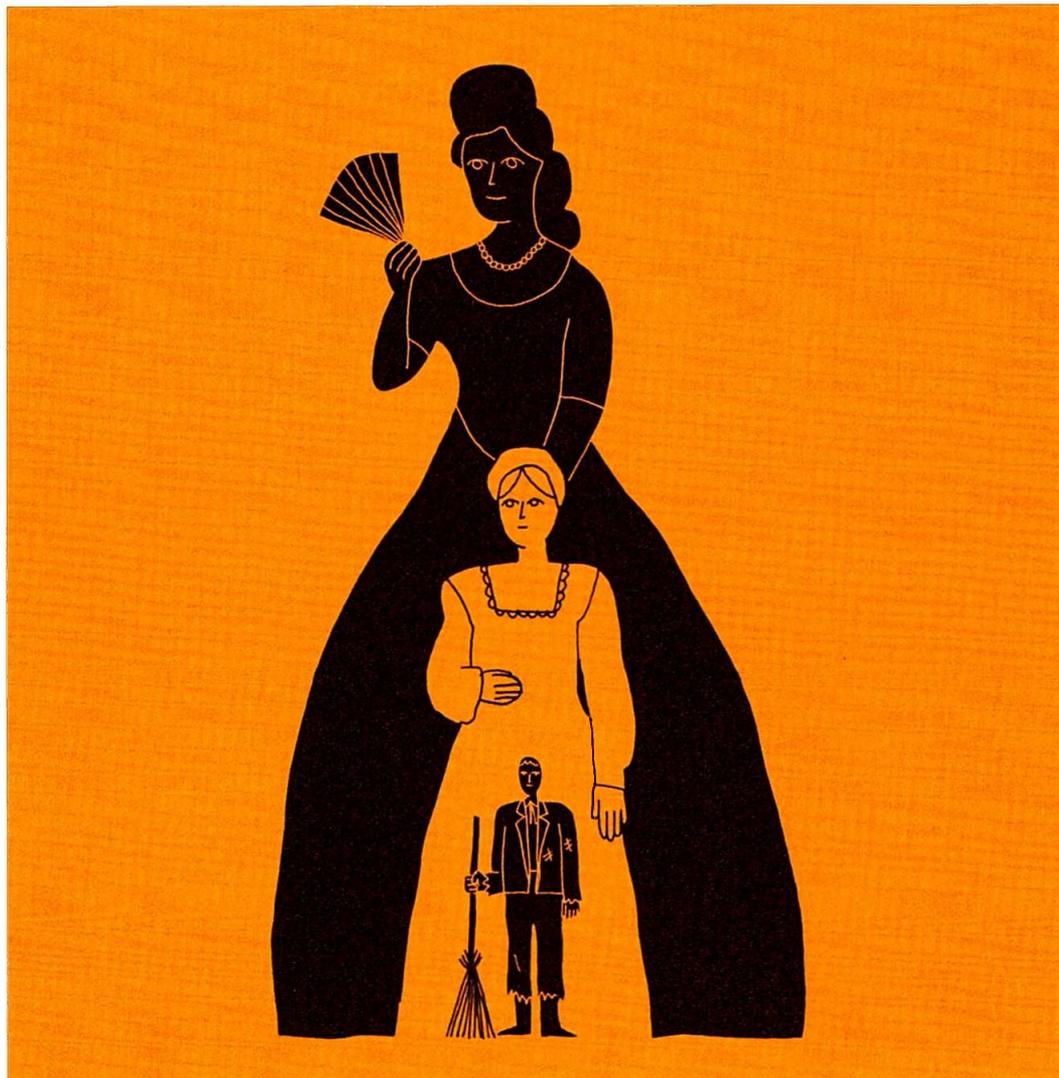
khác, như *Túp lều bác Tom* (Harriet Beecher Stowe, 1852) và sau này là *Yêu dấu* (Toni Morrison, 1987), được xem là những tác phẩm như vậy. Một số “ứng viên” khác cho danh hiệu này tập trung vào quá trình lập thân, là hồng tâm của Giác mo Mỹ trong thế kỷ 20; chủ đề này được đào sâu trong *Gatsby vĩ đại* (F. Scott Fitzgerald, 1925) và *Người vô hình* (Ralph Ellison, 1952). Một thể loại phù hợp khác là cái gọi là “siêu tiểu thuyết”, với nhiều nhân vật và tuyến truyện tượng trưng cho một lát cắt của

những tu tưởng xã hội và triết học đối nghịch nhau. *Moby-Dick*, tiểu thuyết Mỹ vĩ đại đầu tiên, thuộc về loại thứ hai và thứ ba; ứng viên lớn tiếp theo, *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* (Mark Twain, 1884) chủ yếu thuộc về loại thứ hai.

Đến thế kỷ 21, “tiểu thuyết Mỹ vĩ đại” vẫn là một lý tưởng đối với nhiều nhà văn và bạn đọc dù khái niệm này đã mất đi sức hút của nó, và ý niệm về một chất “Mỹ” thuần nhất bị nhiều nhà phê bình bác bỏ.

MỌI CUỘC CHIA LY ĐỀU BÁO TRƯỚC MỘT CUỘC CHIA LY SAU CUỐI

NHÀ LẠNH (1852–1853), CHARLES DICKENS



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Truyện dài kỳ

TRƯỚC ĐÓ

1836–37 *Chuyện ông Pickwick* của Charles Dickens được xuất bản thành 20 kỳ hàng tháng. Nó đặt ra tiền lệ thành công về sức hút và doanh thu cho loại truyện dài kỳ.

1844–45 *Bá tước Monte Cristo*, cuộc phiêu lưu li kỳ của một người tù oan và sự trả thù của ông sau này, do Alexandre Dumas sáng tác, được đăng thành nhiều kỳ.

SAU ĐÓ

1856 Tiểu thuyết đầu tay *Bà Bovary* của Gustave Flaubert được đăng dài kỳ trên tạp san văn học *Revue de Paris*.

1868 *Viên kim cương Moonstone* của Wilkie Collins thành công đến mức được mở rộng từ 26 lên 32 kỳ.

Đọc giả hai bờ Đại Tây Dương không thể ngồi yên trước ngày phân cuối cùng trong truyện dài kỳ *Hiệu tạp hóa cũ* được đăng. Sự phấn khích dâng cao đến mức khi tàu chở tạp chí cập bến New York, Mỹ vào năm 1841, độc giả hào hứng tập trung dọc theo cầu cảng hông biết được liệu cô bé Nell, nhân vật chính, có chết hay không.

Nói đến sự phấn khích như thế để thấy rằng các tác phẩm của Dickens nổi tiếng đến nhường nào. Nhưng đồng thời nó cũng cho thấy sự phổ biến của hình thức đăng truyện dài kỳ – quá trình tiểu thuyết được chia ra thành các phần để đăng dần trước khi được phát hành dưới dạng sách. Công nghệ in ấn được

Xem thêm: *Oliver Twist* 151 ▪ *Bá tước Monte Cristo* 152 ▪ *Hội chợ Phù Hoa* 153 ▪ *David Copperfield* 153 ▪ *Bà Bovary* 158–63 ▪ *Viên kim cương Moonstone* 198–99



Nguyên tác vĩ đại của nền luật pháp Anh là tự tạo ra việc để làm.

Nhà Lạnh



cải tiến, giấy rẻ hơn, đường sắt phát triển, càng nhiều người biết chữ cùng góp phần vào sự thịnh hành của truyện dài kỳ. Giá thành cũng góp một phần: độc giả sẵn sàng hoặc chỉ có thể chi cho từng phần hơn là mua hẳn một cuốn sách. Bằng cách này, truyện dài kỳ giúp phát triển cộng đồng cùng đọc sách.

Người tiên phong đăng truyện dài kỳ

Khi Charles Dickens bắt đầu sự nghiệp viết tiểu thuyết, ông từng dự định cho ra đời một bộ tiểu thuyết ba tập theo thông lệ thời đó. Tuy nhiên, các nhà xuất bản của ông đề nghị ông viết một loạt bài để đăng nối đuôi nhau. Theo Dickens: “Bạn tôi, ông ấy bảo xuất bản như thế sẽ rẻ hơn, ít tốn công hơn, nhưng như thế thì phá hỏng bao hy vọng của tôi,” nhưng ông vẫn chấp nhận và bắt đầu viết phần đầu tiên của *Chuyện ông Pickwick*. Truyện đăng thành công rực rỡ, và từ đó trở đi, Dickens xuất bản tất cả tiểu thuyết của mình theo hình thức truyện dài kỳ.

Mặc cho áp lực phải có bài đăng hàng tuần hay hàng tháng, định dạng truyện dài kỳ vô cùng phù hợp với phong cách kể chuyện đầy mạnh mẽ và giàu kịch tính

Dickens. Sự thân thiết giữa ông và độc giả cũng nhờ đó mà hình thành – đôi khi ông còn thay đổi cốt truyện các phần sau để đáp lại phản ứng của độc giả.

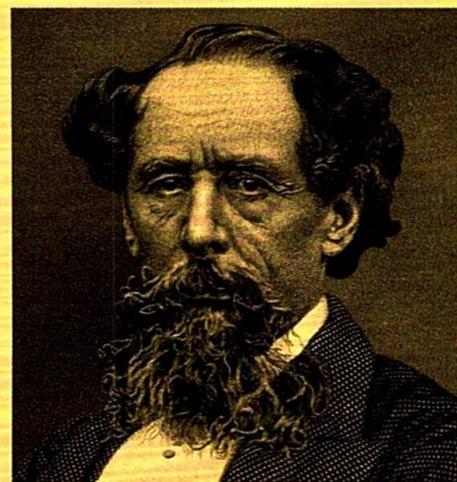
Tính phức tạp chín chắn

Nhà Lạnh được đăng hàng tháng từ tháng 3, 1852 đến tháng 9, 1853. Đây là tiểu thuyết thứ chín của Dickens và được xem là một trong những tác phẩm chín chắn nhất của ông. Nhà văn, nhà phê bình Anh G. K. Chesterton xem đây là một trong các tiểu thuyết hay nhất của Dickens. Nhiều độc giả xưa nay cũng có cùng nhận định này.

Là tiểu thuyết phức tạp và sâu sắc, *Nhà Lạnh* lấy bối cảnh chủ yếu ở London và cả Lincolnshire, miền đông nước Anh. Chủ đề chính của tiểu thuyết là những bất công trong hệ thống pháp luật Anh vào thời điểm đó, mà thông qua tri hoãn, nhập nhằng, bắt nạt, đã hủy hoại những phận người vô tội. Năm ở trung tâm tác phẩm và được đan cài xuyên suốt là vụ án không có thật



Mỗi kỳ đăng của *Nhà Lạnh* có hai hình minh họa của Hablot Knight Browne đi kèm, giúp đẩy mạnh cảm xúc của phần truyện – hình trên đây minh họa căn nhà trang nghiêm của trường Chesney.



Charles Dickens

Sinh ngày 7 tháng 2, 1812 ở Portsmouth, Anh, Charles là con thứ hai trong số tám anh chị em. Năm 12 tuổi, cha ông phải vào tù vì nợ nần. Charles phải bỏ học để vào làm ở xưởng đánh giày, một trải nghiệm đau buồn mà sau này ông mô tả trong *David Copperfield*. Về sau, ông làm thu ký pháp luật và bắt đầu viết báo.

Năm 1836, Charles kết hôn với Catherine Hogarth và bắt đầu viết *Chuyện ông Pickwick*, khẳng định vai trò tiểu thuyết gia của ông. Trong hơn 30 năm sau, ông xuất bản 12 tiểu thuyết lớn; ông cũng biên tập các tạp chí và viết vô số bài báo, truyện ngắn, và kịch. Ông và Catherine ly thân năm 1858 sau khi có với nhau 10 đứa con. Dickens mất năm 1870 và được chôn ở Góc Thi nhân, Tu viện Westminster.

Tác phẩm chính khác

- 1836–37 *Chuyện ông Pickwick*
- 1837–39 *Oliver Twist*
- 1843 *Phép màu đêm Giáng sinh*
- 1849–50 *David Copperfield*
- 1855–57 *Dorrit bé nhỏ*
- 1859 *Chuyện hai thành phố*
- 1860–61 *Những kỳ vọng lớn lao*
- 1864–65 *Bạn của chúng ta*



của Jarndyce chống Jarndyce, một vụ tranh chấp thừa kế đã kéo dài hàng chục năm trước thời điểm tiểu thuyết bắt đầu, nay đã trở nên "...phức tạp đến nỗi không một người sống nào hiểu được nó."

Nhiều tầng lớp

Tuy nhiên, *Nhà Lạnh* không chỉ là một đòn giáng vào hệ thống pháp luật Anh: đó còn là một vụ án mạng, một cuộc truy tìm hung thủ, và một cuộc đào sâu vào sự đói nghèo, bệnh tật, và thái độ thờ ơ – một phần của xã hội Anh thế kỷ 19. Tiểu thuyết bao gồm các tuyến truyện chính và phụ chạm đến những đề tài như bí mật, tội lỗi, lòng tham, tu lợi, tình yêu, và lòng tử tế. Giống như những tiểu thuyết khác của Dickens, *Nhà Lạnh* có dàn nhân vật đồ sộ đáng nhớ, đan xen nhau bằng những cách vừa rõ ràng mà cực kỳ tinh tế (mang bất ngờ đến hình thức truyện dài kỳ), hầu hết họ được móc nối với nhau qua mạng lưới phức tạp của Jarndyce chống Jarndyce. Những đặc điểm như thế xuất hiện từ bản chất dài kỳ của tác phẩm, việc sáng tạo theo từng phần cho phép đan cài nhiều tuyến truyện phụ kèm theo vô số nhân vật.

Dickens bắt đầu đặt nền móng cho câu chuyện của mình trong phần đầu tiên, giới thiệu nơi chốn,

sự kiện, và các nhân vật chính với độc giả. Ông cũng tiết lộ một số gợi ý cho những bí ẩn sẽ được hé mở về sau.

Mở đầu đáng nhớ của cuốn sách mô tả London vào tháng 11, sương mù trên sông thấm vào xương tủy các nhân vật, tượng trưng cho sự rối ren và tha hóa tỏa ra từ nơi sương giăng dày nhất – Tòa Công bình Cấp cao. Chuyển ra Lincolnshire, ta lại thấy màn sương bao quanh trường Chesney, khu đất của ông bà Dedlock quý tộc.

Chúng ta được giới thiệu ba nhân vật chính: Esther Summerson, Ada Clare, và Richard Carstone. Cả ba đều là trẻ mồ côi, cuộc sống của họ bị tác động bởi vụ kiện Jarndyce chống Jarndyce kéo dài.

“

Đâu đâu cũng là sương mù. Sương trên sông, trôi giữa những cù lao và đồng cỏ, sương xuôi theo dòng nước.

Nhà Lạnh

”

Sương mù dày đặc, chứa nhiều bồ hóng và nhiều chất ô nhiễm là đặc điểm của London vào thế kỷ 19. Trong *Nhà Lạnh*, sương mù là biểu tượng của sự rối ren và áp bức.

Họ chuyển đến sống trong Nhà Lạnh (nhà sao tên vậy) cùng người bảo hộ của mình, John Jarndyce, một mạnh thường quân tốt bụng nhất mực tránh xa vụ kiện tai tiếng và dặn các con nuôi của mình cùng làm như thế. Nhưng vụ kiện không buông tha ai, nhất là Carstone bị lún sâu vào đó.

Esther, với việc mình được sinh ra đã mang một bí ẩn đáng hổ thẹn, sau đó được người di khó tính nuôi lớn, là nhân vật trung tâm của tiểu thuyết. Nàng là một cô gái trẻ trung, giản dị, e thẹn, khiêm nhường, vẫn hay nhắc: "Em biết mình không được khéo lắm."

Esther cũng là một trong hai người kể chuyện được Dickens sử dụng. Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất của nàng được đan cài vào giọng kể ở ngôi thứ ba ẩn danh mô tả các sự kiện hiện tại, xây dựng sự căng thẳng kịch tính và làm nổi bật bất công xã hội – ấy là tiếng nói lương tâm.

Các nhân vật tuyệt vời

Mỗi nhân vật trong *Nhà Lạnh* đều được đặt tên cẩn thận và có chính kiến xã hội riêng; các nhân vật thường đặc sắc hơn người thật, nhưng không bao giờ họ bị đơn giản quá mức. Sự phức tạp của các nhân vật Dickens tạo ra khiến họ thu hút độc giả – những người theo dõi số phận các nhân vật trong từng kỳ truyện hết như khán giả truyền hình ngày nay xem phim dài tập hàng tuần.

Ông bà Dedlock biểu trưng cho sự chết chóc, cần cỏi, lạnh đạm của giới quý tộc, dù vẻ lạnh lùng kiêu kỳ của bà Dedlock che giấu một bí mật đen tối. Cô Flite bầu bạn của những đứa con nuôi

thì bị vụ kiện Jarndyce chống Jarndyce làm cho nửa tinh nửa dại. Cô nhu đang ám Tòa Công bình khi lúc nào cũng vác một bao giấy tờ, chờ đợi ngày phán quyết khi cô có thể giải thoát cho lũ chim trong lồng mà cô gọi bằng những cái tên ôn lạnh như Tro bụi, Rác rưởi, Điều tàn, và Tuyệt vọng. Krook, tay buôn đồng nát thích rượu rum và bị vụ kiện ám ảnh, đóng vai trò quan trọng cho đến một ngày, với kết thúc bất ngờ khép lại kỳ truyện thú mùi, ông tự mình bốc cháy. Và Tulkinghorn, luật sư của Dedlock, ám ảnh từng trang truyện khi lên lút lần theo bí ẩn nối liền nhà Dedlock và Esther Summerson.

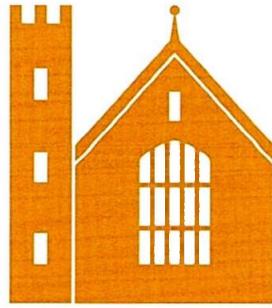
Thò o và tù tế

Lòng ích kỷ, tham lam, sự đạo đức giả, và thái độ thò o là những chủ đề thường gặp trong cuốn sách này: Bà Jellyby thò o con cái để làm từ thiện; ông Turveydrop – “tấm gương cu xù” luôn đặt mình ở trung tâm không đoái hoài gì đến đứa con trai cần lao cùng khổ của mình; nhà Smallwood xấu xa bị cái gọi là “lãi kép” ám ảnh; và cả xã hội thò o Jo, cậu bé quét đường liên tục nhắc “đi tiếp đi.” Sự đạo đức giả được châm biếm qua những nhân vật Chadband, một giáo sĩ thó lợ, và Harold Skimpole, người ra về không thể bị thực tế kim tiền xung quanh chạm đến, lại hay xin xỏ tiền tất cả bạn bè. Trái lại, sự tù tế lại hiện ra ở những nhân vật Esther, Ada, và mạnh thường quân John Jarndyce.

Thành công của truyện dài kỳ

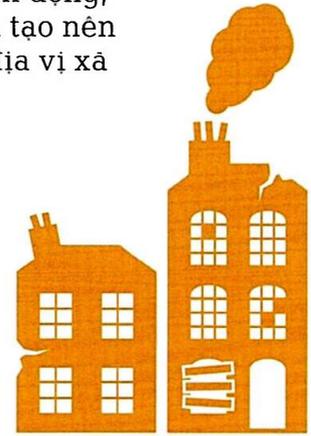
Cùng có người cho rằng *Nhà Lạnh* là một trong những tiểu thuyết trình thám đầu tiên của văn học Anh. Vị thám tử là ông Bucket, một người tốt bụng, có tài săn lùng, đã truy tìm hung thủ sau một vụ án mạng kinh hoàng. Dickens còn tạo ra những gọi ý giá trong tuyến truyện phụ này. Chúng xuất hiện nhu để trừu người

Dickens xem các địa điểm trong *Nhà Lạnh* gần như là những nhân vật riêng biệt. Được khắc họa sinh động, chúng đóng vai trò biểu tượng cho giai cấp và tạo nên bức nền tuyệt vời để mọi người thuộc đủ các địa vị xã hội gặp gỡ và tương tác.



Pháp viện Lincoln

Hầu hết hành động – đặc biệt là những mưu toan làm luật trong vụ kiện Jarndyce chống Jarndyce – diễn ra trong hoặc xung quanh pháp viện Lincoln, một trong bốn pháp viện ở London. Đây là nhà của Tulkinghorn và của cả luật sư ngoài đời thật của Dickens.



Tom-All-Along

Sự nghèo khổ cùng điều kiện sống và làm việc tàn tệ ở London thời Dickens được thu gọn thành một khu ổ chuột lộn xộn mang tên Tom-All-Along. Dù địa danh này không có thật, có thể nó được dựa trên khu vực Devil's Acre nằm ở Westminster, London, Anh.



St. Albans

Dickens đặt ngôi nhà trung lưu của John Jarndyce, tức *Nhà Lạnh*, ở St. Albans, Hertfordshire, nhưng người ta tin rằng nơi này lấy hình mẫu là ngôi nhà ở Broadstairs, Kent, nơi Dickens suốt nhiều năm ở cùng gia đình mỗi khi hè về.



Trưởng Lincolnshire

Dickens đặt trường Chesney – khu nhà rộng lớn của ông Leicester và bà Honoria Dedlock – ở Lincolnshire. Khu vực này được mô tả như lâu đài Rockingham ở Leicestershire, do bạn của Dickens là Richard và Lavinia Watson sở hữu.

khi trở thành cao trào bỏ lửng ở cuối hai kỳ đăng, khiến độc giả càng thêm hồi hộp và muốn đọc nhiều hơn nữa.

Những bài phê bình ban đầu chỉ trích đối với *Nhà Lạnh*, cho rằng truyện quá ám đạm và thiếu tiếng cười. Bạn, đồng thời là người viết tiểu sử, của Dickens, John Forster, mô tả truyện “quá thật”, nhưng rõ ràng độc giả không đồng tình: doanh số bán ra từ 34.000 đến 43.000 bản một tháng. Sau thành công của Dickens, nhiều tác giả khác cũng có thêm độc giả thông qua truyện dài kỳ. Tiểu thuyết trình thám

Viên kim cương Moonstone của Wilkie Collins xuất hiện lần đầu dưới hình thức truyện dài kỳ, và các truyện *Sherlock Holmes* của Sir Arthur Conan Doyle đăng trên tạp chí *Strand*. Bên ngoài nước Anh, *Anna Karenina* của Leo Tolstoy cũng được xuất bản dài kỳ, *Anh em nhà Karamazov* của Fyodor Dostoyevsky cũng thế. Radio và truyền hình cuối cùng thế chỗ truyện dài kỳ trên tạp chí, nhưng vào năm 1984, tác giả Mỹ Tom Wolfe trở lại truyện dài kỳ với tác phẩm *Lửa vùi hu vinh* phát hành lần đầu trên tạp chí *Rolling Stone*. ■

ĐỌC THÊM

RENÉ (1802), FRANCOIS-RENÉ CHATEAUBRIAND

Nhân vật René sầu muộn, lang thang những vùng đất từ Pháp đến Mỹ châu, dù ở chốn thị thành hay miền đồng quê cũng chỉ tìm thấy nỗi buồn, là kiểu nhân vật chính hoàn hảo của văn học Lãng mạn sơ kỳ. René của nhà văn, nhà ngoại giao, chính trị gia Pháp Chateaubriand (1768–1848) gây sốc cho độc giả bởi cốt truyện hé lộ việc người em gái Amélie của René đã lánh đời sau cánh cửa tu viện để quên đi cảm xúc loạn luân của mình. Cuốn tiểu thuyết ngắn này lập tức thành công khi vừa ra mắt.

SỔ TAY CỦA QUÝ ÔNG **GEOFFREY CRAYON** (1819–1820), WASHINGTON IRVING

Được nhà văn Mỹ Washington Irving (1783–1859) sáng tác, *Sổ tay*

là tuyển tập truyện ngắn, tiểu luận với những truyện như "Rip van Winkle", trong đó nhân vật chính ngủ suốt cuộc Chiến tranh Độc lập Hoa Kỳ, hay "Truyện thuyết về Thung lũng Im lim", kể về hành trình Ichabod Crane truy tìm Kỳ sĩ Không đầu. Cuốn sách này của Irving là tác phẩm văn chương Mỹ đầu tiên được đón nhận nồng nhiệt ở Anh và châu Âu, giúp nâng tầm văn học Mỹ vào đầu thế kỷ 19.

IVANHOE (1820), SIR WALTER SCOTT

Bối cảnh của *Ivanhoe* là nước Anh thế kỷ 12, với mối quan hệ căng thẳng giữa những người Norman cai trị tàn bạo và dân chúng Saxon bị truất hữu. Truyện hiệp si này của Scott kể về mối tình giữa hai con người Saxon quyền quý, Rowena và Ivanhoe; bên cạnh đó là những chuyện hiệp si cưới ngựa đầu thương, cả quý tộc lẫn không quý tộc. Nhân vật huyền thoại Robin Hood xuất hiện trong truyện với

hình tượng một kẻ ngoài vòng pháp luật có tài bắn cung mẫu mực và lòng trọng nghĩa lời cuốn. Hình tượng Robin Hood mà Scott xây dựng trong *Ivanhoe* giúp tên tuổi nhân vật này lại trở nên tươi mới trong lòng độc giả thời Victoria.

NGƯỜI MOHICAN **CUỐI CÙNG** (1826), JAMES FENIMORE COOPER

Lấy bối cảnh thập niên 1750 lúc cao trào Chiến tranh Bảy năm (1754–63) mà người Mỹ gọi là Chiến tranh với Pháp và người da đỏ, *Người Mohican cuối cùng* kể về Chingachgook và con trai Uncas, những thành viên thuần huyết cuối cùng của bộ lạc Mohican. Nhà văn Mỹ Cooper (1789–1851) đã khắc họa chi tiết những nỗ lực quả cảm của họ, cùng với người bạn da trắng chuyên đánh bắt thú là Natty Bumppo, để cứu những sinh mạng vô tội. Là tác phẩm nổi tiếng nhất trong loạt năm truyện "Chuyện về Vớ Da" của Cooper, cuốn tiểu thuyết này đã tạo ra một số khuôn mẫu lâu dài trong thể loại văn học Viễn Tây, như vẻ lãng mạn của con người miền biên viễn can đảm vô úy, hay người thổ dân bản địa thông thái khắc kỷ.

ĐỎ VÀ ĐEN (1830), STENDHAL

Được chia làm hai tập, *Đỏ và đen* miêu tả những năm thành nhân của Julien Sorel, một chàng trai tỉnh lẻ muốn leo lên nấc thang xã hội Pháp thế kỷ 19. Cuốn sách kể chi tiết đoạn đầu đời của Julien dưới khía cạnh cá nhân, lịch sử và tâm lý, từ thuở còn là cậu bé đã cảm

Sir Walter Scott

Scott (1771–1832) sinh ở Edinburgh, và Scotland là trọng tâm trong những sáng tác của ông. Ông được một số người xem là người phát minh ra tiểu thuyết lịch sử và cũng là gương mặt vĩ đại nhất của thể loại này. Tình yêu từ thuở ấu thời dành cho thiên nhiên, phong cảnh Scotland và những chuyện kể dân gian đã nuôi dưỡng trong ông cảm thức mạnh mẽ về bản sắc dân tộc. Trong thơ văn mình, ông hòa quyện yếu tố lịch sử và lãng mạn vào bức tranh

quê hương đầy mê đắm – đặc biệt là trong các tiểu thuyết *Waverley* (1814–32) mà ông giấu tên để viết – thu hút đông đảo độc giả và thay đổi cách nhìn về văn hóa Scotland. Scott cả đời ốm yếu, đến cuối đời phải sang Italy an dưỡng, trước khi qua đời ở Abbotsford vào năm 1832, dinh thự ông đã xây dựng suốt nhiều năm ở Scotland.

Tác phẩm chính

- 1810 *Nàng tiên hổ*
- 1814 *Waverley*
- 1820 *Ivanhoe* (xem bên trên)

Honoré de Balzac

Là một trong những nhà văn hàng đầu nước Pháp thế kỷ 19, Balzac nổi tiếng nhờ đã phát triển chủ nghĩa hiện thực trong hình thức tiểu thuyết, nhất là với *Lão Goriot*. Sinh năm 1799 ở Tours, lúc nhỏ ông chuyển đến Paris, theo học ở Sorbonne từ năm 1816, dự định theo đuổi nghề luật, nhưng rồi rẽ sang nghiệp văn. Từ năm 1832, ông đã có dự phóng viết *Tấn trò đời* – hợp tuyển gần 150 tác phẩm, gồm nhiều tiểu luận, tiểu thuyết và các khảo luận, triết luận đa dạng khác. Với tập đại thành này, Balzac muốn nắm bắt được bản chất của số phận con người, nhưng ông qua đời năm 1850 trước khi kịp hoàn thành công trình đời mình.

Tác phẩm chính

- 1829 *Nhà Chouan*
- 1834–35 *Lão Goriot* (xem ở dưới)
- 1841–42 *Cừu đen* (xem tr.152)

con nhà thợ mộc cho đến khi phát lên thượng lưu nhờ quan hệ tình ái với các phụ nữ quý tộc, để rồi đi tới kết cục ô nhục. Nhà văn Pháp Stendhal (1783–1842) đặt bối cảnh cuốn tiểu thuyết vào đầu thế kỷ 19, giễu nhại và châm biếm lối sống xa hoa của triều đình Bourbon trước thềm Cách mạng tháng Bảy 1830.

LÃO GORIOT (1834–1835), HONORÉ DE BALZAC

Lấy bối cảnh Paris 1819, *Lão Goriot* của Balzac kể về đời sống dưới thời Bourbon Phục hoàng. Cách mạng 1789 dường như đã lùi xa, dù sự phân chia giai cấp một lần nữa trở thành vấn đề nóng bỏng. Tinh thần hiện thực chủ nghĩa thể hiện rõ trong góc nhìn trần trụi tàn nhẫn

của Balzac về xã hội Paris đầu thế kỷ 19, đặc biệt là về những kẻ sẵn sàng chà đạp lên người khác để đạt được mục đích. Được nhiều người xem là tiểu thuyết hay nhất của ông, *Lão Goriot* cũng là tác phẩm đầu tiên có các nhân vật từ những cuốn khác của ông, một phong cách đã thành đặc trưng của văn Balzac.

TRUYỆN CỔ ANDERSEN (1835–1837), HANS CHRISTIAN ANDERSEN

Nhà văn Đan Mạch Hans Christian Andersen (1805–75) đã viết nên một số truyện cổ tích dựa theo các câu chuyện ông được nghe kể thuở nhỏ, số khác thì là những sáng tác táo bạo, mới mẻ của chính ông. Được xuất bản làm ba tập, *Truyện cổ Andersen* ban đầu gồm chín truyện, trong đó có những truyện kinh điển như “Nàng công chúa và hạt đậu”, “Nàng tiên cá” và “Quần áo mới của hoàng đế”. Tác phẩm của Andersen đã báo trước sự bùng nổ văn học thiếu nhi trong thế kỷ 19, và đến nay vẫn có ý nghĩa lớn lao trong văn hóa đại chúng.

KALEVALA (1835–1849), ELIAS LÖNNROT

Bắt nguồn từ kho tàng truyện dân gian của dân tộc bản địa Karelia và Phần Lan, *Kalevala* – nghĩa là “vùng đất của Kaleval” – là tuyển tập anh hùng ca nằm trong số những tác phẩm văn học Phần Lan quan trọng nhất. Được tập hợp thông qua nghiên cứu dân tộc học của tiến sĩ, nhà bác ngữ học Phần Lan Elias Lönnrot (1802–84), người đã đi khắp mọi vùng thuộc Phần Lan và Karelia để ghi lại các câu chuyện truyền khẩu, *Kalevala* có một nhịp thơ đặc biệt, mỗi dòng gồm bốn cặp âm nhấn và không nhấn. Bằng cách kể lại như ng câu chuyện

thân thoại, nó đã làm nên một di sản văn học và văn hóa đánh thức tinh thần dân tộc của người Phần Lan vào thế kỷ 19.

OLIVER TWIST (1837–1839), CHARLES DICKENS

Trong tiểu thuyết thứ hai, nhà văn Anh Dickens (xem tr.147) xây dựng một bức tranh táo bạo về tầng lớp dưới của xã hội Anh thời Victoria, về những người cùng khổ đấu tranh cho bản thân trong một thế giới thù địch. Được xem là một ví dụ so khởi của tiểu thuyết phản kháng xã hội, *Oliver Twist* kể chuyện cậu bé Oliver trốn khỏi nhà máy tới London và gia nhập một băng đảng nhí. Như nhiều tiểu thuyết khác của Dickens, cuốn truyện được đăng dài kỳ, với những cao trào bó lũng khiến người đọc mong ngóng phần tiếp theo.

MỘT ANH HÙNG THỜI ĐẠI (1840), MIKHAIL LERMONTOV

Trong *Một anh hùng thời đại*, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ Nga Lermontov (1814–41) giới thiệu nhân vật chính Grigory Pechorin, một “con người đời thừa” nhàn rỗi theo thuyết hu vô. Pechorin hành xử như “phản anh hùng” xuyên suốt một loạt mảnh truyện phiêu lưu và tình ái trên bối

“

Tôi đã từng sẵn sàng yêu cả thế giới – không ai hiểu tôi: tôi đành học cách căm ghét.

Một anh hùng thời đại
Mikhail Lermontov

”

cảnh vùng Caucasus thuộc Nga. Tác giả bố cục tác phẩm thành năm phần, khắc họa cái bản chất phức tạp của nhân vật phản anh hùng tinh tế, đa cảm nhưng cũng khinh bạc đến tận bản, một con người tuyệt vọng trước sự vô nghĩa của đời sống.

CHUYỆN KỂ KINH DỊ VÀ HUYỀN HOẶC (1840), EDGAR ALLAN POE

Ban đầu in làm hai tập, *Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc* gồm 25 truyện ngắn, nhiều truyện mang yếu tố Gothic, một số truyện khác đào sâu vào khía cạnh tâm lý tâm tối trong nội tâm nhân vật chính. Nhà văn Mỹ Poe (1809–49) được xem là cha đẻ “chủ nghĩa Lãng mạn U ám” – loại hình Lãng mạn chủ nghĩa kiểu Mỹ. Trong “Sự suy tàn của nhà Usher”, truyện nổi tiếng nhất trong tập, ngôi nhà của Roderick Usher cũng dần tàn tạ và sụp đổ như nội tâm của ông. Phân tích về tập truyện này của Poe đã phân xoay quanh ý nghĩa của khái niệm “kỳ dị” và “huyền hoặc”: bất kể dụng ý đích thực của Poe là gì,



Có sự lạnh giá, nôn nao, lờ mờ trong con tim – một sự ám đạm bất khả cứu chuộc của tu tưởng mà không ngọn roi nào của trí tưởng tượng có thể thúc đến cái chùng mục nào đó của sự siêu việt.

“Sự suy tàn của nhà Usher”
Edgar Allan Poe



chất rừng rợn và kinh dị vẫn là nét trội bật của những câu chuyện này.

CỪ ĐEN (1841–1842), HONORÉ DE BALZAC

Bị quên lãng suốt thời gian dài, nhưng nay được thừa nhận như kiệt tác của tiểu thuyết gia kiêm nhà viết kịch Pháp Balzac (xem tr.151), *Cừ đen* kể lại âm mưu đấu đá, thao túng của những thành viên trong một gia đình tu sản để giành của thừa kế. Với tựa gốc là *La Rebouilleuse* – từ tiếng Pháp nghĩa là kẻ thừa nước đục thả câu – ám chỉ một phụ nhân thích kiểm soát trong truyện, câu chuyện là cuộc khám phá hấp dẫn về bản chất của sự lừa lọc. Tiền tài, địa vị, danh vọng, cũng như cái giá người ta sẵn sàng bỏ ra hồng đoat lấy tài lộc, tất cả đều là chủ đề được Balzac khai thác.

NHỮNG LINH HỒN CHẾT (1842), NIKOLAI GOGOL

Những linh hồn chết thường được xem là tiểu thuyết vĩ đại đầu tiên của thời Hoàng kim của văn học Nga. Được người bạn là thi hào Pushkin truyền cảm hứng, nhà văn gốc Ukraine Gogol dự định viết một thiên hùng ca ba phần, nhưng ông chỉ hoàn thành được hai phần đầu, và bản thảo tập hai bị ông thiêu hủy không lâu trước khi qua đời. Những gì còn lại của thiên tiểu thuyết này là một bức tranh đã kích việc thực thi chế độ nông nô ở Nga. Vì địa chủ phải nộp tô thuế tính theo số nông nô mình sở hữu – kể cả người đã chết sau lần thống kê dân số gần nhất – nên nhân vật chính Chichikov đã cấu kết với các chủ điền trang khác để “mua” lại những nông nô đã chết của họ. Kế hoạch của ông là vay tiền dựa trên định giá là số “linh hồn chết” mà ông có, từ đó

Nikolai Gogol

Sinh năm 1809 ở Sorochintsy thuộc Đế quốc Nga (nay thuộc Ukraine), Gogol là người khởi xướng truyền thống văn học hiện thực vĩ đại xuất hiện ở nước Nga thế kỷ 19. Lớn lên trên cái nôi của người Cossack với những chuyện kể dân gian số tại, Gogol từ sớm đã thể hiện một bút pháp sinh động và nhiều khi bỏ bả, tức thời được văn đàn Nga tôn vinh. Các truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch của ông rất đa dạng thể loại, trải từ Lãng mạn, Siêu thực, hài kịch và đã kích, nhưng sức sáng tạo của ông đã lụi tàn nhiều năm trước khi ông qua đời năm 1852.

Tác phẩm chính

- 1831–32 *Những buổi tối ở trang trại gần Dikanka*
- 1836 *Quan thanh tra*
- 1842 *Những linh hồn chết* (xem bên trái)

gây dựng điền trang của riêng mình. Những chuyến đi khắp nước Nga của Chichikov cũng hoạt kê như Don Quixote của Cervantes.

BÁ TƯỚC MONTE CRISTO (1844–1845), ALEXANDRE DUMAS

Là tác phẩm ăn khách nhất châu Âu vào thời nó được đăng dài kỳ, *Bá tước Monte Cristo* của tiểu thuyết gia, nhà viết kịch Pháp Dumas (xem tr.123) lấy bối cảnh thời Bourbon Phục hoàng. Tác phẩm kể lại hành trình báo thù của Edmond Dantès sau thời gian ngồi tù vì cáo buộc phản bội oan sai. Ở trong ngục, ông gặp Cha Faria, người kể ông biết về kho báu bí mật trên đảo Monte Cristo. Sau khi vượt ngục và tìm ra kho báu, Dantès trở lại với nhân thân mới là Bá tước Monte Cristo.

HỘI CHỢ PHÙ HOA
(1847–1848), WILLIAM
MAKEPEACE THACKERAY

Hội chợ Phù Hoa kể về số phận của hai phụ nữ – Amelia Smedley, xuất thân con nhà gia giáo, và Becky Sharp, một cô nhi – trên con đường dẫn vào vòng xoáy tiền tài địa vị. Họ thuộc về hai thái cực: Amelia ngây thơ nhu mì, còn Becky luôn sục sôi tham vọng leo cao. Nhà văn Anh Thackeray (1811–63) đã vẽ nên bức tranh châm biếm xã hội đầy sinh động, xây dựng một nhân vật nữ chính nhìn chung là phi đạo đức thông qua hình tượng ranh mãnh của Becky.



Hội chợ Phù Hoa là một chốn phù phiếm, xấu xa và xuẩn ngốc...

Hội chợ Phù Hoa
William Makepeace Thackeray



DAVID COPPERFIELD
(1849–1850), CHARLES DICKENS

David Copperfield, cuốn truyện kể lại đoạn đời thành nhân của nhân vật trong tiêu đề, ban đầu được đăng dài kỳ, và trong tất cả tiểu thuyết Dickens (xem tr.147) từng viết, đây là tác phẩm gần giống tự truyện nhất. Chi tiết về cuộc đời Copperfield mang nhiều nét tương đồng với tác giả, dù địa điểm và bối cảnh đã được thay đổi. Bà bác Betsey Trotwood tốt bụng, Uriah Heep xun xoe hay ông Micawber không xu dính túi nằm

trong số những nhân vật nổi tiếng và được yêu thích bậc nhất mà Dickens từng tạo ra.

CHỮ A MÀU ĐỎ
(1850), NATHANIEL HAWTHORNE

Đặt trong bối cảnh Massachusetts theo Thanh giáo giữa thế kỷ 17, cuốn tiểu thuyết lịch sử lãng mạn này của Hawthorne kể về Hester Prynne, một phụ nữ trẻ bị buộc tội ngoại tình và phải đeo một chữ “A” màu đỏ để bêu nhục. Chồng nàng mất tích từ lâu, được cho là đã chết. Khi bị công luận và mục sư yêu cầu khai danh tính người cha của Pearl, con gái nàng, nàng đã một mực từ chối, vì thế mà bị tống giam. Sự xa lánh mà Hester phải chịu trong xã hội Thanh giáo khắc nghiệt cho phép nhà văn Mỹ Hawthorne (1804–64) tìm hiểu những vấn đề tôn giáo và luân lý rộng lớn hơn, chẳng hạn nhu thái độ của người đời với ý niệm tội lỗi. *Chữ A màu đỏ* thành công tức thời, trở thành một trong những cuốn sách được in số lượng lớn đầu tiên trong lịch sử Mỹ.

TÚP LẼU BÁC TOM
(1852), HARRIET BEECHER STOWE

Cuốn truyện chống chế độ nô lệ thành công lớn của nhà văn Mỹ Stowe (1811–96) đã góp phần thuyết phục độc giả về sự bất tương hợp giữa đức tin Kitô giáo trước và sau chế độ nô lệ. *Túp lều bác Tom* kể về Tom, một nô lệ cao quý, bị bán và bị buộc rời xa vợ cùng gia đình, tuy vậy lại không bao giờ đánh mất giá trị đạo đức của mình. Trong năm đầu tiên sau khi xuất bản, cuốn sách của Stowe bán được khoảng 300.000 bản ở Hoa Kỳ, nêu bật lên vấn đề chủng tộc và sự chia rẽ Bắc-Nam của đất nước. Một số người còn cho rằng chính nó là mồi lửa nhen nhóm Nội chiến Hoa Kỳ (1861–65).

BẮC VÀ NAM
(1854–1855), ELIZABETH
GASKELL

Tiểu thuyết gia Anh Gaskell căm ghét cái nghèo và sự bất bình đẳng xã hội. Câu chuyện bà viết về hành trình của nữ chính Margaret Hale từ miền nam thịnh vượng lên miền bắc nước Anh đem lại cho người đọc cái nhìn về tình cảnh khốn khổ của tầng lớp bán cùng nơi các thành phố công nghiệp miền bắc đất nước. Tác phẩm khắc họa rõ nét sự phân chia hai miền nước Anh cũng như đời sống của những người đã bán sức lao động mình cho Cách mạng Công nghiệp. Tác phẩm được đăng dài kỳ ngay sau *Thời gian khó* của Dickens, người đã khích lệ Gaskell viết cuốn tiểu thuyết này.

Elizabeth Gaskell

Sinh năm 1810 ở London, Gaskell là con gái một mục sư theo Nhất vị luận. Bà kết hôn với một mục sư ở thành phố công nghiệp Manchester, rồi bắt đầu sáng tác ở tuổi tam tuần sau khi đã khởi sự viết nhật ký về cuộc sống thường ngày của gia đình. Chủ đề trong những cuốn sách đầu tay của bà là về thời con gái ở miền quê Cheshire, rồi chuyển sang cảnh cùng khổ của tầng lớp lao động trong những tiểu thuyết thời kỳ sau, giúp tên tuổi bà trở nên nổi tiếng. Bà qua đời năm 1865, để lại cuốn truyện hay nhất – *Những người vợ và các cô con gái* – vẫn chưa hoàn thành.

Tác phẩm chính

- 1848 *Mary Barton*
- 1853 *Cranford*
- 1854–55 *Bắc và nam*
(xem bên trên)

KHẮC HOẠ ĐỜI THỰC

1855–1900

Trong *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh năm 1844*, lý thuyết gia chính trị Đức Friedrich Engels phôi bày **tình cảnh bi đát của đời sống thường dân** do sự công nghiệp hóa gây ra.

↑
1845

Về nguồn gốc các loài theo cơ chế chọn lọc tự nhiên của Charles Darwin khơi dậy tranh cãi, khuấy động **sự quan tâm của quần chúng với kiến thức khoa học**.

↑
1859

Tiểu thuyết kỳ ảo cho thiếu nhi đầu tiên do Lewis Carroll sáng tác, *Alice ở Xứ sở Diệu kỳ*, được xuất bản.

↑
1865

Leo Tolstoy hoàn thành thiên sử thi *Chiến tranh và hòa bình*, lấy bối cảnh thời Napoleon và **cuộc xâm lược Nga của Pháp** năm 1812.

↑
1869

1856

↓
Nữ chính tâm hồn mơ mộng trong *Bà Bovary* của Flaubert bị vỡ mộng với **cuộc sống bình thường nơi tỉnh lẻ nước Pháp**.

1862

↓
Trong *Những người khốn khổ*, Victor Hugo **nhấn mạnh bất công giai cấp** khi kể lại những sự kiện đưa đến cuộc nổi dậy lật đổ chế độ quân chủ ở Paris năm 1832.

1866

↓
Tiểu thuyết *Tội ác và hình phạt* của Fyodor Dostoyevsky mô tả **những suy nghĩ và động cơ của một kẻ giết người**, Raskolnikov.

1871–72

↓
Dưới bút danh George Eliot, Mary Ann Evans khắc họa **sự phức tạp của cuộc sống thường nhật** trong *Middlemarch*.

G iữa thế kỷ 19, tiểu thuyết đã xác lập vững chắc địa vị hàng đầu trong văn học với lượng độc giả lớn chưa từng thấy, mở đường cho truyện hư cấu phát triển trên khắp thế giới. Văn hóa đọc đã không còn là đặc quyền của giới tinh hoa trí thức mà trở thành một thú giải khuây phổ biến, và bạn đọc ngày càng hướng đến những cuốn sách có liên hệ mật thiết đến trải nghiệm của cá nhân họ và thế giới mà họ đang sống.

Chủ nghĩa hiện thực trỗi dậy

Truyền thống xây dựng những câu chuyện và nhân vật đáng tin đã có từ các tiểu thuyết gia tiên phong như Daniel Defoe và Henry Fielding, và đến thế kỷ 19, xu hướng tìm về tính chân thực cao hơn tiếp tục phát triển, dẫn đến sự ra đời của những truyện viết về người bình dân và cuộc sống thường nhật của họ.

Hướng tiếp cận này, gọi là "chủ nghĩa hiện thực", nở rộ trước tiên ở Pháp, với một thế hệ nhà văn đã chán ngán khuynh hướng lý tưởng hóa và kịch tính hóa của chủ nghĩa Lãng mạn, thay vào đó khắc họa mọi khung cảnh và nhân vật quen thuộc một cách chính xác hết mức có thể. Một trong số những người đi đầu trong phong cách này là Honoré de Balzac với đại công trình *Tấn trò đời* hướng đến xây dựng một bức tranh toàn diện về xã hội, hé lộ những nguyên lý chi phối cuộc đời của các cá nhân, cũng như những tác động của chúng. Viên kiến lớn lao này không chỉ truyền cảm hứng cho những tiểu thuyết gia hiện thực Pháp như Gustave Flaubert, mà còn mở đường để thế loại văn chương này lan rộng khắp thế giới phương Tây. Đến nửa sau thế kỷ 19, các yếu tố hiện thực chủ nghĩa

– đặc biệt là sự khắc họa những mối ưu tu và tính dễ sai lầm của con người – đã xuất hiện trong tiểu thuyết ở Nga, Anh và Hoa Kỳ.

Các nhà văn tăng cường chất hiện thực cho tiểu thuyết của mình bằng nhiều cách khác nhau. Một số sử dụng lối *roman à clef*, kể lại sự kiện lịch sử theo lối văn hư cấu; số khác viết truyện theo góc nhìn của một người kể chuyện toàn tri, giúp họ mô tả trọn vẹn suy nghĩ, cảm xúc và hành động của nhân vật. Sự chú trọng vào cá tính nội tâm này phát triển thành chủ nghĩa hiện thực tâm lý, một phân nhánh mà các nhà văn Nga như Leo Tolstoy và Fyodor Dostoyevsky đi theo.

Phản kháng xã hội

Nhằm tìm kiếm tính chân thực, nhiều nhà văn hướng mắt quan tâm đến cuộc sống của giai cấp lao

Thời kỳ "Tranh giành Phi châu", **liệt cường châu Âu thi nhau thiết lập thuộc địa** và mở rộng kiểm soát lên vùng lục địa này còn chưa được khai phá nhiều.

Tác phẩm sử dụng phương ngữ *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* do Mark Twain sáng tác **đã kích thái độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam nước Mỹ.**

Một kẻ sát nhân biệt danh "Jack Đô Tê" đã sát hại dã man nhiều phụ nữ ở khu Đông London nhớp nhúa, cung cấp **chất liệu u tối và ghê sợ cho loại truyện Gothic thành thị.**

Xuất bản *Chân dung Dorian Gray* của Oscar Wilde, cuốn tiểu thuyết tìm hiểu về khoái lạc nhục cảm và **bản chất hu phù của cái đẹp.**



TN.1880

1884

1888

1891

1881

1885

1891

1899



Chân dung một quý cô của Henry James khắc họa sự đối lập của **văn hóa Cựu Thế giới và Tân Thế giới** (giữa châu Âu và Bắc Mỹ).

Hồng tâm trong *Này mầm* của Émile Zola là hy vọng về **một tương lai tươi sáng hơn cho nhân loại**, với bối cảnh là một cộng đồng thợ mỏ ở miền bắc nước Pháp vào đoạn cuối những năm 1800.

Trong tiểu thuyết *Nàng Tess nhà d'Urberville*, Thomas Hardy tìm hiểu **tác động gây băng hoại của cuộc sống hiện đại** lên những giá trị truyền thống nước Anh.

Kiệt tác *Giữa lòng tâm tối* của Joseph Conrad đối sánh **những lý tưởng thực dân với nỗi tuyệt vọng của con người** trong một bối cảnh nguyên so.

động thay vì của tầng lớp trung lưu. Tương phản với bức tranh đời sống buồn tẻ của loại nhân vật như bà Bovary, các tác phẩm của những Victor Hugo và Charles Dickens khắc họa chi tiết tình cảnh bi đát của những người bán nông và công nhân, không chỉ vì giá trị văn chương, mà còn như một thông điệp chính trị xã hội. Những nhà văn khác, như Émile Zola, nhấn mạnh vai trò của hoàn cảnh xã hội lên việc định hình nhân vật.

Từ Gothic đến kỳ ảo

Tiêu điểm là cái thực tại cùng khó khắc nghiệt của giai cấp công nhân đã góp phần vào sự chuyển dịch dần dần về góc nhìn sang mặt tối đời sống đô thị. Một hệ quả nó đưa đến là sự phát triển của dòng văn Gothic thành thị, tiêu biểu như *Dracula* của Bram Stoker và *Bác sĩ Jekyll và ông*

Hyde của Robert Louis Stevenson. Cái hy vọng rằng kỷ nguyên buồn thảm đầy bùn đất, bệnh tật và chết chóc này sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt hơn có sức hút lớn với công chúng, truyền cảm hứng cho các cây bút tiên phong như Jules Verne và Arthur Conan Doyle sáng tác loại truyện "khoa học viễn tưởng", trong đó có nhiều phát minh, khám phá, công nghệ được miêu tả như thật.

Thị hiếu dành cho dòng văn kỳ ảo cũng là nét nổi bật trong số sách thiếu nhi ngày một nở rộ lúc bấy giờ, nổi bật là bộ truyện *Alice* mang hơi hướng siêu thực kỳ ảo "bất hợp lý" của Lewis Carroll. Chất liệu lạ lẫm nhuộm màu phiêu lưu này mở ra một "thời đại hoàng kim" của văn học thiếu nhi với nhiều tác phẩm có sức hút lâu bền, từ "ngụ ngôn" *Chuyện rừng xanh* của Rudyard Kipling đến loại truyện

mang tính đời thực hơn như *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* của Mark Twain.

Chất biểu hiện tượng trưng chủ nghĩa

Một số nhà văn cho rằng nghệ thuật nên thể hiện cái đẹp và lạc thú xác thịt thay vì nỗi thống khổ. Các nhà văn thuộc phong trào Duy mỹ này sử dụng cách thể hiện gián tiếp chịu ảnh hưởng từ chủ nghĩa Tượng trưng của các nhà thơ Pháp như Charles Baudelaire và Stéphane Mallarmé. Cho rằng tiểu thuyết hiện thực là tầm thường, những nhà tượng trưng nhấn mạnh tầm quan trọng của ẩn dụ, hình tượng và ngụ ý. Các thi sĩ tượng trưng cũng tìm kiếm những phương thức biểu đạt mới, thể nghiệm các kỹ thuật thi ca, truyền cảm hứng cho thế hệ nhà văn Hiện đại chủ nghĩa sau này. ■

**SỰ BUỒN CHÁN,
NHỮNG CON NHỆN ÂM THẦM
ĐANG GIẪNG TỎ
NƠI NHỮNG GÓC KHUẤT
TRONG TRÁI TIM NÀNG**

***BÀ BOVARY* (1856),
GUSTAVE FLAUBERT**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa hiện thực Pháp

TRƯỚC ĐÓ

1830 Sự phân tích chi tiết xã hội Pháp và các chiều sâu tâm lý trong *Đỏ và đen* của Stendhal đánh dấu bước chuyển dứt khoát từ lãng mạn sang hiện thực.

1830–56 Những tiểu thuyết và truyện ngắn có nội dung liên kết nhau trong bộ *Tấn trò đời* đồ sộ của Honoré de Balzac cho ta cái nhìn toàn cảnh về xã hội Pháp giai đoạn 1815–48.

SAU ĐÓ

1869 *Giáo dục tình cảm* của Flaubert đóng góp vào nền văn chương hiện thực Pháp bức tranh rộng lớn của nước Pháp thời Louis-Philippe.

1885 Guy de Maupassant khắc họa quá trình nhân vật vươn lên nấc thang xã hội một cách bất chấp trong *Anh bạn điển trai*, tiểu thuyết hiện thực lấy bối cảnh Paris cuối thế kỷ 19.

Chủ nghĩa Lãng mạn, với trọng tâm là cảm xúc, tự nhiên và chất anh hùng, đã thống trị văn đàn Pháp từ cuối thế kỷ 18, nhưng từ những năm 1830 đã nổi lên một dòng văn mới: chủ nghĩa hiện thực. Dù thể loại này về sau sẽ lan rộng khắp trong và ngoài châu Âu, khởi nguồn và những bước tiến buổi đầu của nó đặc biệt gắn liền với nước Pháp.

Phần nào đó là lời phản hồi cho chủ nghĩa Lãng mạn, đồng thời là lăng kính phản ánh sự phát triển của khoa học tự nhiên và xã hội, dòng văn mới mẻ này chuyên về lại đời sống thường nhật và xã hội đương thời với độ chi tiết và chính xác cao, không tô vẽ huê dạng lãng mạn. Những nhà văn hiện thực đặt các tình huống và sự kiện quen thuộc dưới góc nhìn văn học, tái hiện chúng sát theo hiện thực thay vì lý tưởng hóa chúng, ngay cả với các chủ đề bị các nhà Lãng mạn xem là tầm thường.

Chủ nghĩa hiện thực trỗi dậy

Một trong những nhà văn Pháp đầu tiên thời này đi theo hướng tiếp cận trên là Stendhal; ông kết hợp cả Lãng mạn và hiện thực trong các tiểu thuyết *Đỏ và đen* và *Tu viện thành Parma* (1839). Nhân

“

Trái tim nàng là thế: sự tiếp xúc với phấn hoa đã để lại trên trái tim đó một vết dấu sẽ không bao giờ mờ phai.

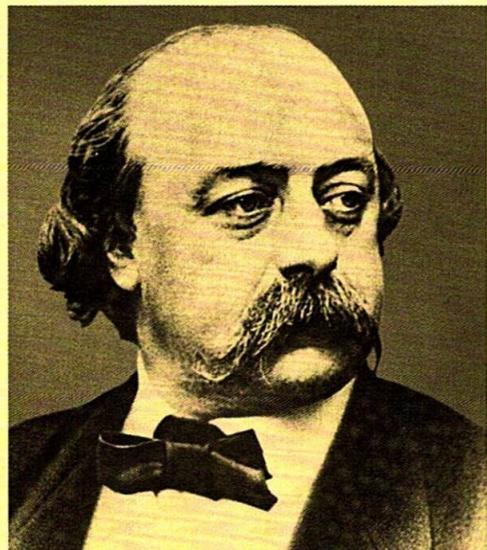
Bà Bovary

”

vật tiên phong chủ chốt của trào lưu này thì là Honoré de Balzac, người bằng quan sát kỹ lưỡng đã xây dựng bức tranh chân thực của cuộc sống thường nhật trong kiệt tác *Tấn trò đời* gồm hơn 100 tiểu thuyết và truyện ngắn. Tuy nhiên, chính *Bà Bovary* của Gustave Flaubert mới tiến xa nhất trên con đường đó, trở thành áng văn hiện thực Pháp hay nhất và giàu sức ảnh hưởng nhất.

Thoạt nhìn, cốt truyện *Bà Bovary* khá đơn giản. Một thiếu phụ trẻ, Emma Bovary, không tìm thấy hạnh phúc trong cuộc hôn nhân với người chồng ử dột làm bác sĩ nơi vùng tỉnh lẻ Normandy phía

Gustave Flaubert



Gustave Flaubert sinh ngày 12 tháng 12, 1821 ở Rouen, Pháp. Cha ông là trưởng khoa ngoại bệnh viện chính ở Rouen. Ông bắt đầu sáng tác khi còn ngồi ghế nhà trường, nhưng tới năm 1841 thì đến Paris theo học luật. Ở tuổi 22, ông bắt đầu mắc một chứng rối loạn thần kinh, sau đó từ bỏ ngành luật để chuyên tâm viết văn. Năm 1846, cha ông và người chị Caroline qua đời; cùng mẹ và cháu gái, Flaubert chuyển đến Croisset gần Rouen, nơi ông sống hết phần đời còn lại. Đời ông không biết đến cuộc sống hôn nhân vợ chồng, ngoại trừ một đoạn tình duyên với nữ thi sĩ

Louise Colet từ 1846 đến 1855. Flaubert khởi thảo tiểu thuyết *Bà Bovary* vào năm 1851, rồi hoàn thành nó năm năm sau đó. Năm 1857, ông đến Tunisia để thu thập tài liệu cho tiểu thuyết tiếp theo, *Salammô* (1862), lấy bối cảnh Carthage cổ đại. Ông tiếp tục sáng tác nhiều tác phẩm khác, nhưng không bao giờ đạt đến thành công như tiểu thuyết đầu tay. Flaubert qua đời ngày 8 tháng 5, 1880, được an táng ở nghĩa trang Rouen.

Tác phẩm chính khác

1869 *Giáo dục tình cảm*

1877 *Ba chuyện kể*

Xem thêm: Đỏ và đen 150–51 ▪ Lão Goriot 151 ▪ Này mâm 190–91 ▪ Giáo dục tình cảm 199 ▪ Lolita 260–61

bắc nước Pháp. Những trang sách diễm tình từng đọc thời thiếu nữ đã nuôi dưỡng trong nàng ước mơ về một cuộc đời vui thú trọn vẹn hơn, nhưng mọi nỗ lực để nâng hiện thực lên cho bằng mơ mộng đó của nàng đã đem đến những hậu quả bẽ bàng.

Cuộc sống nơi tỉnh lẻ

Phác thảo kịch bản đó không nói lên hết được tính phức tạp của cuốn tiểu thuyết. Từ đoạn đầu khi người đọc được giới thiệu với cậu thiếu niên Charles Bovary cho đến cái kết bi kịch khiến chính Flaubert cũng nhỏ lệ, *Bà Bovary* chỉ xoay quanh bối cảnh vùng tỉnh lẻ nước Pháp giữa thế kỷ 19. Những sự kiện nơi thế giới rộng lớn bên ngoài cứ vụt nhanh qua, mà trung tâm phồn hoa của nó, đối với tầng lớp trung lưu mới nổi, chính là thành Paris. Nhưng thay vào đó, Flaubert lại hướng ngòi bút của mình vào giới tiểu tư sản tỉnh lẻ, dệt nên cuộc sống của họ bằng sự thấu hiểu sắc sảo và không phải lúc nào cũng bao dung về tâm lý con người.

Sự nghiệp Flaubert khởi sự từ cái gốc Làng mạn, với cuốn tiểu



thuyết mang hơi hướng kỳ lạ thân bí *Cám dỗ của Thánh Anthony*. Tuy nhiên, một số thân hữu của ông, đặc biệt là người hướng đạo cho ông, nhà văn Louis Bouilhet, phản ứng không mấy tích cực với bản thảo này, khiến ông cảm thấy cần tìm một lối đi hiện thực hơn. Dựa trên một sự kiện có thật (cái chết của một bác sĩ có người vợ gây tai tiếng), Flaubert chấp bút viết cuốn sách mới. Mục tiêu của ông là viết về cuộc sống bình dân.

Sáng tạo trong chi tiết

Dự phóng này khiến Flaubert mất đến năm năm với nhiều công sức nghiên cứu tỉ mỉ. Ông đặt bối cảnh tiểu thuyết trong vùng lân cận Rouen, nơi ông sống hầu hết cuộc đời và biết rõ mọi chi tiết gán gù; nhiều nơi chôn trong truyện – như các làng Tostes và Yonville – được ông xây dựng dựa trên những thị trấn có thật. Ông đi bộ quanh vùng, thậm chí vẽ lại bản đồ để đảm bảo độ chính xác cao nhất; ông dựng nên tiểu sử của các nhân vật hư cấu, rồi tạo ra một thủ văn phong đã lột

Rouen, thủ phủ vùng Normandy, là bối cảnh tỉnh lẻ trong văn Flaubert – một phong nền hoàn hảo để ông tái hiện cuộc sống và mối quan tâm của tầng lớp trung lưu.

bỏ hết chất Làng mạn chủ nghĩa, dụng công trong từng câu văn. Ngồi trong căn phòng nơi bờ sông Seine ở Croisset, gần Rouen, ông liên tục chỉnh sửa và viết lại từng trang bản thảo, một công đoạn gian nan tiêu tốn thời gian. Mục tiêu của ông là phải viết theo một phong cách hoàn toàn mới và khách quan, không có “*bất cứ một nhận định chủ quan nào, bất cứ một suy nghĩ nào của tác giả*”. Thành quả, đúng như Flaubert mong đợi, là một thành tựu tột bậc.

Với bố cục ba phần, *Bà Bovary* đã nêu bật tương phản giữa sự vô vọng của tình đã cảm làng mạn với hiện thực đơn điệu của cuộc sống thường ngày. Cái Flaubert phê phán cụ thể ở đây chính là sự khô đại và nhàm tẻ của tầng lớp trung lưu, những người bị ông giữ một thái độ khinh thị, dù bản

“

Lò sưởi nguội lạnh, đồng hồ vẫn tích tắc trôi, và Emma co hồ kinh ngạc khi thấy mọi thứ xung quanh lại bình lặng đến vậy trước cơn bão động nhường ấy trong tâm hồn nàng.

Bà Bovary

”

Mơ mộng, thực tại và chủ nghĩa hiện thực

Emma mơ tưởng đến:
những phiêu lưu kỳ thú nơi
những miền xa xôi; tình yêu,
đam mê và "đắm say";
giàu có và "cuộc sống
xa hoa".

**Cuộc sống của Emma lại
chỉ có:**
sự tẻ nhạt tầm thường nơi
thị trấn tỉnh lẻ; buồn chán
và không được thỏa mãn
trong hôn nhân; nợ nần
chồng chất.



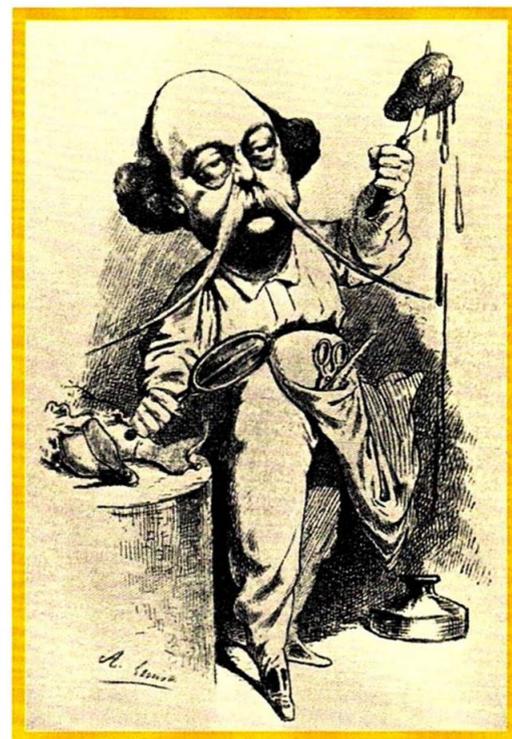
Flaubert đã đạt đến ngòi bút hiện thực xuyên thấu bằng:
sự kiên định trong việc tìm ra *le mot juste* – từ chính xác; chú ý
chi tiết không biết mệt mỏi; sự khách quan nghiêm cẩn.

thân ông cũng thuộc tầng lớp đó. Emma Bovary, nhân vật trung tâm của cuốn tiểu thuyết, tượng trưng cho tính cách lãng mạn phi thực tế. Nàng là con gái của một nông dân giàu có, được giáo dục trong trường ma-so. Đắm chìm trong những truyện hiệp sĩ lãng mạn của Walter Scott và "những vần thơ của Lamartine" (thi sĩ Lãng mạn mà Flaubert xem thường), nàng mơ về cuộc sống "trong một thái ấp cũ... trông ra xa xa bên kia những cánh đồng, ngóng chờ một kỵ sĩ mũ cắm lông vũ trắng,

cười con hắc mã phi nước đại đến tìm nàng".

Đam mê và hiện thực

Để tìm thấy một "đam mê tuyệt diệu" như vậy, Emma đã kết hôn với Charles Bovary, một bác sĩ tốt bụng nhưng buồn chán sống ở ngôi làng Tostes nhỏ bé nơi điển dã. Hầu như ngay lập tức nàng tìm thấy thất vọng, không chỉ vì sự ụt dột và thiếu chí tiến thủ của Charles, mà còn vì khía cạnh chán gỏi. Sự cách biệt giữa giấc mơ nàng ôm ấp với hiện thực hôn nhân



Flaubert giải phẫu bà Bovary là hình ảnh trong bức hí họa năm 1869 này. Cuốn tiểu thuyết đã mổ xẻ nội tâm của Emma, phơi bày những ý nghĩ thâm kín của nàng với chất hiện thực tâm lý cao độ.

không chút khuấy động, được Flaubert khắc họa bằng sự nhạy cảm sâu sắc, chính là trọng tâm trong thiên tiểu thuyết.

Emma và Charles chuyển đến Yonville, thị trấn tỉnh lẻ được Flaubert miêu tả chi tiết đến kỳ công, và đôi khi mang màu sắc châm biếm, "một vùng pha tạp, thô ngu thì không có trọng âm, cùng nhu phong cảnh chẳng hề có sắc thái". Khả năng nắm bắt chất tầm thường thế tục của Flaubert đã góp phần nâng cuốn tiểu thuyết lên thành tác phẩm trụ cột của chủ nghĩa hiện thực Pháp. Không chi tiết nào là quá nhỏ: ông vẽ lại những mái nhà lợp rơm như những cái mũ lông, rồi những cây lê cần cỏi, những chái nhà què và nhà chứa cỏ xua cũ, những khoảnh nghĩa trang nhỏ đặc trưng của vùng. Ngòi bút của ông khi tả hội chợ vùng quê nơi các vị quyền cao chức trọng địa phương nói chuyện bằng giọng điệu phò

phang kệch cỡm, bắt chước tầng lớp trung lưu thành thị, đã đạt tới trình độ bậc thầy. Kịch tính bộc lộ khi ông cho những lời tế nhị đó đối sánh với lời nói và hành động đầy đam mê của Emma Bovary, người đứng sau song của sổ ngóng về hội chợ.

Những giấc mơ xa vời

Flaubert giới thiệu một số nhân vật khác ở Yonville, trong đó có viên dược sĩ của thị trấn, ông Homais, một người báo thù và là một nhà vô thần, hành nghề không giấy phép, luôn tận dụng mọi cơ hội để phò trương mô kiến thức hiển nhiên của mình theo cách thức lối bịch nhất có thể; hay như ông Lheureux, một con buôn, nhân tâm xúi bẩy Emma chìm sâu vào nợ nần khi nàng cố tìm quên buồn chán hôn nhân bằng cái cách ngày nay người ta hẳn sẽ gọi là "liệu pháp mua sắm". Flaubert biết những nhân vật như vậy rất rõ, tái hiện họ bằng chi tiết sát thực; xuyên suốt tiểu thuyết, ông nhiều lần lột tả được sự tri độn và thái độ thiên cận của họ, trong khi không bao giờ để ngòi bút của mình trở nên tri độn theo. Chính khi nhào vào tình lãng mạn và những giấc mơ tuyệt nhiên bất khả to hoại của Emma (theo sau đó là những hệ quả bi kịch), ông cũng đang đá kích thú khát vọng vô cảm tự phụ của tầng lớp con buôn.

“

Đừng bao giờ chạm vào thân tượng của mình: nhũ vàng sẽ dính vào những ngón tay bạn.

Bà Bovary

”

“

Mong muốn được chết và được sống ở Paris của nàng mãnh liệt nhu nhau.

Bà Bovary

”

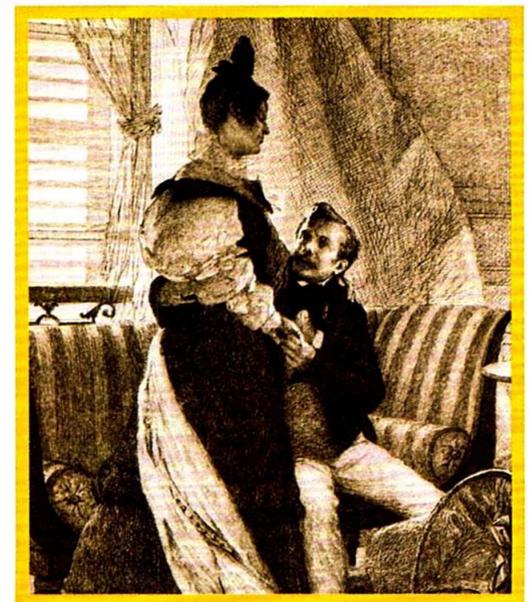
Bằng chi tiết hiện thực của cuộc sống thường ngày ấy, bức tranh Flaubert vẽ những mơ mộng lãng mạn và trắc trở hôn nhân của Emma trong cuộc sống nơi tỉnh lẻ càng trở nên đầy sức nặng, đồng thời mang tính hiện đại đáng ngạc nhiên. Lẽ thường khó tránh, Emma đã tìm kiếm sự lãng mạn và thú đam mê lớn lao ngoài luống, sa chân vào hai cuộc tình chóng tàn, đầu tiên là với Rodolphe Boulanger, một địa chủ giàu có và là một tay ve gái có hạng, rồi đến Léon Dupois, một sinh viên luật trẻ tuổi, người chia sẻ với nàng đam mê với âm nhạc, những phong cảnh kỳ thú, cũng như những áng văn Lãng mạn huê tình. Sau phút phấn khích và thỏa mãn rõ ràng ban đầu, Emma cuối cùng vô mộng. Như Flaubert viết: "Ngoại tình, như Emma dần hiểu ra, cũng què quặt tầm thường như chính hôn nhân." Bị người tình đầu bỏ rơi và người thú hai cụ tuyệt, nàng sa vào vòng xoáy tự hủy hoại mình bằng nợ nần và sự lạc lõng giữa đời.

Phân xét chủ nghĩa hiện thực

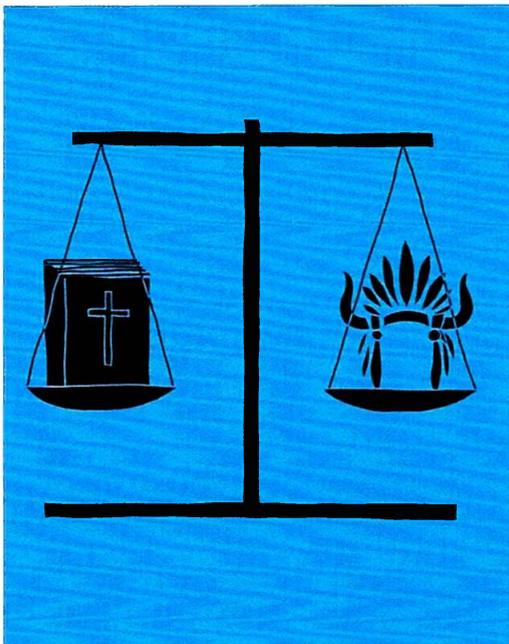
Bà Bovary ban đầu được đăng dài kỳ trên tạp san *Revue de Paris*. Hầu như ngay lập tức, Flaubert, nhà in và chủ bút *Revue* bị gọi đến tòa với cáo buộc dối trá, và người ta đã toan cấm cuốn tiểu thuyết vì có "xúc phạm đạo đức của cộng đồng và tôn giáo". Không chỉ nội dung, chính giọng

văn hiện thực của nó cũng bị xem là khiếm nhã gây sốc. Dầu vậy Flaubert cùng đồng sự đã được tha bổng, và dù sự tiếp nhận ban đầu có nhiều ý kiến trái chiều, cuốn sách về sau trở thành sách bán chạy.

Bà Bovary và tiểu thuyết tiếp theo của Flaubert là *Giáo dục tình cảm*, với bức tranh cuộc sống đời thường khách quan, chi tiết và thâm đậm của chúng, đã đánh dấu buổi đầu của chủ nghĩa hiện thực Pháp, cũng chính là đỉnh cao của nó. Ở Pháp, truyện Flaubert gây ảnh hưởng đến nhiều nhà văn lớn, trong đó có Guy de Maupassant, với văn phong và lối tiếp cận gây gọn phản ánh tinh thần hiện thực từ người thầy hướng đạo của ông; hay như Émile Zola, tác gia chú mục vào hiện thực khắc nghiệt của đời sống thường nhật trong những tiểu thuyết như *Náy máu* (1885); hay như mọi nhà văn khác, những người dành hàng tháng trời để nghiên cứu đề tài sáng tác, giống như Flaubert đã từng. ■



Rodolphe Boulanger, tình nhân đầu tiên của Emma, nhận ra nỗi buồn chán, cái đam mê không được thỏa mãn và sự sẵn lòng để bị quyến rũ của nàng, và đã khéo léo cuốn nàng vào cuộc tình ngoài luống.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Trường phái Anh-điêng

TRƯỚC ĐÓ

1609 Garcilaso Inca de la Vega, con trai một chinh tướng Tây Ban Nha và một công chúa người Inca, đã viết *Comentarios Reales de los Incas*, áng văn xuôi viết về truyền thống và phong tục người Inca, cũng như cuộc chinh phạt Peru của Tây Ban Nha.

1851 Nhà thơ Brazil Gonçalves Dias ra mắt thi phẩm nổi tiếng bậc nhất của phong trào văn học Anh-điêng, *I-Juca-Pirama*, kể về một chiến binh người Tupi. Tựa tác phẩm theo tiếng Tupi nghĩa là: "Kẻ phải chết xứng đáng bị giết."

1856 Xuất bản sử thi *A Confederação dos Tamoios* viết về người Tupi do nhà thơ, nhà soạn kịch người Brazil Gonçalves de Magalhães sáng tác theo ủy nhiệm của hoàng đế Brazil Pedro II.

TÔI CŨNG LÀ ĐỨA CON CỦA MẢNH ĐẤT NÀY; TÔI CŨNG LỚN LÊN NƠI SƠN THỦY NÀY

NGƯỜI GUARANI (1857), JOSÉ DE ALENCAR

Trường phái Anh-điêng là một phong trào văn học nghệ thuật giữa thế kỷ 19 ở Brazil, khi các nhà văn và nghệ sĩ khoác lên những người Anh-điêng bản địa của đất nước lớp áo anh hùng.

Có hai nhân tố chính góp phần tạo ra trường phái Anh-điêng. Đầu tiên là việc Brazil giành được độc lập khỏi Bồ Đào Nha trước đó chưa lâu (1821–24), nên các tác giả muốn bày tỏ ý tưởng về một quốc gia mới nơi người bản địa và người châu Âu di cư sống hòa hợp và bình đẳng. Nhân tố thứ hai là chủ nghĩa Lãng mạn từ châu Âu lan đến Brazil, với tu tưởng trân trọng nhận thức ngay thơ và sự thuần khiết tinh thần của những người bản địa (xuất phát từ hình ảnh lãng mạn "người man dâ cao quý" của thế kỷ 18).

Chủ nghĩa Lãng mạn lý tưởng hóa

José de Alencar (1829–77) được xem là cha đẻ của tiểu thuyết Brazil, và cuốn *Người Guarani* đã giúp tên tuổi ông lần đầu được công chúng biết đến. Cuốn sách lấy bối cảnh năm 1604, kể về một dân định cư thời kỳ đầu, người có cô con gái

Cecilia, tuy đã có hôn ước nhưng vẫn phải lòng Peri, chàng thổ dân Anh-điêng tộc Guarani. Peri là một nhân vật lý tưởng hóa, man dâ mà cao quý, đã từ bỏ bộ lạc của mình và quy theo những đức tin Kitô.

Việc Alencar sử dụng những từ bản địa, chẳng hạn như tên các loại động thực vật, bị xem là tai tiếng đối với nền văn học Bồ Đào Nha đương thời, nhưng nó đã giúp văn học Brazil tự do phát triển theo hướng đi riêng. Với chất lãng mạn trữ tình cao, *Người Guarani* ngày nay vẫn được giảng dạy trong trường học ở Brazil. ■

“

Họ là những người can đảm vô úy, có tài tháo vát của những kẻ văn minh, lại có sự khéo léo nhanh nhạy của người Anh-điêng.

Người Guarani

”

Xem thêm: *Người Mohican cuối cùng* 150 ■ *Cao bồi Martin Fierro* 199

THI SĨ LÀ THÂN QUYẾN TRONG NHỮNG ĐÁM MÂY

LES FLEURS DU MAL (1857),
CHARLES BAUDELAIRE



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa Tượng trưng Pháp

TRƯỚC ĐÓ

1852 Tập thơ *Men gồm và đá chạm* của Théophile Gautier tách khỏi dòng Lãng mạn, chú trọng vào hình thức thơ thay vì cảm xúc.

SAU ĐÓ

1865–66 Trong bài “Buổi chiều của một thần đồng nội”, Stéphane Mallarmé kể câu chuyện mộng ảo về một thần đồng nội đối thoại với hai nàng nympe – một tượng trưng cho vật chất, một tượng trưng cho trí tuệ.

1873 Trong tập thơ *Một mùa địa ngục*, Arthur Rimbaud trưng ra hai mặt con người ông – một thi sĩ say đắm với ánh sáng và tuổi thơ, và một nông dân gắn mình với thực tế.

1874 Paul Verlaine sáng tác *Thơ không lời*, lấy cảm hứng từ mối quan hệ của ông với Arthur Rimbaud.

Tác phẩm của các nhà thơ Tượng trưng Pháp thế kỷ 19 thường tập trung vào xúc cảm và ẩn ý thay vì những thủ pháp tu từ đặc tả, sử dụng biểu tượng, ẩn dụ và hình ảnh để khơi gợi những tâm trạng riêng. Những nhà Tượng trưng đi đầu có các tên tuổi như Paul Verlaine, Arthur Rimbaud và Stéphane Mallarmé, nhưng người tiên phong mở đường lại là Charles Baudelaire (1821–67).

Nghệ thuật từ sự băng hoại

Trong *Les Fleurs du mal* (Những bông hoa ác) – tựa đề gợi ý sự nở rộ thành nghệ thuật của sự băng hoại đạo đức – Baudelaire quay lưng lại với cảm hứng Lãng mạn để hướng đến chất tượng trưng giàu sức gợi và sự biểu hiện chân thực. Sử dụng nhịp thơ alexandrine truyền thống với những dòng 12 âm tiết chia làm đôi bởi một quãng nghỉ gọi là caesura, ông viết về những đề tài gây sốc đối với chuẩn mực bấy giờ, như mai dâm, tình dục khác màu da, rượu và ma túy. Bức tranh nhân loại thời hiện đại của Baudelaire mang tính bi quan, thấm đượm mối ưu tu cá nhân của ông – trong đó có tham vọng thi ca. Trọng tâm trong

cuốn sách là *ennui*, cái chết của linh hồn, cũng như nỗi khiếp sợ cái chết mang sắc màu hiện sinh.

Truy tìm ý nghĩa

Phản đầu tập thơ là loạt bài tìm hiểu về những vai trò của người nghệ sĩ như một nhà tiên tri, kẻ tuần đạo, người trình diễn, người thực thi, cũng như một gã khờ. Nhà thơ cố tìm kiếm ý nghĩa trong khoái lạc xác thịt, nhưng theo sau niềm phấn khích ban đầu lại là sự thờ ơ, điều mà chỉ có nghệ thuật mới giúp khuấy khỏa được. Trong phần hai “Parisian Tableaux”, được thêm vào trong ấn bản mới năm 1861, nhà thơ lang thang khắp thành phố như một *flâneur* (người quan sát nhàn rỗi), để rồi chỉ tìm thấy những điều nhắc ông nhớ về sự khốn khổ của bản thân mình. Paris xưa cũ đã mất, chỉ còn những phố phường mới mẻ xa lạ.

Những phần tiếp theo mô tả sự chìm đắm của nhà thơ vào rượu chè, tình dục và thậm chí là đạo tặc quý. Bài thơ cuối “Cuộc viễn du” là một khúc du ca lần theo những hành trình của linh hồn để đi đến cuộc phiêu lưu cuối cùng, ở đó sau rốt hẳn sẽ có những điều mới mẻ để con người trải nghiệm. ■

Xem thêm: *Chân dung Dorian Gray* 194 ▪ *Một mùa địa ngục* 199 ▪ *Đất hoang* 213 ▪ *Kẻ xa lạ* 245



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết phản kháng xã hội

TRƯỚC ĐÓ

1794 Nhà văn Anh cấp tiến William Godwin lột trần bất công xã hội trong *Những cuộc phiêu lưu của Caleb Williams*.

1845 Chính trị gia Anh Benjamin Disraeli viết *Sybil, hay Hai quốc gia*, cho thấy nước Anh có hai thế giới của người giàu và kẻ nghèo.

1852–65 Tiểu thuyết gia Anh Charles Dickens lên án cái nghèo và lòng tham của xã hội Victoria trong *Nhà Lạnh, Dorrit bé nhỏ và Bạn của chúng ta*.

SAU ĐÓ

Tn.1870–80 Nhà văn Pháp Émile Zola viết về cái nghèo nơi thành thị và hệ thống xã hội trong *Quán rượu* (1877) và *Náy mắt* (1885).

1906 *Khu rừng*, tiểu thuyết của ký giả Mỹ Upton Sinclair viết về nên công nghiệp nước người ở Chicago, gây sốc cho độc giả.

KHÔNG AI LẮNG NGHE, KHÔNG PHẢI LÝ DO ĐỂ IM LẶNG

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ (1862), VICTOR HUGO

Là một tiểu thuyết đồ sộ, *Những người khốn khổ* được chia làm năm tập, mỗi tập lại chia thành nhiều quyển được đặt tên theo vài nhân vật. Động lực sáng tác của Hugo cũng không kém phần lớn lao – chính là để cất tiếng nói phản kháng trước tình cảnh xã hội ở Pháp đương thời. Với ông, chùng nào còn có “kim kẹp xã hội... gây ra địa ngục trên Trái Đất... thì những cuốn sách thế này sẽ không thể nào vô dụng”.

Hugo không phải nhà văn duy nhất nhấn mạnh vào sự bất công trong nỗ lực đem đến thay đổi xã hội. Đồng nghiệp cùng thời với ông, nhà văn Anh Charles Dickens cũng theo đuổi mục đích tương tự, trong khi hình ảnh cái nghèo ở miền bắc công nghiệp hóa của nước Anh

được Elizabeth Gaskell vẽ nên trong *Mary Barton* (1848) cũng đã góp phần vào không khí cải cách xã hội của đất nước. Trong khi đó, ở Hoa Kỳ, *Túp lều bác Tom* (1852) của Harriet Beecher Stowe đã thúc đẩy cảm tình chống chế độ nô lệ.

Tác phẩm này của Hugo bao gồm rất nhiều nhân vật với bối cảnh lịch sử rộng lớn, trải từ năm 1815 đến cuộc nổi dậy tháng Sáu năm 1832 ở Paris. Đây là một thiên tiểu thuyết bao quát nhiều chủ đề nhu sự gian khổ, nghèo khổ, lòng tham, cay đắng, chính trị, tình thương, tình yêu và sự cứu chuộc.

Địa ngục mong chờ nhân tính

Mạch truyện chính trong *Những người khốn khổ* dõi theo Jean Valjean từ lúc bắt đầu được tự do sau 19 năm ngồi tù vì tội trộm bánh mì. Bị gạt ra ngoài lề xã hội, ông đã ăn trộm của một giám mục, người che tội cho ông và cảm hóa ông bằng lòng tốt để đưa ông lên con đường cứu chuộc. Lấy tên giả, Valjean bắt đầu làm ăn, trở nên giàu có, rồi nhận nuôi một bé gái tên Cosette, con gái Fantine, người mẹ đã bị sự nghèo khổ đẩy vào con đường làm gái bán hoa rồi qua đời. Bất chấp mọi nỗ lực, quá khứ tội phạm vẫn ám ảnh Valjean, và ông liên tục bị theo đuổi bởi viên thanh tra cảnh sát cứng rắn Javert.

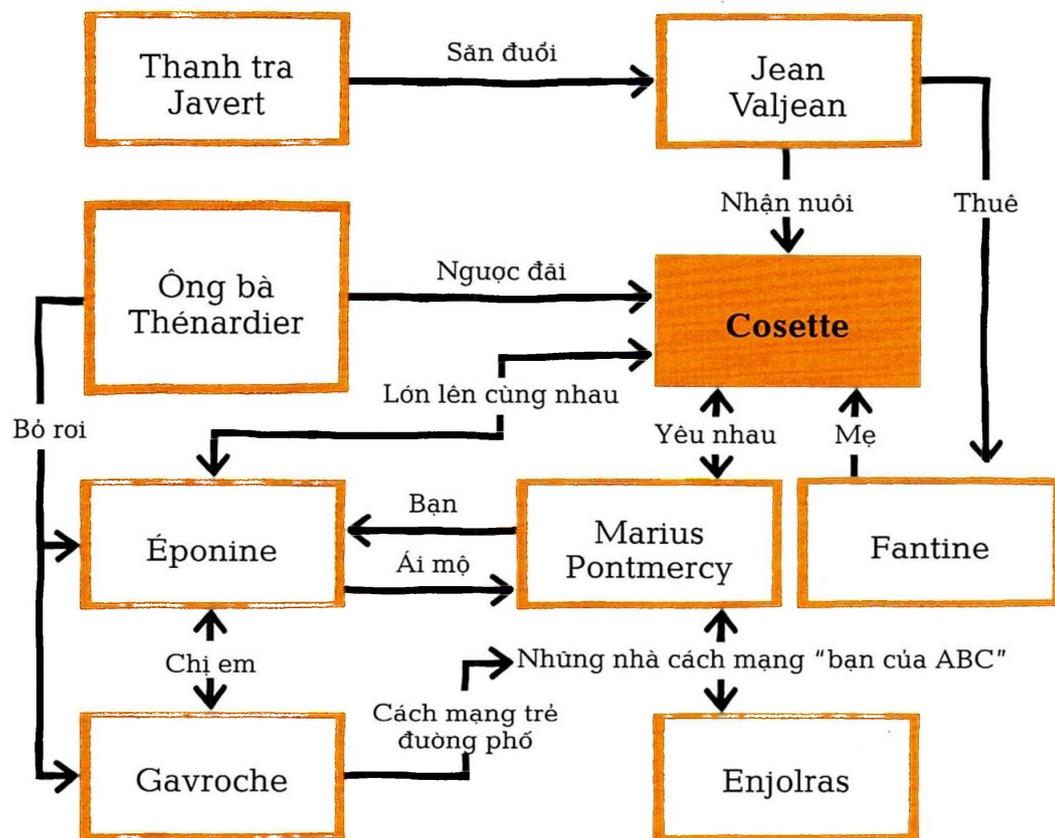
“

Xã hội thịnh vượng có nghĩa là con người được hạnh phúc, công dân được tự do, và quốc gia trở nên vĩ đại.
Những người khốn khổ

”

Xem thêm: Nhà Lạnh 146–49 ▪ Oliver Twist 151 ▪ Túp lều bác Tom 153 ▪ Chiến tranh và hòa bình 178–81 ▪ Này năm 190–91

Những người khốn khổ có lượng nhân vật lớn với quan hệ chằng chéo. Tiêu điểm của bức tranh giai tầng hỗn hợp đó là những mảnh đời khốn khổ bị chôn vùi trong mê cung dưới đáy xã hội Paris. Trọng tâm của câu chuyện là về số phận của Cosette, cô gái mồ côi, con của một gái điếm.

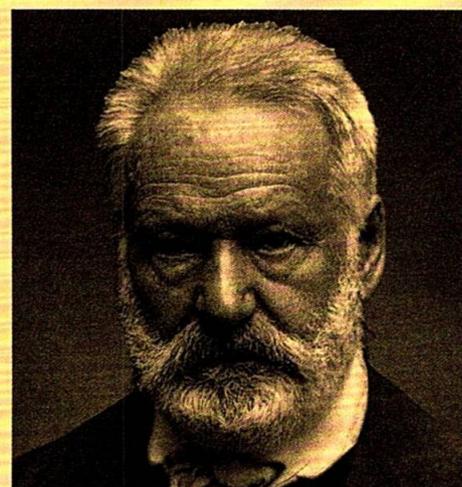


Đan quện vào câu chuyện còn có nhiều nhân vật khác: Marius, một sinh viên luật tính cách lý tưởng hóa đem lòng yêu Cosette; nhà Thénardier, những chủ trọ vô si ngược đãi Cosette; những đứa con của họ là Gavroche và Éponine, bị bỏ rơi sống trên đường phố; và những sinh viên mang tinh thần cách mạng. Tất cả bị mắc kẹt trong xã hội địa ngục mà Hugo đã miêu tả sống động.

Suốt tác phẩm, Hugo nhiều lần quay sang viết về những chủ đề liên quan khác, cũng như nêu ra ý kiến của mình. Ông viết chi tiết về Trận Waterloo (1815), trẻ đường phố, kiến trúc Paris, việc xây dựng hệ thống cống ngầm Paris và các giáo phái. Cuối tiểu thuyết, Hugo còn ngưng kể về những hành động

noi phòng tuyến để ngắm về vai trò của cách mạng trong việc xây dựng một xã hội tốt hơn, trước khi quay trở lại với đoạn kết.

Những người khốn khổ được quảng bá rộng rãi từ trước khi được xuất bản, và đã gây được tiếng vang nhất định: nhiều nhà phê bình chỉ trích Hugo là xách động cách mạng, người thì cho rằng ông đã cảm quá mức. Tuy nhiên cuốn sách vẫn tức thời thành công, không chỉ ở Pháp mà còn ở Anh và nhiều nước khác. Dù không trực tiếp đem lại thay đổi nào, tâm vóc lịch sử và những miêu tả hùng hồn về bất công xã hội của nó cho thấy rằng, như mọi tiểu thuyết phản kháng vĩ đại, nó cũng gọi lên suy nghĩ và nâng cao nhận thức xã hội. ■



Victor Hugo

Victor Hugo, văn hào hàng đầu nước Pháp, sinh năm 1802 ở Besançon miền đông Pháp, là con trai một sĩ quan trong quân đội của Napoleon. Được nuôi dưỡng và giáo dục tốt ở Paris, ông xuất bản tập thơ đầu tiên khi ở tuổi 20.

Là cây bút thiên tài, Hugo đã sáng tác khoảng 20 tập thơ, 10 vở kịch, chín tiểu thuyết cùng nhiều tiểu luận. Ông còn là người hoạt động chính trị tích cực, mang tư tưởng cộng hòa tự do, ủng hộ quyền phổ thông đầu phiếu. Sau những cuộc cách mạng làm rung chuyển châu Âu năm 1848, ông được bầu vào Quốc hội Pháp. Tuy nhiên, vì kịch liệt lên án Đế chính Thứ hai của Louis Napoleon, ông phải sống lưu vong vào năm 1851 cùng vợ là Adèle và người tình lâu năm Juliette Drouet.

Trở về Paris năm 1870 như một anh hùng dân tộc, Hugo trở thành một nguyên lão trong nền Cộng hòa Thứ ba. Ông mất năm 1885 và được an táng trong đền Pantheon.

Tác phẩm chính khác

- 1827 *Cromwell*
- 1831 *Nhà thờ Đức Bà Paris*
- 1859–83 *Truyện thuyết của các thời đại*

TÒ MÒ HƠN VÀ HƠN NỮA!

**ALICE Ở XỨ SỞ DIỆU KỲ (1865),
LEWIS GARROLL**



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Khởi sinh tuổi ấu thơ

TRƯỚC ĐÓ

1812 *Gia đình Robinson Thụy Sĩ* của mục sư người Thụy Sĩ Johann David Wyss kể về bốn đứa trẻ cùng cha mẹ chúng, tìm ra cách sống tự cung tự cấp trên đảo hoang.

1863 Nhân vật chính trong *Những em bé nước* của nhà văn Anh Charles Kingsley là một thợ cạo ống khói nhỏ tuổi học được những bài học đạo đức nơi xứ thủy cung kỳ ảo.

SAU ĐÓ

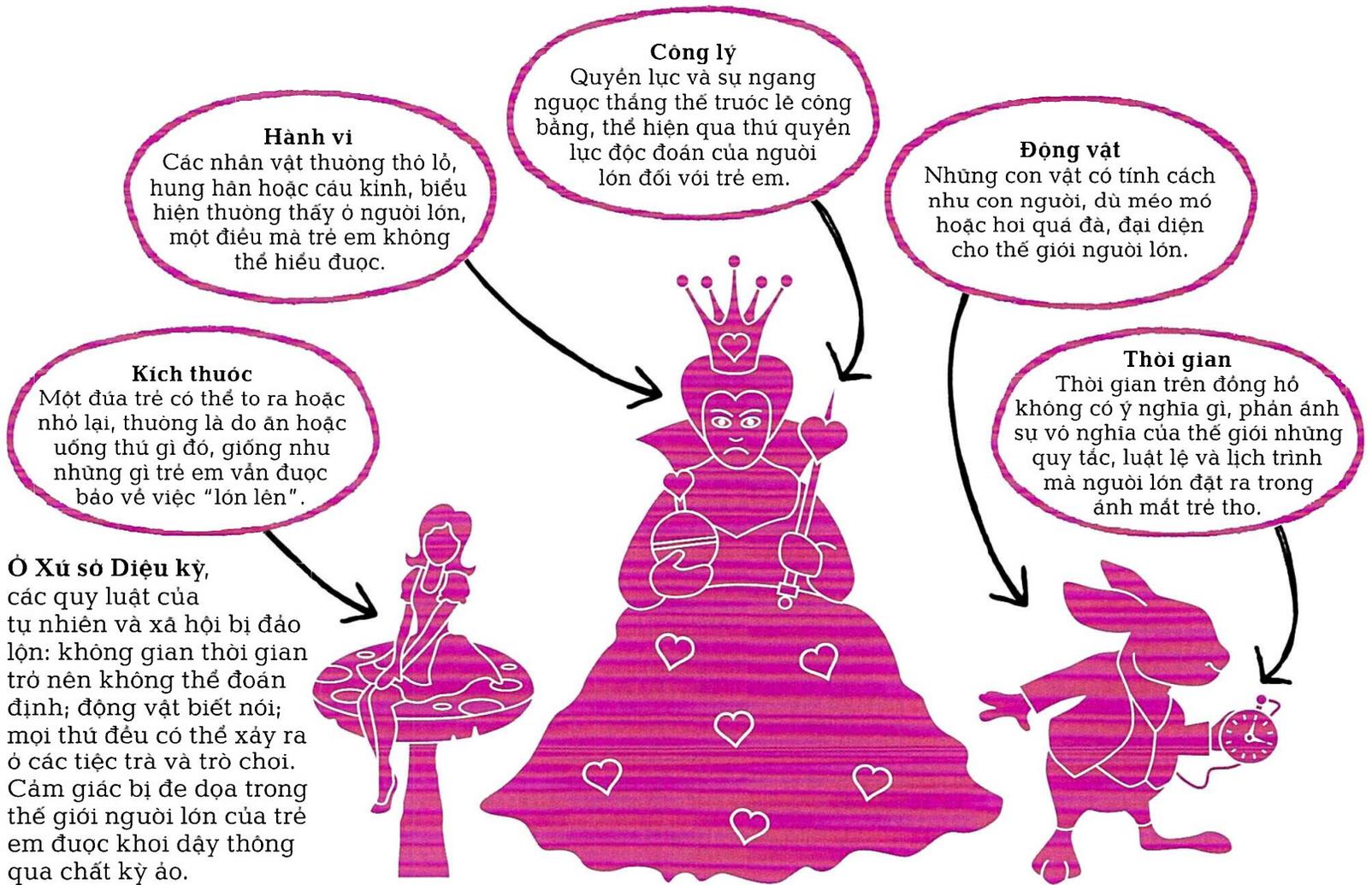
1883 *Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio* của tác giả Italy Carlo Collodi là câu chuyện đạo đức cho trẻ em với nhân vật là một chú rối gỗ.

1894 Trong các nhân vật của *Chuyện rừng xanh* của tác giả Anh Rudyard Kipling có Mowgli, cậu bé được sói nuôi lớn, và Rikki-Tikki-Tavi, một con cây mangut.

Khái niệm “tuổi ấu thơ” chỉ thật sự được phát minh vào thế kỷ 18, khi giai cấp trung lưu bắt đầu nhìn ra giá trị trong sự ngây thơ vui đùa của tuổi nhỏ. Suốt phần lớn lịch sử văn học, trẻ em hiếm khi được nhắc đến, thỉnh thoảng mới xuất hiện trong những tác phẩm như *Émile* của Jean-Jacques Rousseau và *Đạo khúc* của William Wordsworth. Charles Dickens đôi khi cũng đặt trẻ em vào tiêu điểm câu chuyện, nhưng đó là những truyện dành cho người lớn.

Ở chiều ngược lại, hầu hết những câu chuyện viết cho thiếu nhi đều là “phiên bản chuyển thể” của các câu chuyện cho người trưởng thành, hoặc mang tính giáo huấn đạo đức. Vào đầu thế kỷ 19,

Xem thêm: *Robinson Crusoe* 94–95 ▪ *Gulliver du ký* 104 ▪ *Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình* 116–17 ▪ *Truyện cổ Andersen* 151 ▪ *Những người phụ nữ bé nhỏ* 199 ▪ *Đảo giấu vàng* 201



những truyện kể dân gian có minh họa của anh em Grimm, vốn được soạn phục vụ đối tượng trưởng thành, bị phê bình là không phù hợp với độc giả nhỏ tuổi vì nội dung tình dục và bạo lực – các ấn bản sau này đã được điều chỉnh để trở nên thân thiện với trẻ em hơn. *Truyện cổ Andersen* (1835–37) của Hans Christian Andersen, được sáng tác nhắm đến thiếu nhi, lại gây xôn xao phản đối vì không bao hàm một bài học đạo đức nào.

Thời kỳ hoàng kim

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 là thời kỳ hoàng kim của văn học thiếu nhi, nhờ có "trình độ văn hóa ngày càng cao, sự phát triển của ngành xuất bản thương mại, và sự thừa

nhận tiềm năng tương tượng của thế giới trẻ thơ". *Những ngày đi học của Tom Brown* (1857) của nhà văn Anh Thomas Hughes đã khơi mào dòng truyện học đường; ngoài ra còn xuất hiện thể loại mới là truyện thành niên, như *Những người phụ nữ bé nhỏ* (1868–69) của Louisa May Alcott ở Mỹ. Các danh tác kinh điển khác còn có *Heidi* (1880–81) của Johanna Spyri từ Thụy Sĩ, và *Peter Pan* (1911) của J. M. Barrie người Scotland.

Alice ở Xứ sở Diệu kỳ là cuốn sách có ảnh hưởng bậc nhất trong giai đoạn nở rộ này. Câu chuyện kỳ ảo trong kiệt tác văn học thiếu nhi bằng tiếng Anh đầu tiên này đánh dấu bước chuyển khởi chủ nghĩa hiện thực đang phổ biến trong văn học đương thời. Vào một ngày tháng 7, 1862,

Charles Dodgson, một nhà toán học trẻ tuổi, trong chuyến chơi thuyền với một người bạn nam và ba cô bé trên đoạn sông Thames gần Oxford, đã kể lại câu chuyện về một bé gái tên Alice – cũng là tên một người bạn cùng thuyền, Alice Liddell, bảy giờ mới mười tuổi. *Alice ở Xứ sở Diệu kỳ* đã tựu hình như thế, được chép tay và sau đó xuất bản dưới bút danh Lewis Carroll.

Một thế giới siêu thực

Trong truyện, cô bé Alice bảy tuổi rơi xuống một hang thỏ và lạc vào một vũ trụ siêu thực. Cô một mình vượt qua mọi chướng ngại trong thế giới đầy sinh vật kỳ lạ, những quan điểm kỳ lạ, những hiện tượng kỳ lạ, cũng như thú logic ngôn ngữ



Sự cộc cằn và làn khói thuốc của ngài Sâu Bướm càng làm tăng thêm nỗi bất an cho Alice: Xứ sở Diệu kỳ khiến cô bối rối đến nỗi cô không thể trả lời câu hỏi "Người là ai?" của lão.

kỳ lạ. Đây là trọng tâm và cũng là chủ đề chính của cuốn sách.

Tinh mạch lạc chặt chẽ của truyện một phần đến từ sự thích thú trước những logic bất thường của bản thân Alice. Khi rơi xuống hang thỏ, cô bé tự hỏi liệu mình có đáp ứng "Xứ Antipathy" (Ác cảm, chơi chữ từ Antipode, nghĩa là cực đối xứng) nào không, tự tưởng tượng ra vẻ ngốc nghếch của mình khi hỏi người ở đó liệu cô đang ở Úc hay New Zealand. Ý nghĩ tiếp theo của cô cho thấy sự hiểu thấu tâm lý

ngây thơ ở trẻ em đến tài tình của Carroll: "Không, chẳng cần hỏi làm gì: chắc mình sẽ thấy nó được viết ra ở đâu đó thôi."

Alice vốn luôn tự vấn những câu như cô là ai, những quy luật của thế giới kỳ lạ này là gì, và cô phải làm sao để giống người bình thường – những khúc mắc thường thấy ở tuổi ấu thơ. Trong chuyến phiêu lưu, những bối rối ban đầu của cô xoay quanh chuyện kích thích cơ thể cô lúc nào cũng không vừa, hoặc quá to hoặc quá nhỏ để làm điều cô muốn. Sau khi cô gặp ngài Sâu Bướm, một nỗi lo mới xuất hiện: cái thách thức khi liên tục bị bác bỏ, lắm khi đến thô lỗ. Về cuối truyện, cái yêu cầu xử trăm lạp đi lạp lại của Hậu đã tạo nên nguy cơ bạo lực lo lắng, góp phần vào kịch tính của câu chuyện.

Chạy trốn các luật lệ

Những nhân vật mà Alice gặp gỡ hầu hết mang hình hài động vật. Ngoài Alice, cùng người chị vốn chỉ xuất hiện trước và sau cuộc phiêu lưu, những nhân vật con người duy nhất là Người Làm Mù và Nữ Công Tước, còn Vua và Hậu Cơ đều là những lá bài. Cha mẹ cô bé không xuất hiện, và truyện cũng không nhắc gì về họ.

Vậy nhưng sự đảo ngược của cuộc sống thường ngày khiến Alice

“

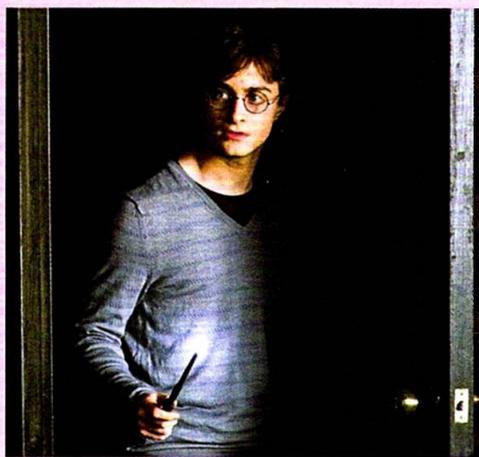
"Ồi! Mình vẫn thường gặp những con mèo không cười, nhưng chưa bao giờ thấy một nụ cười mà không có mèo! Đây mới đúng là điều kỳ lạ nhất trong đời mình!"

Alice ở Xứ sở Diệu kỳ

”

thấy nhu bị giam hãm đó cũng có thể được xem như một sự giải phóng đối với những người trưởng thành thời Victoria vốn đã quá quen các thường lệ. Một trong những nét hấp dẫn của sự bất hợp lý, đó là nó có du địa cho trí tưởng tượng, và một mặt nào đó giúp thỏa mãn những nhu cầu vi tế, chẳng hạn nhu đòi lần được chạy trốn khỏi các luật lệ xã hội.

Đến cuối truyện, Alice cũng không nói mình học được bài học gì từ cuộc phiêu lưu. Tuy nhiên, trong quá trình đó, quả thật Alice đã trở nên quả quyết hơn, và đến cảnh phản xử gán cuối truyện, cô đã có



Với Harry Potter, cái chết ẩn mình nơi bóng tối: cậu là anh hùng chiến đấu với các thế lực hắc ám, qua đó học được nhiều bài học cuộc sống.

Hiện tượng Harry Potter

Bộ tiểu thuyết Harry Potter (1997–2007) của J. K. Rowling, kể về những cuộc phiêu lưu của một cậu bé phù thủy, cho ta thấy văn học thiếu nhi có sức mạnh đến nhường nào. Thành công phi thường của Rowling phần nào nằm ở cách hòa trộn tài tình các thể loại khác nhau, kết hợp các dòng truyện kỳ ảo, truyện thành niên và truyện học đường, cộng với các yếu tố hài hước, gay cấn và lãng mạn. Rowling từng nói rằng cái chết là một chủ đề lớn trong bộ truyện, nhưng điều đó không ngăn được chất hài hước

manh mẽ xuyên suốt.

Lịch trình xuất bản cho phép Harry lớn lên đúng theo thời gian thực, cho nên thế hệ bạn đọc trẻ đầu tiên của Harry Potter thực sự lớn lên cùng cậu, đem lại ấn tượng đặc biệt cho họ trong việc trải nghiệm bộ tiểu thuyết.

Cực kỳ nổi tiếng đối với trẻ em và cũng thu hút được một lượng độc giả trưởng thành đáng kể, loạt sách này đã đem lại số tài sản lớn cho tác giả. Đến năm 2013, đã có hơn 450 triệu bản của bảy cuốn được bán ra.

thể nói với Hậu rằng cái công lý tai quái của bà là "Thú tám phào vô nghĩa!" Hành động cuối cùng của cô, khi đã trở lại kích thước nhu cũ, là khẳng định những lá bài kia quả thật chỉ là những thú vô tri vô giác trong khi chúng bay vào không trung. Sự trưởng thành tính cách đã giúp cô đánh tan được những ảo tưởng.

Với nhân vật chị của Alice, đoạn kết được xử lý tài tình. Nó bắt đầu với cảnh cô "chập chòn nửa tỉnh nửa mê", bởi nếu hoàn toàn là mơ thì sẽ kém ý vị hơn nhiều so với trạng thái mơ màng lẫn khuất này. Thoạt tiên cô triu mến tưởng tượng ra chính Alice, sau đó những nhân vật kỳ dị mà Alice đã miêu tả cũng đi qua trước mắt cô. Cuối cùng, cô tưởng tượng Alice đã hóa thành "một phụ nữ trưởng thành", nhưng vẫn giữ trái tim "thuần phác và thương yêu" như trẻ thơ, và truyền lại câu chuyện về Xứ sở Diệu kỳ cho thế hệ sau.

Ý nghĩa của cái vô nghĩa

Chất kỳ ảo sống động, hóm hỉnh và tinh tế trong truyện của Carroll đem lại tiếng vang tức thời, nhưng cũng làm dấy lên những câu hỏi về ẩn nghĩa của nó. Thúc ăn được nhắc đến trong sách thường gây cho người đọc sự không thoải mái – phải chăng Carroll mắc chứng rối loạn ăn uống? Vì bộ môn toán Carroll dạy tại Oxford là ngành toán cũ, nên cũng có ý kiến cho rằng thú logic kỳ quái của truyện phần nào là sự giễu nhại đối với loại toán mới đang nổi lên vào một thời đại mà những tu tưởng trừu tượng hơn đang dần bén rễ. Và vì cuốn sách là món quà cho Alice ngoài đời thực, nó cũng có thể chứa những liên hệ riêng tư về cá nhân cô bé.

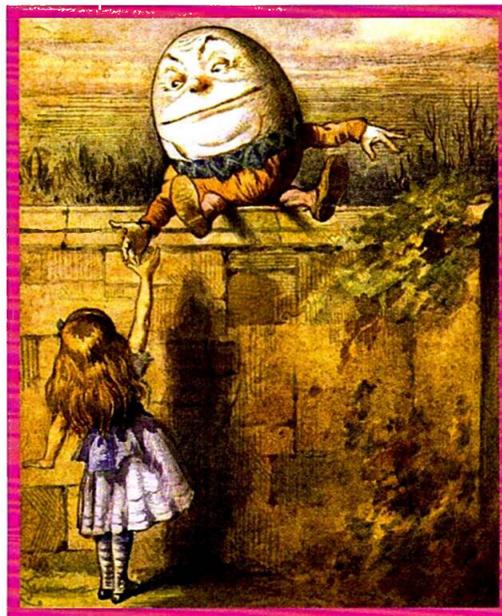
Ta có thể sẽ không bao giờ hiểu được đầy đủ nguồn cảm hứng của Carroll, nhưng dù đó là gì thì nó tuyệt đối không làm giảm chút nào giá trị phổ quát trong cuộc phiêu lưu của Alice, mà đằng sau đó chính là sự mong manh của trẻ thơ, một chủ đề vẫn nổi cộm trong thế giới ngày nay không khác gì thời của Carroll.

Đến năm 1871, Carroll ra mắt

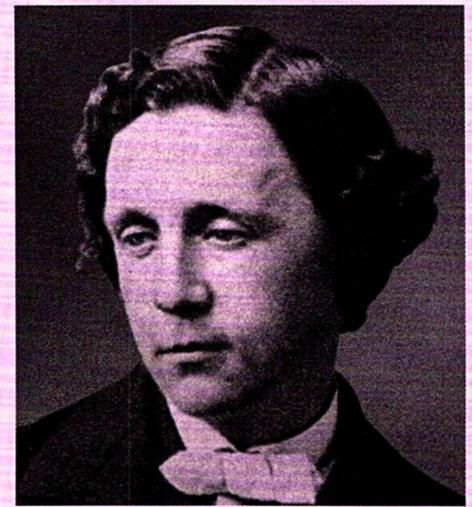
một cuốn sách tương tự, phần hai câu chuyện của Alice: *Alice ở Xứ sở Trong gương*. Ở đây cũng có những nhân vật đáng nhớ (như Hải Mã, Thọ Mộc, Tweedledum và Tweedledee), những bài hát vô nghĩa, những cách ngôn hóm hỉnh với thú logic lạ lùng bông đùa. Cùng như ở Xứ sở Diệu kỳ, ở đây ý nghĩa là thú khó nắm bắt: như lời Humpty Dumpty, một từ "mang đúng cái nghĩa mà tôi chọn cho nó". Tuy vậy, phần hậu truyện này mang sắc thái u ám hơn, có lẽ nỗi đau mất cha của Carroll được phản chiếu vào đó.

Sức dụ hoặc của cái kỳ ảo

Dòng ảnh hưởng từ sự biến ảo của Xứ sở Diệu kỳ kéo dài đến *Chàng Hobbit* của J. R. R. Tolkien, bộ truyện Narnia của C. S. Lewis, thế giới vân điệu của Dr. Seuss, *Charlie và nhà máy sôcôla* được yêu mến của Roald Dahl và trường Hogwarts của J. K. Rowling. Bước sang thế kỷ 21, dù một loại hiện thực chủ nghĩa mới đã xuất hiện trong mảng văn học thiếu nhi, với những câu chuyện về sự bỏ mặc, vô gia cư và xa cách, thì chất kỳ ảo vẫn luôn có sức hút diệu kỳ đối với những tâm hồn thơ trẻ. ■



Humpty Dumpty, như các nhân vật khác ở Xứ sở Diệu kỳ, nói chuyện với Alice bằng những màn đối thoại đầy các câu đố, phép chơi chữ cùng thú logic ngược đời nhưng ra vẻ lý trí.



Lewis Carroll

Sinh năm 1832 ở Cheshire, Anh, Charles Dodgson (về sau nổi tiếng với bút danh Lewis Carroll) là con trai một giáo sĩ. Ông lấy bằng loại ưu ngành toán ở trường Christ Church, Đại học Oxford, rồi giảng dạy ở đó từ năm 1855 cho đến khi qua đời. Ông cũng được thụ phong phó tế. Tác phẩm đầu tiên của ông được xuất bản vào năm 1856, là một bài thơ về nổi cô đơn. Là người quan hệ rộng, Dodgson quen biết với những người như nhà văn, nhà phê bình John Ruskin, hay họa sĩ, thi sĩ Dante Gabriel Rossetti. Ông là một thợ ảnh có tiếng, từng chụp chân dung của nhà thơ Alfred Tennyson, nữ diễn viên Ellen Terry và nhiều trẻ em. Ông qua đời năm 1898 ở tuổi 65 do viêm phổi sau một trận cúm nặng. Lúc bấy giờ, *Alice ở Xứ sở Diệu kỳ* đã là cuốn sách thiếu nhi nổi tiếng nhất ở Anh. Nữ hoàng Victoria là một trong những người hâm mộ tác phẩm.

Tác phẩm chính khác

1871 *Alice ở Xứ sở Trong gương*

1876 *Sân quái vật*

**ĐAU KHỔ LÀ ĐIỀU
KHÔNG THỂ TRÁNH KHỎI ĐỐI VỚI
MỘT TRÍ TUỆ LỚN
VÀ MỘT TRÁI TIM SÂU**

***TỘI ÁC VÀ HÌNH PHẠT (1866),
FYODOR DOSTOYEVSKY***



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa hiện thực tâm lý

TRƯỚC ĐÓ

Kh.1000–12 *Truyện kể Genji* của Murasaki Shikibu đưa ra một góc nhìn tâm lý vào đời sống của các nhân vật.

1740 Tiểu thuyết tình cảm *Pamela* của nhà văn Anh Samuel Richardson thăm dò bản chất nội tâm của nhân vật nữ chính trong truyện.

1830 *Đỏ và đen* của nhà văn Pháp Stendhal ra đời, được nhiều người xem là cuốn tiểu thuyết hiện thực tâm lý đầu tiên.

SAU ĐÓ

1871–72 *Middlemarch* của George Eliot lần theo bối cảnh tâm lý của một thị trấn nước Anh.

1881 *Chân dung một quý cô* của Henry James đào sâu vào ý thức của nhân vật Isabel Archer.

Chủ nghĩa hiện thực tâm lý là sự khắc họa văn học của những nét tính cách và cảm xúc nội tâm của một nhân vật, soi rọi cả ý nghĩ hữu thức lẫn động cơ vô thức của họ. Cốt truyện thường đóng vai trò thứ yếu trong một tác phẩm chú trọng vào chủ nghĩa hiện thực tâm lý, cốt chỉ nhằm dựng ra những mối quan hệ, xung đột, bối cảnh vật chất làm đất diễn cho vở kịch nội tâm.

Đào sâu vào tâm thức nhân vật theo lối này đánh dấu một bước chuyển cấp tiến khỏi dòng văn học lãng mạn, trong đó cốt truyện thường trừng phạt những việc làm xấu và tưởng thưởng phẩm hạnh. Tuy nhiên, các tác phẩm văn học từ lâu vốn cũng đã tìm hiểu cái cơ chế của tinh thần con người, dẫu không thật sự mô phạm, cho đến khi khoa tâm lý học nổi lên. Lấy ví dụ, những vấn đề tâm tưởng đã giữ vai trọng tâm trong *Truyện kể Genji* của Nhật từ thế kỷ 11; trong *Hamlet* (1603) của William Shakespeare, chính những xung đột nội tâm của nhân vật chính là động lực của vở kịch; và thế kỷ 18 đã chứng kiến một thời vàng son của loại tiểu thuyết thu tù, sử dụng hình thức thu tù và nhật ký để giúp người đọc có một cái nhìn vào những suy nghĩ và cảm xúc sâu kín của nhân vật.

“

Tất cả đều nằm trong tay con người và anh ta để chúng trôi tuột cả đi vì hèn nhất.

Tội ác và hình phạt

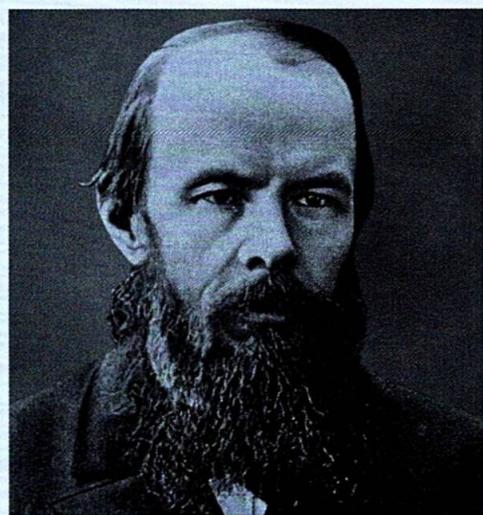
”

Phoi bày tinh thần

Trong kiệt tác *Tội ác và hình phạt*, Fyodor Dostoyevsky đã giới thiệu với độc giả một nhân vật phản anh hùng, chàng sinh viên Rodion Romanovich Raskolnikov, hoặc Rodya hay Rodka nhu những người quý chàng vẫn gọi. Tác giả đã mổ xé – bằng lối kể ngôi thứ ba – động cơ tâm lý của Raskolnikov theo một cách thức dường như đã báo trước công trình của Sigmund Freud và các nhà phân tâm học khác. Chính sự phoi bày tâm hồn nhân vật cho người đọc thấy này đã tạo lập địa vị cuốn sách như một tác phẩm văn chương quan trọng và có ảnh hưởng bậc nhất trong thế kỷ 19.

Tội ác và hình phạt mở đầu bằng một “buổi chiều oi bức đầu

Fyodor Dostoyevsky



Fyodor Dostoyevsky sinh ra ở Moscow, Nga vào năm 1821 trong một gia đình gốc Lithuania. Ông học rồi làm kỹ sư trước khi sáng tác tiểu thuyết đầu tay, *Những kẻ bán hân* (1846), khắc họa tâm cảnh cũng như điều kiện sống của người nghèo hèn.

Năm 1849, Dostoyevsky bị bắt giữ vì là thành viên của Hội Petrashevsky, một nhóm trí thức xã hội chủ nghĩa. Sau khi trải qua cuộc xử bắn hụt, ông bị phát vãng khổ sai vài năm ở Siberia, nơi chứng động kinh ở ông bắt đầu phát lộ. Được tự do, những vấn đề với các chủ nợ lại khiến ông tự

nguyện sống lưu vong ở Tây Âu. Sau cái chết của người vợ đầu, năm 1867, ông kết hôn với Anna Grigoryevna Snitkina, thu ký của ông, người sau đó lo việc thu vén cho gia đình và sinh cho ông bốn người con. Thế chất ốm yếu đeo đuổi Dostoyevsky cho đến ngày ông qua đời năm 1881.

Tác phẩm chính khác

1864 *Bút ký dưới hầm*

1866 *Con bạc*

1869 *Chàng ngọc*

1880 *Anh em nhà Karamazov*

Xem thêm: *Truyện kể Genji* 47 ▪ *Công nương xứ Cleves* 104 ▪ *Bà Bovary* 158–63 ▪ *Middlemarch* 182–83 ▪ *Chân dung một quý cô* 186–87

Mùa hè ở St. Petersburg là bối cảnh của *Tội ác và hình phạt*. Điều kiện đông đúc ngột ngạt của thành phố phản chiếu vô kịch nội tâm hăm hập của chàng sinh viên loạn trí Raskolnikov.

tháng 7" ở St. Petersburg, Nga. Raskolnikov, một thanh niên ăn mặc tuấn toàng, bước ra khỏi phòng trọ chật hẹp trên gác xép, tránh mặt bà chủ nhà, lên ra ngoài hòa vào cái nóng nực hôi thối của thành phố. Chàng đang ốm, và tinh thần chàng cũng đang trải qua một sự rối loạn nào đó. Chàng lảo lẩm một mình. Chàng đói. Chàng bước qua những con phố, khó chịu với sự hiện diện của những kẻ khác. Bạn đọc thấy mình tiếp cận sát hơn bao giờ hết những suy nghĩ, sợ hãi và lo âu sâu kín nhất của chàng.

Raskolnikov nghèo, và động cơ này phảng phất bằng bạc xuyên suốt truyện. Độc giả lang thang cùng chàng, qua đôi mắt của chàng ngắm nhìn một thành phố đang chật vật để sinh tồn, nơi có biết bao kẻ phải vật lộn với sự nghèo đói và những dằn vặt nội tâm.

Những xung đột nội tâm

Dostoyevsky cho vào tác phẩm nhiều nhân vật đặc sắc, được quan sát và mô tả tài tình qua mắt nhìn của Raskolnikov. Chàng đi đến nhà Alyona Ivanovna, người làm nghề cầm đồ, "một cụ già sáu mươi tuổi nhỏ thó quắt queo, ánh mắt sắc đầy ác ý với cái mũi nhọn và nhỏ". Raskolnikov đến để cầm chiếc đồng hồ của cha chàng, và vì quá túng bần, buộc phải chấp nhận cầm với một số tiền bèo bọt. Khi chàng rời khỏi tòa chung cư, một ý nghĩ chợt len lỏi vào tâm trí chàng. Chàng đứng trên bậc thang, chần động trước chính mình, và khi đã trở xuống đường phố đông đúc, chàng bước đi nhu thế mộng du, "không ngó ngang gì đến người



qua đường, va cá vào người họ", cho đến khi chàng thấy mình đứng trước dãy bậc thang dẫn xuống một quán rượu. Dù chưa từng tới quán rượu này, chàng vẫn bước vào gọi bia, và ngay lập tức "chàng thấy thả lỏng hơn; những ý nghĩ của chàng cũng trở nên thông suốt". Nhưng Dostoyevsky đã cho người đọc biết rằng Raskolnikov hoàn toàn không khỏe, bởi vì "ngay cả trong khoảnh khắc ấy, chàng vẫn có một dự cảm mơ hồ rằng cái trạng thái tinh thần hạnh phúc này cũng không được bình thường".

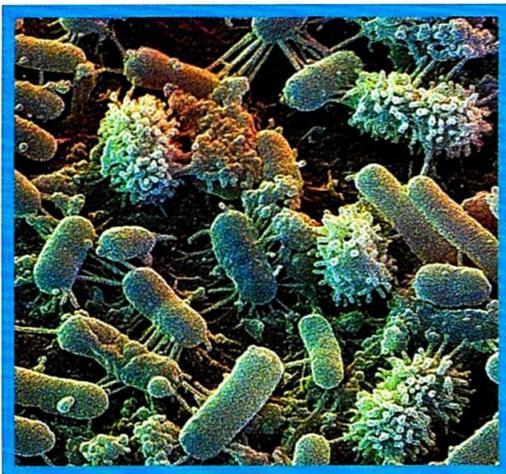
Chàng nói chuyện với một người say tên Marmeladov, được ông ta kể cho nghe câu chuyện đáng thương về cảnh nghèo của gia đình ông và việc con gái ông phải đi làm điếm, cả hai đều do thói rượu chè của ông gây ra. Marmeladov ý thức được sự xấu xa của mình, và ông tiết

lộ mình thú nhận chuyện này với Raskolnikov, một người dung tình cò gập gờ, thay vì với những người quen có thể giúp ông, là vì ông đọc thấy trên mặt chàng "một bất ổn tinh thần nào đó". Raskolnikov cuối cùng quay về căn phòng lụp xụp của mình, nằm ủ ê suốt ngày hôm sau. Dostoyevsky đã vẽ nên một

“

Chỉ để sống, để sống và sống!
Sống, dù cho có thể nào đi nữa!
Tội ác và hình phạt

”



Raskolnikov nhớ lại những giấc mơ chàng có khi lên con mê sáng trong bệnh viện. Trong một giấc mơ như thế, một thứ vi khuẩn gây dịch bệnh đã truyền nhiễm và khiến con người phát điên, ai cũng tin rằng “chỉ mỗi mình nắm được chân lý”.

bức tranh khốn khổ tuyệt vọng và tình cảm cô lập của Raskolnikov.

Bút pháp hiện thực tâm lý bậc thầy của tác giả đã phơi bày những cân nhắc và mưu toan trong đầu Raskolnikov nhằm thực hiện ý định của mình, đó là phạm một tội ác (giết mổ chủ cảm đồ Alyona Ivanovna), và ông cuốn độc giả đến gần hơn, một cách hữu hình và với sự cảm thông, tới nội tâm của Raskolnikov – nội tâm của một kẻ giết người. Ta cảm nhận nỗi kinh hoàng của chàng, trải nghiệm những cơn phẫn nộ và đám công dân sa đọa của St. Petersburg dưới ánh mắt chàng. Ta trở thành



Tôi cho rằng những con người thật sự vĩ đại cũng gánh chịu những nỗi buồn vĩ đại của Trái Đất.

Tội ác và hình phạt



chúng nhân của những cảnh tượng diễn ra trong tâm trí chàng, ta nằm cùng chàng trong căn phòng xập xệ do dấy. Và ta cũng dần cảm nhận được cái cảm giác tội tề về sự không thể tránh khỏi của hành động ấy, từ lúc nó chỉ là con tuồng tượng được thai nghén cho đến cái hiện thực tàn khốc đẫm máu sau đó.

Giống như Freud sau này cho rằng giấc mơ giúp ta hiểu được những trải nghiệm khi tỉnh thức, Dostoyevsky cũng cho ta cái nhìn vào tâm hồn của nhân vật phản anh hùng này qua những giấc mơ của chàng. Trong một cơn mộng, chàng chứng kiến những nông dân say xỉn đánh đập một con ngựa đến chết. Với tính tuồng trung cao độ, giấc mơ này chính là phác bút cho tội ác mà chàng sẽ phạm phải, nhưng nó đồng thời còn ám chỉ sự chai lì của chàng trước sự tàn ác, cũng như việc chàng đánh mất ý chí tự do để hành động. Về sau, chàng mơ thấy những cơn bạo lực gây nên sự điên loạn, bất mãn và xu hướng bạo lực nơi con người – một ám chỉ đến chính trạng thái tinh thần của Raskolnikov.

Thủ bạo lực gây sốc

Vụ giết hại Alyona Ivanovna được khắc họa với tính chân thực ghê rợn. Raskolnikov bỏ vào đầu mụ bằng một cây rìu cho đến khi sọ mụ “vô toang và thậm chí méo hẳn về một bên”. Trên sàn nhà là “một vùng máu hoàn hảo”. Sự khẩn trương và rùng mình bao phủ khi Raskolnikov mó cái hòm gỗ dưới giường và lấy đủ thứ lẩn lộn “vòng tay, dây chuyền, bông tai, trâm cài”. Trường đoạn đó vẫn chưa kết thúc. Tiếng bước chân lại vang lên trong căn phòng nơi Alyona Ivanovna đang nằm. “Thình lình, chàng đứng bật dậy, vô lấy cây rìu và bỏ nhào ra khỏi phòng ngủ”. Cảnh tượng sau đó đã kết thúc phần đầu của cuốn tiểu thuyết.

Dostoyevsky đã đưa ra vài động cơ khả dĩ cho tội ác này, nổi bật nhất trong đó là việc Raskolnikov nhìn nhận mình như một “siêu nhân” – một con người ưu việt hơn kẻ khác,

đứng trên luật pháp, một người ghé tòm xã hội và thủ hành vi vô tri của bầy đàn những kẻ “bình thường”. Đã có lúc Raskolnikov nhận định rằng mọi vĩ nhân đều là những kẻ tội phạm, sẵn sàng đập bằng mọi luật pháp cổ xưa và gây cảnh gió tanh mưa máu nếu điều đó “có lợi cho mục đích của họ”.

Người ta cho rằng sự phô bày động cơ trên phản ánh nỗi canh cánh trước những thay đổi trong lòng xã hội Nga mà Dostoyevsky chứng kiến – sự trỗi dậy của chủ nghĩa duy vật, sự thoái trào của trật tự cũ, sự ích kỷ và thủ triết lý hu vô nổi lên thành thời thượng. Tội ác của Raskolnikov, cùng những giải bỏ sau đó của chàng, được xem là lời nhắc nhở đối với những đồng bào của Dostoyevsky có khuynh hướng ngã về biến động cách mạng.

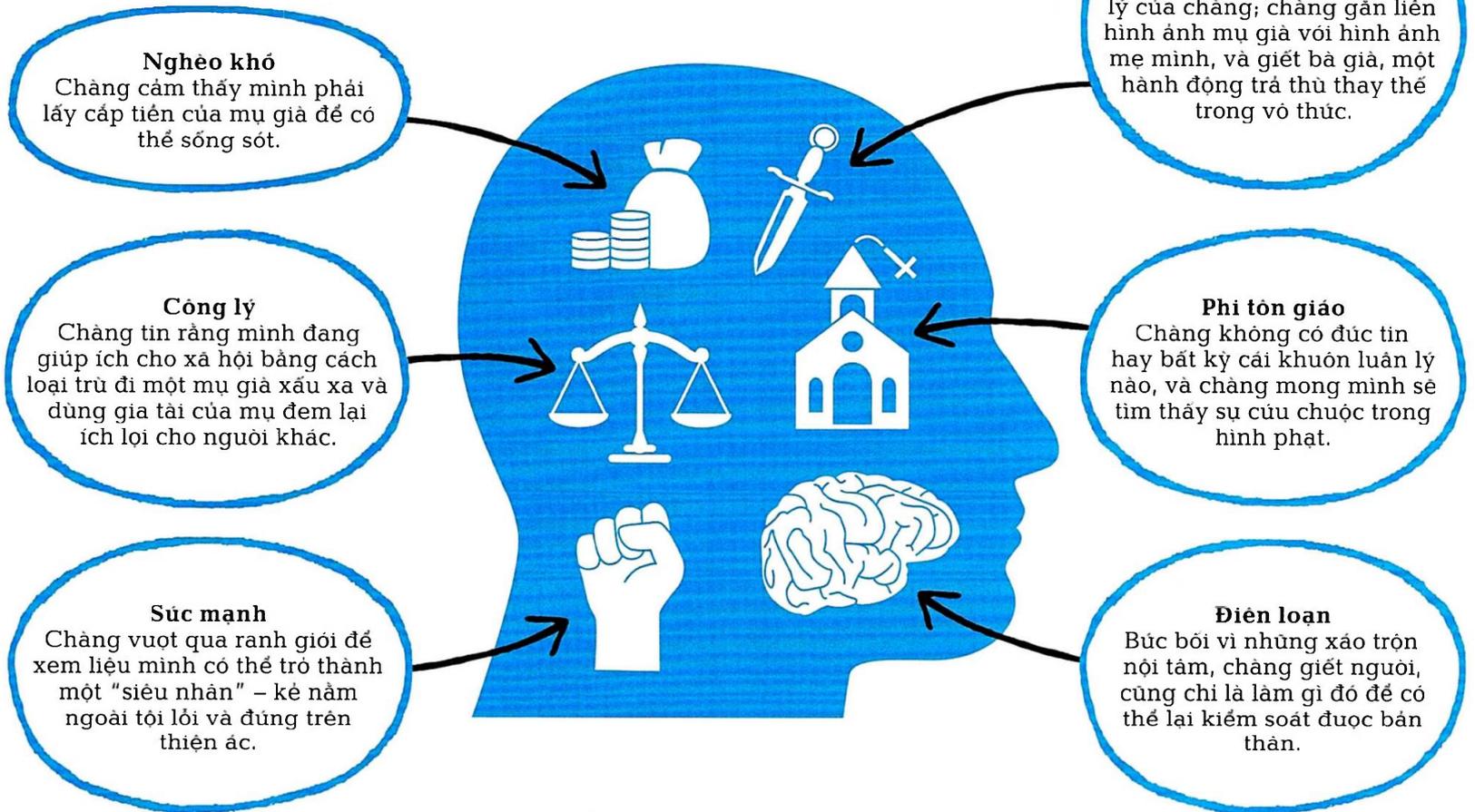
Tội lỗi và cứu chuộc

Trong những diễn biến sau vụ giết người, ta theo bước Raskolnikov qua những con phố St. Petersburg, đắm chìm vào tuyệt vọng và cơn sốt nóng bệnh hoạn của chàng. Chàng bắt gặp Marmeladov, bị một cỗ xe ngựa cán phải và đang hấp hối trong men rượu, rồi trở nên



Sa hoàng Alexander II bãi bỏ chế độ nông nô ở Nga vào năm 1861. Các cô gái diêm ở khu Hàng Cỏ chèo chèo của St. Petersburg, một chốn ám ảnh đối với Raskolnikov, phần lớn vốn là con gái nhà nông dân khốn cùng.

Động cơ của Raskolnikov khi giết Alyona Ivanovna là một chủ đề trọng tâm trong *Tội ác và hình phạt*. Dostoyevsky cho thấy rằng những hành động của người phản anh hùng này bị thúc đẩy bởi mối tương giao phức tạp của những động cơ, đối thoại nội tâm và các xung lực vô thức kết hợp trong chúng những mệnh lệnh xã hội, cá nhân, triết học và tôn giáo.



gắn gũi với Sonya, con gái Marmeladov, người cẳng đàng duy nhất còn lại của gia đình cô. Raskolnikov cũng chạm trán Porfiriy Petrovitch, một viên thanh tra đang dần đoán chắc rằng Raskolnikov chính là hung thủ, nhưng chưa có bằng chứng. Tinh thần Raskolnikov kiệt quệ. Liệu có nên đầu thú và chấp nhận sự trừng phạt của luật pháp thay vì chịu đựng sự giày vò của lương tâm mình? Có phải sự ăn năn của chàng cho thấy chàng cũng chỉ là kẻ bình thường chứ không có gì phi thường cả?

Tái hiện hiện thực

Trong *Tội ác và hình phạt*, Dostoyevsky, bằng tài nghệ bậc thầy, đã thăm dò và mổ xé bản chất phức tạp khôn dò trong nội tâm

nhân vật chính. Đi cùng với những truy tầm đầy sức nặng của cuốn tiểu thuyết về ý nghĩa của cuộc đời và sự hiện sinh của con người trong một thế giới đàng sọ, xấu xa, thống khổ và tàn bạo là sự tìm hiểu về tội lỗi, lương tri, tình yêu, lòng trắc ẩn, mối quan hệ với tha nhân, cùng những khả năng để được cứu chuộc.

Sự chú trọng mà Dostoyevsky dành cho việc tái hiện cái hiện thực của những quá trình tâm lý trong tâm hồn Raskolnikov chính là lời báo chúng cho giá trị chuẩn mực lớn lao của *Tội ác và hình phạt* đối với các tiểu thuyết gia đời sau. Hướng tiếp cận văn chương này hòa điệu với – và có ý kiến cho rằng là chịu ảnh hưởng từ – sự nổi lên của khoa tâm lý học. Một trong những nhà văn nặng chất tâm lý bậc nhất giai đoạn cuối thế kỷ

19, tiểu thuyết gia Henry James, là em trai của nhà tâm lý học tiên phong William James. Những nhà văn hiện sinh giữa thế kỷ 20, như Jean-Paul Sartre và Albert Camus, cũng chịu ảnh hưởng lớn từ loại hình tự sự đột phá mà Dostoyevsky đã tạo ra. ■

“
 Một trăm mối nghi ngờ không làm nên một bằng chứng.
Tội ác và hình phạt
 ”

MIÊU TẢ TRỰC TIẾP ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN LOẠI, HAY THẬM CHỈ CHỈ CỦA MỘT DÂN TỘC, DƯỜNG NHƯ LÀ KHÔNG THỂ

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH (1869), LEO TOLSTOY



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Thời đại Hoàng kim Nga

TRƯỚC ĐÓ

1831–32 *Những buổi tối ở trang trại gần Dikanka* của Nikolai Gogol và *Những câu chuyện của ông Belkin* của Alexander Pushkin được xuất bản, đánh dấu sự phát triển của văn học Nga tách khỏi các hình thức dân gian xưa cũ.

1866 *Tội ác và hình phạt* của Fyodor Dostoyevsky đem khoa học tâm lý vào chủ nghĩa hiện thực tâm lý để tìm hiểu động cơ của con người.

SAU ĐÓ

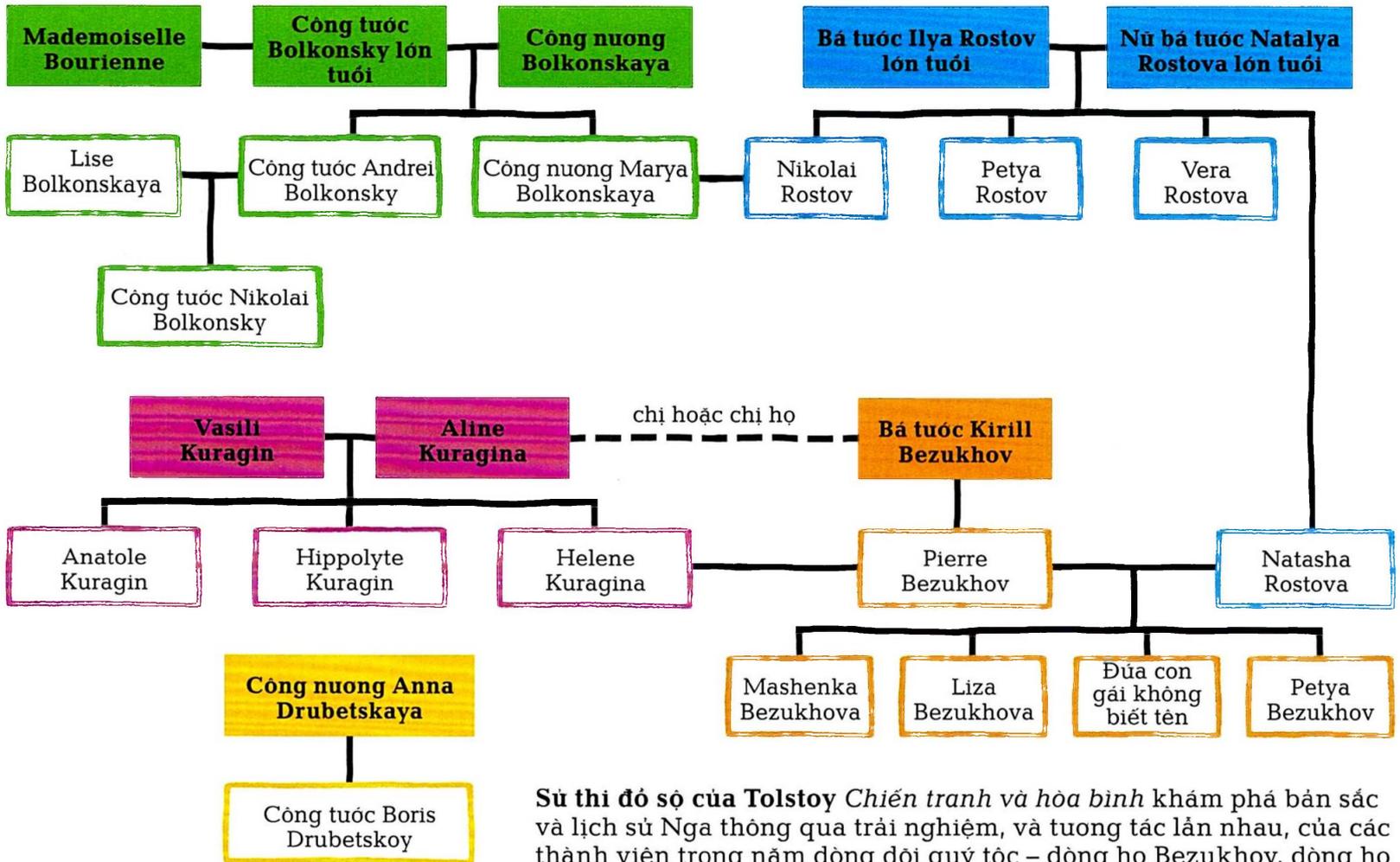
1880 Xuất bản *Anh em nhà Karamazov* của Dostoyevsky – tiểu thuyết vĩ đại cuối cùng của Thời đại Hoàng kim Nga.

1898 Sân khấu Nghệ thuật Moscow công diễn vở *Chim hái ấu*, đưa tên tuổi Anton Chekhov lên nhà viết kịch lỗi lạc Thời đại Hoàng kim Nga.

Nước Nga thế kỷ 19 là cái nôi của những thiên tài sáng tạo về văn xuôi, thơ ca và kịch nghệ. Giới phê bình gọi đây là “Thời đại Hoàng kim” của nước Nga, không phải vì một sự hiệp nhất có chủ đích nào giữa các tác giả, mà là vì số lượng khổng lồ những tác phẩm văn chương có tầm quan trọng quốc tế nổi lên trong một thời kỳ ngắn ngủi này.

Văn học Thời đại Hoàng kim chịu ảnh hưởng mạnh từ cuộc hiện đại hóa ở Nga vào thế kỷ 18. Nước Nga, vốn biệt lập về mặt văn hóa và địa lý với phong trào Phục hưng tác động đến phần còn lại của châu Âu từ thế kỷ 14 đến 17, đã nhanh chóng chịu ảnh hưởng Tây Âu hóa dưới thời Peter Đại

Xem thêm: Eugene Onegin 124 ▪ Một anh hùng thời đại 151-52 ▪ Những linh hồn chết 152 ▪ Tội ác và hình phạt 172-77 ▪ Chàng ngọc 199 ▪ Anna Karenina 200 ▪ Anh em nhà Karamazov 200-01 ▪ Cậu Vanya 202-203



Sứ thi đồ sộ của Tolstoy *Chiến tranh và hòa bình* khám phá bản sắc và lịch sử Nga thông qua trải nghiệm, và tương tác lẫn nhau, của các thành viên trong năm dòng dõi quý tộc – dòng họ Bezukhov, dòng họ Bolkonsky, dòng họ Rostov, dòng họ Kuragin, và dòng họ Drubetsky.

để, trị vì từ năm 1682 đến 1725. Vị sa hoàng đã giám sát việc tiếp nhận các phong tục, nền học vấn và thậm chí cả ngôn ngữ Tây Âu, tới độ tiếng Pháp đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp chính của giới quý tộc Nga vào đầu thế kỷ 19.

Nền văn học truyền thống của “nước Nga cũ”, nổi bật là các sử thi dân gian, đã được thay thế bằng những tác phẩm về các chủ đề hiện đại hơn, và bản thân ngôn ngữ Nga đã thúc đẩy sự phát triển của nhiều loại hình văn học mới kéo dài sang thế kỷ 19. Các nhà văn Nga không chỉ rập khuôn những quy ước văn chương của Tây Âu. Họ phản ứng với chúng, bác bỏ những giá đình của chúng, tự vun đắp nên những phương thức biểu hiện đậm chất Nga,

đặc trưng là nhìn lại những chủ đề trong truyện dân gian thời trước, thậm chí đôi khi còn thách thức quan niệm xem viết lách là nghệ thuật. Các tác giả thuộc Thời đại Hoàng kim Nga gây được sự tò mò ở phương Tây – họ xuất chúng, nhưng vẫn bị xem là những kẻ man di, thất học.

Lần nở rộ đầu tiên của Thời đại Hoàng kim Nga đầu thế kỷ 19 gồm sáng tác của Alexander Pushkin, Nikolai Gogol, và Ivan Turgenev. Lần nở rộ thứ hai vào những năm 1860 và 1870 cho ra đời những tác phẩm xuất sắc nhất của thời kỳ này, như *Tội ác và hình phạt* (1866) của Fyodor Dostoyevsky – một thách thức mang tính căn cốt với thể loại hiện

thực tâm lý – và *Chiến tranh và hòa bình* (1869) và *Anna Karenina* (1875-77) của Leo Tolstoy. Chỉ trong một giai đoạn tồn tại, văn học Nga chứng kiến một loạt bước

“

Nếu mỗi người chỉ ra trận vì lý tưởng của mình thì làm gì còn chiến tranh.

Chiến tranh và hòa bình

”



tiến nổi bật từ truyền thống văn hóa dân gian sang văn phong đa dạng và phức tạp hơn.

Sáng tác lịch sử

Sự mơ hồ điển hình của người Nga về các thủ pháp văn học phương Tây đã khiến Tolstoy viết: "Không có một tác phẩm văn xuôi nghệ thuật Nga nào... vừa khít hình thức một tiểu thuyết, một bài thơ, hay một câu chuyện." Ông cũng miễn cưỡng phân loại tuyệt tác *Chiến tranh và hòa bình* của mình: "[tác phẩm này] không phải là tiểu thuyết, càng không phải là thơ, biên niên sử lại càng không", ông khẳng định vào năm 1868. Tolstoy lo ngại rằng mọi ghi chép lịch sử đều có những cạm bẫy và khó mà nắm bắt được "sự thật" của lịch sử nếu không có quan sát toàn tri. Ông nỗ lực đạt được góc nhìn rộng lớn như thế trong *Chiến tranh và hòa bình* bằng cách khám phá trải nghiệm của dàn nhân vật đồ sộ – tổng cộng hơn 500 người – thuộc mọi tầng lớp xã hội. Một số nhân vật được dựa trên những người quen của Tolstoy: ví dụ như Natasha Rostova được dựa trên em vợ Tolstoy. Nhiều nhân vật quý tộc được đặt tên sát với thực tế, dù bị làm xấu đi đôi phần: như tên nhân vật Bezukhov liêu linh và ngang bướng có nghĩa là "không tai".

Chiến tranh và hòa bình trải dài tám năm từ tháng 7, 1805, kể về

cuộc xâm lăng Nga của Napoleon đến sự kiện Thiêu trụi Moscow vào tháng 9, 1812. Mạch truyện chính lần theo sự lên ngôi và suy tàn của năm gia đình quý tộc Nga hu cấu trên nền các cuộc chiến tranh Napoleon vào thế kỷ 19, kết nối những số phận riêng rẽ của họ với lịch sử nước Nga. Bên cạnh những nhân vật không có thật, Tolstoy còn thêm vào một loạt nhân vật lịch sử có thật, như Sa hoàng Alexander và Vua Napoleon, giữ vai trò then chốt trong sử thi của mình.

Dẫn nhập

Cuốn sách mở đầu ở thành phố mang chất "Tây" nhất trong các thành phố ở Nga – St. Petersburg – tại một buổi dạ tiệc của những người thuộc tầng lớp cao trong xã hội. Trong khi binh đoàn của Napoleon đang hành quân qua Italy



Không có gì mạnh hơn
hai người lính già –
Thời gian và Lòng kiên nhẫn.
Chiến tranh và hòa bình



Những vũ tiệc của những tầng lớp cao trong xã hội vào đầu thế kỷ 19, khi đó người dạ tiệc mặc trang phục quân sự hay những đám xôe đất tiên, là đặc trưng trong cách khắc họa chủ nghĩa tự do nông cạn ở St. Petersburg của Leo Tolstoy.

và tiến về phía Đông, những tên quý tộc của thành phố chỉ biết tụ tập tán dóc (bằng tiếng Pháp), cờ bạc, rượu chè, tán tỉnh nhau. Đáng chú ý, những dòng mở đầu của tiểu thuyết do Anna Pavlovna, cô hầu trong buổi dạ tiệc, nói ra đã xác lập trọng tâm về lịch sử, chiến tranh, và quan hệ giữa các nước châu Âu: "Sao, công tước thấy rồi chứ, Genoa và Lucca nay chỉ còn là những thái ấp, những lãnh địa của dòng họ Buonaparte."

Tolstoy dùng buổi tiệc này để giới thiệu với độc giả một số nhân vật chính, ví dụ như Công tước Andrei Nikolaevich Bolkonsky, điển trai, thông minh, giàu có, về sau sẽ vươn lên trở thành một trong những người hùng trong tác phẩm, và bạn của Andrei là Pierre Bezukhov, đứa con to xác vụng về của một bá tước Nga mà qua đó Tolstoy gửi gắm những tu tưởng, những điều bận tâm về cách tốt nhất để người ta có thể sống đời đạo đức trong một thế giới vô luân.

Câu chuyện của Tolstoy sau đó chuyển đến Moscow, nơi cả thành phố và dân chúng đều mang đậm chất Nga hơn. Tại đây, độc giả được giới thiệu thêm một số nhân vật khác như Nữ bá tước Rostova cùng bốn đứa con của bà, một trong số đó là Natalia Ilyinichna (Natasha) – "vời đời mắt đen, cái miệng hơi rộng" và "trần đầy sức sống" – nguồn năng lượng rực rỡ ấy lướt qua những trang sách.

Nước Nga thời chiến

Chẳng bao lâu sau, nước Nga bước vào thời chiến. Các lực lượng của Napoleon hành quân đến Moscow và chạm trán quân Nga khoảng 100km (70 dặm) về phía Tây thành phố trong Trận Borodino vào ngày

7 tháng 9, 1812. Tolstoy vẽ nên một bức tranh sống động về cuộc tắm máu với hơn 25.000 người chết trong cùng một ngày. Ông thể hiện suy nghĩ và hành động của những nhân vật có thật như Napoleon và tướng Nga Kutusov bên cạnh những nhân vật tưởng tượng như Andrei và Pierre, cho phép độc giả nhìn thấy sự hỗn loạn và sự thật tàn khốc của chiến tranh từ mọi góc độ. Trận chiến – dù là chiến thắng mập mờ của quân Pháp – đánh dấu bước ngoặt của cuộc chiến.

Trong khi giới quý tộc ở St. Petersburg không bị hé hấn gì, Moscow bị Grande Armée – “Đại quân” – của Napoleon cướp phá và thiêu trụi trước khi họ rút lui. Lực lượng của Napoleon phải gánh chịu khổ ải cùng cực trên đường rút quân: đói mất với cái lạnh thấu xương cùng con đói, hàng nghìn lính đã bị người Nga tiêu diệt.

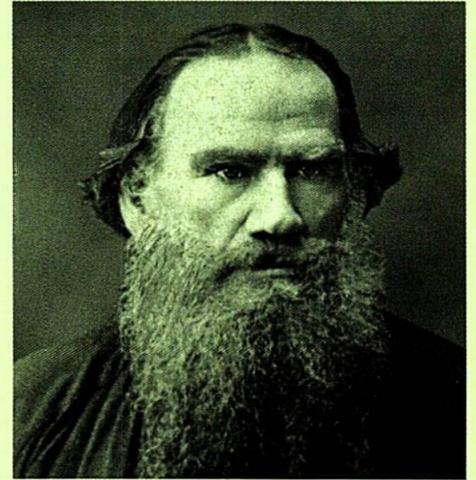
Trận Borodino là khoảnh khắc then chốt trong *Chiến tranh và hòa bình* của Leo Tolstoy. Theo quan điểm của ông, chính sự hỗn loạn trong trận chiến mới quyết định kết cục của cuộc xung đột chứ không phải mệnh lệnh của chỉ huy.

Trong lời bạt gồm hai phần của cuốn sách, Tolstoy kể về cuộc sống vào năm 1813 và sau đó, khi quân của Napoleon đã rút đi, chiến tranh đã kết thúc, và hòa bình được lập lại trên đất Nga và cho dân tộc Nga.

Hành động nhỏ của số đông

Hoàn thành tác phẩm về các nhân vật hư cấu của mình, Tolstoy đánh giá lại vai trò lịch sử của Napoleon và Sa hoàng Alexander. Ông kết luận rằng lịch sử không do những người lãnh đạo vĩ đại leo lái, mà là do nhiều sự kiện thường tình nhỏ bé: “Lịch sử là cuộc sống của các dân tộc và nhân loại.” Trong *Chiến tranh và hòa bình*, tầm vóc khổng lồ đó đã được quan sát kỹ càng, và tầm nhìn sâu sắc của Tolstoy đã khiến tác phẩm trở nên to lớn và đồ sộ như ta thấy.

Chiến tranh và hòa bình thể hiện cốt lõi của thời đại. Vào năm 1875, tiểu thuyết gia Nga Ivan Turgenev đã miêu tả tác phẩm này là “bức tranh khổng lồ về đời sống của cả dân tộc”. Một thế kỷ sau khi cuốn sách được phát hành, Ernest Hemingway khẳng định mình học được ở Tolstoy cách viết về chiến tranh vì không ai “viết về chiến tranh hay hơn ông ấy”. Quả thật, cũng chưa có ai viết về hòa bình được như ông. ■



Leo Tolstoy

Leo Tolstoy sinh năm 1828 ở gần Moscow trong một gia đình Nga quyền quý. Sau khi sớm rời Đại học Kazan, Tolstoy sống đời buông thả ở Moscow và St. Petersburg, rồi vì cờ bạc mà nợ nần chồng chất. Trong thời gian 1860–61, ông đi quanh châu Âu, gặp văn hào Victor Hugo và nhà tu tưởng chính trị Pierre-Joseph Proudhon. Hai người đã khơi nguồn cảm hứng để Tolstoy trở lại Nga viết văn và cải tạo giai cấp bán nông. Vào năm 1862, Tolstoy kết hôn với Sophia Andreevna Behrs và có với nhau 13 đứa con. Dù hôn nhân hai người càng ngày càng bế tắc, Sophia vẫn quản chuyện tiền nong. Sau khi hoàn thành *Chiến tranh và hòa bình* và *Anna Karenina*, Tolstoy truy tầm chân lý tinh thần và đạo đức thông qua Kitô giáo và bằng cách gửi gắm lòng tin vào chủ nghĩa hòa bình, gây ảnh hưởng đến những nhân vật về sau như Gandhi và Martin Luther King. Ông mất vì bệnh lao vào năm 1910, thọ 82 tuổi.

Tác phẩm chính khác

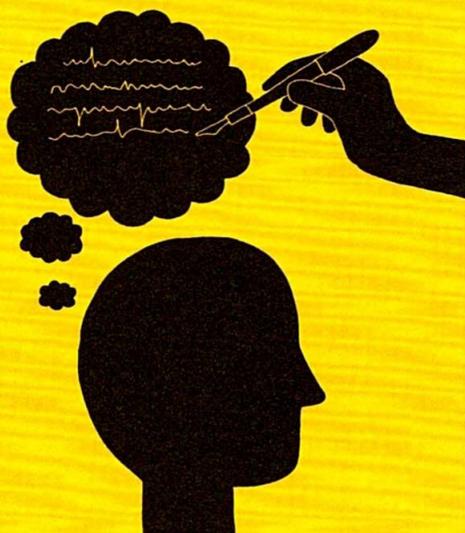
1875–77 *Anna Karenina*

1879 *Tự thú*

1886 *Cái chết của Ivan Ilyich*

1893 *Nước Trời ở trong lòng chính bạn*





MỘT TÂM TRÍ HỢP HÒI SẼ KHÔNG THỂ NHÌN MỘT THỨ TỪ NHỮNG GÓC NHÌN KHÁC NHAU

MIDDLEMARCH (1871–1872), GEORGE ELIOT

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Người kể chuyện toàn tri

TRƯỚC ĐÓ

1749 Trong *Tom Jones* của Henry Fielding, người kể chuyện toàn tri phỏ bày quá trình xây dựng một câu chuyện.

1862 Trong *Những người khốn khổ* của Victor Hugo, giọng kể toàn tri bình luận về chính trị, xã hội và các nhân vật trong tác phẩm.

1869 *Chiến tranh và hòa bình* của Leo Tolstoy sử dụng một giọng kể toàn tri để tạo ra "tranh luận triết học".

SAU ĐÓ

1925 Người kể chuyện toàn tri trong *Bà Dalloway* cho phép Virginia Woolf tạo ra những nhân vật "không gian nội tâm" và chiều sâu lớn lao.

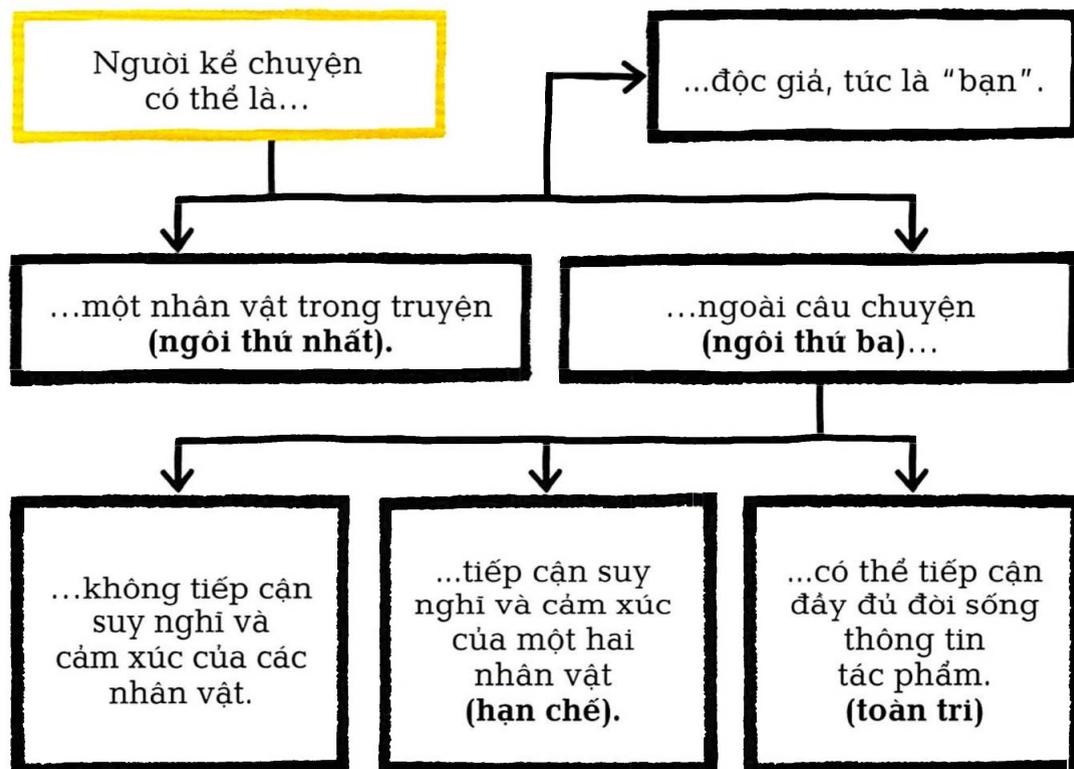
2001 Người kể chuyện toàn tri ở ngôi thứ ba trong *Hàn gấn* của Jonathan Franzen cho rằng những bình luận và thẩm quyền về văn hóa là một chức năng đã được hồi sinh của truyện văn chương.

Người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi thứ) đứng từ góc nhìn bên ngoài câu chuyện nhưng biết mọi thứ về các nhân vật và sự kiện trong truyện. Tiếng nói sáng tác kiểu này được các tiểu thuyết gia thế kỷ 19 sử dụng rộng rãi trong bối cảnh hiện thực xã hội. Nhiều tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất giai đoạn này – chẳng hạn

như Charles Dickens, Victor Hugo, và Leo Tolstoy – thường viết ở ngôi thứ ba toàn tri, và đây cũng là thủ pháp kể chuyện lý tưởng để George Eliot viết *Middlemarch* vì nó giúp bà thu hút độc giả "chăm chú quan sát sự hội tụ âm thầm của số phận con người".

Xuyên suốt những tuyến truyện đan xen của dàn nhân vật đồ sộ cùng sống tại một thị trấn

Quan điểm của người kể chuyện



Xem thêm: *Kiều hành và định kiến* 118–19 ▪ *Ba chàng linh ngạ làm* 122–23 ▪ *Hội chợ Phù Hoa* 153 ▪ *Những người khôn* *khó* 166–67 ▪ *Tội ác và hình phạt* 172–77 ▪ *Chiến tranh và hòa bình* 178–81 ▪ *Nàng Tess nhà d'Urberville* 192–93

ting lẻ ở Anh, cũng là tên tác phẩm – *Middlemarch* khám phá những căng thẳng giữa hôn nhân và sự nghiệp. Cụ thể, tác phẩm tập trung vào những giấc mơ của hai cá nhân sống theo lý tưởng, một Dorothea Brooke thông minh và nhân hậu và một bác sĩ Tertius Lydgate tài năng nhưng ngây thơ.

Một thế giới của những lựa chọn khó khăn

Eliot tránh xa những kết thúc có hậu thường lệ – một ảo tưởng mà bà xem là lãnh địa của những nữ tiểu thuyết gia “ngớ ngẩn”. Tham vọng của bà là họa nên sự phức tạp trong đời sống của con người thường tình: những khiếm khuyết và lỗi lầm hèn mọn, những bi kịch nhỏ bé, những vinh quang âm thầm, và những khoảnh khắc của phẩm giá. Chính tiếng nói toàn tri đưa sự tập trung của chúng ta quay lại tham vọng này.

Eliot hâm mộ văn hào Đức Johann Wolfgang von Goethe và cả hai đều có chung triết lý cho rằng những nỗ lực của mỗi cá nhân cần thiết cho sự tiến bộ chung của nhân loại. Trong *Middlemarch*, bà hoàn thiện quan niệm này và biến

nó thành tác phẩm hu cấu, qua đó đề xuất rằng phụ nữ đóng vai trò quan trọng và duy nhất trong hành trình tiến bộ và thay đổi. Cụ thể, Eliot (trong vai người kể chuyện toàn tri) đặt những câu hỏi làm thế nào làm được việc này ở vị thế một người phụ nữ trong thế giới thực không ngừng đổi thay.

Lời mời chiêm nghiệm

Đã có nhiều bàn luận xoay quanh vai trò của phụ nữ, giữa những nhân vật trong tiểu thuyết, cũng như lời bàn của tác giả. Các nhân vật nam mô tả một loạt những phẩm chất được đòi hỏi ở người phụ nữ, từ lý tưởng “đức hy sinh vì chồng con” của ông Casaubon – chồng của Dorothea, cho đến ảo mộng về tình bạn đồng hành tươi đẹp của Lydgate, “tựa mình coi địa đàng, noi tiếng cười ngọt ngào như tiếng chim ngân nga”. Nhưng tác phẩm không cho ta một quan điểm đơn thuần, mang tính kết luận về thân phận của người phụ nữ trong xã hội. Thay vào đó, tiếng nói tác giả mời chúng ta đi tìm kết luận của riêng mình bằng cách đặt những câu hỏi như: “Quan điểm [của Dorothea] là quan điểm khả dĩ duy nhất trong



Sống để làm gì nếu không phải để giúp đời nhau bớt khó khăn?

Middlemarch

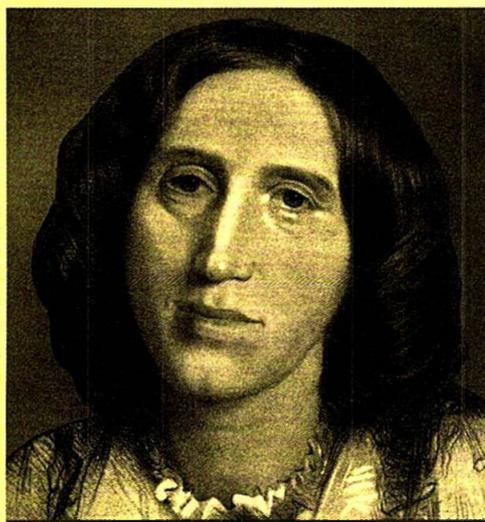


cuộc hôn nhân này phải không?”

Dù Eliot bị cáo buộc lạm quyền tác giả để thao túng câu chuyện – như Henry James xem tiểu thuyết này “quá tự mãn” – bà vẫn thành công trong việc duy trì giọng văn biện luận, cụ thể những khi người kể chuyện toàn tri cất ngang.

George Eliot vẫn trung thành với niềm tin của mình rằng chúng ta phải quan tâm đến những vấn đề đời thực bằng cách mời độc giả nhìn nhận mạng lưới chằng chéo những xu hướng phức tạp và mâu thuẫn trong mỗi con người, dù người đó do hu cấu hay là thật. ■

George Eliot



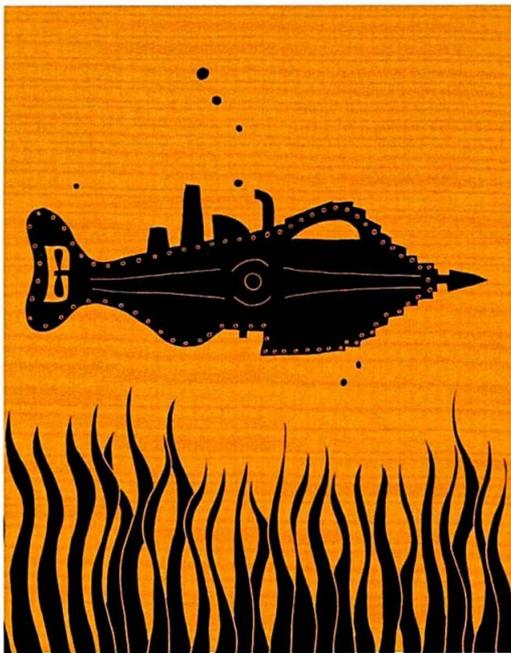
George Eliot tên thật là Mary Ann Evans. Bà sinh năm 1819 ở Warwickshire, Anh. Khác với những cô gái đương thời, bà theo học trường tu thực đến năm 16 tuổi; sau khi mẹ bà qua đời vào năm 1836, bà quán xuyến chuyện nhà của cho cha mình. Đến khi ông mất vào năm 1849, Eliot đến Geneva, rồi London – nơi bà an cư, và đến năm 1851 thì trở thành biên tập viên cho tờ *The Westminster Review* của John Bray.

Bà từng có cảm tình đơn phương với một số người, trong đó có triết gia Herbert Spencer, nhưng đã tìm thấy tình yêu đích thực nơi người bạn trí thức George Henry Lewes,

đã ly thân vợ nhưng không thể ly hôn. Vào năm 1854, hai người công khai sống chung, Evans cũng bắt đầu viết tiểu thuyết của mình dưới bút danh nam để thêm hiệu lực cho tác phẩm. Bà chấm dứt sáng tác sau khi Lewes mất năm 1878. Vào năm 1880, bà kết hôn với John Walter Cross, nhưng bảy tháng sau thì qua đời.

Tác phẩm chính khác

- 1859 *Adam Bede*
- 1860 *Lò xay bên sông Floss*
- 1861 *Silas Marner*
- 1876 *Daniel Deronda*



TA CÓ THỂ BẮT CHẤP LUẬT CON NGƯỜI, NHƯNG TA KHÔNG THỂ CHỐNG LẠI LUẬT THIÊN NHIÊN

HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN (1870), JULES VERNE

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện khoa học

TRƯỚC ĐÓ

1818 *Frankenstein*, của nhà văn Anh Mary Shelly được xuất bản; nó thường được xem là tác phẩm hu cấu đầu tiên chú trọng vào yếu tố khoa học.

1845 Thuật ngữ "truyện khoa học" lần đầu tiên được dùng, trong một bài điểm sách về tác phẩm hu cấu khuyết danh vào năm 1844 *Vết tích lịch sử tự nhiên của sự sáng thế*, nhằm diễn tả những ý tưởng khoa học phi chính thống của nó.

SAU ĐÓ

1895 *Cỗ máy thời gian*, tiểu thuyết khoa học viễn tưởng đầu tiên của H. G. Wells, đã phổ cập khái niệm du hành thời gian và đưa ra một góc nhìn mới về tương lai.

1912 *Thế giới đã mất* của Sir Arthur Conan Doyle mở rộng thể loại truyện khoa học bằng cách tưởng tượng ra khủng long ở Nam Mỹ đương đại.

Thuật ngữ "truyện khoa học – scientific romance" bắt nguồn từ thế kỷ 19 để mô tả những tác phẩm tự biện về lịch sử tự nhiên hay chỉ trích những quan điểm khoa học quá kỳ khôi. Nhưng qua thời gian, khi tri thức khoa học khiến các quan điểm về tương lai càng khả di hơn, thuật ngữ ấy lại được dùng để gọi các tác phẩm hu cấu đan cài những khía cạnh kỹ công của khoa học trong cốt truyện.

Đây là thời đại mà thế giới bị thống trị bởi những người châu Âu đương thời bị ám ảnh với công nghệ, tiến bộ xã hội, du hành và phiêu lưu, người ta bèn hy vọng rằng khoa học sẽ giúp biến đổi thời đại của bụi bặm, bẩn thỉu sang sung túc, phồn vinh.

Khoa học và khám phá

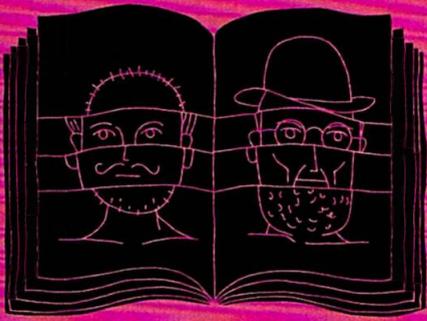
Tác giả Pháp Jules Verne (1828–1905) là cái tên được nhớ đến nhiều nhất trong thể loại khoa học viễn tưởng thế kỷ 19, thể hiện phong vị tiên tri và giàu sức tưởng tượng về du hành tương lai trong các tác phẩm của mình. Du ký *Năm tuần trên khí cầu* (1863) của Verne đã khẳng định phong cách phiêu lưu hành động, kết hợp với những tiềm năng khám

phá của ông. Tù du hành trên không, Verne đi vào lòng đất với *Hành trình vào tâm Trái Đất* (1864), nhưng đại dương mới là nơi ông gặt hái thành công vang dội nhất trong thể loại này.

Vào thập niên 1850, Verne bắt đầu phát triển ý tưởng về một loại thuyền chạy dưới nước, về sau trở thành *Nautilus*, con thuyền của thuyền trưởng Nemo trong *Hai vạn dặm dưới biển*. Câu chuyện của Verne kể về Nemo và các thuyền viên của ông; về những chuyến du hành ngoạn mục dưới biển của họ để tìm những khu rừng tảo và mực khổng lồ ở nhiều vùng nước trên thế giới. Verne, với sức sáng tạo diệu kỳ, trang bị cho những nhà du hành của mình đồ lặn và "súng hơi" để dùng dưới nước – một tầm nhìn tuyệt vời về tiềm lực phát triển khoa học cho phép khám phá những miền xa xôi nhất của thế giới.

Sang đầu thế kỷ 20, cách gọi "truyện khoa học" bị thay thế bằng thuật ngữ "khoa học viễn tưởng – science fiction", trọng tâm cũng được chuyển ra ngoài vũ trụ và tương lai thay vì "terra incognita" – những xứ sở xa lạ. ■

Xem thêm: *Frankenstein* 120–21



Ở THỤY ĐIỂN, TẤT CẢ NHỮNG GÌ CHÚNG TÔI LÀM LÀ MỪNG LỄ ĐẠI XÁ CĂN PHÒNG ĐỎ (1879), AUGUST STRINDBERG

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM *Roman à clef*

TRƯỚC ĐÓ

1642–69 Độc giả hẳn sẽ nhận ra chân dung những nhân vật xã hội quan trọng trong các tiểu thuyết *roman à clef* của nhà văn Pháp Madeleine de Scudéry, chẳng hạn như *Clelia*.

1816 Những nhân vật trong cuốn tiểu thuyết tai tiếng *Glenarvon* của nữ quý tộc Anh Lady Caroline Lamb được dựa rõ rệt trên tình nhân cũ của bà là Lord Byron và những người khác trong giới tinh hoa ở London mà bà quen biết.

SAU ĐÓ

1957 *Trên đường* của Jack Kerouac tiếp nối truyền thống *roman à clef*, thuật lại chi tiết quãng thời gian ông du hành khắp Bắc Mỹ.

1963 Tiểu thuyết bán tự truyện *Quả chuông ác mộng* của nhà văn Mỹ Sylvia Plath khắc họa một cô gái trẻ chìm dần vào điên loạn.

Roman à clef, tức “tiểu thuyết kèm chìa khóa”, là thể loại khắc họa người thật việc thật dưới vẻ ngoài hư cấu, “chìa khóa” chính là mối quan hệ giữa người thật và nhân vật hư cấu. Những tác phẩm nhu thế này thường dùng sự châm biếm và hài hước để bình luận về chính trị, các vụ tai tiếng, và những nhân vật gây tranh cãi.

Lừa dối và suy đồi

Là tiểu thuyết của tác giả Thụy Điển August Strindberg (1849–1912), đồng thời là nhà viết kịch được mến mộ, *Căn phòng đỏ* châm biếm xã hội Stockholm, tương tự như các tác phẩm của nhà văn Anh Charles Dickens ở chất phê bình kịch liệt. Được xem là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Thụy Điển về cả phong cách lẫn nội dung, cuốn sách giới thiệu Arvid Falk, một người ngây thơ sống vì lý tưởng và là bản ngã khác của Strindberg.

Khi ta vừa gặp Falk, anh là viên chức trẻ, ngán ngẩm sự quan liêu và nhọc nhằn của công việc nên đã chuyển sang làm nhà báo và nhà văn. Anh gặp mặt nhiều nhân vật trong giới kịch nghệ, chính trị và kinh

doanh, được lấy cảm hứng từ tầng lớp ưu tú ở Stockholm – để rồi anh sớm nản lòng khi nhận ra rằng xã hội Thụy Điển đầy rẫy lừa lọc và suy đồi.

Tựa đề cuốn sách gọi tên một căn phòng trong một nhà hàng ở Stockholm nơi dân Bohemian hay tụ tập. Đây là nơi Falk tìm kiếm sự khuấy khóa cùng những văn nghệ sĩ khác để suy ngẫm về những thăng trầm của cuộc đời. Những mô tả hài hước về các nhân vật anh ta gặp giúp chúng ta hình dung về những căng thẳng giữa cuộc sống của người Bohemia và giới tu sản ở Stockholm. ■

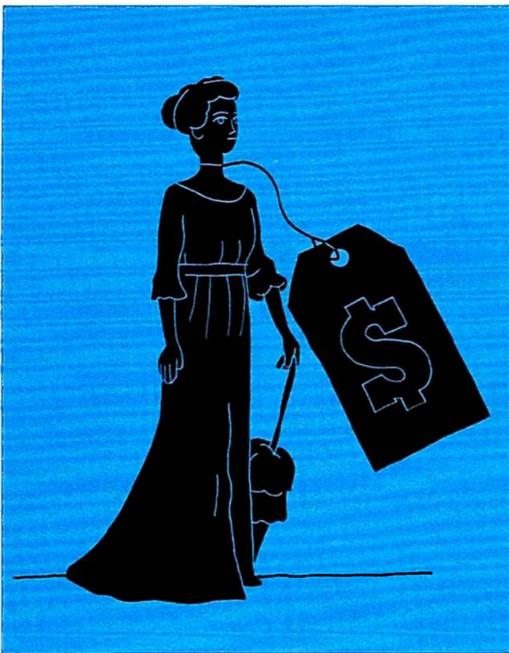


Hãy tập cho bản thân nhìn thế giới từ góc nhìn của loài chim, rồi anh sẽ thấy mọi thứ hèn mọn và vô nghĩa đến chừng nào.

Căn phòng đỏ



Xem thêm: *Nhà Lạnh* 146–49 ▪ *Trên đường* 264–65 ▪ *Quả chuông ác mộng* 290 ▪ *Sợ hãi và kinh tởm* ở *Las Vegas* 332



NÀNG ĐƯỢC VIẾT RA BẰNG MỘT THỨ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

CHÂN DUNG MỘT QUÝ CÔ (1881), HENRY JAMES

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện xuyên Đại Tây Dương

TRƯỚC ĐÓ

1844 Trong *Martin Chuzzlewit*, Charles Dickens giới thiệu một câu chuyện xuyên Đại Tây Dương thời kỳ đầu, bối cảnh là Anh và Hoa Kỳ.

1875 *Cách ta sống ngày nay*, tiểu thuyết châm biếm của nhà văn Anh Anthony Trollope, dôi theo Augustus Melmotte, một nhà tài phiệt suy đồi người châu Âu và những món đầu tư ở nước Mỹ của ông ta.

SAU ĐÓ

1907 *Bà de Treymes* của nhà văn Mỹ Edith Wharton xoay quanh cuộc sống của những người Mỹ ở Pháp.

1926 Trong *Mặt Trời vẫn mọc*, nhà văn Mỹ Ernest Hemingway giới thiệu một nhóm thanh niên Anh và Mỹ sống ở Paris và Tây Ban Nha.

1955 Trong *Lolita* của Vladimir Nabokov, Humbert Humbert gốc Âu đem Lolita bé nhỏ đi khắp nước Mỹ.

Đã có nhiều bàn luận về những khác biệt văn hóa giữa người châu Âu (nhất là Anh) và người Mỹ – dù là ngôn ngữ, tiếng cười, hay lễ nghi xã hội. Ở châu Âu, cuộc tranh luận thường tập trung vào chủ nghĩa Hoa Kỳ mà người ta cho rằng đang thâm nhập dần vào văn hóa châu Âu.

Những quan điểm như thế cũng được phản ánh trong văn chương, với dòng văn học xuyên Đại Tây Dương thường tập trung vào những khác biệt văn hóa, mà cụ thể là tác động của Cựu Thế giới lên cảm quan của Mỹ. Dù thế kỷ 18 được xem như giai đoạn tuyệt giao kinh tế – chính trị trong mối quan hệ Anh – Mỹ dẫn đến Mỹ

giành độc lập vào năm 1776, vẫn còn mối liên kết, dù có lúc đối nghịch, giữa hai nước. Ở vị thế một nước, Hoa Kỳ giành được lòng tin và chứng kiến sự lớn mạnh của giai cấp giàu có và sự tăng lên các hoạt động du lịch và đi lại giữa hai bờ Đại Tây Dương.

Những người ngây thơ trên đất khách

Diễn hình cho một người Mỹ có thú vui “xê dịch” và tinh ý trước những khác biệt văn hóa là Henry James – một nhà văn kiêu biao. Ông nhìn đồng bào Mỹ của mình với thái độ thờ ơ, và tiểu thuyết của ông đào sâu vào ý nghĩa của việc sống của một người Mỹ.

Giống như nhiều tác phẩm của James, *Chân dung một quý cô* thể hiện dàn nhân vật chủ yếu là người Mỹ trên bối cảnh châu Âu. Chàng trai Caspar Goodwood tự lực vươn lên là biểu tượng cho đất nước của anh – táo bạo và thẳng thắn. Anh được đặt trong thế đối lập với Gilbert Osmond, kẻ đã học theo những quy cách và giá trị của châu Âu, mục ruỗng về đạo đức, luôn ra dáng một người yêu thám mỵ và có gu riêng.

Nhờ vào nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, Isabel Archer, mà căng thẳng giữa Cựu và Tân thế

“

Nếu chúng ta không phải là người Mỹ tốt, chúng ta chắc chắn là những kẻ châu Âu tội nghiệp; đây đâu phải là đất nhà chúng ta.

Chân dung một quý cô

”

Xem thêm: *Chuyện ma ám ở trang viên Bly 203* ▪ *Lolita 260–61*

Mỹ

Văn học xuyên Đại Tây Dương thời kỳ đầu chủ yếu đặt sự bình dân và năng nổ của Mỹ vào thế đối lập với sự cầu kỳ và hay hoài nghi của châu Âu. Với người Mỹ, châu Âu vẫn là một nơi đầy cuốn hút, cả trong đời thực lẫn văn chương.

Châu Âu

Góc nhìn non trẻ, độc lập dựa trên niềm tin vào “quyền được sống, quyền được tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

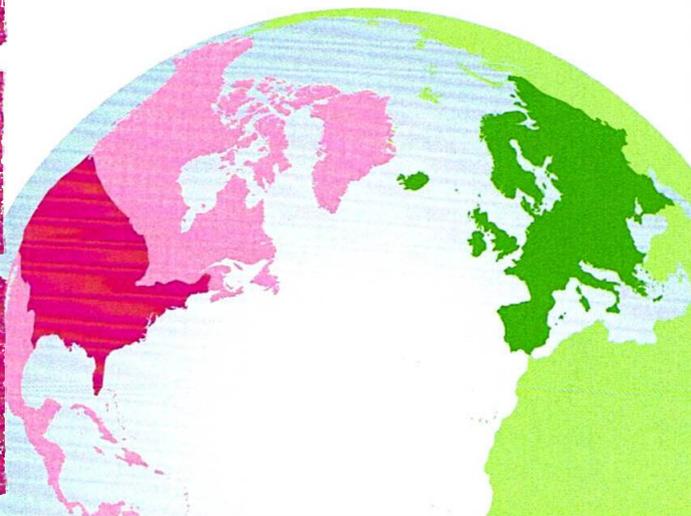
Các xã hội lâu đời, phức tạp, truyền thống cứng nhắc, bại hoại vì sự chuyên quyền và suy đồi đạo đức.

Nghèo nàn về văn hóa, thô lậu, bình dân, chưa được mài giũa.

Giàu có về văn hóa, được mài giũa, thanh lịch, và kiểu cách.

Các giá trị duy tài bám rễ vào tinh thần lạc quan, năng động, và tham vọng cá nhân.

Các giá trị cấm đoán, sự chán đời và nghi kỵ, nỗi sợ đánh mất đặc quyền.



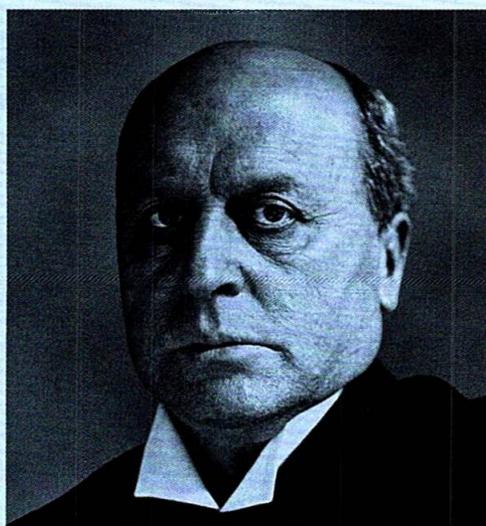
giới được thể hiện rõ rệt. Isabel là một phụ nữ thông minh và sáng tạo, phản ánh tinh thần lạc quan và chủ nghĩa cá nhân của nước Mỹ. Đến Anh rồi sau đó là châu Âu, một Isabel với tinh thần tự do cùng muốn nương theo những phép tắc xã hội mà nàng bắt gặp trên đất khách. Về yêu kiều và sự chân thành khiến nàng trở nên hấp dẫn

trong mắt những người theo đuổi, nhưng nàng lại thấy hôn nhân sẽ khiến nàng bị tù túng. Để bảo vệ sự độc lập của nàng, em họ nàng Ralph Touchett đã thuyết phục cha để một phần lớn gia sản lại cho Isabel để nàng khỏi phải kết hôn vì tiền bạc. Thật mỉa mai khi số phận đẩy đưa nàng về tin lời đường mật của tên Gilbert

Osmond xấu xa, tựa như sự xảo quyệt của Cựu Thế giới đặt bẫy sự ngây thơ của Tân Thế giới.

James tiếp tục viết về các đề tài này trong các tác phẩm tiếp theo như *Các sử giả* và *Cánh chim câu*, cũng như tạo cảm hứng cho nhiều tác giả khác, như Edith Wharton, tập trung vào các chủ đề tương tự. ■

Henry James



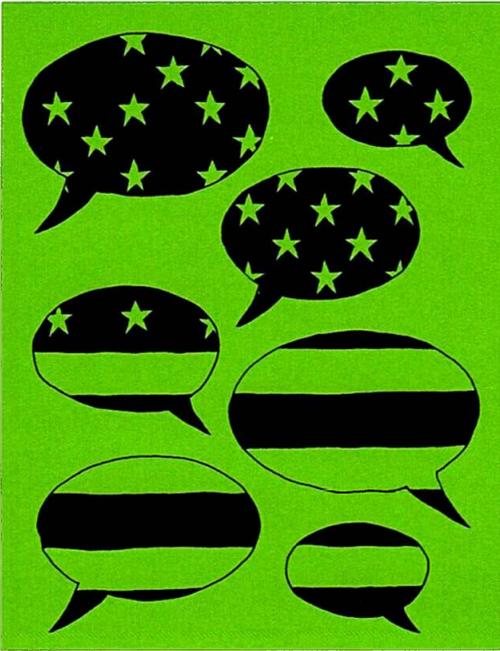
Henry James (1843–1916), sinh ở New York và là con trai của trí thức giàu có Henry James Sr. Ông dành phần lớn thời thơ ấu để đi du lịch quanh châu Âu. Sau khi về Mỹ để theo học Đại học Harvard, ông quyết định sẽ trở thành một nhà văn. Ông bắt đầu xuất bản các truyện ngắn và bài phê bình trên các tạp chí định kỳ.

Từ năm 1875, James chuyển đến sống ở châu Âu, rồi cuối cùng chuyển đến London. Tuổi thơ phiêu du và cuộc sống ở nước ngoài cho phép ông phê bình hai xã hội Mỹ và châu Âu. Ông là nhà văn có sức viết tốt. Các tác phẩm của ông bao

gồm truyện ngắn, kịch, luận, ghi chép du lịch, cũng như phê bình và tiểu thuyết. Cả Edith Wharton – bạn ông, gọi ông bằng “Thầy”. Trong tác phẩm của mình, ông vẫn giữ cốt cách một người Mỹ, với các nhân vật chính đến từ đất nước nơi ông sinh ra. Vào năm 1915, ông trở thành công dân Anh.

Tác phẩm chính khác

- 1879 *Daisy Miller*
- 1886 *Người Boston*
- 1902 *Cánh chim câu*
- 1903 *Các sử giả*
- 1904 *Chén vàng*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Tiếng nói Mỹ

TRƯỚC ĐÓ

1823 *Những người tiên phong*, cuốn đầu tiên trong bộ "Chuyện về Vó Da" của James Fenimore Cooper, cũng là một trong những tiểu thuyết Mỹ đầu tiên, đưa ra những góc nhìn trái chiều về cuộc sống miền biên viễn.

1852 Harriet Beecher Stowe tạo ra nhiều giọng phương ngữ trong *Túp lều bác Tom*, một câu chuyện cảm động châm ngòi phong trào bãi nô.

SAU ĐÓ

1896 Trong *Xứ sở linh sam*, Sarah Orne Jewett vẽ nên bức tranh sống động về đời sống ở một làng chài biệt lập nơi vùng duyên hải Maine.

1939 Tiểu thuyết đoạt giải Pulitzer *Chùm nho phân nộ* của John Steinbeck hòa trộn chất địa phương và bất công xã hội trong anh hùng ca về hành trình đến miền tây của một gia đình giữa cuộc Đại khủng hoảng.

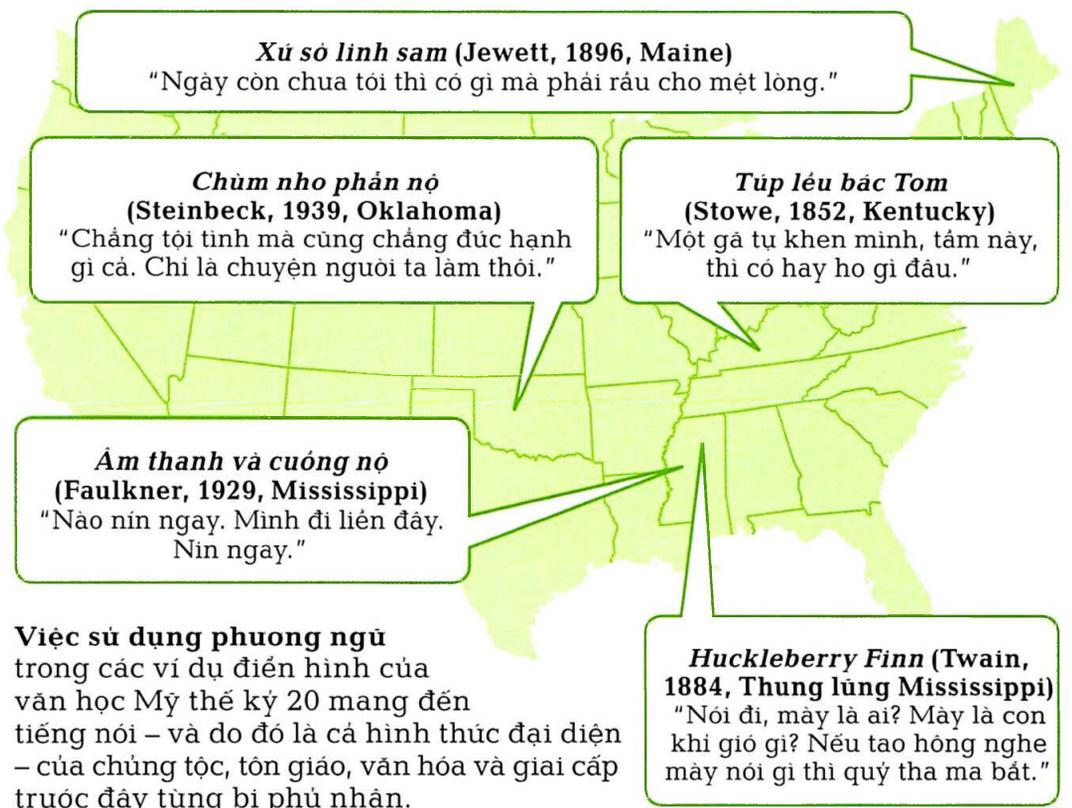
CON NGƯỜI CÓ THỂ RẤT TÀN NHẢN VỚI NHAU

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HUCKLEBERRY FINN (1884), MARK TWAIN

Chẳng có gì nhiều để kể về lịch sử cũng như chẳng có truyền thống văn chương nào để neo vào, các nhà văn Mỹ vào thế kỷ 19 gio cao tấm gương soi rọi quần chúng đa dạng và phức tạp của một quốc gia chuyển mình nhanh chóng. Một tác giả mở đường, đặt câu chuyện của mình vào vùng Thung lũng Mississippi ở Trung Tây nước Mỹ với người kể chuyện là cậu bé da trắng nghèo khó

đảo. Huck Finn của Mark Twain kể về những chuyến phiêu lưu của mình bằng phương ngữ, thêm thắt bằng những đoạn suy tưởng triết học và trí khôn vật, dần trở thành một trong những tiếng nói thuần túy đầu tiên của văn chương Mỹ.

Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn có gì để khiến Ernest Hemingway tuyên bố rằng đây là khởi điểm của văn học Mỹ? Đầu tiên, nó hun đúc các thế hệ nhà



Xem thêm: *Túp lều bác Tom* 153 ▪ *Âm thanh và cuồng nộ* 242–43 ▪ *Của chuột và người* 244 ▪ *Chùm nho phần nộ* 244 ▪ *Giết con chim nhại* 272–73

văn Mỹ đưa văn chương Mỹ ra khỏi trung tâm của nó tại các bang thuộc địa ngày xưa ở New England và đến đặt câu chuyện của họ vào bối cảnh miền đất quê nhà với màu sắc địa phương và tiếng nói bình dân. Không kém phần đặc sắc là cốt lõi duy lý trong câu chuyện trôi đi êm ả “của chính cậu bé”. Tiểu thuyết của Twain được phát hành sau cuộc Nội chiến Hoa Kỳ (1861–65) nhưng lại lấy bối cảnh 40 đến 50 năm trước, khi việc sở hữu nô lệ vẫn còn phổ biến ở miền Nam Hoa Kỳ và những đoàn người thực dân vẫn đang đi khai phá miền Tây. Tu duy bản địa của Huck phản ánh nhiều mâu thuẫn trong thâm tâm xã hội Mỹ.

Những cuộc phiêu lưu xuôi dòng sông

Từ đầu truyện, Huck tự giới thiệu với độc giả là một nhân vật trong *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* – tiểu thuyết trước đó của Twain, khiến cho những gì cậu kể có độ tin cậy về lịch sử xã hội. Cậu giả chết để trốn khỏi những người truyền bá văn minh ở Missouri và sự tàn bạo của cha mình, rồi bắt đầu hành trình của mình xuôi dòng Mississippi trên một chiếc bè, cùng bạn đồng hành là Jim – một nô lệ bỏ trốn. Khi cả hai đi về phương nam, thực tế tàn của một xã hội miền hẻo lánh hiện ra bất cứ khi nào cả hai tiếp xúc với người trên bờ. Trong những thị trấn hèn mọn này, những băng đảng thích dùng tu hình nắm giữ công lý; những kẻ lừa đảo lợi dụng sự yếu ớt của số đông, nhưng tên say xin to mồm bị bán nhanh gọn, và một quý ông nhà nhận bầu bạn với Huck bị giết vì mâu thuẫn gia đình.

Trong một tác phẩm chốc lát lại xuất hiện từ “nigger” nhạy cảm, sự đả phá được thể hiện qua những cuộc đối thoại giữa Huck và Jim. Vừa trốn khỏi cảnh bị bà chủ bán về miền hạ nguồn, Jim kết luận:

“Ừ – giờ thì mình giàu rồi... Minh làm chủ bản thân, mà bản thân mình thì có giá tám trăm đô la. Phải chi mình có số tiền đó.”

Sống trên chiếc bè tự túc bình dị, Huck và Jim trôi dạt khỏi trật tự xã hội của chúng và tình bạn bất đầu nảy nở. Về sau, khi Huck phải vật lộn với tu tưởng của dân miền Nam đòi cậu phải giao nộp Jim, cậu chỉ có thể nghĩ về Jim như một người bạn: “chúng mình lệnh đệnh cùng nhau, cùng trò chuyện, cùng hát, cùng cười... không biết làm sao mình chẳng thể nghĩ ra điều gì khiến mình chống lại cậu ấy...” Đến khi Tom Sawyer, nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên trước đó của Twain xuất hiện, sự phát triển về cảm xúc của Huck đã đến độ chín muồi.

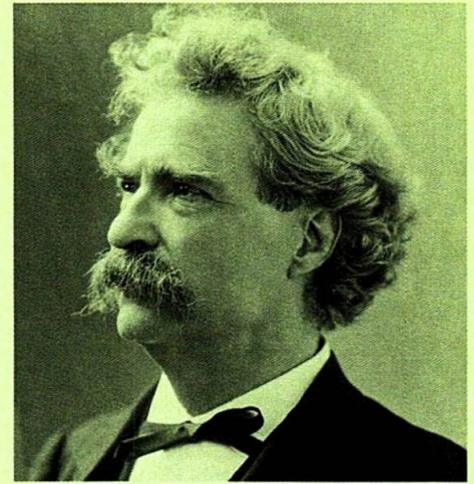
Dù bị quy chụp là “thô tục” khi được phát hành lần đầu vào năm 1884, *Huckleberry Finn* đã mang đến văn học Mỹ nguồn năng lượng, phong cách, và màu sắc mới. Trọng tâm mà tác phẩm đặt vào tiếng nói của người Mỹ đích thực đã lan tỏa đến tiếng nói của những người nông dân bị truất hữu trong *Chùm nho phần nộ* (1939) của John Steinbeck đến gần đây là câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất *Nhấn chim* (1996) của Junot Diaz kể về những người Mỹ gốc Dominica ở New Jersey. ■

“

Cậu cảm thấy vô cùng tự do và dễ chịu và thoải mái trên chiếc bè.

Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn

”



Mark Twain

Sinh ngày 30 tháng 11, 1835, Samuel Langhorne Clemens lớn lên tại Hannibal, Missouri, là hình mẫu của “St. Petersburg” trong *Huckleberry Finn*.

Sau khi cha ông qua đời, Clemens rời trường khi chỉ 12 tuổi; ông chuyển sang làm người sắp chữ và đôi khi là nhà văn, đến năm 1857, ông làm người lái tàu hơi nước trên sông Mississippi. Trong những năm Nội chiến, ông đi khai thác bạc ở Nevada, sau đó bắt đầu viết báo và lấy bút danh Mark Twain.

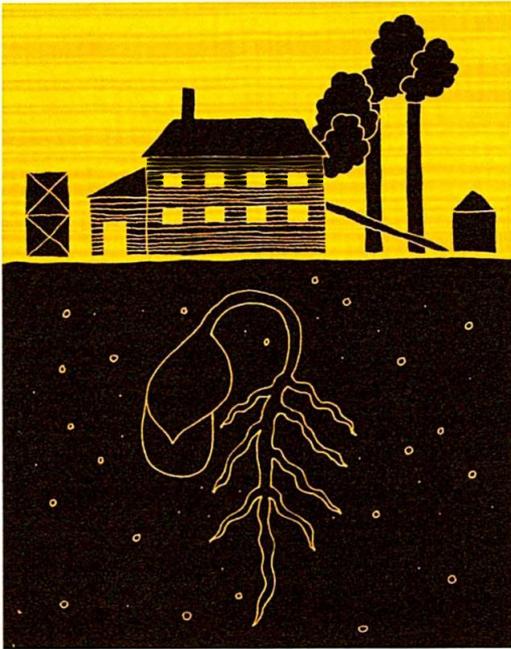
Năm 1870, Clemens kết hôn với Olivia Langdon; họ sống ở Connecticut và có bốn đứa con. Dù thành công khi viết tiểu thuyết, những lần đầu tư thất bại đã khiến ông khánh kiệt. Song, kể từ năm 1891, ông đi thuyết giảng nhiều nơi, nổi tiếng khắp thế giới, và dần ổn định tài chính. Dưới bút danh Mark Twain, ông đã viết 28 cuốn sách, nhiều truyện ngắn, thu từ và phác thảo. Ông qua đời năm 1910.

Tác phẩm chính khác

1876 *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer*

1881 *Hoàng tử và chú bé nghèo khổ*

1883 *Đời sống trên dòng Mississippi*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Chủ nghĩa Tự nhiên

TRƯỚC ĐÓ

1859 *Nguồn gốc các loài* của nhà tự nhiên học Anh Charles Darwin ảnh hưởng sâu sắc lên nhiều tác phẩm văn học, củng cố niềm tin vào tất định luận sinh học.

1874 *Xa đám đông điên loạn* của Thomas Hardy, với bức tranh định mệnh về tình cảnh bất công của nhân loại, đã báo trước chủ nghĩa Tự nhiên Pháp.

SAU ĐÓ

1891 *Phố Grub mới* của tiểu thuyết gia Anh George Gissing nói về tác động gây hại của cái nghèo lên sự sáng tạo.

1895 Lấy bối cảnh Nội chiến Mỹ, *Huân chương dũng cảm đỏ* của Stephen Crane dùng chủ nghĩa Tự nhiên tâm lý để miêu tả phản ứng của một người lính non trẻ trước cảnh đổ máu.

CHÀNG ĐƠN GIẢN CHỈ MUỐN LẠI XUỐNG HẦM MỎ, ĐỂ CHỊU ĐỤNG VÀ ĐỂ ĐẤU TRANH *NÀY MẦM* (1885), ÉMILE ZOLA

Chủ nghĩa Tự nhiên là một phong trào văn học xuất hiện ở Pháp vào giữa thế kỷ 19 để đáp trả những hình tượng diêm tinh của chủ nghĩa Lãng mạn. Thay vì khắc họa một thế giới lý tưởng hóa, chủ nghĩa Tự nhiên tập trung vào những phận đời sống gió của những người thuộc tầng lớp xã hội thấp nhất. Đây là chủ nghĩa có nhiều điểm chung với chủ nghĩa hiện thực với mục tiêu tái hiện chính xác đời sống bình thường, điển hình là *Bà Bovary* của Gustave Flaubert. Chủ nghĩa Tự nhiên cũng có tham vọng văn chương tương tự và sử dụng chủ nghĩa hiện thực chi tiết, nhưng bắt nguồn từ quan điểm con người không thể vượt lên tác động của môi trường. Vì vậy, các tác giả theo chủ

nghĩa Tự nhiên thường áp dụng các nguyên lý cơ về khoa học về sự khách quan và quan sát để khám phá cách các nhân vật phản ứng khi bị đặt vào nghịch cảnh. Vậy nên mọi truyện hư cấu theo chủ nghĩa Tự nhiên đều theo chủ nghĩa hiện thực, nhưng điều ngược lại không phải lúc nào cũng đúng.

Hiện thực tài liệu

Tên tuổi hàng đầu của chủ nghĩa Tự nhiên là nhà văn Pháp Émile Zola. *Này mầm* là tiểu thuyết thứ 13 trong bộ Nhà Rougon-Macquart gồm 20 tập của Zola, với tựa phụ là "Lịch sử tự nhiên và xã hội của một gia đình dưới Đế nhị Đế chế", trong đó ông nghiên cứu những tác động tất định của di truyền và môi trường đến những nhân vật khác nhau trong một gia đình nhiều thế hệ. Theo lịch cách mạng Pháp mới, "Này mầm - Germinal" là tên của tháng mùa xuân, khi cây lá đâm chồi: do đó tựa đề lạc quan nhấn nhủ về tiềm năng của một tương lai tốt đẹp hơn.

Zola khắc họa đời sống của một nhóm thợ mỏ ở miền bắc nước Pháp, thể hiện cuộc đấu tranh giữa tư bản và nhân công cùng nhu cơ chế tác động không ngừng của môi trường và di truyền lên các nhân vật hay yếu mệnh của ông. Ông tỉ mỉ nghiên cứu chất liệu cho câu chuyện của

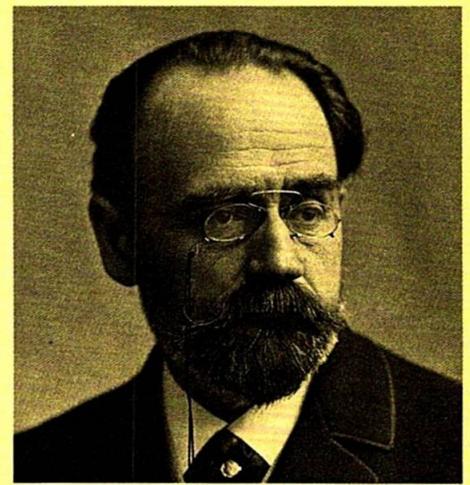
“

Thôi tắt nển đi.
Tôi không cần thấy suy nghĩ
của mình có màu gì.

Này mầm

”

Xem thêm: *Nàng Tess nhà d'Urberville* 192–93 ▪ *Xa đăm đông điên loạn* 200 ▪ *Nhà búp bê* 200 ▪ *Huân chương dùng cảm đồ* 202 ▪ *Em Carrie* 203



Émile Zola

Émile Zola sinh năm 1840 ở Paris; cha ông qua đời vào năm 1847, ông phải rời gia đình để buôn chải kiếm sống. Vào năm 1862, Zola vào làm việc ở nhà xuất bản Hachette và kiếm thêm thu nhập nhờ viết các bài phê bình cho các tạp chí định kỳ. Ba năm sau, khi đã có danh tiếng, ông quyết định chi sống bằng nghiệp văn, và đến năm 1865, ông xuất bản tiểu thuyết đầu tay, *Lời tự thú của Claude*.

Năm 1898, Zola can dự vào Vụ Dreyfus, theo đó một quân nhân bị kết án oan tội phản quốc: Zola đã viết một lá thư ngỏ để chỉ trích ban tham mưu mà về sau được biết đến với tên gọi "*Tôi tố cáo*". Hành động này khiến ông can tội phi báng và phải chạy sang Anh. Đến năm 1899, ông được cho phép trở về Pháp. Năm 1902, Zola qua đời do nhiễm độc carbon monoxide thải ra từ ống khói bị nghẹt. Có người tin rằng cái chết của ông không phải là tai nạn mà là hành động của những kẻ chống Dreyfus.

Tác phẩm chính khác

- 1867** *Thérèse Raquin – Thiếu phụ đăm mê*
- 1877** *Quán rượu*
- 1890** *Quái vật con người*

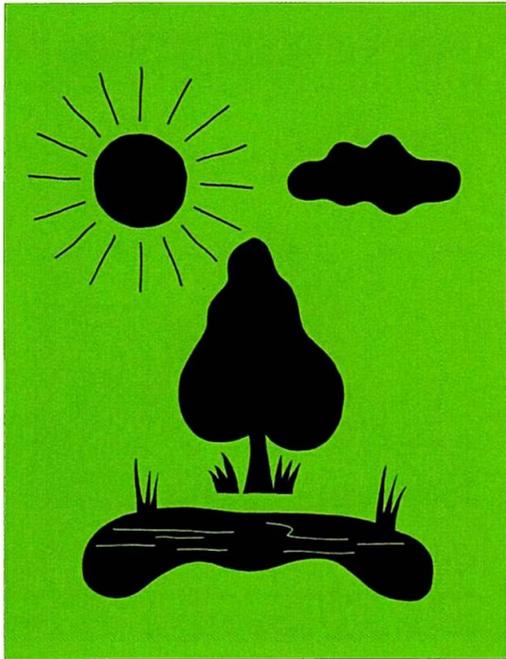
minh, phần nào lấy cảm hứng từ các cuộc đình công của thợ mỏ vào năm 1869 và 1884. Zola sử dụng hiện thực pháp chúng để họa nên khu mỏ và dần biến nó trở thành một nhân vật độc lập. Cách sử dụng hình ảnh và ẩn dụ mang lại tính chân thực cao độ – đó là một chần tinh, một con quái vật háu ăn, hút dãn và hớp trọn các thợ mỏ như những con côn trùng.

Hy vọng vào tương lai

Nhân vật chính của tiểu thuyết là chàng Étienne Lantier có học thức nhưng dễ cáu, con trai một kẻ nghiện rượu, mất việc sau khi hành hung sếp của mình. Étienne đến Montsou, nơi anh tìm được việc ở mỏ. Mòn mỏi vì bản tính bạo lực di truyền, anh cố cai rượu. Ở vị trí của người ngoài cuộc, anh có thể đánh giá những khổ ải,

bất công mà mình chứng kiến và thương xót cho cảnh ngộ của mọi người. Khi tiểu thuyết phát triển, sự nghèo khổ và điều kiện làm việc càng tệ hại hơn, đến mức thợ mỏ phải đình công, lãnh đạo của họ chính là chàng Étienne mang đầy lý tưởng; khi nổi loạn và đàn áp bạo lực kéo đến, thợ mỏ lại đổ lỗi cho anh. Mặc cho sự bạo tàn và tình cảnh lẻ loi, Étienne vẫn vững tin mình là mầm sống tiềm tàng của một xã hội tươi sáng hơn.

Với đỉnh cao là Zola, dù chủ nghĩa Tự nhiên trong văn học có tuổi thọ khá ngắn ở châu Âu, nhưng sau đó lại nở rộ trên đất Mỹ, nơi các nhà văn như Stephen Crane, Jack London, Theodore Dreiser và Upton Sinclair bằng các cách đa dạng đã tìm hiểu tác động của môi trường lên các nhân vật của mình. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Nhân cách hóa ngoại cảnh

TRƯỚC ĐÓ

1807 William Wordsworth sử dụng thủ pháp nhân cách hóa ngoại cảnh trong bài thơ "Tôi lang thang một mình như đám mây / Trôi trên những triền lung và đồi cao".

1818 "Đó là một đêm tháng 11 buồn thảm...". Mary Shelley mô tả đầu Chương 5 của *Frankenstein* bằng không khí điềm triệu mãnh liệt.

1847 *Đình Gió Hú* của Emily Brontë dùng thời tiết trên các cánh đồng hoang để tượng trưng cho cảm xúc con người.

SAU ĐÓ

1913 Trong *Con trai và người tình* của tiểu thuyết gia Anh D. H. Lawrence, tâm trạng của các nhân vật được phản ánh thông qua sự khơi gợi ngoại cảnh quanh họ.

1922 Phân đầu bài thơ Hiện đại chủ nghĩa *Đất hoang* của T. S. Eliot khắc họa một thú mùa xuân "tàn nhẫn".

MẶT TRỜI ĐÊM GIỜ ĐÂY THẬT XẤU XÍ TRONG MẮT NÀNG, HẾT NHƯ MỘT VẾT THƯƠNG RỤC LỬA TO LỚN TRÊN NỀN TRỜI

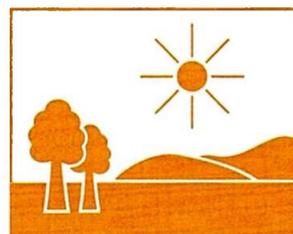
NÀNG TESS NHÀ D'URBERVILLE (1891),
THOMAS HARDY

Mối liên kết mạnh mẽ với quang cảnh và thiên nhiên cháy xuyên suốt các tác phẩm của nhà văn Anh Thomas Hardy. Mỗi quan hệ này phản ánh tình cảm to lớn của tác giả đối với quê nhà Dorset nơi ông được sinh ra và cũng là bối cảnh cho hầu hết các tác phẩm lớn của ông. Trong *Nàng Tess nhà d'Urberville*, thiên nhiên tượng trưng cho sự chân thật và tu phất của đời sống nông thôn truyền thống: nếu thiên nhiên bị giày xéo, Hardy sẽ chỉ tay vào những thế lực

"hiện đại" mạnh bạo, mà qua ngòi bút của ông, không chỉ mang tính hủy diệt mà còn được mở rộng thành ngụ ý nỗi khốn khổ của con người.

Thông qua phép nhân cách hóa ngoại cảnh của Hardy, Tess Durbeyfield hiện ra là một cô gái hòa hợp với thiên nhiên, qua đó thể hiện tính cách và tâm trạng của nàng. Thuật ngữ "nhân cách hóa ngoại cảnh – pathetic fallacy" được nhà phê bình nghệ thuật John Ruskin đặt ra vào năm 1856 để chỉ việc gán hành vi và cảm xúc con người vào thiên nhiên;

Nhân cách hóa ngoại cảnh được Hardy và nhiều nhà văn khác sử dụng để gán cảm xúc con người vào các khía cạnh của thiên nhiên – chẳng hạn như mùa thời tiết để phản ánh tâm trạng: ánh dương thể hiện niềm hạnh phúc, mưa gió thể hiện những khổ đau, và giông tố hàm ý những rối ren trong lòng.



Xem thêm: *Frankenstein* 120–21 ▪ *Đình Gió Hú* 132–37 ▪ *Nhà Lạnh* 146–49 ▪ *Xa đăm đông điên loạn* 200 ▪ *Đất hoang* 213

thủ pháp này thường được dùng trong các tiểu thuyết thế kỷ 19.

Tess ban đầu là một cô gái ngây thơ. Nàng múa – một “thiếu nữ” áo trắng – trong lễ hội mùa xuân, thu hút sự chú ý của Angel Clare, người mà nàng cũng để ý. Dù tác giả đã khẳng định trong tựa phụ (*Một người phụ nữ trong trắng*) rằng Tess “trong trắng”, gọi chút cảm tình Kitô giáo, nàng lại là hiện thân và sự tôn vinh ngoại giáo, nữ tính, và hướng về thiên nhiên.

Những xui rủi định hình câu chuyện của Tess ập xuống qua việc nàng không còn là thành viên trong gia đình người Norman quý tộc tên d’Urberville. Sự tiết lộ khiến Tess rời xa bản chất hướng về thiên nhiên của mình – “đứa trẻ mà thiên nhiên vừa tạo tác” theo cách nói của Angel – và kéo theo nhiều hậu quả.

Khi các sự kiện xảy ra để rồi cuộc sống của Tess trở nên rối mù trong tay Alec d’Urberville, nàng lại được mô tả trong các bối cảnh cực đoan hơn, ví dụ như dưới ánh dương “rực lửa” hay trong khu rừng suong phủ mờ mịt. Có lần, khi quang cảnh được nhân cách hóa ở mức độ cao, nàng bước vào một khu rừng và bắt gặp quanh mình chi toàn gà lôi bị săn hoặc bị bỏ rơi đang hấp hối, và nàng buộc phải rú lòng thương bằng cách chấm dứt những đau đớn đó. Ngẫm lại về khổ đau của mình, nàng cảm thấy bản thân còn nhỏ mọn so với những thống khổ của bầy gà lôi đó.

Nạn nhân đơan chính

Nhưng tình yêu của Tess dành cho Angel thuần trong sáng và Hardy đã cho thấy họ có thể cùng nhau vượt qua những hoàn cảnh khó khăn. Họ lấy nhau, nhưng hạnh phúc của họ bị phá vỡ; một con gà trống gáy vào buổi chiều sau hôn lễ của họ báo hiệu điềm xấu. Những năm tháng lớn khôn đã buộc Angel quay lưng với Tess sau khi nàng thú nhận quá khứ biến động của mình dù anh

đồng tình rằng nàng “gánh tội nhiều hơn gây tội”. Hardy không còn lấy thiên nhiên để nói hộ lòng nàng, cũng như không để nàng ra đồng hay chăm sóc động vật – giờ đây ông đặt nàng vào bầu không khí mới lạ và lẻ loi của thị trấn Sandbourne, nơi nàng sống trong thân phận người thiếp bị giam cầm.

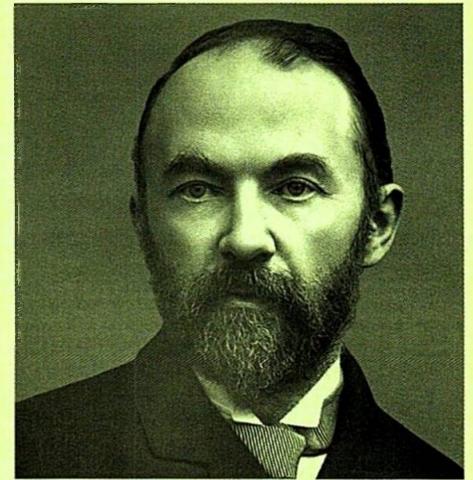
Tính tất yếu của số phận

Khi Angel cuối cùng cũng thừa nhận mình muốn ở bên Tess, cả hai đoàn tụ và cùng nhau trải qua quãng thời gian hôn nhân hạnh phúc ngắn ngủi trước khi bóng đêm lại ập đến. Cả hai lui về Rừng Mới, nơi họ sống như những thiên thần, “họ dạo chơi trên thảm lá kim, chìm trong bầu không khí đê mê mờ ảo khi nhận thức rằng cuối cùng hai người cũng được bên nhau...”. Tại đây, Hardy lại gọi ra sự hòa hợp của Tess với thiên nhiên. Không khí trong rừng khơi dậy tình yêu trong sáng, vui tươi, chiến thắng cả viễn cảnh chết chóc. Vòng tròn đã xuất hiện cuối tác phẩm đại diện cho đa thần giáo lẫn thiên nhiên; và hình ảnh Tess ngủ trên hòn đá thờ biểu tượng cho sự tự nguyện đầu hàng sau cuối của nàng trước số phận. ■



Không khí lu mờ, bầy chim rung mình trong bờ gấu, vút lên rồi hót vang; con đường khoe ra những đường nét thanh khiết, Tess cũng hiện ra, nhưng thanh khiết bội phần.

Nàng Tess nhà d’Urberville



Thomas Hardy

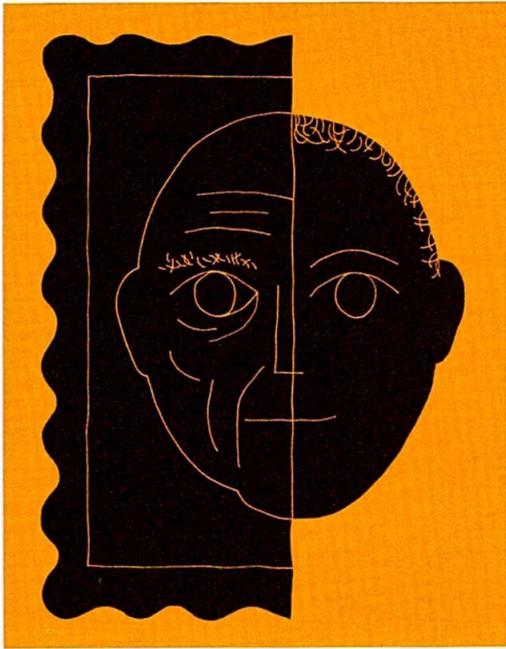
Thomas Hardy sinh năm 1840 ở Dorset, có cha là thợ đá kiêm thợ xây. Đến tuổi 16, ông theo học nghề kiến trúc.

Khi được 22 tuổi, ông chuyển đến London, nhưng năm năm sau, ông lại trở về Dorset do sức khỏe yếu và khao khát được viết. Trong các tiểu thuyết quan trọng của mình, Hardy đều lấy bối cảnh miền tây nam nước Anh, và gọi cảnh quan không có thật của mình là “Wessex” theo tên vương quốc Anglo-Saxon thời Trung cổ. Dù nhiều địa điểm trong các tiểu thuyết của ông có thật, ông luôn đặt cho chúng những cái tên hư cấu.

Hardy hay viết về khổ đau và bi kịch. Cái chết của người vợ đầu, Emma, vào năm 1912 đã thôi thúc ông viết những áng thơ tình tuyệt mỹ nhất. Sau khi ông mất vào năm 1928, tro của ông được mai táng ở Góc Thi nhân của Tu viện Westminster trong khi quá tim ông thì được chôn cùng Emma.

Tác phẩm chính khác

- 1874 *Xa đăm đông điên loạn*
- 1878 *Trở về cố hương*
- 1886 *Thị trưởng Casterbridge*
- 1887 *Dân miền rừng*
- 1895 *Jude – kẻ vô danh*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa Duy mỹ

TRƯỚC ĐÓ

1884 Trong cuốn *Chống lại tự nhiên* của nhà văn Pháp Joris-Karl Huysmans, nhân vật phản anh hùng duy mỹ lập dị Jean des Esseintes ghé thăm thú luân lý của tầng lớp trung lưu.

SAU ĐÓ

1901 *Gia đình Buddenbrook* của tiểu thuyết gia Đức Thomas Mann khắc họa chi tiết sự suy tàn của văn hóa tu sản trong thế kỷ 19.

1912 *Chết ở Venice* của Thomas Mann kể lại sự rơi vào cám dỗ của Gustav von Aschenbach, một họa sĩ đi vào con đường tự hủy hoại bằng mê đắm sa đọa.

1926 Tiểu thuyết ngắn *Câu chuyện giấc mơ* của nhà văn Áo Arthur Schnitzler được xuất bản; nó được xem như tác phẩm chính của trào lưu sa đọa vào buổi giao thời thế kỷ của thành Vienna, vốn gắn liền với chủ nghĩa Duy mỹ.

CÁCH DUY NHẤT ĐỂ THOÁT KHỎI CÁM DỠ LÀ BUÔNG MÌNH VÀO NÓ

CHÂN DUNG DORIAN GRAY (1891), OSCAR WILDE

Khi Ngài Henry lần đầu dụ dỗ nhân vật được nhắc đến trong tựa sách *Chân dung Dorian Gray* của Oscar Wilde sa vào đời sống trụy lạc, lời khuyên của ông về việc gieo mình vào cám dỗ đã tóm tắt những cốt lõi của chủ nghĩa Duy mỹ. Trào lưu Duy mỹ phát triển ở Anh vào cuối thế kỷ 19, nhấn mạnh tinh chất “nghệ thuật vì nghệ thuật” hơn các giá trị về xã hội, chính trị, và đạo đức.

Muu cầu khoái cảm

Trong tiểu thuyết của Wilde, chàng Dorian xinh đẹp sống cuộc đời của một người duy mỹ lý tưởng, buông mình theo mọi hình thức khoái cảm để đi tìm những cảm giác mới. Khi chàng lún sâu vào cuộc sống phóng đảng và trụy lạc, sau cánh cửa khép là bức chân dung nhiệm mầu che giấu những kinh hoàng mà tội lỗi của chàng gây ra. Chàng trong tranh dần già nua xấu xí trong khi chính chàng vẫn trẻ trung, da thịt chàng vẫn hồng hào.

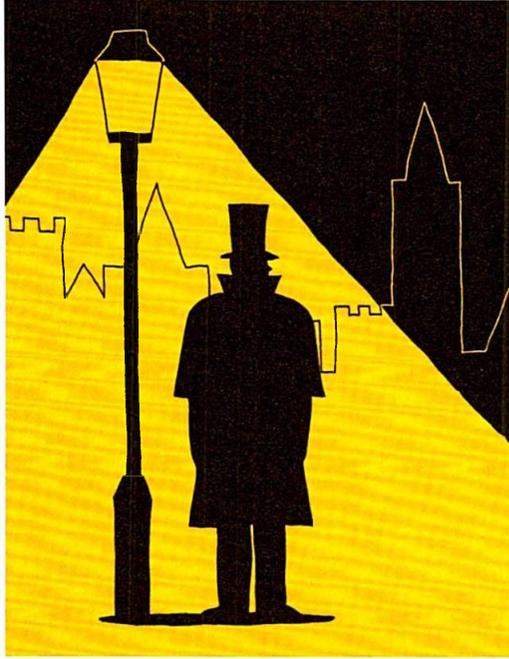
Trong khi câu chuyện được xem như điển hình cho việc thương thức nghệ thuật và cuộc đời chỉ để phục vụ mỹ cảm, con đường vô độ của Dorian mang tính hủy hoại, nên

chàng đã gây hại nhiều người trước khi thức tỉnh. Câu chuyện của chàng không trực tiếp nói về khoái cảm duy mỹ, nhưng cùng nhu phong trào Duy mỹ, nó đặt ra câu hỏi về đạo đức của giai cấp tu sản thế kỷ 19 đòi hỏi nghệ thuật phải phục vụ mục đích cao hơn. Cách thể hiện chủ nghĩa Duy mỹ của Wilde công kích tu duy này bằng cách cho rằng nghệ thuật nên được tách khỏi đạo đức. Wilde xem tác phẩm tôn vinh niềm khoái lạc và sự hủy hoại vô luân của mình như một bài phê bình tu tưởng của giai cấp trung lưu mà ông cảm thấy như đang bóp nghẹt nghệ thuật bằng tính giáo huấn của họ.

Cái đẹp và cái hu hao

Hệt nhu diện mạo Dorian vẫn thanh tú dù chân dung chàng hao mòn, vẻ ngoài của chủ nghĩa Duy mỹ nhằm nguy trang cho sự mất đi trật tự xã hội của giai cấp trung lưu vào buổi suy tàn của Đế quốc Anh. Sự hu hao đẹp đẽ khiến Ngài Henry “hùng thú” đại diện cho xã hội đã sản sinh ra nó, nơi sự sa đọa vào cám dỗ biểu hiện cho một thế giới suy tàn. Cái đẹp có thể lên ngôi, nhưng với một cái giá rất đắt – với Dorian, cái giá đó chính là tâm hồn chàng. ■

Xem thêm: *Chết ở Venice* 240



CÓ NHỮNG THỨ XƯA VÀ NAY MÀ ĐÔI MẮT CON NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC PHÉP NGẮM

DRACULA (1897), BRAM STOKER

BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM Gothic thành thị

TRƯỚC ĐÓ

1852–53 Trong *Nhà Lạnh* của Charles Dickens, sương mù thành thị thể hiện sự tù đọng và rối loạn; nó trở thành biểu tượng chủ đạo cho sự bí hiểm và kinh dị của truyện Gothic thành thị.

1886 *Trường hợp lạ lùng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde* của nhà văn Scotland Robert Louis Stevenson xoay chuyển mục thuốc tê ngắt của giai cấp trung lưu sang hướng kinh dị.

1890 Bằng cách xoáy sâu vào suy đồi xã hội và tính hữu tử của kiếp người, *Chân dung Dorian Gray* của nhà văn Ireland Oscar Wilde trở thành tiểu thuyết Gothic thành thị kinh điển.

SAU ĐÓ

1909 *Bóng ma nhà hát lớn* của nhà văn Pháp Gaston Leroux giúp tiểu thuyết Gothic đi vào lòng độc giả Paris. Các tác phẩm chuyển thể lên sân khấu và màn ảnh rộng sau này giúp câu chuyện đến được với đông đảo khán thính giả.

Những câu chuyện ma mị, siêu nhiên, lấy bối cảnh nơi hoang dã và điều tàn là đặc trưng của tiểu thuyết Gothic vào cuối thế kỷ 18 – đầu thế kỷ 19. Tiểu thuyết Gothic thành thị về sau biến bối cảnh các đô thị thành nơi kinh hoàng, chơi đùa với những mối lo âu của thời cuộc, chẳng hạn như sự xuống cấp đạo đức.

Dracula của tiểu thuyết gia Ireland Abraham (Bram) Stoker (1847–1912) đưa độc giả đến trung tâm London thời Victoria, nơi một vị bá tước ma cà rồng ngoại quốc đang đe dọa xã hội của giai cấp trung lưu. Do hầu như không bị truy vết, Dracula có thể thoải mái chọn nạn nhân của mình – tiểu thuyết phơi bày nỗi kinh hoàng đến từ tình trạng không rõ danh tính ở các thành thị.

Nỗi kinh hoàng từ phía đông

Dracula kể về cuộc đối đầu đông-tây: vị bá tước đến từ phía đông (Transylvania), đặt chân đến bờ đông nước Anh và cư ngụ tại Purfleet, phía đông London. Với độc giả thời Victoria, họ sẽ hình dung Dracula là một kẻ ngoại quốc, bạo lực, và phạm tội (thảm án

Whitechapel, Đông London, nơi Jack Thọ xé giết nhiều phụ nữ vào năm 1888, vẫn còn nhu mới trong tâm trí độc giả).

Những thú tân tiến – ánh đèn khí, khoa học, công nghệ, cảnh sát – đều vô dụng khi đối mặt với kẻ xâm nhập xa xưa đến từ những xứ sở thần thoại và truyện cổ. Bá tước Dracula được mô tả là một thể lực xa lạ, đen tối, đầy thú tính. Tính chất lây lan của cái xấu, tinh dục, và xu hướng suy đồi gắn liền với sự bần thiêu của đời sống thành thị cũng được nhắc đến như khi bá tước đe dọa gieo rắc lời nguyên xác sống. ■

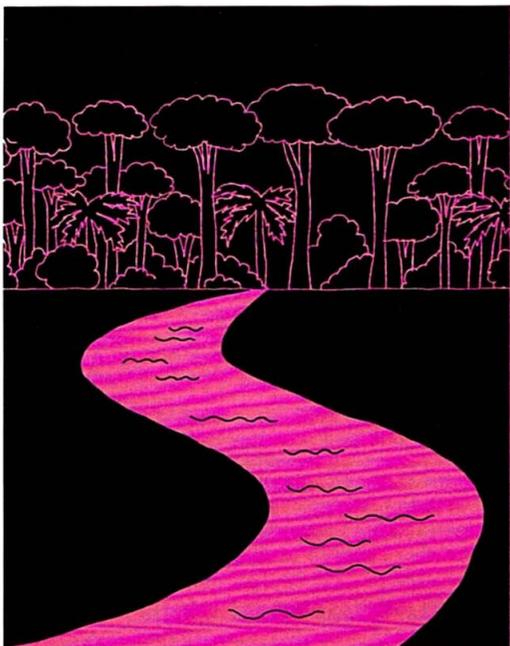
“

Dưới lớp con người này là cung cách của một người đàn ông, hay hành vi của một con vật?

Dracula

”

Xem thêm: *Nhà Lạnh* 146–49 ■ *Chân dung Dorian Gray* 194 ■ *Trường hợp lạ lùng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde* 201 ■ *Chuyện ma ám ở trang viên Bly* 203



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học thực dân

TRƯỚC ĐÓ

1610–11 Prospero biến Caliban thành nô lệ trong vở *Giông tố* của Shakespeare, một trong các tác phẩm văn chương sớm nhất thể hiện thái độ thực dân.

1719 Trong *Robinson Crusoe*, nhân vật chính của Daniel Defoe dạy cho chàng thổ dân Thứ Sáu cung cách "ưu việt" của thế giới phương Tây.

SAU ĐÓ

1924 *Đường đến Ấn Độ* của E. M. Forster đặt vấn đề liệu có thể tìm được sự thấu hiểu thực sự giữa thực dân và thuộc địa.

Tn.1930 Trào lưu văn học Négritude, đi đầu là Aimé Césaire và L-S Senghor, chối bỏ sự phân biệt chủng tộc có tính thực dân của Pháp để đi tìm một bản sắc da đen chung.

Tn.1990 Nghiên cứu về biểu hiện của tính thực dân trong văn học – chủ nghĩa hậu thực dân – trở thành một dòng lý thuyết văn học phổ biến.

MỘT TRONG NHỮNG CHỖN TÂM TỐI CỦA TRÁI ĐẤT

GIỮA LÒNG TÂM TỐI (1899), JOSEPH CONRAD

Suốt thế kỷ 19, chủ nghĩa đế quốc nắm quyền thống trị tuyệt đối, nhiều quốc gia châu Âu đã thôn tằm quyền hạn vô cùng to lớn với các xứ thuộc địa xa xôi của mình. Các nhà văn châu Âu thường có thái độ rất dũ dội trước các thuộc địa. Cảm tưởng thượng tôn của các nước thực dân có thể được tìm thấy trong các tiểu thuyết của thời kỳ này.

Nhưng khi chuyển sang thế kỷ 20, chủ nghĩa thực dân, cùng những tác động tàn khốc của nó đến các dân tộc bị nó dịch bắt đầu bị hoài nghi. Các tác giả dần rời xa những quan điểm đế quốc chủ nghĩa của mình để khám phá những tầng lớp phức tạp của chủ nghĩa thực dân, cũng như những

điều phải trái của đế quốc. Ví dụ, tác phẩm của Rudyard Kipling tinh tế thách thức hình ảnh Đế quốc Anh nhân đức. Nhưng không ở đâu mà những chủ đề về sự khai thác và sự bất kham nơi thuộc địa lại được thể hiện rõ ràng trong văn học thời đại này như với các tác phẩm của Joseph Conrad, cụ thể là tiểu thuyết ngắn *Giữa lòng tâm tối*.

Cái tâm tối giữa lòng

Châu Phi, bối cảnh của tiểu thuyết, với người Anh thời Victoria, là "lục địa đen". Conrad sử dụng hình ảnh tâm tối này xuyên suốt cuốn sách – chẳng hạn, ông gọi dòng sông Thames dẫn tàu đi, hướng đến "giữa lòng của sự tâm tối miên man". Nhưng London cũng là "một trong những chốn tâm tối của Trái Đất". Tiểu thuyết cho rằng sự tâm tối có thể tồn tại cả bên trong lẫn bên ngoài – một người da trắng vượt ra khỏi những khuôn khổ của hệ thống xã hội châu Âu, chẳng hạn như tay buôn ngà bí ẩn Kurtz trong cuốn sách, có thể bắt đầu nhìn vào sự tâm tối trong tâm hồn mình.

Mở đầu tiểu thuyết, một nhóm bạn ngồi trên thuyền xuôi dòng sông Thames. Một trong số đó, Marlow, bắt đầu kể về thời gian ông ở xứ Congo thuộc Bỉ, khơi

“

Đi ngược dòng sông cũng như đi ngược về những khối thù xa xưa nhất của thế giới.

Giữa lòng tâm tối

”

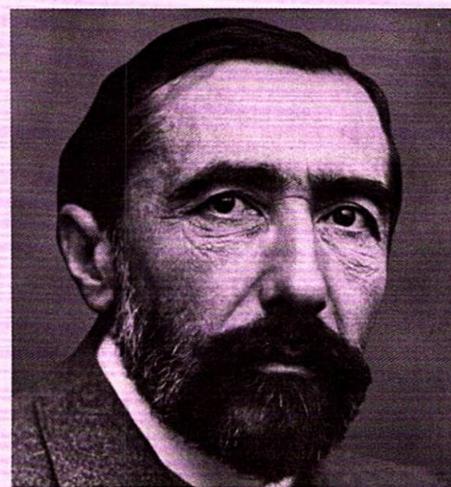
Xem thêm: *Robinson Crusoe* 94–95 ▪ *Câu chuyện một nông trại châu Phi* 201 ▪ *Nostramo* 240 ▪ *Đường đến Ấn Độ* 241–42 ▪ *Quê hương tan rã* 266–69

mào bằng những suy nghĩ về cái mà ông gọi là “cuộc chinh phạt Trái Đất,” một thứ “nếu cứ nhìn mãi thì chẳng xinh đẹp gì.” Cuộc chinh phạt này dựa trên sự truat hữu, trên hành vi tước đoạt “từ những kẻ khác màu da và có mũi tẹt hơn mũi chúng ta”.

Hành trình ngược dòng Congo được mô tả không khác gì hành trình vào địa ngục: người châu Phi chết vì làm việc quá sức và bị suy dinh dưỡng; những người châu Âu da trắng dần hóa điên; con tàu của ông ta bị cu dân trong rừng tấn công. Ông bị ám ảnh bởi những câu chuyện của Kurtz. Ông ta dù gom được một lượng lớn ngà voi nhưng lại vác quanh mình, hay giữ trong lòng mình, những

điều tâm tối. Marlow phát hiện báo cáo mà Kurtz viết về cách chấm dứt triệt để “những phong tục man dã” kết thúc bằng một dòng viết tháu: “Diệt sạch bọn mọi!” Tại đây, Conrad nhấn nhủ rằng bên dưới bề mặt một cuộc “khai hóa” châu Phi là niềm thôi thúc tận diệt những người khác màu da.

Nhưng khi Marlow nhận ra sự thân thuộc giữa ông và nhóm người dã man (mà ông gọi là “bạn tốt”), ông cũng nhận ra sự thân thuộc của mình với Kurtz. Là người cùng thời với nhà phân tâm học Sigmund Freud, Conrad cho rằng “lòng tâm tối” nằm trong mỗi người, rằng hành trình Marlow vào sâu châu Phi cũng có thể hiểu là hành trình đi vào tâm hồn con người. ■



Joseph Conrad

Joseph Conrad tên thật là Jozef Teodor Konrad Korzeniowski, sinh ngày 3 tháng 12, 1857 ở Ukraine thuộc Ba Lan. Sau khi mẹ mất sớm và cha bị lưu đày chính trị ở Siberia, Conrad được cậu nuôi dưỡng ở Kraków. Năm 17 tuổi, ông chuyển đến Pháp và làm quen với nhiều bạn bè người Bohemia; ông ra biển làm hoa tiêu, chính những quan sát của ông lúc này đã tạo nên tảng cho hầu hết các chi tiết trong tiểu thuyết của ông về sau. Conrad sau đó chuyển đến sống ở Anh với nguyện vọng trở thành sĩ quan hải quân. Ông dành 20 năm làm thủy thủ, dần dần trau dồi tiếng Anh và bắt đầu viết. Ông trở thành công dân Anh vào năm 1886 và bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tay, *Trò hề của Almayer*, vào năm 1889. Thời gian ông phục vụ trên một con tàu hơi nước tên *Le roi des Belges* ở Congo thuộc Bỉ năm 1890 đã giúp ông phác thảo *Giữa lòng tâm tối*. Conrad mất năm 1924, năm ấy ông 67 tuổi.

Tác phẩm chính khác

- 1900 *Huân tước Jim*
- 1904 *Nostramo*
- 1907 *Mặt vụ*
- 1911 *Dưới mắt tây*

Hành trình ngược dòng Congo của Marlow



ĐỌC THÊM

CHUYỆN HAI THÀNH PHỐ (1859), CHARLES DICKENS

Là một trong hai tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Anh với gia tài tác phẩm đồ sộ Charles Dickens (xem tr.147), *Chuyện hai thành phố* lấy bối cảnh London và Paris trước và trong Cách mạng Pháp 1789. Nổi bật vì không có nhiều chất khôi hài, tác phẩm kể chuyện bác sĩ Manette, cháu gái ông – Lucie, người chồng nhập cư Charles Darnay của cô, cùng Sydney Carton – người trông giống Charles. Qua mô tả cảnh ngộ của giai cấp bán nông, cuộc đánh chiếm ngục Bastille, cùng những cỗ máy chém kinh hoàng, Dickens tạo nên không khí hồi hộp khi một bí mật đã được chôn giấu từ lâu nay được khai quật, khiến mạng sống của Darnay bị đe dọa.

NHỮNG KỶ VỌNG LỚN LAO (1860–1861), CHARLES DICKENS

Một trong những tác phẩm thành công nhất của Dickens về cả mặt phê bình lẫn doanh số, *Những kỳ vọng lớn lao* mở ra với bối cảnh vùng đầm lầy mù sương ở Kent, nơi



Chúng ta không bao giờ cần phải xấu hổ vì rơi lệ... chúng chỉ là giọt mưa giữa mịt mù cát bụi...

Những kỳ vọng lớn lao
Charles Dickens



Pip – một trẻ mồ côi được người chị khắc nghiệt và anh rể tốt bụng là thợ rèn Joe Gargery nuôi nấng – gặp một tên tù đào tẩu. Thời gian thắm thoát trôi qua, cuộc sống của Pip thay đổi hoàn toàn khi có tin về “những kỳ vọng lớn lao” từ một mệnh thường quân giấu tên, người có thể giúp cậu bé trở thành một quý ông. Với chất khôi hài được yêu thích của Charles Dickens, nay có lẽ ở độ hoàn thiện nhất, cốt truyện bao trùm nhiều nhân vật khó quên: cô Havisham phai tàn và cay đắng cùng con gái nuôi Estella lạnh lùng và kiêu kỳ; cùng tên tội phạm Abel Magwitch. Khám phá cuối cùng về danh tính của vị mệnh thường quân khiến cuộc sống của Pip đảo lộn.

THÉRÈSE RAQUIN – THIẾU PHỤ ĐAM MÊ (1867), ÉMILE ZOLA

Xuất hiện lần đầu dưới dạng truyện dài kỳ, *Thérèse Raquin* của nhà văn Pháp Émile Zola (xem tr.191) kể về bi kịch của nhân vật chính Thérèse. Phải chịu đựng cuộc hôn nhân buồn bã với người em họ bệnh tật Camille, nàng sa vào mối tình cuồng nhiệt với bạn của chồng là Laurent. Đòi tình nhân giết Camille, hành động sẽ ám ảnh cả hai suốt đời và khiến đam mê của họ hóa thù hận. Dù bị một số người chỉ trích là “đồi bại”, tiểu thuyết mang tính nghiên cứu khoa học về “bản tính” này của Zola đã đưa ông lên vị thế một nhà văn lớn.

VIÊN KIM CƯƠNG MOONSTONE (1868), WILKIE COLLINS

Được T. S. Eliot mô tả là “tiểu

Wilkie Collins

Sinh năm 1824 ở London, là con của họa sĩ vẽ tranh phong cảnh William Collins, Wilkie Collins phát hiện tài năng sáng tác truyện khi còn là thiếu niên học ở trường nội trú nhờ có một tên bắt nạt yêu cầu ông kể chuyện mỗi đêm mới được ngủ. Năm 1851, ông được giới thiệu đến Charles Dickens và được văn hào bảo hộ. Ông hợp tác với Dickens và tạo nên tình bạn khăng khít kéo dài suốt hai mươi năm sau. Vào thập niên 1860, Collins viết những tác phẩm được ca ngợi và có sức sống lâu bền nhất, trở thành người tiên phong thể loại truyện kỳ bí và hồi hộp, thể loại dẫn đến sự xuất hiện của tiểu thuyết trinh thám về sau. Ông mất năm 1889 vì đột quỵ.

Tác phẩm chính

1859–60 *Người phụ nữ mặc y phục trắng*

1868 *Viên kim cương Moonstone* (xem bên dưới)

thuyết trinh thám Anh hiện đại đầu tiên, dài nhất, và hay nhất”, *Viên kim cương Moonstone* của Wilkie Collins kể về một vụ cướp viên kim cương Ấn Độ vô giá đầy bí ẩn tại một dinh thự miền quê nước Anh. Tác phẩm vẫn áp dụng phương pháp nhiều người kể chuyện mà Collins đã dùng rất hiệu quả trong tác phẩm trước đó *Người phụ nữ mặc y phục trắng*. Được đăng dài kỳ khi lần đầu ra mắt, tác phẩm xác lập những yếu tố về sau sẽ gắn liền với thể loại trinh thám: không khí hồi hộp, manh mối và sự kiện làm

lạc, cảnh sát địa phương tặc trách, một vị thám tử tài ba có phong cách riêng (Hạ sĩ Cuff), nghi phạm sai, căn phòng khóa cùng phân vạch tội đầy kịch tính.

NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ BÉ NHỎ
(1868–1869), LOUISA MAY ALCOTT

Xuất bản lần đầu thành hai tập, *Những người phụ nữ bé nhỏ* của tác giả Mỹ Alcott (1832–88) lấy bối cảnh New England trong Nội chiến Hoa Kỳ (1861–65). Câu chuyện lần theo những việc làm và khao khát của bốn chị em – Meg, Jo, Beth và Amy – trong quá trình họ trở thành thiếu nữ. Cuốn sách thành công vang dội ở cả hai bờ Đại Tây Dương, mở ra thể loại tiếp cận tuổi thiếu nữ theo cách mới mẻ và hiện đại hơn, từ chối các vai trò nữ tính truyền thống. Các nhân vật của Alcott, dù có lúc đã cảm, đều là những người phụ nữ có ý chí mạnh mẽ, đặc biệt là Jo, cô bé tinh nghịch thách thức thường lệ.

CHÀNG NGỐC
(1868–1869), FYODOR DOSTOYEVSKY

Chấp bút *Chàng ngốc* – một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của



Họ đều không đạt được mục tiêu – người chỉ mơ được tình yêu, người chỉ mơ được quyền lực.

Giáo dục tình cảm
Gustave Flaubert



văn học Nga “thời đại Hoàng kim” – nhà văn và triết gia Dostoyevsky (xem tr.174) dự định “khắc họa một con người hoàn toàn xinh đẹp”. Thành quả là Hoàng thân Myshkin, nhân vật chính và cũng là “chàng ngốc” của tiểu thuyết, một gã quý tộc với lòng thương người tựa Chúa trời, lại vô cùng ngây thơ. Trở về từ viện an dưỡng ở Thụy Sĩ, Myshkin cảm thấy lòng mình rối bời giữa tình cảm lãng mạn cho nàng Aglaya Ypanchinn và tình yêu nồng cháy với nàng Nastassya Filippovna, một phụ nữ bị giam cầm và áp bức. Lòng thiện của anh bị thử thách nhưng cuối cùng không có chỗ cho lòng thương người và sự chính trực của Myshkin trong một xã hội ngày một suy đồi.

GIÁO DỤC TÌNH CẢM
(1869), GUSTAVE FLAUBERT

Lấy bối cảnh thời Cách mạng 1848 và sự ra đời Đế nhị Đế chế Pháp của Napoleon III, *Giáo dục tình cảm* của tiểu thuyết gia và nhà viết kịch Gustave Flaubert (xem tr.160) kể lại những việc làm của một luật sư trẻ tuổi sống lang bạt, Frédéric Moreau, cùng tình cảm say đắm của anh với bà Arnoux, một phụ nữ lớn tuổi hơn đã có gia đình. Lấy cảm hứng từ những sự kiện trong đời mình, Flaubert viết bằng văn phong rời rạc, khách quan, đôi khi mỉa mai để vẽ nên bức tranh chân thực về xã hội tu sản ở Pháp thời điểm đó mà ông vẫn hay chỉ trích là giả tạo và kém tao nhã.

BẢY ANH EM
(1870), ALEKSIS KIVI

Mất mười năm để hoàn thành, *Bảy anh em* của nhà văn Phần Lan Kivi (1834–72) mô tả những cuộc phiêu lưu âm ỉ và thường kết thúc trong thảm họa của bảy anh em chối từ các nguyên tắc xã hội để vào rừng sống

nhu những thợ săn. Kết hợp chủ nghĩa Lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực, và chất khôi hài đậm nét, tác phẩm bị giới phê bình chỉ trích kịch liệt, có thể đã góp phần gây ra cái chết sớm của Kivi. Ngày nay, nó được xem là một kiệt tác và là tiểu thuyết quan trọng đầu tiên được viết bằng tiếng Phần Lan, phá vỡ sự thống trị của văn học Thụy Điển ở nước này.

CAO BÔI MARTÍN FIERRO
(1872), JOSÉ HERNANDEZ

Mang tính phản bác xã hội đậm nét, *Cao bồi Martín Fierro* của nhà thơ Argentina José Hernandez (1834–86) là sử thi mô tả lối sống của các *gaucho*, hay cao bồi, khi đời sống truyền thống của họ trên những vùng đồng cỏ *pampa* bị đe dọa bởi sự công nghiệp hóa và thao túng chính trị. Qua tác phẩm thơ này, Martín Fierro, một *payador* (*gaucho* chuyên hát rong), ngân nga về cuộc sống bị áp bức và bao gian khổ của vùng *pampa*. Hernandez đấu tranh cho lý tưởng của các *gaucho* và bài thơ của ông, với góc nhìn hoài niệm về một đời sống đã tàn phai, thành công cả về chuyên môn lẫn sự đón nhận của độc giả.

MỘT MÙA ĐỊA NGỤC
(1873), ARTHUR RIMBAUD

Được thần đồng văn chương Pháp Rimbaud (1854–91) viết khi chỉ vừa 19 tuổi, *Một mùa địa ngục* là tác phẩm văn xuôi và văn vần phức tạp phản ánh cuộc sống náo động của nhà thơ. Được sắp xếp thành chín phần, bài thơ bao gồm các cảnh nơi tác giả xem xét địa ngục mà mình đi qua, từ đó phản ánh cuộc khủng hoảng đạo đức và tâm trạng suy tư của ông sau khi chia tay người tình là nhà thơ Paul Verlaine. Cuốn sách được chứng minh là cảm hứng cho trào lưu chủ nghĩa tượng trưng và cho cả các văn nhân, thi sĩ sau này.

Henrik Ibsen

Được xem là "cha đẻ của chủ nghĩa hiện thực" và người mở đường của sân khấu Hiện đại, Ibsen sinh năm 1828 ở Skien, miền nam Na Uy. Ông bắt đầu viết kịch năm 15 tuổi và quyết tâm theo đuổi sự nghiệp này. vở kịch Brand (1865) giúp ông có được danh tiếng trong khi các vở kịch sau đó, với chất chủ nghĩa hiện thực xã hội gây nhức nhối, giúp ông vang danh trên thế giới. Hầu hết các vở kịch của ông lấy bối cảnh Na Uy dù trong khoảng thời gian làm việc năng suất nhất của mình (từ 1868 trở đi), ông sống tại Italy và Đức. Năm 1891, ông trở về Na Uy như một anh hùng dân tộc. Sau nhiều lần đột quỵ, ông qua đời năm 1906.

Tác phẩm chính

- 1879 *Nhà búp bê* (xem bên phải)
- 1881 *Hồn ma bóng quý*
- 1884 *Con vịt trời*
- 1890 *Hedda Gabler*
- 1892 *Thợ xay Solness*

XA ĐÁM ĐÔNG ĐIÊN LOẠN (1874), THOMAS HARDY

Là tác phẩm thành công vang dội đầu tiên của tác giả Anh, cũng là tác phẩm đầu tiên lấy bối cảnh vùng Wessex, *Xa đám đông điên loạn* của Thomas Hardy (xem tr.193) tập trung vào nàng Bathsheba Everdene, một phụ nữ táo bạo và độc lập khiến ba người đàn ông trái ngược nhau cùng theo đuổi: anh chăn cừu tận tụy Gabriel Oak, ông chủ trang trại hàng xóm Boldwood, cùng Trung sĩ Troy bánh bao. Với những mô tả đầy gợi hình về đời sống nông thôn, Hardy soi rọi những chủ đề về sự chối bỏ, nghèo khó, tình cảm thủy chung và đam mê bỏ mặc luân lý.

ANNA KARENINA (1875-1877), LEO TOLSTOY

Tiểu thuyết mà Dostoyevsky cho là "hoàn hảo", *Anna Karenina* của tác giả Nga Leo Tolstoy (xem tr.181) dõi theo cuộc ngoại tình giữa Anna, người vợ thông minh và xinh đẹp của Aleksy Karenin, và Bá tước Vronsky, một chàng trai độc thân. Karenin phát hiện chuyện dâm dửu của vợ mình nhưng do muốn giữ thể diện của bản thân, ông ta từ chối ly dị vợ. Cặp tình nhân chuyển đến Italy, có với nhau một đứa con, và cùng sống một cuộc đời đầy biến động. Do phá vỡ những chuẩn mực xã hội đương thời, Anna bị xã hội xa lánh. Song song với câu chuyện của Anna là chuyện của anh địa chủ Levin – nhân vật Tolstoy lấy mình làm khuôn mẫu – và Kitty, họ hàng cột chèo với Anna và trước đó từng say đắm Vronsky. Sau thời gian tìm hiểu nhau đầy khó khăn, Levin và Kitty cuối cùng cũng có cuộc hôn nhân viên mãn và hạnh phúc, phản ánh niềm tin của Tolstoy vào cuộc sống đồng quê giản đơn.

DANIEL DERONDA (1876), GEORGE ELIOT

Đây là tác phẩm cuối cùng mà tiểu thuyết gia Anh Eliot (xem tr.183) hoàn thành. Nổi bật khi vạch trần sự bài Do Thái dưới thời Victoria và góc nhìn cảm thông của tác phẩm với các lý tưởng Do Thái, tiểu thuyết gồm hai phần. Phần thứ nhất kể về Gwendolen Harleth, đau đớn và thất vọng với cuộc hôn nhân không hạnh phúc; phần thứ hai mô tả Daniel Deronda, một người đàn ông giàu có và giàu lòng thương người. Nhờ vào việc tuyển một cô gái Do Thái vào làm, anh dần phát hiện gốc rễ Do Thái của mình. Sau khi Deronda và Gwendolen tình cờ gặp nhau, cuộc đời hai người dần

đan vào nhau. Quyết định ủng hộ lý tưởng Do Thái càng hun đúc Gwendolen đi tìm tự do của chính bản thân nàng.

NHÀ BÚP BÊ (1879), HENRIK IBSEN

Là vở kịch ba hồi của nhà viết kịch, nhà thơ, đạo diễn sân khấu Henrik Ibsen, *Nhà búp bê* gây nên làn sóng phản nộ và tranh cãi khi được công diễn lần đầu. Vở kịch khắc họa một gia đình bình thường – Torwald Helmer, một luật sư ngân hàng, cùng vợ là Nora, và ba đứa con. Tuy nhiên, vở kịch cũng phản ánh quan điểm chi trích của Ibsen đối với hôn nhân truyền thống qua việc Nora bỏ lại chồng và các con sau khi hai vợ chồng cãi nhau để đi tìm sự độc lập và viên mãn cho bản thân.

ANH EM NHÀ KARAMAZOV (1880), FYODOR DOSTOYEVSKY

Mất khoảng hai năm để viết, *Anh em nhà Karamazov* của nhà văn Nga Dostoyevsky (xem tr.174) là tiểu thuyết cuối cùng và thường được xem là kiệt tác của ông. Qua người kể chuyện ở ngôi thứ nhất về người cha còn đổ vỡ trách nhiệm Fyodor Karamazov cùng các con của ông ta sau hai cuộc hôn nhân – Dimitri, một kẻ đam mê khoái lạc; Ivan, một người duy lý vô thần; Alyosha, một người sùng đạo – cùng đứa con ngoài giá thú Smerdyakov hay ú ẻ và mắc chứng động kinh. Thông qua mô tả đấu đá trong gia đình để giành quyền thừa kế, tranh giành tình cảm giữa Dimitri và Fyodor, đồng thời giới thiệu chủ đề tội giết cha, Dostoyevsky đã viết nên một cuốn tiểu thuyết phức tạp để khám phá những vấn đề sâu sắc về đức tin

và hoài nghi, vấn đề tự do ý chí, cũng như trách nhiệm đạo đức. Dostoyevsky qua đời bốn tháng sau khi hoàn thành tiểu thuyết này.

ĐẢO GIẤU VÀNG (1881–1882), ROBERT LOUIS STEVENSON

Ra mắt dưới dạng truyện dài kỳ trên một tạp chí trẻ em, *Đảo giấu vàng* của Robert Louis Stevenson là tuyệt tác của thể loại văn học thiếu nhi. Tác phẩm có cuớp biển, kho báu được chôn giấu cùng một hòn đảo nhiệt đới khắp nơi đều là đầm lầy. Bên cạnh việc tạo ra một tác phẩm hấp dẫn làm thiếu nhi khắp thế giới thích thú, Stevenson còn đan cài một câu chuyện thành niên, khi thiếu niên Jim Hawkins dần nhạy cảm và trưởng thành hơn. Tác giả còn khám phá những vấn đề đạo đức qua các mô tả về nhân vật cuớp biển một chân, không ngừng thay đổi Long John Silver.

CÂU CHUYỆN MỘT NÔNG TRẠI CHÂU PHI (1883), OLIVE SCHREINER

Câu chuyện một nông trại châu Phi của nhà văn nữ quyền Nam Phi Olive Schreiner (1855–1920) lấy bối cảnh ở veld – những vùng đồng cỏ cây bụi nơi người Hà Lan chăn gia súc ở Nam Phi – cũng là nơi nhà văn lớn lên. Với góc nhìn đặc trưng của tác giả, tiểu thuyết kể về cô gái Lyndall dám thách thức những cấm đoán dựa trên Kinh Thánh trong xã hội Boer, cùng người theo đuổi nàng Waldo – cũng là người chống đối hủ tục. Cách khắc họa Lyndall của Schreiner khiến cho bà vừa được giới phê bình tung hô lẫn chỉ trích, dù việc sử dụng cảnh quan Nam Phi hu cấu của bà được xem như mang tính tiên phong.



Không có thứ gì đáng khinh – mọi thứ đều có ý nghĩa; không có thứ gì nhỏ bé – mọi thứ đều là mảnh ghép trong một tổng thể.

Câu chuyện một nông trại châu Phi

Olive Schreiner



LA REGENTA (1884-1885), LEOPOLDA ALAS

Được xuất bản lần đầu thành hai tập, *La Regenta* của tiểu thuyết gia Tây Ban Nha Alas (1852–1901) kể về người vợ của vị phán quan (tựa đề *la Regenta* là phép chơi chữ trong tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “nữ nhiếp chính”) sống ở một thị trấn tinh tế, tìm kiếm sự viên mãn bằng tôn giáo và ngoại tình. Với hệ thống nhân vật phong phú như linh mục nhà thờ hay tên “sát gái” Alvaro Mesia, tiểu

Robert Louis Stevenson

Khi sống ở Samoa, Robert Louis Stevenson có biệt danh là *Tusitala*, tức là “Người kể chuyện”, mô tả chính xác người đã viết ra những câu chuyện phiêu lưu nổi tiếng nhất thế giới. Sinh năm 1850 ở Edinburgh, Stevenson từ khi còn nhỏ đã quyết định theo đuổi nghiệp viết văn dù vẫn chấp nhận theo học luật thuận theo ý cha. Dù bản thân bị bệnh tật giày vò, ông lại là người hay đi du ngoạn và phiêu lưu. Ông đến Mỹ và dành thời gian sống ở Pháp, nơi việc phải nằm suốt trên giường

tiểu thuyết giới thiệu bức tranh đặc sắc về đời sống tinh tế cũng như đào sâu vào tâm lý nhân vật khi cho chính họ kể lại sự tình.

TRƯỜNG HỢP LẠ LÙNG VỀ BÁC SĨ JEKYLL VÀ ÔNG HYDE (1886), ROBERT LOUIS STEVENSON

Tiểu thuyết mang tính biểu tượng góp phần củng cố danh tiếng của tác giả, *Trường hợp lạ lùng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde* của Robert Louis Stevenson nổi tiếng với cách thể hiện khái niệm mà ngày nay gọi là “nhân cách phân liệt”. Cuốn sách mở ra với câu chuyện bí ẩn về hai người đàn ông – bác sĩ Henry Jekyll chan hòa đáng kính và tên sát nhân tàn bạo Edward Hyde đầy tội lỗi – bằng cách nào đó có liên đới đến nhau. Khi câu chuyện tiếp diễn, độc giả biết được Jekyll đã bào chế ra một phương thuốc áp chế những khía cạnh trụy lạc trong nhân cách của mình, nhưng cuối cùng lại tạo Hyde, hiện thân cho những gì đen tối nhất trong tính cách của ông.

cũng không thể ngăn ông viết ra những tác phẩm nổi tiếng nhất, hầu hết dành cho thiếu nhi. Sau khi rời châu Âu đến Mỹ vào năm 1887 để tìm khí trời phù hợp hơn với sức khỏe yếu của mình, ông lại cùng gia đình du ngoạn về Nam Thái Bình Dương vào năm 1888. Ông ở lại Samoa vào năm 1890 và mất tại đó bốn năm sau.

Tác phẩm chính

1881–82 *Đảo giấu vàng*
(xem bên trái)

1886 *Bị bắt cóc*

1886 *Trường hợp lạ lùng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde* (xem bên trên)

**NHÀ MAIA
(1888), EÇA DE QUEIRÓS**

Được xem là tác phẩm bậc thầy của một trong những nhà văn hiện thực chủ nghĩa châu Âu xuất sắc nhất – Eça de Queirós, *Nhà Maia* lấy bối cảnh Lisbon cuối thế kỷ 19. Nổi bật với tính châm biếm và hiện thực, nhân vật trung tâm của tác phẩm, Carlos Maia, là một bác sĩ giàu có và tài năng, mong muốn làm việc thật tốt nhưng lại sống một đời phóng đãng. Maia bắt đầu mối tình với một phụ nữ xinh đẹp mà bí hiểm, cho đến khi một phát hiện tày trời đặt dấu chấm hết cho mối quan hệ này.

**CƠN ĐÓI
(1890), KNUT HAMSUN**

Nhà văn Na Uy Knut Hamsun (1859–1952) đã 30 tuổi khi tiểu

Eça de Queirós

Được xem là tiểu thuyết gia vĩ đại nhất Bồ Đào Nha, Eça de Queirós còn là nhà hoạt động chính trị. Sinh năm 1845 ở bắc Bồ Đào Nha, ông theo học luật nhưng lại yêu thích văn chương, các truyện và luận của ông sớm xuất hiện trên mặt báo. Đến năm 1871, ông tham gia “Thế hệ 70”, một nhóm trí thức nổi loạn mưu cầu cải cách nghệ thuật và xã hội; ông chỉ trích văn học Bồ Đào Nha kém độc đáo. Ông còn làm chức lãnh sự ở Cuba, Anh – nơi ông viết những tiểu thuyết châm biếm làm nên tên tuổi mình – và Paris, nơi ông mất vào năm 1900.

Tác phẩm chính

- 1876 *Tội của Cha Amaro*
- 1878 *Em họ Bazilio*
- 1888 *Nhà Maia* (xem bên trên)

thuyết thành công đầu tiên của ông, *Con đoi*, được xuất bản. Trước đó, ông đã sống nhiều năm khốn khổ lang bạt khắp nơi, làm nhiều việc, và tiểu thuyết của ông phản ánh những trải nghiệm ấy. Lấy bối cảnh Kristiania (Oslo), tác phẩm mô tả sự nghèo khổ và tâm lý tuyệt vọng của chàng trai khao khát trở thành nhà văn thành công đến mức suýt rồ dại. Cách thể hiện sự ám ảnh và xa lánh trong tiểu thuyết này đã tạo nên vị thế tượng đài văn học của nó.

**CHUYỆN RỪNG XANH
(1894–1895), RUDYARD KIPLING**

Chuyện rừng xanh của nhà văn Anh Kipling (1865–1936) là tập truyện được nối với nhau bằng thơ, trong đó nổi tiếng nhất là câu chuyện về Mowgli, cậu bé Ấn Độ được sói nuôi lớn, được gấu nâu Baloo, báo đen Bagheera, và sói trong bảy dạy luật lệ của rừng. Sống ở Ấn Độ nhiều năm, Kipling sử dụng động vật trong các truyện của mình – tuồng tự truyện ngụ ngôn – để giảng dạy các bài học đạo đức về việc nên làm khi đặt con người vô trách nhiệm đối lập với thú vật tuân thủ luật lệ nghiêm ngặt của khu rừng.

**EFFI BRIEST
(1894–1895), THEODORE FONTANE**

Được xem là tượng đài của chủ nghĩa hiện thực Phổ, *Effi Briest* của nhà văn Đức Fontane (1819–98) kể về nhân vật chính 17 tuổi, vợ của một nhà quý tộc tham vọng gấp đôi tuổi cô tên Geert von Innstetten. Effi có một mối quan hệ bí mật với một kẻ sát gái trong vùng. Sáu năm sau, mối quan hệ đã chấm dứt từ lâu bị phơi bày. Các nhân vật bị trói buộc trong chuẩn mực xã hội hà khắc của nước Phổ đương thời – hiện ra sống động qua tài văn của Fontane – đi vào kết cục bi thảm.

**JUDE – KẺ VÔ DANH
(1895), THOMAS HARDY**

Trong tác phẩm theo thuyết định mệnh *Jude – Kẻ vô danh*, nhà văn Anh Hardy (xem tr.193) kể về Jude Fawley, một dân làng với khát khao học thuật không bao giờ vuơn đến được. Dù miễn cưỡng giả vờ kết hôn, Jude đem lòng yêu cô em họ Sue Bridehead, người về sau kết hôn với một thầy giáo trong vùng. Gối chân người lạnh, Sue tìm đến Jude. Họ sống cùng nhau nhưng sự nghèo khó và việc xã hội không chấp nhận khiến cuộc sống cả hai vô cùng nhọc nhằn. Các nhà phê bình lẫn độc giả đã choáng váng trước sự thẳng thắn về tình dục của tiểu thuyết, cùng nhu bi quan khi biết Hardy sẽ không viết thêm tiểu thuyết mà chuyển sang làm thơ.

**HUÂN CHƯƠNG
DỪNG CẢM ĐỔ
(1895), STEPHEN CRANE**

Huân chương dùng cảm đổ của tác giả Mỹ Crane (1871–1900) là một trong những tiểu thuyết chiến tranh xuất sắc nhất, nổi bật với chất hiện thực chủ nghĩa, văn phong súc tích và cách tiếp cận hiện đại. Tác phẩm lấy bối cảnh Nội chiến Hoa Kỳ (1861–65). Nhân vật chính là Henry Fleming, cậu binh nhì trẻ tuổi của phe miền Bắc. Cậu mơ được về vàng nhưng khi đối mặt với thực tế đáng sợ và khốc liệt trên chiến trường, cậu đã trốn chạy trước đội quân miền Nam đang tiến công. Quá tui hỏ, cậu tìm lại ý nghĩa và sự chuộc tội cho bản thân bằng một hành động anh hùng.

**CẬU VANYA
(1897), ANTON CHEKHOV**

Là một khám phá bậc thầy về sự vô vọng và không có chủ đích, *Cậu*

Vanya được nhiều người xem là tác phẩm xuất sắc nhất của Chekhov. Lấy bối cảnh một dinh thự miền quê ở nước Nga trước thềm thế kỷ mới, vở kịch tập trung vào người quản gia Voynitsky (cậu Vanya), chủ dinh thự – giáo sư Serebryakov cùng người vợ hai Yelena và con gái Sonya của ông. Đồng thời, vở kịch còn kể về mối tình đơn phương của Yelena với một bác sĩ tên Astrov trong vùng. Buồn bã vì hoang phí cả cuộc đời và không thể chiếm được trái tim Sonya xinh đẹp, Vanya toan bán Serebryakov nhưng không thành. Vở kịch kết thúc với mọi thứ vẫn giống như cũ.

CHUYỆN MA ÁM Ở TRĂNG VIÊN BLY (1898), HENRY JAMES

Tiểu thuyết ngắn của nhà văn Mỹ Henry James (xem tr.187) *Chuyện ma ám ở trang viên Bly* là một trong những truyện ma nổi tiếng nhất từng được viết. Truyện được kể chủ yếu qua nhật ký của một gia sư, mô tả nỗ lực của cô để bảo vệ lũ trẻ mà cô chăm nom, Flora và Miles, khỏi nanh vuốt quỷ quái của hai người hầu xưa kia đã chết. Với cách tiếp cận mô hồ – khiến một số nhà phê bình còn cho rằng cô gia sư có vẻ bị cuồng loạn hơn là bị ám – câu



Cho dù tôi nhìn thấy gì thì Miles và Flora còn thấy nhiều hơn tôi – những thứ tôi tặc và không thể đoán định...

Chuyện ma ám ở trang viên Bly
Henry James



chuyện có sức ảnh hưởng lớn, mở đường cho các câu chuyện sau này kể về những đứa trẻ vô tội bị ma quỷ nhập.

TÌNH THỨC (1899), KATE CHOPIN

Lấy bối cảnh New Orleans, *Tình thức* của nhà văn Mỹ Kate Chopin (1850–1904) kể về Edna Pontellier và cuộc đấu tranh của cô để giành lấy tự do trước những cấm đoán mà hôn nhân và vai trò làm mẹ đặt lên mình. Pontellier tìm kiếm “sự tình thức” của mình thông qua hai mối quan hệ ái tình, nhưng quan trọng hơn là qua tư duy độc lập, hội họa, âm nhạc, và bơi lội. Không kiêng dè thể hiện sự không chung thủy trong hôn nhân và sự độc lập của nữ giới, tiểu thuyết gây choáng với độc giả và giới phê bình, thậm chí còn bị kiểm duyệt trong lần đầu phát hành. Ngày nay, tác phẩm được xem như một tiểu thuyết nữ quyền quan trọng và là điển hình thời kỳ đầu của văn học miền Nam Hoa Kỳ.

HUÂN TƯỚNG JIM (1900), JOSEPH CONRAD

Huân tước Jim của nhà văn Anh gốc Ba Lan Joseph Conrad (xem tr.197) mô tả nỗ lực của Jim, một cậu thủy thủ Anh vượt qua hành động hèn nhát ngu ngốc là bỏ mặc thuyền của mình bị đánh chìm. Được vị thuyền trưởng Marlow, cũng là người dẫn chuyện chính, giúp sức, Jim trở thành “Tuan” (huân tước) xứ Patusan – một quốc gia hu cấu ở Nam Thái Bình Dương – và cuối cùng vượt qua tội lỗi của mình bằng cách tự hy sinh. Tiểu thuyết ấn tượng không chỉ vì những tìm tòi về chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa anh hùng mà còn nhờ vào cách dùng điều luyện cấu trúc kể chuyện khùng.

Anton Chekhov

Anton Chekhov sinh năm 1860. Ông được ca ngợi là một trong những nhà viết kịch Nga vĩ đại nhất. Ông là bác sĩ được đào tạo bài bản và dù sáng tác rất hăng say, ông vẫn hành nghề y. Chính ông từng mô tả nghề y là “người vợ thủy chung” còn văn chương là “tình nhân” của ông. Ông có được danh tiếng ban đầu nhờ vào các truyện ngắn – năm 1888, ông đoạt giải Pushkin nhờ truyện ngắn *Thảo nguyên*. Từ thập niên 1890, ông sáng tác các vở kịch được diễn ở Nhà hát Nghệ thuật Moscow, ghi dấu tên ông trong lòng khán giả. Ông kết hôn với diễn viên Olga Knipper vào năm 1901 nhưng đến 1904 thì qua đời vì bệnh lao.

Tác phẩm chính

- 1897 *Chim hải âu*
- 1897 *Cậu Vanya* (xem tr.202)
- 1904 *Vườn anh đào*

EM CARRIE (1900), THEODORE DREISER

Tiểu thuyết đầu tay của tiểu thuyết gia, nhà báo, và nhà xã hội chủ nghĩa Theodore Dreiser (1871–1945) *Em Carrie* kể về cô gái cùng tên – Carrie – người đã rời căn nhà ở Wisconsin để đến Chicago. Cô vào làm việc ở một nhà máy giày, nhưng sau hai mối tình – trong đó có một người đã có vợ – cuối cùng cùng gạt hái thành công và tiền bạc với sự nghiệp sản xuất. Doubleday, nhà xuất bản của Dreiser, chấp nhận cuốn sách nhưng cũng nhận định chủ đề này quá gây sốc với bối cảnh đạo đức ở Mỹ cuối thế kỷ 19 nên đã trì hoãn việc phát hành, thay đổi nội dung, và chỉ in một số lượng hạn chế. Mãi đến năm 1981 thì phiên bản đầy đủ mới được phát hành.

PHÁ VỠ
TRUYỀN THỐNG
1900–1945



Nhà thần kinh học người Áo Sigmund Freud phát triển **học thuyết vô thức** và đưa ra phương thức điều trị lâm sàng được gọi là phân tâm.



TN.1890

Triều đại nhà Thanh (Mãn Châu) bị lật đổ, và một **nền cộng hòa lập hiến** ra đời, kết thúc chế độ phong kiến kéo dài gần 4.000 năm ở Trung Quốc.



1912

Tiểu thuyết ngắn theo chủ nghĩa hiện sinh *Hóa thân* của Franz Kafka là một **câu chuyện rùng rợn về sự xa cách**, được xuất bản tại Đức.



1915

"Dulce et Decorum Est" và **những bài thơ về chiến tranh** khác của quân nhân người Anh Wilfred Owen được xuất bản sau khi ông qua đời.



1920

1901



Con chó của dòng họ Baskerville, của Arthur Conan Doyle, được đăng dài kỳ trên tạp chí *Strand*.

1914–18



Cuộc Đại chiến, sau này là Thế chiến I, diễn ra ác liệt tại châu Âu, với sự **tốn thất nhân mạng lớn chưa từng có** của một thế hệ thanh niên.

1917



Vào tháng 3, Cách mạng tháng Mười lật đổ Sa hoàng, và đến tháng 11, một **chính phủ Bolshevik** cấp tiến lên nắm quyền dưới sự lãnh đạo của Lenin.

1922



Ulysses của James Joyce sử dụng kỹ thuật **đồng ý thức** để mô tả một ngày trong cuộc đời của Leopold Bloom.

Bình minh của thế kỷ 20 được đánh dấu bởi một cảm giác lạc quan gần như bao phủ toàn cầu rằng đây sẽ là một cột mốc văn hóa – một bước tiến trình trọng từ sự bi quan điển hình cuối thế kỷ 19 sang một thời đại tươi sáng, hiện đại hơn. Quá trình công nghiệp hóa và xây dựng đế quốc đã mang lại của cải – ít nhất là cho thế giới phương Tây – và cùng với sự thịnh vượng đó là niềm hy vọng kiến tạo một xã hội tốt đẹp và công bằng hơn. Cùng lúc đó, những ý tưởng khoa học mới, chẳng hạn như ý niệm về vô thức của Sigmund Freud và thuyết tương đối của Albert Einstein, tác động lên cách con người nhìn nhận bản thân và thế giới.

Song, thế kỷ mới lại mở ra một thời kỳ biến động, khi những hy vọng về tương lai đổ vỡ trước tiên bởi cuộc tàn sát thảm khốc mang tên Thế chiến I, và tiếp theo, sau

một khoảng ngắn ngủi những tụ tin hoan lạc, cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu ập xuống và Đức Quốc xã trỗi dậy cùng chủ nghĩa phát xít, dẫn đến Thế chiến II.

Chủ nghĩa Hiện đại

Trong giới văn chương, thế kỷ mới được đánh dấu bởi một sự chuyển dịch từ chủ nghĩa hiện thực cứng nhắc sang những hình thức và thể loại hiện đại đặc trưng. Kế thừa từ những tác giả theo chủ nghĩa tượng trưng Pháp, các nhà thơ Pháp, chẳng hạn như Ezra Pound, phát triển một phong cách mới trong việc sáng tạo thể thơ. Trong *Đất hoang* năm 1922, nhà thơ người Mỹ gốc Anh T. S. Eliot đã nắm bắt được sự vô vọng của thời đại.

Những tiểu thuyết gia cũng tìm được nhiều phương thức biểu đạt mới. Chịu ảnh hưởng từ triết lý

hiện sinh và những học thuyết mới ra đời trong lĩnh vực tâm lý học, Franz Kafka tạo ra một thế giới ẩn tượng và thường rùng rợn về cá nhân bị xa cách trong xã hội hiện đại, trong khi tại Nhật Bản, Natsume Sōseki đặt nền móng cho một thể loại tương tự: tiểu thuyết về mình – “tu tiểu thuyết”.

Một thể loại khác mà các tiểu thuyết gia hiện đại tiếp nhận là tiểu thuyết “đồng ý thức”. Dù đây không phải là một phát kiến mới, những học thuyết tâm lý học đã giúp tăng cường vị thế của thể loại này, và nhà văn người Ireland James Joyce đã dựa trên đó mà xây dựng văn phong hiện đại của ông, đầu tiên trong *Ulysses* và sau là tác phẩm đầy tính thể nghiệm hơn *Finnegans Wake*.

Chủ nghĩa Hiện đại cũng bao hàm lối văn tự sự dễ tiếp cận hơn. Chẳng hạn như tác giả người Đức

Nhà văn theo chủ nghĩa dân tộc cánh tả Lỗ Tấn viết tập truyện ngắn *Gào thét*. bằng phương ngữ tiếng Hoa

Bình luận xã hội của F. Scott Fitzgerald về **cuộc sống ở Mỹ trong thời đại Jazz**, *Gatsby vĩ đại*, được xuất bản.

Phố Wall sụp đổ đánh dấu khởi đầu của **cuộc Đại khủng hoảng**, kết thúc những năm bùng nổ của "Thời đại Jazz" và Thập niên 1920 rực rỡ.

Tiểu thuyết đầu tiên của Raymond Chandler, *Giấc ngủ dài*, ra mắt nhân vật **thám tử tư sắt đá** Philip Marlowe trong một câu chuyện đen tối, phức tạp.

Khi sống lưu vong tại Mỹ trong Thế Chiến II, Antoine de Saint-Exupéry viết tiểu thuyết ngắn *Hoàng tử bé*.



1922

1925

1929

1939

1943

1924

1929

1937

1939-45



Thomas Mann hoàn thành thiên tiểu thuyết thành nhân **Bildungsroman** *Núi thần*.

Alfred Döblin dùng nhiều kỹ thuật thể nghiệm trong tiểu thuyết thời kỳ Weimar của mình – *Berlin Alexanderplatz*.

Mắt họ đang nhìn Chúa, của Zora Neale Hurston, vẽ nên một bức tranh chân thực về cuộc đời của một **phụ nữ da màu trẻ** tại nước Mỹ thế kỷ 20.

Quân Đông Minh chiến đấu chống lại **Đức Quốc xã** tại Châu Âu và **Chủ nghĩa quân phiệt đế quốc Nhật** ở vùng Thái Bình Dương trong Thế Chiến II.

Thomas Mann đã mang thể loại Bildungsroman, tiểu thuyết thành nhân dưới dạng thức hiện đại, đầu tiên trong tiểu thuyết ngắn *Chết ở Venice* và sau đó là trong kiệt tác *Núi thần* của ông.

Một thế giới giao tranh

Văn học thế kỷ 20 không chỉ được định hình bởi những ý tưởng, mà còn bởi những sự kiện. Thế chiến I (1914–18) hẳn nhiên đã để lại ảnh hưởng sâu rộng, có thể thấy rõ ràng nhất trong tác phẩm của các nhà thơ, như Wilfred Owen, người phục vụ trong quân đội Anh. Tuy nhiên, còn có một "thế hệ Lạc lối" những nhà văn người Mỹ trưởng thành trong thời chiến, bao gồm T. S. Eliot, Ernest Hemingway và F. S. Scott Fitzgerald. Mặc dầu bề ngoài ông viết về những tháng ngày say sưa của thập niên 1920, Fitzgerald khắc họa thế giới hời hợt

và phù du đằng sau những năm hai mươi huy hoàng trong *Gatsby vĩ đại*, gọi lên một dự cảm về Đại khủng hoảng trong thập kỷ tiếp theo. Những năm 1920 cũng là lúc các nhà văn người Mỹ gốc Phi, với những trang viết chân thực về cuộc đời của họ tương phản với hình ảnh thường thấy của các nghệ sĩ giải trí da màu trong Thời đại Jazz.

Tại Đức và Áo cũng tồn tại một khoảng thời gian ngắn ngủi tràn đầy niềm lạc quan hậu chiến mà những nhà văn như Alfred Döblin đã ghi nhận lại một cách sống động. Việc Hitler lên cầm quyền buộc nhiều văn nghệ sĩ phải lưu vong đến cuối Thế chiến II. Đế chế Đức Quốc xã đem lòng thù địch "chà đạp" nghệ thuật hiện đại. Tại Liên bang Xô Viết dưới thời Stalin, nghệ thuật cũng chịu sự quản thúc. Tại Trung Quốc, sự kết thúc bốn nghìn năm quân chủ cai trị khơi

nguồn cảm hứng cho một thế hệ những nhà văn dân tộc chủ nghĩa.

Các thám tử

Văn học đại chúng hưng thịnh vào nửa đầu thế kỷ 20 và thể loại trinh thám nói riêng đã thu hút được một lượng lớn độc giả. Được đặt nền móng bởi những nhà văn thời Victoria như Wilkie Collins ở Anh và Edgar Allan Poe ở Mỹ, văn học trinh thám chín muồi với việc nhà văn Scotland Arthur Conan Doyle sáng tạo Sherlock Holmes. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của một loạt những tay thám tử hu cấu, rất đa dạng từ bà Marple quý phái và Hercule Poirot của nhà văn người Anh Agatha Christie, đến Philip Marlowe sắt đá, nhân vật chính trong những tiểu thuyết noir đen tối và phức tạp của tác giả người Mỹ Raymond Chandler những năm 1940. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện trinh thám

TRƯỚC ĐÓ

1841 Trong truyện ngắn *Án mạng trên phố Morgue* của nhà văn Mỹ Edgar Allan Poe, nhân vật thám tử dùng năng lực quan sát, suy luận và trực giác để phá án.

1852–53 Thanh tra Bucket điều tra một vụ án mạng trong *Nhà Lạnh* của nhà văn Anh Charles Dickens, rà soát một loạt những nghi phạm.

1868 *Viên kim cương Moonstone* của tác giả Anh Wilkie Collins được xuất bản, được xem là tiểu thuyết trinh thám dài đầu tiên bằng tiếng Anh.

SAU ĐÓ

1920 Nhà văn Anh Agatha Christie xuất bản tiểu thuyết trinh thám đầu tiên của bà, *Vụ án bí ẩn ở Styles*, đánh dấu khởi đầu của "thời kỳ hoàng kim" của dòng văn học trinh thám.

THẾ GIỚI ĐẦY NHỮNG SỰ VIỆC HIỂN NHIÊN MÀ KHÔNG MỘT AI BUỒN ĐỂ MẮT ĐẾN

CON CHÓ CỦA DÒNG HỌ BASKERVILLE (1901), ARTHUR CONAN DOYLE

Thám tử – người sử dụng năng lực quan sát và suy luận sắc sảo để giải mã những câu đố hóc búa và truy bắt tội phạm, đã xuất hiện trong văn học của nhiều nước từ trước đó. Tuy nhiên, văn học trinh thám chỉ thực sự phát triển thành một thể loại độc lập từ thế kỷ 19 với những truyện ngắn của tác giả người Mỹ Edgar Allan Poe cùng nhân vật Hiệp sĩ Auguste Dupin và đạt đến đỉnh cao ở Anh trong thời kỳ giữa hai thế chiến. Trung tâm của tác phẩm trinh thám là nhân vật thám tử: vô cùng trí tuệ, bù lại là việc thiếu hụt những kỹ năng giao tiếp; hay có người đồng hành (thông thường cũng là người dẫn chuyện); và có khả năng xác định và giải mã những manh mối làm đầu đầu giới cảnh sát. Nhân vật Sherlock Holmes của nhà văn Scotland Arthur Conan Doyle (1859–1930) là đại diện tiêu biểu cho kiểu nhân vật thám tử hiện đại này.

Conan Doyle học y khoa tại Scotland và vẫn hành nghề kể cả khi việc viết lách đã mang lại cho ông danh vọng. Dù mỗi quan tâm thực sự là viết tiểu thuyết lịch sử, ông lại thành công vang dội với

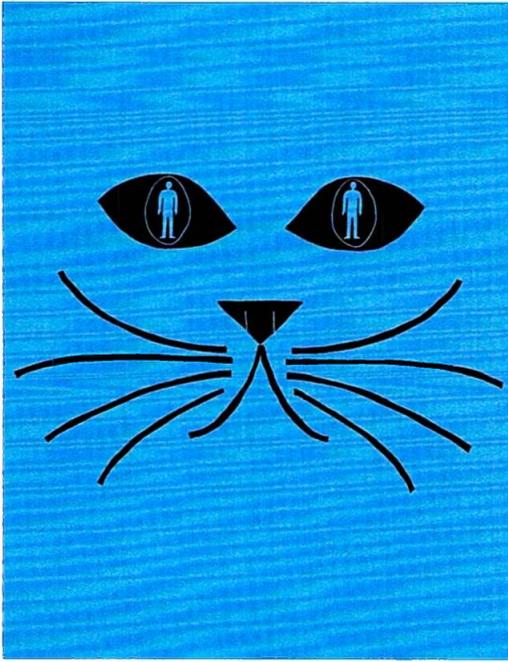
những tác phẩm trinh thám, trong đó có nhiều truyện được đăng trên *Tạp chí Strand*. *Con chó của dòng họ Baskerville* là tiểu thuyết dài thứ ba viết về nhân vật Holmes.

Phạm tội

Câu chuyện xoay quanh một vụ án kỳ lạ ở Dartmoor: Ngài Charles Baskerville bị một con chó ma làm cho sợ đến mất ăn mất ngủ ở gia trang. Nghi ngờ có dấu hiệu phạm tội, Holmes bắt tay phá án. Mạch truyện chính, và một cốt truyện phụ liên quan đến một tên đào tẩu trên đồng hoang – được kể lại qua lời bác sĩ Watson, bạn đồng hành của Holmes và cũng là người dẫn chuyện.

Cùng như phần lớn tác phẩm trinh thám thời kỳ đầu, *Con chó của dòng họ Baskerville* kể về một tội ác tàn nhẫn (án mạng), một nhóm nghi phạm nhất định, một tay thám tử hăng hái đến điều tra và một kết quả mà độc giả có thể tự mình đoán được nhờ suy luận logic. Sức hấp dẫn của tiểu thuyết này vừa nằm ở cốt truyện – sự chiến thắng của lý lẽ trước cái ác và mê tín dị đoan – vừa ở khung cảnh u ám gai người. ■

Xem thêm: *Nhà Lạnh* 146–49 ▪ *Viên kim cương Moonstone* 198–99 ▪ *Giấc ngủ dài* 236–37



TÔI LÀ CON MÈO. TÔI CHƯA CÓ TÊN. TÔI CHẴNG BIẾT MÌNH SINH RA Ở ĐÂU

TÔI LÀ CON MÈO (1905–1906),
NATSUME SŌSEKI

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Tu tiểu thuyết

TRƯỚC ĐÓ

1890 Truyện ngắn *Nàng vù công* của Mori Ogai, kể về một du học sinh Nhật Bản tại Đức có mối tình ngang trái, khởi xướng dòng văn tự truyện bộc lộ nội tâm.

1906 Trong *Phá giới* của Tōson Shimazaki, một thầy giáo đầy lo âu phải đấu tranh tu tưởng khi cố gắng che giấu xuất thân thấp kém của mình.

SAU ĐÓ

1907 Câu chuyện *Tấm đệm* của Tayama Katai giải bày khát khao không được thỏa mãn dành cho một nữ sinh, là ví dụ tự truyện và ghi chép sự thật tưởng mình đầu tiên trong dòng tu tiểu thuyết.

1921–37 *Đi trong đêm tối* của Shiga Naoya là một tu tiểu thuyết đậm chất thi ca khắc họa nên sự giằng xé nội tâm của một người đàn ông thống khổ trong cuộc kiếm tìm thanh thản.

“**T**u tiểu thuyết” là một dòng văn học Nhật Bản phát triển vào đầu thế kỷ 20. Dù gọi là tiểu thuyết, tác phẩm thuộc thể loại này lại không giống những tiểu thuyết Tây phương; nó là một loại hình văn học “bộc bạch” thường mang tính tự truyện. Chữ “tu” ở đây chỉ ngôi thứ nhất trong lời dẫn chuyện; người dẫn chuyện của dòng văn học này luôn luôn thành thực (và chẳng bao giờ đáng tin). Cách văn học phương Tây dùng nhiều ngôi kể để thuật lại câu chuyện bị xem là dễ gây ngộ nhận, vì tác giả không thể viết ra sự thật khách quan về góc nhìn của ai ngoại trừ của bản thân mình.

Con người vô tình

Natsume Soseki (1867–1916) được nhiều người xem là tác gia vĩ đại nhất trong lịch sử Nhật Bản hiện đại, và tác phẩm *Tôi là con mèo* của ông là một ví dụ tiêu biểu (và dí dỏm) của dòng tu tiểu thuyết. Con mèo thường xuyên dè bieu thói đời của những người quanh nó bằng giọng điệu khinh khỉnh bậc bậc cao kỳ. Yếu tố tự truyện

phản ánh qua chủ của con mèo (ông Kushami), cũng như toàn thể con người trong quyển sách, bị châm biếm không nương tay và được xây dựng dựa trên bản thân Soseki. Qua đôi mắt con mèo, Soseki tự họa nên chân dung của mình.

Tôi là con mèo được đăng theo kỳ lần đầu trên tạp chí văn học *Hototogisu*, nơi thường đăng tải những bài thơ haiku. Hầu hết các kỳ truyện có thể xem như những truyện ngắn độc lập. ■

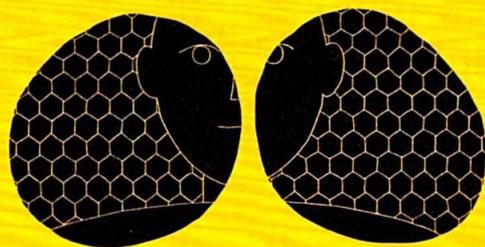
“

Sống với con người như tôi đang sống đây, càng quan sát họ nhiều chừng nào, tôi càng buộc phải kết luận rằng họ là một đám ích kỷ.

Tôi là con mèo

”

Xem thêm: *Kim Các Tự* 263



GREGOR SAMSA TỈNH DẬY TRÊN GIƯỜNG VÀ NHẬN RA MÌNH ĐÃ BIẾN THÀNH MỘT CON BỌ KHỔNG LỒ

HÓA THÂN (1915), FRANZ KAFKA

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa hiện sinh

TRƯỚC ĐÓ

1864 *Bút ký dưới hầm* của Fyodor Dostoyevsky được xuất bản, về sau được ca ngợi là tác phẩm hiện sinh tiên phong.

1880 *Anh em nhà Karamazov* của Dostoyevsky xoay quanh mối quan hệ cha con.

1883–85 Sự khinh bỉ lòng thương xót và trác ẩn, một chủ đề hiện sinh điển hình, là trọng tâm trong tác phẩm *Zarathustra đã nói như thế* của Friedrich Nietzsche.

SAU ĐÓ

1938 Jean-Paul Sartre xuất bản tiểu thuyết hiện sinh vĩ đại *Buồn nôn*.

1942 *Kẻ xa lạ* của Albert Camus chiêm nghiệm về công cuộc đi tìm lẽ sống vô ích của con người giữa những sự kiện xáo động của cuộc đời.

1953 *Đợi chờ Godot* của Samuel Beckett khắc họa sự tồn tại phi lý của hai kẻ lang thang.

Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa hiện sinh nằm ở cảm thức bất an nơi gốc rễ mọi suy nghĩ và cảm nhận của con người; tình trạng này xuất hiện khi ta nhận ra cái phi lý và vô nghĩa trong sự tồn tại của ta. Chủ nghĩa hiện sinh bắt nguồn từ triết học Bắc Âu – với những khái niệm then chốt như “angst”, tức nỗi bất an, được đặt ra bởi Søren Kierkegaard, một nhà tu tưởng người Đan Mạch có những tác phẩm ảnh hưởng lên Franz Kafka.

Sự bối rối và bất an này được thể hiện qua một phép ẩn dụ cục đoạn trong *Hóa thân* của Kafka, một câu chuyện dị thường bày ra

trước mắt một đàn nhân vật vô cảm. Dấu việc Gregor Samsa sau khi tỉnh dậy thấy mình biến thành một con côn trùng rõ ràng có thể khiến người đọc thực sự thấy không thoải mái, trọng tâm của cuốn tiểu thuyết ngắn bi kịch này lại là phản ứng của gia đình và người quen trước tình cảnh phi lý của nhân vật chính, chứ không phải sự hóa thân của anh.

Tha nhân là địa ngục

Gregor trở nên vô dụng và không còn có thể tiếp tục công việc chào hàng hay chu cấp cho gia đình túng thiếu của anh. Thay vì thể hiện sự cảm thông, gia đình anh lại thấy vô cùng phiền toái và kinh tởm. Qua sự khinh rẻ và ghê lạnh họ dành cho Gregor trong lột bỏ, Kafka đã khéo léo phô bày cách đối xử man rợ phi nhân của cái thế giới mang danh lý trí và văn minh mà những người này là đại diện. Nói như lời nhà văn, triết gia hiện sinh Jean-Paul Sartre, “Tha nhân là địa ngục”. Câu nói này của ông vô cùng thích hợp để mô tả bức họa phi lý về một gia đình trong cơn khủng hoảng mà Kafka vẽ nên.

Gregor chỉ còn biết bò quanh tường và trần nhà trong phòng mình – hoặc rúc dưới sofa – cho qua thời gian. Dù sau cùng anh



Đặc biệt trong mấy ngày đầu, nếu họ ngồi riêng thì không một câu chuyện nào không nói về anh theo một cách nào đó.

Hóa thân



Xem thêm: Đất hoang 213 ▪ Vụ án 242 ▪ Cuốn sách của nỗi băn khoăn 244 ▪ Kề xa lạ 245 ▪ Đợi chờ Godot 262

cùng từ bỏ mọi nỗ lực giữ lấy phẩm cách và cự tuyệt việc gán gù gia đình hay bộc lộ nhân tính bên trong, đã có lúc anh bị lay động bởi tiếng vi cầm của cô em gái và bỏ ra khỏi phòng. Chính ở đây, Gregor đã muốn vứt bỏ cái "thú tính" bề ngoài trong chốc lát và cố gắng bộc lộ con người thật của mình, nhưng việc này lại trở thành dịp cho gia đình anh (và khách trọ) si và và ngược đãi anh – sự hằn học của họ càng đào sâu thêm nỗi hổ thẹn và xa cách trong anh.

Đầu hàng sự phi lý

Những nhân vật chính của Kafka thường không chiến thắng được cái angst; thay vào đó, họ phải liên tục tìm kiếm những giải pháp thực tại cho những vấn đề kỳ dị, thường là trong tình cảnh khác lạ. Những tác phẩm dài hơn của ông,

như *Vụ án* hay *Lâu đài*, mô tả những cuộc truy tìm không lời giải, được định nghĩa bởi những nghịch lý cùng nhu sự bất định của ý nghĩa và cách diễn dịch. *Hóa thân*, dù rằng vô lý và đầy ám ảnh, phân nào hơi khác (tạm cho rằng có thiên hướng "hiện sinh" hơn), vì ngay cả cái động lực để giải quyết nan đề và kết thúc cuộc tìm kiếm cũng không có. Ở cao trào cuối truyện, Gregor như được khải thị khi anh đã đầu hàng và cam chịu.

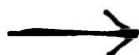
Điều thú vị là Kafka chưa từng tự nhận là người theo chủ nghĩa hiện sinh, dù ông thừa nhận sức ảnh hưởng từ Kierkegaard và Dostoyevsky, hai nhân vật chủ chốt của thuyết hiện sinh. Chính Sartre và Camus đã xếp Kafka vào dòng tu tưởng này sau khi ông qua đời. ■

Những sự hóa thân trong tiểu thuyết



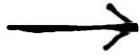
Gregor

Hóa thân rõ ràng nhất trong cuốn sách này của Kafka là sự biến đổi hình hài thành con bọ của Gregor, dù việc này song hành với những biến chuyển tâm lý khi anh học cách thích nghi với tình trạng mới.



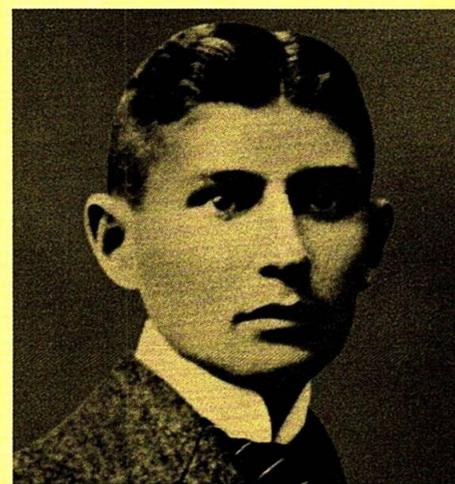
Grete

Quyển sách cũng ghi nhận sự biến đổi của cô em gái của Gregor từ một thiếu nữ thành một người phụ nữ, và thái độ của cô trong việc chăm sóc Gregor – từ tình thương yêu ăn cản trở thành nghĩa vụ.



Gia đình Samsa

Qua diễn tiến cuốn sách, vận mệnh của gia đình Gregor từ tối tăm mù mịt trở nên tươi sáng.



Franz Kafka

Franz Kafka là con cả trong sáu người con của một gia đình Do Thái Ashkenazi sống tại Prague. Sinh năm 1883, ông được giáo dục trong một trường tiểu học Đức rồi theo học tại một trường trung học nhà nước *Gymnasium* (một dạng trường chuyên). Kafka theo học đại học ngành luật tại Prague, nơi ông gặp Max Brod, người biên tập và xuất bản hầu hết các tác phẩm của ông sau khi ông mất.

Đến 1908, Kafka làm việc tại một công ty bảo hiểm nhưng ông chuyên tâm sáng tác. Việc viết lách gặp khó khăn do sức khỏe ông yếu đi. Năm 1917, ông được chẩn đoán mắc bệnh lao.

Đời tư của Kafka cũng đầy trắc trở: tác phẩm *Thu gửi bố* của ông khắc họa một người cha độc đoán ghê lạnh con mình; ông cũng có nhiều mối tình bất thành với phụ nữ. Năm 1923, ông chuyển từ Prague đến Berlin để sống với người tình, nhưng tình trạng sức khỏe yếu đi khiến ông phải quay về với gia đình ở Prague, và mất ở đó năm 1924.

Tác phẩm chính khác

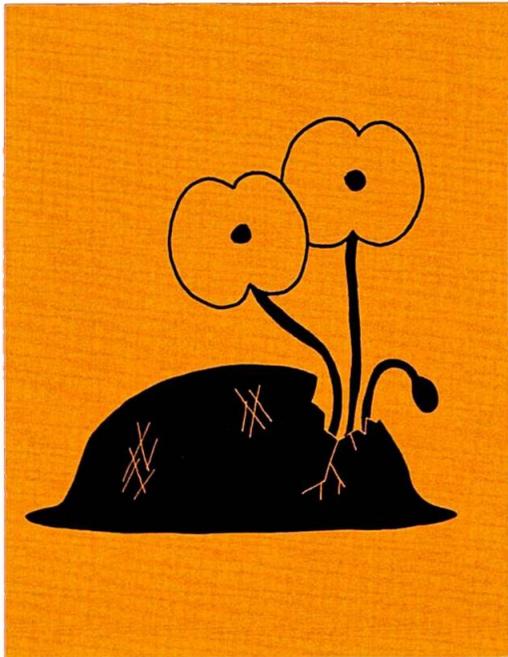
1913 *Lời tuyên án*

1922 *Nghệ sĩ nhện đói*

1925 *Vụ án*

1926 *Lâu đài*

1966 *Thu gửi bố*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Những nhà thơ Thế chiến I

TRƯỚC ĐÓ

1915 Rupert Brooke, một nhà thơ viết về chiến tranh đã hy sinh anh dũng, viết trong bài sonnet "Người chết" rằng "chết đi làm ta quý hơn vàng ròng" – một cảm xúc âm vang trong một bài sonnet khác, "Người lính".

1916 Khi phục vụ trong Binh đoàn lính Lê dương, Alan Seeger, "Rupert Brooke phiên bản Mỹ" đã viết "Tôi có hẹn với cái chết" – một bài thơ phóng đại, uy nghiêm, dự báo tương lai mà về sau được Tổng thống Kennedy tán thưởng.

1916 Một "con chuột nhao người" sục sạo giữa những xác người và thương binh trong bài thơ sống động, không vắn điệu "Bình minh trong chiến hào".

1917 Hình mẫu người chỉ huy hòa nhà nhưng bất tài bị châm biếm trong "Viên tướng" của Siegfried Sassoon.

DULCE ET DECORUM EST PRO PATRIA MORI

NHỮNG VẦN THƠ (1920), WILFRED OWEN

Các nhà thơ từ nhiều quốc gia viết lại trải nghiệm trong Thế chiến I. Họ là nhân chứng cho những cảnh tượng xé lòng; nhiều người trong đó chết trẻ. Trong số những người được tán phục nhất là các nhà thơ Anh: Siegfried Sassoon, Rupert Brooke và Wilfred Owen.

Thương xót trước chiến tranh

Owen (1893–1918) làm gia sư tại Pháp trước khi nhập ngũ. Ban đầu, tác phẩm của ông đầy tinh thần ái quốc: "Tân ca dành cho tuổi xuân điêu tàn" viết về "người chết như ngã rạ" nhưng khép lại với "tiếng kèn vang vang từ chốn quê buồn" – một lời tri ân ai oán. Trận Somme đẫm máu, và ảnh hưởng từ Sassoon làm thơ ông đanh thép hơn. Trong "Dulce et Decorum Est", từng chứng kiến cảnh máu "sục lên từ cuống phổi đen ngòm", Owen biết rằng chúng nhân những kinh hoàng sẽ không dạy "lớp trẻ đương tinh thần phơi phới/ Thú vinh quang nửa vùi, lời dối gian xưa cũ: Chết vì Tổ Quốc có bao giờ là đù/Thật ngọt ngào và đúng đắn làm sao" ("Dulce et decorum est/Pro Patria mori"). "Tho," ông nói trong lời tựa, "nằm trong lòng thương xót."

Một số bài thơ tập trung vào con ác mộng siêu thực. Trong "Cảnh tượng", linh hồn ông nhìn xuống tàn cuộc trận chiến, nơi người hấp hối quần quai như sâu bò trên đất. Với "Cuộc gặp gỡ kỳ lạ", nhà thơ gặp một kẻ lạ mặt ba hoa ở địa ngục, hẳn tự nhận là người mà ông đã "đam rôi kết liễu". Owen, tử trận lúc 25 tuổi, vẫn đang mài giũa bút lục của mình. Ông được trọng vọng nhờ sự toàn vẹn về nghệ thuật và luân lý trong những bài thơ mạnh mẽ về sự vô nhân giữa người với người. ■

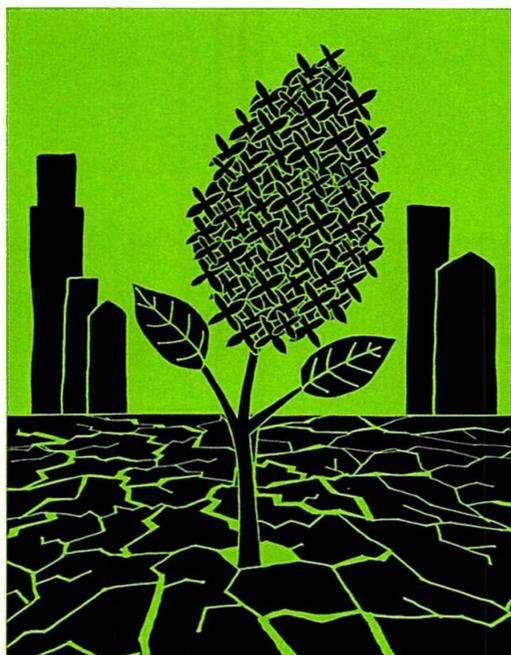
“

Chuông nào nguyện hồn
những người chết như ngã rạ
– Chỉ có tiếng súng gầm vọng
lại từ xa.

**"Tân ca dành cho
tuổi xuân điêu tàn"**

”

Xem thêm: Đất hoang 213 ▪ Bầy-22 276



ÁNG VẪN CHƯƠNG RAGTIME MIỆT THỊ NHỮNG VẪN ĐIỀU TRUYỀN THỐNG

ĐẤT HOANG (1922), T. S. ELIOT

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Tho Hiện đại

TRƯỚC ĐÓ

1861–65 Tại Massachusetts, Emily Dickinson bí mật viết nhiều kiệt tác: những bài thơ ngắn, khác thường về ngò vục tôn giáo, dự đoán sự độc đáo có tầm nhìn xa của Ezra Pound và T. S. Eliot.

1915–62 Sử thi *Cantos* của Ezra Pound giống với *Đất hoang* ở tính phức tạp uyên bác, hỗn hợp và ngôn ngữ thẳng thừng, vô cảm.

1915 "Tình khúc của J. Alfred Prufrock" của Eliot, lời độc thoại của một người vô mộng, là cột mốc mới trên hành trình đến thi ca thuần túy chủ nghĩa Hiện đại.

SAU ĐÓ

1923 *Harmonium*, tuyển tập của nhà thơ Mỹ Wallace Stevens, mang sự tương tượng sống động nhưng triết lý đến chủ nghĩa Hiện đại, tổng hợp những bài thơ vẻ đẹp khó nắm bắt.

Thi ca theo chủ nghĩa Hiện đại ở châu Âu và Mỹ đầu thế kỷ 20 đại diện cho một xúc cảm rằng những đặc tính thi ca chủ đạo, với sự gắn bó khăng khít với tính chủ quan của chủ nghĩa Lãng mạn và dạng thức truyền thống, không hề phù hợp với nền văn hóa quốc tế hiện đại của những giá trị xã hội, công nghệ, khoa học đã được cách mạng hóa. Những nhà thơ Hiện đại chuyển từ đưa ra những nhận định chủ quan sang tính khách quan tri thức hơn, và thôi nỗ lực muông tượng cảnh điển viên thôn dã hay quay lưng lại với sự hỗn tạp chốn thành thị.

Tiếng lều bầu có vắn điệu

T. S. Eliot (1888–1965) mô tả kiệt tác thơ Hiện đại *Đất hoang* của mình "chỉ là một đoạn lều bầu có vắn điệu". Là một người Mỹ đến London và trở thành một người Anh của văn chương, ông sáng tác chủ yếu khi đang phục hồi từ một cơn suy sụp. Nhưng những người cùng thời với ông như nhà thơ Mỹ Ezra Pound nhìn thấy sự bi quan, hình thức đứt gãy, các trích dẫn từ nhiều ngôn ngữ không nằm trong ngoặc

kép và những giọng nói thay phiên nhau trong bài thơ này như là một sự phản ánh tài tình cái hỗn loạn của thế giới hậu chiến và sự khô khan ẩn dụ. Nhà phê bình Clive Bell, anh rể của Virginia Woolf, nhìn thấy ảnh hưởng của trào lưu Jazz trong bài thơ này, gọi nó là một "áng văn chương ragtime miệt thị những vắn điệu truyền thống".

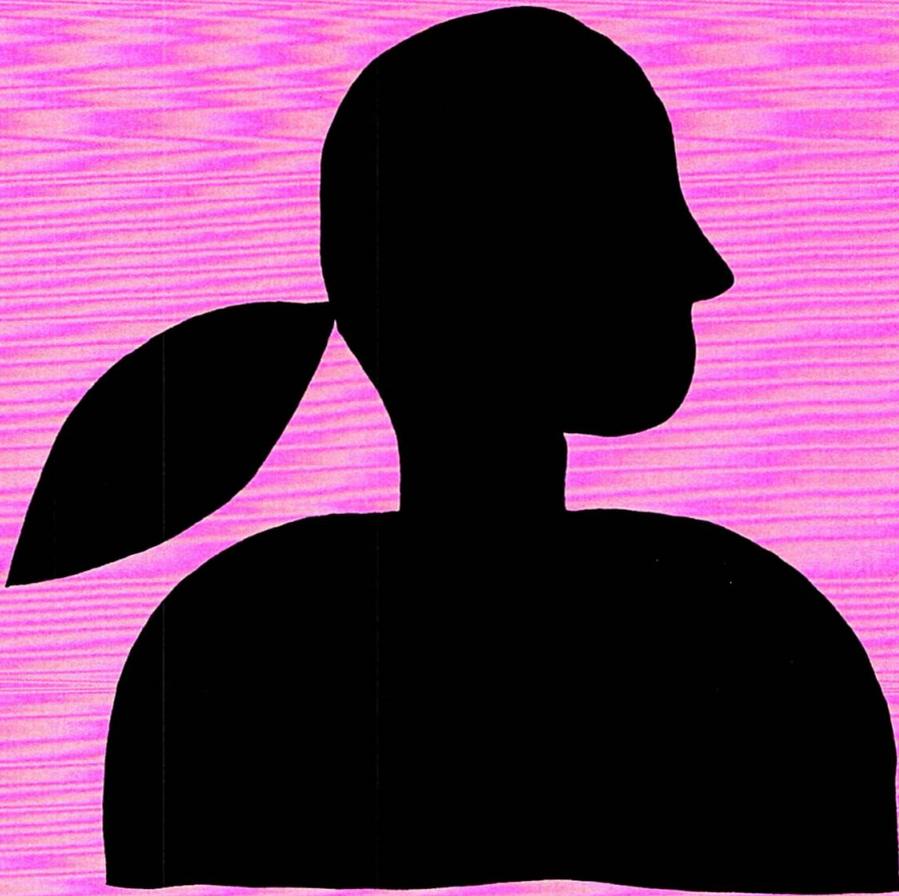
Nhan đề bài thơ lấy từ Vua Fisher trong huyền thoại Arthur – một vị vua được giao nhiệm vụ canh giữ Chén Thánh, mà sự bất lực của ông ta không chỉ ở việc không có khả năng duy trì nòi giống, mà ảnh hưởng lên cả sự màu mỡ của toàn thể vương quốc ông ta, nơi trở thành miền đất chết khô cằn. Nước và con khát, và cái chết ngụ ý trong sự sinh trưởng, là những chủ đề chính trong thơ của Eliot: ngay từ lúc bắt đầu, cả việc mùa xuân tới cũng không hứa hẹn gì.

Bài thơ này tạo ra hiệu ứng nhìn qua một lăng kính vạn hoa xoay nhanh của nỗi bất an về tâm linh (và tâm lý và xã hội). Cả tính trữ tình và vẻ tráng lệ xuất hiện trong những trích dẫn và các đoạn cốp nhặt – nhưng chỉ là đối trọng với cảnh hoang tàn. ■

Xem thêm: *Les Fleurs du mal* 165 ▪ *Ulysses* 214–21 ▪ *Chân dung chàng nghệ sĩ* 241

**LOÀI CÂY SAO THIÊN ĐÀNG
LỬNG LỎ NHỮNG QUẢ
CỦA ĐÊM XANH ƯỚT ÁT
ULYSSES (1922), JAMES JOYCE**

Đã bao nhiêu năm trôi qua
Đã bao nhiêu lần gặp gỡ
Đã bao nhiêu lần chia tay
Đã bao nhiêu lần nhớ nhung
Đã bao nhiêu lần chờ đợi
Đã bao nhiêu lần khóc lóc
Đã bao nhiêu lần cười tươi
Đã bao nhiêu lần yêu thương
Đã bao nhiêu lần giận hờn
Đã bao nhiêu lần tha thứ
Đã bao nhiêu lần quên lãng
Đã bao nhiêu lần trở lại
Đã bao nhiêu lần đi xa
Đã bao nhiêu lần trở về
Đã bao nhiêu lần gặp gỡ
Đã bao nhiêu lần chia tay
Đã bao nhiêu lần nhớ nhung
Đã bao nhiêu lần chờ đợi
Đã bao nhiêu lần khóc lóc
Đã bao nhiêu lần cười tươi
Đã bao nhiêu lần yêu thương
Đã bao nhiêu lần giận hờn
Đã bao nhiêu lần tha thứ
Đã bao nhiêu lần quên lãng
Đã bao nhiêu lần trở lại
Đã bao nhiêu lần đi xa
Đã bao nhiêu lần trở về



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Dòng ý thức

TRƯỚC ĐÓ

1913–27 Marcel Proust, trong bộ bảy tập *Đi tìm thời gian đã mất*, đi sâu vào ký ức và những liên tưởng trôi nổi tự do giúp định hình nội dung của ý thức.

1913–35 Fernando Pessoa viết nên *Cuốn sách của nỗi băn khoăn*, những suy tu hiện sinh của một thu ký ở Lisbon – đã làm sáng tỏ từng phần tu tưởng và nghệ thuật.

SAU ĐÓ

1927 Trong *Đến ngọn hải đăng*, Virginia Woolf chuyển đổi qua lại giữa lời kể chuyện toàn tri và dòng ý thức.

1929 William Faulkner sử dụng dòng ý thức trong *Âm thanh và cuồng nộ*, đi vào những tâm trí rất khác nhau của ba người anh em.

Nhà phê bình văn học kiêm nhà thơ Ezra Pound đã tuyên bố 1922 là năm bắt đầu một kỷ nguyên mới, khẳng định rằng kỷ nguyên cũ đã kết thúc khi James Joyce viết những dòng cuối cùng của tiểu thuyết *Ulysses*. “Năm đổi thay tất thay” kết thúc bằng việc xuất bản *Ulysses* và *Đất hoang* của T. S. Eliot, hai thành tựu lớn của văn học hiện đại.

Làm bùng nổ các thể loại văn học và thơ ca hiện thực, cả hai tác phẩm đều khai thác một loại quảng văn học mới, hơn cả tính độc đáo đáng kinh ngạc cùng mục đích nghệ thuật và đạo đức nghiêm túc của hai tác giả. Những năm ám đăm sau Thế chiến I, Joyce, Eliot và những nhà văn khác bắt đầu hình thành một nền văn hóa mới từ những tàn tích của nền văn hóa cũ. Văn học sẽ không còn nhu trước nữa.

Dòng ý thức

Một cách tiếp cận mà các nhà văn Hiện đại đã áp dụng để thoát khỏi lối viết tường thuật hiện thực là dòng ý thức. Trong truyện, dòng ý thức là sự thể hiện dòng suy nghĩ, nhận thức và cảm xúc của nhân vật. Trong khi các tác phẩm trước đó rất sớm, như tiểu thuyết dưới dạng thu tín *Pamela* (1740) của

“

Chẳng thích việc đó tí nào. Nhà ấy có tang. Đang đi bộ.

Pat! Không hề nghe thấy. Đúng là cái thằng điếc đặc.

Ulysses

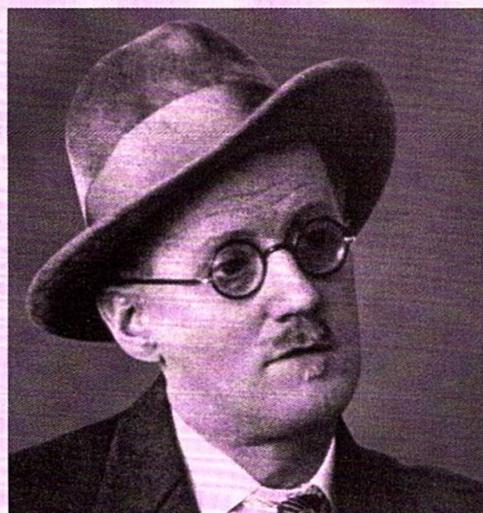
”

Samuel Richardson, dùng những đoạn văn dài thể hiện nội tâm, thì truyện ở đầu thế kỷ 20 đã đi xa hơn. Henry James và Marcel Proust tiến tới một góc nhìn chủ quan hơn, xét về cả chủ đề lẫn cách nhìn nhận chính thức.

Truyện đầu tiên sử dụng chín chu độc thoại nội tâm được cho là tiểu thuyết ngắn *Les Lauriers sont coupés* (“Những cây nguyệt quế đã bị đốn”) của Édouard Dujardin, xuất bản năm 1887. Một giai thoại trú danh kể rằng Joyce đã mua một ấn bản của sách này tại quầy ở ga đường sắt Paris vào năm 1903.

Phong cách này gắn với sự nổi lên của tâm lý học trong vai trò một môn khoa học, và quả thực cụm từ “dòng ý thức” được đặt ra bởi triết

James Joyce



Sinh năm 1882 ở ngoại ô Dublin, Ireland, James Joyce lớn lên trong nghèo khó sau khi cha ông mất công việc thu thuế. Joyce học tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Italy tại Đại học College Dublin, sau đó chuyển đến Paris, dự định học y khoa. Ông trở về Dublin sau khi mẹ mất, và sống qua ngày bằng nghề viết phê bình và dạy học. Joyce cao chạy xa bay cùng Nora Barnacle vào năm 1904, rồi cả hai chuyển đến Zurich. Sau đó, ông đến dạy tại Trieste. Tập truyện ngắn *Người Dublin* của ông được xuất bản năm 1914, một năm trước khi ông bắt đầu viết *Ulysses*.

Khi một vài phần trong tiểu thuyết xuất hiện trên *The Little Review* của Mỹ, tạp chí này đã bị đưa ra xét xử vì nội dung thô tục. Năm 1920, Joyce đến Paris và sống ở đó trong 20 năm. Tại đây, ông đã viết kiệt tác cuối cùng đầy ảo diệu của mình, *Finnegans Wake*. Năm 1940, Joyce trốn khỏi cuộc xâm lược của Đức Quốc xã và đến Zurich, nơi ông mất vào năm 1941.

Tác phẩm chính khác

1914 *Người Dublin*

1916 *Chân dung chàng nghệ sĩ*

1939 *Finnegans Wake*

Xem thêm: *Odyssey* 54 ▪ *Đất hoang* 213 ▪ *Đi tìm thời gian đã mất* 240–41 ▪ *Chân dung chàng nghệ sĩ* 241 ▪ *Bà Dalloway* 242 ▪ *Âm thanh và cuồng nộ* 242–43 ▪ *Cuốn sách của nỗi băn khoăn* 244

Ulysses gói gọn trong một ngày duy nhất, 16 tháng 6, 1904, tại Dublin, trong đó ba nhân vật chính lướt ngang qua nhau và qua một loạt các nhân vật khác trong thành phố.

gia kiêm nhà tâm lý học William James (anh trai của Henry James) trong *Những nguyên tắc của tâm lý học* (1890).

Lần đầu thuật ngữ này được áp dụng vào bối cảnh văn học là trong một tiểu thuyết tiếng Anh ban đầu về dòng ý thức, *Những mái nhà nhọn* (1915) của Dorothy Richardson, dùng kỹ thuật này để khai thác ý tưởng về văn xuôi mang tính nữ.

Với *Ulysses* – minh chứng nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất về cách viết dòng ý thức – Joyce đã khiến nền văn học lâu bền vượt khỏi các kỹ thuật kể chuyện truyền thống để truyền tải trực tiếp tâm trí nhân vật, không qua trung gian là tác giả. Về sau Virginia Woolf cũng sớm bắt đầu thử nghiệm phương pháp dòng ý thức, đặc biệt là trong *Bà Dalloway* (1925).

Để ghi nhận sự phức tạp và tinh vi của quá trình tu duy nội tâm, từ suy nghĩ có ý thức đến gần như vô thức, những nhà văn này đã bám theo

“

Mỗi cuộc đời gồm nhiều ngày, từ ngày này qua ngày khác.

Chúng ta bước qua chính mình, gặp bọn cướp, lũ ma, người khổng lồ, ông già, trai trẻ, những bà vợ, các góa phụ, những anh em đang yêu.

Ulysses

”



các liên tưởng từ và cụm từ lỏng lẻo, thường mang tính ẩn dụ, cũng như chèn vào những cấu trúc trái ngữ pháp và lược bỏ mạo từ xác định hoặc không xác định.

Joyce hoàn toàn bỏ qua tính mạch lạc để đọc thoại nội tâm hiện thực hơn, dù lường suy nghĩ có thể gián tiếp gọi lên hành động. “Tem buu chính. Buu điện ở phố dưới. Đi ngay” gọi ý rằng Leopold Bloom trong *Ulysses* vừa đi bộ qua thành phố, vừa nhắc nhở bản thân về thú săn mua và nơi cần đến mua.

Một ngày tháng 6 ở Dublin

Toàn bộ câu chuyện *Ulysses* diễn ra trong và quanh Dublin vào ngày 16 tháng 6, 1904 (nay được kỷ niệm là “Ngày của Bloom”), với sự xuất hiện của ba nhân vật chính: Stephen Dedalus, một giáo viên muốn trở thành nhà văn, 22 tuổi; Leopold Bloom (trong truyện thường được gọi là Bloom), nhân viên quảng cáo, người nửa Hungary gốc Do Thái nửa Ireland, 38 tuổi; và vợ của ông ta là Molly, một ca sĩ, 34 tuổi, bị Leopold nghi ngờ đang ngoại tình với người đàn ông sành điệu “Blazes” Boylan. Tiểu thuyết cũng có nhiều nhân vật

khác, và một bức chân dung màu sắc biến ảo của Dublin nổi bật lên từ đời sống nội tâm của Stephen, Bloom và Molly, được gói gọn trong hai mươi lăm nghìn từ của sáng tác chi tiết ở tám hiển vi này.

Các bối cảnh chính bao gồm tháp phòng thủ có người ở, trường học, bãi biển, ngôi nhà, cửa hàng bán thịt, nghĩa trang, tòa soạn, thu viện, nhà tang lễ, phòng hòa nhạc, quán rượu, bệnh viện, nhà chùa và bến xe taxi, cũng như những con đường ở thành phố Dublin.

Với việc thể hiện vô số suy nghĩ, cảm xúc và hành động (gồm cả chuyển động cơ thể) của Stephen, Bloom và Molly qua cả ngày lẫn đêm, *Ulysses* đã đưa sự riêng tư ra trước mắt công chúng ở một quy mô chưa từng có trong bất kỳ truyện nào.

Các chương mở đầu kết nối với cuốn tiểu thuyết mang tính tự truyện trước đó của Joyce, *Chân dung chàng nghệ sĩ*, là câu chuyện về Stephen Dedalus gom góp dùng khí để giải phóng tài năng của mình khỏi những áp lực gò bó của Giáo hội Công giáo, môi trường giáo dục và đất nước. Trong *Ulysses*, Stephen xuất hiện lần đầu vào buổi sáng,

18 chương của *Ulysses* ở Dublin**2 Trường học:**

Stephen đi bộ từ tháp nơi anh ta sống đến trường của ông Deasy ở Dalkey để dạy học.

4, 17, 18 Ngôi nhà:

"Ngày của Bloom" bắt đầu cùng nhu kết thúc tại nhà của Leopold và Molly Bloom, ở số 7 đường Eccles.

5 Nhà tắm:

Lang thang trong trạng thái thỏa mãn mơ màng, Bloom đi nhận một lá thư, sau đó đến nhà tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ.

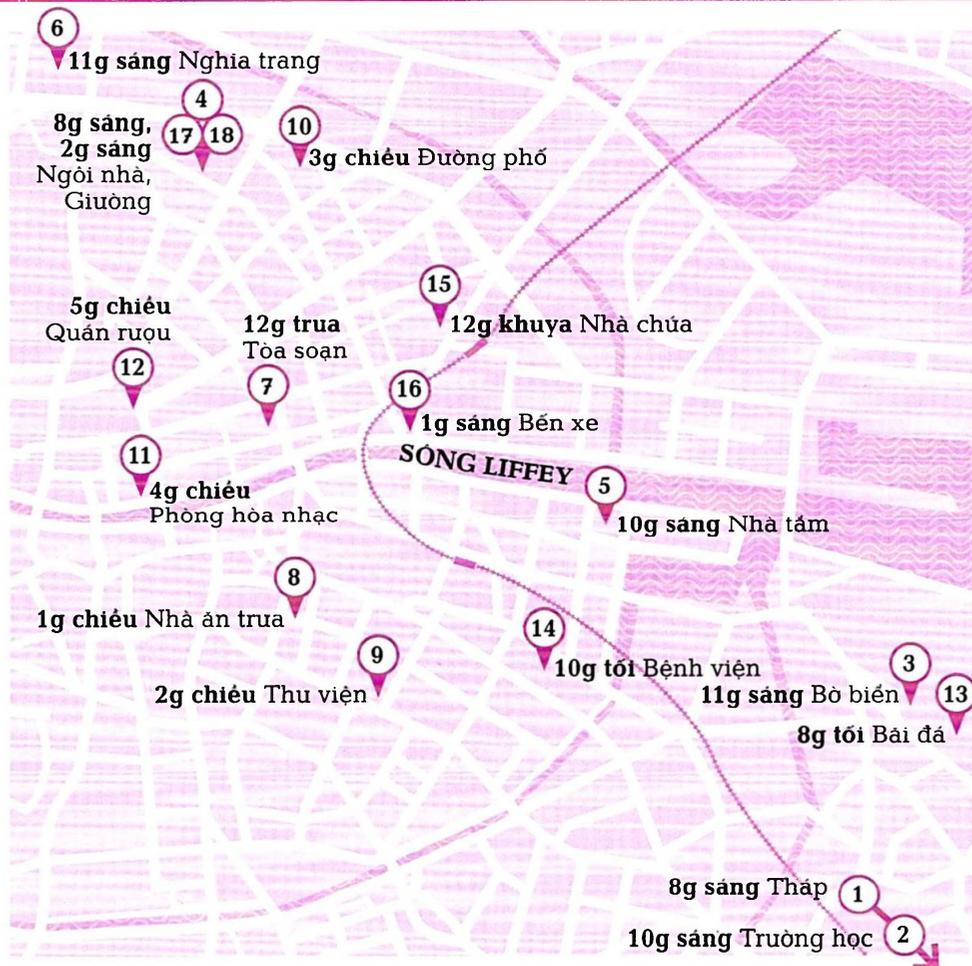
6 Nghĩa trang:

Bloom và ba người bạn ngồi chung một cỗ xe đưa tang đi từ nhà của Paddy Dignam.

7 Tòa soạn:

Stephen và Bloom lướt ngang qua nhau, khi Bloom đi làm quảng cáo và Stephen mang đến lá thư của ông Deasy.

1 Con số trên bản đồ cho thấy thứ tự các sự kiện trong ngày 16 tháng 6 năm 1904

**10 Đường phố:**

Trong chương chính yếu này, theo các tình tiết trong *Odyssey*, 19 nhân vật đi qua các đường phố của Dublin.

12 Quán rượu:

Bloom được một "cồng dân" Ireland theo chủ nghĩa dân tộc xáp đến mắng nhiếc khi dùng lại uống rượu trong quán của Barney Kiernan.

14 Bệnh viện:

Một nhóm đàn ông say xin, trong đó có Bloom và Stephen, chờ Mina Purefoy sinh nở.

15 Nhà chùa:

Sau cuộc dạo bộ đầy ảo mộng qua Phố đêm, Bloom và Stephen gặp nhau trong một nhà chùa.

16 Bến xe:

Bloom và Stephen nướng nấu trong bến xe của những người lái taxi. Mỗi quan hệ ban hữu nhanh chóng tan vỡ khi họ nhận rõ hồ sơ ngân sách giữa quan điểm của hai người.

đang tranh cãi với người-gân-như-là-bạn, Buck Mulligan hay hoài nghi, trong tòa tháp nơi họ sống ở Sandycove. Anh nghĩ về lúc người mẹ hấp hối trên giường bệnh và anh cảm thấy tội lỗi vì theo niềm tin vô thần mà đã từ chối cầu nguyện cho bà. Rồi anh giảng một bài sù và đi dạo trên bãi biển.

Sau đó, tiểu thuyết quay ngược thời gian đến 8 giờ sáng và bước sang hình thức "dòng ý thức" hoàn toàn, khi người đọc theo chân Leopold Bloom lên kế hoạch cho bữa sáng ở nhà, mua sắm tại cửa hàng thịt, sau đó nấu ăn và mang khay lên lầu cho Molly. Joyce sử dụng dòng ý thức ở nhiều cấp độ khác nhau để kể lại những trải nghiệm của Stephen, Bloom và Molly, mặc dù để các hành động tiếp diễn trong bất kỳ đoạn cụ thể nào, ông đều khéo léo đan xen dòng ý thức với ngôi kể thứ ba.

Bloom và thế giới thực

Chủ nghĩa Tự nhiên, hay chủ nghĩa hiện thực "khoa học", đã trở thành yếu tố then chốt của tiểu thuyết vào giữa thế kỷ 19 ở Pháp, đặc biệt là trong tác phẩm của Émile Zola, người đã tái hiện tỉ mỉ những mặt trái của cuộc đời. Các nhà văn Pháp sau này như Henri Barbusse, trong *Khói lửa* (1916), đã tận dụng chủ nghĩa hiện thực tàn bạo để mô tả sự kinh khiếp của Thế chiến I.

Được Joyce viết từ năm 1915, *Ulysses* cũng thuộc truyền thống tiểu thuyết bộc trực này – dù cội nguồn tinh thần của Joyce ít mang tính Zola, tức chủ nghĩa Tự nhiên của ông ít bi quan và mô phạm, mà giống với người đồng hương ở thế kỷ 16 của Zola là François Rabelais hơn – sự hài hước trần tục và ham thích các dịp hội hè thừa mứa của nhà văn này tương đồng với một số

phần nhất định trong *Ulysses*.

Leopold Bloom là một trong những nhân vật được hiện thực hóa trọn vẹn nhất trong bất kỳ truyện nào. Ông ta là kiểu người gọi theo tiếng Pháp là "*un homme moyen sensuel*" – người đàn ông bình thường với những mong muốn thường ngày – thông minh nhưng không thông thái. Ông ta có tính ôn hòa, thích sự thoải mái và muốn tránh những cuộc đối đầu. Khi ông xuất hiện lần đầu, mối quan hệ thoải mái mà ông tận hưởng với các chuyển động cơ thể của chính mình và với ít nhất một số người trong vòng giao thiệp khiến ông trở nên khác biệt với Stephen nghiêm nghị, bảo thủ, người đã bắt đầu cuộc độc thoại trên bãi biển trong chương ba bằng câu: "Cái giới hạn tri nhận của những thú hữu hình: ít nhất là vậy, hoặc hơn vậy." Hãy so sánh



Tháp Martello với “phòng khách u ám hình vòm” là nơi Stephen Dedalus theo đuổi cuộc đời của một nhà văn, cùng “Buck Mulligan to béo, oai vệ” và “người Saxon chậm chạp” Haines.

nó với câu đầu trong dòng ý thức của Bloom: “Một lát bánh mì và bơ nữa: ba, bốn: đúng rồi. Cô ấy không thích một cái đĩa đầy ắp.”

Đa dạng phong cách

Khi cuốn tiểu thuyết diễn tiến, nhiều phong cách văn xuôi khác được đan xen với dòng ý thức và lối viết tự nhiên. Ví dụ, chương 13 nhại lại câu chuyện của một phụ nữ đa cảm, bắt đầu bằng câu “Buổi chiều mùa hè đã bắt đầu ôm gọn thế giới vào vòng tay huyền bí của mình.” Đang thu giãn vào lúc chạng vạng trên bãi biển, Bloom đã thủ dâm khi nhìn thấy một phụ nữ trẻ cố tình để lộ đôi chân. Chủ nghĩa Lang mạn nhuộm màu hồng đúng theo công thức trong truyện lại đối nghịch mỉa mai với chuyện thị dâm thô bỉ của Bloom.

Trong chương kế tiếp, khi Bloom đến bệnh viện phụ sản, Joyce sử dụng một chuỗi các phong cách văn học khác nhau, mô phỏng việc văn học Anh phát triển dựa trên văn học Anglo-Saxon, Chaucer, Samuel Pepys và Thomas De Quincey. Đối với một số độc giả, đây là Joyce ở độ uyển bác lạ thường nhất.

Chương 15 là một vở kịch đầy ảo mộng lấy bối cảnh Phố đêm, khu phố đèn đỏ ở Dublin, nơi những ảo tưởng bạo dâm bị kìm nén của Bloom và mặc cảm tội lỗi của Stephen với mẹ mình được phản ánh trong một loạt cảnh sống động, mơ màng. Không gian và thời gian tan biến, ảo giác nhanh chóng kéo đến rồi lại rời đi – ví dụ, Bloom sinh ra “tám đứa con trai da vàng và da trắng”, còn nhà thơ Tennyson xuất hiện trong chiếc áo khoác có hình cò Anh và áo cricket trắng – ảo tưởng này vô cùng lộn xộn. Ở một cảnh nhu trong ác mộng, Bloom trở thành người bảo vệ cho Stephen tại nhà chứa, khi anh bị ảo giác kinh hoàng bao trùm.

Joyce một phần được gọi cảm hứng từ Dada – phong trào siêu thực bác bỏ lý trí và logic, được tạo nên bởi các nghệ sĩ trẻ ở Cabaret Voltaire tại Zurich (nơi Joyce ở vào thời điểm đó) vào năm 1916. Sự ảnh hưởng đặc biệt rõ ràng trong chương này. Giống như những người theo trào lưu Dada, Joyce đã gây sốc cho công chúng bằng sự công kích chống lại các tiêu chuẩn thông thường về thị hiếu và khuôn phép.

Tiếp đó là một chương dưới hình thức phép giảng – một cuộc hỏi đáp kéo dài – được sử dụng để truyền tải câu chuyện khi Bloom cùng Stephen về nhà ông uống ca cao. Đó là nơi mà Bloom và

Stephen gắn nhu đồng cảm với nhau. Các sự việc nối tiếp được phân tích, ghi chép lại tường tận, và điều này đóng vai trò như điểm đối trọng với mối thân tình tinh tế mà hai người cảm thấy lẫn nhau.

Độc thoại của Molly Bloom

Chương cuối cùng của *Ulysses* là một kiệt tác về cách viết dòng ý thức. Nó tiết lộ những suy nghĩ riêng tư của Molly Bloom trong đêm, khi đang nằm trên giường sắp ngủ. Cho đến thời điểm này, Molly chỉ được giới thiệu qua góc nhìn từ người chồng ghen tuông Leopold. Đây được xem là một trong những bước chuyển đổi góc nhìn tài năng nhất trong văn học hiện đại, hướng về nữ giới.

Sau khi khắc họa nền văn hóa của thành phố do nam giới thống trị, trong đó phụ nữ đóng vai trò quan trọng không thể thiếu là vợ, là mẹ và là gái mại dâm – những nguồn nuôi dưỡng tình cảm và thỏa mãn thể chất – mà không để phụ nữ lên tiếng, Joyce đã khôi phục cân bằng qua việc cho Molly cất tiếng nói. Việc cho phép nhân vật nữ chính nói lên những lời cuối cùng của truyện (tiếng “phải” khẳng định, lặp lại tiếng “phải” mà Molly nói đầu tiên) là một minh chứng cho



Tôi phải có một đôi dép đi trong nhà tốt màu đỏ như của những người Thổ Nhĩ Kỳ đội mũ fez thường bán hoặc màu vàng và một chiếc áo choàng buổi sáng nửa trong suốt đẹp đẽ mà tôi muốn chết được như cái trước đây cũng lâu ở Walpoles chỉ 8/6 hoặc 18/6...

Ulysses





Nghe: tiếng sóng có bốn từ:
seesoo, hrss, rsseeiss, oos.

Ulysses



trí tưởng tượng toàn diện của Joyce. Tuy nhiên, một số nhà phê bình về nữ quyền coi Molly, với dáng vẻ thụ động, là sản phẩm từ những quan niệm sai lầm của nam giới.

Khi Molly nằm trên giường, tránh xa mọi tác động, độc thoại nội tâm có thể đạt được hình thức thuần túy nhất mà không bị câu chuyện gián đoạn. Dấu câu bị bỏ qua. Hời ức xô vào nhau. Ngôn ngữ thẳng thắn với lời nói trần tục gọi kỷ ức thời trẻ của cô ở Gibraltar và mối tình nồng nhiệt sau đó với Bloom, được thể hiện theo phong cách truyện lãng mạn. Phong cách này không hoàn toàn là thủ thuật văn học mà là một phần ngôn ngữ của cảm xúc lãng mạn, dù có trần tục và nhạy cảm, thuộc về nội tâm Molly.

Thần thoại và hiện đại

Thử nghiệm về ngôn ngữ không phải là thủ thuật văn học duy nhất làm nền tảng cho cuốn sách nhiều tầng lớp này. Tên sách *Ulysses* hé lộ nền tảng mang tính biểu tượng phức tạp. “Ulysses” là tên bắt nguồn từ tiếng Latin của Odysseus, vị vua Hy Lạp xứ Ithaca trong sử thi *Odyssey* của Homer, nhân vật đã dành 10 năm lang thang thám hiểm trước khi trở về nhà sau Chiến tranh thành Troy. Joyce đồng nhất Leopold Bloom với Odysseus, và coi Stephen ngang với con trai nhà vua, Telemachus, người tìm kiếm người cha đã mất tích trong vô vọng ở bốn tập đầu của *Odyssey*. Ông

liên kết Molly với Penelope, vợ của Odysseus, người tin rằng chồng vẫn còn sống và sẽ quay trở lại với mình.

Mỗi chương trong số 18 chương của tiểu thuyết này tương ứng với một cuộc phiêu lưu từ sử thi của Homer. Ba chương đầu tập trung vào Stephen, theo cấu trúc giống với *Odyssey*. Trong chương ba, Stephen đặt câu hỏi về cương vị làm cha trong khi suy nghĩ về một cuộc thảo luận trong thư viện. Đoạn này chuyển dịch hoàn cảnh khó khăn là một đứa con trai không có cha của Telemachus thành cuộc tranh luận trừu tượng về quan niệm hiện đại xoay quanh mối quan hệ cha-con.

Trong chương 12, Cyclops, người khổng lồ một mắt mà Odysseus đã trốn thoát được trong *Odyssey*, ẩn trong vai một người yêu nước bài ngoại hung hăng đã tranh cãi gay gắt với Bloom. Chủ nghĩa sô vanh hẹp hòi của “người công dân” phản ánh tâm nhìn hạn chế của Cyclops. Sau đó, người dẫn chuyện vô danh kể về

một người quét ống khói “suyt nửa đã điều khiển dụng cụ trùng mắt tôi.”

Giá trị chủ đề lớn nhất trong tác phẩm tương đồng với bản trường ca của Homer này chính là các vai thần thoại được gán cho Stephen và Bloom. Stephen vô thức tìm kiếm hình ảnh một người cha luôn ủng hộ con, để bản thân anh có thể trở thành người cha của những đứa con mình và của cả sáng tạo nghệ thuật. Những đoạn nói về Chúa Ba Ngôi, điều bao hàm mối quan hệ phức tạp nhất trong số tất cả các mối quan hệ cha-con, và về Hamlet của Shakespeare – người bị giằng xé bởi suy nghĩ báo thù kẻ đã giết cha mình, chính là cha dương hiện tại – đắp thêm nhiều tầng ý nghĩa cho

Trong *Odysseus và Circe* (1590) của Bartholomeus Spranger, nữ phù thủy đã dùng ma thuật cảm dỗ người anh hùng – tương đương với việc Bella Cohen trêu chọc Bloom trong *Ulysses*.



cuộc tìm kiếm của Stephen. Ngược lại, Bloom (con trai Rudy của ông đã chết vài ngày sau khi chào đời, vào 11 năm trước đó) có nhu cầu tình cảm sâu sắc mong muốn một đứa con trai. Điều này làm tăng thêm độ bi thương cho mối quan hệ giữa Odysseus-Telemachus.

Bloom và Stephen, sau vài lần suýt qua nhau, đã tình cờ gặp tại Bệnh viện Phụ sản Phố Holles; liên tưởng về địa điểm này với sự sinh nở và cha nuôi mẹ dưỡng không phải ngẫu nhiên. Bloom đã đứng lúc giúp Stephen khỏi bị bắt sau một vụ lộn xộn ở khu đèn đỏ của Dublin. Tối muộn hôm đó, khi họ ngồi uống ca cao cùng nhau trong nhà bếp của Bloom, Stephen thoáng thấy quá khứ trong Bloom, còn Bloom nhìn thấy tương lai trong Stephen. Sự nhìn nhận lẫn nhau này điển hình cho độ tinh tế trong truyện của Joyce – chỉ là ám chỉ thoáng qua chứ không thể hiện rõ ràng thành cao trào.

Cốt truyện mang tính trường ca Homer của Joyce, cũng như hệ thống hình ảnh tượng trưng, cũng cho phép ông ngụ ý rằng Bloom, một người bình thường và một công dân tốt, cũng có thể được nhìn nhận theo chiều hướng anh hùng. Đây là chủ nghĩa anh hùng, hay chủ nghĩa phản anh hùng, mang tính đời thường, diễn ra chủ yếu trong tâm trí – đấu trường của nỗi sợ

“

Sau đó, ông nghe thấy một tiếng thở dài nặng nề ấm áp, nhẹ hơn, khi cô trở mình và những cái vòng đồng thau lỏng lẻo của khung giường kêu leng keng.

Ulysses

”

Những tương đồng giữa trường ca của Homer và *Ulysses*

ODYSSEY CỦA HOMER

Ở phần cốt truyện phụ mang tính sử thi, con trai của Odysseus và Penelope, **Telemachus**, tìm kiếm người cha đã mất tích trong vô vọng.

Calypso là một nữ thần xinh đẹp, đã mê hoặc và giam giữ Odysseus trong bảy năm.

Odysseus đến địa ngục **Hades** để hỏi đường về nhà trước linh hồn của nhà tiên tri mù Tiresias.

Circe là một nữ phù thủy xinh đẹp, đã đánh thuốc mê và biến những người trong đoàn của Odysseus thành lợn. Odysseus trở thành người tình của cô.

Penelope tránh xa những người cầu hôn trong khi chờ đợi Odysseus, người đã mất tích và được cho là chết trên biển.

ULYSSES CỦA JAMES JOYCE

Stephen Dedalus, một người tri thức và nghệ sĩ mê mải với những suy nghĩ của bản thân, luôn tìm kiếm hình tượng một người cha.

Molly Bloom, sau này là người vợ đảm đang, được miêu tả trong những chương đầu là một nữ thần bất tử mê hoặc Leopold.

Khi tham dự đám tang **Paddy Dignam**, Bloom suy nghĩ lo lắng, đôi khi theo kiểu khôi hài và không phù hợp.

Stephen và Bloom lang thang qua: Phố đêm, đến thăm nhà chứa được quản lý bởi **Bella Cohen**, một Circe thời hiện đại.

Molly chìm chuột với người tình, nhưng dù chán người chồng Leopold, cô vẫn chờ ông về nhà.

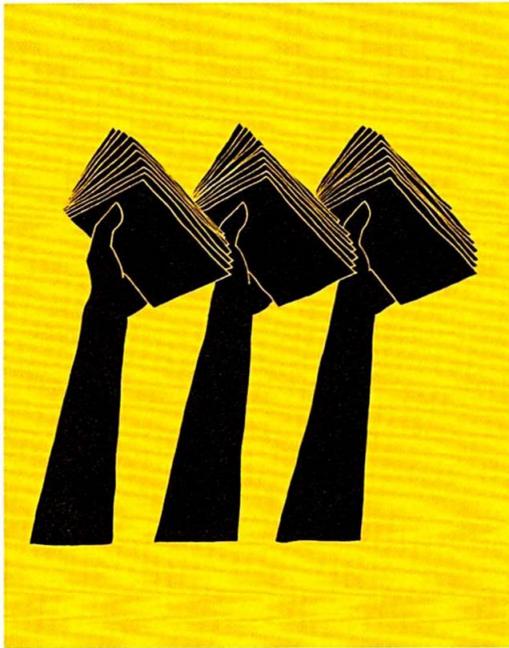
hài và khao khát của một cá nhân. Ở đây, con người chống lại lòng ghen tị, nỗi tức giận, sự buồn chán, cảm giác xấu hổ và tội lỗi, đồng thời ấp ủ niềm hy vọng và tình yêu, nhưng thú mang lại ý nghĩa cho cuộc sống.

Lưu vong và quy thuộc

Sau đoạn kết của tiểu thuyết, Joyce đã ghi lại một lời nhắc về hành trình Odysseus mà chính ông viết nên: “Trieste–Zurich–Paris, 1914–1921.” Ông nhận thức được bản thân là một nghệ sĩ hoạt động trên trường quốc tế, nhưng cũng cảm thấy sự giằng xé của đời lưu vong. Cuộc sống ở nước ngoài giúp ông tái tạo được một Dublin thô sơ và sống động như trong trí tưởng tượng của mình. Quay trở lại năm 1904, là bối cảnh của cuốn sách, cảm xúc chính trị đang dâng cao, sau sự thất bại của chế độ tự trị – một nỗ lực tự quản của Ireland. Năm *Ulysses* xuất bản (1922), sau một cuộc nội chiến đẫm máu, Nhà nước Tự do Ireland được thành lập. Phản ánh những

thực tế chính trị này, các nhân vật trong thành phố Dublin hu cấu của Joyce tràn đầy lo lắng khi nhìn nhận về các thể chế: chủ nghĩa dân tộc Ireland, Đế quốc Anh, Giáo hội Công giáo và cuộc Phục hưng Văn học Ireland. Trong khi phô bày chi tiết các trải nghiệm cá nhân với sự thẳng thắn chưa từng có, *Ulysses* còn điếm nhiên khắc họa một mô hình thu nhỏ không ngừng nghỉ của xã hội Ireland.

Tuy nhiên, tất cả các chủ đề trong *Ulysses* đều mang tính phụ trợ tạo nên sự phong phú sống động của thế giới hu cấu này. Sinh khí của cuốn tiểu thuyết đến từ sự sống được truyền vào bên trong nó, đi ngược lại với những thủ pháp văn học phức tạp của sách. Cốt lõi của *Ulysses* – tiểu thuyết nghệ thuật mang lại sự tự nhận thức nhất kể từ sau những thủ nghiệm vui tươi trong *Tristram Shandy* của Laurence Sterne vào giữa thế kỷ 18 – là cuộc sống và tình yêu của những người Dublin, được hiện thực hóa bằng sự chân thực đáng kinh ngạc. ■



KHI CÒN TRẺ, TÔI CŨNG CÓ NHIỀU ƯỚC MƠ

GÀO THÉT (1922), LỖ TẤN

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Bạch thoại văn

TRƯỚC ĐÓ

1917 Hồ Thích xuất bản "Tiểu luận đầu tiên về cải cách văn học" trên tạp chí *Tân thanh niên*, kêu gọi một cách tiếp cận mới không dựa vào những hình thức cũ.

1918 Lỗ Tấn xuất bản "Nhật ký người điên", được xem là truyện ngắn hiện đại đầu tiên của Trung Quốc.

1921-22 "A Q chính truyện" (về sau được in trong *Gào thét*) được đăng theo kỳ trên *Thân báo phó san*.

SAU ĐÓ

1931-32 "Kịch lưu", của Ba Kim, được đăng dài kỳ, về sau được in thành một cuốn lấy tên *Gia*. Đây là tiểu thuyết về sự xung đột cũ – mới, rất nổi tiếng với thanh niên Trung Quốc.

1935 Lỗ Tấn xuất bản *Chuyện cũ viết lại*, chép lại những truyện thuyết Trung Hoa nổi tiếng.

Trào lưu văn học và văn hóa Bạch thoại, được khởi xướng năm 1917 bởi học giả và nhà trí thức Hồ Thích, đồng hành với Phong trào Ngũ Tứ – một phong trào đấu tranh chính trị và văn hóa phát triển từ một cuộc nổi dậy của học sinh, sinh viên tại Bắc Kinh năm 1919 và là đầu tàu của một ý thức mới về chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc.

Những người theo trào lưu này bác bỏ những tín điều truyền thống, và chủ trương chuyển dịch sang những tu tưởng Tây phương về chế độ dân chủ và khoa học hiện đại. Họ cũng khích lệ chuyển từ sáng tác bằng văn ngôn sang sử dụng "bạch thoại": một loại văn viết dựa trên phương ngôn mà mọi người đều đọc được. Bạch thoại văn nhanh chóng được sử dụng trong báo chí và sách giáo khoa Trung Quốc, cách mạng hóa giáo dục cho tầng lớp nông dân.

Những tu tưởng mới

Lỗ Tấn (1881-1936) là tác giả hiện đại đầu tiên sáng tác bằng phương ngữ. Các tác phẩm của

ông được ca ngợi bởi Đảng Cộng sản mà ông ủng hộ dù không gia nhập. *Gào thét* là tập truyện ngắn đầu tiên, bao gồm hai truyện ngắn đầu tiên và nổi tiếng nhất: "Nhật ký người điên" và "A Q chính truyện".

Là một đôn tẩn công đầy mỉa mai vào văn hóa truyền thống, "Nhật ký người điên" viết về một người sống ở miền quê – "người điên" – anh ta tin rằng bạn bè và gia đình mình ăn thịt người, và cũng tin là những cổ văn Nho giáo cũng khuyến khích điều này.

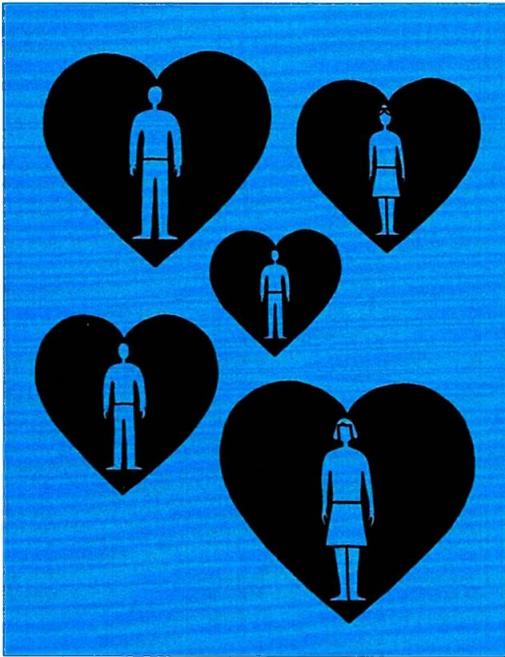
"A Q chính truyện" là một tiểu thuyết ngắn về một người nông dân vô tri và ảo tưởng tự cho mình là khôn ngoan, và cho thấy sự lạc hậu và tụt hậu của thế hệ trước.

Cả hai truyện ngắn này đánh dấu khởi sự của Bạch thoại văn, biểu hiện của trào lưu này không chỉ trong việc sử dụng phương ngữ mà còn trong việc chỉ ra những mối quan ngại của Phong trào Ngũ Tứ, chẳng hạn như sự khát khe lỗi thời của tu tưởng Khổng giáo và việc chấp nhận vô tội vạ những truyền thống cổ hủ. ■

Xem thêm: *Toàn Đường thi 46*

TÌNH YÊU KHÔNG CHO GÌ NGOÀI CHÍNH NÓ VÀ KHÔNG LẤY GÌ NGOÀI BẢN THÂN NÓ

NHÀ TIÊN TRI (1923), KHLIL GIBRAN



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiếng nói Ả Rập hiện đại

SAU ĐÓ

1935 Taha Hussein, một học giả và nhà văn với bút lục dồi dào, "người đứng đầu văn đàn Ả Rập", kể về cuộc đấu tranh của một tác giả người Ai Cập giữa văn hóa Ả Rập và châu Âu trong tiểu thuyết *Con người văn chương*, trải ra giữa Cairo và Paris trong Thế chiến I.

1956–57 Bộ ba Cairo của Naguib Mahfouz theo dấu một gia đình Cairo từ Cách mạng Ai Cập chống lại sự cai trị của thực dân Anh năm 1919 đến gần cuối Thế chiến II năm 1944, nêu bật lên sự đấu tranh chính trị, xã hội và con người của một đất nước và thành thị đang biến chuyển.

1985 *Đứa con của cát*, viết bằng tiếng Pháp bởi Tahar Ben Jelloun, chiêm nghiệm và phê bình những vấn đề của giá trị truyền thống Hồi giáo, vai trò của giới tính và sự tạo dựng danh tính trong bối cảnh Morocco hậu thực dân.

Các đế quốc thuộc địa bắt đầu suy thoái không tránh khỏi trong tàn tích của Thế chiến I, phần nào nhờ vào ảnh hưởng của chiến tranh lên các trung tâm văn hóa phương Tây. Nhưng xu thế văn học, đối tượng và đề tài bắt đầu phản ánh sự chuyển dịch mới trong cân bằng giữa thực dân và dân thuộc địa. Trong những tiếng nói hậu thuộc địa cất lên, những người có nguồn gốc từ cộng đồng Ả Rập ở Bắc Phi và Trung Đông vươn lên nổi danh trên trường quốc tế.

Đa dạng về ý tưởng

Nhà văn, triết gia và họa sĩ người Li Băng Khalil Gibran (hay Kahlil, 1833–1931) là một tác giả được đón nhận bậc nhất trong giới trí thức Ả Rập đang nở rộ. Việc lớn lên trong môi trường Kitô giáo và hứng thú với những giáo điều của Hồi giáo, Hồi giáo mật tông và Do Thái giáo thể hiện sự đứt gãy mối liên kết truyền thống giữa địa lý và tinh thần, và là những ảnh hưởng chính lên tập thơ có minh họa bằng tiếng Anh nhan đề *Nhà tiên tri*.

Trong cuốn này, Gibran sử dụng văn phong tuông tự như trong thánh kinh và bài thuyết pháp để truyền tải những lời rao giảng ngắn của nhà tiên tri Almustafa đến đám đông đủ loại người khi ông sắp sửa lên thuyền rời khỏi thành phố Orphalese. Hai mươi sáu bài giảng gồm các suy niệm đa dạng về tình yêu, đam mê, con cái và cái ăn, đến những tu tưởng về công lý, thời gian, cái ác và cái chết. Những bài giảng nhấn mạnh mối quan hệ của con người và chúa đựng những đề tài về tính đa dạng và tình yêu phổ quát tách khỏi mọi khuôn khổ của một hệ thống tín ngưỡng nhất định. ■



Những thứ này chuyển động trong lòng người như ánh sáng và bóng tối quyện vào sánh đôi.

Nhà tiên tri



Xem thêm: *Nghìn lẻ một đêm* 44–45

SỰ PHÊ PHÁN ĐÁNH DẤU KHỞI NGUỒN CỦA TIẾN TRIỂN VÀ KHAI SÁNG

NÚI THẦN (1924), THOMAS MANN



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Bildungsroman
(Văn học thành nhân)

TRƯỚC ĐÓ
1795–96 Johann Wolfgang von Goethe xuất bản *Wilhelm Meister học nghề*, thường được gọi là tác phẩm Bildungsroman đầu tiên.

1798 Tác giả người Đức Ludwig Tieck xuất bản *Những chuyến lang thang của Franz Sternbald*, một tiểu thuyết theo chủ nghĩa Lang mạn mang dấu ấn Bildungsroman.

1849–50 *David Copperfield*, tác phẩm mang yếu tố tự truyện của Charles Dickens được xuất bản.

1855 Tác giả người Thụy Sĩ Gottfried Keller xuất bản *Câu Heinrich xanh*, một tác phẩm Bildungsroman chủ chốt, và cũng một phần mang tính tự truyện.

1916 *Chân dung chàng nghệ sĩ*, của James Joyce, cho thấy Bildungsroman có vị thế trong văn học Hiện đại.

Được nhiều người cho là kiệt tác của Thomas Mann, *Núi thần* nhận được nhiều đánh giá về tầm vi đại của mình: nó được xem là một trong những tiểu thuyết vi đại nhất mọi thời đại của Đức; một trong những tác phẩm xuất sắc nhất thế kỷ 20; một vở hài kịch u tối tuyệt vời và sự suy ngẫm về cái chết và bệnh tật; và một tác phẩm chính của chủ nghĩa Hiện đại. Nó cũng là một tác phẩm Bildungsroman (văn học thành nhân) xuất sắc, một thể loại bắt nguồn từ thế kỷ 18 và vẫn phát triển mạnh mẽ ngày nay.

Mặc dù những tác phẩm sớm

Xem thêm: *Jane Eyre* 128–31 ▪ *David Copperfield* 153 ▪ *Những người phụ nữ bé nhỏ* 199 ▪ *Giáo dục tình cảm* 199 ▪ *Chết ở Venice* 240 ▪ *Chân dung chàng nghệ sĩ* 241 ▪ *Giết con chim nhại* 272–73 ▪ *Những đứa con của nửa đêm* 300–05



hơn có được nhắc đến, nhiều nghiên cứu đặt thời điểm ra đời thể loại này vào lúc Johann Wolfgang von Goethe xuất bản tiểu thuyết *Wilhelm Meister học nghệ* vào năm 1795–96. Tiểu thuyết này chứa tất cả những thành phần nòng cốt, là chuyện kể về quá trình một nghệ sĩ trẻ trưởng thành, hay *Bildung*: sự đấu tranh để tìm ra biểu hiện và hạnh phúc, và việc chàng sau cùng đón nhận vị trí của chàng trong xã hội. Trong những thập niên và rồi những thế kỷ tiếp theo, nhiều nhà văn lớn khác cũng có mong muốn kể một câu chuyện hao hao chuyện đời họ: tại Pháp, Gustave Flaubert xuất bản *Giáo dục tình cảm*; tại Anh, Charles Dickens viết *David Copperfield*; và nhà văn người Ireland James Joyce mang đến *Chân dung chàng nghệ sĩ*. Ảnh hưởng của thể loại này lan ra khắp châu Âu và rồi khắp thế giới.

Cảm hứng từ bệnh tật

Núi thần được khơi nguồn cảm hứng từ chuyến đi của Thomas Mann đến viện an dưỡng trên núi tại Davos, Thụy Sĩ, năm 1912, nơi vợ ông đang tịnh dưỡng sau một con

viêm phổi. Ban đầu tác phẩm chỉ được dự tính có dung lượng ngắn để nối tiếp quyển tiểu thuyết ngắn *Chết ở Venice* mà ông đã xuất bản năm đó. Tuy nhiên, câu chuyện kéo dài ra, bởi lẽ cùng với Thế chiến I nổ ra năm 1914, Mann nhận ra rất rõ ràng rằng thế giới mà ông đang mô tả đang đi đến một hồi kết đột ngột và tàn khốc. Quan điểm của ông về cả chủ nghĩa dân tộc và xã hội tư sản đều bị thay đổi mạnh mẽ bởi cuộc giao tranh, mà từ đó ông nhìn thấy những giá trị của cái gọi là văn minh đẩy xã hội mù quáng lao vào diệt vong và chết chóc



Mọi hứng thú vào bệnh tật và cái chết thực ra chỉ là một biểu hiện khác của hứng thú vào sự sống.

Núi thần



“**Núi thần**” nơi sơn trang Berghof tọa lạc là một biểu tượng về sự xa cách ẩn dụ của viện an dưỡng với phần còn lại của thế giới: một chốn heo lánh nơi thời gian trôi đi khác biệt.

hàng loạt. Tiểu thuyết này do đó gánh lấy ý nghĩa to lớn hơn, và tiếp tục tăng lên về dung lượng. Sau chiến tranh Mann khảo lại bản thảo nhiều lần, cuối cùng xuất bản vào năm 1924, khi nó được xưng tụng là một kiệt tác.

Núi thần kể câu chuyện của một thanh niên tên Hans Castorp, anh lên núi Alps ở Thụy Sĩ để thăm người anh họ Joachim trong một viện an dưỡng (một bệnh viện chuyên điều trị cho những người mắc bệnh mạn tính, thường là bệnh lao) có tên sơn trang Berghof. Hans có tiền đồ xán lạn, và chuẩn bị vào làm trong ngành đóng tàu.

Với không khí trong lành, quang cảnh ngoạn mục, ít người lui tới và không gian tĩnh lặng, yên bình, viện an dưỡng tồn tại trong thế giới riêng nhỏ bé, khép kín của nó. Một khi đến đây, tự thân Castorp bắt đầu có triệu chứng



Ludovico Settembrini
đại diện chủ nghĩa nhân quyền, trí
thức và những giá trị lý tính của thời
đại Khai sáng.



**Mynheer
Peeperkorn**
biểu trưng cho chủ
nghĩa khoái lạc,
nguyên tắc lạc thú
và sự vượt trội của
cảm xúc lên trên
lý trí.

Hans Castorp
Hans đại diện cho
nhân vật chính điển hình
trong thể loại
Bildungsroman, như một tờ
giấy trắng, nhận lấy ảnh
hưởng từ những người xung
quanh. Tuy nhiên trong
trường hợp này, anh mâu
thuẫn, thụ động và
không thể dẫn thân.



Leo Naphta
đứng về phía chủ
nghĩa cấp tiến,
những sự phi lý trí
và trào lưu chính
thống về tôn giáo.



Joachim Ziemssen
điển hình cho lòng trung thành, nghĩa vụ, một
phản ứng tận tụy và thuần nhất về sự sống.



Clawdia Chauchat
hiện thân cho tình yêu, tình
dục và thú vui nhục dục.

bệnh lao, và được thuyết phục ở
lại đến khi khỏi bệnh. Kết cục là
anh ta ở lại viện an dưỡng bảy năm.
Cốt truyện xoay quanh nhiều
bệnh nhân mà anh gặp gỡ, và các
mối quan hệ với họ.

Một sự giáo dục về sự sống

Chính từ những bệnh nhân khác
trong viện mà Castorp nhận được
sự giáo dục – về nghệ thuật, chính
trị, tình yêu và phận làm người –
mà tất cả nhân vật chính của
Bildungsroman phải học được.
Mann dùng những nhân vật như
những đại diện cho các tu tưởng
và hệ tu tưởng khác nhau của
châu Âu trước Thế chiến I. Ta gặp
Leo Naphta, một thầy tu dòng Tên
người Do Thái chuyển sang Mác
xít; Ludovico Settembrini, một
người Italy theo chủ nghĩa nhân

văn thế tục; và Mynheer Peeperkorn,
một người Hà Lan hoan lạc mắc
bệnh nhiệt đới. Mỗi người đều
gắng lời kéo Castorp theo quan
điểm của mình, tức là phần lớn
quyển sách này bị các tranh luận
triết học chiếm chỗ. Cũng có một
người phụ nữ, tên Clawdia Chauchat,
mà Castorp phải lòng, qua đó anh
học được những điều cần thiết về
tình yêu và hấp dẫn ái tình.

Trong khi phần lớn
Bildungsroman xoay quanh một
hành trình về thể chất cũng như
cảm xúc, *Núi thần* bám lấy một vị
trí địa lý – sơn trang Berghof; và
hành trình nó mang lại là qua
những hệ tu tưởng phương Tây
(phần nào phương Đông). Cứ như
thể là độ cao của chính quả núi
mang đến cho Castorp tầm nhìn
bao quát toàn châu Âu tại thời

khắc quyết định này.

Tiểu thuyết này vừa là một ví
dụ tiêu biểu của Bildungsroman
vừa là một tác phẩm chế nhạo
thể loại này. Tất cả những yếu tố
cơ bản của Bildungsroman đều
hiện diện: một nhân vật chính trẻ
tuổi, dễ bị ảnh hưởng đang bước
vào đời; một quá trình học hỏi thường
gian truân, nhưng anh ta lãnh
lặn vượt qua; và cuối cùng, mạnh
dạn tiến lên. Castorp phải kinh
qua trải nghiệm bệnh tật và hồi
phục để đến được sự thực lòng
trân trọng sự sống. Chính vì thế
tác phẩm này không nghi ngờ gì
thuộc thể loại này. Dầu vậy Mann
chế nhạo hay thách thức nó trên
hầu hết mọi cấp độ.

Chế nhạo nhiều cấp độ

Ở một cấp độ, có rất nhiều bài học
mà Castorp nhận được. Những
nhân vật khác nhau mang đến
những quan điểm về thế giới mâu
thuẫn lẫn nhau, và không rõ là Mann
có đồng tình với bất kỳ quan điểm
nào hay không. Trong những tác
phẩm Bildungsroman trước đó,
những bài học và những giá trị
nhân vật chính gạt hái được chiều
theo ý của độc giả. Vì vậy, ví dụ
như David Copperfield trong tiểu
thuyết của Dickens có thể học được
rằng không được đánh giá con
người qua bề ngoài. *Núi thần* phản
bác công thức này. Là một tiểu
thuyết hiện đại, nó biết rõ rằng có



Tôi là tôi chưa bao giờ gặp
được một con người hoàn
toàn khỏe mạnh.

Núi thần



“

Phải là tình yêu, chứ không phải lý trí, mới mạnh hơn cái chết.

Núi thần

”

nhiều cách để nhìn nhận thế giới, và không cách nào trong đó nhất thiết là đúng. Xem như đây là quan điểm của Mann, toàn bộ mục đích của tác phẩm như là một tiểu thuyết về giáo dục được cho thấy là một sự chế nhạo.

Thấm sâu, Bildungsroman luôn là một sự táo bạo đúng đắn và đây cũng là điều Mann nhạo báng. Ví dụ, người kể chuyện luôn có thái độ xa cách đối với Castorp, qua đó nhắc nhở độc giả rằng anh ta cũng chỉ là chàng trai tầm thường. Và dù nhân vật chính trong Bildungsroman thường phải trưởng thành khi kết truyện, Castorp lại hiện ra như thể không học được gì về cuộc đời và triết học suốt bảy năm qua.

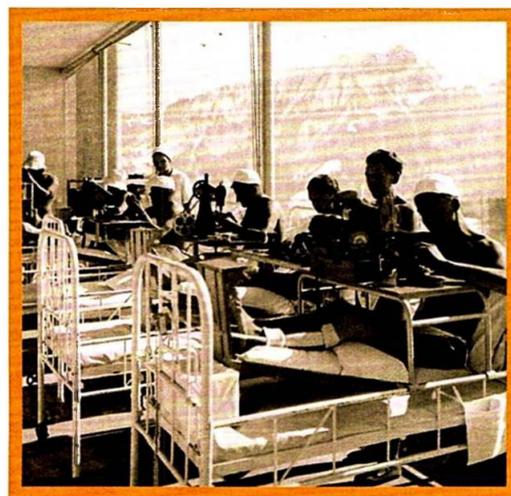
Lệnh đệnh trong thời gian

Mann còn cắt xén mục đích của Bildungsroman theo những cách khác, đặc biệt là liên quan đến chủ đề thời gian và tương quan của nó tới tiến trình câu chuyện. Thời gian trôi qua là một vấn đề trọng yếu với những người bệnh và sắp chết, song trong môi trường bị phong bế của viện an dưỡng thời gian lại rất khó theo dõi. Các bệnh nhân tính thời giờ trôi qua chỉ bằng đơn vị một tháng. Bất kỳ sự kiện trong quá khứ nào, dù bao lâu về trước, được nói là đã xảy ra "ngày kia" – một thói quen mà bản thân Castorp về sau cũng có. Điều quan trọng với chúng ta về một tác phẩm Bildungsroman rằng quá trình học tập phải là một

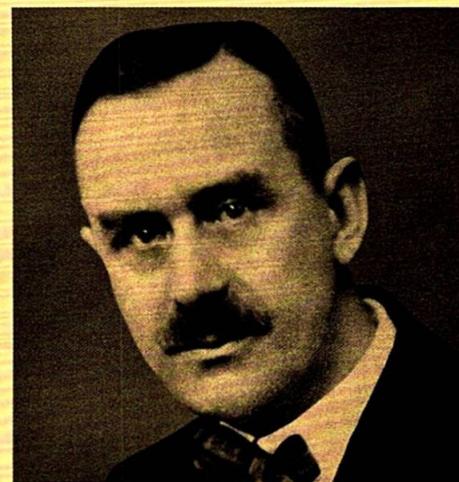
tiến trình liên tục, một câu chuyện kể theo thứ tự. Nhưng Mann tước đi của Castorp (và của độc giả) cấu trúc này, hay nhận thức về sự kiện. Các sự việc mơ hồ trong thời gian, và ta không sao ấn định được: mỗi chương nối tiếp nhau trải qua lượng thời gian ngày càng tăng: từ một ngày đến sáu năm.

Núi thần do đó chế nhạo sâu sắc thể loại của chính nó. Nó có tất cả nội dung của một tác phẩm Bildungsroman nhưng cho thấy (dưới ánh sáng lạnh lẽo của tu tưởng Hiện đại) các tác phẩm này giả tạo, hay những ích lợi của chúng ít nhất thì không thể cân đo được. Vậy nên không có gì ngạc nhiên khi tác phẩm này khơi cảm hứng cho không mấy người noi theo; nó quá giống một lời bạt trong thể loại này, và có lẽ quá đồ sộ và hiển hách cả phạm vi lẫn dung lượng, nên không ai muốn tiếp bước.

Các nhà văn dù sao vẫn tiếp tục tìm những phương thức mới cho thể loại này, khảo nghiệm những đề tài trải dài từ chủ nghĩa hậu thực dân và lịch sử hiện đại (như Salman Rushdie với *Những đứa con của nửa đêm*) đến sự thức tỉnh về giác quan và nhục cảm (*Mùi hương* của Patrick Süskind). ■



Các bệnh nhân mạn tính tại viện an dưỡng trên núi ở Alps, Thụy Sĩ sống trong môi trường loãng, với những sự kiện trong thế giới "dưới kia" hầu như không tác động đến cuộc sống của họ.



Thomas Mann

Thomas Mann sinh năm 1875 trong một gia đình giàu có ở Lübeck, miền bắc nước Đức. Ông nhận được sự chú ý trước tiên bởi kiệt tác *Gia đình Buddenbrook*, xuất bản khi ông mới 26 tuổi, một tiểu thuyết về sự suy sụp của một gia đình giàu có giống như gia đình ông. Năm 1905, ông kết hôn với Katia Pringsheim, con gái của một nhà công nghiệp giàu có người Do Thái; hai người có sáu người con, ba trong số đó trở thành nhà văn. Năm 1929, Mann được trao giải Nobel Văn học.

Năm 1933, Mann rời Đức sang Thụy Sĩ, và trước thềm Thế chiến II ông chuyển sang Mỹ, nơi ông dạy tại Đại học Princeton trước khi định cư ở California và trở thành công dân Mỹ. Suốt chiến tranh ông thực hiện nhiều bài phát biểu chống Đức Quốc xã thu âm tại Mỹ và phát thanh từ Anh sang Đức. Sau thế chiến ông quay về châu Âu; ông mất tại Thụy Sĩ năm 1955, thọ 80 tuổi.

Tác phẩm chính khác

- 1901 *Gia đình Buddenbrook*
- 1912 *Chết ở Venice*
- 1933–43 *Joseph và các anh em*
- 1947 *Tiến sĩ Faustus*

**NHƯ LỬ BƯỚM ĐÊM
GIỮA NHỮNG TIẾNG THÌ THÀO
VÀ RƯỢU SÂM PANH
VÀ MUÔN ÁNH SAO TRỜI**

***GATSBY VĨ ĐẠI (1925),
F. SCOTT FITZGERALD***



BỐI CẢNH**TIÊU ĐIỂM****Thế hệ Lạc lối****TRƯỚC ĐÓ**

1920 Truyện ngắn "Bernice cắt tóc tém" của F. Scott Fitzgerald nhìn vào căng thẳng giữa những giá trị phụ nữ truyền thống và sự khai phóng của Thời đại Jazz, đề tài mà tác giả tái hiện trong *Gatsby vĩ đại*.

1922 Bài thơ *Đất hoang* của T. S. Eliot báo trước dòng văn học của thế hệ Lạc lối sẽ khảo nghiệm sự đổ vỡ của văn hóa, bao gồm tình dục vô nghĩa và mất mát những giá trị tinh thần.

SAU ĐÓ

1926 Trong tiểu thuyết *Mặt Trời vẫn mọc*, Ernest Hemingway đắm chìm vào những suy tưởng về tình yêu, cái chết và tính nam.

1930–36 John Dos Passos chiêm nghiệm Giác mo Mỹ cùng những truyện ngắn về 12 nhân vật trong *Bộ ba Hoa Kỳ*.

Khi trò chuyện với Ernest Hemingway, Gertrude Stein, một tác giả và chủ hội quán, đã nhắc đến một "thế hệ Lạc lối" trong lớp người trẻ tuổi – những cựu binh từ Thế chiến I. Hemingway thuật lại rằng Stein nghe được những từ này từ một người chủ ga ra sửa xe cho bà, một chi tiết dí dỏm gợi liên tưởng tới những cảnh tại ga ra trong *Gatsby vĩ đại*. "Lạc lối" trong hoàn cảnh này tức lạc lối hay cô độc, ngược lại với bị biến mất. Kể từ sau khi Hemingway dùng trong lời đề từ trong tiểu thuyết *Mặt Trời vẫn mọc*, cụm từ "thế hệ Lạc lối" hướng tới một nhóm những nhà văn trẻ người Mỹ sống tha hương nơi Paris phát kiến những năm 1920, gồm F. Scott Fitzgerald, John Dos Passos, Ezra Pound và chính Hemingway. Thế chiến I để lại tàn tích, họ bỏn chồn và nghi hoặc, kiếm tìm ý nghĩa trong ái tình, chủ nghĩa, rượu chè và chủ nghĩa khoái lạc.

Fitzgerald, một trong những nhà văn quan trọng nhất của thế hệ Lạc lối, nhận thấy mình bị hấp dẫn bởi vẻ ngoài bóng bẩy của "Thời đại Jazz" thập niên 1920, đồng thời ý thức sâu sắc những giá trị đạo đức khuyết thiếu và sự rỗng tuếch của những lời hứa hẹn của thời đại này về một tương lai

“
Không lặp lại quá khứ được?
– ông ta không tin được mà
gào lên – Tất nhiên là được
chứ tại sao không!

Gatsby vĩ đại

tốt đẹp cho tất cả mọi người *Gatsby vĩ đại*, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, kể về giấc mơ ái tình tan vỡ của cá nhân Gatsby, song đồng thời cũng kể về Giác mo Mỹ tan tành mây khói – những lời hứa hẹn về một thế giới tốt đẹp hơn bị vạch trần là phù phiếm.

Tiền mới, giá trị mới

Fitzgerald nhìn nhận Thời đại Jazz là một thời đại của sự diệu kỳ và thừa mứa. Sự thịnh vượng mới hậu chiến tập trung quanh Phố Wall, nơi buôn bán cổ phiếu và trái phiếu mang về những gia tài kếch xù. Khái niệm người tự thân làm giàu trở thành một liều thuốc hấp dẫn kháng lại sức mạnh tiền

F. Scott Fitzgerald

Francis Scott Fitzgerald sinh năm 1896 tại Saint Paul, Minnesota, Hoa Kỳ. Năm 1917, ông bỏ học Đại học Princeton để nhập ngũ. Ông phải lòng Zelda Sayre, con gái một thẩm phán, rồi kết hôn với bà sau thành công của quyển tiểu thuyết đầu tiên, *Bên đây thiên đàng*, năm ông 24 tuổi. Nhờ viết truyện cho các tạp chí được ưa chuộng mà ông nuôi sống gia đình mình (hai người có một cô con gái). Tiểu thuyết thứ hai, *Đẹp và đáng nguyên rủa*, khẳng định tên tuổi của ông với vai trò một nhà văn và nhà phê bình hàng đầu của Thời đại Jazz. Năm 1924, ông cùng Zelda chuyển tới Côte

d'Azur để sáng tác cuốn *Gatsby vĩ đại*. Về sau họ đi lại giữa Pháp và Mỹ. Fitzgerald gặp nhiều thăng trầm với rượu chè. Sau khi xuất bản *Dịu dàng là đêm* vào năm 1934, ông chạt vật hai năm với rượu và trầm cảm. Năm 1937, ông bắt tay biên kịch cho Hollywood, rồi qua đời tại đây vì đau tim khi 44 tuổi, năm 1940.

Tác phẩm chính khác

1922 *Đẹp và đáng nguyên rủa*
1922 *Những chuyện về Thời đại Jazz*
1934 *Dịu dàng là đêm*

Xem thêm: Đất hoang 213 ▪ Cửa chuột và người 244 ▪ Chùm nho phần nộ 244 ▪ Kè xa lạ 245

cũ, được truyền lại qua kế thừa và hôn nhân giữa các gia đình “đanh gia vọng tộc”. Thập niên 1920 ở Hoa Kỳ dường như mang đến một sự biến chuyển xã hội mới, chừa lành vết thương giai cấp và thách thức thói trưởng giả. Những người đi tìm kiếm vận may ở miền Tây nay trở lại bờ Đông để làm giàu và tiêu tiền vào những nhà cao cửa rộng, đồ đạc cao cấp và lối sống thượng lưu – chỉ ít thì giấc mơ là như thế. Còn hiện thực là một số người trở nên khá khẩm dẫn đến việc một số người khác trở nên nghèo đói, đồng thời tạo ra một nền văn hóa mà những hào nhoáng bề ngoài cùng nhu giá trị cốt lõi đều mục ruỗng như nhau. Thói giả dối nhan nhản khắp nơi và thói trưởng giả vẫn tồn tại, chỉ là chúng có những đối tượng mới.

Sau khi Tu chính án thứ 18 năm 1919 – cấm buôn bán rượu – được ban hành, nhiều tay buôn chuyển hướng sang buôn lậu rượu và bày bán ở các quán rượu phi pháp. Nạn phân biệt chủng tộc cũng tràn lan; trong chương đầu của *Gatsby vi đại*, Tom Buchanan bộc lộ quan điểm cực đoan rằng “nếu không tinh táo, giống người da trắng sẽ... sẽ bị nhấn chìm hoàn toàn.”

Rực rỡ và mục ruỗng

Fitzgerald nhìn nhận tiểu thuyết này như “một tác phẩm sáng tạo đơn thuần – không phải những tưởng tượng nhảm nhí như trong các truyện ngắn của tôi mà là một hình tượng rõ ràng về một thế giới chân thực mà sinh động”. Sự sinh động đó, được rọi chiếu trong phong cách văn xuôi man mác gọi tình điểm xuyên nét lãng mạn rực rỡ, hiện ra trong sự hào nhoáng bóng bẩy của xã hội bờ Đông thượng lưu mà Fitzgerald lấy làm chủ đề tác phẩm.

Jay Gatsby sở hữu một dinh thự



thành thang kiếu nhà công vụ Pháp tại West Egg, trên bờ Long Island, bên ngoài New York. Gatsby là một người mới đến bí hiểm, xung quanh ông là nhiều tin đồn thất thiệt, rằng ông từng ra tay giết người, rằng việc ông đi học tại Oxford là bịa đặt, rằng ông kiếm tiền từ việc buôn rượu lậu. Thủ Bày hằng tuần Gatsby tổ chức các bữa tiệc xa hoa với hàng trăm khách khứa, theo nhu mô tả của người dẫn chuyện Nick Carraway, người thuê căn nhà nhỏ ở bên cạnh. Trong cảnh hội hè có những nhộn nhịp cười đùa và nhạc jazz, nhưng cũng có đây những say xỉn cãi vã giữa mấy cặp tình nhân. Quả thật, trai gái trong câu chuyện này nói năng với nhau bằng những lời dối thoại suông sã và không thành thật.

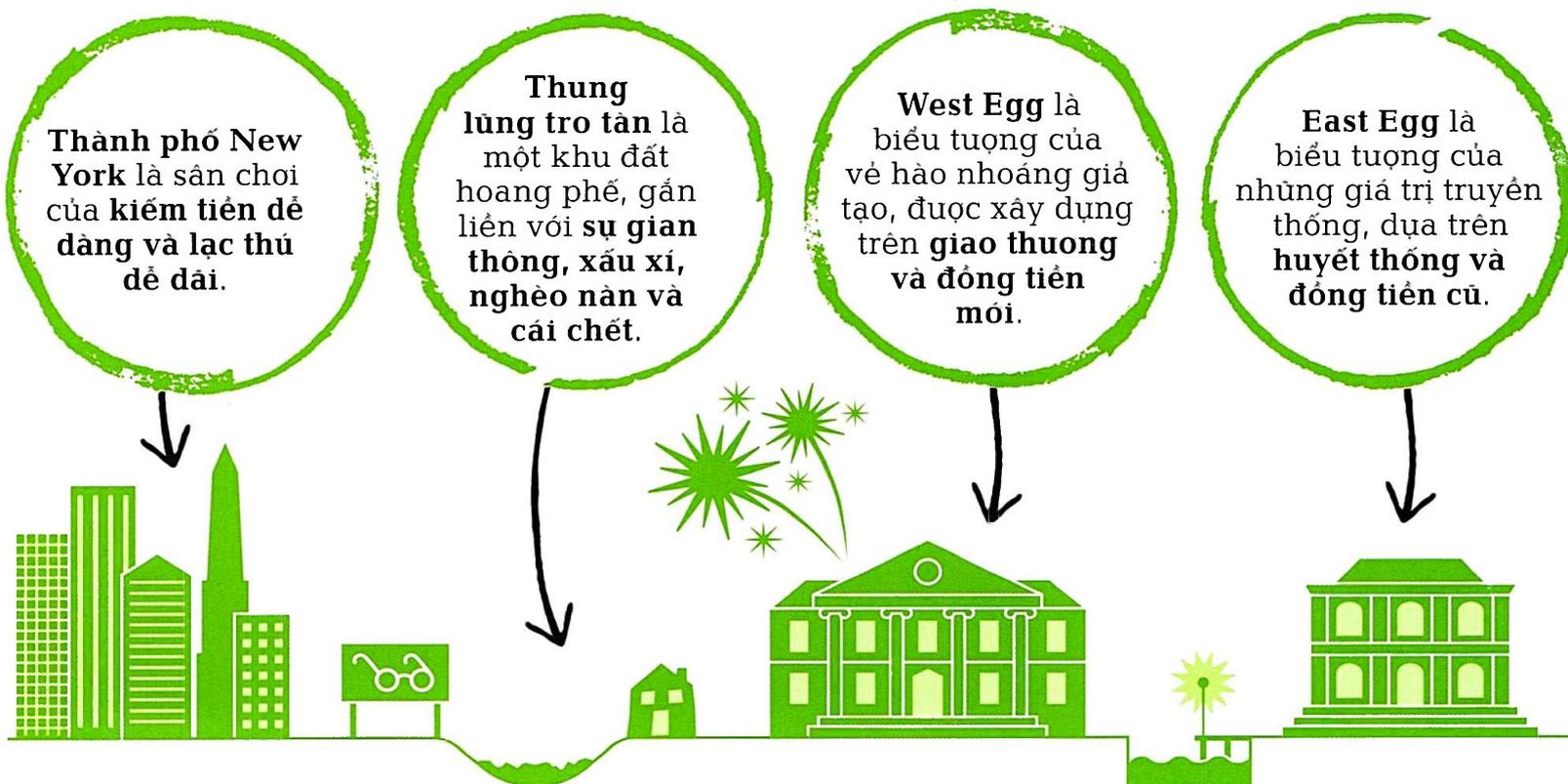
Nick làm quen với Gatsby và rồi biết bí mật của ông: rằng năm năm ròng ông ta yêu đến ám ảnh nàng Daisy Buchanan xinh đẹp thượng lưu, mà tình cờ thay lại là em họ của Nick. Nàng giờ là vợ của Tom, một người bạn thời đại học giàu có của Nick. Daisy chính

Những bữa tiệc hoang đàng, sang trọng của Gatsby, được khắc họa trong phim chuyển thể năm 1949, quy tụ giới thượng lưu tiền cũ từ East Egg và hàng xóm xác xược của họ ở West Egg.

là lý do mà Gatsby tậu ngôi dinh thự trên bờ bên kia đối diện với ngôi nhà phong cách George thuộc địa nơi Daisy sống cùng Tom. Toàn bộ sản nghiệp của Gatsby, có được do làm ăn mờ ám với một tên gian thương mafia tên là Meyer Wolfshiem, được phô bày ra với mục tiêu duy nhất là đoạt lại tình yêu ngày xưa ông đánh mất, mà nay ông nay đã đủ tiền bạc để cung phụng cho nàng.

Tâm quan trọng của nơi chốn

Đề tài của cuốn tiểu thuyết được trải ra trên địa hình đầy tính biểu tượng. Nhà của Daisy và Tom cùng như phần lớn khách khứa đến dự tiệc của Gatsby tọa lạc tại East Egg, đại diện cho những giá trị truyền thống và đồng tiền cũ; còn nơi Gatsby sống, West Egg, lại là sự sung túc tân thời, hay đồng tiền

Bản đồ của *Gatsby vĩ đại*

mới. Cách đó không xa là New York, nơi đây rẫy những giao thương mập mờ và những thú vui ám muội, và giữa hai nơi đó là một khoảng đất mà nét âm đạm bên dưới vẻ rực rỡ rờ rỏ mồn một – “thung lũng tro tàn”. Khu vực hoang tàn này gợi nhắc đến áng thơ phong cách Hiện đại *Đất hoang* của T. S. Eliot, với nhan đề nói đến một truyền thuyết cổ xưa về một vương quốc bị nguyên

“

Tôi vừa ở bữa tiệc ấy vừa không, vừa bị mê hoặc vừa bị xua đuổi bởi cái muôn hình vạn trạng của cuộc đời.

Gatsby vĩ đại

”

rủa đến điều tàn. Chính tại nơi này mà nhân tình của Tom, nàng Myrtle Wilson đang ở cùng chồng, một ông chủ ga ra buồn chán thụ động, ở gần biển quảng cáo khổng lồ quảng bá một doanh nghiệp cắt kính đeo mắt. Những cái kính trên biển thật mĩa mai, bởi trong thế giới của Gatsby không có ai có cái nhìn rõ ràng – kể cả Nick, người tự cho mình có “thiên hướng hạn chế mọi đánh giá” nhưng thực chất coi mình hơn tất cả mọi người, kể cả cô bạn gái hay chỉ trích của anh ta, tay gôn chuyên nghiệp tên Jordan Baker.

Sắc màu và thời đại

Jordan và Daisy đều xuất hiện lần đầu trong màu váy trắng, dù không nàng nào tinh khôi nhu màu sắc này gợi nhắc. Sắc màu trong *Gatsby vĩ đại* là biểu tượng cho đề tài của tác phẩm: Gatsby mặc bộ complet hồng và chạy chiếc Rolls-Royce vàng – minh chứng cho khát vọng được chú ý của ông.

Một trong những biểu tượng chủ đạo trong câu chuyện này là màu xanh, màu ánh đèn ở cuối bến neo thuyền bên phía nhà Daisy mà Gatsby ngóng trông mòn mỏi từ bờ bên kia. Trong những trang cuối cùng, khi ở một mình trong khu vườn không người của Gatsby, Nick có một viên cảnh về “một nguồn xanh tươi của thế giới mới”, thấp thoáng hiện ra trong mắt những cu dân đầu tiên của Long Island. Anh liền ngẫm lại niềm tin của Gatsby về cái biểu tượng “đèn xanh, một tương lai truy hoan thoái trào theo năm tháng ngay trước mắt ta”. Chính tại đây, trong sắc xanh của ánh đèn và mảnh đất, mà mối quan tâm về số phận con người và đất nước của tác phẩm hội tụ.

Vào đoạn kết câu chuyện, cảm thấy bờ Đông bị ám ảnh bởi bị kịch cuối cùng và “vượt quá khả năng sửa chữa của đôi mắt mình”, Nick quay về nhà ở miền Trung Tây. Về lòng thương cảm và nhận thức

biến chuyển tình huống, toàn diện của anh, Nick cũng là một đối tượng của tiểu thuyết như Gatsby. Anh để lại cho người đọc cái suy tưởng rằng quá khứ không ngừng kéo chúng ta lại: rằng giấc mơ đổi đời chính là liều thuốc cho những kẻ khờ.

Đón nhận muộn màng

Khi chấp bút quyển tiểu thuyết này vào năm 1923, Fitzgerald viết rằng ông muốn tạo ra “một thứ vượt bậc và đẹp đẽ và giản đơn và được thêu dệt vi tế”. Ông đặt ra tham vọng này một cách phò trương, song quyển sách này ban đầu nhận được ý kiến trái chiều và bán không chạy. Trước lúc qua đời, Fitzgerald đã nghĩ mình thất bại, bởi trong năm cuối cùng ông còn tại thế chỉ có 72 bản của tổng cộng chín quyển sách của ông được bán ra theo nhu ghi chép bản quyền.

Hiện tại, *Gatsby vĩ đại* và tác phẩm sau đó của Fitzgerald, *Địu dàng là đêm*, được nhiều người công nhận là nằm trong những quyển tiểu thuyết xuất sắc nhất

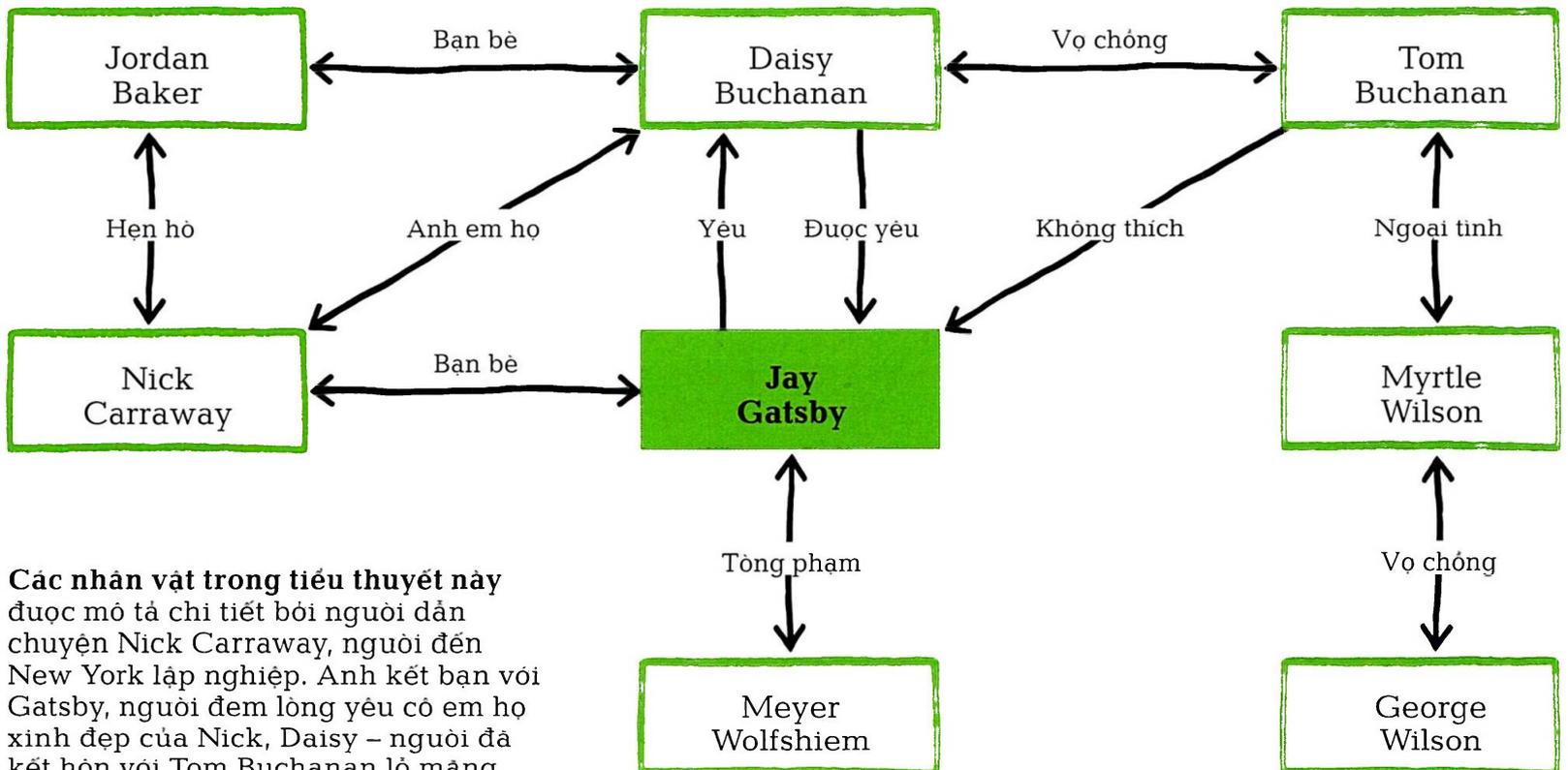
Vậy nên ta tiến lên, như con thuyền xuôi sóng, vùi vào lòng quá khứ chẳng bao giờ ngừng.
Gatsby vĩ đại

của Mỹ. *Địu dàng là đêm* dõi theo một cốt truyện hu cấu hóa những khía cạnh trong cuộc đời đầy rối ren của Fitzgerald, trong đó có ngoại tình, bệnh tâm thần và một cảm quan nhạy bén về sự thất bại trong viết lách lẫn làm người.

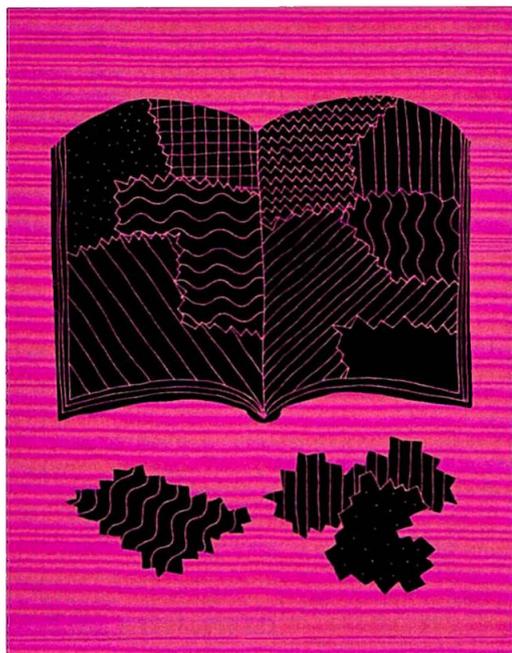
Gatsby vĩ đại là tác phẩm được đón nhận nhiều hơn trong cả hai. Cuốn sách được ái mộ bởi cách bóc trần tình vi cái môi trường hu hoại; một áng văn xuôi mượt mà, kết hợp

được nét gân gù của ngôi kể thú nhất với những miêu tả ngắt nhịp tài tình; những đoạn hội thoại xuất sắc, hé mở sự hu vô về luân lý qua vòn vện vài câu chửi; và thành công về cấu trúc – ví dụ như trong lời của nàng Jordan về thân thể của Gatsby, đây vừa là hồi tưởng (kể chuyện quá khứ) vừa là viễn cảnh (do Tom bất ngờ buột miệng nói ra lời kể của Jordan).

Cùng như các tác giả khác của thế hệ Lạc lối, Fitzgerald có thể chỉ đang phản ứng lại tâm trạng của thời đại – sự vô mộng, sự mất đi những kèm tóa đạo đức và sự cuồng si vật chất hơn là các giá trị tinh thần – nhưng tiểu thuyết của ông đã tồn tại vượt khỏi thời điểm được viết ra. Điều này phần nào là do nội dung tác phẩm vẫn còn tiếp tục liên đới đến thời buổi hiện nay của tiếng tăm, lòng tham của giới quản trị và một nền kinh tế toàn cầu vận hành bởi giá trị tài sản bị thổi phồng. Tuy vậy, cuốn sách này cũng quan trọng vượt thời gian vì từng khía cạnh, duy mỹ mà nói, đều minh chứng cho tài hoa hoàn mỹ của Fitzgerald. ■



Các nhân vật trong tiểu thuyết này được mô tả chi tiết bởi người dẫn chuyện Nick Carraway, người đến New York lập nghiệp. Anh kết bạn với Gatsby, người đem lòng yêu cô em họ xinh đẹp của Nick, Daisy – người đã kết hôn với Tom Buchanan lỡ mạng.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Thế nghiệm văn học thời Weimar

TRƯỚC ĐÓ

1915 Tác phẩm phản hiện thực then chốt thời kỳ đầu của Franz Kafka, *Hóa thân*, ảnh hưởng đến một số nhà văn nói tiếng Đức hiện đại khác.

SAU ĐÓ

1931–32 Tác giả Áo Hermann Broch thử nghiệm các dạng thức và thay đổi thể loại theo cốt truyện trong bộ ba sách *Người mộng du*.

1930–43 Tiểu thuyết *Người không phẩm chất* của Robert Musil người Áo được cấu trúc như một chuyến du hành giữa các lý tưởng, qua đó nhân vật chính cố gắng định nghĩa bản thân mình.

1943 Hermann Hesse ứng dụng phân tâm học Jungian và chủ nghĩa thần bí phương Đông trong *Trò chơi hạt thùy tinh*, tạo nên một tổ hợp tương tự như thể loại hiện thực huyền ảo sau này.

CỰU THẾ GIỚI PHẢI SỤP ĐỔ. HÃY THỨC TỈNH, HỒI CƠN GIÓ RẠNG ĐÔNG!

**BERLIN ALEXANDERPLATZ (1929),
ALFRED DÖBLIN**

Mặc dù 15 năm sau khi Thế chiến I kết thúc là thời kỳ siêu lạm phát và thất nghiệp hàng loạt ở Đức, đó cũng là giai đoạn phát triển nở rộ của nghệ thuật và khoa học, được biết đến với tên gọi văn hóa Weimar. Nhiều trí thức hàng đầu là người Do Thái, nên thời kỳ này kết thúc khi Hitler lên nắm quyền vào năm 1933 và chủ nghĩa bài Do Thái trở dậy khiến hàng nghìn người phải di tản khỏi nước Đức.

Hình thức mới cho một thế giới mới

Trong thời kỳ Weimar, thế nghiệm văn học tiếng Đức có tham vọng thể hiện những điều phức tạp của thế giới hiện đại, và *Berlin Alexanderplatz* của Alfred Döblin (1878–1957) là một tác phẩm quan trọng. Câu chuyện kể về tay ma cô cấp thấp Franz Biberkopf, sau khi mãn hạn tù đã phải vật lộn trong giới tội phạm hạ cấp nhất. Các nhân vật đối thoại bằng thứ tiếng lóng gằn như không thể dịch lại được của những khu ổ chuột ở Berlin thời giữa hai cuộc thế chiến, và tiểu thuyết này đã thể hiện một cách sáng chói văn

học mang tính điện ảnh. Đôi khi nó có dạng những câu chuyện trên báo, những bài thơ đường phố, những bài phát biểu và những trích đoạn từ sách hu cấu. Câu chuyện kết hợp giữa dòng ý thức với sự pha trộn góc nhìn ngôi thứ nhất và thứ ba. Kỹ thuật thế nghiệm phức tạp này đã thể hiện sống động bản thân thành phố Berlin những năm 1920, khiến *Berlin Alexanderplatz* được coi là một trong những *Großstadtromane* ("tiểu thuyết về thành phố lớn") vĩ đại, tập trung vào cuộc sống ở các khu đô thị. ■

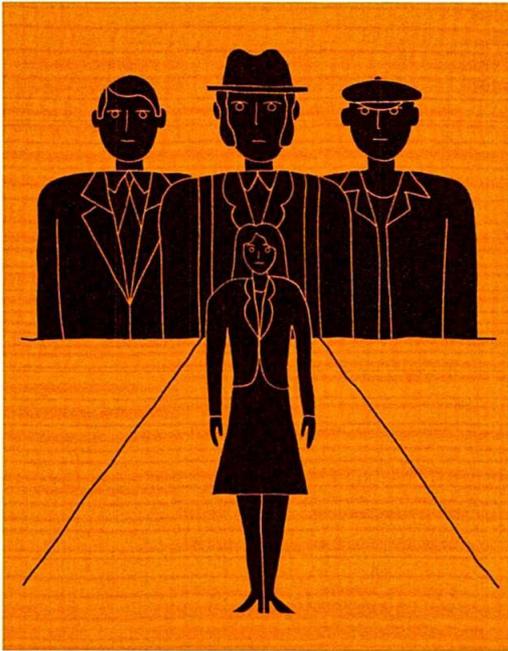
“

Hồi đồng bào Đức, chưa bao giờ có dân tộc nào bị phản bội một cách ô nhục và bất công hơn người Đức.

Berlin Alexanderplatz

”

Xem thêm: *Hóa thân* 210–11 ▪ *Núi thần* 224–27 ▪ *Người không phẩm chất* 243



CHỮA ĐẦY TRÊN BOONG CÁC CON TÀU XA XA LÀ NHỮNG GIẤC MƠ CỦA MỌI NGƯỜI ĐÀN ÔNG *MẮT HỌ ĐANG NHÌN CHÚA* (1937), ZORA NEALE HURSTON

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Phục hưng Harlem

TRƯỚC ĐÓ

1923 Jean Toomer xuất bản tiểu thuyết đầu tay, *Mía* – một tác phẩm chủ chốt của hủ nghĩa Hiện đại gọi lên cuộc sống của người da đen ở miền Nam Hoa Kỳ. Là người đa chủng tộc, Toomer thích được xem là “nhà văn Mỹ” hơn “nhà văn da đen”, nhưng ông là nhân vật trung tâm trong phong trào Phục hưng Harlem.

1923 Ở tuổi 21, Countee Cullen đoạt giải thưởng từ Hội Thơ ca Hoa Kỳ cho “Bài ballad về cô gái da nâu”, kể về một mối tình lãng mạn vượt chủng tộc. Ông trở thành một nhân vật chủ chốt trong phong trào Phục hưng Harlem.

1934 Nhà văn Langston Hughes của phong trào Phục hưng Harlem xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên, *Lối sống người da trắng*, tập trung vào mối quan hệ giữa các chủng tộc; tên tập truyện có ý chế giễu.

Phong trào Phục hưng Harlem ở những năm 1920 và 1930 – hay “sự nở rộ của Văn học Da đen”, nhu tác giả và nhà hoạt động dân quyền Mỹ James Weldon Johnson đã gọi – là một sự thức tỉnh quan trọng về niềm tự hào và bản sắc văn hóa Mỹ gốc Phi. Phong trào tập trung ở Harlem, New York, bắt đầu từ năm 1924 khi tạp chí *Opportunity* tổ chức một bữa tiệc giới thiệu các nhà văn da đen với nhà xuất bản da trắng, giúp họ mở ra con đường đến với công chúng một cách chính thống.

Nổi lên từ tầng lớp trung lưu da đen đang phát triển ở thành thị, phong trào Phục hưng Harlem cũng bao trùm lĩnh vực sân khấu, âm nhạc và nhận thức chính trị mới. Mặc dù phong trào phải chấm dứt do cuộc Đại khủng hoảng, nhưng nó đã đánh dấu một bước tiến đáng kể, nâng cao lòng tự tôn của người Mỹ da đen, và đặt nền móng cho phong trào dân quyền sau Thế chiến II.

Tiếng nói thách thức

Zora Neale Hurston (1891–1960) là nhà văn Phục hưng Harlem, cũng là một nhân vật nổi bật của văn học dành cho phụ nữ và cho người Mỹ

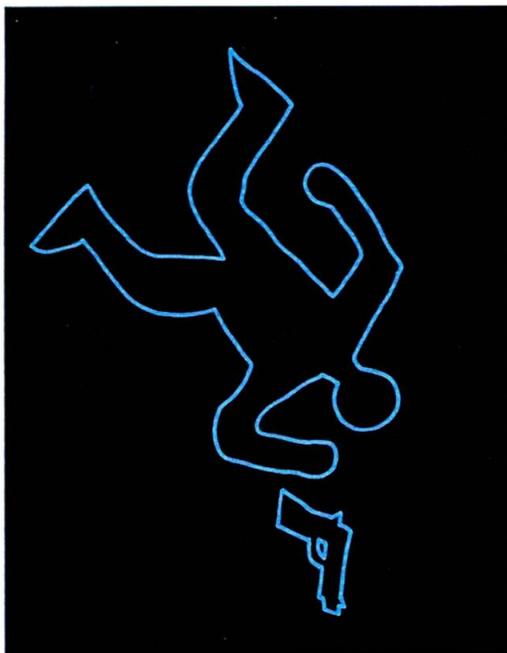
gốc Phi. Tiểu thuyết nổi tiếng nhất của cô, *Mắt họ đang nhìn Chúa*, kể về Janie Crawford, một người phụ nữ da đen nghèo khó sống ở các bang miền Nam vào đầu thế kỷ 20. Câu chuyện kết thúc khi cô trở lại Eatonville, Florida – thành phố đáng tự hào của nước Mỹ, là thành phố đầu tiên chỉ toàn người da đen – nơi chính Hurston đã lớn lên.

Cùng như các tác phẩm Phục hưng Harlem khác, tiểu thuyết này khác với những tác phẩm trước đó về cuộc sống của người Mỹ gốc Phi, bởi nó chân thực và thực tế hơn là tình cảm ủy mị phổ thông.

Hurston đã sử dụng sáng tạo phương ngữ của người da đen ở nông thôn miền Nam, là một điểm đáng chú ý trong tác phẩm. Tiểu thuyết này cũng tập trung vào cuộc hôn nhân của Janie với ba người chồng đã thống trị cuộc đời cô, hạ thấp địa vị của cô, và cô đã chống lại cả ba người.

Mắt họ đang nhìn Chúa là một tiếng nói từ sớm đã lên tiếng thách thức các vấn đề cốt yếu, vẫn còn âm vang và hết sức xác đáng ở thời hiện đại – đặc biệt là phân biệt chủng tộc, sự nghèo khó và bất bình đẳng giới. ■

Xem thêm: *Chuyện đời Frederick Douglass* 126–27 ▪ *Người vô hình* 259 ▪ *Yêu dấu* 306–09



NGƯỜI CHẾT LUÔN NẶNG HƠN TRÁI TIM TÀN VỠ

GIẤC NGỦ DÀI (1939), RAYMOND CHANDLER

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Truyện trinh thám đen

TRƯỚC ĐÓ

1930 *Chim ưng Malta* của tác giả Mỹ Dashiell Hammett giới thiệu thám tử Sam Spade, người có nền tảng đạo đức mạnh mẽ, là nguồn cảm hứng cho nhân vật Philip Marlowe của Chandler.

1934 *Người đưa thu luôn nhấn chuông hai lần*, tác phẩm của nhà văn Mỹ James M. Cain, gây tai tiếng vì tình dục và bạo lực tàn bạo.

SAU ĐÓ

1943 Một tiểu thuyết khác của Cain, *Gặp đôi mức bồi thường*, đề cập đến chủ đề femme fatale (nữ nhân tai họa) mưu tính giết chồng mình, với động cơ chiếm đoạt tiền bảo hiểm nhân thọ.

1953 *Lời từ già kéo dài* của nhà văn Chandler phân nào mang tính tự truyện, với nam chính Marlowe cùng hai nhân vật nghiện rượu: nhà văn Roger Wade và Terry Lennox.

Truyện trinh thám đen mang chủ nghĩa hiện thực, tình dục, bạo lực và các cuộc đối thoại nhanh, đòi thường vào thể loại tiểu thuyết tội phạm. Thể loại này bắt nguồn dưới hình thức truyện ngắn, đặc biệt là những truyện được đăng trên các tạp chí truyện tạp nổi tiếng những năm 1920 đến 1940, mà đi đầu là *Black Mask*. Tiền bối lưng lầy nhất của Raymond Chandler là Dashiell Hammett, với tác phẩm trinh thám đen đầu tiên *Mùa gặt đỏ* ra mắt trước *Giấc ngủ dài* của Chandler một thập kỷ, ban đầu được đăng nhiều kỳ trên *Black Mask*.

Một thám tử trong truyện trình

thám đen, dù thông minh, nhưng vẫn là kiểu người hành động. Vì phải chiến đấu với tội phạm có tổ chức và cảnh sát tham nhũng, anh ta bị lôi kéo vào những vụ bạo lực. Súng đạn là một trong những mối nguy anh ta phải đối mặt, mà trong những tình huống nhất định, anh ta cần mang theo và đôi khi là sử dụng súng. Những trải nghiệm ấy tôi luyện lòng hoài nghi trong anh – từ đó tạo nên cách gọi “hard-boiled” (cứng rắn) của thể loại này trong tiếng Anh. Đồng thời, anh ta có những nguyên tắc của mình. Philip Marlowe, vị thám tử trong *Giấc ngủ dài* của Chandler, yêu cầu một phụ nữ trẻ mặc quần áo

Raymond Chandler

Sinh năm 1888 ở Chicago, Illinois, Raymond Chandler được người mẹ đã ly hôn đưa đến Anh ở tuổi 12. Ông học ở Trường Dulwich College, Nam London, sau đó học luật quốc tế tại Pháp và Đức. Trở về Mỹ năm 1912, ông sống ở California, làm nghề căng dây vợt tennis và một số công việc khác. Sau khi Thế chiến I nổ ra, ông gia nhập Quân đội Canada và phục vụ tại Pháp. Năm 1924, ông kết hôn với Cissy Pascal, một phụ nữ hơn ông 18 tuổi. Ông bắt đầu viết một cách

ngghiêm túc sau khi mất việc tại công ty dầu khí trong cuộc Đại khủng hoảng. Tạp chí *Black Mask* đăng tải câu chuyện đầu tiên được xuất bản của ông vào năm 1933. Tiểu thuyết đầu tiên ông viết là *Giấc ngủ dài*; sau đó là sáu tiểu thuyết khác. Năm 1959, ông trở thành chủ tịch Hội Nhà văn Trinh thám Mỹ, trước khi qua đời một năm sau đó.

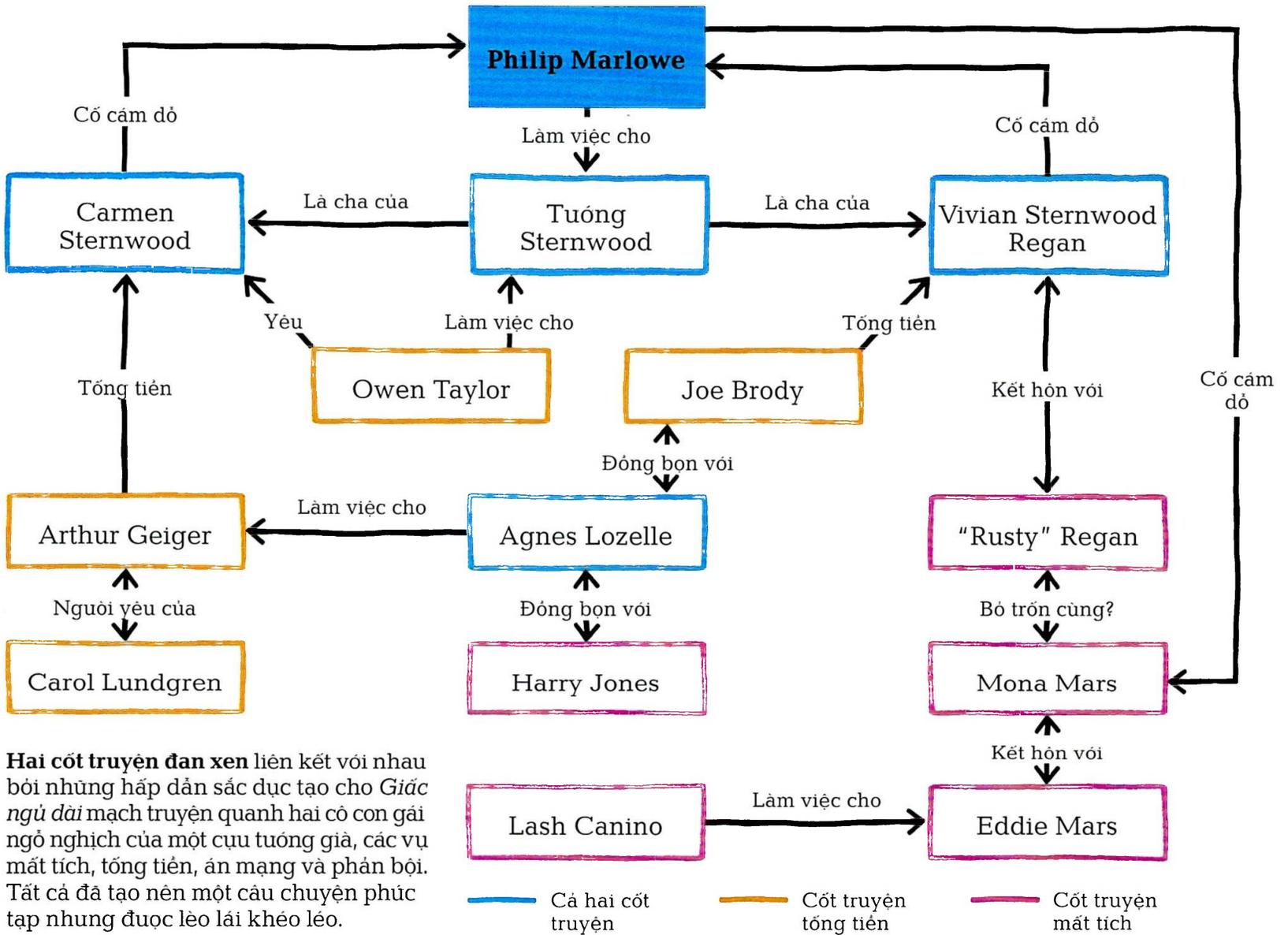
Tác phẩm chính khác

1940 *Già biệt em yêu*

1949 *Cò em gái*

1953 *Lời từ già kéo dài*

Xem thêm: Nhà Lạnh 146-49 ▪ Viên kim cương Moonstone 198-99 ▪ Con chó của dòng họ Baskerville 208 ▪ Bộ ba New York 336



vào sau khi từ chối lời mời gọi của cô, rồi anh nhìn xuống bàn cờ và thấy rằng mình đã đi nhầm quân mã. "Quân mã," anh nói, "không có ý nghĩa gì trong trò chơi này." Thật ra là có: vì mọi lỗi lầm của mình, Marlowe là một quân mã tân thời, giữa các ông vua bà hoàng tội phạm với bất tốt của họ. Anh trung thành với thân chủ, ghét kẻ dối trá, gian lận và côn đồ, chiến đấu chống lại chúng bằng trí tuệ và lòng dũng cảm.

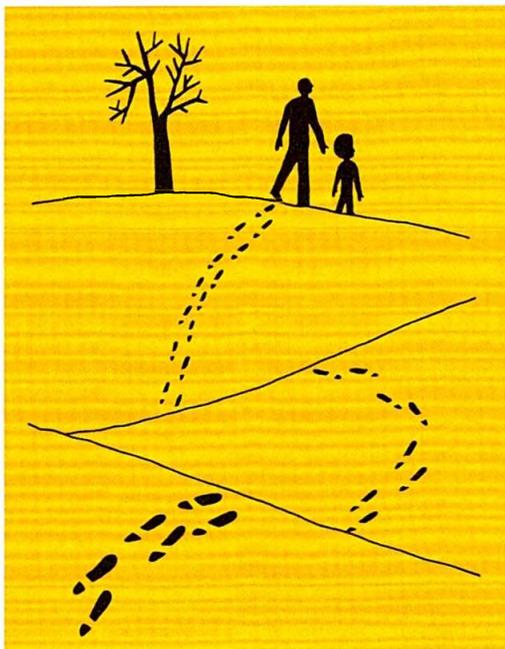
Những thủ pháp mới trong truyện giật gân

Một phần thành tựu của Chandler là

đã áp dụng sự tinh tế của văn học vào các chủ đề trong truyện giật gân. *Giấc ngủ dài* do Marlowe kể ở ngôi thứ nhất, với ngôn ngữ đậm chất đời thường – không chỉ trong lời thoại mà còn cả phần dẫn chuyện. Nhưng lời văn có độ chính xác như một viên ngọc quý, với những câu ngắn gọn, được trau chuốt đẹp đẽ. Có các lối so sánh phóng đại một cách thú vị và di dóm, chẳng hạn như những cánh của "mà cả đoàn voi Ấn Độ đi qua cùng vừa", nhưng không quá lố.

Tác phẩm có cốt truyện chặt chẽ và các tình huống nối tiếp nhau mượt mà tự nhiên. Đến hai phần ba

truyện, Marlowe đã phá giải được bí ẩn cho thân chủ của mình; nhưng trong phần còn lại của cuốn sách, anh tiếp tục tìm hiểu các đầu mối còn dang dở, và tự đặt mình vào tình thế nguy hiểm hơn để khám phá tội ác của kẻ phản diện. Suốt câu chuyện, Marlowe luôn đi trước mọi người một bước và cùng như quân mã, anh ta có thể đánh bại kẻ thù bằng những nước đi bất ngờ. *Giấc ngủ dài* trong tên truyện là cái chết, và là chủ đề để lại hậu vị chua cay, mà Marlowe, đã cho thấy sự tự thấu hiểu vượt xa Sherlock Holmes, tự coi mình là "một phần của cái ác". ■



THẬT HUYỀN BÍ LÀM SAO, CÁI XỨ SỞ CỦA NƯỚC MẮT

**HOÀNG TỬ BÉ (1943),
ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY**

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Những nhà văn lưu vong

TRƯỚC ĐÓ

1932 Nhà văn Áo gốc Do Thái Joseph Roth viết *Hành khúc Radetzky* kể về sự suy tàn của Áo-Hung, một năm trước khi ông rời Đức đến Paris. Ông sống lưu vong suốt phần đời còn lại.

1939 vở kịch phản chiến *Me Can Đám và bảy con* được Bertolt Brecht viết vài năm sau khi ông chạy trốn khỏi sự khủng bố của Đức Quốc xã.

1941 Tiểu thuyết ngắn *Kỳ thú* của tác giả Áo Stefan Zweig lên án sự tàn bạo của Đế chế Thứ ba, được xuất bản ngay trước khi ông tự sát trong thời gian lưu vong ở Brazil.

SAU ĐÓ

1952 Paul Celan, người sống sót trong thảm họa diệt chủng Holocaust, đã viết tập thơ *Hoa anh túc và ký ức* khi đang định cư tại Paris, sau những trải nghiệm chiến tranh khủng khiếp nơi quê nhà miền Trung Âu của ông.

Nhiều nhà văn đã bị buộc rời khỏi quê hương trước và trong Thế chiến II, vì vậy các tác phẩm họ sáng tác lúc lưu vong luôn phủ sắc âm đạm, nỗi tiếc và bi thương, chẳng hạn như các tác phẩm của những Joseph Roth, Bertolt Brecht, Stefan Zweig, và Paul Celan. Cùng nằm trong số các nhà văn lưu vong này là Antoine de Saint-Exupéry, người đã viết *Hoàng tử bé* ở New York, sau khi rời Pháp do nước này bị Đức Quốc xã chiếm.

Nhu nhiều tác phẩm vĩ đại khác trong thời đại này, *Hoàng tử bé* không hoàn toàn là tiểu thuyết "chiến tranh", nhưng nó được định hình trong bối cảnh chính trị và xã hội của một cuộc chiến. Người ta

đọc cuốn sách của Saint-Exupéry theo nhiều cách khác nhau: như một chuyện ngụ ngôn thường thức về đạo đức và triết học; như một câu chuyện cổ tích cho trẻ con; như một quyển tự truyện được viết lại theo hướng kỳ ảo; và như một tấm gương phản chiếu thời đại. Những diễn giải này cũng là mẫu số chung khi phân tích các tác phẩm văn học lưu vong khác – những bài ca ai oán về sự lạc lối trong cuộc sống.

Trạng thái thất lạc

Được viết ra khi tác giả đang lưu vong, không có gì lạ khi nhân vật trong tiểu thuyết cùng tên của Saint-Exupéry là một cậu bé ngoài hành tinh rơi xuống Trái Đất, nơi sa mạc Sahara với quang cảnh huyền bí. Người kể chuyện, một phi công bị rơi máy bay, đã gặp cậu bé ở đó.

Cảm giác bị bỏ rơi, lang bạt, thoát ly và bất ổn là những đặc trưng trong câu chuyện của *Hoàng tử bé*, dù bé ngoài là một truyện thiếu nhi đơn giản. Nhưng cũng như các tác phẩm hay cùng thể loại, câu chuyện này dành cho cả già lẫn trẻ. Từ văn học thiếu nhi kinh điển, Saint-Exupéry rút ra ý niệm rằng thời thơ ấu là một giai đoạn chuyển tiếp, khi sự khác biệt chiếm ưu thế. Theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, hoàng tử là một người ngoài hành tinh lang thang trên Trái Đất – một đứa trẻ lạc lõng

“

Đây là bí mật của tôi, rất đơn giản: người ta chỉ nhìn rõ bằng trái tim. Cái cốt yếu thì vô hình trước mắt.

Hoàng tử bé

”

Xem thêm: *Mẹ Can Đam và bảy con* 244–45 ▪ *Hoa anh túc và ký ức* 258

▪ *Một ngày trong đời Ivan Denisovich* 289

trong thế giới của người lớn. Là một nhân vật trong truyện, người ngoài hành tinh ấy mang cái chất khác lạ, được tác giả hòa quyện với triết lý đạo đức để tôn vinh sự khác biệt và đặt nghi vấn về thế giới của người lớn, cái thế giới đã đưa đến chiến tranh, và trong trường hợp của tác giả Saint-Exupéry, là cảnh ly hương. Như hành trình lớn khôn đau đớn của một đứa trẻ nơi cõi vô định của tuổi trưởng thành, lưu vong là quá trình mất mát và nhìn nhận lại vị thế bản thân trên thế gian này.

Chấp nhận sự khác biệt

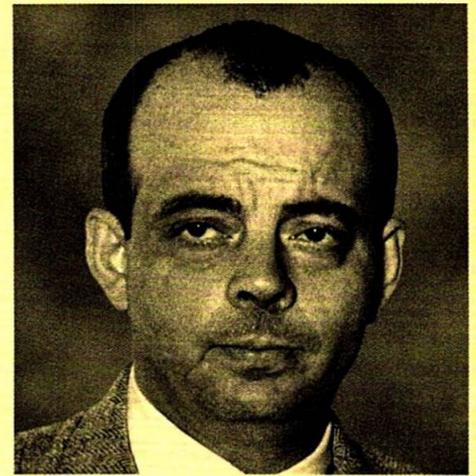
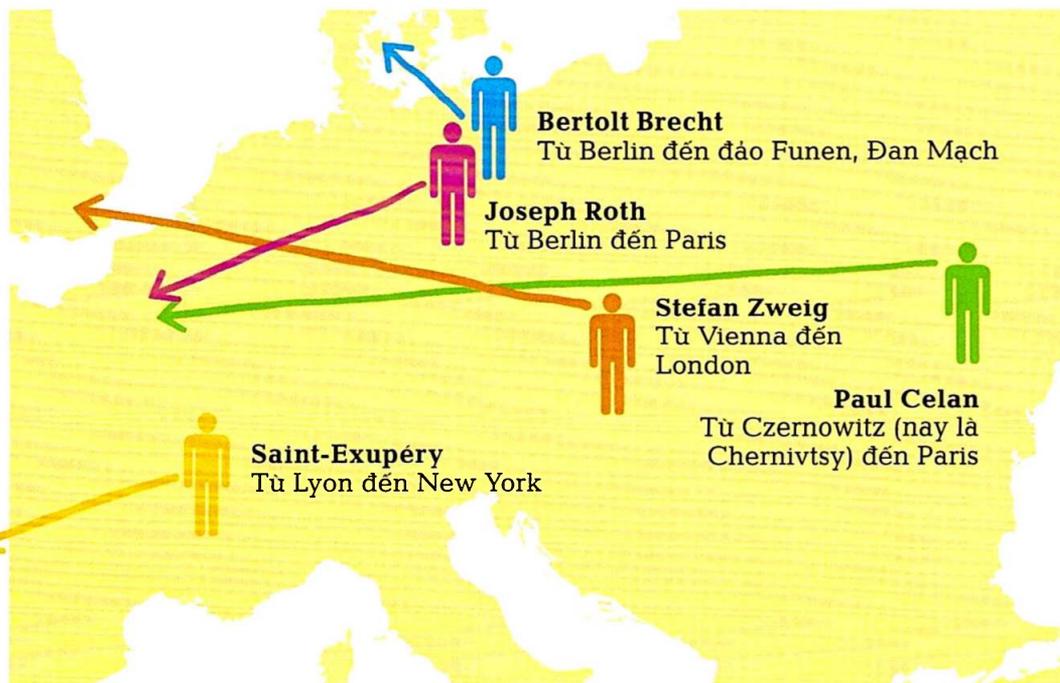
Cùng với sự tán dương mà cuốn tiểu thuyết dành cho chất khác lạ của hoàng tử bé, sự lạ lùng của thế giới người lớn có thể được xem như một sự lên án chính trị. Những cây bao bắp phá hoại hành tinh quê nhà của hoàng tử bé được hiểu như ám chỉ về tính "bệnh hoạn" của chủ nghĩa

Quốc xã lúc bấy giờ và bản chất hung hãn của nó khi tràn khắp châu Âu, phá hủy tất cả trên đường đi, bao gồm cả nước Pháp yêu dấu của tác giả.

Người kể chuyện đã cảnh báo về "những hạt giống kinh khủng trên hành tinh của hoàng tử bé... Mà một cây bao bắp, nếu nhu ta xử trí muộn màng ... rề nó sẽ xói đục hành tinh". Ngược lại, tiểu thuyết đã đặt vào triết lý nhân văn chủ nghĩa về lý trí, lòng trắc ẩn, và việc tôn trọng sự khác biệt để chống lại thảm họa lan rộng này. Cậu bé ngoài hành tinh đã khuyên tất cả chúng ta rằng "con mắt vốn mù lòa. Phải nhìn bằng trái tim."

Hoàng tử bé là áng văn bất hủ, luôn hợp thời, đào sâu vào giá trị cuộc sống con người. Như các nhà văn lưu vong khác, Saint-Exupéry tìm hiểu về mất mát và đổi thay trong bối cảnh biến động và lạc lõng, từ đó khơi dậy lòng tử tế đối với người khác và lòng khoan dung với sự khác biệt. ■

Sự trôi dạt của Đức Quốc xã đã làm xuất hiện một thế hệ nhà văn tị nạn, những người mà quê hương họ đã trở thành thù địch do chính trị (Brecht theo Mác xít đến Đan Mạch), chủ nghĩa bài Do Thái (Roth đến Paris, Zweig đến London) và chiến tranh (Saint-Exupéry rời khỏi đất nước bị chiếm đóng, trong khi tù binh chiến tranh Celan chọn lưu vong sau cuộc chiến).



Antoine de Saint-Exupéry

Sinh năm 1900 trong một gia đình quý tộc Pháp, Antoine de Saint-Exupéry lớn lên trong sự nuôi dạy nghiêm khắc, ở một tòa lâu đài gần Lyon. Trong thời gian phục vụ quân đội, ông đã trở thành một phi công.

Trước Thế chiến II, ông là một trong những phi công thương mại tiên phong vận chuyển bưu phẩm bằng máy bay ở châu Âu, Nam Mỹ và châu Phi. Khi chiến tranh nổ ra, ông gia nhập Không quân Pháp và thực hiện các chuyến bay trinh sát đến năm 1940. Trong thời gian này, ông viết nhiều tác phẩm nổi tiếng, riêng *Hoàng tử bé* được viết lúc ông và vợ, bà Consuelo Suncin, lưu vong sau khi Pháp bại trận và phải đình chiến với Đức.

Danh dự bị bôi nhọ và chán nản với cuộc hôn nhân đầy sóng gió, Saint-Exupéry đã bay chuyến cuối cùng vào năm 1944 qua Địa Trung Hải, nơi người ta cho rằng ông đã bị bắn hạ. Sau khi ông mất, danh tiếng của ông được phục hồi, ông được xem như một trong những người hùng của văn học Pháp.

Tác phẩm chính khác

1926 *Người phi công*

1931 *Bay đêm*

1944 *Thư gửi một con tin*

ĐỌC THÊM

TIẾNG GỌI CỦA HOANG DÃ (1903), JACK LONDON

Kiệt tác của nhà văn Mỹ Jack London (1876–1916) *Tiếng gọi của hoang dã* là câu chuyện sống còn cảm động nổi tiếng và táo bạo, lấy bối cảnh trong cơn sốt vàng Klondike những năm 1890 ở Alaska. Nhân vật chính của truyện là một chú chó đã được thuần hóa, lai giữa hai giống chó Saint Bernard và Collie, đến từ một trang trại ở bang California nhưng sau đó phải bắt đầu làm việc như chó kéo xe ở vùng Alaska xa xôi. Nó phải cam chịu sự hành hạ của các chủ nhân và xung đột với một con chó đối địch trước khi trở về làm chó hoang. Bằng việc rũ bỏ sự thuần hóa và quay lại với bản năng nguyên thủy, nó đã trở thành con đầu đàn của bầy sói hoang.

“

Tất cả chúng đều man rợ,
chúng không tuân theo luật lệ
nào ngoài luật của dùi và nanh.

Tiếng gọi của hoang dã
Jack London

”

NOSTROMO (1904), JOSEPH CONRAD

Tiểu thuyết gia gốc Ba Lan Conrad (xem tr.197) làm thủy thủ suốt 20 năm, nhận quốc tịch Anh năm 1886 và sáng tác bằng tiếng Anh. *Nostromo*, tựa phụ là “Chuyện về

miền duyên hải”, là bài phân tích về chính trị, cách mạng và tham nhũng tại một nước cộng hòa hu cấu ở Nam Mỹ, đồng thời cũng là một khảo sát quan yếu về chủ nghĩa tu bản toàn cầu hậu thực dân. Kết hợp với những chủ đề này là một câu chuyện phiêu lưu lán theo số phận của nhân vật chính cùng tên, một con người nguyên tắc. Đây là tác phẩm đầy tinh mô ám, sự phản bội cùng nhu giác ngộ. Phần lớn câu chuyện, ngay cả cao trào, đều được truyền tải bằng những hình tượng.

ETHAN FROME (1911), EDITH WHARTON

Ethan Frome, tác phẩm nổi tiếng nhất của tác giả Mỹ Edith Wharton (1862–1937), được kể lại bởi một vị khách ghé qua một thị trấn ở New England và thích thú trước một cu dân tên Ethan Frome – một nông dân nhàm chán và khắc khổ. Chuyển từ người thú nhất sang hình tượng mờ rộng của người thú ba, tiểu thuyết kể câu chuyện sâu bi về mối tình thâm của Frome dành cho cô em họ của vợ mình, dẫn đến kết cục bi thảm là một cuộc “ấu đả” vào 24 năm trước. Các chủ đề về ái tình, cảm xúc bị cấm đoán, sự phản nộ và thất vọng đã được phóng đại, đối nghịch hoàn toàn với quang cảnh quê mùa khắc khổ xung quanh.

CHẾT Ở VENICE (1912), THOMAS MANN

Chết ở Venice, tiểu thuyết nổi tiếng nhất của nhà văn Đức đoạt giải Nobel Văn học Thomas Mann (xem tr.227), kể về một tác giả nổi tiếng đang bị cạn dòng ý tưởng, đi nghỉ ngắn

hạn tại thành phố ở Italy như trong tựa đề, nơi tâm trí ông bị ám ảnh bởi một cậu bé 14 tuổi. Bệnh dịch tả được phát hiện và khuyến cáo sức khỏe được ban hành, tạo nên bầu không khí chết chóc ở đây. Cuốn sách là suy ngẫm mang tính Freud về cả tác động tha hóa của tình yêu đồng giới bị đè nén giữa các thế hệ, và cả nỗi thương tâm sâu sắc của sự lão hóa.

CON TRAI VÀ NGƯỜI TÌNH (1913), D. H. LAWRENCE

Là khám phá một phần mang tính tự truyện về một gia đình thuộc tầng lớp lao động cùng các mối quan hệ tình cảm, *Con trai và người tình* được xem là tác phẩm xuất sắc nhất của Lawrence. Lấy bối cảnh vùng khai thác mỏ nơi Lawrence lớn lên, cuốn sách kể về Paul Morel – một chàng nghệ sĩ chớm nở – người có mối quan hệ tình ái với cô bạn gái sùng đạo và một phụ nữ đã kết hôn, tuy nhiên cả hai người đều lu mờ trước mẹ của Paul – người có mối ràng buộc gắn gũi đến bức bối với anh. Bố của Paul là kẻ bạo lực và vô học, làm căng thẳng trong gia đình càng dữ dội. Cuốn sách là bức chân dung vô cảm về thời thơ ấu, tuổi thiếu thời, sự xung đột giữa các thế hệ, cùng sự chiếm hữu và nỗi đau buồn trong gia đình, tất cả được đặt trong bối cảnh xã hội với góc quan sát cố kết của tác giả. Cuộc sống không viên mãn của người mẹ và căn bệnh hiểm nghèo cuối cùng được khắc họa thương tâm.

ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT (1913–1927), MARCEL PROUST

Đi tìm thời gian đã mất là kiệt tác của nhà văn Pháp Marcel Proust

D. H. Lawrence

Sinh năm 1885, David Herbert Lawrence là con trai của một thợ khai thác than và là người đầu tiên ở làng mình (Nottinghamshire, Anh) đoạt học bổng vào trường trung học địa phương. Lời hứa khi xưa đã đưa đẩy ông học đại học và theo nghề dạy học, nhưng tài văn của ông – truyện đầu tay được xuất bản năm 1907 – đã thuyết phục ông bỏ dạy vào năm 1912. Cùng năm đó, ông cùng người vợ quý tộc Frieda Weekley cao chạy xa bay sang Đức. Nổi bật với chất hiện thực chủ nghĩa sống động và bột phát, tác phẩm của Lawrence đã lật đổ các chuẩn mực văn hóa, tính dục và xã hội thịnh hành, khiến sách ông bị kiểm duyệt và làm danh tiếng ông khi mất vào năm 1930 ít nhiều hoen ố.

Tác phẩm chính

1913 *Con trai và người tình*

(xem bên trái)

1915 *Cầu vồng*

1920 *Người đàn bà đang yêu*

(1871–1922) và được xuất bản thành bảy tập trong hơn 15 năm. Ở cảnh mở đầu rất nổi tiếng, hương vị của một chiếc bánh con sò đã gọi lại toàn bộ ký ức về thời niên thiếu của người kể chuyện ở ngôi thứ nhất. Thú văn xuôi thu thả, giàu tính phân tích để khắc họa chi tiết đời sống nội tâm của bản thân ông và các nhân vật trong tác phẩm, bao gồm ái tình và sự ghen tuông, tình yêu đồng giới, tham vọng nghệ thuật, và các giá trị tốt và xấu đa dạng. Trải nghiệm của tác giả khi sống ở Paris vào thời chiến được khắc họa sống động, đồng thời các sắc thái xã hội thời gian này cũng được ghi lại tinh tế. Cuối cùng, người kể chuyện nhận thức được rằng vẻ đẹp của quá khứ vẫn tồn tại trong ký ức – thời gian đã được tìm lại. Sau đó, ông bắt đầu

viết câu chuyện đời mình. Bên cạnh đó, yếu tố tự truyện cũng là điểm thu hút của tác phẩm này.

CHÂN DUNG CHÀNG NGHỆ SĨ (1916), JAMES JOYCE

Chân dung chàng nghệ sĩ là tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Ireland James Joyce (xem tr.216), khắc họa những năm đầu của nhân vật mà về sau sẽ trở lại trong kiệt tác *Ulysses* của Joyce xuất bản năm 1922. Nhân vật Stephen Dedalus nổi dậy chống lại các quy tắc của quê hương Ireland và Công giáo, đồng thời bắt đầu mài giũa lại số phận chính mình và trở thành một nhà văn ở Paris. Cuốn sách sử dụng lối viết “dòng ý thức” nhu một cách báo trước về chiều kích những tác phẩm sau này của tác giả.

VÔ TÌNH (1917), YI KWANG-SU

Vô tình là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Hàn Quốc được sáng tác bởi nhà báo–nhà hoạt động chính trị độc lập Hàn Quốc Yi Kwang-su (1892–1950). Nó kể câu chuyện về một cậu giáo viên tiếng Anh ở Seoul, đứng giữa hai người phụ nữ trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng: một người theo chủ nghĩa truyền thống và là *kisaeng* (geisha), người còn lại chuộng các giá trị Tây phương tự do. Sự khó xử của nhân vật chính được sử dụng để làm những căng thẳng xã hội ở Hàn Quốc thêm kịch tính, tuy nhiên cuốn sách cũng khám phá sự thúc tỉnh của ham muốn cá nhân cùng nhu những mơ hồ về văn hóa.

SIDDHARTHA (1922), HERMANN HESSE

Cực kỳ phổ biến vào những năm 1960 do sự khám phá về tâm linh

phương Đông, *Siddhartha* của nhà văn Thụy Sĩ Hesse (1877–1962) mô tả đời sống tinh thần của một người trí thức trẻ ở Ấn Độ cổ đại. Tiêu đề được viết bằng tiếng Phạn, ý nghĩa là “người tất đạt”. Nhân vật chính khước từ gia nhập vào trật tự mới được Đức Phật tạo ra để tự đi tìm chính mình. Tuy bị trời buộc bởi sự giàu có và ham muốn tình ái, nhưng cuối cùng chàng cũng có được trí tuệ và tình yêu với nhận thức về sự viên mãn của thế giới. Cuốn sách đã hợp nhất các suy niệm tâm linh với quan niệm phân tâm học và triết học.

ĐƯỜNG ĐẾN ẤN ĐỘ (1924), E. M. FORSTER

Tác giả Anh E. M. Forster (1879–1970) viết *Đường đến Ấn Độ* giữa sự sôi nổi của những phong trào giành độc lập trong thời kỳ người Anh cai trị Ấn Độ. Sự kiện trung tâm của tác phẩm là khi một bác sĩ Hồi giáo trẻ người Ấn Độ bị cáo buộc mô ám tội tấn công một phụ nữ Anh vốn có quan hệ tốt với anh ta trước đó, vì hành động không đúng đắn khi đến một quán thể hang động. Vụ án làm khó vị bác sĩ dẫn đến một phiên tòa, phơi bày những căng thẳng giữa nước thực dân và thuộc địa. Forster đặt nghi vấn cho các nguyên tắc

“

Ồ Anh, Mặt Trăng dường như đã chết và xa lạ, ở đây cô ấy bị kẹt trong chiếc khăn choàng đêm cùng với Trái Đất và tất cả các ngôi sao khác.

Đường đến Ấn Độ

E. M. Forster

”

co bản của chủ nghĩa đế quốc Anh trong quá trình phá vỡ các ảo tưởng mỹ miều của những người bị dụ dỗ bởi bộ máy cai trị Ấn Độ thuộc Anh. Ông cũng cho thấy sự thiệt thòi của phụ nữ trong một môi trường nơi mà tình bạn của nam giới rất bền chặt và họ hỗ trợ lẫn nhau.

VỤ ÁN (1925), FRANZ KAFKA

Được viết bằng tiếng Đức vào khoảng 1914–15, *Vụ án* là tiểu thuyết hoàn chỉnh nhất trong số ba tiểu thuyết dang dở của nhà văn Séc gốc Do Thái Franz Kafka (xem tr.211). Việc nhân vật Joseph K. bị chính quyền bắt và truy tố mà không rõ tội trạng có thể hiểu như một phép ẩn dụ điển hình cho sự xa lánh của xã hội hiện đại và tác động vô nhân đạo của guồng máy quan liêu cứng nhắc và tinh vi tại các quốc gia toàn trị. Lý giải sau đó của Kafka đã khiến ông trở thành một tác giả tiên tri, dự đoán trước được về chủ nghĩa phát xít và Quốc xã.

“

Hắn ai đấy đã vu khống Joseph K., nên buổi sáng nọ anh bị bắt, dù chẳng làm gì sai.

Vụ án
Franz Kafka

”

BÀ DALLOWAY (1925), VIRGINIA WOOLF

Bà Dalloway, được Woolf viết khi bà đang ở đỉnh cao danh tiếng, lột tả

một cách chân thực về tâm trí của một người phụ nữ tốt bụng suốt một ngày cô ở London. Những nghi ngại của nhân vật Clarissa Dalloway đều hướng đến bữa tiệc mà cô ấy sẽ tổ chức vào tối hôm đó, nhưng đồng thời cũng quay ngược thời gian để nhớ về thời tuổi trẻ và trải nghiệm hôn nhân của cô với một người đàn ông đáng tin cậy nhưng khó chiều. Một nhân vật quan trọng khác là người linh bị chấn thương tâm lý, ông đã dành thời gian ở công viên với người vợ người Italy của mình trước khi bản thân đưa ra một quyết định bi thảm. Xét về thủ pháp, tiểu thuyết đã được hoàn thiện một cách rất độc đáo bởi lối chuyển đổi giữa lời nói trực tiếp và gián tiếp, cũng như sự tung hứng giữa lời kể toàn tri, dòng ý thức và lời độc thoại nội tâm.

BỌN LÀM BẠC GIẢ (1925), ANDRÉ GIDE

Được xem như là tiên thân của hình thức *nouveau roman* (tiểu thuyết mới) những năm 1950, *Bọn làm bạc giả* của tác giả Pháp Gide (1869–1951) đã sánh những đồng vàng giả với sự chân thành của cảm xúc và quan hệ con người. Với lối kể truyện trong truyện, cuốn sách trở nên phức tạp bởi nhiều cốt truyện và góc nhìn nhằm cố gắng hướng tới một hình thức văn chương của trường phái Lập thể – phong cách nghệ thuật loại bỏ quan niệm đơn quan điểm. Xoay quanh các chàng trai Paris cuối thế kỷ 19, một trong những chủ đề là khả năng đạt được sự vẹn tròn trong quan hệ đồng giới.

DOÑA BARBARA (1929), RÓMULO GALLEGOS

Rómulo Gallegos (1884–1969) viết *Doña Barbara* hai thập kỷ trước khi ông trở thành tổng thống được bầu cử dân chủ đầu tiên của quê nhà

Virginia Woolf

Đứng đầu “Hội Bloomsbury” gồm các học giả và nghệ sĩ có sức ảnh hưởng, Woolf sinh năm 1882 tại London. Bà bắt đầu viết khi còn là thiếu nữ và tiểu thuyết đầu tay của bà, *Du hành ra ngoài*, ra đời năm 1915. Bà hạnh phúc kết hôn vào năm 1912, nhưng còn được biết đến qua mối tình đồng giới với người làm vườn tài giỏi Vita Sackville-West. Woolf sớm xác lập vai trò nhà văn và học giả hàng đầu, đưa tiểu thuyết theo một hướng mới – vào nội tâm. Tuy nhiên, bà có xu hướng trầm cảm và hay thay đổi tâm trạng. Nữ nhà văn trầm mình tự tử gần thị trấn Lewes, Sussex, vào năm 1941 ở tuổi 59. Nhiều nhà tu tưởng nữ quyền kể từ khi bà qua đời đã tôn kính bà như một nguồn cảm hứng.

Tác phẩm chính

1925 *Bà Dalloway* (xem bên trái)
1927 *Đến ngọn hải đăng*
1931 *Những đợt sóng*

Venezuela. Tiểu thuyết lấy tựa theo tên nhân vật nữ lời cuốn của nó – người có sức hút bí ẩn đối với nam giới, và xem xét sự căng thẳng giữa các chiều kích nguyên thủy và văn minh, cũng như giữa hai giới. Lấy bối cảnh thảo nguyên Llanos – nơi chân thả gia súc, câu chuyện được kể bằng phương ngữ đầy sức gọi, bên cạnh đó tác phẩm cũng nêu ra những yếu tố hiện thực huyền diệu báo trước phong cách của nhà văn Gabriel García Márquez.

ÂM THANH VÀ CUỒNG NỘ (1929), WILLIAM FAULKNER

Tiểu thuyết đầy tham vọng và bí ẩn bao gồm bốn viên cảnh đối lập, *Âm thanh và cuồng nộ* là một kiệt

tác của nhà văn đoạt giải Nobel Faulkner, bậc thầy biên niên sử của miền Nam nước Mỹ. Với bối cảnh ở Jefferson, Mississippi, phần đầu tiên là một câu chuyện rời rạc qua lời kể của Benjy, một người đàn ông 33 tuổi, tâm thần chậm phát triển. Phần thứ hai được thuật lại bởi anh trai của anh ta, anh sinh viên Harvard đã tự tử 18 năm trước; phần thứ ba là do người em trai cũng đầu của Benjy kể lại và phần cuối cùng được thuật lại bởi một trong những người hầu nữ da đen của gia đình anh ta. Thế nghiệm dòng ý thức và thay đổi thời gian triệt để, Faulkner tạo ra một trò chơi ghép hình phức tạp của trí tưởng tượng và sự hiểu thấu, đồng thời ông cũng viết với một sự thấu suốt vô song về chủng tộc, nỗi đau, bất ổn trong gia đình và sự suy đồi của các giá trị miền Nam cũ.

NGƯỜI KHÔNG PHẨM CHẤT (1930, 1933, 1943), ROBERT MUSIL

Vẫn còn dang dở và được viết thành ba tập (tập thứ ba được xuất bản sau khi tác giả mất) nhưng *Người không phẩm chất* vẫn là một tác phẩm để đời và là kiệt tác của tiểu thuyết gia Áo Musil (1880–1942). Tránh việc chỉ chú tâm vào tình tiết truyện, Musil thể hiện một tầm nhìn xã hội phức tạp và phơi bày các giá trị hiện đại cũng như sự điên rồ của nền chính trị. Lấy bối cảnh buổi đầu của Đế quốc Áo-Hung, vốn bị chế nhạo, mĩa mai nặng nề, câu chuyện cứ trôi đi, ôm trọn nhiều nhân vật trong hơn 1.000 trang của nó: một người hầu da đen, một vị quý tộc, một tên sát nhân giết hại một cô gái điếm, và một người anh hùng đóng vai trò một nhà bình luận ngoài cuộc bàn về một xã hội đang sụp đổ.

THẾ GIỚI MỚI TƯƠI ĐẸP (1932), ALDOUS HUXLEY

Với tiêu đề mĩa mai xuất phát từ

một câu thoại trong vở *Giông tố* của Shakespeare, *Thế giới mới tươi đẹp* của nhà văn Anh Aldous Huxley (1894–1963) khắc họa viễn cảnh về một tương lai phản địa đàng, lấy bối cảnh ở London khoảng năm 2540 với một nhà nước toàn trị chế ngự quyền tự do cá nhân và quyền được biểu đạt. Công nghệ di truyền và tẩy não được dùng như các công cụ kiểm soát, các loại thuốc giải trí ("soma") và dịch vụ tình dục được cung cấp miễn phí. Xã hội tiêu dùng đang cực thịnh ("ngừng sử dụng tốt hơn là đem sửa"), trong khi các giá trị tinh thần đã bị thu hẹp và biến mất. Ngay cả các tiếng gọi "mẹ" và "cha" cũng bị cấm. Với tinh thần nổi loạn, nhân vật John Hoang đại đã tự mình chống lại hệ thống này và chiến đấu với các vị Kiểm soát viên Thế giới. Cuốn sách được tôn kính bởi những giá trị tiên đoán cũng như quan điểm đạo đức và lối viết sống động của nó.

HÀNH TRÌNH ĐẾN TẬN CÙNG ĐÊM TỐI (1932), LOUIS-FERDINAND CÉLINE

Mang tính thể nghiệm triệt để về phong cách và lối viết, *Hành trình đến tận cùng đêm tối* là tiểu thuyết tự truyện được viết bởi nhà văn

Pháp – Tiến sĩ Louis-Ferdinand Auguste Destouches (1894–1961) – dưới bút danh Céline, cũng là tên bà của ông. Đặc trưng là sự rủa xả của thể loại hài đen, không khí bi quan u tối và thậm chí chán ghét đời. Câu chuyện theo chân hành trình của nhân vật chính Ferdinand Bardonee vào đầu Thế chiến I, bắt đầu từ Pháp qua châu Phi thuộc địa rồi đến Mỹ và trở về Paris. Tập trung vào sự ngu ngốc của con người, Céline dường như đã thách thức mọi thứ chỉ để nói về chiến tranh, đế quốc và các giai cấp thống trị.

CHÍ TUYẾN CỤ GIẢI (1934), HENRY MILLER

Bị cấm vì nội dung khiêu dâm rõ ràng và gây sốc, *Chí tuyến Cụ Giải* là tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Mỹ Miller (1891–1980). Là một kiệt tác bán tự truyện trải dài và không có cốt truyện, nó mô tả cuộc sống và tình yêu từ các thái cực của đời sống ở Paris năm 1930. Việc xuất bản quyền sách này ở Mỹ và Anh đã bị trì hoãn đến khi luật kiểm duyệt được dỡ bỏ vào thập niên 1960. Cuốn sách đã truyền cảm hứng cho làn sóng những nhà văn mới, chẳng hạn như "thế hệ Beat"

William Faulkner

Nhà văn Mỹ đoạt giải Nobel, Faulkner, là người kể lại lịch sử miền Nam Hoa Kỳ. Ông sinh năm 1897 ở New Albany, Mississippi. Năm 1902, gia đình ông chuyển đến Oxford, Mississippi, nơi cha ông là quản lý doanh nghiệp của một trường đại học. Faulkner sẽ ở đây phần lớn đời mình, và Hạt Lafayette xung quanh chính là nguồn cảm hứng để ông hư cấu Yoknapatawpha, bối cảnh cho hầu hết các tiểu thuyết của ông. Ông bắt đầu với việc viết thơ, mãi đến năm 1925, mới viết tiểu thuyết. Ông

còn được đào tạo ở Canada với tư cách là phi công Lục lượng Không quân Hoàng gia. Sách của Faulkner thường mô tả sự suy tàn của các tầng lớp trên của xã hội, đề cập đến các chủ đề gây tranh cãi như chế độ nô lệ; tuy nhiên ông cũng viết về những tầng lớp thấp hơn. Ông mất năm 1962 ở tuổi 64.

Tác phẩm chính

1929 *Âm thanh và cuồng nộ*

(xem tr.242)

1930 *Khi tôi nằm chết*

1931 *13 truyện này* (truyện ngắn)

1936 *Absalom, Absalom!*

CUỐN SÁCH CỦA NỖI BĂN KHOẢN (VIẾT KH.1913–1935, XUẤT BẢN 1982), FERNANDO PESSOA

Được tác giả Bồ Đào Nha Pessoa (1888–1935) mô tả là "cuốn tự truyện phi thực tế", *Cuốn sách của nỗi băn khoăn* chỉ được xuất bản 47 năm sau khi ông mất. Kiệt tác Hiện đại chủ nghĩa này là một bức tranh khám từ các mảnh ghép linh động, biến ảo và đang dở kết hợp quan điểm về sự tự mặc khải với ảo tưởng và phương châm của phê bình văn học và triết học. Pessoa đã lọc lại tác phẩm của mình bằng cách sử dụng các từ đồng dạng – nhân cách tác giả được sáng tạo – và cuốn sách rất độc đáo này mang đến cái nhìn hấp dẫn về cả một quá trình. Dù chủ yếu nghiên cứu về sự cô đơn và tuyệt vọng nhưng câu chuyện lại có sức sáng tạo tuyệt vời khiến nó trở nên vô cùng lôi cuốn.

CỦA CHUỘT VÀ NGƯỜI (1937), JOHN STEINBECK

Của chuột và người, cuốn sách nổi tiếng nhất của Steinbeck và được ca ngợi rộng rãi tại thời điểm

John Steinbeck

Nhà văn đoạt giải Nobel John Steinbeck đã khám phá trong truyện hư cấu mối quan hệ giữa con người và xứ sở. Sinh năm 1902 tại Salinas, California, nhưng hầu hết các truyện của ông đều lấy bối cảnh ở các vùng miền trung và miền nam của tiểu bang và ông cũng là con trai của một thủ quỹ thu viện. Ông học ngành tiếng Anh tại Đại học Stanford nhưng rời trường vào năm 1925 mà không có bằng cấp. Ông gặt hái được những thành công đầu tiên với tư cách nhà văn từ đầu thập niên 1930, và vào năm 1940, ông đoạt giải

phát hành, lấy bối cảnh vào những năm 1930 ở California thời kỳ Đại khủng hoảng. Truyện kể về hai nông dân di cư ít học hằng mong có một mảnh đất cho riêng mình để canh tác. Một sự cố liên quan đến con gái của người chủ sở hữu trang trại đã đẩy câu chuyện vào bi kịch. Các chủ đề của Steinbeck bao gồm sự khó nhọc trong cảnh túng thiếu, mong ước tuyệt vọng của chúng ta về sự thoải mái khi cô đơn và cách thức lòng tu lợi có thể trào dâng mạnh mẽ ở cả kẻ yếu lẫn kẻ mạnh.

BUỒN NÔN (1938), JEAN-PAUL SARTRE

Buồn nôn, tác phẩm lớn thuộc chủ nghĩa hiện sinh, là tiểu thuyết đầu tay của triết gia Pháp Jean-Paul Sartre (1905–80), người sau này đã được trao giải Nobel năm 1964 nhưng từ chối nhận. Tại một thị trấn bên bờ biển, một nhà sử học hướng nội bị thu hút bởi ý tưởng rằng các quyền tự do trí tuệ và tinh thần của ông bị giới hạn bởi các đối tượng và tình huống xảy đến với ông. Hậu quả là cảm giác buồn nôn, sau đó chuyển thành cơn giận dữ và cảm ghét bản thân sâu sắc, làm giảm sút sự sáng suốt của ông. Sự gia bất

Pulitzer cho tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ*. Ngoài viết lách, Steinbeck còn là phóng viên chiến trường, đưa tin về Thế chiến II năm 1943 và Chiến tranh Việt Nam năm 1967. Năm 1944, ông về lại California và tập trung vào các chủ đề địa phương trong truyện của mình. Ông mất vào năm 1968 tại New York, nơi ông sống vào lúc đó, ở tuổi 66.

Tác phẩm chính

1937 *Của chuột và người*
(xem bên trên)
1939 *Chùm nho phần nộ*
(xem bên trên)
1952 *Phía đông Vườn Địa đàng*

đầu cảm thấy rằng các mối quan hệ đều vô ích vì cuộc tranh đấu để hiểu rõ thế giới chỉ có thể được tiến hành trong chính ông ta. Cuối cùng, nhân vật chính coi sự lãnh đạm của thực tế đối với cuộc sống của ông ta chính là sự giải phóng, vì giờ đây ông ta có thể tự do tạo ra phiên bản đầy ý nghĩa của riêng mình, với tất cả trách nhiệm mà nó mang lại.

CHÙM NHO PHẦN NỘ (1939), JOHN STEINBECK

Như Cửa chuột và người (xem bên trái), kiệt tác *Chùm nho phần nộ* của Steinbeck lấy bối cảnh cuộc Đại khủng hoảng những năm 1930. Nó tập trung vào gia đình Joad nghèo khó nơi miền cát bụi hoang hóa của Oklahoma, họ đã lái chiếc xe hơi nhưng được chuyển đổi thành xe tải dọc theo Con Đường 66 đến California để lập cư. Giống như nhiều người di dân kinh tế khác, họ chạy trốn hạn hán, truất hữu và các khoản nợ chưa trả. Tiểu thuyết mạnh mẽ này truyền tải sự kiên cường của tinh thần con người dưới áp lực thông qua văn xuôi thơ mộng và tính cách nhân vật sắc sảo, công khai việc bóc lột người lao động nhập cư ở Mỹ trong những năm 1930 và thu hút sự chú ý đến sự nghiệp cải thiện xã hội. Gia đình Joad vốn không hoàn hảo, nhưng họ dần thể hiện ra được khả năng thấu cảm của mình: cảnh cuối cùng (cảnh gây tranh cãi vào thời điểm xuất bản cuốn sách), được đặc trưng bởi hành động đầy lòng trắc ẩn của cô con gái lớn trong gia đình, Rose of Sharon.

MẸ CAN ĐẢM VÀ BẦY CON (1941), BERTOLT BRECHT

Là vở kịch phản chiến quan trọng, *Mẹ Can Đảm và bầy con* lấy bối cảnh thời Chiến tranh Ba mươi năm (1618–48), dù các phân nhánh của cùng thời với tác giả Bertolt Brecht

(1898–1956) – nhà thơ, đạo diễn nhà hát và kịch tác gia Đức. Bằng cách trình bày nhân vật trung tâm, Mẹ Can Đám, không có tình cảm, Brecht tập trung sự chú ý của khán giả vào các vấn đề và chủ đề rộng lớn, không khuyến khích nhân vật có bất kỳ đặc điểm nhận dạng nào. Vô kịch thể hiện “hiệu quả lạ hóa” đặc trưng của ông, thu hút sự chú ý vào nghệ thuật sân khấu thông qua chú thích biểu ngữ, ánh sáng rực rỡ và các hiệu ứng khác.

KẺ XA LẠ (1942), ALBERT CAMUS

Tác giả, nhà báo và triết gia Pháp Albert Camus (1913–60) phủ nhận *Kẻ xa lạ* là một tiểu thuyết “hiện sinh”, mặc dù cốt truyện của nó bị bão hòa trong chất ám đăm đặc trưng của triết lý này. Trong cuốn sách, một người Algeria thuộc Pháp đã tro tro trước đám tang của mẹ mình, sau đó còn không thương tiếc bắn chết một người Ả Rập mà trước đó anh chưa hề gặp. Bị kết án và cầm tù nhưng anh ta vẫn tỏ ra thờ ơ với sự nghèo khổ của mình. Tuy nhiên, một sự việc bất ngờ đã đánh thức nhận thức về bản thân của anh ta. Câu chuyện được kể từ quan điểm của anh ta và là điển hình của văn học “phi lý”, tập trung vào nỗ lực của chúng ta để tìm kiếm những ý nghĩa không tồn tại.

“

Hôm nay mẹ tôi chết.
Có lẽ là hôm qua,
tôi không biết nữa.

Kẻ xa lạ
Albert Camus

”

SUỐI NGUỒN (1943), AYN RAND

Là một nghiên cứu về chiến thắng của góc nhìn nghệ thuật cá nhân khi phải đối mặt với áp lực tuân thủ truyền thống, *Suối nguồn* của tác giả Mỹ gốc Nga Ayn Rand (1905–82) kể về chuyện của một kiến trúc sư hiện đại, dựa trên nhân vật có thật là Frank Lloyd Wright. Tiểu thuyết kết hợp chủ nghĩa cá nhân đạo đức không khoan nhượng (trong chủ đề) với chủ nghĩa hiện thực lãng mạn (trong hướng giải quyết). Mất hơn bảy năm để hoàn thành, tác phẩm đã trở thành một tiếng kêu gọi tập hợp những triết lý khách quan cánh hữu, một phong trào do chính Rand sáng lập – dựa trên lý trí, tự do, tài năng và thành tích cá nhân.

FICCIONES (1944), JORGE LUIS BORGES

Là tập truyện ngắn đầy mê hoặc, *Ficciones* thể hiện khả năng của Borges trong việc lôi cuốn người đọc vào những ảo tưởng phức tạp, kỳ ảo của mình với những câu chuyện mê hoặc như truyện cổ tích. Mười bảy truyện được viết theo lối hoa mỹ được kiểm soát tốt, những câu văn xuôi rõ ràng rành mạch, trong khi giọng điệu đặc trưng là một trong những lo âu siêu hình sâu sắc. Câu chuyện đầu tiên xoay quanh một mục tử điển bách khoa về một quốc gia không thể định vị được. Những câu chuyện khác kể về việc xem xét một cuốn sách không tồn tại mà trong quá trình đưa nó ra đời, một xã hội cổ đại được cai trị ngẫu nhiên, Thu viện Babel vô tận và một người có trí nhớ hoàn hảo. Một số biểu tượng nhất định đã được sử dụng trong cuốn sách, đặc biệt là gương và mê cung, sau đó chúng đã trở thành thương hiệu của Borges.

Jorge Luis Borges

Nhà văn Argentina Borges, nổi tiếng với những truyện trí tuệ hấp dẫn của mình, là tên tuổi lớn của văn học tiếng Tây Ban Nha. Sinh năm 1899 ở thủ đô Buenos Aires, khi còn là một thiếu niên, ông đã cùng gia đình đi du lịch châu Âu đồng thời học tiếng Pháp và tiếng Đức ở thành phố Geneva. Sau đó, ông trở về Argentina vào năm 1921. Đến năm 1955, ông trở thành giám đốc của thư viện quốc gia và giáo sư văn học Anh ở Buenos Aires. Tuy bị mù ở tuổi 55 ông chưa bao giờ học chữ nổi Braille, đây có thể là một yếu tố sống động mang tính biểu tượng của ông. Ngoài tiểu thuyết, ông còn viết thơ và tiểu luận. Ông mất năm 1986 ở Geneva.

Tác phẩm chính

1935 *Lịch sử văn vật về sự tai tiếng*
1944 *Ficciones* (xem bên trái)
1967 *Sách về những sinh vật tưởng tượng*

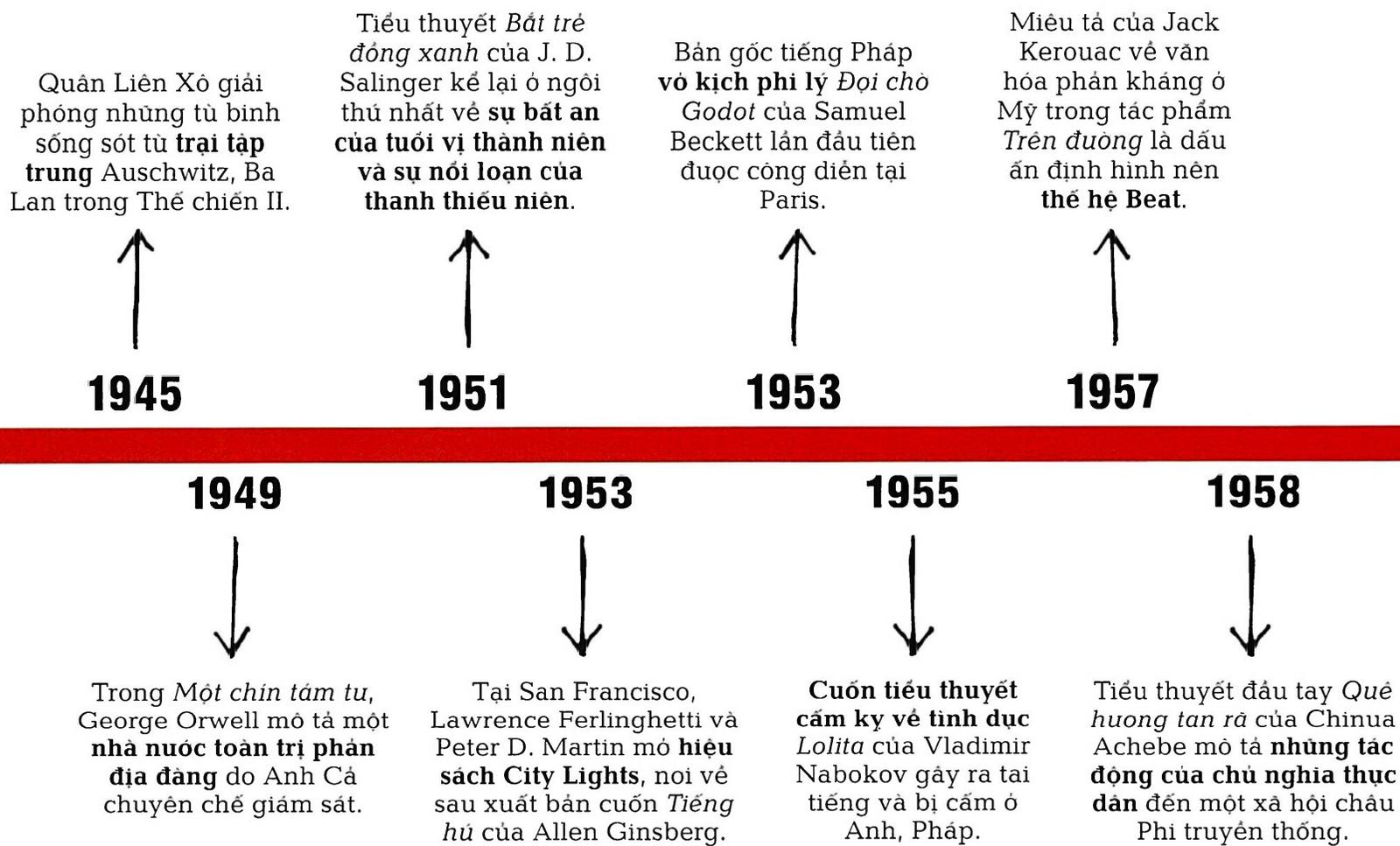
TRẠI SÚC VẬT (1945), GEORGE ORWELL

Trại súc vật chúng ta truyện ngụ ngôn trào phúng cũng có sức nặng như chủ nghĩa hiện thực trong việc tiết lộ những tệ nạn của chế độ toàn trị. Tác giả Anh Orwell (xem tr.252) đã dùng một câu chuyện về những con vật biết nói để kịch tính hóa nền chính trị sau Cách mạng và thời kỳ Stalin. Người chủ trại bị đuổi đánh trong một cuộc đảo chính được dàn dựng bởi những con lợn – Napoleon và Snowball. Chủ nghĩa duy tâm ban đầu trở thành con mồi cho sự yếu đuối của “con người”, và thời đạo đức giả bắt đầu xuất hiện. Giải trí nhưng vẫn lạnh lùng, đây là một trong những cuốn sách chính trị có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 20.

VĂN HỌC HẬU CHIẾN

1945–1970





Năm 1945, hầu hết thế giới quay cuồng sau ba thập kỷ hỗn loạn: hai cuộc thế chiến đầy biến động, Đại khủng hoảng toàn cầu gây chia rẽ. Trong khoảng thời gian lạc quan ngắn ngủi này, nhiều người đã cố gắng hiểu được nguyên nhân của sự suy vi và xây dựng lại một thế giới tốt đẹp hơn. Nhưng khi các đế chế và thế lực cũ suy yếu, những đế chế và thế lực mới xuất hiện, dẫn đến "xung đột văn hóa" giữa khối phương Tây và khối phương Đông. Những thập kỷ sau đó bị bao trùm bởi cuộc Chiến tranh Lạnh và nguy cơ chiến tranh hạt nhân chực chờ.

Hậu quả của Thế chiến II

Văn học hậu chiến không tránh khỏi ảnh hưởng của những trải nghiệm chiến tranh. Các nhà văn Do Thái, đặc biệt là những người sống sót sau thảm họa Holocaust

nhu nhà thơ Paul Celan, đã nỗ lực vượt qua nỗi kinh hoàng của các trại tù thân. Các tác giả Đức, như Günter Grass, thể hiện di sản đầy ó nhục của chủ nghĩa Quốc xã. Ở Nhật Bản, một thế hệ các nhà văn suy xét những biến chuyển xã hội và chính trị sau vụ tấn công hạt nhân vào Hiroshima.

Những tác động tiêu cực cũng được nhận thấy ở các quốc gia thắng trận. Tại Anh, George Orwell, cũng từng là cựu binh tham gia Nội chiến Tây Ban Nha, cho rằng sự thất bại của chủ nghĩa Quốc xã vẫn chưa loại bỏ được mối đe dọa từ chủ nghĩa toàn trị. Trong *Trại súc vật* và *Một chín tám tư*, ông đã miêu tả những xã hội phân địa đàng châm biếm đen tối nước Nga Xô viết của Stalin, thể hiện tâm trạng bi quan trong Chiến tranh Lạnh. Tâm trạng này cũng được cảm nhận rõ nét ở Pháp, nơi trải

những chiến tranh và mối đe dọa hiện hữu của bom hạt nhân biểu hiện qua chủ nghĩa hu vô chủ không phải chủ nghĩa hoài nghi. Thay vì cố gắng đi tìm ý nghĩa nào đấy của cuộc sống, các nhà văn như Samuel Beckett, người Ireland sống ở Paris, đã chỉ ra sự phi lý của cuộc sống bằng chất khôi hài nghiệt ngã trong vô kịch *Đội chờ Godot*. Ngoài "kịch phi lý", có thể tìm thấy thể loại hài đen trong các tiểu thuyết Mỹ như *Bảy-22* của Joseph Heller.

Những tiếng nói mới

Bầu không khí bất an thời hậu chiến cũng khơi nguồn cho các kỹ thuật viết Hậu Hiện đại mới mẻ, phản ánh sự bất ổn của giai đoạn này: các câu chuyện có thể trái khoáy, rời rạc hoặc kể không theo trình tự thời gian, thường là từ nhiều góc độ hoặc từ người dẫn chuyện không đáng tin.

Trong *Cái trống thiếc* của Günter Grass, câu chuyện mô ra từ hồi ký của Oskar Matzerath, **được viết trong viện tâm thần.**



1959

Khi Hoa Kỳ ngày càng dẫn sâu vào cuộc xung đột ở Việt Nam, Joseph Heller đã hoàn thành *Bảy-22*, cuốn **tiểu thuyết châm biếm đen tối về Thế chiến II.**



1961

Martin Luther King, Jr. **nói lên sự bất công về chủng tộc qua bài phát biểu "Tôi có một giấc mơ"** ở Nhà tưởng niệm Lincoln tại Washington, D.C.



1963

Máu lạnh, tiểu thuyết tội phạm có thật của Truman Capote, kể chi tiết về **vụ giết hại gia đình Clutter năm 1959** ở Kansas.



1966

1960



Trong *Giết con chim nhại*, Harper Lee kể về **cuộc sống ở một thị trấn nhỏ miền Thâm Nam nước Mỹ** qua đôi mắt của một đứa trẻ.

1962



Khủng hoảng tên lửa Cuba, **cuộc đối đầu 13 ngày giữa Mỹ và Liên Xô** vào tháng 10, 1962 do việc triển khai tên lửa đạn đạo ở Cuba, đưa thế giới đến bờ vực chiến tranh hạt nhân.

1963



Tác phẩm phân tiểu thuyết *Lò cò* của Julio Cortázar có **Bảng hướng dẫn** về các trình tự đọc khác nhau của 155 chương sách.

1967



Gabriel García Márquez kể lại lịch sử của **nhà Buendía, một gia tộc Colombia không có thật** trong *Trăm năm cô đơn*.

Được các nhà văn châu Âu như Jean-Paul Sartre và Günter Grass phát triển, những kỹ thuật này trở thành nguồn cảm hứng cho thế hệ tác giả Nam Mỹ mới đang tạo lập một phong cách riêng. Trong số họ có Julio Cortázar, với tác phẩm thể nghiệm "phân tiểu thuyết" *Lò cò*, đã phá bỏ nhiều quy ước văn học, và Gabriel García Márquez, người đã phổ biến phong cách mang tên chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, lấy cảm hứng từ những truyện ngắn siêu thực của tác giả người Argentina Jorge Luis Borges.

Các phong trào văn học mới cũng nổi lên ở những nơi khác, khi nhiều quốc gia – đặc biệt là ở châu Phi – thoát khỏi sự kiểm soát của thực dân châu Âu để giành được độc lập dân tộc. Đứng đầu trong số này là Nigeria, nơi Chinua Achebe đóng góp tiếng nói bản địa vào một dân tộc

đang tái thiết đất nước mình. Ở Mỹ cũng vậy, các nhà văn tiếp tục khẳng định bản sắc riêng. Khi phong trào dân quyền có đà phát triển trong những năm 1950 và 1960, các tác giả Mỹ gốc Phi như Ralph Ellison đã mô tả cách người da đen bị gạt ra ngoài lề xã hội, trong khi *Giết con chim nhại* của Harper Lee nhìn nhận chủng tộc từ quan điểm của một người vùng Thâm Nam nước Mỹ. Mọi vấn đề xã hội trở thành chủ đề cho trường phái Báo chí Mới pha trộn giữa thực tế và hư cấu, do Truman Capote, bạn của Lee, đi đầu.

Văn hóa giới trẻ

Có lẽ biểu hiện mãnh liệt nhất của văn hóa hậu chiến đến cùng thế hệ trẻ, và đáng chú ý nhất là ở Mỹ. Văn hóa người trẻ chống đối nguyên tắc nổi lên như cách phản ứng lại thế hệ cũ đã lôi họ vào hai

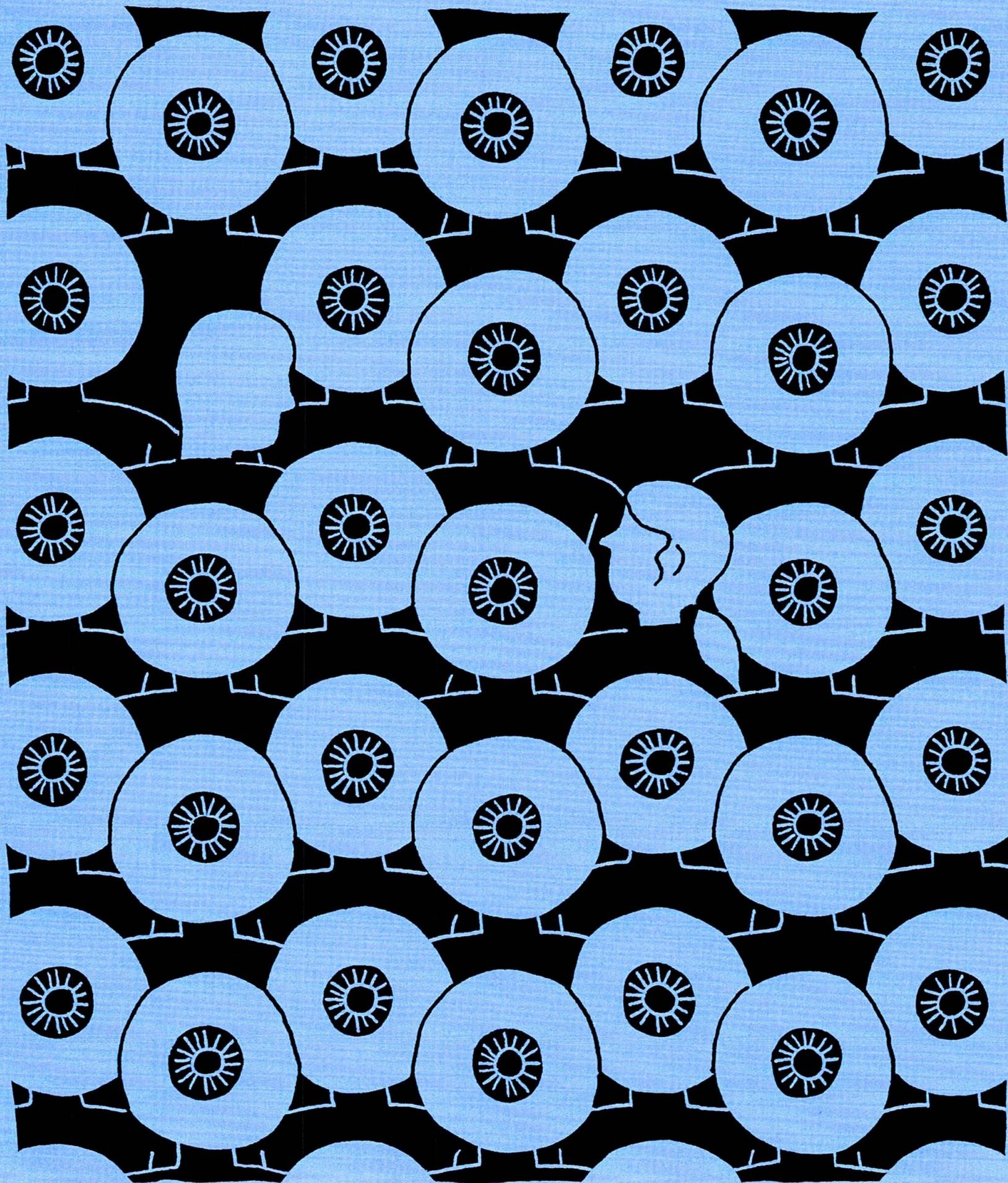
cuộc thế chiến và vẫn tiếp tục gây hấn khi can thiệp quân sự ở Triều Tiên và Việt Nam. Những người trẻ này cũng phản ứng lại các bất ổn trong Chiến tranh Lạnh và mối đe dọa hạt nhân bằng những bất đồng mang tinh chất của chủ nghĩa khoái lạc. J. D. Salinger là một trong những người đầu tiên mô tả nỗi bất an và nổi loạn của tuổi thiếu niên, sau đó là các nhà văn thuộc thế hệ Beat, với tác phẩm lấy cảm hứng từ sự tự do của nhạc jazz hiện đại và sự xác xược của nhạc rock 'n' roll. Các tác phẩm thể nghiệm của Jack Kerouac, Allen Ginsberg và William S. Burroughs đã đột phá giới hạn, không chỉ về hình thức mà còn về nội dung: chất liệu dục tính đôi khi quá rõ ràng dẫn đến các động thái pháp lý và lệnh cấm sách ở một số nơi, mãi đến những năm 1960 thì người ta mới có thái độ thoải mái hơn. ■

ANH CẢ ĐANG DỐI THEO

BẠN



MỘT CHÍN TÁM TƯ' (1949),
GEORGE ORWELL



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Phản địa đàng

TRƯỚC ĐÓ

1516 *Utopia* của nhà nhân văn chủ nghĩa Sir Thomas More lần đầu hình dung về xã hội không tưởng và hình thái đối lập với nó – xã hội phản địa đàng.

1924 *Chúng tôi* của nhà văn Nga Yevgeny Zamyatin mô tả Quốc Gia Thống Nhất, nơi mọi người đều sống vì tập thể.

1932 Trong *Thế giới mới tươi đẹp* của nhà văn Anh Aldous Huxley, tính cá nhân bị đàn áp.

SAU ĐÓ

1953 Trong *451 độ F* của tiểu thuyết gia Mỹ Ray Bradbury, sách bị cấm và thiêu hủy.

1962 *Vuôn máy* của tiểu thuyết gia Anh Anthony Burgess phác họa một thế giới đầy bạo tàn.

1985 *Chuyện người tùy nữ* của nhà văn Canada Margaret Atwood lấy bối cảnh nước Mỹ dưới sự điều hành của chế độ Kitô giáo toàn trị.

Văn học phản địa đàng (dystopia) là thể loại khác họa viễn cảnh u ám về một xã hội đối lập với utopia (một thế giới lý tưởng, hoàn hảo). Kể từ khi *Utopia* của Thomas More xuất hiện vào năm 1516, xã hội phản địa đàng đã được một loạt các nhà văn khai dậy trong suốt nhiều thế kỷ nhằm tập trung vào các chủ đề nhu chế độ độc tài, nghèo đói, tra tấn, áp bức dân chúng và kiểm soát tu tưởng người dân.

Các tác giả sử dụng những thế giới phản địa đàng này để khám phá những mối quan tâm trọng yếu của loài người, tạo ra nhiều viễn cảnh về những hậu quả có thể xảy ra khi các biến cố xảy đến không được kiểm soát. Chẳng hạn, qua *Chuyện người tùy nữ* (1985) của Margaret Atwood, có thể thấy một thế giới được điều hành bởi chế độ quân phiệt, trong đó phụ nữ bị tước bỏ quyền công dân và được định giá chỉ đơn thuần qua khả năng sinh sản của họ.

Những bước ngoặt

Văn học phản địa đàng chủ yếu tập trung vào những tương lai hu cấu, và thường dựa trên nỗi sợ về những gì có thể nảy sinh từ công nghệ mới và chuyển biến xã hội. Chẳng hạn, trong thế kỷ 20, mối

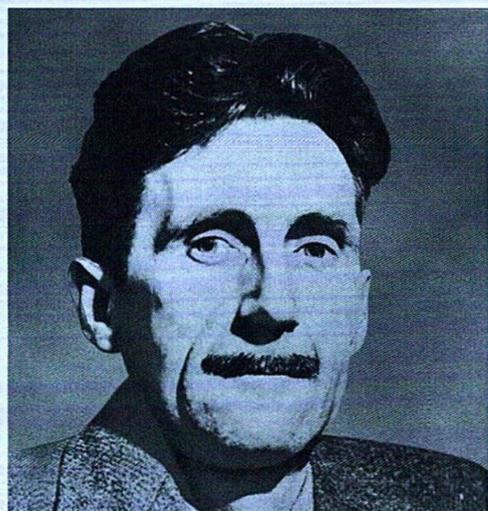
Ai làm chủ quá khứ, người đó sẽ làm chủ tương lai; ai làm chủ hiện tại, người đó sẽ làm chủ quá khứ.

Một chính tâm tư

đe dọa từ sức công phá của bom nguyên tử và kích bản bi thảm về biến đổi khí hậu đều là những nguồn tài nguyên mạnh mẽ cho các xã hội phản địa đàng.

Một chính tâm tư của George Orwell là tác phẩm phản địa đàng hiện đại nổi tiếng nhất. Nỗi sợ hãi của Orwell về sự trỗi dậy chủ nghĩa Stalin là điểm khởi đầu cho cuốn tiểu thuyết. Mặc dù Orwell tin tưởng vào một chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhưng ông lại không hề xem Liên Xô đương thời – nơi có một chính đảng cố kết toàn quyền kiểm soát – nhu một thể chế xã hội chủ nghĩa. Ông cũng chứng kiến sự tan rã của các lực lượng chống Tướng Franco trong Nội chiến Tây Ban Nha vào

George Orwell



George Orwell, tên khai sinh là Eric Arthur Blair, ra đời vào năm 1903 ở Ấn Độ với cha mẹ là người Anh. Ông đi học ở Anh trước khi trở lại phương Đông để gia nhập Cảnh sát Hoàng gia Ấn Độ tại Miến Điện. Năm 1928, ông chuyển đến Paris, sau đó trở lại London vào năm 1929 để viết *Thất cơ lộ vận ở Paris và London* (1933). Năm 1936, Orwell đến Wigan, miền bắc nước Anh, để trải nghiệm cảnh nghèo đói do cuộc Đại khủng hoảng gây ra. Cùng năm đó, ông kết hôn với Eileen O'Shaughnessy trước khi tham gia nội chiến ở Tây Ban Nha và bị bắn vào cổ họng. Orwell trở

lại Anh vào năm 1937. Năm 1941, Orwell vào làm ở đài BBC nhưng đến năm 1943 thì từ chức. Ông trở lại viết văn với *Trại súc vật* (1945), gặt hái thành công tức thì. Vợ ông đột ngột qua đời cùng năm đó. Orwell sau đó tự cô lập mình tại Jura, một hòn đảo nhỏ ở Scotland, nơi ông viết nên *Một chính tâm tư* (1949). Ông mất vì bệnh lao năm 1950 ở tuổi 46.

Tác phẩm chính

1934 *Những ngày ở Miến Điện*
1937 *Đường đến bến tàu Wigan*
1938 *Catalonia – tình yêu của tôi*

Xem thêm: *Candide* 96–97 ▪ *Gulliver du kỳ* 104 ▪ *Thế giới mới tươi đẹp* 243 ▪ 451 độ F 287 ▪ *Chùa Ruồi* 287 ▪ *Vuon máy* 289 ▪ *Cái chết của Artemio Cruz* 289–290 ▪ *Chuyện người tùy nữ* 335

năm 1936, khi những người ủng hộ Stalin tấn công chính những người được coi là đồng minh của họ.

Orwell đã vẽ ra một viễn cảnh ám đạm về sự phản bội nhu thế trong truyện vừa *Trại súc vật* (1945) của mình. Ông cũng có khuôn mẫu cho tác phẩm mới của mình: thế giới mà nhà văn Nga Yevgeny Zamyatin phác họa trong *Chúng tôi* (1924), nơi tự do cá nhân không còn tồn tại.

Một chín tám tu miêu tả một xã hội toàn trị dùng tuyên truyền để thao túng công dân của mình, đảo lộn trắng đen cốt để duy trì quyền lực chính trị. Xã hội phản địa đàng này còn u ám hơn nhiều – không còn hy vọng về một cuộc cách mạng nào như đã hứa hẹn ban đầu trong *Trại súc vật*, cuộc sống của các cá nhân giờ đây chỉ còn là những bánh răng trong một guồng máy tổng thể.

Lịch sử chấm dứt

Lời mở đầu của *Một chín tám tu* – “Đấy là một ngày tháng 4, sáng sủa, se lạnh, đồng hồ điểm 13 tiếng.” – cảnh báo người đọc thực tế rằng ngay cả bản chất cấu trúc thời gian trong ngày cũng đã thay đổi. Winston Smith, nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết, đang bước vào tòa chung cư của mình. Anh là một công dân London, thủ phủ Đòng Bay I (xưa kia là Anh), một tỉnh của Oceania – một trong ba nhà nước liên lục địa tồn tại sau một cuộc chiến nguyên tử toàn cầu. Tấm bích chương lấp đầy cả không gian bức tường bằng hình ảnh của một khuôn mặt – “một người đàn ông trạc bốn lăm, râu rậm, thô, trông hấp dẫn”, và “đôi mắt người trong tranh đang nhìn vào bạn ngay cả khi bạn di chuyển. ANH CÁ ĐANG DỐI THEO BẠN, dưới mỗi tấm bích chương đều có hàng chữ như thế”. Anh Cá là lãnh tụ của Đảng lãnh đạo Oceania.

Thế giới mà Smith sống được cai trị bởi một tầng lớp ưu tú. Quản chúng (“những người vô sản”), chiếm 85 phần trăm dân số, được kiểm soát bởi bốn bộ ngược đời: Bộ Hòa bình, giám sát chiến tranh; Bộ Tình yêu, phụ trách trị an; Bộ Âm no, cơ quan kiểm soát kinh tế, bao gồm khẩu phần cho người dân; và Bộ Sự thật, hay Minitrue, chuyên xử lý tin tức và giáo hóa quần chúng, phát động công tác tuyên truyền để kiểm soát suy nghĩ của người dân.

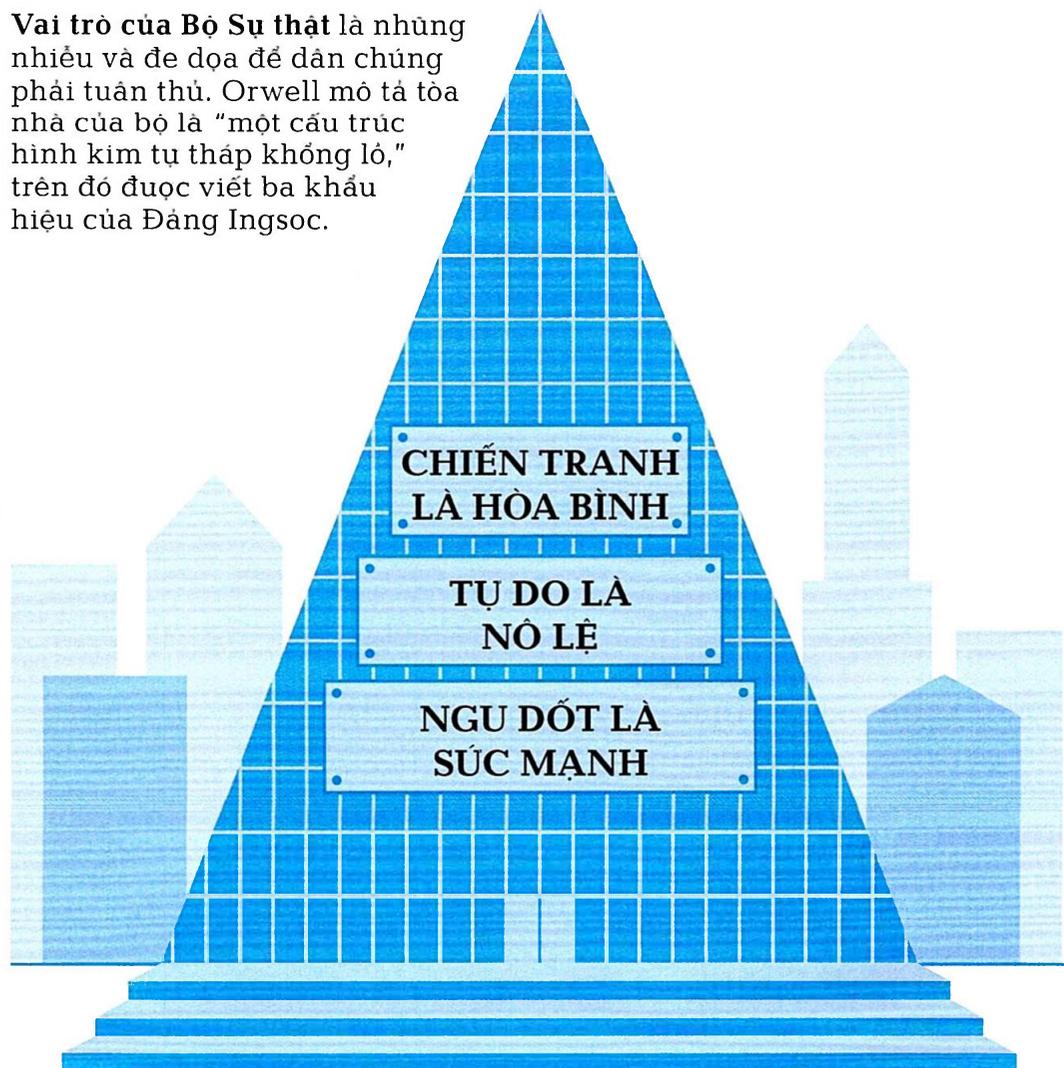
Một trong những công cụ kiểm soát quan trọng là Tân Ngữ, ngôn ngữ của Bộ Sự thật, dùng để tái tạo sự thật về quá khứ và hiện tại. Lịch sử được sửa đổi và cải biến để phù hợp với những nghị quyết

luôn thay đổi của nhà nước. Chính Winston Smith cũng làm việc trong Bộ Sự thật: biên tập lại những ghi chép lịch sử, và thiêu hủy tài liệu gốc bằng cách đưa nó vào một “hố ký ức”. Đến đây, độc giả có thể hiểu, lịch sử đã chấm dứt: “Không có gì hiện hữu ngoài một hiện tại vô tận trong đó Đảng Ingsoc luôn luôn đúng.”

Chính phủ toàn trị

Một mạng lưới các màn hình vô tuyến, máy ảnh và ống thu thanh được đưa vào hoạt động để do thám và nghe lén dân chúng: chúng được vận hành bởi Cảnh sát Tu tưởng, lực lượng giám sát việc bảo vệ Đảng Ingsoc cầm quyền.

Vai trò của Bộ Sự thật là những nhiều và đe dọa để dân chúng phải tuân thủ. Orwell mô tả tòa nhà của bộ là “một cấu trúc hình kim tự tháp khổng lồ,” trên đó được viết ba khẩu hiệu của Đảng Ingsoc.



254 MỘT CHÍN TÁM TƯ

“Tân Ngữ” là một thể biến dạng độc hại và hạn chế của tiếng Anh thường nhật (“Cổ Ngữ”), do nhà nước toàn năng bày ra. Theo thời gian, “Cổ Ngữ” sẽ được thay thế bằng Tân Ngữ – một ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, được sàng lọc để diễn đạt những ý nghĩa và đáp ứng nhu cầu tu tưởng của Ingsoc, hay Chủ nghĩa xã hội Anh. Do tu duy phụ thuộc vào ngôn từ, nhà nước đã ngăn chặn “tội phạm tu tưởng”, khiến cho những suy nghĩ cá nhân và cảm xúc bất đồng không thể tồn tại.

Duckspeak:
một hình thức nói vô thức giúp cho những điều vô vấn được thốt ra một cách đầy thuyết phục.

Goodthink:
những quan điểm được phê duyệt phù hợp với tu tưởng của Đảng Ingsoc.

Doubleplusgood:
một thứ gì đó đơn thuần tốt nhất.

Doublethink:
hệ thống suy nghĩ theo đó kiểm soát hiện tại nghĩa là tái tạo quá khứ.

Thoughtcrime:
hành động phạm tội khi có ý niệm nghi ngờ Ingsoc.

Unperson:
một người nào đó bị nhà nước xóa sổ khỏi ghi chép lịch sử.

Blackwhite:
niềm tin mù quáng, thiếu kiểm chứng bất chấp sự thật.

Bellyfeel:
sự chấp thuận theo bản năng mọi lý tưởng của Đảng Ingsoc.

Thường dân nổi dậy

Orwell đưa độc giả vào thế giới toàn trị xấu xa này trước khi tiết lộ rằng Winston Smith đang dẫn thân vào một âm mưu nổi dậy quan trọng. Bị chi phối bởi công cụ kiểm soát của Đảng Ingsoc (màn vô tuyến) trong căn hộ nhỏ bé của mình, Smith đang bắt đầu viết nên lịch sử của bản thân trong một cuốn nhật ký cũ mà anh mua được – tội dám thể hiện bản thân. Anh biết đó sẽ là một hành động không còn đường lui và hơn nữa, rằng

“anh là một bóng ma lẻ loi thốt nên sự thật, sự thật không bao giờ có người nghe”. Dầu vậy, anh ta vẫn tiếp tục viết.

Winston Smith là người hùng bình dị trong cuốn tiểu thuyết – ngay cả họ Smith cũng là một họ phổ thông nhằm ám chỉ anh là một người bình thường. Phẩm chất đó khiến hành động phản kháng của anh cực kỳ bùng nổ: nếu mỗi thường dân đều nổi dậy chống lại xã hội, một cuộc cách mạng sẽ nổ ra. Việc sử dụng một cái tên tiếng Anh thường tình tương tự việc Eric Blair chọn bút danh “George Orwell” chẳng bao lâu trước khi xuất bản cuốn sách đầu tay – *Thất cơ lơ vắn ở Paris và London* (1933), nhằm tránh làm gia đình ông mất mặt.

Một Smith bình thường lại được Orwell mô tả như một kẻ phản loạn, một người luôn tự mình bảo vệ sự thật chống lại bộ máy của Đảng Ingsoc, tạo ra một hình tượng người hùng lệch chuẩn. Anh xem Julia như một người đồng chí đồng thời cũng là người yêu của mình. Trẻ hơn Smith, Julia hiển nhiên là một nhân vật nổi tiếng của Hội Thanh niên chống Tình dục, thế nhưng

cô đã chuyển cho Smith một bức thư chi với thông điệp đơn giản “Em yêu anh”. Chính bản thân mối tình của họ đã là một hành động nổi loạn, một tội phạm về tình dục. Tuy nhiên, tình yêu bí mật của họ không thể tồn tại lâu dài, khi phải ẩn dưới vé bê ngoài quy phục Anh Cả và những luật lệ của Oceania.

Kẻ thù của nhà nước

Kẻ thù được nhà nước thừa nhận là Emmanuel Goldstein, cựu lãnh tụ của Đảng Ingsoc, người hiện đang đứng đầu một phong trào chống đối

“

Cuối cùng Đảng Ingsoc sẽ thông báo rằng hai cộng hai bằng năm, và bạn sẽ phải tin điều đó.

Một chín tám tư

”

“

Nếu anh muốn có một hình ảnh về tương lai thì hãy tưởng tượng đó là một chiếc giày ống đập lên trên một khuôn mặt người – mãi mãi.

Một chín tám tư

”

“

Anh muốn nó xảy đến với người khác. Anh không quan tâm những gì họ phải chịu đựng. Tất cả những gì anh để tâm đến chỉ là chính bản thân anh.

Một chín tám tu

”

có tên Huynh đệ. Goldstein là một nhân vật bị khinh miệt (giống như Leon Trotsky dưới thời Stalin lãnh đạo Liên Xô – cả hai thậm chí cùng có bộ râu dê), người được sử dụng để nâng cao tinh thần đoàn kết của Oceania thông qua việc thực hiện nghi thức thường nhật “Hai phút Hận thù”, trong suốt lúc đó, hình ảnh của Goldstein được lợi dụng để phát trên màn vô tuyến.

Trong một cửa hàng sách cũ, Smith mò một cuốn sách “không tên không tựa trên bìa.” Cuốn sách ấy tên là *Lý thuyết và thực tiễn chủ nghĩa tập thể chính trị đầu sỏ* của Emmanuel Goldstein. Orwell chèn toàn văn các trang từ cuốn sách này vào *Một chín tám tu* để đưa độc giả đến gần hơn với nhân vật chính nổi loạn và để tiết lộ các học thuyết chính trị và lý thuyết xã hội đã dẫn đến hiện tại. Do đó, cách viết sách trong sách này tựa như một công cụ để đàn cài một số lý giải cơ bản, vừa giải thích sự thành lập của Oceania và các siêu cường khác là Eurasia và Eastasia,

Tấm áp phích của Liên Xô mô tả Stalin như một lãnh tụ đảng kính. Xã hội phản địa đàng của Orwell được hình thành dựa trên trải nghiệm của ông ở Tây Ban Nha, nơi mà người ủng hộ Stalin đã bắt chấp giành toàn quyền kiểm soát.

trong quá trình tái cơ cấu xã hội hậu Thế chiến II, vừa phơi bày sự thật mỗi siêu cường đều có một ý thức hệ tương tự nhau dựa trên việc giữ cho người dân của họ luôn phục tùng.

Sức thuyết phục ở các đoạn trong sách của Goldstein cho thấy sức mạnh cảm dỗ của ngôn từ và ngôn ngữ. Một trong những di sản vĩ đại nhất của *Một chín tám tu* là vô số từ và cụm từ trong “Tàn Ngữ” đã đi vào tiếng Anh. Anh Cả, tội phạm tình dục, tội phạm tu tưởng và Phòng 101 chỉ là số ít các sáng tạo ngôn ngữ phổ biến nhất được tìm thấy trong tác phẩm của Orwell.

Thao túng toàn diện

Các cách thức nhà nước sử dụng để thao túng và kiểm soát công dân của mình là những chủ đề then chốt trong *Một chín tám tu*. Dưới bộ máy toàn trị, những lựa chọn và lối sống cá nhân hầu như đều phải tuân theo mệnh lệnh của một cơ quan quản lý bao trùm.

Tổ chức cầm quyền của Oceania cho thấy họ quyết tâm duy trì sự kiểm soát quyền lực bằng cách làm suy yếu các mối quan hệ cá nhân, xóa bỏ lòng tin và sự tương hỗ. Orwell chỉ ra các phương pháp tâm lý và thể chất mà nhà nước dùng để ép

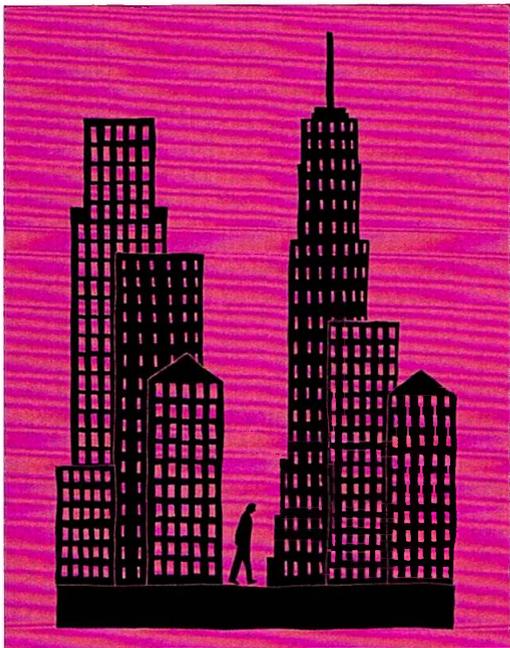
buộc một cách bí mật hoặc công khai, và cố gắng bóp chết cảm xúc đồng thời tàn phá tinh thần của một người. Như Julia nhận xét: “Ai cũng phải thú tội. Muốn tránh cũng không được.” Trải nghiệm của Winston Smith cho thấy cách guồng máy nhà nước tác động lên cá nhân, khiến người đọc không chỉ cảm nhận được nỗi đau mà còn khát vọng cháy bỏng muốn chống lại guồng máy ấy bằng mọi cách có thể.

Một thông điệp hiện đại

Ban đầu, *Một chín tám tu* được đón nhận nhiệt liệt nhờ vào viễn cảnh u ám độc đáo. Kể từ đó, tác phẩm đã vươn ra toàn cầu, được dịch sang khoảng 65 ngôn ngữ, và thu nạp thêm một lượng khán giả mới nhờ vào phiên bản điện ảnh đình đám phát hành năm 1984 do Michael Radford làm đạo diễn và John Hurt thủ vai Winston Smith.

Mối quan tâm trọng yếu ở cốt lõi của xã hội phản địa đàng được mô tả trong *Một chín tám tu* là sự nguy hiểm khi cho phép những kẻ cai trị chúng ta có quyền kiểm soát quá mức. Trong một kỷ nguyên toàn cầu hóa hiện đại cho phép giám sát đại trà, cảnh báo của Orwell càng gây tiếng vang hơn bao giờ hết. ■





BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Buổi đầu thời niên thiếu

TRƯỚC ĐÓ

1774 *Nỗi đau của chàng Werther* của văn hào Đức Johann Wolfgang von Goethe kể về những đam mê của một chàng nghệ sĩ đa cảm.

1821 Nhà thơ Anh John Keats qua đời ở tuổi 25. Những bài thơ đầu tay của ông được đánh giá là "chưa trưởng thành".

1916 Nhà văn Ireland James Joyce xuất bản *Chân dung chàng nghệ sĩ*, tiểu thuyết thành niên về sự nổi loạn và thái độ chống Công giáo.

SAU ĐÓ

1963 Nhà văn Mỹ Sylvia Plath xuất bản *Quả chuông ác mộng*, câu chuyện thành niên với bước ngoặt bất ngờ – nhân vật chính trẻ tuổi chìm vào điên loạn.

1982 Trong *Lúa mạch kẹp giăm bông* của tác giả người Mỹ Charles Bukowski, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất nhớ lại thời niên thiếu của anh ta.

TÔI ĐÃ MƯỜI BẢY TUỔI, VÀ THỈNH THOẢNG TÔI CƯ XỬ NHƯ THỂ MƯỜI BA

BẮT TRẺ ĐỒNG XANH (1951), J. D. SALINGER

Nhiều tác giả, từ Johann Wolfgang von Goethe và John Keats đến James Joyce và F. Scott Fitzgerald, đã tìm tòi về sự chệnh vênh của tuổi mới lớn rất lâu trước khi khái niệm "teenager" (thiếu niên – người trong độ tuổi 13–19) ra đời ở Mỹ vào thập niên 1950. Tuy nhiên, với gu âm nhạc phóng túng mới mẻ và xu hướng đi tìm cảm giác mạnh, thiếu niên đại diện cho thách thức dành cho một xã hội và văn hóa bảo thủ, để rồi bị chối bỏ vì quan ngại: người lớn thời đó coi thế hệ này là những kẻ hoang đàng và lạc lối. Thiếu niên đáp trả bằng cách lên án thói đạo đức giả, coi mình đứng ngoài thế giới vô tâm; và đây chính là địa hạt nội dung tác phẩm của Salinger.



Tôi là kẻ nói dối xuất sắc nhất
mà bạn từng thấy trong đời.
Tệ thật.

Bắt trẻ đồng xanh



Bắt trẻ đồng xanh được kể lại qua lời cậu trai 17 tuổi Holden Caulfield. Cậu tiêu hoang tiền bạc của cha mẹ, liên tục bình phẩm về thân phận con người, tình dục, và đạo đức. Cậu ít bận tâm đến uy quyền và đường như chẳng thiết gì đến đường hướng tự hủy hoại của đời mình.

Sự bất mãn của tuổi vị thành niên

Nhưng Holden Caulfield không chỉ là một cậu thiếu niên nổi loạn. Cậu thẳng thắn thừa nhận sự dối trá, bất toàn và mâu thuẫn, cho thấy một con người hoang mang khao khát sự ngay ngò thời thơ ấu, khi phải chịu đựng đau buồn và ngày càng đau đớn hiểu ra những mâu thuẫn của cuộc sống trưởng thành. Cậu là nhân vật phản anh hùng hấp dẫn – tâm tu bất nhất và dễ bị tổn thương – vừa nhạy cảm và dí dỏm, lại vừa trẻ con và thô tục. Caulfield xem nhẹ sự trung thực và các chuẩn mực xã hội, nhưng tất cả đã được cân bằng bởi niềm thôi thúc nói lên sự thật, cùng nhu lòng khoan dung đáng kinh ngạc của cậu trước các nhân vật khác trong suốt tiểu thuyết này.

Caulfield cũng dễ trở thành nạn nhân. Cậu bị bắt nạt trong ký túc xá ở trường và bị tên ma cô điều hành thang máy ở một khách sạn New York lừa. Mơ hồ về phụ nữ và tình dục, cậu vô thức đi tìm sự tử tế và thân thuộc.

Xem thêm: Nỗi đau của chàng Werther 105 ▪ Núi thần 224-27 ▪ Chấn động chàng nghệ sĩ 241 ▪ Quả chuông ác mộng 290

Hành trình Holden dạo quanh New York

Công viên Trung tâm: Trượt băng với Sally và gọi ý rằng họ có thể chạy trốn cùng nhau.

Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên:

Tham quan bảo tàng để giết thời gian; không có gì thay đổi ở đây cả, cậu nói – đây là nơi thời gian trên thế giới này ngừng trôi.

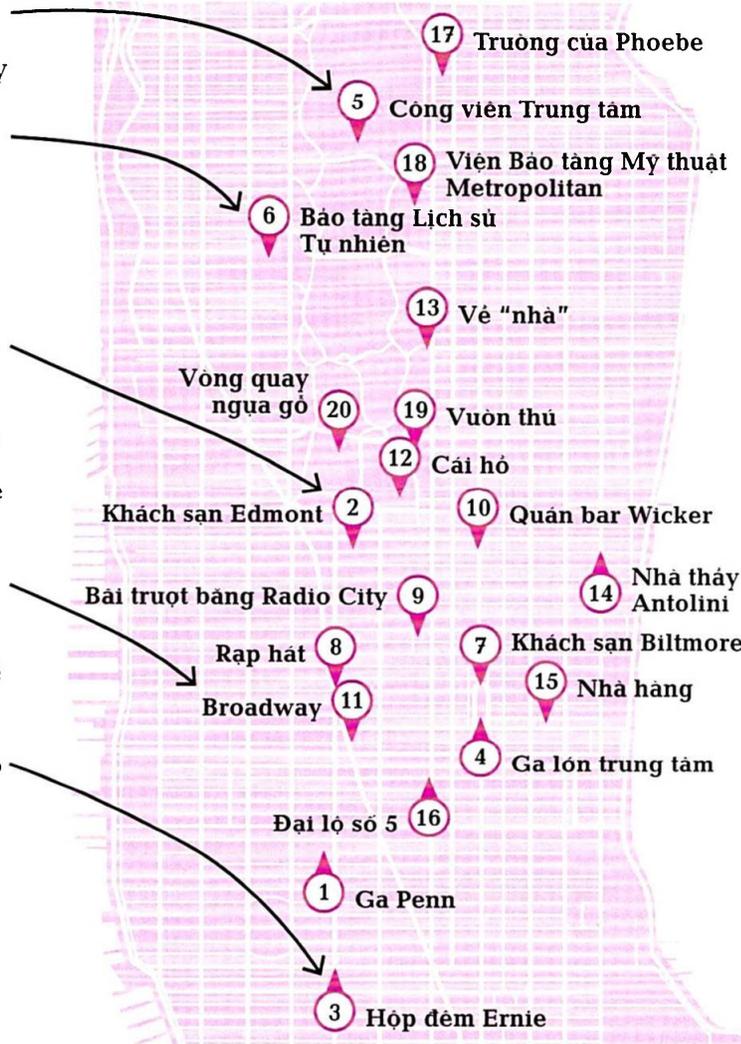
Khách sạn Edmont:

Đến đây sau khi rời Trường Du bị Đại học Pencey, có một cuộc gặp gỡ khó xử với Sunny (có gái điếm) và Maurice (gã ma cô kiêm người điều hành thang máy).

Broadway: Đến đây để mua một đĩa hát cho cô em gái Phoebe (và tình cờ nghe thấy một đĩa bé hát về người bắt trẻ đồng xanh).

Hộp đêm Ernie: Bắt gặp Lillian Simmons tại hộp đêm Ernie ở Greenwich Village (rõ ràng thiếu niên vùng này có thể uống rượu ở độ tuổi 16).

1 Các con số trong bản đồ về nên lộ trình Holden dạo quanh New York



J. D. Salinger

Jerome David Salinger sinh năm 1919 trong một gia đình giàu có ở thành phố New York. Cũng như nhân vật chính Holden Caulfield trong *Bắt trẻ đồng xanh*, Salinger đã theo học nhiều trường trước khi tốt nghiệp. Sau một năm ở châu Âu, ông theo học tại Đại học Columbia, tham gia một khóa viết văn của Whit Burnett, biên tập viên của tạp chí *Story*, người đã trở thành cố vấn vào giai đoạn đầu sự nghiệp viết văn của Salinger.

Salinger gia nhập Lục quân Hoa Kỳ năm 1942 và vẫn tiếp tục viết mặc dù phải chịu nhiều đau đớn do chứng "suy nhược thần kinh". *Bắt trẻ đồng xanh* đã đưa tên tuổi Salinger lên văn đàn thế giới. Tuy nhiên, ông không muốn bị chú ý nên đã sống ẩn dật và ít sáng tác hơn. Đến khi Salinger qua đời vào năm 2010, *Bắt trẻ đồng xanh* vẫn là cuốn tiểu thuyết đầy đủ duy nhất của ông.

Tác phẩm chính khác

1953 *Chín câu chuyện*

1955 *Này thợ mộc, nhớ nâng cao đàm mái*

1959 *Dẫn nhập về Seymour*

1961 *Franny và Zooey*

Sau khi trả tiền cho một cô gái điếm, cậu hỏi liệu họ có thể chỉ đơn thuần "nói chuyện" với nhau không. Dù vô thần, cậu vẫn bắt chuyện với hai bà phúc, họ còn quả quyết cậu là "một cậu bé rất ngọt ngào".

Chủ nghĩa hiện thực tâm tởi của Salinger không tránh khỏi gây nhiều tranh cãi. Một số nhà phê bình đã phủ nhận cuốn tiểu thuyết này vì cho rằng nó non nớt và ủy mị. Nhưng tiểu thuyết này nhiều năm sau khi được xuất bản, cộng thêm lối sống ẩn dật của Salinger, đã đem lại cho ông vị thế riêng. Cái chết và nỗi đau buồn là chủ đề nổi

bật trong *Bắt trẻ đồng xanh*. Sau cái chết của em trai, Holden đã làm nát tay mình trong cơn thịnh nộ; bạn cùng lớp cậu bị bắt nạt và đi đến kết cục bi thảm; chính tiêu đề của cuốn sách cũng gọi đến việc ngăn (bắt) trẻ con băng đồng trước khi chúng rơi xuống vách núi. Có lẽ việc nhiều người lính trẻ phải bỏ mình trong Thế chiến II đã tác động đến Salinger, khiến ông viết nên câu chuyện hấp dẫn ở ngôi thứ nhất này, và đây cũng là bức chân dung có sức sống trường tồn về người thiếu niên trong cơn khủng hoảng. ■



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học hậu Auschwitz

TRƯỚC ĐÓ

1947 Trong *In den Wohnungen des Todes* ("Tại những nơi cư ngụ của cái chết"), nhà thơ Berlin Nelly Sachs mô tả những đau khổ của chính bà và của dân Do Thái ở châu Âu.

1947 Có được là người của nhà văn Ý Primo Levi ghi chép những gì ông đã trải qua khi bị giam giữ ở Auschwitz.

1949 Nhà xã hội học người Đức Theodor Adorno nói rằng "làm thơ hậu Auschwitz thật dã man", không nhằm dập tắt quyền được thể hiện mà để chèn trách xã hội đã để Auschwitz xảy ra.

SAU ĐÓ

1971 Edgar Hilsenrath, người Đức sống sót sau thảm họa Holocaust viết tiểu thuyết *Tên quốc xã và người thợ cạo*, kể chuyện theo góc nhìn của một sĩ quan SS giả danh người Do Thái để tránh bị truy tố.

TỬ THẦN LÀ KẺ CẦM ĐẦU ĐẾN TỬ NƯỚC ĐỨC

HOA ANH TÚC VÀ KÝ ỨC (1952), PAUL CELAN

Sau khi trại tập trung Auschwitz trong Thế chiến II được giải phóng vào ngày 27 tháng 1, 1945, và cả thế giới biết đến độ tàn bạo của thảm họa diệt chủng người Do Thái Holocaust, một số người cho rằng những điều này quá kinh khiếp, không thể mang vào văn học vì giới hạn thông thường không cho phép. Tuy nhiên, các tác giả Do Thái chỉ cần tìm được hình thức diễn đạt thích hợp để thực hiện điều này.

Di sản tang tóc

Nhà thơ Paul Celan (1920–1970), tên thật là Paul Antschel, sinh ra trong một gia đình người Do Thái nói tiếng Đức ở Romania. Ông đã sống sót qua cuộc sống ở khu biệt lập người Do Thái và trại tập trung để trở thành nhà thơ tiếng Đức lớn thời hậu chiến, dưới bút danh Celan. Nhưng vì bị quá khứ ám ảnh, cuối cùng ông đã tự sát.

Hoa anh túc và ký ức gồm hơn 50 bài thơ, là tuyển tập thứ hai của Celan và đã tạo nên danh tiếng của ông. Tuyển tập này bao gồm bài thơ vang danh nhất của ông, "Todesfuge" ("Tấu khúc Tử Thần"). Được viết theo nhịp nhạc,

bài thơ kể về Tử Thần trong lối người chỉ huy trại, khiến các tù nhân nhảy múa bên ngôi mộ của chính họ. Tuyển tập này cũng bao gồm một trong những bài thơ nổi tiếng nhất của ông, "Corona", được xem như cách phản ánh nỗ lực có được tình yêu đích thực mà không coi nó trở thành lối thoát khỏi hiện thực trần thế.

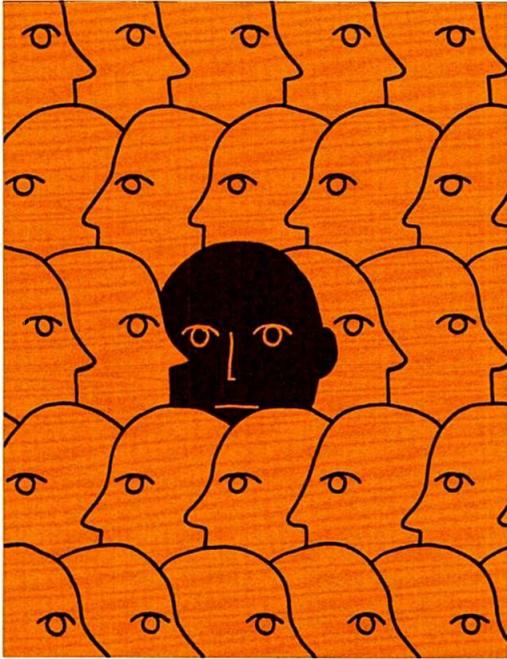
Trong những bài thơ khác của *Hoa anh túc và ký ức*, những hình ảnh đầy ám ảnh gợi nhắc đến Holocaust đã được tái hiện: tro, tóc, khói, nấm mốc, cay đắng, bóng tối, cái chết, ký ức và sự lãng quên. Khi khám phá những đề tài này, Celan cho thấy di sản tang tóc của một cuộc tàn sát có tổ chức. ■

“

Sữa đen buổi hùng đông
Ta uống mi khi đêm về.
"Todesfuge"

”

Xem thêm: Hoàng tử bé 238–39 ■ Cái trống thiếc 270–71 ■ Một ngày trong đời Ivan Denisovich 289 ■ Cái chết của một nhà tự nhiên học 277



TÔI VÔ HÌNH, HIỂU RẰNG ĐƠN GIẢN VÌ MỌI NGƯỜI TỪ CHỐI NHÌN THẤY TÔI

NGƯỜI VÔ HÌNH (1952), RALPH ELLISON

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Phong trào dân quyền

TRƯỚC ĐÓ

1940 *Con của đất mẹ* của Richard Wright nói về vai tội nhân mà xã hội da trắng đã ấn định cho người Mỹ gốc Phi.

1950 Nhà văn người Mỹ gốc Phi Gwendolyn Brooks giành giải thưởng Pulitzer thể loại thơ ca với tập thơ *Annie Allen*. Tập thơ cho thấy bước tiến của một người phụ nữ từ ý thức tự do cá nhân sang những quan điểm gắn liền với sự tiến bộ.

SAU ĐÓ

1953 Trong *Hãy đi mà kể trên núi*, James Baldwin nói về cuộc sống của chính ông và sự liên can với nhà thờ dưới vai trò một người Mỹ gốc Phi, cho thấy cả mặt tích cực lẫn sự kìm giữ ngọt ngào của nó.

1969 *Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hót* của Maya Angelou cho thấy cách tác giả phản ứng lại bạo lực phân biệt chủng tộc đã đổi thay như thế nào.

Phong trào dân quyền của người Mỹ gốc Phi cuối thập niên 1950 sang thập niên 1960 hướng đến chấm dứt tình trạng phân biệt chủng tộc, phân biệt đối xử ở Mỹ thông qua biểu tình và bất tuân dân sự. Các tác giả như James Baldwin, Maya Angelou, Richard Wright và Ralph Ellison đã tham gia vào phong trào này, viết về việc tước quyền bầu cử có hệ thống, phân biệt chủng tộc công khai và bạo lực được nhà nước đồng thuận lan tràn khắp nước Mỹ.

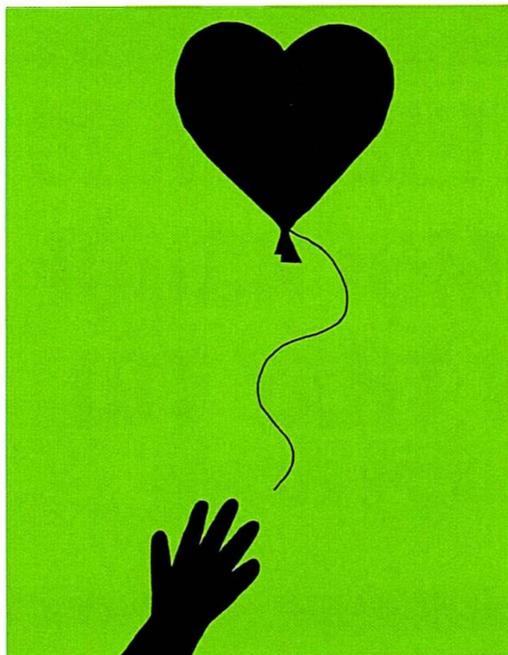
Nhà hoạt động xã hội có độc

Sinh ra ở Oklahoma vào năm 1914, Ralph Ellison học nhạc tại Học viện Tuskegee ở Alabama, nhưng sau đó chuyển đến New York để theo học nghệ thuật thị giác. Tại đây, ông đã gặp Richard Wright và bị ảnh hưởng bởi cả cách viết lẫn những đoàn thể cộng sản của Wright. Sau thời gian phục vụ trên tàu buôn trong Thế chiến II, Ellison vô vọng với hệ tư tưởng cánh tả và bắt đầu viết *Người vô hình*, một cuốn sách về phản kháng chính trị, xã hội. Ellison đã tìm ra hình thức mới cho thể loại tiểu thuyết phản kháng, rời khỏi chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa

Tự nhiên trước đó. Phong cách của ông mang khí chất riêng, cả về cấu trúc lẫn cách kể chuyện, miêu tả sự việc dựa trên trải nghiệm của chính ông – một người da đen, cũng như lý giải ý nghĩa của việc đó dưới góc nhìn cá nhân và cộng đồng trong xã hội Mỹ.

Người dẫn chuyện trong tác phẩm vô hình, vô danh và hoàn toàn đơn độc: xã hội chọn không nhìn thấy anh ta, hoặc lơ đi. Anh ta sống dưới lòng đất, cho thấy tình cảnh người Mỹ gốc Phi đương thời bị phân biệt đối xử. Trong những tháng ngày cô độc, người dẫn chuyện say mê kể lại quãng đường đời đã trải qua – từ lúc là một diễn giả thời trai trẻ, một sinh viên đại học bị ghét bỏ, một công nhân bị ngược đãi trong nhà máy của người da trắng ở Harlem, đến khi tham gia vào Hội Ái hữu nhập nhằng về chính trị. Người dẫn chuyện suy tưởng đến những bất công mà anh ta phải chịu trong cuộc sống, nhưng cuối cùng anh ta cũng kết luận rằng phải sống một cuộc đời đúng với bản chất của mình, đúng với trách nhiệm to lớn hơn của bản thân: anh ta đã sẵn sàng để xuất hiện trước cả thế gian này. ■

Xem thêm: *Những người khốn khổ* 166–67 ■ *Mắt họ đang nhìn Chúa* 235
■ *Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hót* 291



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Sách bị cấm

TRƯỚC ĐÓ

1532–64 *Gargantua và Pantagruel* của François Rabelais bị Đại học Sorbonne, Paris lên án là dung tục.

1759 Dù bị chính phủ và Giáo hội cấm vì nội dung nhạo báng, *Candide* của Voltaire vẫn bán chạy.

1934 Tác phẩm *Chi tuyến Cu Giải* của Henry Miller, kể về cuộc đời nhà văn khi ở Paris, đã bị cấm tại Hoa Kỳ vì nội dung liên quan đến tính dục.

SAU ĐÓ

1959 Được kể bằng lời của một con nghiện, *Bữa trưa trên trục* của William Burroughs bị cấm ở Boston vào năm 1962; quyết định này được thu hồi vào năm 1966.

1988 *Những vần thơ của quỷ Satan* của Salman Rushdie bị cấm ở hơn 10 quốc gia vì bị cho là báng bổ đạo Hồi.

LOLITA, ÁNH SÁNG ĐỜI TÔI, LỬA DỤC TRONG TÔI. TỘI LỖI CỦA TÔI, LINH HỒN CỦA TÔI

LOLITA (1955), VLADIMIR NABOKOV

Lịch sử văn học luôn rải rác những cuốn sách bị cấm hoặc kiểm duyệt vì bị cho là làm băng hoại đạo đức cộng đồng hoặc đụng chạm đến chính trị, tôn giáo. Trong nửa đầu thế kỷ 20, nhiều thể nghiệm văn học đã mò mẫm thị hiếu người đọc và gây sùng sốt cho các độc giả bảo thủ. Để đáp lại xu hướng này, các nhà kiểm duyệt đã rà soát những tác phẩm như *Ulysses* của nhà văn Ireland James Joyce để thẩm định nội dung khiêu dâm, cũng như xóa bỏ những chi tiết mang màu sắc nhục cảm trong *Người tình phu nhân Chatterley* của tác giả Anh D. H. Lawrence. Nhưng sau khi bản chưa kiểm duyệt của *Người tình phu nhân Chatterley* trắng án trước cáo buộc khiêu dâm vào năm 1960, Anh đã bãi bỏ những điều luật hạn chế xuất bản các tác phẩm khiêu dâm. Trên khắp thế giới, việc kiểm duyệt sách đã được nói lỏng, nhưng chưa bao giờ biến mất hoàn toàn.

Chấp nhận cái không thể chấp nhận

Hần ngày nay rất ít người cảm thấy bị xúc phạm bởi những cuốn sách bị kiểm duyệt trong quá khứ, nhưng cuốn tiểu thuyết gây tranh cãi *Lolita* của Vladimir Nabokov vẫn đủ sức vừa gây khó chịu, vừa mê hoặc độc giả. Bị cấm sau lần xuất bản đầu năm 1955 tại Pháp và được tái bản

ở London vào năm 1959, cuốn tiểu thuyết xoay quanh nỗi ám ảnh của người kể chuyện Humbert Humbert với những bé gái vị thành niên: “nữ thần” – những bé gái đương độ dậy thì, mảnh mai, da mịn màng, từ 9 đến 14 tuổi. Tựa đề của cuốn tiểu thuyết đã đi vào tiếng Anh, dùng để chỉ một cô gái trẻ dụ dỗ đàn ông.

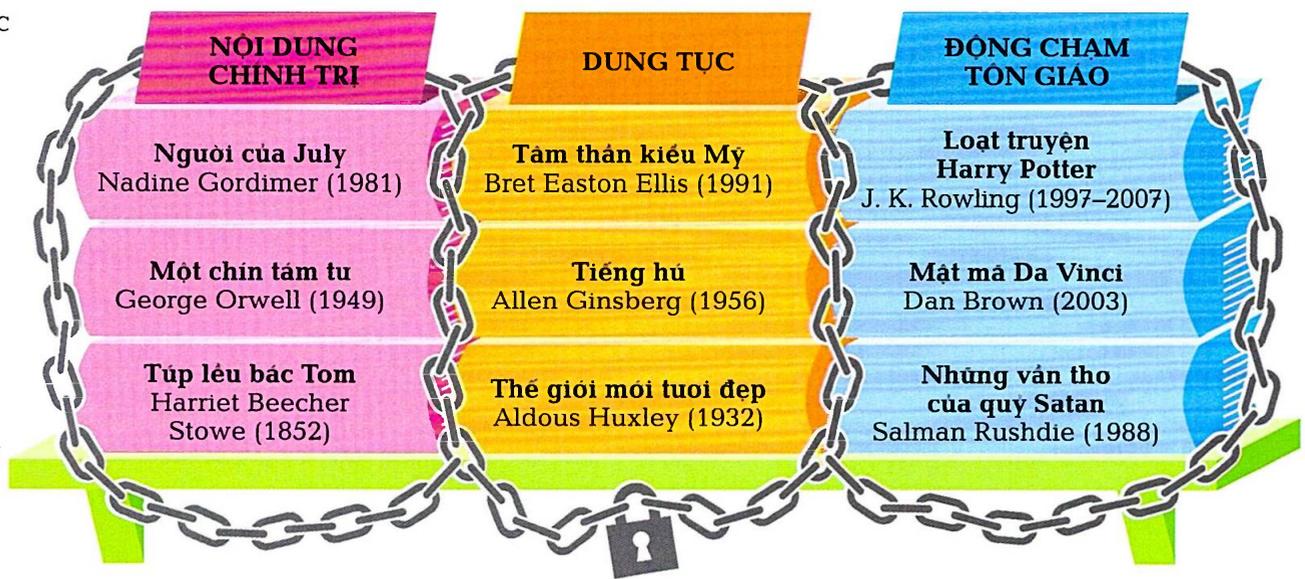
Lolita khiến tâm trí độc giả bối rối vì họ bị người kể chuyện lôi cuốn và không hề phản ứng theo lẽ thường khi nghe câu chuyện kinh khủng của ông ta. Chìm trong mộng tưởng ngọt ngào của Humbert, độc giả quên đi góc nhìn của bản thân và bị hút vào lời biện hộ được chuẩn bị tỉ mỉ đi kèm những lời hối lỗi, những ám chỉ văn chương, lối chơi chữ và trí giáo quyết của ngài giáo sư châu Âu khá kính.

Bữa mẹ

Thời niên thiếu ở Côte d'Azur thuộc Pháp, Humbert đã yêu cô bé Annabel – hình mẫu mẹ đầm của ông ta. Nhiều năm sau ở Mỹ, ông ta đã “hóa giải bữa mẹ bằng cách phóng chiếu hình ảnh cô vào một người khác”: Dolores Haze, ông ta quen gọi là Lolita, cô con gái 12 tuổi của bà chủ nhà. Nhưng hệ quả bi kịch xảy đến sau khi Humbert kết hôn với người mẹ để tiếp cận cô bé, người tình trong mộng của ông ta. Kế hoạch mờ hồ nhằm giết

Xem thêm: *Gargantua và Pantagruel* 72–73 ▪ *Bà Bovary* 158–63 ▪ *Ulysses* 214–21 ▪ *Một chín tám tư* 250–55 ▪ *Cái trống thiếc* 270–71 ▪ *Tiếng hú và những bài thơ khác* 288 ▪ *Tâm thần kiểu Mỹ* 313 ▪ *Những văn thơ của quý Satan* 336

Văn học thường bị các nhà cầm quyền coi là mối đe dọa vì khả năng truyền đạt những ý tưởng có thể thay đổi tư duy và thách thức những hệ tư tưởng đang chiếm ưu thế. Một số tựa sách không ngờ đã bị các quốc gia, tiểu bang hoặc thư viện cấm trong nhiều năm vì chứa nội dung chính trị, khiêu dâm và động chạm tôn giáo.



người vợ mới không còn cần thiết sau khi bà ta bị ô tô tông; từ đó, người cha dưỡng đón Dolores từ trại hè về và bắt đầu thỏa mãn giấc mơ của bản thân.

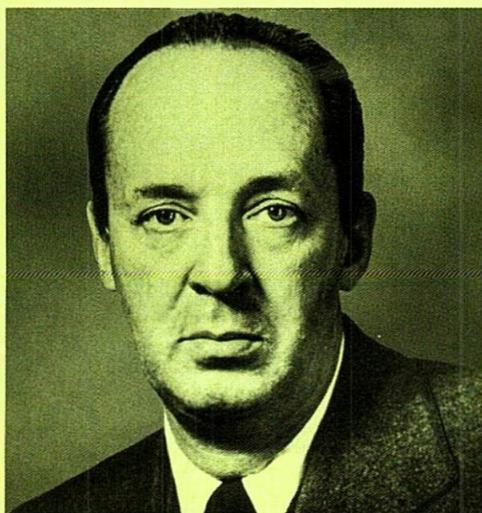
Phải lòng ngôn ngữ

Phần hai của “tiểu thuyết gọi tình” hầu như không có tình tiết dâm dục này kế tiếp về mối tình thực sự của tác giả – mối tình với ngôn ngữ. Qua những dòng văn xuôi trau chuốt, hoa mỹ và trữ tình cao độ, Humbert đã chấp nối câu chuyện về chuyến đi đường dài xuyên lục

địa kéo dài một năm của mình với Dolores, “bằng cách bắt môn địa lý Hoa Kỳ vận hành”. Các chi tiết thể hiện nỗi say mê độc đoán của ông ta (những cuộc cãi vã, những lần suýt bị phát hiện và những món quà đồ ngọt) thăng hoặc xuất hiện trong câu chuyện siêu thực đậm chất điện ảnh, lướt từ trang này qua trang khác như một lời bình phẩm đầy tình châm biếm về văn hóa Mỹ. Trở lại bờ Đông sau một năm, Humbert cho Dolores nhập học, và giấc mộng mà ông ta dệt nên bắt đầu tan vỡ. Các sách khiêu

dâm vốn thường không có văn phong, cấu trúc và hình ảnh; đây là điều Nabokov đã nhắc nhở chúng ta trong lời bạt biện hộ cho cuốn tiểu thuyết vượt trội về cả ba điểm này. Humbert Humbert cơ bản là người dẫn chuyện không đáng tin, được che đậy bởi một nhà văn hu cấu viết lời nói đầu, cũng chính là người mô hồ hé lộ đoạn kết trước cả khi câu chuyện bắt đầu. Thật ra không có ai khác cả, đó chính là tiếng nói vọng lại của Humbert, đang bênh vực cái không thể bênh vực được trước độc giả của mình. ■

Vladimir Nabokov

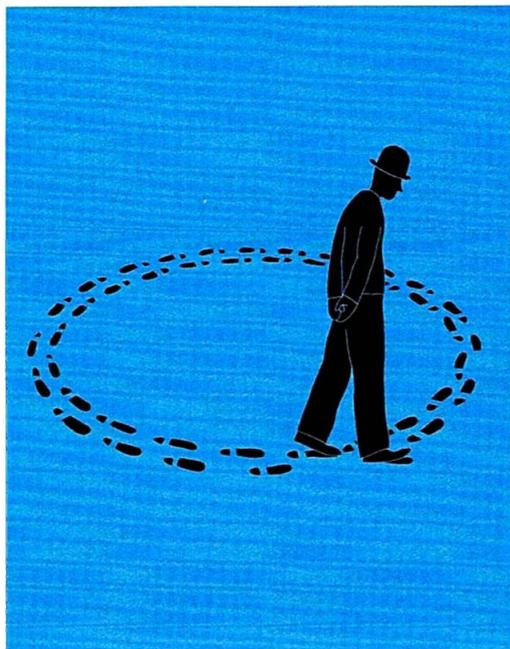


Sinh ra trong một gia đình quý tộc ở St. Petersburg vào tháng 4, 1899, Vladimir Nabokov trải qua thời thơ ấu ở Nga và lớn lên nói được ba thứ tiếng Anh, Pháp, Nga. Sau Cách mạng Nga năm 1917, gia đình ông bị đày sang Anh vào năm 1919, cũng là nơi Nabokov theo học Trường Đại học Trinity, Cambridge. Sau khi chuyển đến Berlin, cha của Nabokov, vốn là nhà báo và chính khách, đã bị ám sát tại một cuộc mít tinh chính trị. Khi sống ở Berlin và Paris, Nabokov viết tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ bằng tiếng Nga, đồng thời làm huấn luyện viên quần vợt

và đi dạy kèm. Ông kết hôn với Vera Slonim vào năm 1925; họ có một con trai là Dmitri. Sau khi sang Mỹ trong Thế chiến II, Nabokov đã viết *Lolita* bằng tiếng Anh. Ông giảng dạy tại Đại học Wellesley cùng Đại học Cornell, và với chuyên môn về loài bướm, ông công tác tại Viện Bảo tàng Động vật Đối chiếu ở Harvard. Ông qua đời tại Montreux, Thụy Sĩ, vào năm 1977.

Tác phẩm chính khác

1937 *Quà tặng*
1962 *Lừa nhạt*



ANH ẤY LẬT GIỜ TỪNG PHIẾN ĐÁ VÀ MÒ MẮM ĐẾN TỪNG CON GIÒI

ĐỘI CHỜ GODOT (1953), SAMUEL BECKETT

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Sự phi lý

TRƯỚC ĐÓ

1942 Người kể chuyện trong tiểu thuyết *Kẻ xa lạ* của Albert Camus thể hiện niềm tin phi lý điển hình: "Tôi mở lòng mình trước sự thờ ơ dịu dàng của vũ trụ."

SAU ĐÓ

1959 vở kịch *Les Nègres* của nhà văn Pháp Jean Genet khiến khán giả sùng sốt với các diễn viên da đen đeo mặt nạ vào vai người da trắng.

1959 Với *Rhinocéros* của nhà viết kịch Romania Eugène Ionesco, các nhân vật biến thành tê giác và tàn phá mọi thứ, thể hiện sự phi lý của thế giới nơi người bình thường trở thành quái vật phát xít.

1960 Vở kịch *Người trông nhà* của nhà văn Anh Harold Pinter vay mượn nhiều yếu tố của Beckett, với cốt truyện khuyết thiếu, đối thoại quanh co, thường chệch khỏi chủ đề và ẩn chứa những hàm ý khác thường.

Thể loại kịch phi lý, mà đóng vai trò quan trọng trong đó là nhà văn nổi tiếng người Ireland Samuel Beckett (1906–1989), đã phá vỡ các chuẩn mực nghệ thuật và cuộc sống với quan điểm rằng bất kỳ ý nghĩa nào trong vũ trụ đều luôn tránh thoát mọi nỗ lực khám phá ra nó. "Anh ấy lật giờ từng phiến đá," nhà viết kịch Anh Harold Pinter thán phục khi nói về Beckett, "và mò mẫm đến từng con giòi". Trong cả kịch lẫn tiểu thuyết của mình, Beckett lên tiếng thay cho những người không thể làm điều đó – những linh hồn bị tổn thương, không còn hy vọng mà chỉ có những niềm an ủi thảm hại, phải đối mặt với sự thật tàn nhẫn của sự tồn tại.

Ngôn từ xoay vòng

Vở kịch *Đội chờ Godot* (bản gốc được viết bằng tiếng Pháp, như nhiều tác phẩm khác của Beckett) có nhân vật là hai kẻ lang thang, Vladimir và Estragon. Cuộc đối thoại giữa họ là vũ điệu bi hài của những ý tưởng và hành động bất chấp lẽ thường. Một nhân vật khác là Lucky, được dẫn dắt bởi sợi thừng nằm trong tay người chủ Pozzo, lúc đầu không nói gì sau đó

lại tuôn ra một đoạn độc thoại siêu thực dài 700 từ không ngừng nghỉ với những cụm vô nghĩa. Đoạn độc thoại chỉ chấm dứt khi Vladimir lấy được chiếc mũ của Lucky, khiến Lucky bị ngất giữa chừng – một ví dụ cho thấy sự vay mượn của Beckett từ hài tạp kỹ, cụ thể hơn là từ các diễn viên hài Laurel và Hardy. Những kẻ lang thang đang đợi Godot, nhân vật không bao giờ xuất hiện, và vốn được xem là hiện thân cho Chúa, thường được nhắc đến nhưng không có mặt – cách diễn giải khiến Beckett khó chịu, mặc dù ông thừa nhận nó rất hợp lý. ■

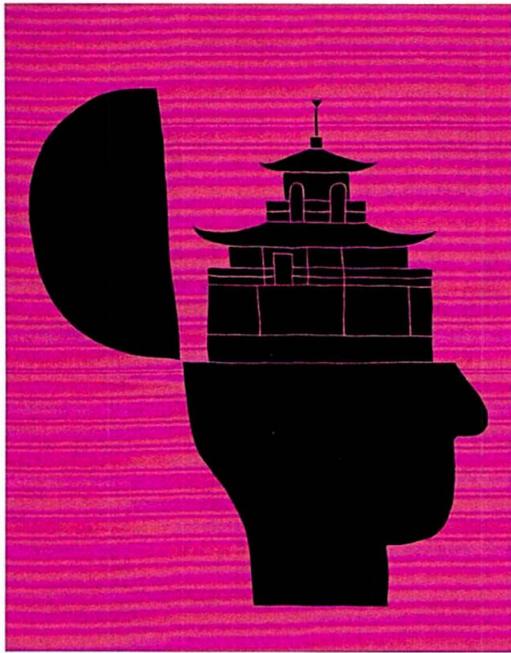
“

Joyce là một nhà tổng hợp, cố gắng thêm vào nhiều nhất có thể. Tôi là một nhà phân tích, cố gắng loại bỏ nhiều nhất có thể.

Samuel Beckett

”

Xem thêm: *Hóa thân* 210–11 ▪ *Vụ án* 242 ▪ *Buồn nôn* 244 ▪ *Kẻ xa lạ* 245



VỪA CHẠM TAY VÀO VĨNH HẰNG VỪA CHẠM TAY VÀO SỰ SỐNG LÀ ĐIỀU BẤT KHẢ

KIM CÁC TỰ (1956), YUKIO MISHIMA

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Các nhà văn Nhật Bản thời hậu chiến

TRƯỚC ĐÓ

1946 Haruo Umezaki xuất bản tập truyện ngắn *Sakurajima* giúp ông thành danh. Những truyện này chạm đến các khía cạnh của xã hội Nhật Bản trong Thế chiến II, như sự xuất hiện của phi công *kamikaze*.

1951 Shōhei Ōoka xuất bản *Lửa trên đồng*, cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông. Tương tự *Sakurajima* của Umezaki, tác phẩm này phản ánh những trải nghiệm của tác giả trong thời chiến, bao gồm cả việc Nhật Bản bị quân Mỹ đánh bại trên đảo Leyte ở Philippines.

SAU ĐÓ

1962 Cuốn tiểu thuyết *Người đàn bà trong cơn cát* của Kōbō Abe là câu chuyện ám đạ và đầy xáo trộn về một nhà côn trùng học nghiệp dư bị giam trong chiếc lán không đường thoát dưới đáy hố cát ở một ngôi làng hẻo lánh.

Trong những thập kỷ trước Thế chiến II, Nhật Bản là một quốc gia quân sự thiện chiến, chiếm đóng nhiều vùng của Trung Quốc. Luật kiểm duyệt văn học tại Nhật vốn đã khắc khe, lại càng ngặt nghèo hơn trong thời chiến. Đến cuối cuộc chiến, những hạn chế mới được nới lỏng, làm xuất hiện nhiều tiếng nói mới trong văn đàn.

Tự do và đa dạng

Nhiều nhà văn "thế hệ đầu" hậu chiến (những người có tác phẩm đầu tiên được xuất bản trong năm 1946–47) tập trung vào đề tài những trải nghiệm thời chiến. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của thế hệ thứ hai (1948–49) và thứ ba (1953–55), các tác giả đều quy về đề tài sự tự do cho phép họ sáng tác. Điều này dẫn đến một giai đoạn sáng tạo bùng nổ cùng sức viết tăng cao.

Yukio Mishima (1920–1970) là nhà văn thuộc thế hệ thứ hai, và *Kim Các Tự* thường được đánh giá là tác phẩm hay nhất của ông. Dựa trên một câu chuyện có thật, tác phẩm này kể về một tiểu táng xấu xí, có tật nói lắp, dẫn cảm

“

Không hề quá lời khi nói rằng vấn đề chân chính đầu tiên mà tôi phải đối mặt trong đời chính là cái đẹp.

Kim Các Tự

”

ghét cái đẹp, nhất là thiên viện 550 tuổi được trang trí toàn bằng vàng lá ở Kyoto. Đối với tiểu táng này, ngôi chùa ban đầu đại diện cho bản chất phù du của cuộc sống và cái đẹp, nhưng dần dần chiếm lĩnh tâm trí anh như một sự hiện diện đầy đe dọa mà anh không thể trốn thoát. Cuốn tiểu thuyết vô cùng nổi tiếng – vừa là một nghiên cứu hấp dẫn về sự điên rồ dẫn đến hủy diệt, nhưng cũng là suy ngẫm về bản thân cái đẹp, mà một trong những khía cạnh đẹp nhất trong đó là chất văn xuôi của Mishima. ■

Xem thêm: *Tự sát vì tình ở Sonezaki 93*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Thế hệ Beat

TRƯỚC ĐÓ

1926 *Mặt Trời vẫn mọc* của Ernest Hemingway miêu tả những người Mỹ hiện đại rong ruổi ở châu Âu, gần như là một hành trình về tinh thần.

1952 Trong tiểu thuyết *Đi* của John Clellon Holmes, thuật ngữ "beat" lần đầu tiên xuất hiện để định nghĩa những người thuộc phong trào này.

1953 Hiệu sách City Lights được Lawrence Ferlinghetti mở ở San Francisco, sau trở thành chốn vãng lai của những nhà văn thế hệ Beat.

1956 *Tiếng hú và những bài thơ khác* – tập thơ đầu tay của Allen Ginsberg được xuất bản, đưa ông trở thành nhà thơ hàng đầu của thế hệ Beat.

SAU ĐÓ

1959 *Bữa trưa trần trụi* của William S. Burroughs có phong cách hoàn toàn rời rạc, phi tuyến tính, mở rộng lối tưởng tượng của thế hệ Beat.

ANH ẤY LÀ BEAT – LÀ GỐC RỄ, LÀ LINH HỒN CỦA PHÚC LÀNH

TRÊN ĐƯỜNG (1957), JACK KEROUAC

O Hoa Kỳ thời hậu chiến, thế hệ thanh niên trung lưu ngày càng miễn cưỡng lần theo lối mòn của ông cha dẫn đến một xã hội nặng về vật chất. Thay vào đó, họ chọn cách sống lang thang, ngẫu hứng trên hành trình tìm kiếm ý nghĩa đích thực

của cuộc đời. Trong đó, một số người được gọi là "Beat": các nhà thơ, nhà văn truy cầu những cú hích và nơi nương náu tinh thần, chìm đắm trong rượu, ma túy, tình dục, và ham thích nhạc jazz.

Thuật ngữ "beat" đồng thời thể hiện ý niệm về "phúc lành"

Sự ra đời phong trào Beat

Một **nền văn hóa trẻ giàu lý tưởng** quay lưng với xã hội Mỹ chính thống trong những năm 1940.

Jack Kerouac, Neal Cassady và những người khác rong ruổi trên các nẻo đường ở Bắc Mỹ để **đi tìm ý nghĩa cuộc sống**.

Thế hệ Beat ghi lại những suy nghĩ và các cuộc phiêu lưu bằng "**văn xuôi bột phát**".

Văn chương "Beat", cả thơ lẫn văn xuôi, đi vào **văn học chính thống**.

Xem thêm: *Căn phòng đồ 185* ▪ *Bắt trẻ đồng xanh 256–57* ▪ *Tiếng hú và những bài thơ khác 288* ▪ *Sợ hãi và kinh tởm ở Las Vegas 332*

(beatific); về việc bị sự mãnh liệt vô cùng của kiếp sống lang thang “đánh bại” (beaten); về một cuộc đời trôi theo “nhịp” (beat) nhạc jazz. Vào những năm 1950, chuyện về lối sống tự do và ngang tàng của phong trào Beat đã gây chấn động xã hội chính thống, với các tác phẩm báo hiệu sự hồi sinh triết để của văn học Mỹ. *Trên đường*, tác phẩm của Jack Kerouac ra đời năm 1957, đã định hình ông là tiểu thuyết gia hàng đầu của thế hệ Beat.

Trên đường kể lại chi tiết loạt hành trình Kerouac đã đi từ năm 1947 đến năm 1950. Trong truyện, hành trình được dẫn dắt bởi Sal Paradise (chính là bản thân Kerouac), cùng bạn đồng hành Dean Moriarty (nhà văn Neal Cassady). Một số nhà văn khác trong thế hệ Beat cũng xuất hiện trong truyện qua những cái tên khác, như Allen Ginsberg (“Carlo Marx”) và William S. Burroughs (“Old Bull Lee”).

Truyện có năm phần. Phần đầu kể chuyện Sal Paradise khởi hành đến San Francisco vào tháng 7, 1947. Sal gặp

Dean Moriarty và cùng dẫn thân vào một hành trình náo loạn, cả đi quá giang lẫn bắt xe khách phiêu lưu quanh co: tiệc tùng, kết bạn và hẹn hò các cô gái trước khi trở lại New York. Nhưng phần tiếp theo kể về một loạt các chuyến đi đầy khoái lạc qua miền Bắc Mỹ.

Văn xuôi bột phát

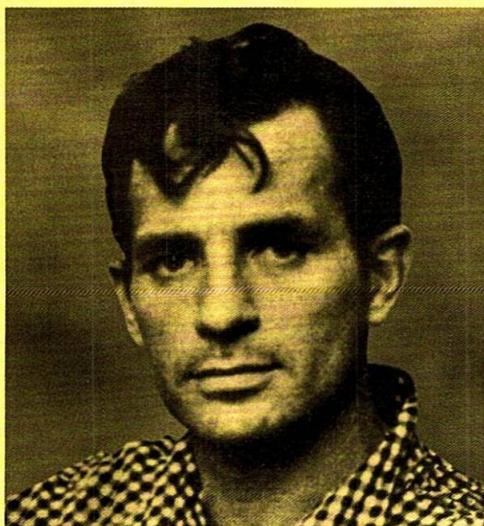
Lối tường thuật *Trên đường* được Kerouac gọi là “văn xuôi bột phát”, lấy cảm hứng từ bức thư đánh máy dài 18 trang do người bạn Neal Cassady gửi ông vào tháng 12, 1950. Theo Kerouac, lối này then chốt ở chỗ viết nhanh và “vô thức”, như bị thôi miên, cho phép tâm trí trôi tự do, liên kết các cảnh tượng, âm thanh và giác quan trong một dòng tự sự hoàn toàn tức thời. Ví dụ, khi Sal và Dean đến Chicago, Kerouac viết “Xe điện âm ào, mấy đứa nhóc bán báo dạo, mấy cô nàng lướt qua, không khí sặc mùi đồ chiên và bia, đèn neon nhấp nháy – “Tụi mình đang ở thành phố lớn, Sal! Whooe!” Các câu miêu tả dài, mượt mà theo phong cách dòng



Kerouac đánh máy *Trên đường* lên các cuộn giấy được dán lại với nhau để tránh phải thay giấy làm gián đoạn dòng chảy sáng tạo. Bản thảo cuối cùng dài khoảng 36,5m.

ý thức phản ánh nhịp độ chóng mặt trong lối sống rầy rầy đầy mai đo, say sưa với rượu của Sal, đồng thời phỏng theo tính ngẫu hứng của nhạc jazz. Kerouac viết *Trên đường* trong ba tuần cuồng loạn vào tháng 4, 1951, ngập trong caffeine và ma túy. Kết quả là những dòng văn xuôi cực kỳ độc đáo và sáng tạo – hay “tác phẩm viết bột phát”, như cách gọi của Ginsberg – đã định nghĩa cho thế hệ Beat. ■

Jack Kerouac



Jack Kerouac ra đời trong gia đình người Canada gốc Pháp ở Lowell, Massachusetts, vào năm 1922. Ông học tại Đại học Columbia, nơi ông gặp Allen Ginsberg, Neal Cassady và William S. Burroughs, những người bạn cùng nhau dẫn đầu thế hệ Beat sau này. Kerouac bỏ học vào năm thứ hai và phục vụ trên tàu buôn của chính phủ, trước khi chuyển sang viết lách chuyên nghiệp. Từ năm 1947, ông ngày càng bị thu hút bởi lối sống nghiện rượu lêu lổng, bắt đầu lang thang khắp châu Mỹ và Mexico, thường xuyên đến thăm nhiều nhà văn Beat khác. Những chuyến đi

xuyên Bắc Mỹ đó đã được ông đưa vào nhiều tác phẩm *roman à clef* (tiểu thuyết kèm chìa khóa) khác nhau, với những gương mặt bạn bè được che giấu hò hững trong vai các nhân vật chính. Thói nghiện rượu của Kerouac khiến ông bị xo gan, và qua đời vào năm 1969.

Tác phẩm chính khác

1950 *Thị xã và thành phố*

1957 *Trên đường*

1958 *Dân sống ngầm*

1958 *Khất pháp*

1972 *Áo mộng của Cody* (xuất bản sau khi tác giả mất)

CÁI GÌ DÂN TỘC NÀY CHO LÀ TỐT THÌ CÁC DÂN TỘC KHÁC CHO LÀ TỆ HẠI

QUÊ HƯƠNG TAN RÃ (1958), CHINUA ACHEBE



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiếng nói Nigeria

TRƯỚC ĐÓ

1952 Amos Tutuola dùng tiếng Anh kể lại một câu chuyện dân gian Yoruba trong *Kẻ nghiện rượu cọ*.

1954 Cyprian Ekwensi được quốc tế chú ý với *Dân thành thị*.

SAU ĐÓ

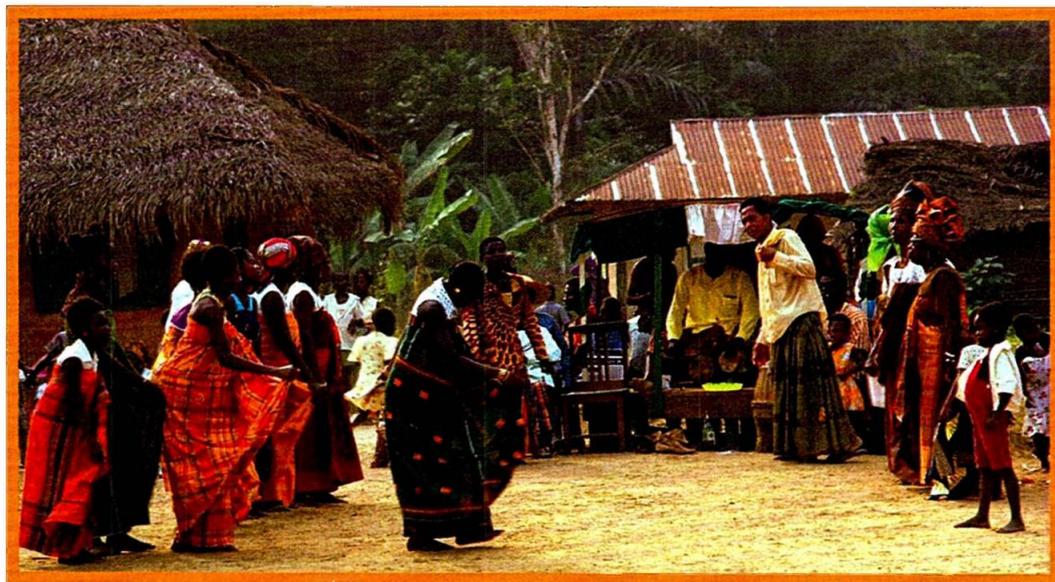
1960 vở kịch *Điệu nhảy của rừng* của Wole Soyinka phê phán nạn tham nhũng bấy giờ qua quá khứ thần thoại của dân tộc.

2002 Helon Habila miêu tả một thế hệ mới sống dưới chế độ quân phiệt ở Lagos trong *Đợi chờ một thiên thần*.

2006 Lấy bối cảnh Chiến tranh Biafra, *Nửa mặt trời vàng*, minh chứng Chimamanda Ngozi Adichie là một giọng văn mới xuất sắc, giúp cô giành được giải Orange năm 2007 thể loại tiểu thuyết.

Được xuất bản năm 1958, cuốn sách mỏng chưa đầy 150 trang của Chinua Achebe, *Quê hương tan rã*, là một trong những tiểu thuyết đầu tiên mô tả diễn đạt cho các nhà văn bản địa Nigeria, và là phương tiện hình thành nên một nền văn học sáng giá điển hình. Kể từ đó, câu chuyện đa tầng về một bộ lạc không có thật trong cuộc va chạm đầy biến động với thực dân Anh vào cuối thế kỷ 19 đã trở thành tiểu thuyết châu Phi được đọc nhiều nhất thế giới, được dịch sang 50 ngôn ngữ, với hơn 12 triệu bản bán ra. Câu chuyện được kể trong *Quê hương tan rã* là sự cộng hưởng từ các nền văn hóa truyền thống trên thế giới bị những cuộc xâm lược làm tan tác.

Xem thêm: *Giữa lòng tâm tối* 196–97 ▪ *Ruồng bó* 322–23 ▪ *Nửa mặt trời vàng* 339



Tộc người Igbo tổ chức các lễ hội khác nhau trong suốt cả năm. Trong *Quê hương tan rã*, lễ Khoai Mối được tổ chức ngay trước khi thu hoạch khoai, để tạ ơn nữ thần Đất Anì.

Tên tiểu thuyết này được lấy từ bài thơ “Tái lâm” của W. B. Yeats, được viết sau Thế chiến I. Hình ảnh ngày tận thế của Yeats về một thế giới bị cuốn vào hỗn loạn, và sự xuất hiện của đấng cứu thế mô hồ – một quái thú không hình dạng, rừ rượi – báo trước sự “khởi sinh” của cuốn tiểu thuyết về thực dân Kitô giáo da trắng xâm lược đã giày xéo các nền văn hóa bộ lạc.

Thực tế ở Nigeria

Ở phần đầu *Quê hương tan rã*, ta biết rằng “Người Igbo coi trọng nghệ thuật trò chuyện, và những câu châm ngôn chính là món dầu cọ thường được ăn kèm với ngôn từ”; có lẽ không có gì bất ngờ khi một số dân làng Umuofia bị chinh phục bởi các bài thánh ca và chuyện Kinh Thánh của thực dân. Achebe cũng chinh phục độc giả theo cách ấy, lỏi cuốn họ vào một cuốn tiểu thuyết cổ điển cấu trúc ba phần với cốt truyện hấp dẫn và nhân vật người hùng bi tráng, lại được đong đầy bằng thần thoại và

truyền thống truyền khẩu của văn hóa Nigeria.

Khi Achebe xuất bản tác phẩm bước ngoặt của mình, Nigeria đang chìm trong những biến động chính trị dẫn đến độc lập vào năm 1960. Ông viết tiểu thuyết này phần nào để đáp trả cách thể hiện châu Phi trong những cuốn sách ông học ở trường đại học. Vào năm 2000, ông mô tả làm thế nào tiểu thuyết *Ông Johnson* (1939) của nhà văn Anh-Ireland Joyce Cary, lấy bối cảnh ở Nigeria, lại là điển hình về cách thể hiện châu Phi trong văn học, trong khi dân Nigeria bản địa nhìn thấy ở đó sự ngảm miệt thị và chế nhạo. Ông cũng khẳng định rằng những miêu tả kinh khiếp của Joseph Conrad về người châu Phi bản địa trong *Giữa lòng tâm tối* (1899) tiêu biểu cho nạn phân biệt chủng tộc phổ biến ở những tác phẩm mà các nhà văn châu Âu viết về châu Phi.

Achebe đáp lại bằng cách viết một câu chuyện kết cấu rõ ràng, xoay sâu vào sự sụp đổ của một xã hội truyền thống – một cộng đồng giàu có, gán gù của những người Igbo (xưa là Ibo, như tiểu thuyết đã đề cập). Thay cho “lũ man rợ” da đen giống nhau như lột của Conrad, Achebe đã xây dựng

ngôi làng Umuofia của ông bằng những nhân vật sống động bước ra từ trang sách. Lấy bối cảnh miền nam Nigeria tiên thuộc địa vào những năm 1890, *Quê hương tan rã* miêu tả một xã hội văn minh có truyền thống phong phú về văn hóa, thương mại, tôn giáo và tu pháp. Lối ứng xử và chào hỏi lịch thiệp – như việc bẻ và chia hạt kola – tục mặc cả lễ vật hứa hôn, cũng như tầm quan trọng của sự trong trắng và phục tùng ở phụ nữ trong xã hội gia trưởng này dường như không hề lạc quẻ nếu được đưa vào tiểu thuyết của Jane Austen. Ở Umuofia, cuộc sống xoay quanh các vụ mùa mà dân làng trông trọt, chăm sóc và thu hoạch khoai, thực hiện “Tuần bình yên”, cũng như tận hưởng các lễ hội đặc trưng bởi tiệc rượu cọ, đấu vật, kể chuyện và ca hát.

Người đàn ông tự lực

Nhân vật chính, Okonkwo, là một đô vật và chiến binh nổi tiếng, một người chống nóng tính có ba bà vợ, và là chủ sở hữu đầy kiêu hãnh của một khu nhà lớn. Không được thừa hưởng gì từ người cha ăn không ngồi rồi, hèn nhát, nọ nản – mà Okonkwo cố gắng giống càng ít càng tốt – Okonkwo làm nông

“

Người da trắng rất khôn ngoan... Hắn đã kẻ dao vào mối liên kết giữa chúng ta, và rồi chúng ta tan rã.

Quê hương tan rã

”

Chính phủ phân quyền với nhiều nhóm nhỏ đa dạng và không có người cai trị chung.

Tin vào nữ thần Đất, cùng nhiều vị thần khác và linh hồn tổ tiên.

Bô lão trong cộng đồng hòa giải các bất bình và giải quyết tranh chấp, cốt để giữ vững hòa khí.

Văn hóa Igbo

Văn hóa châu Âu



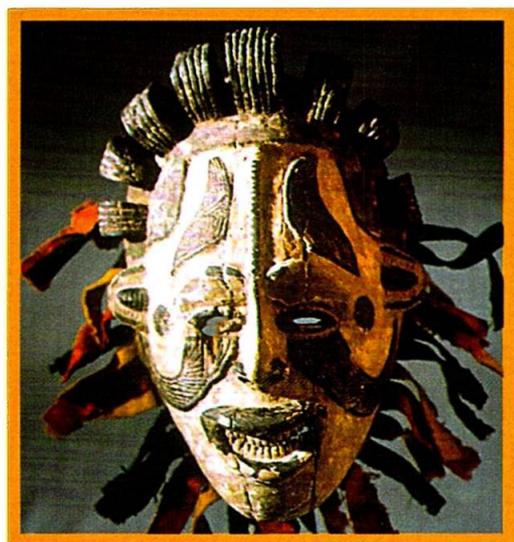
Thực dân châu Âu coi người châu Phi còn sơ khai, nên không cần tìm hiểu phong tục và văn hóa của họ. Sự áp đặt các giá trị và thể chế xa lạ đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc ở mọi cấp độ trong các cộng đồng châu Phi truyền thống.

Chính phủ trung ương cai trị một chính thể đơn nhất.

Tin vào một Đức Chúa Trời và Chúa Jesus, con trai của Người ở trần gian, là vị cứu tinh và người cứu chuộc cả nhân loại.

Các tòa án chính thức giải quyết tranh chấp theo luật thành văn, với mục tiêu duy trì quyền lợi.

nhu một người linh canh để làm giàu, gây dựng được những kho khoai và ruộng ốc tiên, biểu hiện cho sự khâm khá. Vợ hai của ông, Ekwefi, là người đẹp của bộ lạc, vì say mê Okonkwo mà đã bỏ người chồng trước; đứa con duy nhất của họ, Ezinma, là cô bé cá tính, nhiệt huyết am hiểu cha mình và những



Mặt nạ đeo bởi những người đàn ông Igbo, dùng cho mục đích ma thuật trong một số nghi lễ nhất định, đặc biệt là đám tang và lễ hội, hoặc như trong *Quê hương tan rã* là được đeo bởi các *egwugwu* để thực thi công lý.

nét tinh tế của cuộc sống làng quê, đến nỗi Okonkwo đã hơn một lần kết luận lẽ ra con gái mình là con trai mới phải.

Hỏi và đáp

Trong văn hóa Igbo, mong muốn của các vị thần được *egwugwu* truyền lại – đó là những già làng đeo mặt nạ đại diện cho linh hồn tổ tiên của thị tộc – với các nghi lễ hiến tế tàn bạo: đây sẽ là rạn nứt trong nền văn hóa dẫn lối cho sự xâm nhập và sụp đổ. Dù nơi đây có thể là “vùng đất của người sống [...] cách không xa lãnh địa của tổ tiên,” nhưng rất ít người như Okonkwo mù quáng làm theo ý muốn giết chóc của các vị thần. Tu tướng chiến binh bắt đầu tách biệt ông với đồng tộc, những người đã hoài nghi ngay cả trước khi người da trắng xuất hiện. Ekwefi quyết tâm bảo vệ con gái mình khỏi các vị thần; Obierika, bạn của Okonkwo, đặt nghi vấn về hành động bỏ rơi cặp song sinh vừa ra đời – “nhưng mặc dù đã suy nghĩ rất lâu, ông vẫn không tìm ra được câu trả lời.”

Người đàn ông da trắng đầu tiên đến làng Mbanta lân cận đã mang đến một câu trả lời. Ông ta

nói với bộ lạc rằng họ tôn thờ “các vị thần gian dối, xúi giục họ giết hại đồng loại và tiêu diệt những đứa trẻ vô tội. Chỉ có một Đức Chúa thật sự...” Khi người thông dịch đã cải đạo làm việc cho nhà truyền giáo cố gắng giải thích với đám đông về Jesu Kristi, con trai của Chúa Trời, Okonkwo hỏi liệu Chúa có vợ không. Nhà truyền giáo tiếp tục lý giải rồi rầm về Chúa Ba Ngôi, điều có vẻ hơi khác với tín ngưỡng đa thần của các bộ lạc Igbo, cũng như dựa vào tín ngưỡng mù quáng.

Hai mặt của câu chuyện

Achebe phơi bày sự tàn bạo của chế độ thuộc địa, bao gồm cả những vụ thám sát và cầm tù, nhưng cũng nói về công việc của ông Brown, nhà truyền giáo hiền lành luôn lắng nghe, bên cạnh thuyết giảng, thu phục nhân tâm bằng cách kết hợp tôn giáo với giáo dục, tặng phẩm và thuốc men. Con trai cả của Okonkwo, Nwoye, là một trong những người bộ lạc bị cuốn hút bởi thơ ca của tôn giáo mới và bị lay động trước “không khí vui tươi chộn rộn của cuộc truyền giáo.” Với Nwoye, những bài thánh ca Kitô giáo không chỉ có

"sức mạnh để gậy những hợp âm thâm lặng và bụi bặm trong trái tim một người Ibo," mà dường như còn trả lời "một câu hỏi mơ hồ và dai dẳng đã ám ảnh tâm hồn trẻ trung của anh."

Sức mạnh của ngôn từ

Khi được hỏi tại sao lại chọn viết bằng tiếng Anh chứ không phải tiếng mẹ đẻ Igbo, Achebe trả lời rằng nếu không sử dụng một ngôn ngữ mà ông đã dành cả đời để lĩnh hội, một ngôn ngữ có thể được sử dụng hiệu quả như "lập luận phản bác lại sự xâm chiếm thuộc địa" thì thật là ngu ngốc. Achebe khẳng định văn tự Igbo, do các nhà truyền giáo sáng tạo ra khi bước sang thế kỷ mới, là sự pha trộn những phương ngữ đã mất hết nhịp điệu và nhạc âm của ngôn ngữ nói. Điều này được minh họa trong tiểu thuyết, khi thông dịch viên Igbo của người da trắng bị dân làng địa phương chế giễu vì phương ngữ khác biệt – cách anh ta phát âm "tôi" có thể hiểu thành "cặp móng tôi".

Achebe tiếp nối *Quê hương tan rã* bằng hai cuốn tiểu thuyết tạo thành bộ ba tác phẩm, xoay quanh nửa thế kỷ đất nước đầy biến động dưới sự cai trị của người Anh. *Không còn bình yên*, lấy bối cảnh thời kỳ ngay trước khi Nigeria giành độc lập, kể về Obi, cháu trai



Một tôn giáo kinh tòm đã bén rễ giữa các người. Giờ thì một người đàn ông có thể rời bỏ cha và anh em mình...
Ta lo sợ cho các người;
ta lo sợ cho cả thị tộc.

Quê hương tan rã



Okonkwo, trở về từ trường đại học ở nước ngoài và phải vật lộn với lý tưởng trong một xã hội được xây dựng trên hối lộ và tham nhũng. Achebe sau đó đã quay ngược thời gian trong *Mùi tên của Chúa* để tiếp tục câu chuyện về sự lụi tàn của nền văn hóa Igbo trong những năm thuộc địa.

Được mệnh danh là "cha đẻ của văn học châu Phi hiện đại", Achebe đã mở lối cho các tác phẩm tiếng Anh nói về châu Phi. Trong một bài báo trên tạp chí *Tiếng công mới*, nhà báo Henry Chukwuemeka Onyema đã cho rằng *Quê hương tan rã* "đạt thành tựu phi thường... khi kể cho chúng ta nghe về chính chúng ta, qua đôi mắt của chính chúng ta." Onyema gọi những năm 1960 ở Nigeria là "thời kỳ văn học sục sùi", khi các nhà văn tìm cách định nghĩa một quốc gia vừa độc lập và lý giải những mâu thuẫn của nó. Trong số đó có nhà viết kịch và tiểu thuyết gia Wole Soyinka, người được trao giải Nobel Văn học năm 1986.

Đương đầu áp bức

Các thế hệ nhà văn Nigeria về sau tiếp tục vật lộn với hậu quả của chủ nghĩa thực dân, nội chiến và xung đột văn hóa. Năm 1991, Ben Okri được trao giải Booker cho *Con đường đời khổ*, kể về một tinh linh phải đối mặt với cái chết để trở thành một phần trong cuộc sống của những con người thực. Các nhà văn nữ như Chimamanda Ngozi Adichie cũng tìm thấy tiếng nói gắn với lịch sử chính trị đầy biến động của Nigeria và khám phá vai trò của phụ nữ trong nền văn hóa do nam giới thống trị. Trong tiểu thuyết đầu tay của Adichie, *Hoa bụi tím* (2003), người kể chuyện là một cô gái 15 tuổi đấu tranh để vươn lên khỏi sự áp chế của nền giáo dục Công giáo gia trưởng. Các nhà văn khác cũng tìm tòi một loạt các vấn đề hiện đại – như đồng tính, mại dâm và suy thoái môi trường – từ góc nhìn Nigeria. ■



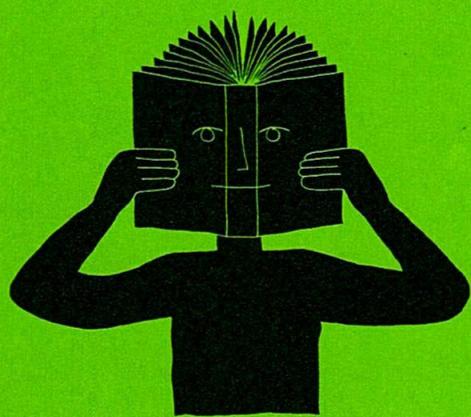
Chinua Achebe

Sinh năm 1930 tại thị trấn nhỏ Ogidi, đông nam Nigeria, với cha mẹ theo đạo Tin lành, Chinua Achebe nói tiếng Igbo ở nhà và tiếng Anh ở trường. Ông tốt nghiệp đại học ở Ibadan năm 1952, và trong vòng 12 năm đã viết ba cuốn tiểu thuyết sau này trở thành nền tảng cho sự nghiệp của ông. Achebe kết hôn với Christie Chinwe Okoli vào năm 1961 và có bốn người con.

Buổi đầu sự nghiệp trong ngành phát thanh kết thúc khi Chiến tranh Biafra nổ ra. Achebe bắt đầu giảng dạy ở Mỹ và Nigeria, viết truyện, thơ, tiểu luận và sách dành cho trẻ em. Năm 1990, một vụ tai nạn ô tô khiến ông phải ngồi xe lăn suốt phần đời còn lại. Năm 1992, ông trở thành giáo sư ngôn ngữ và văn học tại Đại học Bard, New York, rồi đến năm 2009, ông chuyển đến Đại học Brown, Rhode Island. Năm 2007, Achebe được trao giải Man Booker quốc tế thể loại tiểu thuyết. Ông mất vào tháng 3, 2013 ở tuổi 82.

Tác phẩm chính khác

- 1960 *Không còn bình yên*
- 1964 *Mùi tên của Chúa*
- 1966 *Đại biểu nhân dân*
- 1987 *Những tổ kiến ở Savannah*



BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Người dẫn chuyện không đáng tin

TRƯỚC ĐÓ

1884 Trong *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* của Mark Twain, cậu bé nhân vật chính không hiểu ý nghĩa các sự kiện, còn độc giả nào cũng rõ.

1955 Trong *Lolita* của Vladimir Nabokov, chuyện của Humbert Humbert được tập hợp từ các ghi chép của gã trong tù và được công bố sau khi gã qua đời.

SAU ĐÓ

1962 Trong *Vượn máy* của Anthony Burgess, thiếu niên phạm pháp Alex thú tội bằng "Nadsat", khẩu ngữ vị thành niên ở tương lai.

1991 Trong *Tâm thân kiểu Mỹ* của Bret Easton Ellis. Tên sát nhân hàng loạt đội lốt người thành đạt để kể chuyện.

2001 Trong *Cuộc đời của Pi* của Yann Martel, người dẫn chuyện nói thách thức lòng tin về nhân vật trôi dạt cùng con hổ – sau đó lại lý giải theo hướng khác.

NGAY ĐẾN GIẤY DÁN TƯỜNG CÒN CÓ TRÍ NHỚ TỐT HƠN CON NGƯỜI

CÁI TRỐNG THIẾC (1959), GÜNTER GRASS

Thuật ngữ “người dẫn chuyện không đáng tin” chỉ người kể ở ngôi thứ nhất tự làm giảm uy tín trong câu chuyện của chính họ. Tiểu thuyết hiện thực có xu hướng dùng giọng văn duy lý để kể chuyện như độc giả mong đợi. Nhưng sẽ ra sao nếu người kể khiến độc giả phải nghi ngờ, vì người đó mất trí, có nhận thức méo mó, còn là trẻ con, hay đang dối trá?

Những người kể luôn leo xuất hiện tán mác trong văn học thế kỷ 20, từ Humbert Humbert trong *Lolita* của Vladimir Nabokov đến Patrick Bateman trong *Tâm thân kiểu Mỹ* của Bret Easton Ellis. Nhưng người dẫn chuyện không đáng tin đã tồn tại trong nhiều thế kỷ, như Gulliver ngây thơ của Jonathan Swift và Huckleberry Finn khôn ngoan của Mark Twain. Nếu được dẫn dắt tốt, tiểu thuyết có người dẫn chuyện không đáng tin sẽ hấp dẫn người đọc theo cách khác: yếu tố hoài nghi vừa thách thức lòng tin vừa thu hút người đọc vào câu chuyện.

Giữa dòng lịch sử

Günter Grass được gọi là “luồng tâm của quốc gia” vì trong *Cái trống thiếc*, ông đã vẽ nên chân dung châm biếm đen tối về sự đồng cảm đang trôi dạt trong các gia đình phổ thông đối với chủ nghĩa Quốc xã và về hậu

“

...Tôi dính chặt vào cái trống và không lớn thêm một ngón tay nào kể từ sinh nhật lần thứ ba.

Cái trống thiếc

”

quá của chiến tranh. Bất kỳ ai muốn tìm mình chúng về một người dẫn chuyện không đáng tin thì chẳng cần tìm đâu xa hơn nhân vật chính thấp bé của cuốn tiểu thuyết này, Oskar Matzerath. Oskar tự giới thiệu mình khi nằm trên giường “bệnh viện tâm thần”, nơi anh bị giam sau phiên tòa xét xử tội giết người. Anh giải thích rằng đến năm 20 tuổi, anh chỉ cao chừng 9 tấc vì đã dùng sức mạnh ý chí mạnh mẽ để bắt mình ngừng lớn từ sinh nhật lần thứ ba.

Dòng lịch sử đang trôi quanh, nhưng tiêu điểm chỉ tập trung vào nhân vật Oskar nhỏ bé, bạo liệt, cùng bạn đồng hành trung kiên – cái trống thiếc – và tiếng thét có thể làm vỡ cả kính. Cha anh ta có thể là một trong hai người: tình nhân của mẹ cậu hoặc

Xem thêm: *Tristram Shandy* 104–05 ▪ *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* 188–89 ▪ *Lolita* 260–61 ▪ *Vuon máy* 289 ▪ *Tâm thần kiểu Mỹ* 313

chồng bà ấy, quản lý tiệm tạp hóa ở Thành phố Tự do Danzig (nay là Gdansk, Ba Lan), do Đức kiểm soát. Oskar là chứng nhân cho những sự kiện có thật trong lịch sử Danzig và Düsseldorf, nhưng vì tỵ luyện và bị ám ảnh bởi ham muốn của bản thân, anh ta không phải người hùng. Anh còn can hệ vào một chuỗi những cái chết trong nhiều năm.

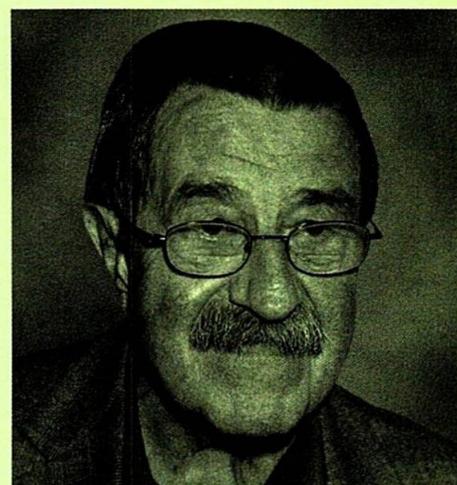
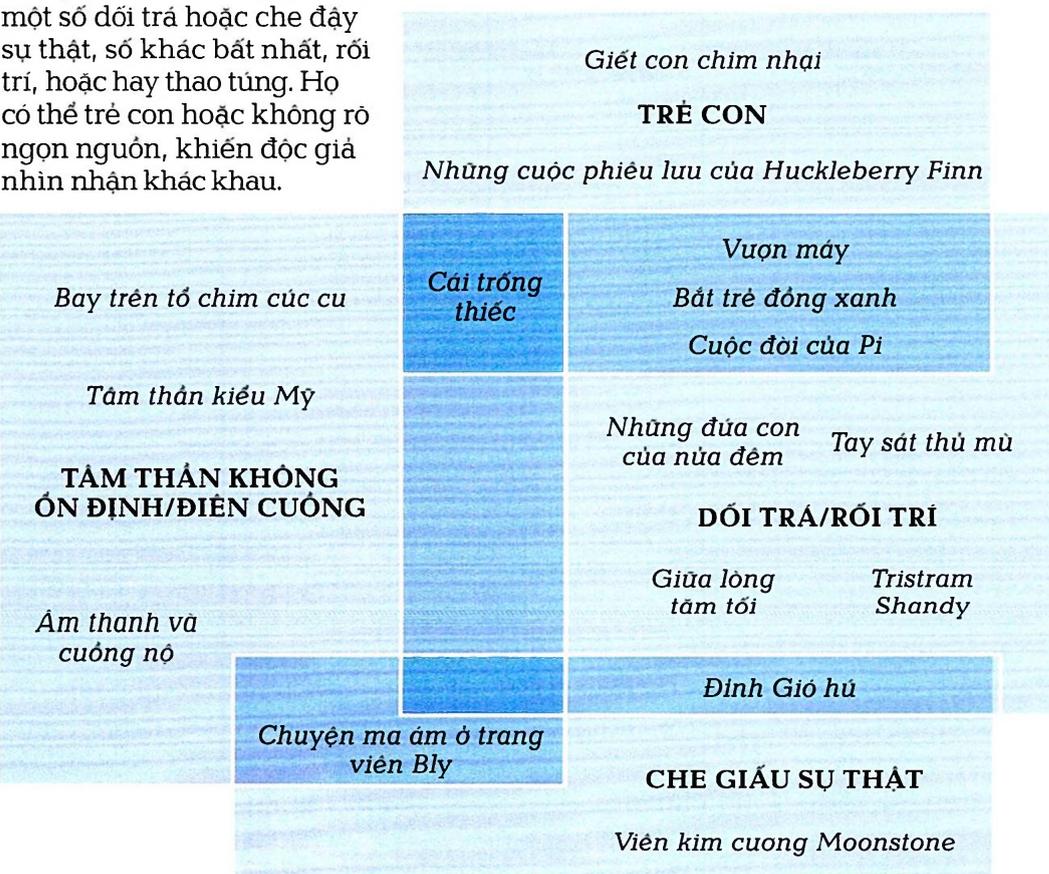
Sự thật khó tin

Đôi khi lời kể được chuyển sang ngôi thứ ba hoặc qua người cai ngục của Oskar để tạo góc nhìn khác. Giọng điệu cũng biến tấu đa dạng: cuộc tàn sát nữ tu trên bãi biển Normandy được kể như một trò hài kịch nơi khách phòng, trong khi lời kể đầy thi vị của Oskar vừa gây mê hoặc vừa đáng ghê tởm khi mô tả một ngư dân đang kéo đằm lươn quần quai ra từ cái đầu ngựa chết. Oskar chuyển hướng đưa

chúng ta vào những đường ngang ngõ tắt mịt mù với nỗi ám ảnh của mình về nghệ thuật, những chú lùn trong rạp xiếc, các cô y tá và mùi hương của những phụ nữ mà anh cảm dỗ. Anh ta lý trí kể lại lịch sử Danzig, rồi sau đó lại đề cập một hộp đêm có tên Hầm Hành, nơi người ta cất hành sống để tỵ làm mình khóc.

Oskar đại diện cho điều gì? Có lẽ anh ta là quý sú, dùng tiếng thét chọc thủng tấm kính trưng bày của các cửa hàng để dụ người qua đường trộm cắp, hoặc cảm dỗ phụ nữ bằng những cách tài tình. Cùng có thể anh ta là hiện thân cho nhận thức của Grass về nước Đức – miền nhiệm với khổ đau thời chủ nghĩa Quốc xã và nhanh chóng chôn vùi quá khứ. Tuy nhiên, chắc chắn là thông qua viễn tượng ma thuật tàn nhẫn của Oskar, tác giả đã tìm ra cách giống hời trống khắc sâu lịch sử vào ký ức. ■

Người dân chuyện không đáng tin có nhiều diện mạo: một số dối trá hoặc che đậy sự thật, số khác bất nhất, rối trí, hoặc hay thao túng. Họ có thể trẻ con hoặc không rõ ngọn nguồn, khiến độc giả nhìn nhận khác nhau.



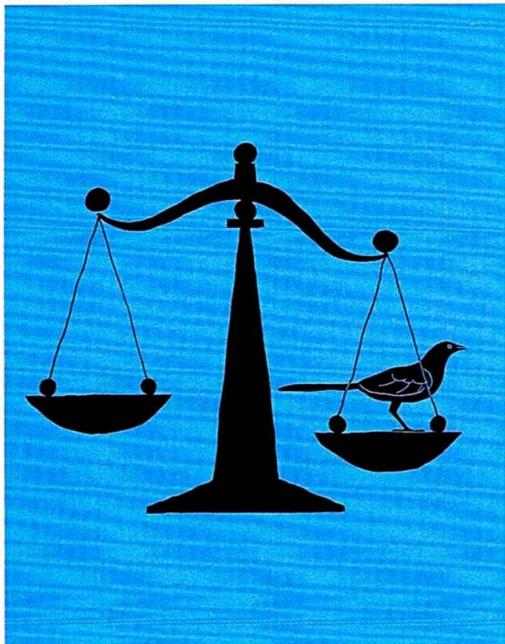
Günter Grass

Sinh năm 1927 tại Danzig (nay là Gdańsk, Ba Lan) với cha là người Đức và mẹ là người Kashubia, Günter Grass theo học tại Conradinum Gymnasium và là thành viên của Đoàn Thanh niên Hitler. Cuối năm 1944, ở tuổi 17, ông gia nhập Waffen-SS (cánh quân tinh nhuệ của Đức Quốc xã), theo như tiết lộ gây tranh cãi của ông vào năm 2006.

Sau chiến tranh, Grass làm việc ở mỏ và nông trại, đồng thời học nghệ thuật, trước khi trở thành nhà điêu khắc cùng như nhà văn ở Paris và Berlin. Ông xuất bản tập thơ và vở kịch đầu tiên năm 1955, nhưng bước đột phá của ông đến vào năm 1959 với *Cái trống thiếc*, sau đó là hai tiểu thuyết khác tạo nên Bộ ba Danzig. Năm 1999, ông được trao Nobel Văn học, một trong nhiều giải thưởng trong sự nghiệp của ông. Grass hoạt động sôi nổi trong chính trường Đức, ủng hộ Đảng Dân chủ Xã hội và phản đối việc tái thống nhất đất nước. Ông mất năm 2015 ở tuổi 87.

Tác phẩm chính khác

- 1961 *Mèo và chuột*
- 1963 *Những năm chó*
- 1999 *Trăm năm của tôi*
- 2002 *Cua bò*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Gothic miền Nam

TRƯỚC ĐÓ

1940 Tiểu thuyết đầu tay *Trái tim là người thợ săn đơn độc* của Carson McCullers gói gọn các yếu tố Gothic miền Nam vào chuyện kể về những kẻ lạc loài ở Georgia trong những năm 1930.

1955 Vô kịch *Con mèo ngồi trên chảo lửa* của nhà viết kịch Tennessee Williams lấy bối cảnh một đồn điền trồng bông ở vùng đồng bằng Mississippi đã thách thức các tục lệ xã hội miền Nam bằng hình ảnh cậu quý tử đồng tính tự chối bỏ bản thân và nghiện rượu.

SAU ĐÓ

1980 *Liên minh lũ đàn* của John Kennedy Toole lấy bối cảnh New Orleans, kể về tấn trò hề của Ignatius J. Reilly nhếch nhác và lạc loài. Một năm sau khi xuất bản truyện này, Toole đã được truy tặng giải Pulitzer thể loại tiểu thuyết.

EM NGHĨ RẰNG CHỈ CÓ MỘT LOẠI NGƯỜI MÀ THÔI. LÀ CON NGƯỜI.

GIẾT CON CHIM NHẠI (1960), HARPER LEE

Dựa trên truyền thống văn học Gothic thế kỷ 18 với các yếu tố kỳ ảo và quái dị, những tác giả vùng Thâm Nam Hoa Kỳ giữa thế kỷ 20 như Tennessee Williams, Flannery O'Connor và Carson McCullers đã tạo nên một thể loại văn học gọi là Gothic miền Nam. Những nhà văn này đã dùng các đặc trưng của phong cách Gothic truyền thống để phản ánh thực tế đáng lo ngại và tâm tư ngổn ngang ẩn dưới bộ mặt tầng lớp đáng kính miền Nam. Với những nhân vật bị tổn thương hoặc lập dị, bối cảnh rùng rợn và tình huống hiểm nguy, truyện thuộc thể loại này đào sâu vào các vấn đề trong xã hội



Con sẽ không bao giờ thực sự hiểu một người cho đến khi nhìn nhận mọi việc từ quan điểm của người đó – cho đến khi con đi vòng quanh trong thân phận của người đó.

Giết con chim nhại



miền Nam như phân biệt chủng tộc, nghèo đói và tội phạm.

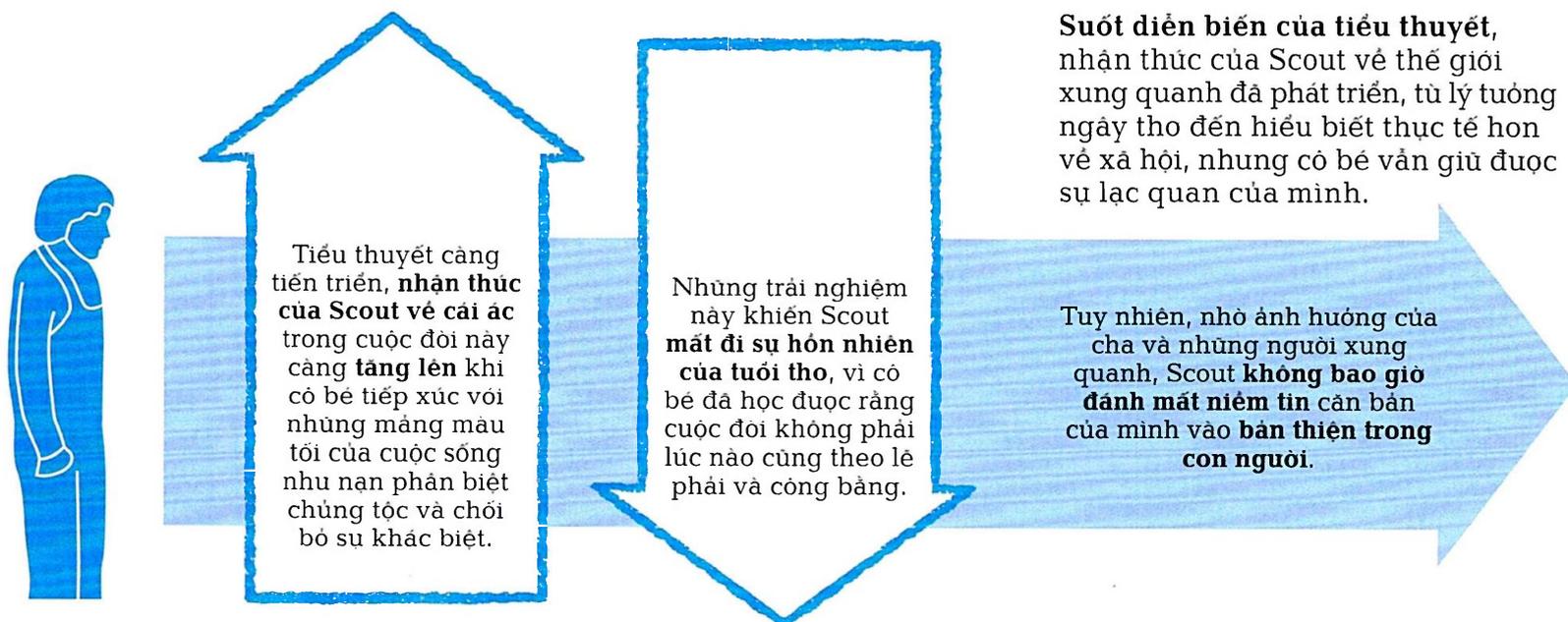
Cuốn tiểu thuyết kinh điển *Giết con chim nhại* của Harper Lee kết hợp chủ đề thành niên vào thể loại Gothic miền Nam và nêu bật định kiến chủng tộc ở miền Nam nước Mỹ trong những năm trước phong trào dân quyền. Tiểu thuyết này cũng tìm hiểu hành vi của những người sống trong một cộng đồng nhỏ ở miền Nam.

Một tục lệ đầy thách thức

Câu chuyện lấy bối cảnh giữa những năm 1930 tại Maycomb, một thị trấn ở Alabama, nơi "một ngày có hai mươi tu giờ, nhưng có vẻ dài hơn nhiều". Người dẫn chuyện là cô bé Scout, gán lên sáu khi các sự kiện bắt đầu. Cô bé là một tomboy thường nghi vấn về các tục lệ xã hội. Scout sống với người cha góa vợ, là luật sư Atticus Finch (một người đàn ông có đạo đức ngay thẳng, luôn cố gắng dạy con những giá trị của sự cảm thông và lòng trắc ẩn), anh trai Jem, và người đầu bếp da đen Calpurnia.

Scout miêu tả cuộc sống hằng ngày ở Maycomb, những người hàng xóm, tình bạn với cậu bé khác thường tên Dill, và trường học của cô bé, vẽ nên bức tranh về một xã hội ở miền Thâm Nam dường như không bao giờ đổi thay theo thời gian. Sức nóng lan tỏa trên đường phố, những

Xem thêm: *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* 188–89 ▪ Âm thanh và cuồng nộ 242–43 ▪ Người vô hình 259 ▪ Máu lạnh 278–79



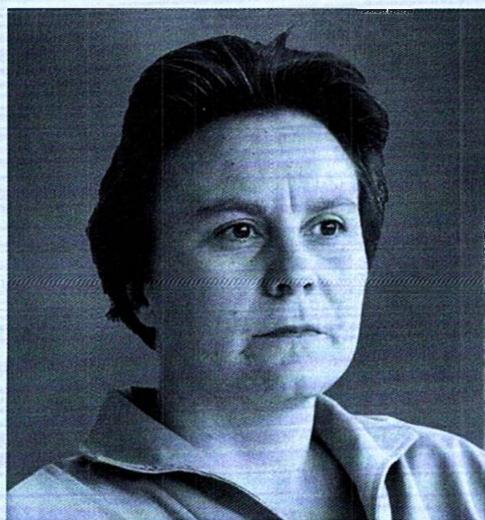
phụ nữ học thức nói chuyện phiếm trong các bữa tiệc trà của dân truyền giáo, những đứa trẻ da trắng nghèo khó đi chân đất đến trường, và người da đen sống biệt lập, làm nông hoặc giúp việc nhà. Tuy nhiên, theo truyền thống của Gothic miền Nam, vẫn có những điều kỳ quái trong cộng đồng ấy – đặc biệt là về Boo Radley, người sống ẩn dật trong một ngôi nhà bị đồn là ma ám, đối tượng để lũ trẻ thêu dệt những câu chuyện viễn vông.

Khi Atticus đồng ý biện hộ cho Tom Robinson, người đàn ông da đen ở địa phương bị buộc tội cưỡng hiếp một phụ nữ da trắng, Scout mô tả những căng thẳng và bạo lực do Atticus quyết tâm bảo vệ Robinson, mặc dù thực tế, như ông đã thừa nhận, sự việc đã đi đến bước đường cùng. Sau phiên tòa, một cuộc tấn công sát hại những đứa trẻ đã diễn ra. Nhờ đó lộ ra việc Boo Radley là người bảo vệ lũ trẻ chứ không phải quái vật. Cuốn tiểu thuyết kết thúc khi Scout

đã trưởng thành và sáng suốt hơn, suy ngẫm về hành vi con người trong cộng đồng nhỏ của mình.

Được xuất bản khi phong trào dân quyền đang lan tỏa mạnh mẽ, *Giết con chim nhai* là cuốn sách bán chạy gần như ngay lập tức. Dù có giọng văn nhẹ nhàng, tiểu thuyết này cũng nhu như những cuốn khác cùng thể loại, đã phơi bày cái tăm tối bên dưới vẻ hào nhoáng của một cộng đồng miền Nam khi bị buộc phải đối mặt với thực tế của sự thù ghét sắc tộc. ■

Harper Lee

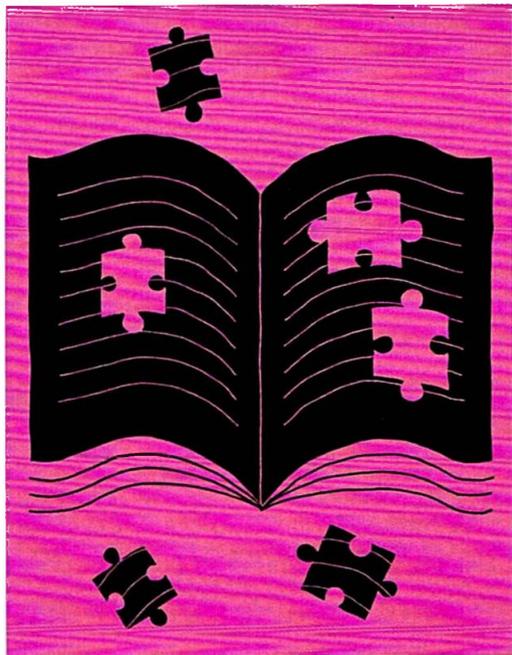


Sinh ra ở thị trấn Monroeville, Alabama, vào ngày 28 tháng 4, 1926, Harper Lee là một cô bé tomboy có đọc. Cha bà là một luật sư, và người bạn thân nhất của bà là tác giả Truman Capote (sau này bà giúp ông tìm tư liệu để viết *Máu lạnh*).

Lee theo học tại Đại học Alabama và phụ trách biên tập tạp chí của trường. Mặc dù học luật nhưng bà muốn viết văn, nên đến năm 1949, bà đã bỏ học và chuyển đến New York. Năm 1956, những người bạn thân đề nghị chu cấp cho bà trong một năm để bà tập trung sáng tác. Lấy cảm hứng từ những sự việc và con người từ thời thơ ấu, bà bắt đầu

viết *Giết con chim nhai*, đến năm 1959 thì hoàn thành.

Thành công to lớn của *Giết con chim nhai* đã mang lại cho Lee nhiều giải thưởng văn học, bao gồm cả giải Pulitzer năm 1961. Tuy nhận lời tham gia Hội đồng Nghệ thuật Quốc gia, gần như bà đã lui khỏi tầm mắt công chúng từ những năm 1970. Người ta tin rằng Lee chỉ viết một cuốn sách, nhưng vào năm 2015, cuốn tiểu thuyết thứ hai của bà mang tên *Hãy đi đặt người canh gác* được xuất bản: mặc dù là phần tiếp theo, cuốn sách lại được viết trước *Giết con chim nhai*.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Phản tiểu thuyết

TRƯỚC ĐÓ

1605 *Don Quixote* của Miguel de Cervantes được coi là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên, nhưng có những đặc trưng văn học và cấu trúc chương hồi trái với các định nghĩa về sau của thể loại này.

1939 *Nơi nước cạn Đồi-Chim-Boi* của tác giả Ireland Flann O'Brien có nhiều nhân vật và cốt truyện mất đi cấu trúc tuyến tính.

SAU ĐÓ

1973 *Lâu đài nơi vận số gặp gỡ* của tác giả Italy Italo Calvino có nhiều cốt truyện; mỗi cốt truyện được xác định bởi một trình tự ngẫu nhiên của những lá bài tarot.

2001 *Bartleby và đồng sự* của nhà văn Tây Ban Nha Enrique Villa-Matas xoay quanh các văn bản bất thành văn, ghi chép rời rạc, chú thích, ám chỉ văn học và bình luận về các tác giả có cá thực lẫn hư cấu.

CHẲNG CÓ GÌ MẤT MÁT NẾU TA CÓ DŨNG KHÍ TUYÊN BỐ RẰNG TẤT CẢ ĐÃ MẤT VÀ CHÚNG TA PHẢI LÀM LẠI TỪ ĐẦU

LÒ CÒ (1963), JULIO CORTÁZAR

Một trong những đặc trưng nổi bật của tiểu thuyết thường được cho là cách sắp xếp tuần tự, tuyến tính của những phân đoạn tường thuật: các chương, ít hay nhiều theo trình tự, được ước đoán hoặc dự kiến sẽ đóng vai trò ngang nhau từ góc độ tường thuật.

Dòng sách phản tiểu thuyết – do tác giả Pháp vào giữa thế kỷ 20 Jean-Paul Sartre lần đầu đặt tên – đã lật đổ nhận định này, đánh dấu sự xa rời triệt để về cốt truyện, đối thoại và cấu trúc so với tiểu thuyết thông thường. Với *Lò cò* của nhà văn Argentina Julio



Ám chi đến nhạc jazz xuất hiện xuyên suốt *Lò cò*, không chỉ trong chủ đề mà còn trong ngôn ngữ truyền tải đậm chất jazz, cấu trúc phi tuyến tính và lối tiếp cận ứng tác.

Cortázar, định nghĩa tiểu thuyết bị lật đổ ngay cả từ khía cạnh hình thức. Người đọc phản tiểu thuyết bị buộc phải chấm dứt mọi giả định về cách tường thuật câu chuyện, và phải đọc theo những cách mà một tác phẩm tiểu thuyết truyền thống không yêu cầu. Như Bảng hướng dẫn của tiểu thuyết *Lò cò* đã hướng dẫn người đọc, "Sách này, theo cách của riêng nó, bao hàm nhiều sách, nhưng trên hết là hai sách".

Cuốn sách kết thúc mở

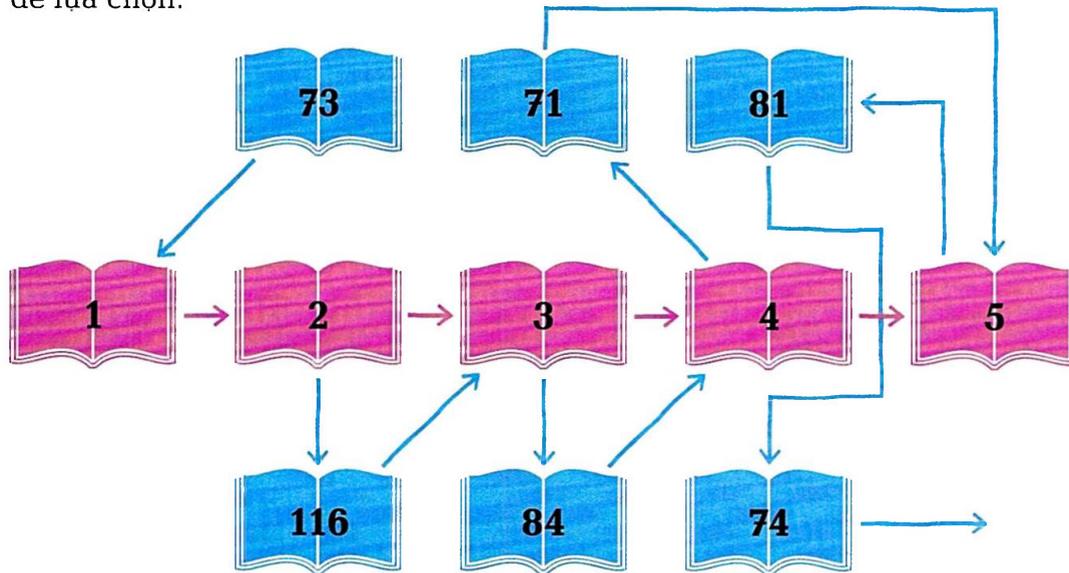
Có thể đọc *Lò cò* như một tiểu thuyết đơn giản – cuốn sách đầu tiên – hết chương này đến chương khác (kết thúc ở Chương 56), hoặc như một câu chuyện thú hai, nhảy từ "Chương đọc thêm" 73 đến Chương 1, tới lui, qua lại cho đến Chương 58 và Chương 131, nơi người đọc bị cuốn vào một vòng lặp vô tận. Tác giả cũng cho phép người đọc khám phá cuốn tiểu thuyết theo bất kỳ trình tự nào và hoàn toàn bỏ qua các Chương đọc thêm.

Ngay cả với lựa chọn đọc theo trình tự tuyến tính hơn, cốt truyện vẫn diễn biến thất thường, cho thấy một loạt các phân đoạn theo chân nhân vật chính, Horacio Oliveira, bắt đầu từ Paris những năm 1950. Chúng ta khám phá ở Oliveira những sở thích giàu trí

Xem thêm: *Don Quixote* 76–81 ▪ *Tristram Shandy* 104–05 ▪ *Kẻ xa lạ* 245
▪ *Nếu một đêm đông có người lữ khách* 298–99

Lò cò mời độc giả thử nghiệm các trình tự đọc khác nhau, với cuốn sách đầu tiên “bình thường” gồm 56 chương và cuốn sách thứ hai gồm 99 “Chương đọc thêm”. Có thể đọc riêng mỗi cuốn, ngoài ra còn có nhiều trình tự khác để lựa chọn.

 **Cuốn sách đầu tiên**
 **Chương đọc thêm**



tuệ và niềm đam mê đối với nhạc jazz – dòng nhạc có ảnh hưởng rõ nét đến phong cách của Cortázar, với nhịp điệu đảo phách rời rạc. Chúng ta nghe những cuộc thảo luận của Oliveira với các thành viên khác trong một nhóm danh nghĩa mô phỏng tên là Hội Con Rắn, cùng sự tôn kính của họ dành cho tác giả bí ẩn Morelli, và tình yêu của Oliveira với La Maga (nhưng quan hệ giữa họ khá rắc rối). Cuối cùng, Oliveira đến Argentina và làm trong một viện cứu tế.

Các lối tường thuật

Cuốn sách thứ hai lấy Argentina làm sân khấu. Trong một số Chương đọc thêm, có thể thấy Cortázar tin rằng người đọc nên nhận thức được hướng đi của cuốn tiểu thuyết – với tư cách là người tham gia, thậm chí là kẻ chủ mưu – chính niềm tin ấy cuối cùng đã phá hủy cái nhân tiểu thuyết của chính truyện này.

Cortázar cho thấy sự sa sút tinh thần, mất tương tác và xa lánh

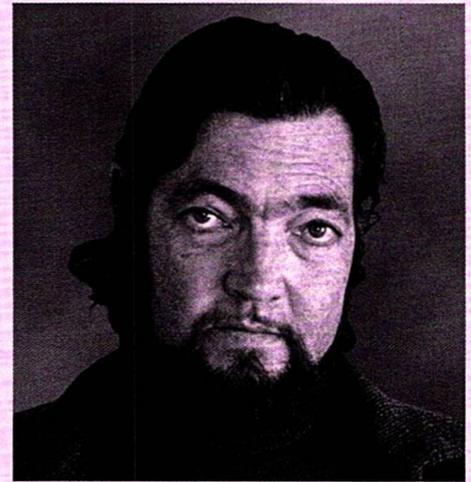
giữa con người với nhau, cũng như việc di chuyển bắt buộc khắp các quốc gia, tất cả được phản ánh qua những tác động mà cuốn sách, như một sự vật, đòi hỏi người đọc. Bằng cách này, tác giả đã thành công khi gây chú ý đến cấu trúc hu cấu của sách, cũng như những kỳ vọng của chúng ta về loại hình tiểu thuyết. ■

“

[Một] thế giới cò vua nơi bạn di chuyển như một quân mã đang cố di chuyển như một quân xe đang cố di chuyển như một quân tượng.

Lò cò

”



Julio Cortázar

Julio Cortázar sinh ở Bỉ vào năm 1914, có cha mẹ là người Argentina. Gia đình ông chuyển đến Thụy Sĩ vào đầu Thế chiến I, nhưng định cư ở Buenos Aires, Argentina từ năm 1919.

Cortázar đủ khả năng trở thành giáo viên từ khi còn trẻ. Ông bắt đầu học đại học về triết học và ngôn ngữ ở Buenos Aires, nhưng bị gián đoạn do khó khăn về tài chính.

Năm 1951, ông di cư sang Pháp, vừa dịch thuật, vừa liên tục đi du lịch và viết truyện ngắn. Ông tham gia vào các hoạt động chính trị, ủng hộ các phong trào cánh tả ở Cuba và Mỹ Latin lục địa, nơi ông đã đến thăm nhiều lần kể từ những năm 1960. Cũng trong khoảng thời gian này, các tiểu thuyết của ông, bao gồm *Lò cò*, bắt đầu được xuất bản. Cortázar qua đời năm 1984 ở tuổi 69, và được chôn cất tại Paris.

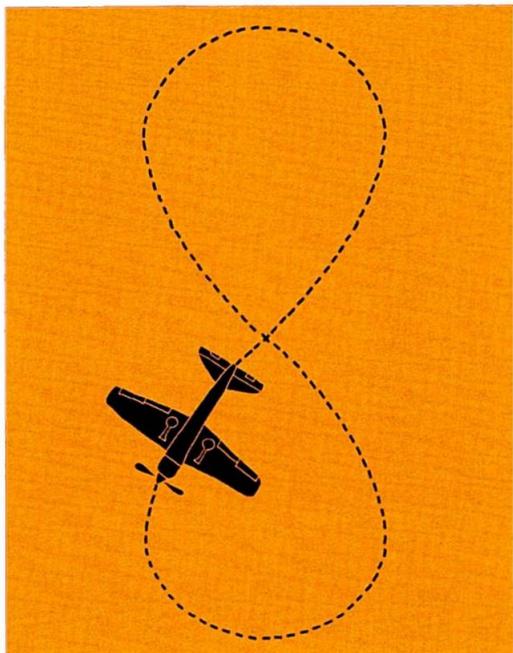
Tác phẩm chính khác

1960 *Những người thắng giải*

1967 *Tàn cuộc và những câu chuyện khác*

1968 *62: Bộ lắp ráp*

1973 *Số tay của Manuel*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Hài đen kiểu Mỹ

TRƯỚC ĐÓ

1939 *Ngày châu chấu* của Nathanael West châm biếm sự phù phiếm kịch côm của Hollywood và của những kẻ sống lợi dụng trong thời kỳ Đại khủng hoảng.

1959 Tuyển tập *Tam biệt, Columbus* của Philip Roth đề cập một cách hài hước đến mặt tối hay cấm kỵ của các chủ đề như tình dục, tôn giáo và sự đồng hóa văn hóa.

SAU ĐÓ

1966 *Tiếng gọi của lò 49* của Thomas Pynchon khai thác sự thất bại trong giao tiếp cũng như bản chất phi lý và mất trật tự của thế giới.

1969 *Lò sát sinh số 5* của Kurt Vonnegut châm biếm việc tìm kiếm lẽ sống trong thời đại ngày càng rạn nứt, lấy cảm hứng từ trải nghiệm của chính tác giả trong vụ ném bom ở Dresden và sự phi lý của chiến tranh.

Y ĐÃ LỰA CHỌN GIỮA SỐNG MÃI HOẶC CHẾT KHI TẤN CÔNG

BẦY-22 (1961), JOSEPH HELLER

Thích thú với ý niệm suy đồi và những điều cấm kỵ, hài đen dùng sự khôi hài để pha trò về các vấn đề nghiêm túc hoặc gây tranh cãi. Sự hài hước như vậy thường xuất phát từ cảm giác tuyệt vọng hoặc kinh hoàng, làm nổi bật sự phù phiếm của cuộc sống. Nhiều tiểu thuyết đen mang tính châm biếm ra đời ở Mỹ vào nửa sau thế kỷ 20, khi quốc gia này nắm quyền lãnh đạo phương Tây trong bối cảnh châu Âu đã tan nát qua hai cuộc thế chiến và Chiến tranh Lạnh với vũ khí hạt nhân mạnh mẽ.

Cái điên trong cái tỉnh

Bầy-22 là tiểu thuyết châm biếm của tác giả Mỹ Joseph Heller (1923–99), lấy bối cảnh Thế chiến II, mặc dù cũng có thể đọc nó như lời bình về Chiến tranh Việt Nam đang diễn ra lúc bấy giờ.

Câu chuyện kể về Đội trưởng Yossarian và các phi công đồng đội bị áp bức bóc lột khi thực hiện nhiệm vụ ném bom. Chẳng màng đến tinh thần yêu nước, Yossarian chỉ tức giận vì mình phải liều mạng; tin rằng xung quanh toàn những kẻ ngốc điên cuồng,

“

Điều gì đáng để người ta chết vì nó... chắc chắn cũng đáng để người ta sống vì nó.

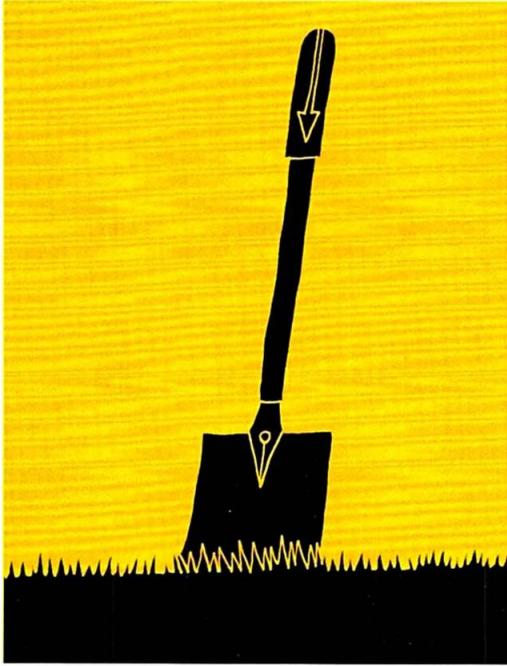
Bầy-22

”

y cố gắng trốn nhiệm vụ bằng cách giả bệnh. Tuy nhiên, y và các đồng đội đang mắc kẹt trong “bầy-22” (ý chỉ quy định của quân đội): họ có thể nộp đơn xin xuất ngũ vì bị mất trí, nhưng quy trình xác nhận mất trí đúng thủ tục lại chùng mình họ tinh táo, vì vậy họ phải tiếp tục bay.

Sự điên cuồng của chiến tranh mà Yossarian nhận thấy rõ ràng được Heller nhấn mạnh thông qua việc sử dụng nghịch lý, phi lý và kiểu lập luận vòng vo thể hiện từ chính cái bầy-22. Đúng chất hài đen, tiểu thuyết dẫn trò nên âm đạm, hài hước và bi thảm. ■

Xem thêm: *Tiếng gọi của lò 49* 290 ▪ *Lò sát sinh số 5* 291 ▪ *Tâm thân kiểu Mỹ* 313



PHÉP LẠ NGÀY THƯỜNG CÙNG QUÁ KHỨ SỐNG ĐỘNG

*CÁI CHẾT CỦA MỘT NHÀ TỰ NHIÊN HỌC (1966),
SEAMUS HEANEY*

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tho hậu chiến

TRƯỚC ĐÓ

1945 *Tuyển tập thơ* của nhà thơ Anh-Mỹ W. H. Auden gồm các bài thơ về chính trị công. Tác phẩm mở đầu cho hình tượng tôn giáo của ông, phản ánh sự khủng hoảng của xã hội hiện đại.

1957 Với *Điều hâu trong mua*, nhà thơ Anh Ted Hughes khám phá tình yêu và chiến tranh, thông qua và theo sát đời sống các loài động vật, thể hiện một thế giới tranh đấu tương ứng với thế giới của nhân loại.

1964 *Những đám cưới dịp lễ Hạ trần* của nhà thơ Anh Philip Larkin là loạt thơ nhận thức về sự suy tàn của các mối quan hệ gia đình và xã hội.

1965 *Ariel* của nhà thơ Mỹ Sylvia Plath, xuất bản sau khi bà mất, thể hiện bước chuyển sang dòng hình ảnh u ám và bấp bênh, vay mượn từ sự kinh hoàng của tội ác chiến tranh.

Bối cảnh chính trị, văn hóa và cá nhân của thế hệ các nhà thơ xuất hiện sau Thế chiến II đã phải chịu vết sẹo từ sự tàn bạo của chiến tranh và chất chứa đầy tội lỗi. Các nhà văn và nghệ sĩ có mối quan hệ rắc rối với quá khứ, dù công khai hay riêng tư. Trong tác phẩm của những nhà thơ như W. H. Auden, Ted Hughes và Philip Larkin, mối quan hệ cá nhân thường đại diện cho những tương tác rộng lớn hơn, và kỷ ức về bản thân cuộc chiến ẩn mình trong các hình ảnh, điều ám chỉ, hình thức thơ và phong cách.

Kỷ ức và đổi thay

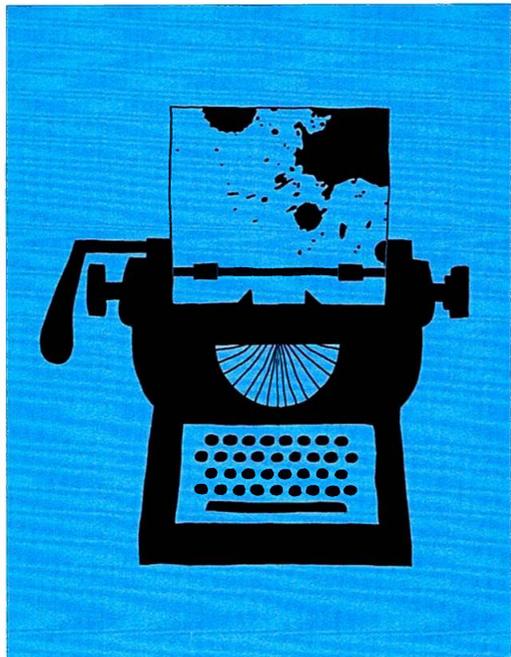
Gặt hái thành công và được khen ngợi nhiệt liệt, tập thơ lớn đầu tiên của nhà thơ Ireland Seamus Heaney (1939–2013), *Cái chết của một nhà tự nhiên học*, khám phá sự phân ly giữa thời thơ ấu và tuổi trưởng thành, quá khứ và hiện tại, như một phiên bản của sự phân chia thế giới trước và sau chiến tranh. Chủ đề cùng hình ảnh gọi lên thiên nhiên, gia đình, lao động và phong cảnh nông thôn Ireland qua các bài thơ như "Hái quả mâm xôi" và "Ngày làm bo". Dù không có dòng tự sự

diễn tiến trong tập thơ, nhưng 34 bài thơ đều xoay quanh các yếu tố phong cách và chủ đề tương tự nhau, sử dụng hình ảnh tự nhiên để làm nổi bật những tác động của chiến tranh đến không gian nội tại và ngoại sinh. Trong bài thơ thứ hai, "Cái chết của một nhà tự nhiên học", một cậu bé bắt gặp lũ ếch mà Heaney ví như lũ đạn bùn, mối liên hệ thời thơ ấu với thiên nhiên cùng đoạn tuyệt.

Quá khứ còn hiện thân qua các thành viên gia đình Heaney, nhất là cha ông. Trong "Đào", nhà thơ cho thấy mình hiện không theo kịp lối lao động chân tay và chuyên môn trong lối sống xưa khi nhớ lại việc cha mình đào khoai tây và ông nội bó cỏ. Nhưng xét cho cùng, lao động của họ có lẽ không khác quá nhiều so với lao động của ông, vì Heaney gán nhu công nhận một cách hối lỗi rằng viết lách là một liên kết với những tổ tiên trần tục và "hữu ích" hơn của ông.

Heaney đã được trao giải Nobel Văn học năm 1995, "cho các tác phẩm có vẻ đẹp trù phú và chiều sâu đạo đức, tôn vinh những phép lạ ngày thường cùng quá khứ sống động". ■

Xem thêm: Đất hoang 213 ■ Quả chuông ác mộng 290 ■ Quạ 291



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM Báo chí Mới

TRƯỚC ĐÓ

Đầu tn. 1900 Các phóng viên điều tra như Lincoln Steffens và Ida M. Tarbell kết hợp kỹ thuật văn học vào báo chí trong những bài viết phơi bày nạn hối lộ trong kinh doanh và công tác chính phủ.

1962 Nhà báo Gay Talese sử dụng phỏng vấn, đối thoại và quan sát trong một bài báo thực tế nhưng mang tính văn học về võ sĩ quyền anh Joe Louis trên tạp chí *Esquire*.

SAU ĐÓ

1970 Với *Sự sang chảnh cấp tiến và hăm he người đồ đạn* Tom Wolfe thách thức báo chí truyền thống khi đưa tin theo phong cách quan sát sống động.

1972 Hunter S. Thompson xuất bản cuốn sách về ma túy *Sợ hãi và kinh tòm ở Las Vegas*, tạo nên "báo chí Gonzo", thể loại mà nhà văn đóng vai trò không thể thiếu trong câu chuyện.

PHẢI CÓ MỘT CÁI GÌ ĐÓ KHÔNG HAY VỚI CHÚNG TA. LÀM CÁI VIỆC CHÚNG TA ĐÃ LÀM

MÁU LẠNH (1966), TRUMAN CAPOTE

Thuật ngữ "Báo chí Mới" được các nhà phê bình đề ra vào những năm 1960 để mô tả công việc của các nhà văn Mỹ như Truman Capote, Norman Mailer, Tom Wolfe và Gay Talese, những người đã sử dụng kỹ thuật văn học để kể chuyện có thật và đưa tin tức thực tế một cách kịch tính. Lý thuyết của Capote cho rằng báo chí có thể bị buộc phải tạo ra một hình thức nghệ thuật mới, "tiểu thuyết phi hư cấu" (cụm từ ông đã giải nghĩa trong một cuộc phỏng vấn năm 1966 với tờ *New York Times*, là trọng tâm của cuốn *Máu lạnh*).

Năm 1959, Capote đã đọc một mẩu tin trên báo gọi mở chủ đề lý

tuồng để ông thực hành lý thuyết của mình: người nông dân Kansas giàu có Herbert Clutter và các thành viên trong gia đình đã bị bắn chết không rõ lý do. Được bạn mình là tác giả Harper Lee hỗ trợ, Capote đã đến hiện trường và bắt đầu nghiên cứu vụ giết người. *Máu lạnh* được xuất bản bảy năm sau đó.

Vụ giết người ở Kansas

Cuốn sách mô tả vụ giết người xảy ra vào ngày 15 tháng 11, 1959. Bốn nạn nhân gồm: Clutter, 48 tuổi, một người đàn ông chăm chỉ, mộ đạo; người vợ Bonnie; người con gái Nancy; và người con trai Kenyon. Cả gia đình được nể trọng và có tiếng tăm trong vùng – việc họ bị giết chết tàn bạo đã gây chấn động cộng đồng. Một người đàn ông địa phương nói rằng họ là "những người hiền lành, tốt bụng, những người mà tôi biết – đã bị sát hại."

Nguộc lại, hai kẻ sát nhân, Richard "Dick" Hickock và Perry Smith, là những kẻ có tiền án – được ân xá từ Trại giam Tiểu bang Kansas. Dick hứa với Perry là cả hai sẽ làm "hất tung tóc lên mấy bức tường nhà chúng nó". Cả hai bị bắt giam tại Las Vegas vào ngày 30 tháng 12, 1959. Capote mái mè với chủ đề này, dành thời gian tìm đến bạn bè và người thân của nạn nhân, cư dân địa phương,

“

Tôi nghĩ rằng ông Clutter là một quý ông rất tử tế... Tôi nghĩ thế ngay khi tôi bắt gặp ông ấy.

Máu lạnh

”

Xem thêm: *Giết con chim nhại* 272–73 ▪ *Đội quân bóng đêm* 291 ▪ *Sợ hãi và kinh tởm ở Las Vegas* 332

Hòa quyện giữa thực tế và hư cấu

Báo chí



- Được nghiên cứu chính xác và kỹ lưỡng.
- Tập trung tường thuật – kể chuyện.
- Chuộng hình thức ngắn gọn và súc tích.

Báo chí Mới

- Kết nối với người đọc.
- Kết hợp tường thuật với một "giọng văn" riêng biệt.
- Đi sâu vào cảm xúc, động cơ và tính cách.
- Giữ tính chính xác thực tế.

Tác phẩm hư cấu

- Văn học được tạo nên từ trí tưởng tượng của tác giả.
- Có thể dựa trên các sự kiện có thật.



cảnh sát, quản giáo, bác sĩ tâm thần, và chính những kẻ sát nhân. Ông không ghi lại các cuộc phỏng vấn, nhưng viết vội những câu trích dẫn và ấn tượng sau đó.

Sự thật và sự tô điểm

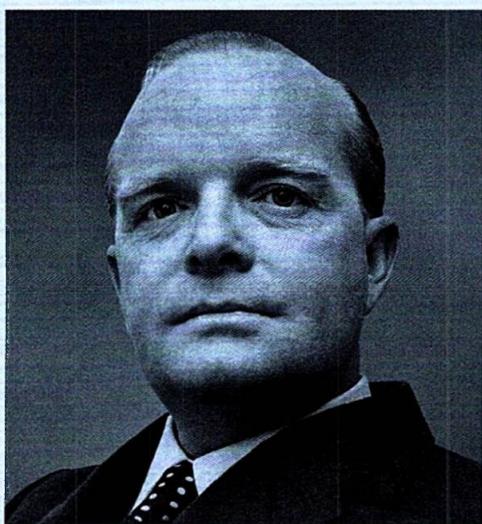
Kết quả cuối cùng là một tác phẩm nổi bật, trong đó Capote tạo nên hết cảnh này sang cảnh khác, xây dựng các nhân vật và cho phép người tham gia kể câu chuyện của họ bằng chính lời của họ. Cuốn sách lần đầu tiên được đăng từng kỳ trên tạp chí *The*

New Yorker, và đã thành công ngay lập tức. Nhà báo Mỹ Jack Olsen cho biết đây là cuốn sách đầu tiên biến tội ác có thật trở thành "thể loại thương mại thành công". Dù vậy, Capote vẫn bị cáo buộc đã làm sai lệch hoặc phóng đại các sự kiện. Ông phủ nhận mình đã bóp méo câu chuyện, mặc dù có bằng chứng về sự thêm thắt trong đó.

Tom Wolfe viết rằng *Máu lạnh* đã tạo cho Báo chí Mới "một động lực mạnh mẽ", và ông tiếp tục hệ thống hóa các đặc điểm của

thể loại này trong cuốn sách năm 1973, *Báo chí Mới*. Ông nói rằng cuốn tiểu thuyết của Capote đã kết hợp tất cả kỹ thuật then chốt của thể loại này: mục kích các sự kiện; đối thoại thực tế; kể ở ngôi thứ ba; và mô tả từng li từng tí chi tiết đời sống, nhu cách những kẻ giết người đánh răng. Điều này đã tạo ra một phóng sự gần như thực tế được trình bày theo phong cách tiểu thuyết, cho phép người đọc hiểu được các sự kiện và nhân vật mạnh mẽ hơn khi dựa trên sự kiện có thật. ■

Truman Capote



Tên thật là Truman Streckfus Persons, sinh tại New Orleans vào ngày 30 tháng 9, 1924, Capote có tuổi thơ khó khăn. Cha mẹ ly dị khi ông lên bốn, ông được họ hàng nuôi dưỡng. Sau đó, ông đến sống cùng mẹ và chồng thứ hai của bà, Joseph Capote, rồi đi học ở thành phố New York và Greenwich, Connecticut. Ông bắt đầu nghiệp viết với loạt truyện ngắn đăng trên các tạp chí như *Harper's Bazaar* và *The New Yorker*. Tiểu thuyết đầu tay *Những tiếng nói khác, những căn phòng khác*, được xuất bản năm 1948 giúp ông trở thành một nhà văn đáng chú ý. Capote là một nhân vật gây

tranh cãi. Quảng giao, uống nhiều và đôi khi sử dụng chất kích thích, ông thích lối sống hào hoa và công khai mình là đồng tính nam, điều bị xem là khác thường vào thời điểm đó. Sau này, ông sống ẩn dật và qua đời tại Los Angeles vào ngày 25 tháng 8, 1984.

Tác phẩm chính khác

- 1945 "Miriam" (truyện ngắn)
- 1951 *Hạc cảm cỏ*
- 1958 *Bữa sáng ở Tiffany's*
- 1986 *Nguyện cầu được hỏi đáp: Tiểu thuyết chưa hoàn thành* (xuất bản sau khi tác giả mất)

**TIÊU VONG TỰ
MỖI KHOẢNH KHẮC,
NHƯNG SẼ KHÔNG BAO GIỜ
CHẤM DỨT SỰ
TỰ TIÊU VONG**

*TRĂM NĂM CÔ ĐƠN (1967),
GABRIEL GARCÍA MÁRQUEZ*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Bùng nổ văn học Mỹ Latin

TRƯỚC ĐÓ

1946–49 Miguel Angel Asturias người Guatemala pha trộn các kỹ thuật văn học hiện đại với chủ nghĩa siêu thực và văn hóa dân gian trong *Ngài tổng thống và Tộc người ngô*.

1962 Trong *Cái chết của Artemio Cruz*, Carlos Fuentes xếp đặt từng lớp ký ức, hình ảnh nên thơ, dòng ý thức cùng nhiều góc nhìn để nói về nạn tham nhũng ở Mexico.

1963 Julio Cortázar, người Argentina, cho phép độc giả tự chọn diễn biến câu chuyện trong tác phẩm mang tính thử nghiệm *Lò cò*.

SAU ĐÓ

1969 Xã hội Peru rối ren vào thập niên 1950 được tiết lộ chóng vánh qua bàn luận giữa hai người đàn ông khác giai cấp trong *Trò chuyện trong quán La Catedral* của Mario Vargas Llosa.

Đúng như tên gọi, phong trào bùng nổ văn học Mỹ Latin là sự nở rộ sáng tạo văn học ở Nam Mỹ những năm 1960. Mặc dù Jorge Luis Borges đã nhóm một mối lửa từ khoảng 20 năm trước với *Ficciones* – một hộp câu đố chứa đầy truyện ngắn phá vỡ mọi quy ước văn học – nhưng những năm bùng nổ mới là lúc các tác phẩm xuất sắc ra mắt, thu hút sự chú ý ở tầm quốc tế dành cho các tác giả như Gabriel García Márquez, Julio Cortázar và Mario Vargas Llosa. Những trí thức này đã tham gia

“

Thời gian không chỉ trôi qua... Vòng tuần hoàn đang lặp lại...

Trăm năm cô đơn

”

vào các cuộc đấu tranh chính trị của Mỹ Latin.

Lối họ viết được thúc đẩy từ phong trào phản văn hóa vào thập niên 1960, và truyện của họ thường sử dụng các kỹ thuật sáng tạo thể nghiệm như thời gian phi tuyến tính, góc nhìn chuyển đổi và bút pháp hiện thực huyền ảo – một kỹ thuật được nhiều người cho là sáng kiến của văn học Nam Mỹ.

Sự tách biệt

Thường được xem là kiệt tác thời kỳ bùng nổ, *Trăm năm cô đơn* của tác giả Colombia García Márquez tập hợp các tích trong Kinh Thánh, thần thoại cổ đại, truyền thuyết Nam Mỹ về phép màu, phục sinh và tái sinh trong một tác phẩm mang tính ẩn dụ về lịch sử lục địa này.

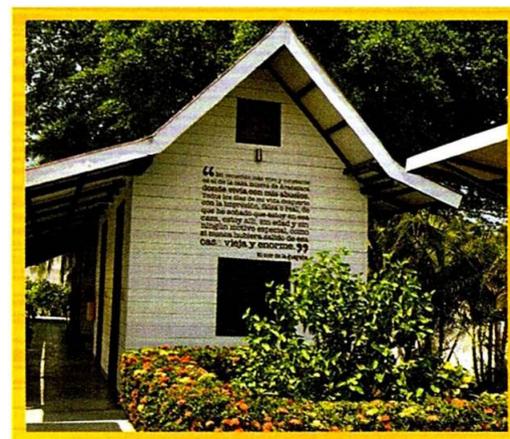
Câu chuyện trải dài một thế kỷ, qua bảy thế hệ duy nhất dòng họ Buendía. Macondo, ngôi làng mà họ sáng lập, đại diện cho lịch sử của Colombia nói chung. Mở đầu câu chuyện, Macondo là một ngôi làng nhỏ với những ngôi nhà bằng gạch bùn, nằm giữa núi và đầm lầy. Ngôi làng hoàn toàn biệt lập với thế giới hiện đại; không có tuyến đường nào đi qua những ngọn núi. Do José Arcadio Buendía và người vợ Úrsula Iguarán khởi tạo, đây là thiên đàng, nơi tất cả mọi người đều chưa đến tuổi 30 và chưa có ai qua đời.

José Arcadio và Úrsula có hai con trai – một người to khỏe, cường tráng, cùng tên José Arcadio, và người em trai Aureliano đầy tham vọng, có tài tiên đoán. Tên gọi, đặc điểm cơ thể và tính cách của họ được lặp lại qua nhiều thế hệ, còn các nhân vật khác như cô gái điếm Pilar Ternera trong làng lại làm nguồn gen vừa phong phú vừa phức tạp, vì cô kết đôi và sinh con cho nhiều người họ Buendía.

Rối loạn như vậy, nhưng trái tim của Macondo vẫn luôn là Úrsula, người mẹ của cả họ, với tuổi thọ lâu dài cho phép bà bảo vệ và duy trì dòng họ Buendía ở mọi thế hệ, sau mỗi cuộc xâm lược của những người mới đến và những sự việc điên rồ theo sau đó.

Sự xâm lăng

Mỗi thế hệ phải đối mặt với một thảm họa mới riêng biệt, tương tự như một giai đoạn nào đó trong lịch sử Mỹ Latin, hoặc phản ánh truyền thống thần thoại và truyền thuyết phong phú của lục địa này. Mặc dù có tâm hồn nghệ sĩ, Aureliano sớm bị cuốn vào các cuộc nội chiến gây tàn phá đất nước trong nhiều năm. Ông trở thành một đại tá lừng danh, nổi tiếng khắp vùng vì tài thơ văn



Ngôi nhà ở Aractaca, Colombia, nơi Gabriel García Márquez lớn lên, nay là địa điểm hành hương để những người hâm mộ tác giả đến thăm nơi đã truyền cảm hứng sáng tạo nên Macondo.

Xem thêm: *Ficciones* 245 ▪ *Lò cò* 274–75 ▪ *Pedro Páramo* 287–88 ▪ *Cái chết của Artemio Cruz* 289–290 ▪ *Thành phố và lũ chó* 290 ▪ *Những đứa con của nửa đêm* 300–05 ▪ *Ngôi nhà của những hồn ma* 334 ▪ *Tình yêu thời thơ ấu* 335 ▪ 2666 339

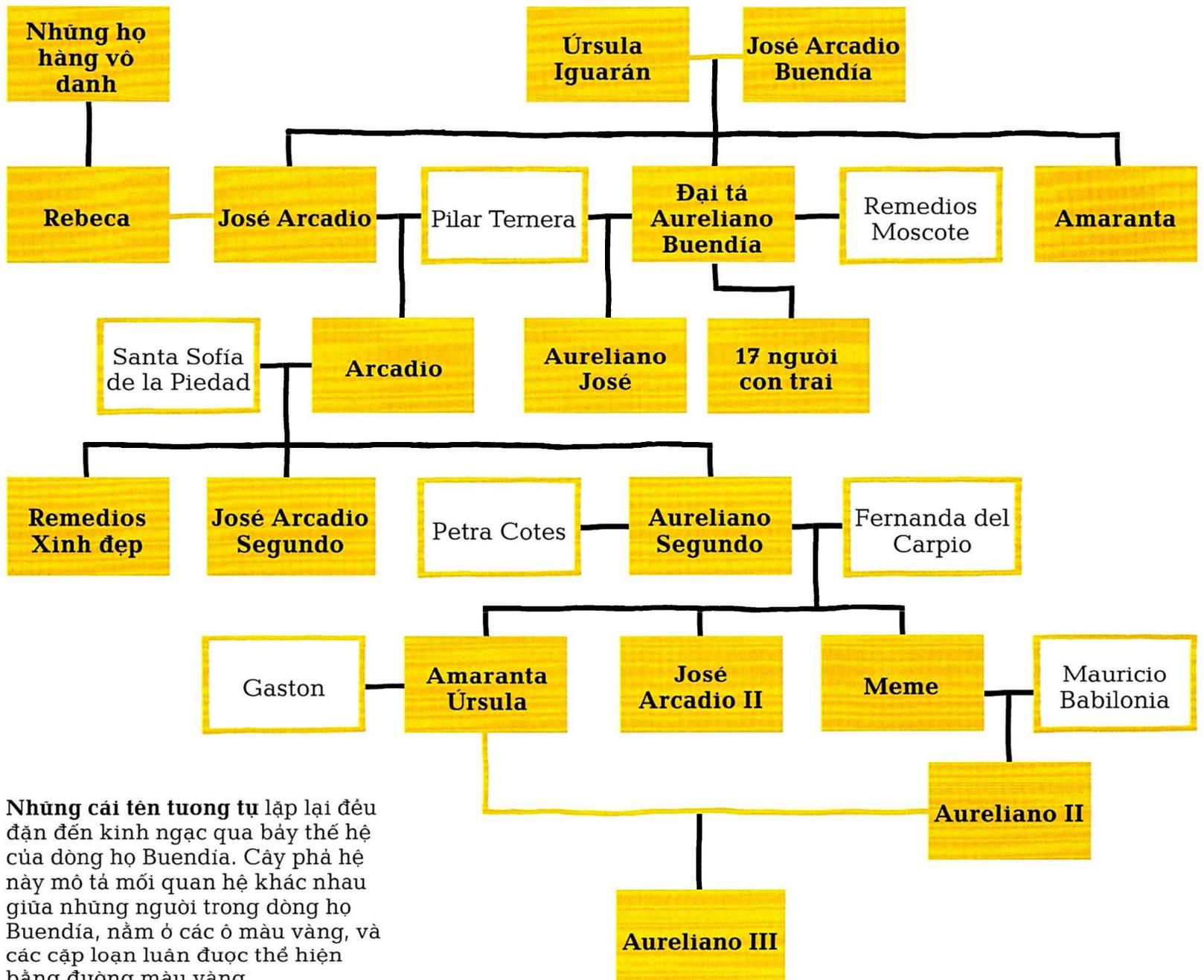
cũng như vì những chiến công quân sự.

Tuy nhiên, tất cả những chiến thắng của Aureliano đều vô dụng, quê hương ông vẫn bị những xung đột giày xéo, cũng giống như Mỹ Latin bị tàn phá bởi các cuộc đấu tranh đẫm máu vào thế kỷ 19. Những cuộc chiến mang chết chóc và bạo lực đến vùng đất Macondo vốn yên bình, và cháu trai Arcadio của Aureliano trở thành kẻ thống

trị độc tài cho đến khi bị xử bắn. Ngôi làng đã vinh viễn thay đổi, và việc mở một tuyến đường sắt mới lần đầu tiên đưa Macondo vào tầm ảnh hưởng của thế giới bên ngoài.

Lúc đầu, dân làng bị mê hoặc bởi những điều hiện đại kỳ diệu – họ không hiểu được bằng cách nào mà một diễn viên đã chết trong một bộ phim có thể sống lại để xuất hiện trong một bộ phim khác – nhưng Macondo sớm trở

thành tiền đồn của sự thống trị kinh tế đến từ Hoa Kỳ. Công ty Hoa quả Mỹ đã biến ngôi làng thành đồn điền trồng chuối, do một nhóm người Mỹ quản lý. Những người công nhân đình công để đòi quyền lợi đã bị tàn sát, và đó là mối lửa mãnh liệt dẫn đến ngày tàn của ngôi làng. Sự khốn khổ mà Macondo phải gánh chịu tượng trưng cho nỗi đau kéo dài hàng thế kỷ đến từ sự



Những cái tên tương tự lặp lại đều đặn đến kinh ngạc qua bảy thế hệ của dòng họ Buendía. Cây phả hệ này mô tả mối quan hệ khác nhau giữa những người trong dòng họ Buendía, nằm ở các ô màu vàng, và các cặp loạn luân được thể hiện bằng đường màu vàng.

bóc lột kinh tế của phương Tây. Ngay cả trận mưa bão kéo dài bốn năm, 11 tháng và hai ngày cũng không thể tẩy sạch ngôi làng. Tuy nhiên, nó đã khiến dân làng rời đi, để lại một Macondo trống rỗng, ngoại trừ số ít người họ Buendía lay lắt sống những ngày cuối đời trong làng.

Chuyện Kinh Thánh và thần thoại

Márquez đã dựa trên di sản vùng Nam Mỹ – được pha trộn giữa thần thoại và Kinh Thánh – để kể câu chuyện về một thiên đàng bị hủy hoại vì mất đi bản chất trong sáng. Ở Macondo, “thế giới mới mẻ đến nỗi nhiều thú không có tên”. Do đó, tiểu thuyết theo dòng lịch sử phát triển của loài người này bắt đầu với Buendía, một thần thoại sáng thể mang phong cách riêng.

Cuộc hôn nhân tạo dựng nên gia tộc là sự kết hợp giữa hai anh em họ José Arcadio và Úrsula, với nỗi lo lắng thường trực liên quan đến đứa trẻ có đuôi lợn sinh ra từ một vụ loạn luân trong họ Buendía trước đây. Hóa ra nỗi sợ hãi này hoàn toàn chính đáng; Aureliano cuối cùng được sinh ra với cái đuôi lợn. Có một số thần thoại sáng thể của người Inca dựa

trên quan hệ loạn luân anh trai em gái, và tiến triển tự nhiên của gia đình Adam cùng Eve trong Kinh Thánh cũng đi theo hướng tương tự. Một số người đến Nam Mỹ ở thế kỷ 17 tin rằng Vườn Địa đàng nằm ở phía đông Bolivia. Các Chinh tướng đầu tiên nghĩ rằng họ đã phát hiện ra một dân tộc là hậu duệ của con trai Noah, người sống sót sau trận Đại Hồng thủy, hoặc có thể là của các bộ lạc Israel đã tuyệt tích.

Thần thoại về trận đại hồng thủy rất phổ biến trong cộng đồng người bản địa Nam Mỹ. Điều này được thể hiện rõ qua con mua lớn ở cuối truyện *Trăm năm cô đơn*.

Khoa học và phép màu

Phép màu không được điểm xuyết trong suốt cả tiểu thuyết; mà nó được thêu dệt thành một áng văn du dương, thi vị. Thoạt đầu, dân làng bối rối bởi những phát minh hiện đại như răng giả và ảnh chụp. Nhưng ngay cả khi quá trình hiện đại hóa Macondo đang diễn ra tốt đẹp, quyền lực của phép màu cũng có sức nặng ngang với lý trí và khoa học. Remedios Xinh đẹp, một phụ nữ nhan sắc tuyệt trần, đã thăng thiên trong một đám mây bằng chân trái

“

Thú cuối cùng sót lại từ quá khứ, nơi sự tiêu vong không trọn vẹn bởi vì nó chưa bao giờ chấm dứt.

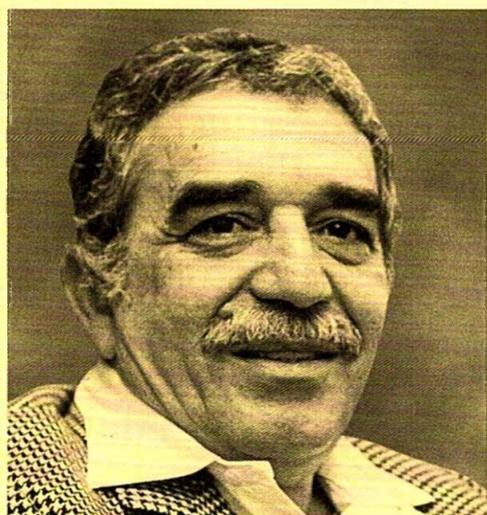
Trăm năm cô đơn

”

giường. Sau khi José Arcadio đầu tiên sa vào điên loạn, ông thực sự gắn bó với cây dẻ trong vườn của mình; khi ông được đưa vào nhà, hương nắm và hoa lãng vãng trôi theo sau. Khi Úrsula già đi và thị lực mờ dần, “sự minh mẫn của tuổi già đã mờ tuột nhân” và phát triển các giác quan khác: bà dùng mũi để ghi nhớ địa điểm, theo dõi chuyển động của đứa trẻ bằng cách rắc nước hoa hồng lên đầu nó; cũng như phân biệt màu sắc theo kết cấu bề mặt.

García Márquez tuyên bố rằng ông đã khám phá ra bí quyết dẫn dắt lối kể chuyện trong tiểu thuyết của mình từ những chuyện bà ông kể, và từ một người đi có tài giảng

Gabriel García Márquez



Sinh năm 1928 ở Colombia, Gabriel José García Márquez được ông bà nuôi dưỡng tại Aractaca, một ngôi làng tương tự làng Macondo hu cấu trong *Trăm năm cô đơn*. Hoàn cảnh lớn lên này đã định hình niềm tin chống chủ nghĩa đế quốc của ông. Trong nội chiến La Violencia, 10 năm khi Colombia bị đàn áp chính trị, García Márquez trở thành phóng viên ở Barranquilla.

Mặc dù sự nghiệp báo chí của García Márquez phát triển rực rỡ, nhưng quan điểm tự do đã khiến ông phải rời Colombia và làm phóng viên nước ngoài ở châu Âu. Sau khi đưa tin về Cách mạng

Cuba 1959, ông làm việc ở Bogotá và New York cho hãng thông tấn Cuba Prensa Latina. Tiểu thuyết đầy đủ thứ hai của ông, *Trăm năm cô đơn*, được viết ở thành phố Mexico, khiến tác giả được ca ngợi trên toàn thế giới. Márquez là tác giả của 22 tựa sách và được trao giải Nobel Văn học năm 1982. Ông qua đời tại thành phố Mexico năm 2014.

Tác phẩm chính khác

1985 *Tình yêu thời thổ tả*
2004 *Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi*

giải những điều không tương với niềm tin chắc rằng đó là sự thật.

Hồi sinh

Trong *Trăm năm cô đơn*, người chết vẫn tác động đến người sống, và ngôi mộ là cánh cửa mở ra những thực tại cao xa hơn thế giới của chúng ta. Đầu câu chuyện, José Arcadio Buendía phóng giáo xuyên cổ họng Prudencio Aguilar, một người hàng xóm đã lãng mạ ông. Sau đó, José Arcadio bị hôn người này ám cho đến khi ông hấp hối trên giường bệnh. Hai người đàn ông cùng lên kế hoạch mở trang trại nuôi chim ở thế giới bên kia để có "cái mà giải khuấy vào những ngày Chủ nhật buồn tẻ ở âm phủ."

Cái chết láng vàng vẫn dai dẳng nơi đó khi cô gái họ hàng xa Rebeca đến nhà Buendía, mang theo túi xương của cha mẹ mình. Cô ăn đất, vôi và những thú bèn trong mộ, trong khi chờ đợi chôn cất cha mẹ.

Thời gian tuần hoàn

Thời gian đứt đoạn hoặc phi tuyến tính là đặc điểm chính của phương pháp tiếp cận văn học Hậu Hiện đại trong cuộc bùng nổ văn học ở Mỹ Latin. Những dòng mở đầu truyện đã dẫn vào theo một cách rất đáng nhớ: "Nhiều năm sau, khi đối mặt với đội xù bản, Đại tá Aureliano Buendía nhớ lại buổi chiều xa xôi đó, khi cha đưa ông đi xem nước đá."

Trong truyện, thời gian diễn ra tuần hoàn: các sự kiện hiện tại, quá khứ và tương lai được hòa lẫn trong khoảng thời gian 100 năm của dòng họ Buendía. Bối cảnh cũng tuần hoàn. Tất cả mọi sự việc diễn ra trong một phạm vi nhất định: đầu tiên là thế giới hiện đại đang xâm chiếm Macondo; rồi chính ngôi làng này; ngôi nhà của dòng họ Buendía; cuối cùng là phòng thí nghiệm bí ẩn được dựng giữa nhà mà không ai lui tới trong một thời gian dài. Được giải cứu



khỏi đội xù bản, Aureliano về nhà, làm ra những con cá bé tí bằng vàng, rồi nấu cháy và làm lại từ đầu như một nỗ lực để có thể sống mãi ở khoảnh khắc hiện tại – một hình ảnh phản chiếu cay đắng về sự lặp lại vô ích của câu chuyện và của lịch sử nhân loại.

Khi người Buendía cuối cùng được kéo đến phòng thí nghiệm để mở ra những ghi chép tiên tri về lịch sử 100 năm của Macondo, thú đã được giao cho ông José Arcadio đầu tiên bởi người Digan Melquíades, anh ta phát hiện các loài thực vật thời tiền sử và còn trùng phát sáng đã xóa bỏ "tất cả dấu vết của loài người trên thế gian, tính từ căn phòng này." Khi

“

Những dòng họ bị kết án trăm năm cô đơn không có cơ hội lần hai trên thế gian này.

Trăm năm cô đơn

”

Đón diện trồng chuối được thành lập ở Macondo, và sự thống trị về kinh tế của Công ty Hoa quả Mỹ đã dẫn đến một cuộc thảm sát, phản ánh việc Hoa Kỳ khai thác cạn kiệt châu Mỹ Latin.

đọc ghi chép ấy, anh ta thấy mình "đã sáng tỏ được khoảnh khắc anh ta đang trải qua, như thể đã trải qua nó rồi, và tự nhìn thấy chính mình sẽ làm sáng tỏ trang cuối cùng của cuộn da thuộc, như thể anh ta đang nhìn vào một tấm gương biết nói." Trong thời điểm siêu hu cấu phi thường này, người kể chuyện, nhân vật và người đọc đã đi đến điểm mà quá khứ, hiện tại và tương lai hợp thành một, rơi vào khoảng trống ngay sau từ cuối cùng trên trang giấy.

Trăm năm cô đơn đã bán được hơn 30 triệu bản và được xem như một kiệt tác của cuộc bùng nổ văn học vang dội suốt hai thập niên. Tấm nhìn Hậu Hiện đại của Márquez đã lên tiếng với cả châu Mỹ Latin lẫn thế giới ngoài kia, thông qua việc khắc họa một tình cầu tất định suy vong, đang lặp lại một chu kỳ bất tận của thảm họa môi trường, chiến tranh và đấu đá lẫn nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác. ■

ĐỌC THÊM

PAROLES (1946), JACQUES PRÉVERT

Paroles ("Lời") là tập thơ đầu tiên của nhà thơ, nhà biên kịch Pháp Prévert (1900–77). Tập thơ gồm 95 bài dài ngắn khác nhau, cho thấy nhiều yếu tố trong phong cách viết đặc trưng của ông như chơi chữ, thơ văn xuôi, lộng ngữ và đối thoại ngắn. Tập thơ này gồm nhiều chủ đề và thông điệp khác nhau, đan xen những xúc cảm phản chiến vào cuộc sống hàng ngày ở Paris thời hậu chiến, phê bình tôn giáo và chính trị cũng như phản ánh vai trò của nghệ thuật trong xã hội.

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU (1948), ALAN PATON

Kiệt tác của tác giả Nam Phi Paton (1903–88) kể về vị mục sư người Anh da đen ở Johannesburg, Stephen Kumalo, đi tìm đứa con trai đang dính líu

tới một vụ giết hại nhà hoạt động chính trị da trắng vì đòi bình đẳng chủng tộc. Tác phẩm cũng kể câu chuyện về cha của nhà hoạt động chính trị đó và quá trình ông thay đổi định kiến và quan điểm của chính mình qua cái chết và di thu của con trai ông, qua lần gặp Kumalo. Câu chuyện của Paton đã hé lộ hiện thực đang thay đổi của Nam Phi bên bờ vực của chế độ apartheid.

XỨ TUYẾT (1948), YASUNARI KAWABATA

Nhà văn Nhật Bản Yasunari Kawabata (1899–1972) là người đoạt giải Nobel. *Xứ tuyết* là một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông, kể về mối tình đau buồn giữa miền sơn cước phía tây Nhật Bản. Shimamura – chàng doanh nhân giàu có nhưng chán nản – gặp nàng geisha Komako xinh đẹp nhưng đáng thương tại một khu nghỉ mát suối nước nóng. Phong cảnh ẩn dụ cho cảm xúc

ông cũng du lịch khắp nơi để thỏa thú vui săn bắn, một chủ đề xuất hiện trong nhiều truyện của ông. Ông quay lại nghề báo để đưa tin về Nội chiến Tây Ban Nha (1936–39) và cuộc đổ bộ Normandy (1944). Ông đoạt giải Nobel năm 1954. Hemingway tu sát ở Idaho năm 1961.

Tác phẩm chính

1929 *Già từ vũ khí*
1940 *Chương nguyện hôn ai*
1952 *Ông già và biển cả* (xem tr.287)

Ernest Hemingway

Sinh ra ở Illinois năm 1899, Hemingway sớm phát hiện ra đam mê viết lách khi ông làm phóng viên cho tờ *The Kansas City Star*. Sau đó ông tình nguyện làm tài xế xe cứu thương trong Thế chiến I ở Italy và bị thương trở về năm 1918. *Mặt Trời vẫn mọc*, tiểu thuyết đầu tay của ông, được ông viết khi đang làm phóng viên thường trú ở Paris. Lập nghiệp ở châu Âu, Hemingway ngày càng thành công khi sáng tác truyện ngắn và tiểu thuyết,

“

Tàu ra khỏi hầm dài và thế là đã tới xứ tuyết. Chân trời trắng mờ dưới bóng đêm.

Xứ tuyết

Yasunari Kawabata

”

– gồm cả sự vô vọng và cô lập. Việc Kawabata tập trung vào vấn đề cá nhân mà không hề dấn động đến cuộc giao tranh trong Thế chiến II đầy ác liệt vào thời điểm sáng tác, là lời hỏi đáp đầy nghệ thuật trước cuộc xung đột này.

ĐÂM PHÁ VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÁC (1951), JANET FRAME

Đây là tập truyện ngắn và là ấn phẩm đầu tiên của tác giả New Zealand Frame (1934–2004). Các câu chuyện trong tuyển tập này ít nhiều đều đặt câu hỏi liệu nó có phải một tác phẩm hư cấu hay không, khám phá vai trò trung gian cùng danh tính của tác giả, và thử nghiệm giọng kể chuyện. Việc xuất bản cuốn sách này và được giới phê bình khen ngợi – sách còn mang về một giải thưởng văn học được đánh giá cao – góp phần giúp Frame tránh phải phẫu thuật thùy não và chịu đựng những đợt trị liệu đau đớn trong viện tâm thần, nơi bà bị quản thúc.

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CÁ (1952), ERNEST HEMINGWAY

Được viết khi Hemingway ở Cuba năm 1951, *Ông già và biển cá* là tác phẩm hu cấu cuối cùng của ông được xuất bản lúc sinh thời. Câu chuyện cùng đơn giản, nhu phong cách viết của ông, miêu tả cuộc chiến giữa lão ngư Santiago với con cá kiếm ngoài khơi Cuba và Florida. Tuy nhiên, tác phẩm gây xúc động sâu sắc và có tác động mạnh mẽ, ngay cả hai giải thưởng Pulitzer và Nobel đều công nhận điều đó khi trao giải cho Hemingway. Người ta đã đề xuất nhiều cách lý giải tác phẩm này, chẳng hạn như nó phản ánh sự nghiệp của tác giả, mang ý nghĩa tôn giáo dụ ngôn hay là một câu chuyện cá nhân dựa vào những người mà Hemingway gặp trong đời.

451 ĐỘ F (1953), RAY BRADBURY

Một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của tác giả người Mỹ chuyên viết thể loại tự biện Ray Bradbury (1920–2012), *451 độ F* là điển hình của thể loại hu cấu phản địa đàng. Trong thế giới mà tri thức và sách vở bị cấm, Guy Montag, một lính phóng hỏa

“

Mỗi cuốn sách là một khẩu súng đã nạp đạn trong căn nhà bên cạnh... Ai mà biết được những kẻ đọc nhiều sẽ nhắm đến ai cơ chứ?

451 độ F
Ray Bradbury

”

(trong *451 độ F*, lính phóng hỏa có nhiệm vụ đốt sách) dần tìm lại nhân tính và cá tính của mình. Câu chuyện làm nổi bật mâu thuẫn giữa việc mù quáng phục tùng mệnh lệnh và việc nghi ngờ cơ cấu bộ máy chính quyền cùng nhu vai trò của sách và tri thức trong cuộc đấu tranh chưa có hồi kết.

CHÚA RUỒI (1954), WILLIAM GOLDING

Dù khởi đầu không suôn sẻ, *Chúa Ruồi* vẫn là tác phẩm kinh điển quan trọng trong văn học phản địa đàng, dụ ngôn, chính trị và trào phúng. Câu chuyện mở đầu với nhóm cậu bé mắc kẹt trên hoang đảo, sau đó là những thất bại khi đám trẻ cố dùng bạo lực và dã man để áp đặt tự trị và trật tự khác nhau lên nhóm. Câu chuyện bị phủ bóng bởi một đầu lâu lợn thối rửa ruồi bọ bu quanh – tức Chúa Ruồi. Dù tiểu thuyết đầu tay của Golding gặp nhiều thách thức dò khai thác bản chất con người, chủ đề vị lợi và bạo lực gây tranh cãi nhưng nó vẫn là một cái nhìn sâu sắc và hấp dẫn về tu tưởng chính trị, tâm lý và triết học của thời đại.

CHÚA NHẪN (1954–1955), J. R. R. TOLKIEN

Nhà văn và học giả Anh Tolkien (1892–1973) đã vực dậy thể loại kỳ ảo với bộ ba phần sau của tác phẩm thiếu nhi *Chàng Hobbit* (1937). Lấy cảm hứng từ các sự kiện trong hai cuộc thế chiến, tuổi thơ ở Nam Phi cũng như các nghiên cứu về văn chương Iceland và German, ông đã phát triển câu chuyện mang tính sử thi trong *Chúa Nhẫn*. Câu chuyện gồm nhiều nhân vật trên hành trình từ *Đoàn hộ nhẫn*, *Hai tòa tháp* đến *Sự trở về của nhà vua*, trong một nhiệm vụ sống còn ngăn chặn các thế lực tà ác bành trướng khắp vùng Trung Địa.

William Golding

Golding sinh vào tháng 9, 1911, gần thị trấn Newquay, Cornwall, Anh. Ông lớn lên trong một gia đình chính trị ở Wiltshire: cha ông là Alec, giáo viên khoa học, nhà xã hội chủ nghĩa và nhà duy lý, trong khi đó, mẹ ông là Mildred Curnoe là một nhà hoạt động vì quyền bầu cử. Ông học khoa học tự nhiên, sau đó học văn học Anh ở Oxford. Ông gia nhập Hải quân Hoàng gia Anh trong Thế chiến II và xuất bản tác phẩm viễn tưởng đầu tay *Chúa Ruồi* năm 1954. Ông tiếp tục theo đuổi nghiệp viết lách đến khi qua đời năm 1993. Ông từng được trao giải Booker và Nobel.

Tác phẩm chính

1954 *Chúa Ruồi* (xem bên trái)
1955 *Những người thừa kế*
1980, 1987, 1989 *Bộ ba tác phẩm hải trình Đến tận cùng của Trái Đất*

PEDRO PÁRAMO (1955), JUAN RULFO

Có ảnh hưởng tới nhiều nhà văn như Gabriel García Márquez và José Saramago, *Pedro Páramo* của tác giả Mexico Juan Rulfo (1917–86) là một câu chuyện siêu thực, siêu nhiên và đầy bí ẩn về nỗi đau, ký ức ám ảnh và những mối quan hệ trắc trở. Qua lối kể chuyện phi tuyến tính, những sự kiện, giấc mộng và ảo ảnh mờ nhạt, độc giả bị kéo vào một tình thế hỗn loạn của người dẫn chuyện Juan Preciado. Ông kể về chuyến đi đến thị trấn ma Comala sau cái chết của mẹ ông để tìm lại cha mình, Pedro Páramo, theo di nguyện cuối cùng của bà. Juan ngỡ ngàng trước tầm ảnh hưởng của Páramo trong thị trấn

Yasar Kemal

Sinh ra ở Gökçedam, Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1923, tuổi thơ khó khăn đã thôi thúc ông lên tiếng đại diện cho những người bị truất hữu. Ông bị mù một mắt từ nhỏ, và chứng kiến thảm kịch cha mình bị sát hại khi mới lên năm. Lần đầu tiên ông được tung hô trong giới văn học với truyện ngắn và tiểu thuyết sáng tác những năm 1950 và 1960 khi đang làm nghề báo. Ông cũng viết những bản ballad và sách thiếu nhi. Kemal được trao 38 giải thưởng văn học trong suốt sự nghiệp của mình và được đề cử giải Nobel năm 1973. Ông qua đời năm 2015.

Tác phẩm chính

1954 *Tiếng trống vang*

1955 *Memed, cánh ung của tôi*
(xem bên phải ở dưới)

1969 *Đốt nhành kế*

đó. Khi câu chuyện hé mở, Páramo được tiết lộ là nhân vật chính và cũng là nhân vật phản diện của câu chuyện, là người nắm giữ sinh mạng của Comala và cu dân nơi đây.

MEMED, CÁNH ƯNG CỦA TÔI (1955), YASAR KEMAL

Tiểu thuyết đầu tiên của Kemal, *Memed, cánh ung của tôi*, tên gốc là *Ince Memed* ("Memed – cậu bé khàng khiu"), là tác phẩm tiếng Thổ Nhĩ Kỳ đầu tiên vang danh thế giới. Đây là tập đầu trong bộ bốn cuốn kể về câu chuyện đau buồn của cậu bé người Anatolia tên Memed cùng người cậu yêu – Hache, trốn khỏi những kẻ bạo hành, nhưng sau đó cậu lại lạc mất

cô và đành gia nhập vào một băng cướp. Cậu trở về quê gặp mẹ, thách đấu với tên địa chủ đã khiến Hache chết, để rồi nhận ra câu chuyện của cậu chỉ mới bắt đầu.

TRĂM NÉO MIỀN HOANG (1956), JOÃO GUIMARÃES ROSA

Là tác phẩm lớn của văn học Nam Mỹ, *Trăm néo miền hoang* của tác giả Brazil João Guimarães Rosa (1908–67) là một câu chuyện dài, liên hồi và không ngắt chương theo lời kể của một cựu lính đánh thuê tên Riobaldo. Đây là chuyện đời của người kể chuyện, về cuộc đụng độ của ông với tên chủ trại phân bội cùng các tên cướp khác, và quý dữ, nhưng con đường đua họ gặp nhau, theo cả nghĩa đen lẫn ẩn dụ, ở vùng hẻo lánh bang Minas Gerais của Brazil.

TIẾNG HÚ VÀ NHỮNG BÀI THƠ KHÁC (1956), ALLEN GINSBERG

Đây là tuyển tập đầu tay, cũng là quan trọng nhất của nhà thơ Mỹ Ginsberg (1926–97), ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào thế hệ Beat. Sáng tác của Ginsberg, gồm sử thi "Tiếng hú" cùng nhiều bài thơ khác, đều mới mẻ và giàu cảm xúc, đồng thời công khai lên án chủ nghĩa tu bản tiêu dùng, kỷ thị đồng tính, phân biệt chủng tộc và bá quyền văn hóa ở Mỹ. Nhà xuất bản của cuốn sách này bị cáo buộc dung tục nhưng thắng kiện, góp phần gia tăng sức mua cuốn sách này và đẩy mạnh doanh số phát hành ở Mỹ và trên toàn thế giới.

BÁC SĨ ZHIVAGO (1957), BORIS PASTERNAK

Tác phẩm vang danh thế giới *Bác sĩ*

Zhivago của nhà văn Nga Pasternak (1890–1960) là tiểu thuyết điều tra gọi nhiều suy tu về Đảng Cộng sản Nga giữa cuộc cách mạng năm 1905 và Thế chiến I. Tác phẩm đành phải xuất bản ở Italy vì bị chính phủ Nga kiểm duyệt và tước giải Nobel của Pasternak. Câu chuyện được kể thông qua nhiều nhân vật – nhưng đều xoay quanh nhân vật Yuri Zhivago – khi họ phải thích nghi với thực tế chính trị mới ở nước mình. Nó đề cập đến những nỗ lực lách lạc của chế độ nhằm duy trì sự phục tùng và sự hiểu sai các lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cũng như các cuộc đấu tranh của nhân vật trong việc cố gắng đối phó và vượt qua nỗi cô đơn, xa lánh và lạnh lùng của nước Nga mới.

LA JALOUSIE (1957), ALAIN ROBBE-GRILLET

Là một tác phẩm *nouveau roman* thể nghiệm, *La Jalousie* của tác giả Robbe-Grillet (1922–2008) kể về người kể chuyện giấu mặt – dù ngụ ý anh ta hiện diện ở đó – từ những sự việc mà anh mô tả. Anh ta ghen tuông, theo dõi vợ mình qua một "jalousie" (tiếng Pháp: con ghen hoặc tấm màn). Khung cảnh được lặp lại nhiều lần, mỗi lần lại có một chi tiết mới. Mơ hồ và rời rạc, tác phẩm là một ví dụ cho thể nghiệm của tác giả với dạng tiểu thuyết mới, để độc giả tự lý giải câu chuyện theo ý của mình.

CĂN NHÀ CHO ÔNG BISWAS (1961), V. S. NAIPAUL

Là cuốn tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Anh gốc Trinidad Naipaul (1932–2018) được toàn thế giới ca ngợi, *Căn nhà cho ông Biswas* được viết dựa trên trải nghiệm của tác giả khi lớn lên ở vùng

“

Cô bắt đầu phục vụ: rượu Cognac... sau đó là soda, và cuối cùng là ba viên đá trong suốt, mỗi viên chứa một bó kim bạc ở giữa.

La Jalousie

Alain Robbe-Grillet

”

Caribbean. Mohun Biswas cố gắng nỗ lực có nhà riêng để lo liệu cho gia đình ông và thoát khỏi họ hàng bên vợ độc đoán. Cuốn sách đề cập đến những bất bình đẳng của chủ nghĩa thực dân, phơi bày những căng thẳng giữa cuộc sống cá nhân và gia đình.

VIỆN QUẢN LÝ THỜI GIAN (1962), AHMET HAMDİ TANPINAR

Tanpinar (1901–62) sáng tác *Viện quản lý thời gian* như là một bài phê bình thói quan liêu quá mức trong bộ máy chính quyền hiện đại, dựa trên những quan sát của ông ở quê nhà Thổ Nhĩ Kỳ. Tiểu thuyết quan trọng này kể về cuộc đấu tranh cá nhân của nhân vật chính (cùng như của các nhân vật phụ mà ông gặp) để thích nghi với hiện thực hậu chiến ở Á-Âu và thuận theo bản chất hay thay đổi của thời hiện đại.

MỘT NGÀY TRONG ĐỜI IVAN DENISOVICH (1962), ALEKSANDR SOLZHENITSYN

Là một nhà phê bình tích cực của chính quyền toàn trị nước Nga quê hương ông, Solzhenitsyn (1918–2008) sáng tác tác phẩm văn học đầu tay này để công khai lên án sự cai trị của Stalin. Cuốn sách kể lại một ngày trong đời của Ivan Denisovich – một tù nhân khổ sai bị kết án oan, và bản chất của những hình phạt, những gian khổ và nỗi kinh hoàng mà anh ta phải chịu đựng. Tuy nhiên, thông điệp tiềm ẩn là sự đoàn kết, trung thành, nhân văn giữa các tù nhân, những người lao động cùng nhau để sống sót qua ngày.

BAY TRÊN TỔ CHIM CÚC CU (1962), KEN KESEY

Bay trên tổ chim cúc cu của nhà văn Mỹ Ken Kesey (1935–2001) lấy bối cảnh trong một viện tâm thần ở Oregon và dựa trên thời gian khi tác giả là nhân viên tại một nơi tương tự. Dù cuốn tiểu thuyết được đón nhận nồng nhiệt, nó lại bị cấm. Là quyển sách nổi tiếng nhất của Kesey, nó nêu bật tính nhân đạo – đôi khi lại phản ánh cái ác – sau mỗi người, từ bệnh nhân đến nhân viên, ở nơi trị liệu tâm lý này. Nó cũng phê phán thể chế này cũng như những hệ thống kiểm soát khác trong xã hội Mỹ.

VỤN MÁY (1962), ANTHONY BURGESS

Trong tiểu thuyết phản địa đàng này, Burgess (1917–93) quan sát những thay đổi cực đoan đáng ngại trong văn hóa giới trẻ ở Anh những năm 1960. Độc giả theo chân người kể chuyện trẻ tuổi Alex trong chuyến phiêu lưu đầy “siêu bạo lực”, sự sa đọa và thuốc kích thích. Chuyện được kể bằng cả tiếng Anh và khẩu ngữ chịu ảnh hưởng từ

tiếng Nga gọi là “Nadsat”. Chính quyền cố cải tạo Alex bằng một liệu pháp thủ nghiệm ác cảm bất kể cho cậu bị ảnh hưởng tinh thần thế nào. Trong chương cuối, vốn bị lược bỏ trong ấn bản Mỹ đến những năm 1980, dường như thể hiện Alex được chuộc tội. Tiểu thuyết trào phúng này đã dẫn đến bản chuyển thể điện ảnh cực kỳ thành công và cũng gây nhiều tranh cãi của Stanley Kubrick vào năm 1971, giúp gia tăng độ phổ biến và sự quan tâm đến cuốn sách.

CÁI CHẾT CỦA ARTEMIO CRUZ (1962), CARLOS FUENTES

Một trong những tiểu thuyết đua văn học Mỹ Latin ra quốc tế, *Cái chết của Artemio Cruz* của tác giả Mexico Fuentes (1928–2012) là hồi ức về cuộc đời của nhân vật chính không có thật Artemio Cruz khi ông nằm trên giường bệnh. Qua những dòng kí ức của Cruz, độc giả bước chân vào gia đình tham lam có vị linh mục độc đoán cùng tay sai bất trung trong hành trình thăm lại hơn 60 năm lịch sử,

“

Nếu anh ta chỉ có thể làm điều thiện hoặc chỉ làm điều ác, thì anh ta là một con vượn máy... một sinh vật đáng yêu đầy màu sắc và tốt đẹp nhưng... chỉ là một cỗ máy đồ chơi để bị Chúa hoặc Quỷ quán lấy.

Vượn máy

Anthony Burgess

”

chính trị, tôn giáo, bao gồm các chính sách đối ngoại, tham nhũng và phân quốc, của Mexico.

QUẢ CHUÔNG ÁC MỘNG (1963), SYLVIA PLATH

Là quyển tiểu thuyết bán tự truyện của nhà thơ Mỹ Sylvia Plath (1932–63), ban đầu được xuất bản dưới một bút danh, kể lại những sự kiện trong đời của tác giả. Câu chuyện được xây dựng từ nhiều đoạn hồi tưởng về cuộc sống trước đây của nhân vật chính Esther, khi cô thực tập cho một tạp chí nổi tiếng ở New York vào mùa hè. Trong quá trình đi tìm bán ngà, Esther sa vào trạng thái tâm lý nặng nề hơn, cuối cùng cô phải vào viện tâm thần và điều trị bằng liệu pháp sốc điện.

THÀNH PHỐ VÀ LỮ CHÓ (1963), MARIO VARGAS LLOSA

Tiểu thuyết đầu tay bị kiểm duyệt gắt gao của nhà văn Peru đoạt giải Nobel Vargas Llosa (1936–), *Thành phố và lữ chó* là một tác phẩm hư cấu thể nghiệm. Sử dụng nhiều góc nhìn và trình tự thời gian phi tuyến tính đầy phức tạp, câu chuyện lấy bối cảnh ở một học viện quân sự có thật ở Lima. Tác



Tôi cảm thấy rất tĩnh lặng và rất trống rỗng... thả mình buồn tẻ giữa những xô bồ ngoài kia.

Quả chuông ác mộng
Sylvia Plath



phẩm phơi bày cách đào tạo học viên, biến họ thành những kẻ trung thành, im lặng, và hung bạo, không bao giờ chất vấn hay chống đối những cơ cấu do chính quyền áp đặt. Đối lại, những phương pháp này không chỉ là vấn đề của riêng học viện mà còn của bộ máy quân sự, của cả một nhà nước dựa vào sức mạnh quân sự để duy trì quyền kiểm soát – như Peru từ những năm 1930 đến 1980. Chính quyền đã cố ngăn chặn việc xuất bản tiểu thuyết này, họ chỉ trích nó là một âm mưu nhằm bôi nhọ Peru của nước láng giềng Ecuador.

TIẾNG GỌI CỦA LÔ 49 (1966), THOMAS PYNCHON

Được viết bởi tác giả tiểu thuyết tu biện người New York Pynchon (xem tr.296), tác phẩm được ngợi ca như một điển hình cũng như là bản nhại lại gay gắt của thể loại hư cấu Hậu Hiện đại và phân tâm học. Câu chuyện theo chân Oedipa Maas và khám phá của cô về một âm mưu toàn cầu bắt nguồn từ mối thù thế kỷ giữa hai dịch vụ bưu chính, một cái là thật ("Thurn und Taxis") và một cái hư cấu ("Trystero"). Rải rác khắp tác phẩm là những liên hệ từ văn hóa xã hội đến âm nhạc, văn học và nghệ thuật đại chúng.

BIỂN SARGASSO RỘNG LỚN (1966), JEAN RHYS

Cuốn tiểu thuyết đầy uy lực của tác giả Anh gốc Dominica Jean Rhys (1890–1979), *Biển Sargasso rộng lớn* khai thác chủ đề nữ quyền và hậu thuộc địa thông qua những mối quan hệ về quyền lực, đặc biệt là giữa nam giới và nữ giới. Đây là phần tiền truyện



Chúng tôi nhìn nhau chăm chăm, máu trên mặt tôi, nước mắt trên má cô ấy. Nhu thế tôi nhìn thấy chính mình. Nhu trong một tấm gương.

Biển Sargasso rộng lớn

Jean Rhys



tác phẩm *Jane Eyre* (1847) của Charlotte Brontë, kể về cô gái Creole da trắng tên Antoinette và cuộc sống khó khăn của cô ở Jamaica, khi cô bị người chồng Anh kiểm soát, áp bức và đuổi đi như một kẻ điên loạn trước khi bị buộc chuyển tới Anh dưới danh nghĩa Bertha.

NGHỆ NHÂN VÀ MARGARITA (1966–67), MIKHAIL BULGAKOV

Được tác giả Nga Bulgakov (1891–1940) sáng tác từ năm 1928 đến 1940 nhưng 30 năm sau mới được xuất bản, *Nghệ nhân và Margarita* lấy bối cảnh vừa ở Moscow những năm 1930 và – theo lời kể của nhân vật chính "Nghệ nhân" trong tác phẩm – vừa ở Jerusalem đầu Công nguyên. Qua cả hai tuyến truyện, cuốn sách được coi là một minh chứng lịch sử về các giáo lý, phê phán những quy định quan liêu và châm biếm chính quyền Xô viết, được xúc tác qua các nhân vật Giáo sư Woland – một biểu hiện phá cách nhưng uyên bác của Satan – cùng những tùy tùng ma quỷ của hắn.

ĐỘI QUÂN BÓNG ĐÊM (1968), NORMAN MAILER

Tác phẩm đoạt giải Pulitzer *Đội quân bóng đêm: Lịch sử nhu tiểu thuyết/ Tiểu thuyết nhu lịch sử* của nhà báo, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia và nhà làm phim Norman Mailer, là một tác phẩm sáng giá trong sự trôi dạt và chấp nhận thể loại truyện phi hư cấu sáng tạo trong bối cảnh văn học lúc bấy giờ. Tác phẩm là dòng hồi tưởng lịch sử hóa mang tính chính trị, báo chí về phong trào phản đối Chiến tranh Việt Nam ở Washington, D. C. vào năm 1967, xen kẽ là những lời tự suy ngẫm, nhưng chi tiết được tiểu thuyết hóa cùng suy nghĩ cá nhân của tác giả về chủ đề này và về chính ông.

LÒ SÁT SINH SỐ 5 (1969), KURT VONNEGUT

Được tác giả người Mỹ Vonnegut (1922–2007) sáng tác, *Lò sát sinh số 5 hay Cuộc thập tự chinh trẻ em: Điều nháy với tử thần*, là ví dụ điển hình cho thể loại hư cấu tự biện và châm biếm chính trị siêu thực. Tác phẩm kết hợp du hành thời gian và những nghịch lý của nó, sinh vật ngoài hành tinh và những ghi chú bản tự truyện về công việc của tác giả trong Thế chiến II, bao gồm cả vụ đánh bom Dresden. Thành quả là một bài phê bình về sự khùng khiep của chiến tranh, ngành xuất bản cùng địa vị của văn chương và là những suy ngẫm sâu sắc mà khôi hài về cái chết và kiếp người.

NGƯỜI PHỤ NỮ CỦA TRUNG ÚY PHÁP (1969), JOHN FOWLES

Tác phẩm nổi tiếng và được đánh giá cao của tác giả Anh John

Fowles (1926–2005) được dân nhân là tiểu thuyết lịch sử Hậu Hiện đại, kể về nhà tự nhiên học Charles Smithson và Sarah Woodruff, trước kia là gia sư, theo phong cách bàn luận những mối tình thời Victoria, đồng thời giải quyết những vấn đề về giới, lịch sử, khoa học và tôn giáo. Người kể chuyện cũng là một nhân vật, mở ra nhiều kết thúc, làm mất ổn định mạch truyện tuyến tính mà nó đang duy trì.

TÔI BIẾT VÌ SAO CHIM TRONG LỒNG LẠI HÓT (1969), MAYA ANGELOU

Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hót – cuốn sách đầu tiên của bộ tự truyện bảy tập của Maya Angelou (1928–2014) – nhà hoạt động chính trị người Mỹ gốc Phi từng đoạt giải Pulitzer – thể hiện những biến chuyển trong phản ứng của tác giả đối với nạn phân biệt chủng tộc. Là tác phẩm văn học có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ và cũng là một quyển hồi ký chân thực về cuộc sống đấu đời của Angelou ở Arkansas từ 3 đến 16 tuổi, cuốn sách khám phá những

vấn đề trong thời thơ ấu, những tổn thương và tình mẫu tử, đồng thời khẳng định sức mạnh của niềm tin vào bản thân, vào văn chương và con chữ.

QUA (1970), TED HUGHES

Được coi là tuyển tập quan trọng nhất của thi sĩ người Anh Ted Hughes (1930–98), *Qua: Từ đời sống và tiếng kêu loài qua* lấy cảm hứng từ những bức tranh minh họa về loài chim của họa sĩ người Mỹ Leonard Baskin. Có vài bài thơ mang phong cách truyền thống, song những bài khác cùng mang nhiều hình thức thể nghiệm hơn. Chúng theo chân nhân vật Qua, dệt nên những yếu tố thần thoại và tôn giáo trên thế giới thành một câu chuyện dân gian sử thi tiếp nối nhau. Dù tác phẩm chưa hoàn thành – Hughes cũng không thể viết tiếp sau khi người tình Assia Wevill của ông tự sát vào năm 1969, nhưng đây vẫn là một tuyển tập đầy tham vọng, với những phản ánh triết học và văn chương đáng chú ý về thần thoại và thế giới tự nhiên.

Norman Mailer

Dù sinh ở New Jersey, Mỹ năm 1923 nhưng Mailer lớn lên ở New York. Ông học trường Harvard khi mới 16 tuổi, ban đầu theo ngành kỹ thuật hàng không nhưng ông đã sớm yêu thích viết lách. Một trong những truyện của ông đã chiến thắng trong một cuộc thi vào năm 1941, khiến ông nghiêm túc theo đuổi viết văn – tham vọng mà ông cho rằng có thể giúp mình miễn nghĩa vụ quân sự (dù không thành công). Tiểu thuyết đầu tay *Kẻ trần trụi và kẻ chết* (1948), dựa trên kinh nghiệm chinh chiến của

ông ở Philippines. Năm 1955, ông đồng sáng lập tạp chí nghệ thuật chính trị *The Village Voice*. Là nhà bình luận và phê bình văn hóa, Mailer còn viết tiểu sử của Picasso, Lee Harvey Oswald và Marilyn Monroe. Thể loại phi hư cấu sáng tạo, hoạt động chính trị và hai giải Pulitzer đã khẳng định danh tiếng của ông. Ông qua đời năm 2007.

Tác phẩm chính

1957 "Người Negro da trắng"
1968 *Đội quân bóng đêm* (xem bên trái ở trên)
1979 *Khúc ca của tên đao phủ*

**VĂN HỌC
ĐƯỜNG ĐẠY
1970—HIỆN TẠI**



294 DẪN NHẬP

Bức ảnh "Trái Đất mọc" do phi thuyền có người lái Apollo 8 bay quanh Mặt Trăng chụp được, một năm trước cuộc đổ bộ đầu tiên xuống Mặt Trăng, trở thành một hình ảnh biểu tượng của hành tinh chúng ta.

↑
1968

Mao Trạch Đông, lãnh tụ Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua đời, khép lại Cách mạng Văn hóa bắt đầu từ năm 1966.

↑
1976

Tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie viết về Cuộc chia cắt Ấn Độ theo phong cách hiện thực huyền ảo.

↑
1981

Bức tường Berlin sụp đổ đánh dấu sự kết thúc Chiến tranh Lạnh.

↑
1989

1973



Tiểu thuyết dài và phức tạp *Câu vòng của trọng lực* của Thomas Pynchon kết hợp khoa học và triết học với những yếu tố văn hóa tinh hoa và văn hóa đại chúng.

1979



Trong tiểu thuyết Hậu Hiện đại *Nếu một đêm có người lữ khách* của Italo Calvino, các đoạn được luận phiên viết theo ngôi thứ hai – "bạn", tức độc giả.

1987



Toni Morrison phân tích những hệ quả tâm lý của chế độ nô lệ trong tiểu thuyết *Yêu dấu*.

1990



Nhà thơ người Saint Lucia Derek Walcott xuất bản *Omeros*, tái luận giải sử thi *Iliad* của Homer trong bối cảnh hậu thuộc địa.

Về cuối thế kỷ 20, thế giới như trở nên bé nhỏ hơn. Tốc độ ngày càng nhanh của tiến bộ công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực vận chuyển và thông tin liên lạc, mang lại sự toàn cầu hóa thương mại và văn hóa ở một mức độ chưa từng thấy. Những biến động chính trị, tiêu biểu nhất là sự tan rã khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu và việc gỡ bỏ "Bức màn Sắt" cùng thúc đẩy những mối giao kết quốc tế lớn mạnh hơn bao giờ hết.

Trong khi nhiều quốc gia trên thế giới phát triển bản sắc văn hóa hậu thuộc địa riêng biệt, châu Âu và Bắc Mỹ lại dần chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa đa văn hóa, từ đó thế giới phương Tây nhận ra rằng văn hóa của họ không còn là thước đo cho thế giới nữa.

Chính trong giai đoạn này, thế hệ đầu tiên của những nhà văn

sinh ra tại các nước giành được độc lập từ các đế quốc châu Âu đã trưởng thành. Nhiều nhà văn thán phục những kỹ thuật Hậu Hiện đại mới mẻ trong văn phong của một số tác giả Nam Mỹ, đặc biệt là thể loại hiện thực huyền ảo. Tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ chiếm ưu thế trên văn đàn, và chính những nhà văn xuất thân từ Đế quốc Anh trước đây là những cây bút nổi trội trong làn sóng đầu tiên của văn học hậu thuộc địa.

Tiếng nói dân tộc mới mẻ

Ấn Độ là quê hương của những tác giả như Salman Rushdie và Vikram Seth – sáng tác bằng tiếng Anh và khắc họa hình ảnh một Ấn Độ mới sau khi độc lập và chia cắt. Những tiếng nói địa phương cũng nổi lên từ những thuộc địa cũ khác của Đế quốc Anh, như nhà thơ vùng Caribbean Derek Walcott và tiểu

thuyết gia V. S. Naipaul. Ở Canada, Australia và Nam Phi, nơi nhiều người từ Anh đến định cư, ảnh hưởng của Anh lên văn học suy yếu dần, và bắt đầu hình thành nên văn học mang bản sắc của các quốc gia này.

Những lối viết mới cũng xuất hiện ở Đông Á, như ở Trung Quốc, khi các nhà văn tìm cách kiến tạo bản sắc dân tộc sau biến động Cách mạng Văn hóa, hay bán đảo Triều Tiên, nơi giờ đây bị vi tuyến 38 chia cắt thành CHDCND Triều Tiên ở phía bắc và Đại Hàn Dân Quốc ở phía nam.

Chủ nghĩa đa văn hóa

Cùng với việc dần mất đi vị thế độc tôn ở những thuộc địa cũ, văn hóa châu Âu còn bị ảnh hưởng bởi lượng người nhập cư ngày một tăng từ khắp thế giới. Nhiều thành phố ở châu Âu trở thành những trung tâm văn hóa toàn

Tiểu thuyết dài *Chàng trai thích hợp* của Vikram Seth sử dụng câu chuyện về bốn gia đình để phôi bày những **xung đột nội tại ở Ấn Độ** sau độc lập.

Tiểu thuyết *Ruồng bỏ* của J. M. Coetzee lột tả chi tiết sự thân bại danh liệt của một giảng viên đại học ở **Nam Phi** thời hậu apartheid.

Tình yêu, ghen tuông và phản bội làm nên *Tay sát thú mù* của Margaret Atwood, tiểu thuyết mang đến một **bước ngoặt mới trong thể loại hu cấu Gothic**.

Vị khách của Hwang Sok-yong nói về hậu quả của lòng hận thù cuồng tin và xung đột dân sự trong **Chiến tranh Triều Tiên**.

Trong tiểu thuyết *Vô cùng vang dội và kẻ cận lạ thường*, Jonathan Safran Foer dùng một số thủ pháp thể nghiệm để soi rõ **vụ khủng bố ngày 11 tháng 9**.

↑
1993

↑
1999

↑
2000

↑
2001

↑
2005

1995

2000

2001

2001

↓
Trong tiểu thuyết ngụ ngôn *Mù lòa*, tác giả Bồ Đào Nha José Saramago mô tả những **bất ổn xã hội** sau một đại dịch giả tưởng.

↓
Răng trắng của Zadie Smith kể về hai gia đình trong bối cảnh **London đa văn hóa** vào thế kỷ 20.

↓
Tiểu thuyết *Hàn gấn* của Jonathan Franzen suy xét về những **bất ổn ẩn giấu trong một gia đình truyền thống** vùng Trung Tây nước Mỹ.

↓
Những kẻ khủng bố đâm ba chiếc máy bay chở khách vào **Lầu Năm Góc** và "**Tháp Đồi**" **Trung tâm Thương mại Thế giới** tại New York.

cầu, thu hút không chỉ những người đến tìm một cuộc sống mới tốt đẹp hơn, mà còn cả những văn nhân nghệ sĩ luôn xem châu Âu là trung tâm của tinh hoa.

Trái khoáy thay, nhiều nhà văn đã xây dựng được văn phong riêng khi ở quê nhà, như Rushdie, Seth và Naipaul, lại chọn định cư tại Anh; tại đây họ khơi nguồn cảm hứng cho những cây bút trẻ, nhiều người trong số đó là con cháu người nhập cư từ tiểu lục địa Ấn Độ, châu Phi, Caribbean và những nơi khác. Các nhà văn trẻ này viết về những trải nghiệm phức tạp khi sống trong những thành phố đa văn hóa, chẳng hạn như những chiêm nghiệm về sự hòa nhập của người nhập cư vào xã hội Anh quốc trong tác phẩm của Zadie Smith.

Tại Mỹ, những vấn đề về chủng tộc và đồng hóa văn hóa lại có lịch sử rất lâu đời. Xã hội Mỹ

từ lâu đã được định hình theo khuôn mẫu quê hương châu Âu của những người di cư, trong khi một nền văn hóa có phần tách biệt đã phát triển trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi – hậu duệ của những người nô lệ. Kể cả khi phong trào dân quyền đã đạt được nhiều mục tiêu chính trị, căng thẳng về chủng tộc vẫn tiếp diễn và được phản ánh trong một bộ phận văn học riêng biệt với những tác giả như Toni Morrison.

Văn học quốc tế

Song song với việc phát triển những tiếng nói dân tộc mới, một xu hướng toàn cầu sử dụng các thủ pháp Hậu Hiện đại đã mang lại một sức hấp dẫn quốc tế cho phần lớn tác phẩm thời kỳ này. Phong trào phản văn hóa của thập niên 60 đã phá vỡ ranh giới giữa văn hóa "đại chúng" và "bác học", trong

khi các công nghệ điện toán và truyền thông ưu việt trở thành nguồn cảm hứng cho những tác phẩm như *Cầu vồng của trọng lực* của nhà văn Mỹ Thomas Pynchon. Văn học hiện thực huyền ảo trở thành một thể loại được công nhận rộng rãi, song những tác phẩm mới vẫn tiếp tục dựa trên các lối viết cũ, như các tác phẩm ngụ ngôn châm biếm của José Saramago và truyện siêu hu cấu của Italo Calvino.

Dù tiếng Anh hiện nay là ngôn ngữ thứ hai của rất nhiều người trên thế giới, tác phẩm dịch sang tiếng Anh đã xuất hiện nhiều hơn. Việc đọc trong thời đại này đã vươn ra thế giới, và các tác giả – không còn bị bó buộc trong một biên giới nào – đã nhanh nhạy nắm bắt những ý tưởng và vấn đề toàn cầu, chẳng hạn như những bất ổn trong xã hội hiện đại và nguy cơ từ chủ nghĩa khủng bố. ■



LỊCH SỬ CỦA CHÚNG TA LÀ TẬP HỢP NHỮNG THỜI KHẮC VỪA QUA

CẦU VỒNG CỦA TRỌNG LỰC (1973),
THOMAS PYNCHON

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết bách khoa toàn thu

TRƯỚC ĐÓ

1851 *Moby-Dick* của Herman Melville là tiểu thuyết bách khoa toàn thu lớn đầu tiên của Mỹ.

1963 Tiểu thuyết đầu tay *V.* của Thomas Pynchon dự báo lượng thông tin khổng lồ và bao quát của *Cầu vồng của trọng lực*.

SAU ĐÓ

1996 Đề cập đến sự nghiện ngập, các mối quan hệ gia đình, tennis, ngành giải trí, ngành quảng cáo, phong trào ly khai Quebec và lý thuyết điện ảnh, tiểu thuyết bách khoa toàn thu *Trò đùa vô tận* của nhà văn người Mỹ David Foster Wallace, có 388 chú thích.

1997 Lấy môn bóng chày – cụ thể là một quả bóng chày, làm hình tượng trung tâm, tiểu thuyết phức tạp *Địa ngục* của tác giả Mỹ Don DeLillo kéo dài từ thập niên 1950 đến những năm 1990, gồm cả những nhân vật lịch sử và giả tưởng.

Thuật ngữ “tiểu thuyết bách khoa toàn thu” dùng để chỉ một tác phẩm hu cấu phổ quát, phức tạp bao gồm những mảng kiến thức chuyên biệt về các chủ đề từ khoa học đến nghệ thuật đến lịch sử. Dòng văn học này nhắm đến việc sử dụng nỗ lực tưởng tượng tài tình để tạo ra thế giới giả tưởng nằm ngoài tầm với của lối kể chuyện tuyến tính. Trong tiểu thuyết *Moby-Dick*, Herman Melville kết hợp những liên hệ đến Kinh Thánh và Shakespeare, kiến thức về cá voi, và những mô tả chân thực về đời sống trên tàu, cùng những yếu tố khác. Trong *Cầu vồng*

của trọng lực, lấy bối cảnh cuối Thế chiến II, Thomas Pynchon đan cài những chiến dịch bí mật thời chiến với văn hóa đại chúng, chủ nghĩa siêu thực, tu tưởng gọi dục đòi trụ, khoa học tên lửa và toán học.

Tất định và hỗn độn

Với một cốt truyện cực kỳ phức tạp, những bước nhảy thời gian và khoảng 400 nhân vật, tiểu thuyết này là một bức tranh vẽ tinh uyển bác thiên tài. Những chủ đề của tác phẩm bao gồm sự hoang tưởng, thuyết tất định, cái chết và entropy – một thuật ngữ nhiệt động lực học chỉ sự không ngừng hướng đến

Thomas Pynchon

Sinh năm 1937 ở Long Island, New York, Thomas Pynchon có tổ tiên là những người thành lập Springfield, Massachusetts. Pynchon theo học phổ thông tại Oyster Bay, rồi tiếp tục học vật lý kỹ thuật tại Đại học Cornell, nhưng bỏ dở để tham gia Hải quân Hoa Kỳ. Ông trở lại Đại học Cornell học ngành văn học Anh. Đầu thập niên 1960, Pynchon làm nhân viên tài liệu kỹ thuật cho Boeing ở Seattle; về sau ông lấy những trải nghiệm tại đây đem vào truyện

(đặc biệt là *Cầu vồng của trọng lực*). Ông từng sống ở Mexico một thời gian trước khi chuyển đến California. Sau *Cầu vồng của trọng lực*, văn của ông trở nên ít thách thức về văn phong hơn và mang hơi hướng nhân văn và chính trị hơn. Pynchon nổi tiếng là một người kín tiếng về đời tư và ngại báo giới.

Tác phẩm chính khác

1966 *Tiếng gọi của lò 49*
1984 *Học chậm* (tập truyện ngắn)
2006 *Nguộc sáng*
2013 *Tối tân*

Xem thêm: *Moby-Dick* 138–45 ▪ *Những người khốn khổ* 166–67 ▪ *Chiến tranh và hòa bình* 178–81 ▪ *Ulysses* 214–21 ▪ *Bảy-22* 276 ▪ *Trò đùa vô tận* 337

Chi riêng dung lượng và độ phức tạp

của *Cầu vồng của trọng lực* khiến nó mang tiếng khó lý giải. Có thể giải mã được những chủ đề của tác phẩm bằng cách nhìn vào ẩn ý trong hình tượng cầu vồng, và những yếu tố đối lập, và giải thích đến mối liên hệ của các yếu tố với câu chuyện.



trạng thái hỗn độn. Biểu tượng trung tâm trong tiểu thuyết là tên lửa V-2 của Đức, hiện thân của cả tinh siêu việt lẫn một tương lai vô định đáng sợ. Những dòng mô tả ám thanh một quả V-2 đâm vào London: "Một âm thanh xé ngang bầu trời." Tuông ứng, kết thúc câu chuyện lại có một quả tên lửa sắp được phóng. Rất nhiều cốt truyện chính và phụ đưa các nhân vật trong truyện qua một chuỗi những âm mưu điên rồ không tưởng, mà trong đó sự hoang tưởng và nỗi sợ cái chết thường được biểu hiện qua chất hài đen.

Những tuyến truyện chính của tác phẩm xoay quanh các nhân vật làm nhiệm vụ giải mã bí mật của tên lửa V-2 số hiệu 00000. Một trong số đó là quân nhân Mỹ Tyrone Slothrop. Những nơi anh ta phiêu lưu tình ái ở London trùng khớp với những địa điểm tên lửa V-2 đâm vào. Slothrop về sau cứu một cô gái Hà Lan tên Katje, thực ra là điệp viên hai mang, thoát khỏi một con bạch tuộc được dạy phải tấn công cô. Con bạch tuộc này được huấn luyện bởi Laszlo Jamf, người đã bắt Slothrop làm thí nghiệm phản xạ có điều kiện khi anh còn nhỏ và là người phát minh

ra một loại nhựa "khiêu dâm", chất liệu làm nên một khoang trong tên lửa 00000. Khi tên lửa được phóng, chàng trai Gottfried, bị trói bên trong khoang này: cậu là nô lệ tinh dục của tên Quốc xã phản diện chính muốn vượt qua sự hữu hạn cuộc đời bằng cách hy sinh Gottfried.

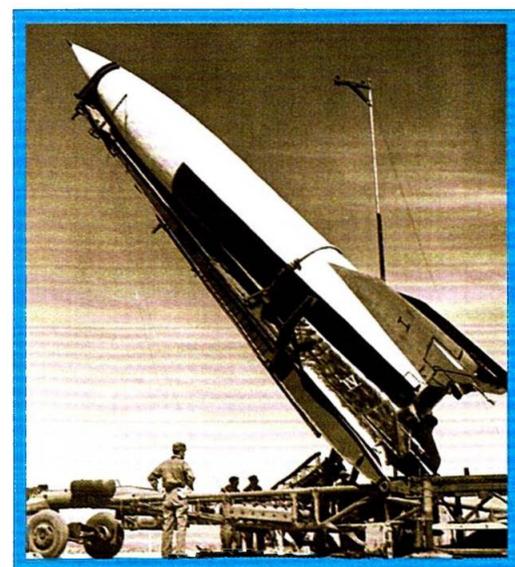
Xuyên suốt tác phẩm là những phân cảnh kỳ dị tràn ngập ý tưởng, bao gồm những ẩn ý về khoa học và triết học. Người đọc, như Slothrop, trần trố để tìm ý nghĩa.

Kiểm tìm sự thật hoang tưởng

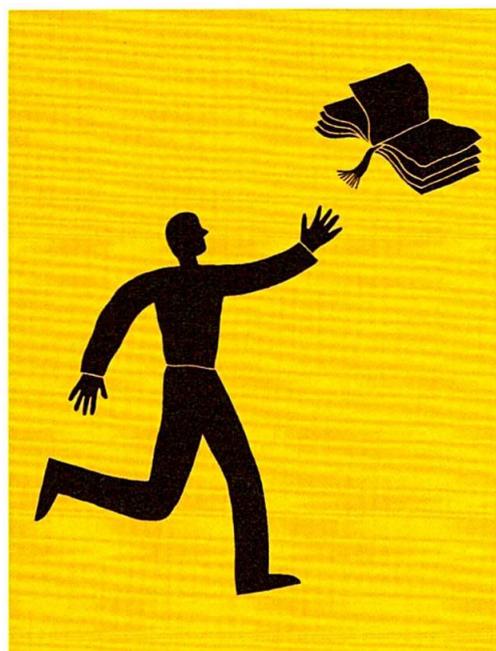
Mọi hệ thống mà ta dựa vào để cất nghĩa cuộc đời, dù là khoa học, huyền thoại, tôn giáo hay chính trị, vào những thời điểm nhất định trong tiểu thuyết này, đều được mô tả như sự hoang tưởng. Đi ngược lại nỗ lực lý tính hóa của con người, Pynchon ấn định một thực tại phức tạp mà trong đó sự việc xảy ra theo những quy luật khó hiểu – trong khi có lẽ dung dường cái ý niệm rằng sự hoang tưởng nằm trong chính cách nhìn nhận thế giới như thế.

Trong truyện ngắn "Bí mật hòa nhập" (1964) của ông, những đứa trẻ da trắng cùng người bạn tưởng tượng da màu trải nghiệm sự phân

biệt chủng tộc của người lớn, sau đó những giấc mơ của chúng "không còn hoàn toàn an toàn như cũ." *Cầu vồng của trọng lực* theo dấu việc mất đi sự ngây thơ tuông tự trên quy mô khổng lồ, và Pynchon hiển nhiên đã gieo mầm ý niệm bản thân việc đọc cũng không còn hoàn toàn an toàn nữa sau khi ông thực hiện màn trình diễn hắc thuật giả tưởng bậc thầy. ■



Tên lửa V-2 có vai trò then chốt trong *Cầu vồng của trọng lực*, trong đó viết về một dự án lắp ráp một quả V-2, chứa đầy những hỗn loạn, cố chấp và hoang tưởng.



BẠN SẴP BẮT ĐẦU ĐỌC CỦỐN TIỂU THUYẾT MỚI CỦA ITALO CALVINO

**NẾU MỘT ĐÊM ĐÔNG CÓ NGƯỜI LỮ KHÁCH
(1979), ITALO CALVINO**

BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM Siêu hu cấu

TRƯỚC ĐÓ

1615 Trong phần hai tiểu thuyết *Don Quixote* của tác giả Tây Ban Nha Miguel de Cervantes, người anh hùng trong truyện biết rõ phần một viết về mình.

1759–67 Tự truyện hu cấu *Tristram Shandy* của tiểu thuyết gia Ireland gốc Anh Laurence Sterne có nhiều đoạn lạc đề đến nỗi cho đến Tập III tác giả mới ra đời.

1944 Tác phẩm *Ficciones* của nhà văn Argentina Jorge Luis Borges đùa bỡn với bản chất của truyện hu cấu qua một loạt truyện ngắn huyền hoặc lạ thường.

SAU ĐÓ

1987 Bộ ba *New York* của tác giả Mỹ Paul Auster bóp méo hình thức của tiểu thuyết trinh thám và khiến độc giả suy ngẫm về những chủ đề của thể loại này.

Thuật ngữ siêu hu cấu được nhà văn Mỹ William H. Gass đặt ra vào năm 1970 để chỉ hình thức hu cấu mà trong đó tác giả vận dụng các thủ pháp văn học dẫn dụ người đọc hướng vào tương quan giữa giả tưởng và thực tại, nhấn mạnh rằng về bản chất tác phẩm là sự sáng tạo, là một sản phẩm do tác giả tạo ra.

Mặc dù phần lớn gắn liền với các sáng tác hu cấu của các tác giả Hậu Hiện đại, nhiều ví dụ về thể loại này đã tồn tại từ những thời đại trước đó, bao gồm thiên tiểu thuyết *Don Quixote* của Cervantes vào thế kỷ 17 và tiểu thuyết hoạt kê *Cuộc đời và chinh kiến của quý ông Tristram Shandy* của Laurence Sterne vào thế kỷ 18.

Nếu một đêm đông
có người lữ khách

BÊN NGOÀI
THỊ TRẤN
MALBORK

Ngà mình trên
sườn dốc

CHÀNG NGẠI GIO,
CHÀNG SƠ CAO

Nhìn xuống
bóng tối
dân dày đặc

TRONG MẠNG LƯỚI
NHỮNG ĐƯỜNG
XOÁN XUYT

Là một tiểu thuyết về các tiểu thuyết và các quan điểm, cuốn sách của Calvino đan cài các trích đoạn từ những quyển sách tưởng tượng thuộc những thể loại hu cấu đương đại; tựa của 10 quyển sách này tạo thành một câu hoàn chỉnh.

Xem thêm: *Don Quixote* 76–81 ■ *Ficciones* 245 ■ *Lò cò* 274–75 ■ *Người phụ nữ của trung úy Pháp* 291 ■ *Những đứa con của nửa đêm* 300–05

Nếu một đêm đông có người lữ khách của Italo Calvino được nhận định là một trong những hiện thân hiện đại hoàn hảo nhất của tiểu thuyết siêu hu cấu, với một cốt truyện lời cuốn chẳng những thách thức những phương thức tự sự truyền thống mà còn yêu cầu độc giả chất vấn quá trình đọc.

Là một trong những văn bản siêu hu cấu xuất sắc, những dòng mở đầu của *Nếu một đêm đông có người lữ khách* ngay lập tức yêu cầu người đọc phải chuẩn bị để thực sự nhập vào "câu chuyện": "Bạn sắp bắt đầu đọc cuốn tiểu thuyết mới của Italo Calvino, *Nếu một đêm đông có người lữ khách*. Hãy thu giãn. Tập trung. Xua đi những suy nghĩ khác. Để thế giới chung quanh nhạt màu đi."

Việc Calvino tự nhắc đến mình trong câu đầu tiên là một thủ pháp siêu hu cấu điển hình. Phần nửa chương đầu tiên là một hướng dẫn giúp "bạn" chuẩn bị cho nhiệm vụ thực sự – đọc sách; có cái gì đấy hết sức dục hoặc – gọi nhớ tính vui đùa siêu hu cấu trong tác phẩm của Jorge Luis Borges – cú nhu thể là Calvino nắm bắt được suy nghĩ của người đọc khi họ khởi sự đọc quyển sách của ông.

Thế giới kỳ ảo hu cấu

Sau đoạn mở đầu theo lối chiêm nghiệm, Calvino tiếp tục cuốn độc giả vào một cốt truyện tưởng như mang tính truyền thống. Một nhân vật ("bạn") nhiều lần khởi sự đọc một cuốn sách, nhưng vì nhiều lý do mà cứ phải bỏ dở; trong hành trình đọc xong cuốn sách, anh ta gặp gỡ một người đọc nữ mà anh ta ("bạn") phải lòng. Anh ta cũng khám phá ra một âm mưu làm cho mọi sách vô trở nên giả hiệu và vô nghĩa. Câu chuyện khá lạ kỳ này còn bị xâu xé bởi những chiêm nghiệm siêu hu cấu: người đọc bị truy vấn về phản ứng của họ đối

với quyển sách, và từ đó trở thành một trong những nhân vật chính trong sách.

Một cấu trúc đặc biệt trải dài suốt quyển sách. Chương đầu cũng như mọi chương còn lại được chia làm hai phần: phần đầu được viết dưới dạng ngôi thứ hai ("bạn") và bàn đến chính quá trình đọc sách; phần sau, chính là khởi đầu của một cuốn sách mới, có vẻ là một câu chuyện nguyên bản. Ảnh hưởng từ văn phái Oulipo – một nhóm những nhà văn Pháp hay thử nghiệm các cách viết mới mẻ và mang tính thách thức mà Calvino gia nhập vào năm 1968 – bộc lộ trong những giới hạn về cấu trúc này.

Ma trận tự sự

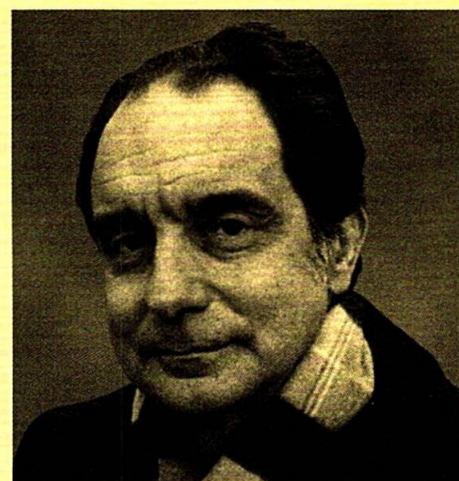
Nếu một đêm đông có người lữ khách giới thiệu tới người đọc những tác giả tưởng tượng của những tác phẩm hu cấu không hề tồn tại, tới những tiểu sử nhân vật được vẽ ra, và cả những đất nước được thêu dệt – tất cả đều là những đặc điểm thường gặp của văn học siêu hu cấu. Người đọc được dẫn vào một ma trận tự sự bởi một người kể chuyện bậc thầy – người lấy làm vui thú với những trò chơi Hậu Hiện đại kỳ dị. Một trải nghiệm thật hết sức lời cuốn. ■

“

Người ta đọc một mình, kể cả khi có sự hiện diện của người khác.

Nếu một đêm đông có người lữ khách

”



Italo Calvino

Sinh ra tại Cuba vào năm 1923, Italo Calvino được cha mẹ đưa về quê hương Italy năm ông hai tuổi. Sống ở Turin qua thời Thế chiến II, Calvino tham gia Lực lượng Kháng chiến Italy, rồi chuyển sang nghề báo khi chiến tranh kết thúc, viết cho tờ báo cộng sản *L'Unità*. Không lâu sau, vào năm 1947, tiểu thuyết đầu tay của ông, *Đường vào tổ nhện* được xuất bản.

Calvino rời Đảng Cộng sản Italy vào năm 1957, sau khi Liên Xô đưa quân vào Hungary. Năm 1964, ông kết hôn với Esther Judith Singer, chuyển đến Rome và chuyên tâm sáng tác các truyện ngắn sau này hợp thành tuyển tập *Cosmicomics*.

Calvino cùng gia đình chuyển đến Paris vào năm 1968, nơi ông gia nhập hội những nhà văn cách tân có tên Oulipo, viết tắt của Ouvroir de littérature potentielle ("Xưởng văn chương tiềm năng"). Ông qua đời vào năm 1985 do xuất huyết não.

Tác phẩm chính khác

1957 *Nam tước trên cây*
1959 *Hiệp sĩ không hiện hữu*
1965 *Cosmicomics*
1972 *Những thành phố vô hình*

**ĐỂ HIỂU CHỈ MỘT CUỘC ĐỜI,
TA PHẢI NUỐT LẤY CẢ
THẾ GIỚI**

***NHỮNG ĐỨA CON CỦA NỬA ĐÊM (1981),
SALMAN RUSHDIE***



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Hiện thực huyền ảo trên quy mô toàn cầu

TRƯỚC ĐÓ

1935 *Lịch sử vạn vật về sự tai tiếng* của Jorge Luis Borges ra mắt, được cho là tác phẩm hiện thực huyền ảo đầu tiên.

1959 Günter Grass viết *Cái trống thiếc*, mở đường cho hiện thực huyền ảo trong văn chương Đức.

1967 *Trăm năm cô đơn* của Gabriel García Márquez đưa hiện thực huyền ảo lên một tầm vóc mới.

SAU ĐÓ

1982 *Ngôi nhà của những hồn ma*, tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Mỹ gốc Chile Isabel Allende, trở thành hiện tượng toàn cầu.

1984 Nhà văn Anh Angela Carter viết tác phẩm hiện thực huyền ảo *Đêm ở rạp xiếc*.

2002 Haruki Murakami xuất bản tiểu thuyết huyền ảo *Kafka bên bờ biển*.

Hiện thực huyền ảo là dòng văn học mà trong đó những yếu tố nhiệm mầu hoặc siêu thực xuất hiện trong một bối cảnh và cấu trúc tự sự hiện thực và truyền thống. Vốn được để mô tả tác phẩm của một số nghệ sĩ Đức thập niên 1920, thuật ngữ này về sau được dùng trong văn học, đặc biệt là để mô tả các tác phẩm bắt nguồn từ Mỹ Latin giữa thế kỷ 20. Các tác giả Alejo Carpentier người Cuba và Jorge Luis Borges người Argentina thường được xem là những người tiên phong của thể loại này, trong khi nhà văn Colombia Gabriel García Márquez nâng tầm thể loại đến đỉnh cao vào các thập niên 1960 và 1970 bùng nổ. Từ Mỹ Latin, hiện thực huyền ảo lan ra thế giới, với một lượng lớn các nhà văn Âu Mỹ viết thể loại này, hoặc vận dụng những yếu tố trong đó vào việc sáng tác. Trong *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie, hiện thực huyền ảo giao hòa với những đề tài hậu thuộc địa và những chất liệu Ấn Độ để làm nên phong vị độc tôn.

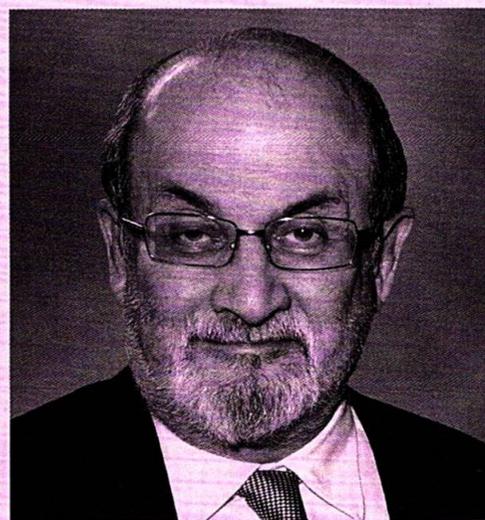
Những khía cạnh huyền ảo

Những nhà văn hiện thực huyền ảo thường khắc họa những sự kiện dị thường, không sao lý giải

“
Sự thật của ký ức... tuyển lựa, xóa bỏ, thay thế, phóng đại, thu hẹp, cường điệu, và cùng lãng mạ; nhưng kết cục nó tạo ra thực tại của riêng nó.
Những đứa con của nửa đêm”

được, hoặc mang tính siêu nhiên rõ nét bên cạnh những sự việc thông thường của thế giới thực theo cách mà những hiện tượng kỳ lạ nom hết sức bình thường. Cốt truyện thường chông chéo, và thế giới có thể được mô tả bằng những sắc màu hoặc chi tiết phóng đại, thêm vào sự phức tạp siêu thực của tầm vóc tiểu thuyết. Ở một khía cạnh nào đó, hiện thực huyền ảo đòi hỏi độc giả phải giữ vai trò chủ động hơn khi đọc những thể loại văn học khác, bởi những yếu tố của tiểu thuyết thường đảo lộn, và có thể tác động lên nhận thức mà độc giả trải nghiệm về thực tại.

Salman Rushdie



Salman Rushdie sinh năm 1947 tại Bombay (nay là Mumbai) trong gia đình có cha mẹ gốc Kashmir theo đạo Hồi, họ chuyển đến Karachi, Pakistan không lâu sau Cuộc chia cắt Ấn Độ. Ông đi học ở Ấn Độ và Anh, theo học Đại học Cambridge, trước khi trở thành nhân viên viết nội dung quảng cáo. *Những đứa con của nửa đêm*, tiểu thuyết thứ hai của ông, gây chú ý trên toàn cầu, giúp ông đoạt giải Booker năm 1981 và Booker hay nhất năm 2008, đồng thời đưa Rushdie thành ngọn cờ đầu của cộng đồng kiều bào Ấn Độ. Sự ra đời của *Những văn thơ của quý Satan* (1988) gây

tranh cãi sâu sắc khi lãnh tụ Iran Ayatollah Khomeini ra phán quyết tử hình (*fatwa*), treo thưởng cho việc ám sát Rushdie vì tội phi báng. Rushdie ẩn mình ở Anh. Năm 2000, ông định cư tại New York, tiếp tục sáng tác về các đề tài tôn giáo và xã hội. Ông đã kết hôn bốn lần và được phong tước hiệp sĩ năm 2007.

Tác phẩm chính khác

1983 *Ô nhục*

1988 *Những văn thơ của quý Satan*

2005 *Tên hệ Shalimar*

Xem thêm: *Cái trống thiếc* 270–71 ▪ *Trăm năm cô đơn* 280–85 ▪ *Chàng trai thích hợp* 314–17 ▪ *Ngôi nhà của những hồn ma* 334 ▪ *Tình yêu thời thổ tả* 335

Hiện thực huyền ảo lan ra toàn cầu

Trong nửa đầu thế kỷ 20, những nhà văn Mỹ Latin như Jorge Luis Borges dẫn đầu **công cuộc xây dựng một thể loại văn học mới** hòa trộn thực tại với huyền ảo.

Từ giữa thế kỷ 20, **thể loại này được đặt tên là hiện thực huyền ảo** và được phổ biến khắp toàn cầu, từ Colombia đến Đức đến Nhật.

Những tầng lớp nội dung hậu thuộc địa, pha trộn giúp mở rộng phạm vi của thể loại này, khi những ví dụ **phức tạp và kỳ ảo hơn bao giờ hết** được chấp bút bởi những tác giả cuối thế kỷ 20 như Salman Rushdie.

Phần lớn văn học hiện thực huyền ảo cũng bao hàm một khía cạnh siêu hu cấu, khiến cho độc giả tự vấn cách thức họ đọc tác phẩm. Thể loại siêu hu cấu thường có một người dẫn chuyện tự tham chiếu và truyện trong truyện: cả hai thủ pháp này đều hiện diện trong *Những đứa con của nửa đêm*. Các phương thức thao túng hiện thực này – những màn ảo thuật bên trong lời tự sự – đòi hỏi độc giả giữ vai trò tích cực và đảm bảo họ duy trì vai trò đó.

Sự ra đời của một quốc gia

Về mặt chính trị, các nhà văn hiện thực huyền ảo thường đứng ở vị thế chủ chốt tiềm tàng đối nghịch với giới thượng lưu cầm quyền, và do đó họ thường giữ lập trường chống đối. Trong *Những đứa con của nửa đêm*, sự hòa quyện giữa hiện thực huyền ảo và những vấn đề hậu thuộc địa dệt những sợi chỉ tươi mới và rục rỏ vào một thể loại vốn đã tinh vi.

Rushdie đặt bối cảnh tác phẩm

Mumbai là một thành phố đông nghịt với đủ các mảnh đời. Rushdie sử dụng ngôn ngữ giàu có, sống động để gọi lên vô vàn những yếu tố – sự do dự, vẻ đẹp, nỗi bi ai, nỗi tuyệt vọng và tình hài hước.

một phần ở thành phố Bombay rộng lớn, xô bồ (nay là Mumbai) – một thời là hòn ngọc của xứ thuộc địa Anh, nay đứng trước thời khắc then chốt trong lịch sử. Các sự kiện xảy ra cùng những biến động chính trị trọng yếu khi chính quyền Anh rời Ấn Độ sau khoảng 200 năm cai trị.

Mở đầu tiểu thuyết, nhân vật chính Saleem Sinai sắp đến sinh nhật thứ 31 và tin rằng mình sắp chết. Bên ngoài, tiểu thuyết kể về cuộc đời của Saleem – cũng như cuộc đời cha mẹ và ông bà anh – qua lời Saleem kể cho Padma,

người đồng hành của mình; song, đây cũng là câu chuyện về công cuộc tạo dựng Ấn Độ hiện đại. Trong những dòng mở đầu tiểu thuyết, Saleem kể: “Tôi sinh ra ở thành phố Bombay... vào ngày 15 tháng 8, 1947. ... Vào đúng nửa đêm.” Như lời Saleem nói, “chính vào thời khắc Ấn Độ giành độc lập, tôi bỏ nhào ra giữa thế gian.” Anh ta bắt đầu giải thích tiền đề của quyển sách bằng nhiều lời gợi ý mà độc giả tạm thời chưa hiểu hết được: “Tôi đã bị công tay một cách bí ẩn vào lịch sử, định mệnh của tôi đã bị xiềng xích





Ngày Quốc Khánh của Ấn Độ vào ngày 15 tháng 8, 1947, là một thời điểm hân hoan, nhưng hôn loạn sớm ập đến khi người theo đạo Hồi và đạo Hindu di cư qua lại giữa hai đất nước non trẻ Ấn Độ và Pakistan.

không thể chia lìa với vận mệnh đất nước tôi." Câu chuyện càng tiến triển, sự thể càng rõ ràng rằng mỗi sự kiện chính trị dường như đều bị kéo theo – hoặc chủ động kéo theo – một hay nhiều sự kiện trong đời Saleem.

Saleem ra đời vào ngay giây phút Ấn Độ giành độc lập được báo đài hết lời ngợi ca. Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ, Jawaharlal Nehru, gửi thư chúc mừng anh về "sự việc tốt lành" là thời khắc anh ra đời, và đồng nhất anh với đất nước – vai trò mà Saleem lãnh lấy, nhìn nhận bản thân như là một nhân vật lịch sử quan trọng. Cuộc đời anh ta gắn chặt với vận mệnh của Ấn Độ non trẻ; cuộc đổ máu xảy ra ngay sau Cuộc chia cắt Ấn Độ và những xung đột du đội diễn ra những năm sau đó vang vọng qua sự bạo lực tương đồng trong gia đình anh ta. Câu chuyện gia đình Saleem cùng

những sự kiện lịch sử ở Ấn Độ và Pakistan, qua lời kể của anh, đại diện cho những nỗ lực để hiểu được tất cả những yếu tố làm nên con người anh ta.

Nhiều người và một người

Saleem nổi bật bởi cái mũi to hình dứa chuột không ngừng chảy nước. Lúc 10 tuổi, anh phát hiện mình có năng lực thần giao cách cảm (không lạ gì đối với những nhân vật hiện thực huyền ảo). Năng lực thiên phú này giúp anh biết được có tổng cộng 1001 "đứa con của nửa đêm", những người



... có lẽ, nếu ai muốn làm một cá thể riêng biệt trong quần chúng đông đúc, hẳn phải biến mình thành trò lơ bịch.

Những đứa con của nửa đêm



được sinh ra trong vòng một giờ sau khi Ấn Độ giành độc lập. Tất cả họ đều có năng lực siêu phàm tuyệt diệu, với người sinh ra gần thời khắc chia cắt Ấn Độ nhất mang năng lực mạnh mẽ nhất. Tới khi Saleem biết về sự tồn tại của họ, 420 người đã chết, chỉ còn lại 581 người.

Saleem kết bạn với một đứa trẻ nửa đêm khác, Parvati, biết làm phép; và Shiva, kinh địch và kẻ thù của Saleem ngay tức thì, có đầu gối khô phi thường và năng khiếu về chiến trận. Parvati và Shiva được đặt tên theo các vị thần Hindu, thể hiện nền tảng tôn giáo của Ấn Độ nhu một thực thể văn hóa và phủ thêm một tầng biểu tượng cho tác phẩm.

Sử dụng năng lực thần giao cách cảm để truyền đạt suy nghĩ của những đứa trẻ giống mình, Saleem sắp xếp một cuộc "hội đàm" hằng đêm giữa họ. Cả thảy 581 đứa trẻ, cũng là số lượng ghế trong Hạ viện Ấn Độ, khiến cho các cuộc tương đàm của họ thêm biểu tượng chính trị. Những cuộc hội đàm này là hình mẫu của tính đa nguyên thành công, phản ánh cách chính quyền Ấn Độ mới tìm kiếm để tập hợp những yếu tố tàn mác của đất nước rộng lớn này. Rushdie hàm ý rằng vấn nạn sẽ đẩy lên nếu tính đa sắc tộc đó bị chèn ép.

Sự hối hả của lịch sử

Khi *Những đứa con của nửa đêm* diễn tiến, Rushdie trải câu chuyện ra khắp tiểu lục địa, sử dụng lời của các nhân vật để kể lịch sử của Ấn Độ, và của cả Pakistan và Kashmir.

Năm 1962, căng thẳng biên giới giữa Trung Quốc và Ấn Độ bùng nổ thành chiến sự; dù chiến tranh không kéo dài, Ấn Độ lại bại trận, và nhu trong tiểu thuyết này, tinh thần cộng đồng "đã suy kiệt". Trong cuộc đời của Saleem, khi mâu thuẫn với Trung Quốc leo thang, mũi anh ta ngệt cứng

đến khi quân đội Trung Quốc ngừng tiến quân, anh ta được phẫu thuật để rút dịch khoang. Một lần nữa, các sự kiện trong đời Saleem dường như bện vào những sự kiện to lớn hơn trong lịch sử.

Tuy nhiên, khi cuối cùng mùi cũng thông, Saleem nhận ra mình đã không còn năng lực nhìn thấu suy nghĩ. Đối lại, lần đầu tiên trong đời anh ngửi được mùi hương. Và bản thân điều này lại là một dạng siêu năng lực khác, bởi không chỉ mùi hương mà anh ta còn ngửi ra xúc cảm và lời dối trá – “hương nồng nhưng chóng phai của tình yêu mới, và cả vị hăng đắng sâu cay của hận thù.”

Ký ức, sự thật, định mệnh

Tiểu thuyết này là một lăng kính vạn hoa của những ký ức của Saleem, nhưng sự phân định giữa cái thực và không thực chưa bao giờ rạch ròi, thậm chí còn nhân nhượng cho những yếu tố huyền ảo rành rành dệt nên một phần tấm thảm câu chuyện. Một số nhân vật là những kẻ dối trá trắng trợn, trong khi nhiều lúc Saleem thừa nhận mình có thêm bớt vài thứ để truyền tải sự thật về cảm xúc hơn là sự thật đơn thuần.

Ngay từ đầu, Saleem đã thú nhận rằng anh ta bị hoán đổi lúc lọt lòng với một đứa trẻ khác ra đời cùng lúc. Đứa trẻ đó là Shiva, trong khi cha mẹ thật của Saleem, không phải là gia đình theo đạo Hồi tương đối sung túc đã nuôi lớn anh ta, mà là một người đàn ông Anh ở xứ thuộc địa, William Methwold, và một người đàn bà nghèo theo đạo Hindu đã chết khi sinh con. Vậy là, thật mỉa mai, “sử

Bạn của Saleem, Shiva và Parvati, được đặt tên lần lượt theo tên vị thần hủy diệt và thần tình yêu vĩ đại trong đạo Hindu, và những hình tượng này được thể hiện qua vai trò của họ trong tác phẩm.

“

Tôi là ai cái gì? Câu trả lời của tôi: Tôi là tổng thể tất thấy những thứ có trước tôi, tất thấy những thứ người ta từng thấy tôi đã làm, tất thấy những thứ đổ-lên-tôi.

Những đứa con của nửa đêm

”

mệnh” mà anh ta đang thi hành là của một người khác; song anh ta lớn lên dưới danh nghĩa Saleem Sinai, anh ta cho rằng anh là người mang danh tính ấy, đó là sự thật của anh ta.

Kể cả những sự thật lịch sử cũng không thể xem là không thể bác bỏ. Saleem nói rằng anh ta đã chép sai ngày chết của Mahatma Gandhi, nhưng anh ta vẫn vui lòng để sai như thế: “ò Ấn Độ của tôi, Gandhi sẽ còn chết sai lúc.” Trong tiểu thuyết này, sự thật là

thứ uốn nắn được, chủ quan và không bao giờ tuyệt đối.

Đến kết cục, câu chuyện quay lại ngày nay, khi Saleem kết thúc kể chuyện cho Padma. Dù cho anh ta tự tiên tri rằng thân thể anh sẽ vô nát, anh vẫn đồng ý lấy cô vào ngày sinh nhật thứ 31 – cũng là ngày Quốc Khánh. Đến tận cùng, câu chuyện của anh ta vẫn quện vào lịch sử của Ấn Độ.

Chuyến du hành huyền ảo bí ẩn

Đối với độc giả, *Những đứa con của nửa đêm* là một hành trình phức tạp và cuốn hút, một chuyến du hành bí ẩn qua những ngõ phố đến trái tim của nước Ấn Độ hiện đại. Thời gian trôi nhanh lên và chậm đi hoặc phi tuyến tính. Định mệnh thường được viện dẫn, tương lai được đoán trước, những lời tiên tri có người lắng nghe và trông chờ trở thành hiện thực. Sự kỳ quặc và huyền ảo rất phổ biến và rất thật. Kết hợp những yếu tố của hiện thực huyền ảo, Rushdie dệt nên một tấm thảm khăng khít và rục rỏ đầy tính bạo lực, chính trị và những điều kỳ diệu để kể lại câu chuyện Ấn Độ những năm đầu độc lập. ■



GIÀNH LẤY TỰ DO CHO MÌNH LÀ MỘT VIỆC; KHÁNG ĐỊNH QUYỀN SỞ HỮU TỰ DO ĐÓ LÀ MỘT VIỆC KHÁC

YÊU DẤU (1987), TONI MORRISON



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Mỹ gốc Phi đương đại

TRƯỚC ĐÓ

1953 *Hãy đi mà kể trên núi* của James Baldwin lột tả nỗi đau đón của cuộc sống trong một xã hội phân biệt chủng tộc.

1976 Tiểu thuyết *Cội rễ: Trường thiên về một dòng họ* Mỹ của Alex Haley truy nguyên lịch sử gia đình từ chế độ nô lệ.

1982 Alice Walker phơi bày những gian truân của cuộc đời phụ nữ Mỹ gốc Phi vào những năm 1930 trong *Sắc tím*.

SAU ĐÓ

1996 Junot Díaz dùng văn xuôi sôi nổi vẽ nên bức tranh cộng đồng người Mỹ gốc Dominica trong tập truyện ngắn *Nhấn chìm*.

1998 Edwidge Danticat kể lại vụ thảm sát phu đồn điền mía người Haiti năm 1937 trong *Mùa thu hoạch xương*.

Cuối thế kỷ 20, văn học Mỹ gốc Phi, từ những truyện nô lệ 150 năm trước, đã phát triển thành một bộ phận quan trọng trong nền văn học Mỹ. Từ những tác phẩm mang tính giáo dục như *Vươn lên từ kiếp nô lệ* (1901) của Booker T. Washington, đến những tác phẩm mạnh mẽ của phong trào Phục hưng Harlem trong thập niên 1920, dòng văn học này đạt tới cao trào với tiểu thuyết triết lý *Người vô hình* (1952) của Ralph Ellison. Vào những năm cuối thập niên 1950 và 1960, các nhà văn da đen trẻ đã được thúc đẩy bởi các phong trào dân quyền và đòi bình quyền cho người da đen.

Yêu dấu của Toni Morrison ra đời giữa một giai đoạn hưng thịnh

Xem thêm: *Chuyện đời Frederick Douglass* 126–27 ▪ *Mắt họ đang nhìn Chúa* 235 ▪ *Người vô hình* 259 ▪ *Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hát* 291 ▪ *Cội rế: Trường thiên về một dòng họ Mỹ* 333

mới của văn học da đen bắt đầu vào những năm 1970, khi những tác giả như Alex Haley, Maya Angelou và Alice Walker tìm kiếm những phương thức mới để khám phá các chủ đề chủng tộc, bản sắc, và những di sản của chế độ nô lệ. Sự khẳng định sức mạnh của nền văn học da đen vẫn tiếp tục ngày nay với những tác giả có gốc gác từ bên ngoài nước Mỹ, bao gồm tác giả người Mỹ gốc Dominica Junot Díaz và tác giả người Mỹ gốc Haiti Edwidge Danticat.

Kỷ ức và lịch sử

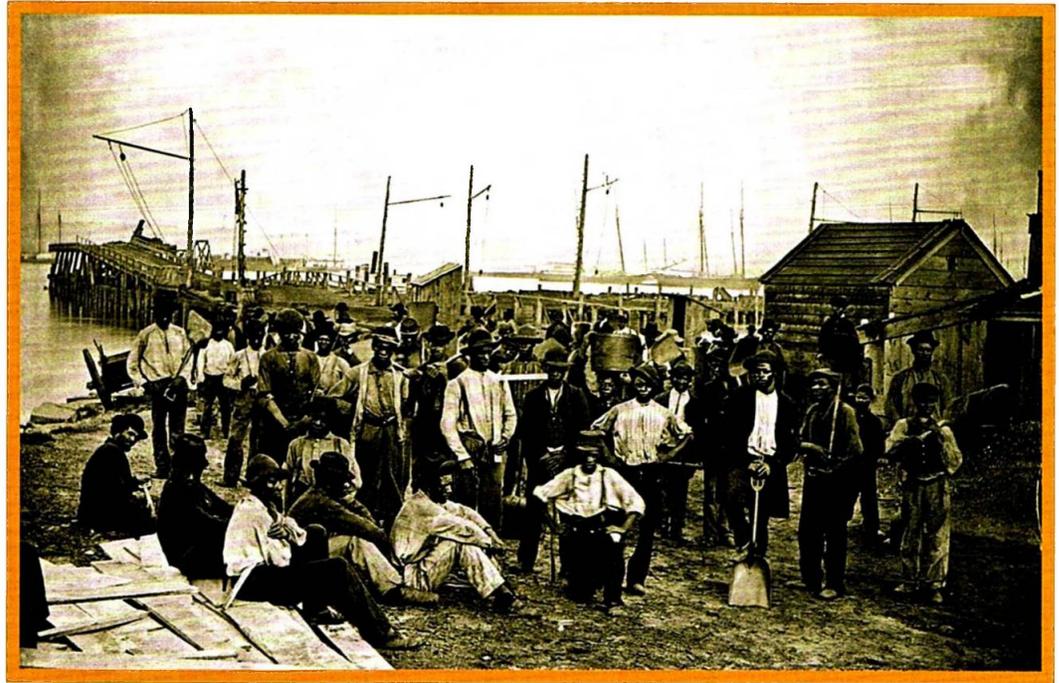
Trong những tiểu thuyết đầu tiên – *Mắt biếc*, *Sula* và *Khúc hát Solomon* – Morrison tập trung vào trải nghiệm của người Mỹ gốc Phi trong thời đại bà, mang đến tiếng nói độc đáo về những đề tài như sự thức tỉnh đạo đức và tâm linh, những tiêu chuẩn về cái đẹp của người da trắng và tình chị em. Tiểu thuyết đoạt giải Pulitzer *Yêu dấu* của bà được xem là một trong những tác phẩm có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong văn học Mỹ gốc Phi. Để tặng “Hon sáu mươi triệu” những người đã chết trên tàu chò nô lệ và khi bị giam cầm, cuốn sách khai phá uy lực của kỷ ức và lịch sử trong bản sắc người da đen, giải quyết tượng trưng những vấn

“

Không có ngôi nhà nào ở đất nước này không chất đầy tới xà nhà nỗi đau của người da đen đã chết.

Yêu dấu

”



đề mà trong thực tại ngày nay vẫn bị gạt qua một bên.

Lấy cảm hứng từ câu chuyện có thật về Margaret Garner, một nô lệ bỏ trốn đã giết con mình khi bị quân cảnh bắt lại tại Cincinnati, Ohio, *Yêu dấu* là một mảnh ghép lịch sử xã hội với ý nghĩa chính trị rõ ràng, nhưng tác phẩm lại xóa nhòa những kỳ vọng về thể loại này với bút pháp kỳ ảo theo chủ nghĩa biểu hiện và sự ước lệ hoa mỹ. Morrison đồng thời cũng khẳng định nguồn cội và niềm tự hào của bà về truyền thống dân gian châu Phi bằng cách kết hợp những yếu tố văn hóa, căn nguyên và thần thoại của người Mỹ da đen vào tiểu thuyết. Bà sử dụng văn điệu và những lời ăn tiếng nói của người Mỹ gốc Phi, không đơn thuần chép nhại những ngôn từ của người da đen mà dùng một giọng văn trữ tình, mê hoặc, với nhiều điệp ngữ thi vị ở đầu và cuối các đoạn độc thoại nội tâm: “Yêu dấu là chị mình”, “Chị là của mình. Yêu dấu. Chị là của mình,” “Tôi là Yêu dấu và mẹ là của tôi”. Tác giả đã tạo ra một văn phong rất nữ tính xoay quanh tình mẹ con, tình chị em, sự tái thiết

Nô lệ được thả tự do, nhu những người được chụp hình trong Nội chiến Mỹ này, về cơ bản thì tự do, nhưng họ vẫn chịu ảnh hưởng từ nạn phân biệt chủng tộc và hậu quả về tâm lý sau chế độ nô lệ.

đức tin Kitô của người Phi châu, những nghi thức bộ lạc và ma quỷ. Bà mời gọi độc giả hòa mình vào hành trình kể lại lịch sử, xây dựng trên mối liên kết mật thiết với sự siêu linh.

Cuốn sách mở đầu vào năm 1873 ở Cincinnati, Ohio. Chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ nhưng nạn phân biệt chủng tộc vẫn hiển hiện. Sethe, nguyên là nô lệ, và cô con gái Denver 18 tuổi sống trong căn nhà bị ám bởi một hồn ma em bé hần học tên là 124, theo tên số nhà của họ trên đường Bluestone. Hai con trai của Sethe đã bỏ nhà đi nhiều năm trước, và mẹ chồng của chị, Baby Suggs, đã chết. Sự xuất hiện của Paul D, người từng là nô lệ ở Mái Ấm, Kentucky cùng với Sethe, mở đầu hành trình lán gió quá khứ.

Quá khứ ở hiện tại

Câu chuyện vượt thời gian của

Morrison lui tới giữa hiện tại của Sethe và những sự kiện 20 năm trước, khi các đạo luật Nô lệ Đào tẩu cho phép chủ nô có quyền sang các tiểu bang tự do bắt lại tài sản của mình – nhưng nô lệ bỏ trốn lên phía bắc. Từng mảnh ghép của câu chuyện dần dần hiện lên. Sethe và chồng, Halle, lên kế hoạch thoát thân khi không chịu đựng được sự bực đái dưới tay “thầy giáo” – chủ mới của Mái Ấm. Bụng mang dạ chửa, Sethe gửi hai con trai và con gái nhỏ đi trước. Khi Halle không đến được điểm hẹn, Sethe bỏ trốn một mình, rồi sinh ra một bé gái trên đường đi, nhờ sự giúp đỡ của một cô gái da trắng, Amy Denver. Sau khi an toàn đến Cincinnati, chi sống yên ổn ít lâu cùng mẹ chồng Baby Suggs, một nô lệ được giải phóng. Một sự việc kinh hoàng – chi tiết được thuật lại cuối tác phẩm – xảy ra khi thầy giáo cùng đội quân cảnh đến bắt Sethe và con chi trở lại nông trang.

Sự phức tạp về luân lý

Thiện và ác không hoàn toàn đối nghịch nhau trong tiểu thuyết này. Ở cốt lõi của câu chuyện là một hành động man rợ xuất phát từ tình yêu sâu nặng. Xã hội có vẻ “tự do” mà những người da trắng đồng cảm mở ra cho nô lệ được phóng thích được xây dựng trên nền phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử

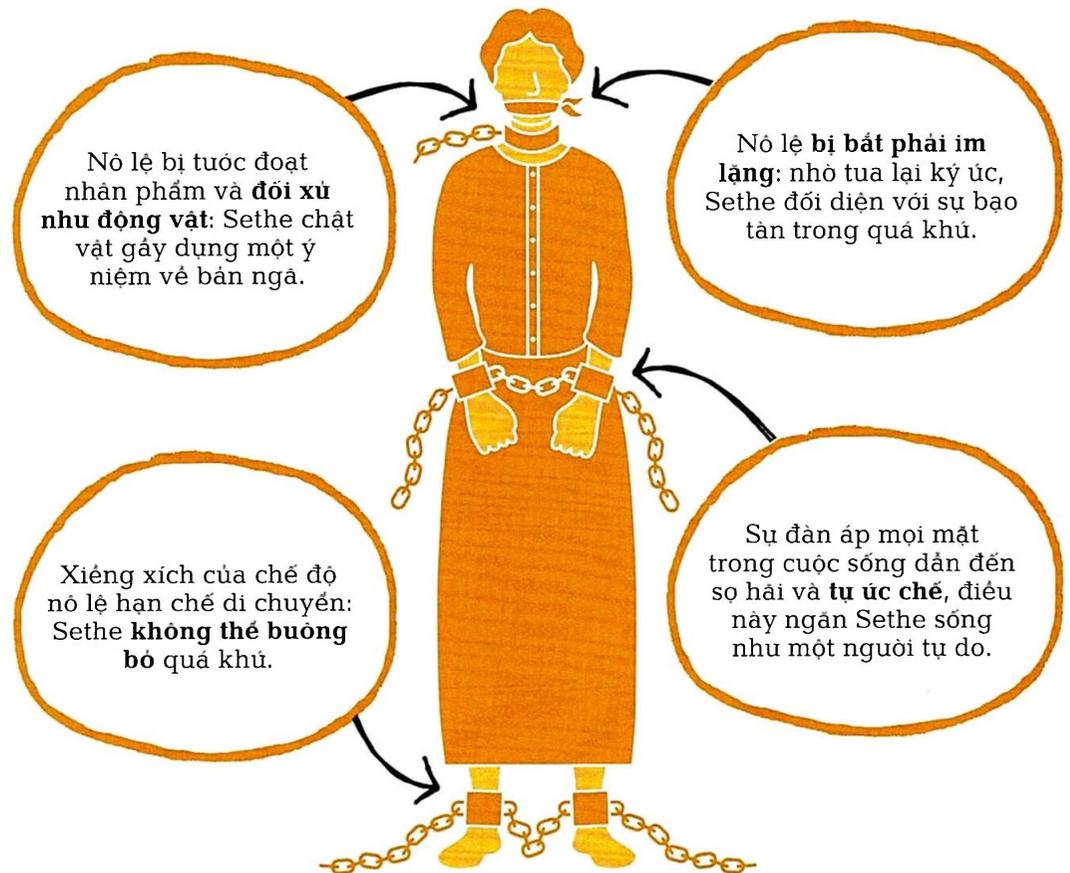
“

Tôi không nói với ai.
Không một ai. Có hát về nó
một đôi lần, nhưng tôi
không kể cho ai.

Yêu dấu

”

Chế độ nô lệ là một tình trạng tâm lý cũng như thể chất. Trong khi nô lệ bị gông cùm đúng theo nghĩa đen – cồng, đai, vòng cổ bằng sắt – nhưng xiềng xích về tâm lý còn đeo bám Sethe khiến mọi thứ trong đời chị đều bị ám ảnh.



mặc nhiên. Ý niệm phi lý về chủ nô “tốt” và “xấu” được Paul D nhắc đến khi anh ngẫm lại cuộc sống ở Mái Ấm khi chủ là ông Garner hiện lãnh: ở các trang trại khác đàn ông nô lệ bị thiên để dễ sai bảo, nhưng nô lệ của Garner “được là đàn ông”. Sau khi ông Garner mất, thầy giáo thiết lập một chế độ hà khắc hơn nhiều, khiến họ lần đầu thật sự nếm mùi cảnh tình nô lệ của mình, và Paul D nhận ra rằng họ chỉ được là người trên mảnh đất đó nhờ sự che chở của Garner. “Bước một bước ra khỏi mảnh đất ấy, và họ đã thành những kẻ xâm nhập bất hợp pháp giữa nhân loại.”

Nỗi đau in dấu

Sự ghim nén bản thân do bao năm bị đàn áp về mặt chính trị xã hội là một chủ đề lớn trong tác phẩm. Ký

ức bị chôn vùi như những mảnh vỡ cảm xúc khiến cho quyết tâm tự chủ lên đến cao độ, và bộc lộ ra như một nhu cầu tâm lý. Morrison cho rằng người da đen chỉ có thể bắt đầu sống trong hiện tại khi đối diện với quá khứ. Những sự kiện rời rạc trước đó trong cuộc đời Sethe và Paul D dần hiện ra suốt tác phẩm, kết nối tạo thành một bản tường thuật khốc liệt về tình cảnh nô lệ ở miền Nam nước Mỹ – những câu chuyện quá sức bạo tàn đến mức không thể kể hết một mạch.

“Rememory” (sống lại ký ức) là một từ Sethe tạo ra để chỉ kiểu hồi tưởng khiến người từng là nô lệ bị chìm sâu vào quá khứ, trôi về những chấn kinh hoàng luôn chực chờ bắt lại họ. Những ký ức sống lại của Sethe bao gồm lần tay thầy giáo lệnh cho đưa cháu phân loại những đặc điểm của chị là của người hay

của thú, và lần hai đứa cháu của hắn ghim chị xuống mà cướp sữa. Paul D cất giữ kỷ ức ở trong một "hộp thuốc lá bằng thiếc chôn vào lòng ngực nơi từng có con tim đỏ" nay đã han gỉ. Baby Suggs khắc ghi bảy lần sinh con với bảy người khác nhau và mất hết chúng.

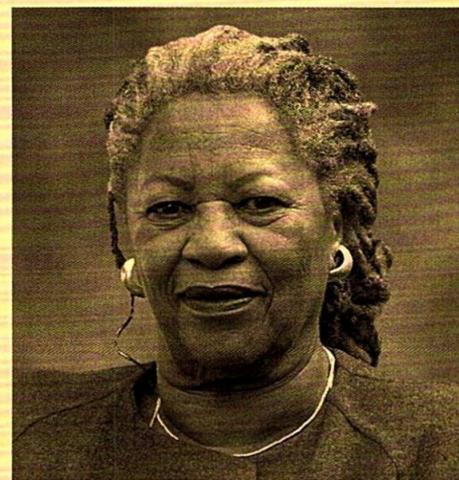
Yêu dấu

Hiện thân của quá khứ bi thương là Yêu dấu, một cô gái trẻ mang giày đẹp và mặc váy lụa lên vào nhà sau khi Paul D đuổi hôn ma em bé đi. Cô gái luôn đòi hỏi quan tâm này, với làn da không tì vết, vô cùng ích kỷ và biết rõ quá khứ của Sethe đến khó hiểu. Sethe khó khăn nhận ra điều mà với Denver lại quá hiển nhiên. Yêu dấu chính là người về tù coi chết: đứa con đã chết của Sethe nay đã trưởng thành và khát khao thú tính yêu mà mình bị khuốc tù. Cô chính là hiện thân cho tội lỗi của Sethe, vừa hủy hoại vừa tiếp sức, người khơi lên những câu chuyện quá khó để nói thành lời. Câu chuyện rời rạc không đầu đuôi của cô gọi lại những bóng chạt chội trên tàu

Truyền thống dân gian Phi châu kết nối với hiện tại tại nước Mỹ trong *Yêu dấu*: nhân vật Yêu dấu xuất hiện như hóa thân của niềm tin người chết quay về Trái Đất dưới dạng linh hồn.

chở nô lệ và xác người bị quăng xuống biển. Yêu dấu dường như đại diện cho nỗi thống khổ của hơn 60 triệu người, nhưng không có gì chắc chắn cả.

Yếu tố đích thực phải được "yêu dấu" chính là ý thức về bản ngã. Tìm lại bản ngã, chủ đề trung tâm trong tác phẩm của Morrison, là một điều bắt buộc, bởi lẽ không còn điều gì khác nơi thế giới bên ngoài mà những người từng là nô lệ có thể sở hữu được. Bị tước đoạt cuộc sống gia đình bình thường, bị cưỡng ép sinh đẻ, bị đem mua bán, và con cái của họ tiếp tục bị bán đi, nô lệ được định hình bằng sự nô dịch của họ. Bắt đầu bằng những bước dò dẫm trên con đường tự do, những sự kiện trong cuốn tiểu thuyết dự báo một con đường dài phía trước. Vào thập niên 1950, nhân vật chính trong *Người vô hình* của Ellison vẫn còn đi tìm bản ngã, và ta có thể nghe những tiếng đầu tiên trong bài hùng biện về dân quyền của Martin Luther King qua lời giáo huấn của Baby Suggs trong rừng: "Nơi đây, chúng ta là xương là thịt; xương thịt biết khóc, biết cười; xương thịt biết nhảy chân trần trên cỏ. Hãy yêu lấy nó." Lòng tự hào vào chủng tộc, giới tính, và bản thân chính là liều thuốc chữa lành, bởi vì, như lời Paul D nói với Sethe, "điều tốt đẹp nhất của em là chính em". ■



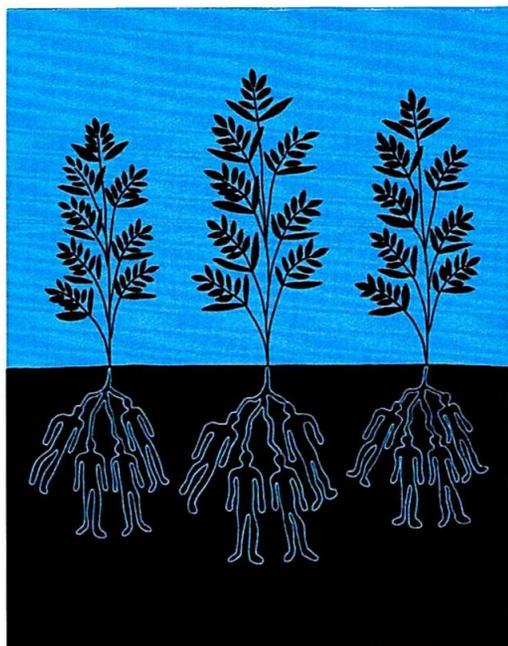
Toni Morrison

Toni Morrison là một tiếng nói mạnh mẽ hàng đầu của văn học Mỹ, và là phụ nữ Mỹ gốc Phi đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học (1993), cùng vô số giải thưởng khác. Sinh năm 1931 với tên khai sinh là Chloe Anthony Wofford, trong một gia đình thuộc tầng lớp lao động ở Ohio, bà lớn lên với niềm yêu thích đọc sách, âm nhạc và văn hóa dân gian. Bà lấy bằng cử nhân tại Đại học Howard và bằng thạc sĩ tại Cornell. Bà có một cuộc hôn nhân ngắn ngủi với kiến trúc sư Jamaica Harold Morrison, và có hai người con trai. Bà viết bốn tiểu thuyết đầu tiên khi làm biên tập viên tại New York. Tiểu thuyết thứ năm, *Yêu dấu*, được đón nhận rộng rãi và chuyển thể thành phim. Từ năm 1989 đến 2006, Morrison giữ chức giáo sư ở Đại học Princeton. Vào năm 2005, bà viết lời cho vở *Margaret Garner*, vở opera dựa trên câu chuyện đã truyền cảm hứng cho *Yêu dấu*. Bà tiếp tục sáng tác, và lên tiếng nói chống lại sự che đậy và chèn ép lịch sử.

Tác phẩm chính khác

1970 *Mắt biếc*
1977 *Khúc hát Solomon*
2008 *Một ơn huệ*
2012 *Mái nhà*





BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Phong trào *tâm căn*

TRƯỚC ĐÓ

1981 Cao Hành Kiện, người về sau đoạt giải Nobel Văn học, viết "Tiểu luận đầu tiên về kỹ thuật viết tác phẩm hư cấu hiện đại", đặt nền móng cho phong trào *tâm căn*.

1985 Zhaxi (Tashi) Dawa viết "Tây Tạng: Hôn buộc đầu roi", đặt bối cảnh ở Lhasa và lấy chất liệu từ truyền thống và văn hóa dân gian Tây Tạng.

1985 Vương An Úc viết *Tiểu báo trang*, khắc họa tỉ mỉ cuộc sống làng quê khắc nghiệt miền bắc Trung Quốc.

1985 Á Thành, nhà văn Bắc Kinh, xuất bản *Biển địa phong lưu*, mô tả những vùng biên ải cách xa "văn minh".

SAU ĐÓ

1996 Trong *Từ điển Mã Kiều*, Hàn Thiếu Công sử dụng từ nguyên và hình minh họa để khảo nghiệm cuộc sống trong thời Cách mạng Văn hóa.

ĐẤT TRỜI MỜ MỊT

CAO LƯƠNG ĐỎ (1986), MẠC NGÔN

Trong phong trào *tâm căn*, tức tìm về gốc rễ, xuất hiện trong văn học Trung Quốc giữa thập niên 1980, các nhà văn cố gắng tái kết nối với văn hóa dân gian. Phong trào này lấy tên từ một bài luận năm 1985 "Căn nguyên của văn học" của Hàn Thiếu Công, kêu gọi văn nhân lục tìm những nguồn gốc cảm hứng đã bị lãng quên. Trong khi một số tác giả *tâm căn* thâm nhập các cộng đồng thiểu số ở Trung Quốc, số khác có một cái nhìn mới vào những giá trị nguyên bản trong Đạo giáo và Khổng giáo.

Qua nhiều thập niên, văn học Trung Quốc bị bó buộc trong chủ nghĩa hiện thực. Khi tìm về những âm hưởng dân gian, các tác giả *tâm căn* đồng thời mang đến những yếu tố siêu nhiên. Thành tựu mới này khiến các nhà văn Trung Quốc lại được chú ý trên văn đàn thế giới sau hàng chục năm.

Định nghĩa lại tinh hiện đại

Một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của phong trào này là *Cao lương đỏ* của Quán Mò Nghiệp (1955-), nổi tiếng với bút danh Mạc Ngôn ("không lời").

Cao lương đỏ được đặt tên theo một loài ngũ cốc quý, với màu đỏ tượng trưng cho sinh khí, máu đỏ và sự kiên định. Lấy bối cảnh tỉnh Sơn Đông ở tây bắc Trung Quốc, chuyện theo dấu một gia đình từ 1923 đến 1976, qua thời quân Nhật chiếm đóng, Nội chiến Quốc-Cộng và những bất ổn của Cách mạng Văn hóa.

Là một tiểu thuyết *tâm căn* chân chính, *Cao lương đỏ* kết hợp yếu tố truyền thuyết và dân gian, và việc phá vỡ cấu trúc trật tự thời gian song hành với truyền thống văn học hiện thực mang đến năng lượng mới cho chủ nghĩa Hiện đại của văn học Trung Quốc. ■

“

Những hàng chấm đỏ đua thoi dọc theo thân cao lương dẹt nên bức tranh nhân loại.

Cao lương đỏ

”

Xem thêm: *Tam quốc diễn nghĩa* 66-67 ■ *Gào thét* 222 ■ *Thủ làm liều* 336



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Australia

TRƯỚC ĐÓ

1957 Patrick White – một trong những nhà văn Australia có ảnh hưởng nhất – sử dụng chủ nghĩa biểu tượng tôn giáo trong *Voss*, kể về cuộc chạm trán với Australia của một nhà thám hiểm đầy hoài bão giữa thế kỷ 19.

1982 *Danh sách của Schindler* của Thomas

Keneally hòa trộn sự thật và hư cấu để chiêm nghiệm ảnh hưởng của một cá nhân lên những sự kiện lịch sử.

SAU ĐÓ

2001 Peter Carey đoạt giải Booker lần thứ hai với tiểu thuyết *Câu chuyện thật về băng đảng Kelly* – một tác phẩm sáng tạo dựa trên nhân vật chính người Australia huyền thoại Ned Kelly.

2006 Nhà văn Úc bản địa Alexis Wright suy ngẫm về việc người da trắng truất hữu đất đai của thổ dân Australia trong tiểu thuyết *Carpentaria*.

KHÔNG THỂ KỂ ĐƯỢC MỘT CÂU CHUYỆN NHƯ THẾ NÀY. MỘT CÂU CHUYỆN NHƯ THẾ NÀY CHỈ CÓ THỂ CẢM NHẬN ĐƯỢC *OSCAR VÀ LUCINDA* (1988), PETER CAREY

Các nhà văn Australia đã khiến thế giới chú ý từ giữa thế kỷ 20. Các tiểu thuyết gia đã chuyển từ những đề tài truyền thống như “tình bằng hữu” (những mối liên kết bình đẳng tạo nên từ sự nuông tựa lẫn nhau trong môi trường khắc nghiệt), niềm tự hào dân tộc và sự sinh tồn nơi hẻo lánh, sang sáng tác những tác phẩm khiêu khích và thường làm độc giả gai người. Những khía cạnh được khảo nghiệm trong các tác phẩm này bao gồm kỳ ảo, đức tin và các mối quan hệ cá nhân, đồng thời lấy những trải nghiệm Australia châu làm gốc rễ.

Một trong những nhà văn và nhà sáng tạo tiên phong của thể loại hiện đại này là Peter Carey (1943-), tiểu thuyết gia Australia từng làm nhân viên quảng cáo. *Oscar và Lucinda*, tác phẩm từng đạt giải Booker năm 1988 của ông, là một tiểu thuyết phong phú và phức tạp đặt trong bối cảnh giữa thế kỷ 19, với các sự kiện xảy ra ở Anh và bang New South Wales.

Tội lỗi và đức tin

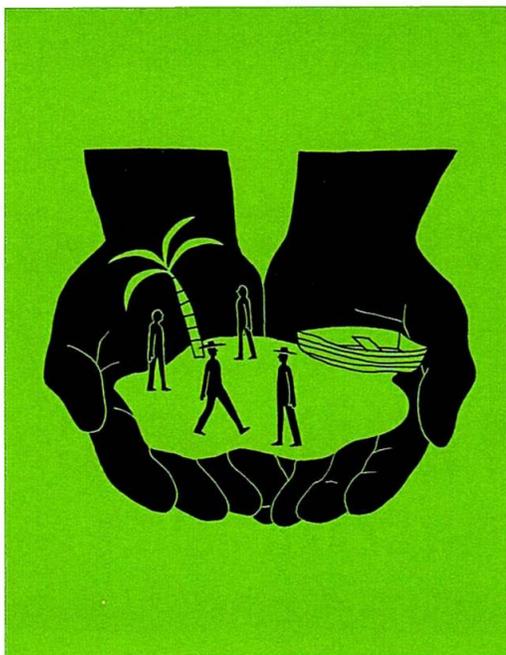
Các nhân vật chính của tác phẩm là Oscar Hopkins và Lucinda Leplastrier. Oscar là một giáo sĩ đang vật lộn với

đức tin của mình – một người lóng ngóng, bôn chôn, lớn lên trong một cộng đồng ven biển ở Anh. Lucinda là một phụ nữ trẻ có tu tưởng độc lập, lớn lên trong một ngôi “nhà tranh vách đất tại bang New South Wales” giữa các tác phẩm của Dickens, Balzac và những văn hào khác. Trở thành người thừa kế sau khi mẹ cô qua đời, Lucinda mua một nhà máy thủy tinh cũ ở Sydney, nơi cô bị người ta xem là kỳ quặc bởi hành vi hồ hững và lạ lùng.

Hai người này gặp nhau trên chuyến tàu từ Anh đến Australia và kể từ đó cuộc đời họ gắn với nhau, cùng nhau tham gia một dự án phi thường – xây dựng và vận chuyển một nhà thờ thủy tinh băng qua vùng rừng thưa Australia.

Dù một mặt, *Oscar và Lucinda* là tiểu thuyết lịch sử, nó còn đi sâu vào kỳ ảo và vô thực – Peter Carey mô tả tác phẩm như là “một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của quá khứ”. Những nhân vật phong phú và phức tạp, lối kể chuyện gợi hình và những đề tài trải rộng gồm đức tin, tín ngưỡng và tình dục của tiểu thuyết củng cố tầm ảnh hưởng của tác phẩm này trong văn học Australia. ■

Xem thêm: *Ba chàng lính ngự lâm* 122–23 ■ *Đám phá và những câu chuyện khác* 286–87



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Caribbean

TRƯỚC ĐÓ

1949 Nhà văn người Cuba Alejo Carpentier xuất bản tiểu thuyết *Vương quốc của thế giới này*, truyền tải lịch sử và văn hóa Caribbean.

1953 Trong *lâu đài của lốt người này* của nhà văn Barbados George Lamming, là một trong những tiểu thuyết tự truyện nổi bật của vùng này và đạt giải Somerset Maugham năm 1957.

1960 Trong *Trở về đất tổ*, nhà thơ Martinique Aimé Césaire bàn về *négritude*, hay ý thức da đen, như một dạng danh tính cho những người mà tổ tiên họ bị đưa đi khỏi châu Phi.

SAU ĐÓ

1995 Tập thơ *Với chúng tôi, mọi loài hoa đều là hoa hồng* minh chứng Lorna Goodison là một trong những nhà thơ Jamaica hàng đầu thời kỳ hậu chiến.

MỘT TÂM NHÌN LỊCH SỬ, KẾT QUẢ CỦA SỰ RÀNG BUỘC ĐA VĂN HÓA

OMEROS (1990), DEREK WALCOTT

Lịch sử và ký ức vẫn luôn là một phần trong văn đàn Caribbean, và văn học của khu vực này đã nêu bật lên cuộc đấu tranh tìm tiếng nói chân thực mà phản ánh được thực tại xa cách trong bối cảnh thuộc địa. Các tác giả Caribbean viết bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Anh hoặc tiếng Hà Lan tùy vào trước đây đảo của họ là thuộc địa của nước nào. Mỗi nhà văn đàm luận về những phân đã biết của lịch sử nước họ trong bối cảnh hậu thuộc địa riêng biệt.

Những câu chuyện đan cài

Một nhân vật nổi trội trong văn đàn khu vực này là tác giả người Saint Lucia Derek Walcott (1930–2017). Vào năm 1992, ông được trao giải Nobel Văn học vì "một sự nghiệp thi ca chói lọi, bền vững nhờ một tâm nhìn lịch sử, kết quả của sự ràng buộc đa văn hóa."

Tác phẩm đồ sộ và đầy tham vọng của Walcott, *Omeros* (Homer trong tiếng Hy Lạp) dài hơn 300 trang sách, chứng thực cho nhận định của các giám khảo Nobel. Với độ dài của một sử thi, tác phẩm này viện dẫn *Odyssey* và *Iliad* của

Homer, đồng thời cùng tôn vinh phong cảnh, con người và tiếng nói của Saint Lucia. Sử thi này viết theo thể thơ một khổ ba dòng *terza rima*, hay tercet, mà trong đó dòng thơ thứ hai của một khổ cùng vần với dòng thơ nhất và dòng thơ ba của khổ kế, tương tự như trong *Thần khúc* của Dante. Đồng thời, Walcott tôn vinh ngũ điệu và vần điệu của thơ ngũ địa phương Caribbean ngay từ mở đầu sử thi. Dù một số tên nhân vật, như Achilles và Hector, có nguồn gốc từ điển tích, các tên này cũng không quá xa lạ với ngư dân Saint Lucia.

Omeros giao hòa không gian và thời gian để truy vấn những chủ đề như chế độ nô lệ, cuộc diệt chủng người châu Mỹ bản địa, và những người sống lưu vong ở Caribbean. Walcott kết hợp những câu chuyện ở châu Phi, Mỹ, London và Ireland với các sự kiện ở Saint Lucia để viết nên một lời kể khám đầy những ký ức góp nhặt.

Cuộc sống trên đảo, ký ức về châu Phi và dấu tích về chủ nghĩa thực dân vẫn là tâm điểm cho các nhà văn Caribbean trong khi họ cố gắng cất nghĩa lịch sử rời rạc của mình. ■

Xem thêm: *Iliad* 26–33 ▪ *Odyssey* 54 ▪ *Thần khúc* 62–65 ▪ *Ulysses* 214–21 ▪ *Căn nhà cho ông Biswas* 289



TÔI MUỐN GIẾT AI ĐÓ, SẮP PHÁT ĐIÊN ĐẾN NƠI RỒI

TÂM THẦN KIỂU MỸ (1991), BRET EASTON ELLIS

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học vượt rào

TRƯỚC ĐÓ

1973 Các nhân vật chính trong tiểu thuyết gây tranh cãi *Va chạm* của nhà văn Anh J. G. Ballard là một nhóm nạn nhân va chạm ô tô trở nên hung phấn tình dục bởi vụ tai nạn.

1984 Tác phẩm trào phúng báo trước thể loại vượt rào về sau *Đèn sáng trong thành phố lớn* của nhà văn Mỹ Jay McInerney đặt độc giả vào vị trí nhân vật trung tâm trong một thế giới trống rỗng.

SAU ĐÓ

1992 Tàn bạo và gây sùng sốt, *Cậu đồ tể* của nhà văn Ireland Patrick McCabe kéo người đọc vào thế giới bạo lực kỳ ảo của cậu học sinh Francie Brady.

1996 Tyler Durden, nhân vật phản anh hùng trong tác phẩm vượt rào *Sàn đấu* của nhà văn Mỹ Chuck Palahniuk, là một kẻ hu vô chủ nghĩa và vô chính phủ thích tự hành xác.

Sự thể hiện công khai những chủ đề cấm kỵ như cưỡng dâm, loạn luân, ấu dâm, ma túy và bạo lực là đặc trưng của thể loại văn học vượt rào nổi lên vào thập niên 1990. Từ nhiều thập kỷ trước, những Charles Bukowski, William S. Burroughs, J. G. Ballard và Kathy Acker đã đi tiên phong với các tiểu thuyết mô tả phong phú những hành vi tính dục kỳ dị, cắt xéo thân thể, sử dụng ma túy và bạo lực cục đơan.

Vượt rào tức là vượt ra ngoài giới hạn luân lý thông thường, và *Tâm thần kiểu Mỹ*, tiểu thuyết hài đen tối của tác giả Mỹ Bret Easton Ellis (1964–), đã thực hiện điều đó một cách lôi cuốn. Những phân đoạn bạo lực, đặc biệt là với phụ nữ, đã dẫn đến sự cấm đoán dành cho cuốn sách này.

Giác mơ loạn thân

Tuy nhiên, sự vượt rào đích thực có lẽ nằm trong ngụ ý rằng việc đuổi theo Giác mơ Mỹ cũng không khác gì một bệnh tâm thân. Cuốn sách lấy bối cảnh ở Manhattan thời kỳ Phố Wall bùng nổ những năm 1980, và người dẫn chuyện, Patrick Bateman,

vừa là một thanh niên nhiều hoài bão vừa là một tên sát nhân bệnh hoạn. Gà sống trong một thế giới của ma túy và mực ruồng đảo đùc, xoay vùn quanh đồ hàng hiệu cùng các hộp đêm và nhà hàng cao cấp; gà bộc lộ sự ái mộ dành cho một ban nhạc rock cùng giọng điệu nhu khi cần nhắc cách tiêu hủy một cái xác. Bị ép phải nhìn thế giới qua con mắt của gà, người đọc nhu muốn đặt dấu hỏi trước một xã hội mà mọi thứ đều bị biến thành hàng hóa. ■

“

Tôi có tất cả những đặc điểm của con người: máu, thịt, da, lông tóc; nhưng không có lấy một xúc cảm rõ ràng dễ thấy nào, ngoại trừ lòng tham và sự kinh tòm.

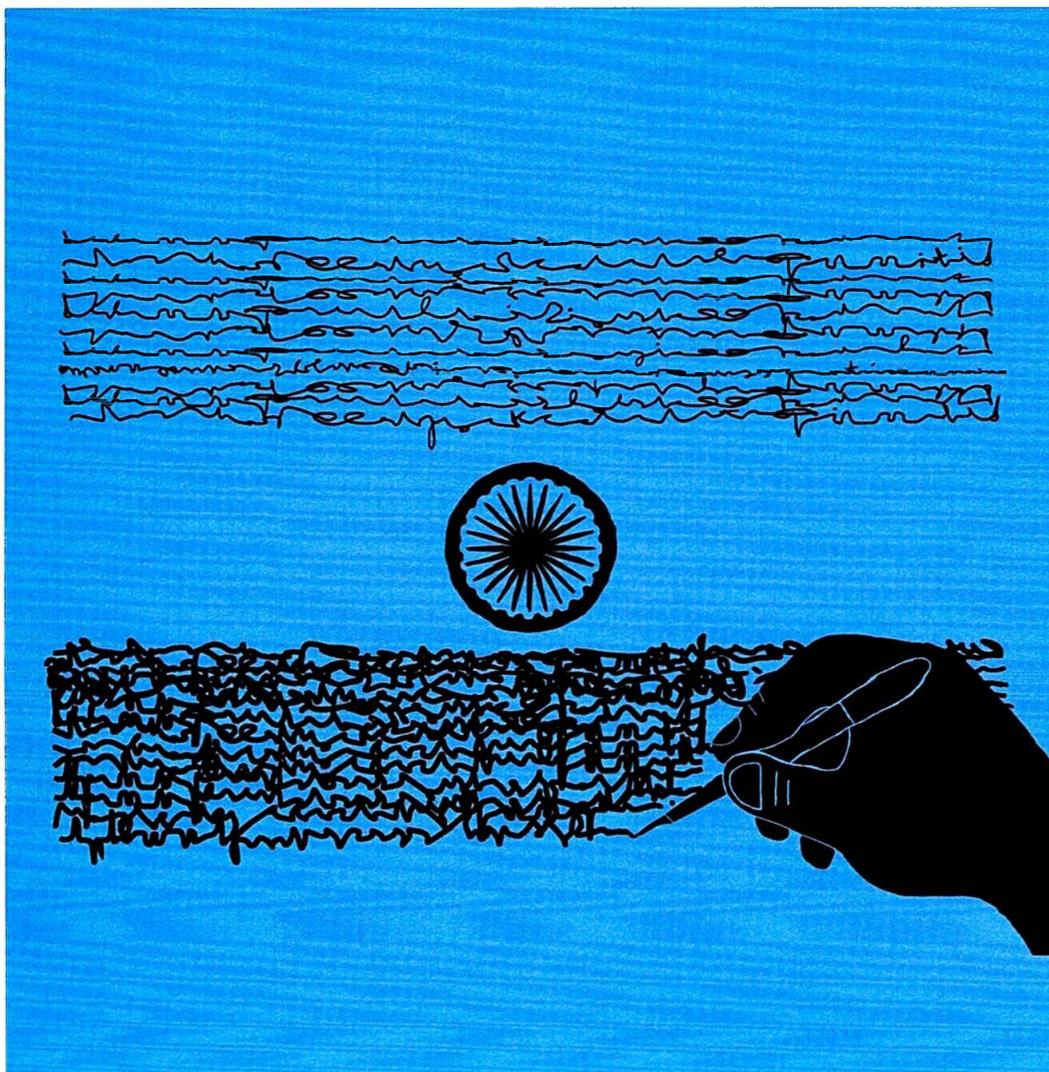
Tâm thần kiểu Mỹ

”

Xem thêm: *Lolita* 260–61 ▪ *Vuon máy* 289 ▪ *Va chạm* 332

HỌ LẶNG LẼ XUÔI DÒNG CON SÔNG TỈNH LẶNG VÀ LINH THIÊNG

CHÀNG TRAI THÍCH HỢP (1993), VIKRAM SETH



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học tiếng Anh gốc Ấn

TRƯỚC ĐÓ

Tn. 1950 Các tác phẩm của R. K. Narayan đã giúp đưa văn học tiếng Anh gốc Ấn đến độc giả thế giới.

1981 *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie đánh dấu giai đoạn mới của văn học tiếng Anh gốc Ấn.

SAU ĐÓ

1997 Tác phẩm thách thức chế độ giai cấp *Chúa trời của những chuyện vụn vặt* của Arundhati Roy đoạt giải Booker.

2000 Amitav Ghosh nhìn vào vấn đề di cư và kiểm soát thuộc địa trong *Cung điện thủy tinh*, tiểu thuyết lịch sử lấy bối cảnh Miến Điện, Bengal, Ấn Độ và Mã Lai.

2006 Trong *Kế thừa mất mát*, tác giả Anh gốc Ấn Kiran Desai chiêm nghiệm tác động của chủ nghĩa thực dân.

Qua vài thập niên gần đây, văn học tiếng Anh gốc Ấn (Anh-Ấn) đã khắc ghi dấu ấn như là một thể loại văn học đặc sắc dẫn được thế giới chú ý. Trong những năm 1950 và 1960, một số nhà văn Ấn Độ – đáng chú ý là R. K. Narayan, một trong những tiểu thuyết gia Anh-Ấn đầu tiên được đón nhận ngoài Ấn Độ – chủ động sáng tác về trải nghiệm của người Ấn bằng tiếng Anh thay vì vô số ngôn ngữ hay phương ngữ Ấn Độ. Phần lớn những tiểu thuyết gia viết bằng tiếng Anh gốc Ấn này sáng tác từ bên trong Ấn Độ, khắc họa cuộc sống thường nhật. Tuy nhiên, từ thập niên 1980, một thế hệ mới những nhà văn Anh-Ấn đã

Xem thêm: *Những đứa con của nửa đêm* 300-05 ▪ *Người phiên dịch bệnh* 338

xuất hiện, hầu hết họ tập trung vào những đề tài về Ấn Độ hậu thuộc địa, nhu ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, căng thẳng tôn giáo và hệ thống giai cấp.

Những câu chuyện đan xen

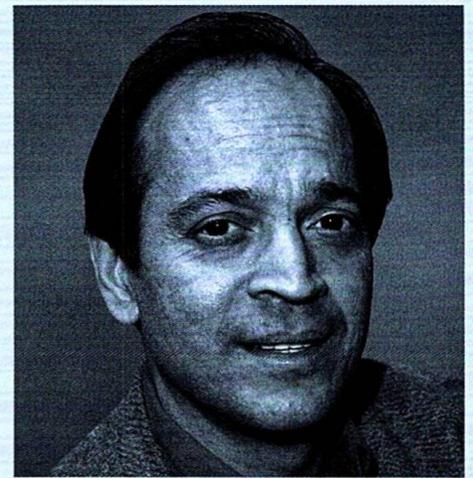
Salman Rushdie là một trong những tiểu thuyết gia Ấn Độ ở nước ngoài đầu tiên. Tiểu thuyết đoạt giải Booker *Những đứa con của nửa đêm* của ông, với sự hòa trộn truyền thuyết Hindu, Bollywood, và việc sử dụng tiếng Anh có chêm vào tiếng Ấn, đánh dấu khởi điểm sự phục hưng của văn học tiếng Anh gốc Ấn, chủ yếu được sáng tác bởi các nhà văn kiều bào. Nhiều tác giả đã theo con đường của Rushdie, như Vikram Seth, với tiểu thuyết *Chàng trai thích hợp* được xuất bản năm 1993.

Có dung lượng đồ sộ, *Chàng trai thích hợp* là một trong những

Các thành thị ven sông Hằng rộn ràng với đời sống và màu sắc, làm nên phong nền rực rỡ cho những câu chuyện đan xen và nhiều thực tại của một Ấn Độ hiện lên qua lời kể của Seth.

tiểu thuyết tiếng Anh dài nhất. Lấy bối cảnh đầu thập niên 1950 – không lâu sau khi Ấn Độ độc lập và bị chia cắt năm 1947 – tác phẩm dõi theo vận mệnh của bốn gia đình trong vòng 18 tháng. Ba gia đình, trong đó, nhà Mehra, nhà Chatterji và nhà Kapoor – tất cả đều thuộc tầng lớp trung lưu, theo đạo Hindu – có giao kết với nhau qua hôn nhân. Gia đình thứ tư, nhà Khan quý tộc theo đạo Hồi, là bạn của nhà Kapoor.

Tiểu thuyết mở đầu tại thị trấn Brahmipur không có thật, bên bờ sông Hằng đoạn giữa Banares (có tên khác là Varanasi) và Patna, mặc dù nhiều sự kiện cũng xảy ra ở Calcutta, Delhi và Kanpur. Những địa điểm này được miêu tả với sự phú quý tột bậc, và thường với sự hóm hỉnh. Seth tái tạo những chi tiết của một Ấn Độ những năm 1950 tráng lệ, xinh đẹp, vẻ nên đời sống động bên bờ sông Hằng, những con phố và chợ sầm uất nhộn nhịp, những thái cực giàu nghèo của đất nước này, và những khung cảnh phong phú tuyệt diệu. Trung tâm của tác phẩm là quyết tâm của bà Rupa Mehra để thu xếp hôn sự cho có



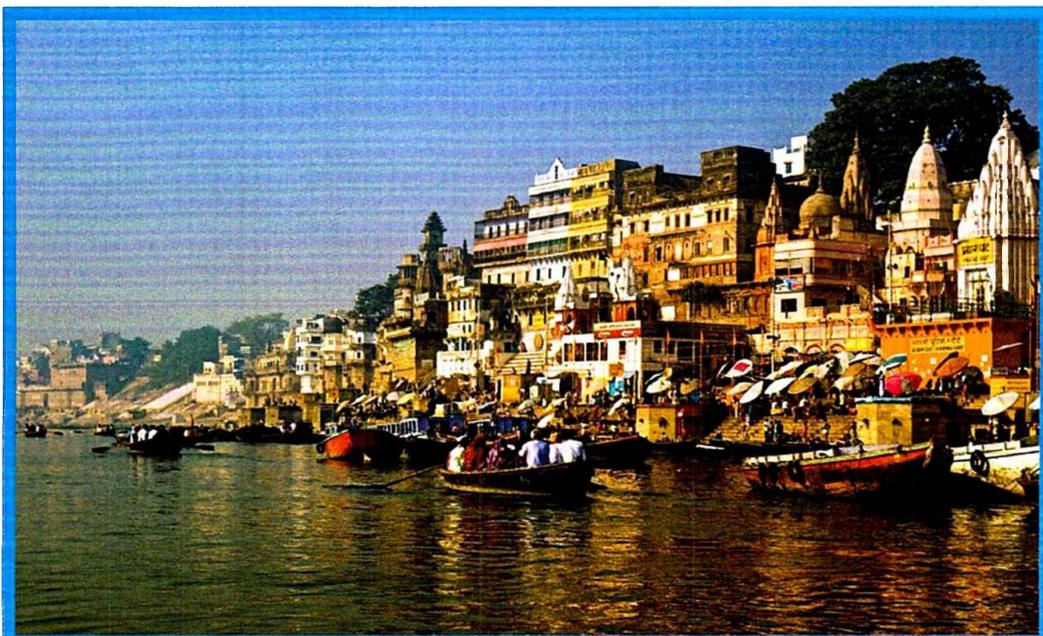
Vikram Seth

Vikram Seth sinh năm 1952 ở Calcutta, Ấn Độ, là con trai của một doanh nhân và một thẩm phán. Sau khi rời trường Doon, ông hoàn thành việc học tại Tonbridge, Anh và tiếp tục đến học tại Đại học Oxford, tốt nghiệp ngành triết học, chính trị và kinh tế (PPE). Ông nhận bằng thạc sĩ kinh tế từ Đại học Stanford, California, và sau đó dành một khoảng thời gian ở Trung Quốc nghiên cứu cổ thi. Hiện ông sống tại Anh nhưng vẫn giữ liên hệ mật thiết với Ấn Độ.

Những tác phẩm của Seth bao gồm thơ, một quyển sách thiếu nhi và ba tiểu thuyết. Năm 2009, ông thông báo rằng mình đang thực hiện phần tiếp theo của *Chàng trai thích hợp*, có tựa đề *Có gái thích hợp*. Dù ông dự định hoàn thành tiểu thuyết này năm 2013, nhưng khi phát biểu trên chương trình radio *Desert Island Discs* của BBC vào năm 2012, ông cho biết tiến độ công việc còn chậm: "Tiếng hạn chót lướt qua là âm thanh mà các tác giả quen thuộc nhất."

Tác phẩm chính khác

1986 *Câu Cổng Vàng*
1999 *Thanh âm tương xứng*
2005 *Hai cuộc đời* (tự truyện)



“

Con cũng sẽ lấy một người mà mẹ chọn,' bà Rupa Mehra đành thếp nói với cô con gái nhỏ.

Chàng trai thích hợp

”

con gái nhỏ Lata, một sinh viên đại học 19 tuổi, với một "chàng trai thích hợp".

Cá nhân và chính trị

Tiểu thuyết mở đầu bằng một đám cưới: hôn lễ của Savita, chị của Lata, với Pran Kapoor, một giáo sư đại học trẻ đến từ một gia đình sáng giá. Mặc dù mắc bệnh hen suyễn, anh ta vẫn đạt chuẩn "chàng trai thích hợp". Lata là một phụ nữ trẻ độc lập về tu tướng, với những suy nghĩ và hành động theo nhiều cách phản ánh những biến chuyển xảy ra ở Ấn Độ bấy giờ, nên cô có những cảm xúc lẫn lộn về cuộc hôn nhân của chị mình, hoài nghi làm sao một người phụ nữ có thể cưới một người đàn ông mình không hề biết.

Khi câu chuyện tiến triển, chính Lata phải lòng ba người đàn ông: Kabir, một sinh viên theo đạo Hồi; Amit, một nhà thơ nổi tiếng toàn cầu; và Haresh, một doanh nhân kiên định trong ngành giày dép. Cho đến tận đoạn cuối cùng độc giả mới biết Lata sẽ chọn ai trong ba người này; đáng chú ý, đây là một quyết định cô lựa chọn cho bản thân sau khi cân nhắc nguyện vọng của người mẹ, hiện thực xã hội, và cảm xúc của chính mình về tình yêu và đam mê.

Song, *Chàng trai thích hợp* còn nói về nhiều thứ hơn là chỉ một câu chuyện tình, kết hợp vô

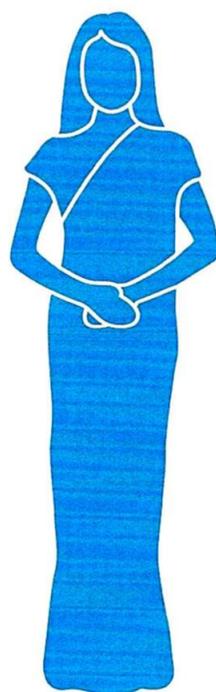
số cốt truyện phụ, cả về cá nhân lẫn chính trị, và một dàn nhân vật đồ sộ được khắc họa chín chu. Những nhân vật này trải từ bà quá phụ Rupa Mehra, với sự can thiệp không mệt mỏi vào cuộc đời của bốn đứa con, đến Rasheed – tín hữu Hồi giáo sùng đạo; từ Malati kiên quyết, bạn thân của Lata, đến thiên tài toán học trẻ tuổi Bhaskar; và từ chính trị gia Mahesh Kapoor đến nhạc công Ishaq. Những nhân vật lịch sử có thật, chẳng hạn như thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ Jawaharlal Nehru, cũng xuất hiện trong tác phẩm này.

Chàng trai thích hợp mang lại một nguồn thông tin chi tiết về những sự kiện chính trị và xã hội xảy ra ở Ấn Độ hậu chia cắt trong những năm đầu tạo dựng thời kỳ Nehru (1947–64). Đan cài vào

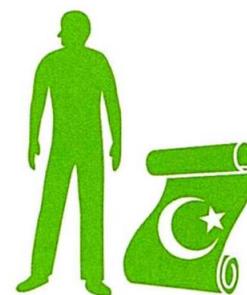
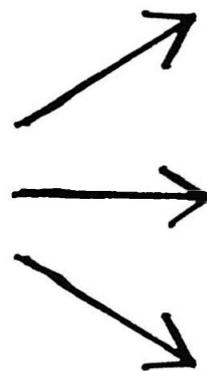
trong tác phẩm là những vấn đề then chốt như giá trị của lao động, tiến trình thay đổi, sự bất công của cái nghèo, và định hướng mà Ấn Độ lựa chọn. Tác phẩm này mô tả khoảng thời gian ngay trước cuộc bầu cử năm 1952 sau khi Ấn Độ độc lập, trong đó nhà Kapoor có liên can mật thiết. Sự bất đồng tôn giáo, đặc biệt là căng thẳng đạo Hindu-đạo Hồi, được hé lộ thông qua phản ứng đối với tình yêu của Lata dành cho Kabir và đối với mối quan hệ của Maan, em trai của Pran, với cô ca kỹ Saeeda Bai theo đạo Hồi; và dù dòi hơn, trong một cuộc bạo động giữa người theo đạo Hindu và người theo đạo Hồi trong một kế hoạch dựng một ngôi đền Hindu ở gần một thánh đường Hồi giáo. Tác giả cũng khắc họa những bất công của chế độ giai

Lata phải đưa ra một quyết định

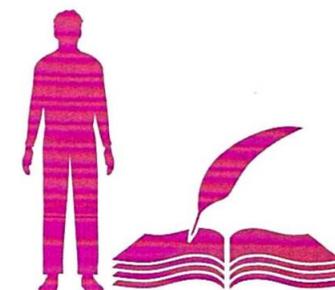
khó khăn: cô nên chọn anh sinh viên theo đạo Hồi, nhà thơ nổi tiếng thế giới hay nhà doanh nhân làm chồng? Tình thế của cô phản ánh tình hình của Ấn Độ hậu chia cắt: đất nước này nên lựa chọn vượt qua sự phân chia tôn giáo, phấn đấu vì chủ nghĩa toàn cầu hoàn thiện hay thu xếp vì sự bình ổn kinh tế?



Lata



Kabir



Amit



Haresh



cấp, cái nghèo và thân phận của người Ấn thuộc tầng lớp thấp kém, chẳng hạn như đảng *jatav*, những người kiếm ăn qua ngày doạ thảng trong những xưởng thuộc da hôi hám. Nhưng phần nhất định trong cốt truyện xoay quanh cuộc cải cách đất đai và việc bãi bỏ chế độ *zamindari* tịch thu tài sản của những địa chủ quý tộc. Tiểu thuyết cũng khám phá vai trò của phụ nữ ở Ấn Độ những năm 1950, so sánh sự phụ thuộc của Lata vào gia đình mình với sự tự lập của cô bạn Malati và phong tục *purdah* của đạo Hồi, theo đó phụ nữ bị cô lập và mặc quần áo phủ kín người như *burqa*.

Những lo âu thực tại

Không như Ấn Độ máu nhiệm của Rushdie, tiểu thuyết của Seth tập trung vào những vấn đề đời thực: công việc, tình yêu, gia đình, những rối ren trong lập pháp, mưu đồ chính trị, giới học thuật và những căng thẳng tôn giáo. Những đề tài này được thể hiện qua thủ văn xuôi đẹp đẽ và trù tình, hấp dẫn, rất dễ đọc và thú vị. Lời văn thể hiện tiếng Anh do người Ấn nói – điểm xuyết những từ ngữ tiếng Hindu và Hồi giáo, nhiều từ trong số đó không được dịch sang tiếng Anh. Tiểu thuyết gia Anh-Ấn Anita Desai

đã quan sát rằng chỉ kể từ sau Rushdie “mà các nhà văn Ấn Độ cuối cùng cùng cảm thấy có thể sử dụng ngôn ngữ nói, khẩu ngữ tiếng Anh, theo cách mà người ta vẫn nói trên những con phố Ấn Độ,” một điều mà Seth đã nắm bắt được hoàn hảo.

Ngôn ngữ của những người theo chủ nghĩa đế quốc?

Vikram Seth là một nhà thơ cũng như một tiểu thuyết gia danh tiếng và tài ba, nên có lẽ không có gì lạ khi tác phẩm của ông chứa những đoạn đượm chất thi ca tuyệt mỹ. Nhiều đoạn như vậy dẫn độc giả vào thế giới thơ Urdu, âm nhạc Ấn Độ và tụng ngâm (*ghazals*), và những huyền thoại và truyền thuyết như khi được diễn xướng bởi Saeeda Bai và các nhạc công của cô. Cùng ám ảnh không kém là mô tả một cuộc săn cọp, những bể nước thuộc da hôi hám, miền quê Ấn Độ và lễ hội Kumbh Mela. Tiểu thuyết còn có những cặp câu thơ suông sã bị những người nhà Chatterji lạnh nhạt thốt ra; và một trang mục lục bao gồm 19 cặp câu thơ vắn điệu với nhau, mỗi câu ứng với một phần của cuốn sách.

Seth mất hơn tám năm để viết cuốn tiểu thuyết đồ sộ này; tác phẩm thành công vang dội và đoạt giải Commonwealth Writers. Ông

Hôn nhân là tâm điểm của *Chàng trai thích hợp* và được sử dụng để khảo nghiệm những vấn đề chính yếu – từ tôn giáo, giai tầng, giới tính và chính trị đến bản sắc cá nhân và quốc gia.

còn được sánh với Jane Austen – nhưng dù giống các tiểu thuyết rất hiện thực và sâu sắc của Austen kể về những sự kiện gia đình, *Chàng trai thích hợp* vẫn là một tiểu thuyết Ấn Độ không lần đi đâu được, được viết bằng tiếng Anh, và là tượng đài của thể loại này.

Đã có những tranh luận gay gắt liên quan đến việc có hay không một thể loại văn học tiếng Anh gốc Ấn, cụ thể là một sự truy vấn tại sao những tiểu thuyết gia Ấn hàng đầu, phần lớn sống bên ngoài Ấn Độ, lại sáng tác bằng tiếng Anh. Theo lời của Rushdie, “sự mỉa mai rằng văn học xuất sắc nhất của Ấn Độ kể từ lúc độc lập hẳn lại được viết bởi ngôn ngữ của những tên đế quốc đã ra đi đơn thuần là quá sức chịu đựng với vài người.” Tuy nhiên, danh tiếng của thể loại văn học Anh-Ấn tiếp tục phát triển trong thế kỷ 21, với các tác giả như Arundhati Roy, Jhumpa Lahiri, Amitav Ghosh và Kiran Desai cùng những đóng góp to lớn, hoặc là đặt tiểu thuyết của họ vào bối cảnh Ấn Độ, hoặc là tập trung vào trải nghiệm sự lạc mất nguồn cội và sự xa cách trong cộng đồng kiều bào. ■

“

Họ đồng tình với nhau một cách dữ dội và bất đồng với nhau trong hòa hảo.

Chàng trai thích hợp

”



ĐÓ LÀ MỘT Ý TƯỞNG HẾT SỨC HY LẠP, VÀ HẾT SỨC SÂU SẮC. CÁI ĐẸP CHÍNH LÀ NỖI KHIẾP ĐẢM

LỊCH SỬ BÍ MẬT (1992), DONNA TARTT

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Tiểu thuyết học đường

TRƯỚC ĐÓ

1951 *Đại học đường* của nhà văn Mỹ Mary McCarthy được xuất bản. Đây được xem như tiểu thuyết học thuật hay "học đường" đầu tiên.

1954 Cuốn sách có sức ảnh hưởng *Jim tốt số*, của tác giả Anh Kingsley Amis, phát triển thể loại học đường qua câu chuyện theo chân một giảng viên sư học trẻ lập thân trong thế giới hậu chiến.

1990 Tiểu thuyết đoạt giải Booker *Tai sản: Một câu chuyện tình* của tiểu thuyết gia Anh A. S. Byatt mô tả chi tiết một bí ẩn lịch sử Hậu Hiện đại đặt trong bối cảnh giới học thuật.

SAU ĐÓ

2000 *Vết nho của người* của nhà văn Mỹ Philip Roth theo dấu cuộc đời phức tạp của một giáo sư cổ điển học về hưu và thế giới học thuật Mỹ đầy biến chuyển.

Khi tác giả Mỹ Donna Tartt (1963-) xuất bản tiểu thuyết *Lịch sử bí mật*, đây được xem như một sự bổ sung vượt bậc của dòng tiểu thuyết học đường mà nó vay mượn và mở rộng. Tiểu thuyết học đường phát triển trong thập niên 1950, khi những mối quan tâm đến xã hội hậu chiến gắn liền với nh ùng cuộc tranh luận về văn chương và văn hóa diễn ra trong các trường học phương Tây. Các tiểu thuyết lấy bối cảnh trong không gian hạn chế của trường đại học và thường châm biếm đời sống hàn lâm và thói tự phụ của giới học giả.

Sức cảm dỗ của văn minh

Lịch sử bí mật theo chân sáu sinh viên ngành cổ điển học tại một trường đại học danh giá ở New England. Khi sử dụng bối cảnh này để tập trung vào các tranh luận về văn chương và văn hóa, Tartt mở rộng cách những người đi trước vào thập niên 1950 sử dụng môi trường đại học để truy vấn vai trò của văn học, bản sắc và chính dòng văn học này.

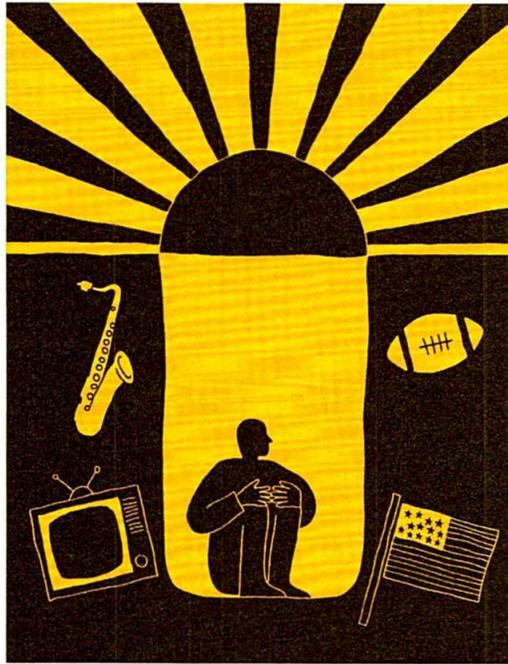
Tiểu thuyết này của Tartt là một chuyện phản trình thám, phức tạp hóa thể loại trình thám thế kỷ 19.

Tác phẩm mở đầu bằng một vụ án mạng bí ẩn, nhưng chính động cơ của hung thủ chủ không phải danh tính hẳn mới làm độc giả bối rối. Chi tiết này dần được hé lộ khi câu chuyện tiếp diễn. Tartt dùng tiền đề một vụ án mạng bị giấu kín giữa sáu sinh viên để khám phá những ý niệm rộng hơn. Mượn ý từ bi kịch Hy Lạp, bà khiến độc giả tự hỏi liệu "khiếm khuyết bi kịch" trong nhân vật, đặc điểm của thể loại này, có thật sự tồn tại hay không. Bà khảo nghiệm câu hỏi này thông qua cốt truyện để chất vấn lý do và cách thức mà ta dùng quá khứ văn chương trong hiện tại.

Một án mạng triết học

Đối với các nhân vật sinh viên của Tartt, văn chương quá chân thực: nó bị đẩy tới cực hạn đúng nghĩa dưới hình thức một vụ án mạng để tỏ lòng tôn kính ý niệm triết học "cái chết là mẹ của cái đẹp", như Henry, một sinh viên tuyên bố. Liệu vụ án mạng thật sự được xem như một thủ pháp văn chương nghịch ngợm và tự ý thức xuất phát từ một học thuyết, hay chúng là một sự phê phán chính học thuyết đó, Tartt để độc giả tự quyết định chuyện này. ■

Xem thêm: *Vua Oedipus* 34-39 ▪ *Ruồng bỏ* 322-23



CÁI TA THẤY TRƯỚC MẮT CHỈ LÀ MỘT PHẦN VÔ CÙNG NHỎ CỦA THẾ GIỚI

BIÊN NIÊN KÝ CHIM VẠN DÂY CỐT (1994–1995), HARUKI MURAKAMI

BỐI CẢNH

TIỂU ĐIỂM

Viết cho thế giới

TRƯỚC ĐÓ

1987 Trong câu chuyện hoài niệm về tình bạn, tình yêu, và mất mát *Rừng Na Uy* của Murakami, nhân vật chính từng là sinh viên có hứng thú với văn học Mỹ.

1988 *Kitchen* của Banana Yoshimoto là câu chuyện khắc khoải về một phụ nữ Nhật trẻ tuổi gửi gắm tâm tình vào việc nấu những món Tây.

SAU ĐÓ

1997 Trong *súp miso* của Ryu Murakami là câu chuyện hình sự lấy bối cảnh ở các quán bar có tiếp viên ở Tokyo, với các đoạn đối thoại nhắc đến những người Mỹ có thật như Whitney Houston và Robert de Niro.

2002 *Kafka bên bờ biển* cho thấy Murakami khảo nghiệm kỹ ảo siêu hình trong một Nhật Bản giao thoa giữa văn hóa Tây phương hóa và Thần đạo.

Từ cuối thế kỷ 20, toàn cầu hóa – đặc biệt là sự lan tỏa văn hóa đại chúng Mỹ ra toàn thế giới – đã tạo ra một diễn đàn mà tại đó các nhà văn có thể giải phóng sáng tác khỏi truyền thống địa phương, tựa như viết cho độc giả toàn cầu.

Ảnh hưởng của Mỹ rất rõ nét trong văn hóa Nhật – phần nào bắt nguồn từ thời kỳ Mỹ chiếm đóng Nhật (1945–52). Tác giả Nhật Haruki Murakami (1949–) có nền tảng về văn hóa dường như mang một phần chất Mỹ: ông dịch các tác phẩm của F. Scott Fitzgerald và Truman Capote ra tiếng Nhật, cũng như điều hành một quán bar nhạc jazz tại Tokyo.

Đông Tây hội ngộ

Tiểu thuyết *Biên niên ký chim vạn dây cốt* của Haruki Murakami chịu ảnh hưởng từ Mỹ, cũng như những mô típ văn hóa từ châu Âu. Chẳng hạn, câu chuyện bắt đầu khi nhân vật chính, Toru Okada, vừa nghe nhạc Rossini vừa nấu pasta; ở đoạn sau, một cây gậy bóng chày được dùng làm vũ khí. Tựa thân cuốn sách này là một câu chuyện

hành trình phức tạp bắt nguồn từ văn hóa phương Tây. Giống như Orpheus xuống âm phủ để tìm lại Eurydice trong thần thoại Hy Lạp, Okada xuống giếng để tìm lại vợ mình – Kumiko, khi cô biến mất.

Song, về cốt lõi, đây vẫn là một câu chuyện Nhật. Murakami gọi lên sự xa cách của đô thị Nhật Bản hiện đại, đồng thời tìm tòi lịch sử nước mình. Chẳng hạn như những câu chuyện về chiến tích của Trung úy Mamiya ở Mãn Châu và một trại tù Xô viết chi ra bản án chiến tranh bạo lực của Nhật. ■

“

Có thể nào... một con người hiểu được thấu suốt một con người khác?

Biên niên ký chim vạn dây cốt

”

Xem thêm: *Thủ làm liêu* 336



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học ngụ ngôn châm biếm

TRƯỚC ĐÓ

1605 Trong *Don Quixote*, Miguel de Cervantes khám phá sự bất tri về bản chất vốn dĩ của thế giới trong hành trình hoang tưởng của nhân vật chính vào vai một hiệp sĩ hành hiệp trượng nghĩa.

1726 *Gulliver du ký* của Jonathan Swift phóng đại sự suy đồi đạo đức và chính trị trong những câu chuyện về những vùng đất hư cấu.

1945 Trong *Trại súc vật*, tác giả Anh George Orwell lần theo sự tương ứng giữa sự tha hóa chính trị trong xã hội loài người và một nhóm súc vật nổi loạn.

SAU ĐÓ

2008–10 Nhà văn Mỹ Suzanne Collins xuất bản *Đấu trường sinh tử*, dùng thủ pháp ngụ ngôn châm biếm để chỉ ra sức mạnh của truyền thông như một công cụ chính trị trong xã hội Mỹ hiện nay.

MAY RA TRONG MỘT THẾ GIỚI MÙ LÒA THÌ VẠN VẬT MỚI LÀ BẢN THÂN CHÚNG

MÙ LÒA (1995), JOSÉ SARAMAGO

Tiểu thuyết bi ai *Mù lò* (tựa gốc tiếng Bồ Đào Nha *Ensaio Sobre a Cegueira* – “Luận về mù lò”) của José Saramago là một ví dụ cho ngụ ngôn châm biếm – một loại truyện mang ẩn ngôn song hành, có bản chất thường nói về chính trị hoặc đạo đức. Trong ngụ ngôn châm biếm, những sự kiện được sử dụng như phép ẩn dụ tuồng minh hoặc ngấm ẩn để chế giễu những khía cạnh của xã hội, chính trị hoặc đời sống. Trong *Mù lò*, sự châm biếm được lấy cảm hứng từ chính phủ độc tài Estado Novo (Tân Quốc)

của Bồ Đào Nha, cầm quyền từ 1933 đến 1974, mặc dù bối cảnh, nhân vật và thời đại thật sự trong tiểu thuyết không rõ ràng. Bên dưới sự giám sát sát sao là sự thiếu vắng luân lý, lòng tử tế và sự thấu cảm, điển hình cho bất kỳ xã hội tu bản cánh hù nào.

Sẽ ra sao nếu tất cả chúng ta mù lò?

Tiểu thuyết mô tả những sự kiện sau khi người dân một thành phố không tên bắt đầu bị mù – không phải họ chỉ thấy màu đen mà là màu trắng sữa đục. Bệnh dịch

Thế giới người mù

Xã hội bị ảnh hưởng bởi sự **mù lò ẩn dụ**: thiếu vắng thấu cảm, lý trí và luân lý.

Những thành viên của xã hội bị ảnh hưởng, kết quả là họ **mù lò thật**.

Những xã hội mới hình thành trong mù lò, khi xã hội cũ chìm vào tăm tối.

Xã hội tìm cách tổng giám, cách ly và **giam hãm những người bị nhiễm bệnh**.

Xem thêm: *Thán khúc* 62–65 ▪ *Chuyện kể Canterbury* 68–71 ▪ *Don Quixote* 76–81 ▪ *Candide* 96–97 ▪ *Gulliver du kỳ* 104 ▪ *Trại súc vật* 245 ▪ *Chúa Ruồi* 287

Chế độ đàn áp Estado Novo của Bồ Đào Nha luôn hiện hữu dù không được gọi tên trong tác phẩm của Saramago; nhan đề và nội dung của tác phẩm này ám chỉ đề tài song hành về sự mù lòa tội lỗi và tâm tối về chính trị.

này lây lan qua sự hiện diện hay tiếp xúc giữa người với người và không chữa trị được. Chính quyền chuyển những người nhiễm bệnh đến một nhà thương được canh gác, và để mặc họ tự tử với hỗ trợ duy nhất là thực phẩm và trang thiết bị vệ sinh.

Ta thấy những nhân vật chính được thời thúc bởi nhu cầu, sự sinh tồn và sự đáp lại lòng thấu cảm của con người nên đã phát triển nhu những cá nhân của một cộng đồng. Một hình thái xã hội dựa trên sự đoàn kết, bắt đầu nảy sinh giữa những người mù. Saramago miêu tả cuộc đấu tranh về thể chất và tâm lý của những người mới bị mù tương ứng với những người đã mất đi cái nhìn về lý trí, nhân tính và chính cái ý niệm về xã hội loài người: “Những tù nhân mù lòa này [...] sẽ sớm biến thành thú vật, tệ hơn nữa, là thú vật mù lòa.” Với



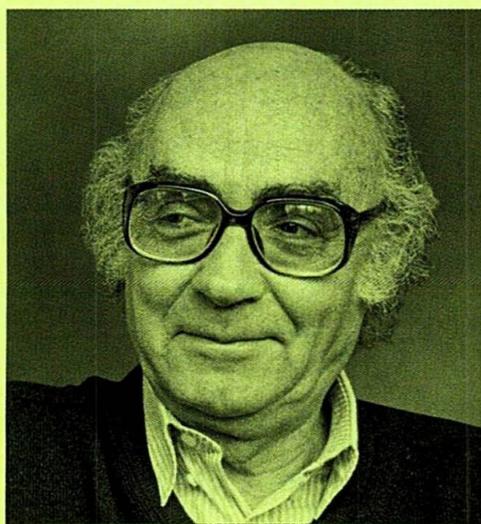
hàm ý chính trị rõ ràng về bạo lực và khủng bố của một nhà nước toàn trị, sự xuất hiện của nhóm côn đồ mù lòa có tổ chức càng làm sự đàn áp chóng chắt. Saramago mang đến câu chuyện một động lực không thể cân bằng cách hạn chế tối đa dấu câu và thay đổi giữa các thì và góc nhìn. Việc này tạo ra cảm giác bị cuốn theo câu chuyện, từ đó khiến các chủ đề của tác phẩm âm vang.

Mù lòa và thấu hiểu

Độc giả có thêm một góc nhìn về bối cảnh ám đạm này qua đôi mắt của người vợ bác sĩ, một trong những tù nhân đầu tiên, thực ra là

người giả mù để được ở bên chồng. Thủ pháp này cho phép độc giả hiểu thêm về những mối quan hệ được tạo dựng, những thói quen bị vứt bỏ và những hệ tu tưởng được hình thành và tái hình thành trong câu chuyện. Chính nhờ đôi mắt người vợ bác sĩ mà những nhân vật tìm thấy nhau, tìm thấy hy vọng và sức mạnh để sống còn trong con mù trắng, sự tàn ác của đám côn đồ và sự khắc nghiệt của nhà thương. Chính nhờ nhân tính và lòng thấu cảm của bà – những biểu tượng về một xã hội nên hướng đến – mà cuối cùng, họ bắt đầu gầy dựng lại cuộc sống bên ngoài nhà thương. ■

José Saramago



José de Sousa Saramago sinh năm 1922 tại Bồ Đào Nha, con trai của hai công nhân nghèo ở vùng quê. Cha mẹ không đủ tiền cho ông đi học, nên ông theo học nghề thợ cơ khí; về sau tài năng viết lách đã đưa ông đến với nghề biên dịch, nhà báo và biên tập viên. Vì Saramago tham gia chính trị, nên tiểu thuyết đầu tay của ông *Miền đất tội lỗi* (*Terra do Pecado*, 1947), không được đón nhận nồng nhiệt bởi chế độ Công giáo bảo thủ Estado Novo (Tân Quốc) khiến sách bị cấm xuất bản. Ông trở lại năm 1966 với *Những bài thơ khà đi* (*O Poemas*

Possiveis). Sau khi sáng tác nhiều tiểu thuyết hơn, ông đoạt giải Nobel Văn học năm 1998. Ông chuyển đến Tây Ban Nha sau khi chính quyền Bồ Đào Nha kiểm duyệt một trong các tác phẩm của ông vào năm 1992. Ông sống tại đây cho đến khi qua đời vào năm 2010.

Tác phẩm chính khác

1982 *Baltasar và Blimunda*
1984 *Năm Ricardo Reis qua đời*
1991 *Phúc Âm theo lời Chúa Jesus*
2004 *Nhìn rõ*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Nam Phi

TRƯỚC ĐÓ

1883 Olive Schreiner khảo nghiệm các vấn đề gia trưởng và phái tính trên phong nền thuộc địa trong *Câu chuyện một nông trại châu Phi*.

1948 Tác phẩm ăn khách *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* của Alan Paton vạch trần nền chính trị đàn áp của Nam Phi trước thế giới.

1963–90 Hàng nghìn quyển sách bị cấm với tiêu chí "không ra gì" ở Nam Phi.

1991 Nhà văn và nhà hoạt động Nadine Gordimer được trao giải Nobel Văn học.

SAU ĐÓ

2000 Với *Giữa lòng nhuộm đỏ*, nhà văn Zakes Mda thể nghiệm pha trộn khéo léo lịch sử, thần thoại Xhosa và mâu thuẫn thuộc địa.

2003 *Luong y* của Damon Galgut chỉ trích những hứa hẹn về sự thay đổi chính trị.

TIẾNG ANH LÀ MỘT PHƯƠNG TIỆN KHÔNG THÍCH HỢP VỚI THỰC TẾ CỦA NAM PHI

RUỒNG BỎ (1999), J. M. COETZEE

Một dòng văn học phi thường đã chuyển mình ở Nam Phi từ một xã hội mà trong đó người da đen chiếm đa số đã bị đàn áp hàng chục năm bởi chủ nghĩa thực dân và chế độ apartheid – một hệ thống phân biệt chủng tộc chuyên quyền. Sáng tác trong và sau chế độ apartheid chủ yếu rơi vào hai trường phái: những tác giả như nhà văn đoạt giải Nobel Nadine Gordimer sáng tác các tiểu thuyết phức tạp làm chúng nhân cho lịch sử, trên gốc rễ chủ nghĩa hiện thực xã hội và chính trị vào thời đại của họ. Trái lại, J. M. Coetzee có vẻ gán nhu thò o với xã hội khi sáng tác những tác phẩm "đổi chọi với lịch sử." Những câu chuyện của ông đặc trưng bởi sự mơ hồ và khó nắm bắt, với sự

quan tâm mang tính Hậu Hiện đại với ngôn ngữ trong câu chuyện và quyền lực của tiếng nói.

Những mối quan hệ quyền lực

Tiểu thuyết *Ruồng bỏ* của Coetzee xoay quanh sự lụn bại của David Lurie, một giáo sư dạy cổ điển học và ngôn ngữ hiện đại bị giáng xuống dạy "giao tiếp." Là hiện thân cho những giá trị chắc chắn của người da trắng gốc Âu tại Nam Phi mới, Lurie nhận thấy mình thất bại trong giao tiếp. Gã không thể thu hút sinh viên, hay dùng thi ca để quyến rũ Melanie, một sinh viên bị gã cưỡng dâm trong một quan hệ ngoài luồng.

Sau khi Lurie lún sâu vào sự ruồng bỏ và bị đuổi việc, câu chuyện chuyển đến Đông Cape, nơi con gái Lucy của gã quản lý một trang trại nhỏ. Lurie thấy bóng dáng quá khứ lý tưởng nơi miền quê, nhưng lại chật vật khi vai vế giữa địa chủ da trắng và nhân công da đen đã thay đổi. Gã giết thời gian bằng cách kết liễu những con thú bị bỏ rơi ở một phòng khám thú y nông thôn.

Gã giáo sư này nói được vài ngôn ngữ châu Âu, nhưng không thể trò chuyện với hàng xóm Petrus của Lucy. "Bị ép vào khuôn khổ tiếng Anh, câu chuyện của Petrus thành ra khô cứng và cổ

“

Sự ân hận thuộc về cõi khác, về một vũ trụ diễn ngôn khác.

Ruồng bỏ

”

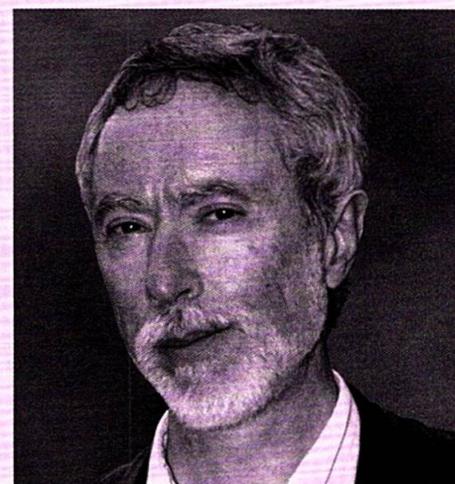
Xem thêm: Câu chuyện một nông trại châu Phi 201 ▪ Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu 286 ▪ Mùa trắng khô cần 333-34

lỗ." Gã không biết tiếng Phi châu nào để nói lý lẽ với ba tên da đen tấn công trang trại và cưỡng dâm con gái mình, hay để vạch trần tội đồng lõa của tên hàng xóm. Về sau, tại buổi tiệc mừng Petrus lên làm chủ đất, một vị khách lên sân khấu phát biểu bằng tiếng Xhosa về tương lai mà chỉ có người da đen hiểu được.

Một tương lai bất định

Ruồng bỏ, được xuất bản năm năm sau những cuộc bầu cử tự do đầu tiên ở Nam Phi, nằm trong thể tương phản tuyệt đối với văn học "đường mật" hậu apartheid, ngập tràn lạc quan về đất nước

mới. Dù bị một số người lên án do cốt truyện bạo lực, tiểu thuyết giữ sự cân bằng mong manh khi khắc họa sự ruồng bỏ không có biên giới văn hóa. Sau cùng, có sự tương đồng giữa việc Lucy bị tấn công với việc gã giáo sư lạm dụng tình dục các cô gái điếm da đen và Melanie, một sinh viên ngầm hiểu là con lai. Trong khi Lurie kiêu ngạo từ chối lên tiếng tại buổi điều trần, sự cảm lạnh của Lucy về trải nghiệm đau đớn gọi nhắc nhận thức rõ ràng rằng cuộc đời phải bị tước sạch chỉ còn những thú cơ bản, vì không có từ ngữ nào có thể sửa chữa hay làm lành nỗi đau. ■



J. M. Coetzee

Tiểu thuyết gia, nhà ngôn ngữ học, nhà viết luận và dịch giả John Maxwell Coetzee sinh năm 1940, có cha mẹ người Nam Phi da trắng nói tiếng Anh. Thuở nhỏ, Coetzee sống tại Cape Town và Worcester tại Tây Cape. Sau khi tốt nghiệp vào thập niên 1960, ông làm nghề lập trình máy tính tại London. Ông có bằng tiến sĩ ngành ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học và ngôn ngữ German từ Đại học Texas.

Từ năm 1972, Coetzee giữ nhiều vị trí tại Đại học Cape Town, đến năm 2000 là Giáo sư Danh dự ngành văn học, và giảng dạy thường xuyên tại Mỹ. Ông đã đoạt rất nhiều giải thưởng văn học, như giải Booker (hai lần) và giải Nobel Văn học năm 2003. Hiện tại Coetzee sống tại Nam Phi và là một người đấu tranh về quyền động vật.

Tác phẩm chính khác

- 1977 *Giữa miền đất ấy*
- 1980 *Đợi bọn mọi*
- 1983 *Cuộc đời và thời đại của Michael K*
- 1986 *Thù*
- 1990 *Tuổi sắt đá*



Sự nghiệp bị ruồng bỏ

Sự nghiệp học thuật đang lung lay của gã giáo sư bị hủy hoại hoàn toàn do gã đã quấy rối tình dục một sinh viên.



Tình dục bị ruồng bỏ

Đời sống tình dục của Lurie với gái điếm và những cảm dỗ tâm thương do bản đối lập với những chuyện tình lãng mạn kiểu Byron âm ảnh tâm trí gã.

Tua đế tác phẩm
không chỉ là việc gã David Lurie ngoan cố bị ruồng bỏ. Hành động phi nhân, ô danh và nhục nhã còn đe dọa nuốt chửng xã hội non trẻ và mong manh.



Nguộc đãi động vật

Việc ngược đãi và bỏ mặc động vật đáng lên án là đề tài phổ biến trong sáng tác của Coetzee, được phản ánh qua việc làm ác nghiệt của phòng khám thú y.



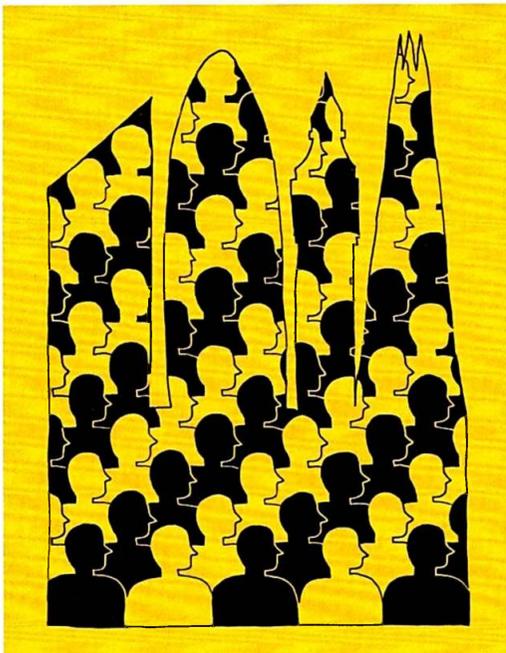
Bạo lực chủng tộc

Vụ cưỡng dâm Lucy và tình trạng áp bức đang tiếp diễn và mối đe dọa đối với sự an toàn của cô làm nổi bật căng thẳng giữa người da đen và cộng đồng da trắng giàu có.



Chế độ apartheid

Những ý niệm về sự ruồng bỏ cấu thành mạch truyện gọi nhắc về sự ruồng bỏ to lớn trong lịch sử chủ nghĩa thực dân và chế độ apartheid ở Nam Phi.



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Chủ nghĩa đa văn hóa

TRƯỚC ĐÓ

1979 Trong tác phẩm của nhà văn gốc Trinidad Sam Selvon *Moses đi lên* kể về một chủ nhà Tây Ấn tại London, một nhóm đấu tranh vì quyền lợi người da đen chiếm giữ tầng hầm.

1987 Nhà văn Canada gốc Sri Lanka Michael Ondaatje giao hòa văn hóa bản địa vào câu chuyện phong phú về phận đời các lao động nhập cư tại Toronto trong *Trong lối su tù*.

1991 Tác phẩm bán tự truyện của Renan Demirkan về lòng trung thành mâu thuẫn trong một gia đình Thổ Nhĩ Kỳ tại Đức, *Schwarzer Tee mit drei Stuck Zucker* ("Hồng trà thêm ba viên đường"), được săn đón nồng nhiệt.

SAU ĐÓ

2004 *Đảo nhỏ*, câu chuyện của nhà văn Anh Andrea Levy về cuộc đời của hai cặp đôi, soi rọi trải nghiệm của người di cư tại nước Anh hậu chiến.

MỌI KHOẢNH KHẮC XẢY RA HAI LẦN: BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI, VÀ CHÚNG LÀ HAI CÂU CHUYỆN HOÀN TOÀN KHÁC NHAU

RĂNG TRẮNG (2000), ZADIE SMITH

Di cư là một phần quan trọng trong chất liệu văn hóa của Mỹ, Canada và Vương quốc Anh qua nhiều thế hệ, nhưng những thập niên gần đây đã chứng kiến làn sóng sáng tác mới phản ánh sự đa dạng của những cộng đồng này và sự lan tỏa của tiếng Anh. Nhu cầu hòa nhập vào nền văn hóa mới thường ức chế tiếng nói của người di cư, do đó chính thế hệ thứ hai trong những gia đình nhập cư sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ để viết những tác phẩm thể hiện sự giao hòa văn hóa của họ. Việc này phần nào giải thích vì sao các sáng tác đa văn hóa ở các nơi khác ở châu Âu và trên thế giới xuất hiện chậm hơn, nhưng khi các nước khác trở nên đa dạng, những tiếng nói mới lại được chú ý. Như ở Đức, Renan

Demirkan đã đi tiên phong cho văn học tiếng Đức gốc Thổ.

Tại Vương quốc Anh, văn học đa văn hóa truy nguyên từ những làn sóng di cư từ khối Thịnh vượng chung những năm 1950, và thường tập trung sâu sắc vào không khí rời rạc, bài ngoại, hé lộ cuộc đời của những người trong cộng đồng dân tộc tại các thành thị lớn. Như những nơi khác, nhiều tác giả di cư là con lai và thuộc thế hệ thứ hai, họ chấp bút những tiểu thuyết đầu tiên bàn về sự hòa nhập của những cộng đồng tảo mộ. Tác phẩm đoạt giải *Răng trắng* của Zadie Smith mang đến một cái nhìn mới mẻ, tươi trẻ về sự kế thừa phức tạp của các gia đình đa văn hóa ở Bắc London.

Nước Anh đa sắc tộc

Răng trắng quay ngược về những ngày cuối cùng của Thế chiến II, khi Archie Jones, một người Anh da trắng thuộc tầng lớp lao động, bắt cặp với kỹ sư vô tuyến gốc Bangladesh theo đạo Hồi tên Samad Iqbal trong một đơn vị thiết giáp Anh tại Hy Lạp. Tình bạn vượt lên tầng lớp và màu da này tiếp diễn sau cuộc chiến. Mối thân tình trở nên khăng khít qua những buổi chiều dài trong một quán rượu Ireland do người Á Rập làm chủ, qua bất hòa trong hôn nhân và việc



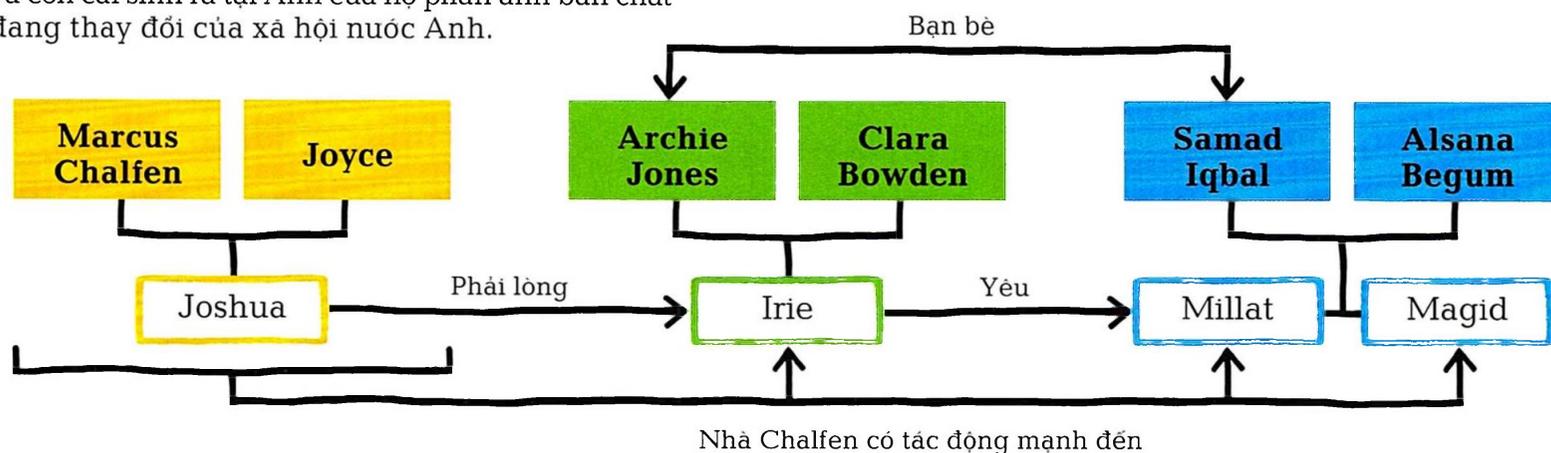
Anh nghĩ ai cũng là người Anh? Người Anh chính cố? Thật hoang đường!

Răng trắng



Xem thêm: *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* 286 ▪ *Căn nhà cho ông Biswas* 289 ▪ *Người phiên dịch bệnh* 338
▪ *Cuộc đời của Pi* 338 ▪ *Người đưa diều* 338 ▪ *Nửa mặt trời vàng* 339

Trong *Răng trắng*, mạng lưới các mối quan hệ giữa những người da trắng, thế hệ nhập cư thứ nhất và con cái sinh ra tại Anh của họ phản ánh bản chất đang thay đổi của xã hội nước Anh.



cả hai làm cha mẹ. Samad có cặp con trai song sinh, Magid và Millat, qua cuộc hôn nhân sắp đặt với Alsana; Archie và cô vợ Clara gốc Jamaica có con gái tên Irie.

Samad, giờ là “người bung cà ri” trong một nhà hàng địa phương, quyết định gửi con trai Magid về Bangladesh để cậu được dạy dỗ trong sự tôn kính di sản đạo Hồi của ông; nhưng khi trở lại sau nhiều năm, Magid là một nhà khoa học vô thần. Đối lập một cách mỉa mai, em trai song sinh của anh, Millat ngỗ nghịch, gia

nhập một nhóm Hồi giáo chính thống. Irie được hướng đến quê hương của mẹ thông qua bà. Cùng như cha mẹ, Millat, Magid và Irie giằng co với cảm giác không thuộc về nơi nào, trái ngược với những người đã sống ở Anh qua bao thế hệ và thụ hưởng niềm vui có lịch sử và tu cách. “Đó là nước Anh, một tấm gương khổng lồ, và đó là Irie, không có hình phản chiếu.”

Smith có khiếu dụng đối thoại, và đôi mắt tinh tường – những cuộc đối thoại công kích cộng đồng nhập cư, trường phổ thông lộn

xộn và tầng lớp trung lưu hay bản tán – tiêu biểu là gia đình Chalfen da trắng trí thức không ngừng tác động lên Irie, Millat và Magid.

Lấy bối cảnh trong những năm 1980 Thatcher cầm quyền, cuốn sách rải rác những liên hệ văn hóa, từ án tù *fatwa* của Salman Rushdie đến gang tó đường phố mặc đồ Nike. Smith đã lên tiếng chỉ trích tiểu thuyết chưa chín muồi của mình, nhưng nó vẫn là một dòng lịch sử táo bạo về một thời đại đòi hỏi những định nghĩa mới về bản sắc người Anh. ■

Zadie Smith

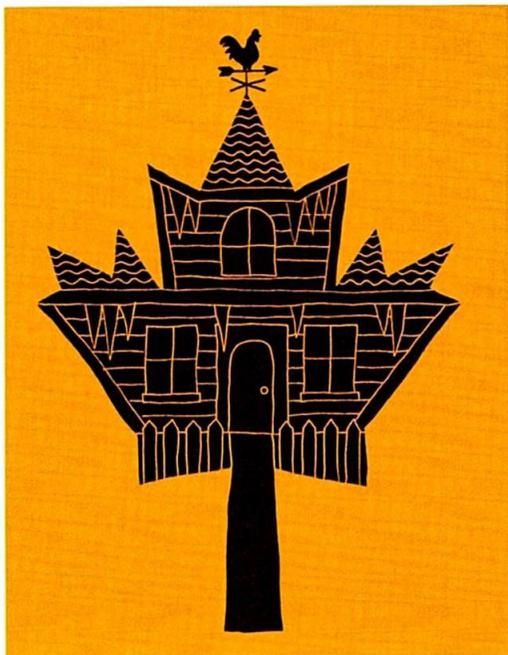


Zadie Smith sinh năm 1975 tại Bắc London trong gia đình có cha người Anh và mẹ người Jamaica. Dù tên khai sinh là Sadie, nhưng cô đã đổi thành Zadie vào năm 14 tuổi. Smith viết tiểu thuyết được khen ngợi *Răng trắng* khi học năm cuối tại King's College, Đại học Cambridge. Chuyển đến Mỹ, cô theo học Đại học Harvard và giảng dạy môn viết sáng tạo tại khoa mỹ thuật của Đại học Columbia trước khi tiếp nhận vị trí hiện tại tại Đại học New York. Cô đi lại giữa New York và London, cùng chồng là nhà văn Nick Laird và hai con trước khi

định cư lại London năm 2020. Smith đã nhận gần 20 đề cử và giải thưởng cho các sáng tác của mình. Gần đây, cô bắt đầu viết truyện ngắn và phê bình văn học. Trong một phỏng vấn trên tờ *The Guardian*, cô được yêu cầu đưa ra 10 quy tắc vàng trong việc viết văn, trong đó có: “Kể sự thật thông qua mọi chất liệu có được – hãy cứ kể ra.”

Tác phẩm chính khác

2002 *Người buôn chủ ký*
2005 *Vẻ sắc đẹp*
2012 *NW*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Văn học Gothic Nam Ontario

TRƯỚC ĐÓ

1832 Được xem là tiểu thuyết Canada đầu tiên, *Wacousta* của John Richardson chứa đầy những mối đe dọa và nỗi kinh hoàng kiểu Gothic.

1967 *Kẻ điên loạn cuối cùng* của Timothy Findley được xuất bản. Năm năm sau đó, tác giả đặt ra thuật ngữ "Gothic Nam Ontario" để mô tả tiểu thuyết của mình.

1970 Sáng tác thời kỳ đầu của văn học Gothic Nam Ontario, *Phi vụ thú năm* của Robertson Davies nhìn vào mặt tối của một cộng đồng ở Ontario.

SAU ĐÓ

2009 Đan díu, chết chóc và sợ hãi tràn ngập trong tập truyện ngắn Gothic *Quá đời hạnh phúc* của Alice Munro.

2013 *Perdita* của Hilary Scharper, mà bà dùng từ "Ecogothic" để mô tả, là một truyện ma Canada hiện đại.

CÁCH TỐT NHẤT ĐỂ GIỮ BÍ MẬT LÀ VỒ NHƯ KHÔNG CÓ BÍ MẬT

TAY SÁT THỦ MÙ (2000), MARGARET ATWOOD

Văn học Gothic vào thế kỷ 18 và 19 thường chứa đựng các yếu tố như lâu đài ma ám, kẻ phản diện bạo ngược, nữ chính gặp nạn, cũng như những điều huyền bí và ma quỷ. Cuối thế kỷ 20, văn học Canada, đặc biệt là ở vùng Nam Ontario, đã kế thừa và phát triển dòng văn học này cho riêng mình. Những Alice Munro, Robertson Davies và Margaret Atwood điều chỉnh các khía cạnh của văn học Gothic như sự siêu nhiên và sự quái gở, cũng như những hình tượng u tối của thế loại này, và vận dụng chúng vào đời sống Canada đương đại. Thông thường, các tác phẩm kiểu này nỗ lực cất nghĩa bản sắc dân tộc Canada trong bối cảnh hậu

thuộc địa, và có thể xem đó là hình ảnh phản chiếu nỗi bất an của con người nơi đây về lịch sử của mình.

Sự phức tạp trong mạch truyện

Margaret Atwood mang sự mê hoặc của nỗi kinh hãi tạo nên văn học Gothic châu Âu đặt vào bối cảnh quê nhà để khám phá mặt tối của bản chất con người và sức hủy hoại tiềm tàng của những bí mật bị vùi lấp. Tác phẩm *Tay sát thủ mù* của bà là ví dụ tiêu biểu cho văn học Gothic Nam Ontario, xoay quanh những ý niệm về hy sinh và phân bội, sự thật và dối trá, mưu mô và ái tình, cùng những ranh giới giữa người sống và người chết.

Quyển tiểu thuyết là một câu chuyện đa tầng kể qua lời cụ bà 83 tuổi Iris Chase Griffen, viết lại hồi ký dưới dạng một lá thư gửi cho cháu gái mình. Lẫn giữa câu chuyện cuộc đời Iris là những chương truyện của một quyển tiểu thuyết khác, cũng có tựa *Tay sát thủ mù*, viết về một đời nhân tình, được cho là do Laura – em gái Iris – viết ra. Lông trong quyển tiểu thuyết của Laura lại là một câu chuyện khoa học viễn tưởng do nhân vật nam trong tiểu thuyết của Laura kể. Đan xen giữa những câu chuyện này là các

“

Bóng tối kéo tới gần hơn...
Chục hòa vào cái bóng đồ dài
của Laura.

Tay sát thủ mù

”

Xem thêm: *Frankenstein* 120–21 ▪ *Dracula* 195 ▪ *Đình Gió Hù* 132–37 ▪ *Chuyện người tùy nữ* 335 ▪ *Tuyển tập truyện ngắn* (Alice Munro) 337

mẫu tin trên báo, qua đó tạo thêm sự chân thực cho câu chuyện.

Cốt truyện chính, được thuật lại trong hồi ký của Iris, xoay quanh hai chị em Iris và Laura Chase vào những năm 1920 và 1930. Những mô típ Gothic được cải biến: lâu đài ma ám trở thành ngôi nhà của Iris, Avilion, một dinh thự do người cha giàu có của bà xây nên, có cả tầng áp mái và tháp kiểu Gothic; có nhân vật nam phản diện tàn ác là Richard; và chính Iris cùng Laura là những nhân vật bị hãm hại.

Ấm ảnh bởi hiện thực

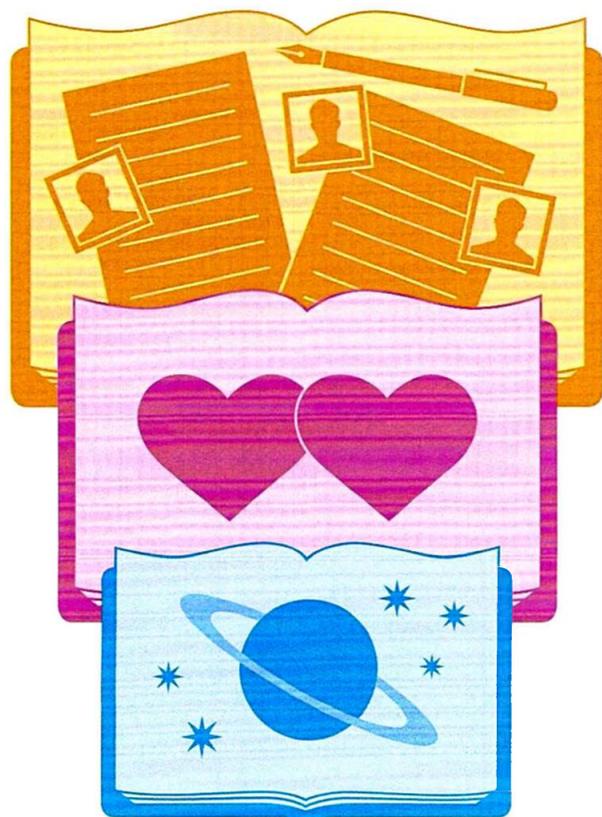
Dù quyển tiểu thuyết có văn phong hiện thực, song tính siêu nhiên vẫn phảng phất về mặt hình tượng. Cấu trúc hồi tưởng khiến những nhân vật đã chết xuất hiện

trở lại như thể họ là những bóng ma từ quá khứ nói chuyện với hiện tại. Dù độc giả đã biết Laura tự sát ngay từ dòng đầu tiên, cô vẫn ám ảnh Iris qua ký ức và bí mật dần dần được hé mở.

Tự thân bối cảnh Nam Ontario đã là một nhân vật u uẩn tối tăm cho quyển sách này. Nó tựa như cõi âm trong văn học cổ điển: muốn đến được thì phải băng qua con sông đầy điềm gở, và nơi đó được canh cổng bởi một kẻ hung ác trong hình hài Richard. Những nhân vật chính quanh quẩn ở nơi này trong cuộc kiếm tìm lẽ sống.

Tựu trung, việc Atwood cải biến các thủ pháp Gothic và cách đan xen tài tình những thể loại văn học khác biệt của bà đã tạo nên một tiểu thuyết mà dù u tối, mỗi yếu tố vẫn làm rạng rỡ tổng thể. ■

Cấu trúc của *Tay sát thú mù*, với kiểu truyện trong truyện và nhiều người dẫn chuyện, phản ánh âm hưởng Gothic; mạch truyện thứ ba – dù lấy bối cảnh trên hành tinh Zycron – vẫn có những yếu tố Gothic quen thuộc như ái tình, phản bội và sát nhân.



Mạch truyện thứ nhất là hồi ký của Iris Chase Griffen, trong đó bà phục dựng lại quá khứ và nhìn nhận lại cuộc đời mình và em gái.

Mạch truyện thứ hai là một quyển tiểu thuyết cũng có tên *Tay sát thú mù*, tác giả là Laura Chase, kể về một kẻ đào tẩu chính trị và người tình thượng lưu của anh ta.

Mạch truyện thứ ba là một câu chuyện kỳ ảo u tối kiểu khoa học viễn tưởng về một tay sát thú mù và một trinh nữ hiến tế cảm.



Margaret Atwood

Tiểu thuyết gia, nhà thơ, người viết tiểu luận Canada Margaret Atwood sinh năm 1939 tại Ottawa, Ontario. Lúc nhỏ, bà thường sống nửa năm trong rừng, nơi cha bà nghiên cứu côn trùng. Nhưng lúc ấy, bà viết thơ, kịch và truyện tranh. Bà quyết định sẽ làm nhà văn khi vẫn còn đi học. Nhà văn Mỹ Edgar Allan Poe là một trong những tác giả bà yêu thích, và ảnh hưởng từ sự u tối của ông thể hiện rõ trong nhiều tác phẩm của bà.

Tác phẩm đầu tiên được xuất bản của bà là một tập thơ vào năm 1966, nhưng bà lại nổi tiếng hơn trong vai trò tiểu thuyết gia. Tiểu thuyết đầu tiên được xuất bản của bà là *Người phụ nữ ăn được* (1969). Sự quan tâm sâu sắc của bà đối với những vấn đề môi trường và nhân quyền được phản ánh trong các tiểu thuyết phản địa đàng như *Chuyện người tùy nữ* và bộ ba tiểu thuyết mở đầu bằng *Oryx và Crake*. Bà đoạt nhiều giải thưởng văn học danh giá, trong đó có giải Booker cho *Tay sát thú mù*.

Tác phẩm chính khác

1985 *Chuyện người tùy nữ*
1988 *Mắt mèo*
1996 *Dưới cái tên Grace*
2003 *Oryx và Crake*



CÓ THỨ GÌ ĐÓ GIA ĐÌNH ÔNG TA MUỐN QUÊN ĐI

HÀN GẮN (2001), JONATHAN FRANZEN

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Vấn đề trong gia đình hiện đại

TRƯỚC ĐÓ

1951 Trong *Bắt trẻ đồng xanh* của J. D. Salinger, Holden Caulfield cô đơn và bị tách biệt, song lại bị chế ngự bởi suy nghĩ của gia đình cậu.

1960 Tiểu thuyết đầu tiên trong loạt tác phẩm "Thỏ" của John Updike được xuất bản, kịch tính hóa bất hòa gia đình trong nước Mỹ đương thời.

1993 Trong *Xứ nữ tù tù*, Jeffrey Eugenides lần theo những vụ tù tù không lời giải của năm chị em vị thành niên.

SAU ĐÓ

2003 Trong *Ta cần nói chuyện về Kevin*, Lionel Shriver đề cập chủ đề nuôi dạy con trở thành sát nhân hàng loạt.

2013 Trong *Con sé vàng* của Donna Tartt, người dẫn chuyện Theo Decker miêu tả một gia đình tan nát vì rượu chè và mất mát.

Nhan đề của quyển sách, *Hàn gắn*, của Jonathan Franzen gọi nhớ về *Thừa nhận* (1955) của William Gaddis kể về một người con trai khắc khoải tìm kiếm chân giá trị và suy tưởng về mối quan hệ với người cha loạn trí của mình. Như trong *Thừa nhận*, phạm vi của *Hàn gắn* mở ra một dàn nhân vật đồ sộ hơn và kể câu chuyện của một gia đình bằng cách đan cài những mảnh ghép tụ sự để tạo nhiều điểm nhìn. Từ cuối thế kỷ 20, đề tài vấn đề trong gia đình đã thường là trung tâm tác phẩm của các nam tiểu thuyết gia Mỹ nổi tiếng như John Updike, Philip Roth và Don DeLillo. Cùng như Gaddis, nhiều người trong số

họ nhiều khả năng đã gây ảnh hưởng lên sự nghiệp của Franzen.

Hàn gắn kể về gia đình Lambert: Alfred và Enid và các con Gary, Chip và Denise đã thành niên. Gia đình này bị thử thách qua những nhu cầu cá nhân đối lập với quan niệm khác nhau về cấu trúc, giá trị, và quyền hạn của gia đình – tất cả diễn ra trên nền kinh tế Mỹ bị thống trị bởi những linh vực tài chính và công nghệ cao theo hướng tu bản chủ nghĩa. Khi câu chuyện diễn tiến, tác phẩm đạt được chiều sâu chính trị và xã hội tức thời, động chạm đến một loạt vấn đề, từ sai phạm tài chính và chết do súng đạn đến thực phẩm và văn học thiếu nhi.

Sự hỏi hớp và động cơ thúc đẩy câu chuyện đến từ nỗ lực cùng nhau tận hưởng Giáng sinh "cuối cùng" và sự tàn khốc dần được hé lộ về căn bệnh thoái hóa. Cuộc sống cá nhân của các nhân vật chính đều được đánh dấu bởi sự bất ổn, dù là sự nghiệp, tình cảm hay tinh thần.

Sự thay đổi của thế hệ

Thông qua việc khắc họa hai thế hệ, Franzen có thể phản ánh sự biến chuyển xã hội suốt chặng đường đời. Alfred, nhân vật gia trưởng bị ức chế, đại diện trật tự quá khứ.

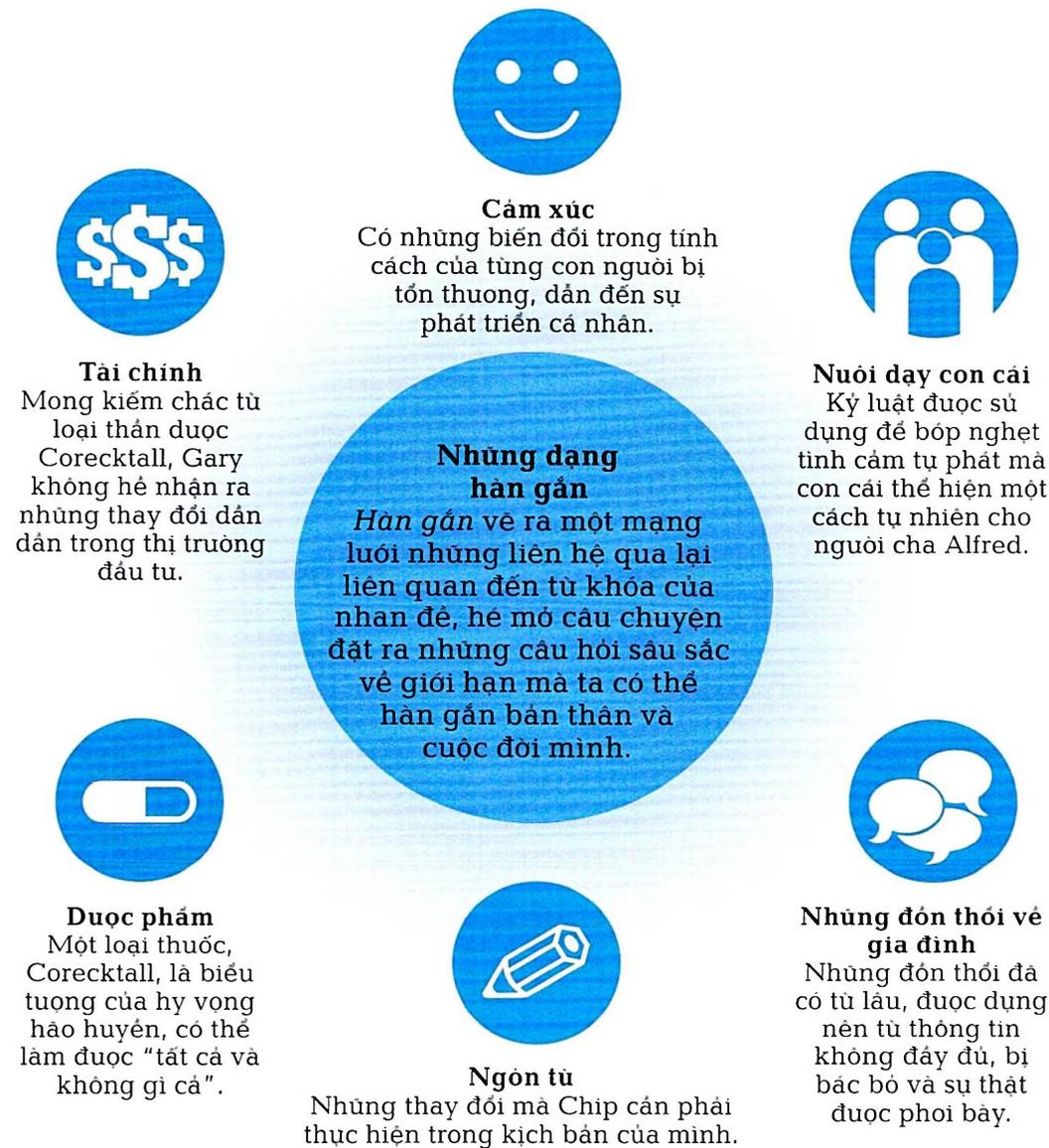
“

Ông ta trở nên kích động mỗi khi họ sắp gặp các con.

Hàn gắn

”

Xem thêm: *Bắt trẻ đồng xanh* 256–57 ▪ *Răng trắng* 324–25

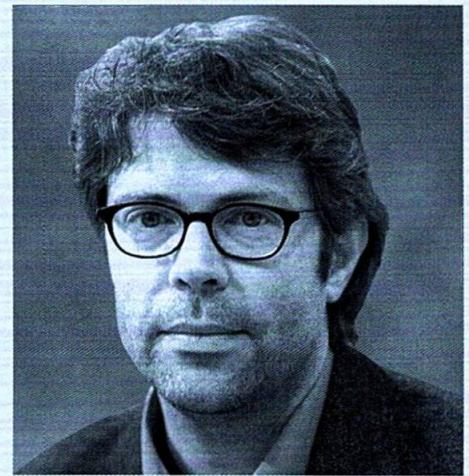


Phần của ông được xen kẽ những trích dẫn của Schopenhauer và được tô điểm bởi những cảnh hồi tưởng về miền Trung Tây nước Mỹ giữa thế kỷ 20, khi ông làm kỹ sư đường sắt. Gary, Chip và Denise sống trong một thế giới khó kiểm soát hơn; trải nghiệm của họ trích từ những áp lực và thăng trầm cuối thế kỷ 20 đầy sóng gió.

Ngoài huyết thống, giữa họ còn một mối dây liên kết: dù mắc chứng rối loạn thần kinh chức năng và khiếm khuyết, họ đều hy vọng cải thiện. Cả Alfred, với niềm tin bất biến vào bản thân và

sự chắc chắn rằng phải hy sinh những mối quan hệ gia đình và cảm xúc để đóng góp trọn vẹn vào sự văn minh, tự nhủ khi Enid mang thai đứa con út Denise: “Đứa con út là cơ hội cuối cùng rút kinh nghiệm và hàn gán, và ông quyết nắm lấy cơ hội này.”

Franzen sau này xuất bản một hồi ký mang tên *Vùng sóng gió*, trong đó bao gồm khảo nghiệm chi tiết về ảnh hưởng từ cái chết của mẹ ông. Tuyển tập đa dạng này cho thấy ý niệm về gia đình vẫn chiếm ưu thế trong các sáng tác của ông. ■



Jonathan Franzen

Jonathan Earl Franzen có cha là kỹ sư dân dụng, còn mẹ ông, Irene, là “người xây tổ ấm” (không khác gì nhà Lambert trong *Hàn gán*). Franzen lớn lên tại Chicago và tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Đức tại Đại học Swarthmore, Pennsylvania, Mỹ, vào năm 1981.

Năm 23 tuổi, ông kết hôn với Valerie Cornell, 14 năm sau họ ly dị. Hiện ông đang hẹn hò với Kathryn Chetkovich, sống tại New York và California.

Năm 2001, Franzen nảy sinh mâu thuẫn với người dẫn chương trình Oprah Winfrey khi ông lên tiếng không hài lòng về việc *Hàn gán* được chọn vào danh sách các quyển sách của bà, lo ngại rằng nam giới sẽ phật ý khi đọc nó. Ông tiếp tục viết về nhiều chủ đề, như tình trạng đảng quan ngại của châu Âu và sự nhất thời của sách điện tử.

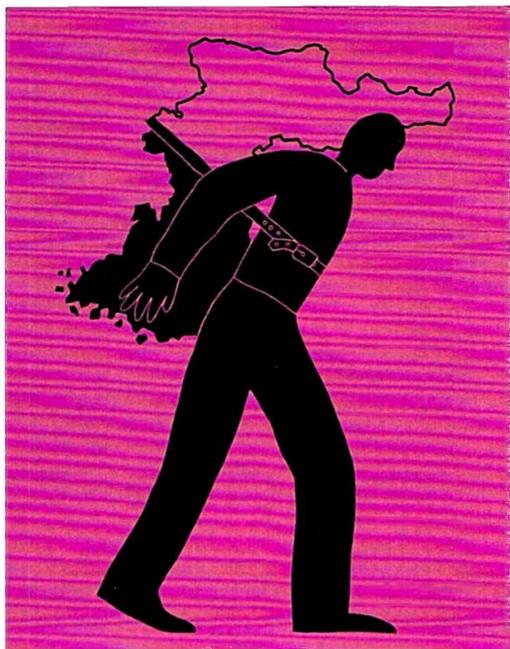
Năm 2001, Franzen đoạt giải Sách Quốc gia cho thể loại hư cấu với *Hàn gán*. Tác phẩm cũng lọt vào chung khảo giải Pulitzer cho thể loại hư cấu.

Tác phẩm chính khác

1992 *Vận động mạnh*

2006 *Vùng sóng gió: Chuyện đời tu* (luận văn)

2010 *Tự do*



BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM
Vi tuyền 38

TRƯỚC ĐÓ

1893 Văn học trên bán đảo Triều Tiên vươn lên từ cái bóng của văn chương cổ điển Trung Hoa. Năm 1910, tác phẩm phương Tây đầu tiên được in tại Hàn Quốc là *Cuộc hành hương* của John Bunyan, trước cả khi bản dịch Kinh Thánh được xuất bản.

1985 *Cái bóng của vũ khí* của Hwang Sok-yong là một câu chuyện về cảnh buôn bán tại chợ đen trong chiến tranh Việt Nam.

1964–94 Tiểu thuyết sử thi *Đất nước* của Park Kyong-ni, gồm 16 tập, khắc họa cuộc đấu tranh của người trên bán đảo Triều Tiên dưới ách áp bức của Nhật.

SAU ĐÓ

2005 Các tác giả CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc lần đầu tiên tham dự hội nghị văn học liên Triều.

TẤT CẢ ĐỀU NẢY SINH TỪ CƠN ÁC MỘNG MÀ CHÚNG TA CÙNG NHAU TẠO RA

VỊ KHÁCH (2001), HWANG SOK-YONG

Sau khi Nhật Bản đầu hàng cuối Thế chiến II, vi tuyền 38 cắt ngang bán đảo Triều Tiên đã được chọn làm ranh giới phân chia giữa hai vùng Liên Xô và Mỹ chiếm đóng, và hiện vẫn là biên giới hiệu lực giữa CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc.

Thế hệ các nhà văn Hàn Quốc hậu chiến đi theo trào lưu truyền thống chủ nghĩa nhìn về quá khứ được lý tưởng hóa. Tuy nhiên sự hoài vọng này đã bị các nhà văn thập niên 1960 khuốc từ. Những nhà văn mới này tìm cách dẫn thân vào những thương tổn tâm lý trong lịch sử Hàn Quốc đương thời: Nhật Bản chiếm đóng (1910–1945), chiến tranh Triều Tiên (1950–1953) và tu tưởng chủ thể thịnh hành ở miền bắc.

Tai và tù bên ngoài

Trong tiểu thuyết *Vị khách*, Hwang Sok-young (1943–) viết về vụ thẩm sát có thật trong chiến tranh Triều Tiên tại Sinchon, nay thuộc CHDCND Triều Tiên. Nhân vật chính của tác phẩm, một giáo sĩ Kitô giáo sinh tại Triều Tiên sống tại Mỹ, trở về thăm quê hương, cùng với hương hồn anh trai mình.

“

Từ khi còn nhỏ chúng tôi đã biết rằng Khách là một loại bệnh từ phương Tây.

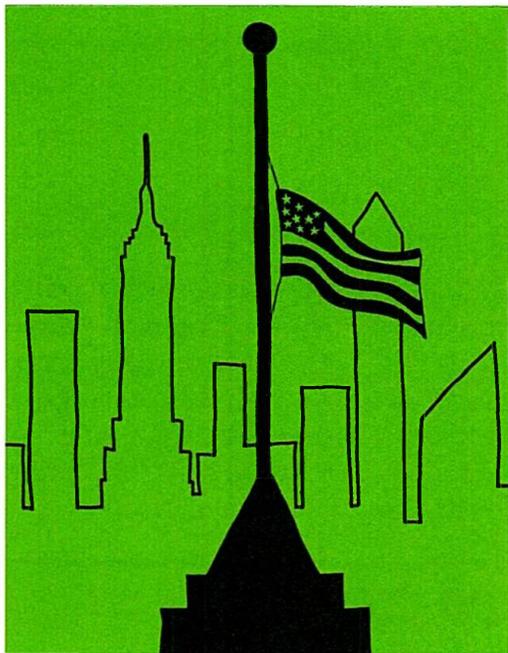
Vị khách

”

Anh ta khám phá ra chân tướng của vụ tàn sát: đó không phải do Hoa Kỳ giạt dây, mà là kết quả trận giao tranh của chính người Triều Tiên theo Công giáo và người theo lý tưởng từ miền bắc.

Công giáo và lý tưởng từ miền bắc được xem là những “vị khách” khiến người Triều Tiên tuơng tàn; và từ “khách” (*sonnim*) trong tiếng Hàn cũng mang nghĩa bệnh đậu mùa, một bệnh dịch đến từ phương Tây đã tàn phá đất nước này. Cấu trúc 12 phần của tiểu thuyết tuơng ứng với số bước của nghi lễ trừ tà để chữa bệnh đậu mùa tên là “trục khách”. ■

Xem thêm: *Vô tình* 241



TÔI LẤY LÀM TIẾC RẰNG PHẢI MẤT CẢ ĐỜI ĐỂ HỌC CÁCH SỐNG

VÔ CÙNG VANG DỘI VÀ KỀ CẬN LẠ THƯỜNG (2005),
JONATHAN SAFRAN FOER

BỐI CẢNH

TIÊU ĐIỂM

Nước Mỹ hậu 11 tháng 9

TRƯỚC ĐÓ

2001 *Hàn gấn* của Jonathan Franze được xuất bản vào ngày 11 tháng 9, 2001, báo trước những lo ngại về văn học Mỹ sau sự kiện 11/9.

SAU ĐÓ

2007 *Người đang rơi* của Don DeLillo được xuất bản, đi sâu vào các tác động của vụ tấn công Trung tâm Thương mại Thế giới lên đời sống của một người sống sót thuộc tầng lớp trung lưu.

2007 *Người chính thống bất đắc dĩ* của Mohsin Hamid thể hiện cách một nhà phân tích tài chính trung lưu người Mỹ gốc Pakistan bị cực đoan hóa.

2013 *Tối tân* của Thomas Pynchon được xuất bản, một tiểu thuyết sống động chạm đến những hoạt động tài chính phi pháp trong thời đại bùng nổ Internet, mà trong đó vụ khủng bố 11/9 xảy ra ở khoảng nửa câu chuyện.

Các vụ khủng bố vào New York và Washington, D. C. ngày 11 tháng 9, 2001, gây thay đổi bối cảnh văn hóa và chính trị sâu sắc, mà không sớm thì muộn văn học chắc chắn sẽ bàn tới. Nhưng ban đầu nhiều tác giả gặp khó khăn trước sự tàn khốc của sự việc; sau vụ khủng bố, những tiểu thuyết gia hàng đầu như Martin Amis, Ian McEwan và Don DeLillo đều bình luận rằng bản chất nghề nghiệp của họ như thể đã khác xưa và khó khăn hơn theo những cách mà họ chưa hiểu được. Các tác giả chọn những phương thức khác nhau để cắt nghĩa vấn đề này.

Một cách nhìn nhận mới

Trong *Vô cùng vang dội và kề cận lạ thường*, Jonathan Safran Foer (1977-) chiêm nghiệm những hậu quả của sự kiện 11/9 qua đứa trẻ tên Oskar Schell. Chín tháng sau vụ khủng bố cướp đi sinh mạng cha cậu, Oskar rơi vào trầm cảm mà theo lời cậu thì việc đó cũng như mang “giày nặng”. Tìm được một chiếc chìa khóa cha mình để lại, cậu bắt đầu hành trình vòng quanh New York để tìm xem chìa

khóa ấy dùng làm gì, nhờ đó mà cậu gặp gỡ những nhân vật thú vị suốt hành trình. Tiểu thuyết có những lựa chọn phong cách khác thường: trang giấy màu đen, hay nhiều hàng chữ bị bỏ trắng; chữ bị khoanh mực đỏ; và nhiều hình chụp xuất hiện – hình đồ vật, người nổi tiếng và cả tòa Tháp Đôi. Với những thủ pháp trên, Safran Foer cố làm ta nhìn lại sự kiện 11/9, để tìm một cách nhìn nhận mới trước sự thế quá bạo tàn và đã dần quá quen thuộc. ■

“

Quá nhiều lần ta cần phải trốn thoát thật nhanh, nhưng loài người không có cánh, hay ít ra thì chưa.

*Vô cùng vang dội và
kề cận lạ thường*

”

Xem thêm: *Hàn gấn* 328–29 ▪ *Người chính thống bất đắc dĩ* 339

ĐỌC THÊM

L'HOMME RAPAILLÉ (1970), GASTON MIRON

Kiệt tác *L'homme rapaillé* ("Kẻ được gọt nhát") là tuyển tập quan trọng gồm các bài thơ của Gaston Miron (1928–96) – nhà văn, nhà thơ, nhà xuất bản và tượng đài của văn đàn Québec. Bằng cách kết hợp thơ trữ tình với khám phá về các khó khăn chính trị-xã hội trong cộng đồng người Québec nói tiếng Pháp ở Canada, Miron kêu gọi chính sách phân lập và những bài thơ của ông ca ngợi cả về ngôn ngữ, lịch sử lẫn con người Québec. Tác giả cũng coi thi ca là một quá trình tự khám phá bất tận, do đó ông khước từ việc cho phép một tuyển thơ hoàn hảo.

SỢ HÃI VÀ KINH TỬM Ở LAS VEGAS (1972), HUNTER S. THOMPSON

Pha trộn các yếu tố tự truyện và óc sáng tạo siêu thực, với tựa phụ là *Hành trình man dại đến trái tim của Giác mơ Mỹ*, tác phẩm có sức ảnh hưởng này mô tả kỳ nghỉ dài vào cuối tuần của nhà báo Raoul Duke với luật sư của anh – Tiến sĩ Gonzo người Samoa, để tường thuật một cuộc đua mô tô, và tham dự một hội nghị quan chức về ma túy. Nhà văn Mỹ Thompson (1937–2005), thông qua nhân vật Raoul Duke, đã sử dụng khung kể chuyện để phê bình sự thất bại của phong trào phản văn hóa vào thập niên 1960, ví dụ như sự sa đà vào ma túy. Chuyến đi biến thành cuộc phiêu lưu ảo giác của sự quá đà, khôi hài nhưng tàn bạo, ma túy được dùng vô độ đến mức người ta biến thành bò sát khổng lồ.

Thompson kết hợp hiện thực và hư cấu bằng cách sử dụng phương thức báo chí mà ông đi tiên phong, hay "báo chí Gonzo" theo tên vị luật sư hư cấu trong sách.

VA CHẠM (1973), J. G. BALLARD

Mô tả mặt tối niểm đam mê tốc độ của chúng ta, *Va chạm* là tiểu thuyết gây tranh cãi về cuồng dâm và "symphorophilia" (bị kích thích bởi thảm họa hoặc tai nạn); giá trị gây sốc của nó vốn là đặc trưng của nhà văn khoa học viễn tưởng Ballard. Nhân vật chính, Tiến sĩ Robert Vaughan, một nhà khoa học truyền hình và "thiên thần ác mộng trên đường cao tốc", mơ mộng rằng mình sẽ chết cùng ngôi sao điện ảnh Elizabeth Taylor trong một vụ va chạm. Không ngại thể hiện sự kết hợp của tình dục và cái chết, tác phẩm vẽ nên một bức tranh phản địa đàng về sự cộng

sinh gắn gù của con người và máy móc trong thế giới công nghệ cao ở tương lai. Con người sử dụng công nghệ và công nghệ, theo cách hiểu nào đó, sử dụng con người, đến mức máy móc trở thành trung gian trong quan hệ của con người.

CỐ SỰ (1974), ELSA MORANTE

Morante (1912–85) và chồng, Alberto Moravia, đều là người Italy – Do Thái trốn khỏi cuộc đàn áp trong thời kỳ Thế chiến II ở vùng núi phía nam Rome. Những trải nghiệm của tác giả đã được đưa vào tiểu thuyết nổi tiếng nhất của bà 30 năm sau. *Cố sự* ghi lại tác động của chính trị và xung đột đến các cộng đồng nông dân địa phương xung quanh Rome. Nhân vật trung tâm là giáo viên góa chồng Ida Mancuso, vô cùng bận tâm đến sự sống còn của con trai cô – kết quả của một vụ cưỡng bức. Một chủ đề quan trọng khác là những thách thức

J. G. Ballard

Tiêu biểu trong Làn sóng Mới của khoa học viễn tưởng, J. G. Ballard chuyên mô tả những thế giới phản địa đàng ở tương lai, dù một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông, *Đế quốc Mặt Trời*, mang tính truyền thống hơn. Ballard sinh năm 1930 tại Thượng Hải, Trung Quốc. Thuở thiếu niên, ông bị quân Nhật giam qua hai năm chiến tranh. Ông học y khoa (tại King's College, Cambridge), với mục tiêu trở thành một bác sĩ tâm thần, nhưng đến năm 1951, trong năm học thứ hai, ông đã giành chiến thắng trong một

cuộc thi viết truyện ngắn. Ông chuyển đến London để học văn chương vào cuối năm đó. Tiểu thuyết đầu tiên của ông bị ảnh hưởng bởi phân tâm học và nghệ thuật siêu thực. Từng là người viết bài quảng cáo và nhân viên bán sách khoa toàn thư trước khi gia nhập Lực lượng Không quân Hoàng gia, ông chính thức trở thành nhà văn từ năm 1962. Ballard qua đời tại London vào năm 2009, lúc ấy ông 78 tuổi.

Tác phẩm chính

1971 *Bò biển Cát Đỏ*
1973 *Va chạm* (xem bên trên)
1991 *Sự tử tế của đàn bà*

ngoài lễ mà chiến tranh gây ra cho người nghèo, vốn đã quen với khó khăn ngay cả trong thời bình.

THẨM MỸ PHẢN KHÁNG (1975–1981), PETER WEISS

Tiểu thuyết lịch sử gồm ba tập nói về cuộc chiến chống Đức Quốc xã của các sinh viên cánh tả ở Berlin, cũng như phác họa phong trào chống phát xít ở nhiều nơi khác ở châu Âu, *Thẩm mỹ phản kháng* nêu quan điểm có thể tìm thấy hình mẫu cho sự phản kháng chính trị nơi lập trường của người nghệ sĩ. Tiêu đề của kiệt tác này hướng đến những suy ngẫm về hội họa, điêu khắc và văn học. Tác giả Weiss (1916–82), sinh ở Đức nhưng có quốc tịch Thụy Điển, cũng là một nhà viết kịch, họa sĩ và nhà làm phim.

CỘI RỄ (1976), ALEX HALEY

Bắt đầu từ thế kỷ 18 với câu chuyện hư cấu một phần về một cậu thiếu niên châu Phi bị bắt cóc và bán làm nô lệ ở miền Nam Hoa Kỳ, *Cội rễ* phác họa cuộc sống của sáu thế hệ tiếp nối, và kết thúc là nhà văn Mỹ Haley (1921–92), người đã dành cả một thập kỷ để nghiên cứu sâu rộng về tổ tiên mình. Chủ đề chính là ca

“

Qua xác thịt này,
tức là chúng ta, chúng ta là
bạn, và bạn là chúng ta!

Cội rễ
Alex Haley

”

ngợi chiến thắng của tinh thần con người trước sự áp bức. Cuốn sách và những bộ phim truyền hình chuyển thể đã khơi dậy làn sóng quan tâm mạnh mẽ đến lịch sử và gia phả người Mỹ gốc Phi.

CUỘC SỐNG: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG (1978), GEORGES PEREC

Tập trung vào cu dân trong một chung cư ở Paris, *Cuộc sống: Hướng dẫn sử dụng* của nhà văn Pháp Perec (1936–82) là một mạng lưới hư cấu có đường to xuyên suốt là dự án của một cu dân để vẽ 500 bức tranh màu nước về những nơi anh đã ghé thăm, rồi biến chúng thành những mảnh hình để anh ghép lại khi trở về Paris, trước khi đưa từng tranh về nơi mà nó mô tả. Giáo viên mỹ thuật của anh, cũng là cu dân, dự định vẽ lại cuộc sống của tất cả khách thuê nhà. Perec là thành viên của Oulipo, nhóm cùng luyện viết theo những nguyên tắc ràng buộc và đều thích thú chơi đùa với văn chương.

CĂN PHÒNG MÁU VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÁC (1979), ANGELA CARTER

Tác giả của những truyện kể “hiện thực huyền ảo” Angela Carter mượn tích truyện dân gian làm nền tảng cho mười câu chuyện trong tác phẩm có ảnh hưởng *Căn phòng máu và những câu chuyện khác*, trong đó có Cô bé quàng khăn đỏ, Người đẹp và quái vật, và Chú mèo đi hia. Chủ đề tâm lý ẩn dưới những câu chuyện gốc được khuếch đại và hiện đại hóa, dù vậy không làm mất đi bầu không khí văn hóa dân gian Gothic vốn có. Cường dâm, loạn luân, giết người, tra tấn, và ăn thịt đồng loại đều xuất

Angela Carter

Nổi tiếng với các tiểu thuyết hòa trộn giữa chủ nghĩa nữ quyền và chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, Angela Carter sinh năm 1940 tại Eastbourne, Anh. Bà theo học ngôn ngữ Anh tại Đại học Bristol. Năm 1969, bà rời xa chồng và dành hai năm ở Tokyo, nơi bà khẳng định mình đã học các nguyên tắc nữ quyền từ đây. Bà là nhà văn thỉnh giảng trong những năm 1970 và 1980 tại nhiều trường đại học khác nhau ở Vương quốc Anh, đồng thời cũng dạy ở Mỹ và Úc. *Đêm ở rạp xiếc* đã từng đoạt giải James Tait Black Memorial năm 1984. Carter còn là nhà báo và làm việc trong ngành phát thanh và điện ảnh. Bà mất năm 1992 tại London ở tuổi 51.

Tác phẩm chính

1967 *Cửa hàng đồ chơi kỳ diệu*
1979 *Căn phòng máu và những câu chuyện khác* (xem bên trái, phía dưới)
1984 *Đêm ở rạp xiếc*

hiện, phơi bày mặt tối của nhân tính. Những định kiến về nữ giới như sự ngây thơ của các bé gái và quan niệm về hôn nhân hạnh phúc đều được diễn giải theo hướng đã phá. Sự biến thể đóng vai trò quan trọng trong những câu chuyện này, cả về hình thức ma thuật (như đàn ông bị biến thành sói), lẫn thể chất và đạo đức – ví dụ, những liên hệ đến chu kỳ kinh nguyệt và lừa dối.

MÙA TRẮNG KHÔ CẢN (1979), ANDRÉ BRINK

Ẩn dụ ngấm của *Mùa trắng khô cản* là sự xuống cấp nhu nhau của khí hậu và đạo đức. Tiểu thuyết được khen ngợi này lấy bối cảnh cộng

Milan Kundera

Sinh ở Bruno, Tiệp Khắc vào năm 1929, Kundera học nhạc từ thuở nhỏ và phần lớn tác phẩm của ông đều mang dấu ấn âm nhạc. Ông học văn chương và sau đó là điện ảnh ở Prague, rồi trở thành giảng viên sau khi tốt nghiệp. Ban đầu, ông là đảng viên Đảng Cộng sản Tiệp, nhưng sau khi Liên Xô tiếp quản năm 1968, ông bị cấm dạy và mất chức giảng viên.

Kundera di cư đến Pháp vào năm 1975 và sống ở đây kể từ đó, ông được trao quyền công dân vào năm 1981. Ông tự gọi mình là một tiểu thuyết gia, mặc dù trong các tác phẩm của mình, ông đã khéo léo pha trộn giữa triết học, mỉa mai, chính trị, hài hước và gợi dục.

Tác phẩm chính

1967 *Chuyện đùa*

1979 *Sách cười và làng quên*

1984 *Đời nhẹ khôn kham* (xem bên phải)

đồng người Nam Phi da trắng ngay trước những biến động chính trị lớn: lật đổ chế độ apartheid và đổi mới đất nước. Qua nhân vật chính, một thầy giáo da trắng hòa nhã, tác giả André Brink (1935–2015) – cũng là người Nam Phi da trắng – đã chiêm nghiệm về sự bất đồng chủng tộc và cái giá phải trả cho việc chống lại hệ thống bất công.

LÁ THƯ MIÊN MAN (1979), MARIAMA BÂ

Được nhà văn Senegal Mariama Bâ (1929–81) viết bằng tiếng Pháp, *Lá thư miền man* nắm bắt cảm xúc của một giáo viên Hồi giáo vừa góa chồng. Sau bốn năm cuối người lạnh của cuộc hôn nhân, giờ đây,

cô phải chia sẻ nỗi đau mất chồng với người vợ trẻ thứ hai của anh ta. Tiểu thuyết có hình thức như một bức thư mà người quá phụ viết cho người bạn di cư sang Mỹ. Sự áp bức cá nhân và xã hội được xem là hai khía cạnh mà nhiều phụ nữ phải trải qua trong xã hội Senegal.

NGÔI NHÀ CỦA NHỮNG HỒN MA (1982), ISABEL ALLENDE

Ngôi nhà của những hồn ma là tiểu thuyết đầu tay và thành công nhất của nhà văn Mỹ gốc Chile Isabel Allende (1942–), bà là cháu gái của cố tổng thống theo chủ nghĩa xã hội của Chile Salvador Allende – người bị lật đổ trong cuộc đảo chính mà tiểu thuyết nhắc đến. Cuốn sách mở đầu như một bức thư gửi cho người ông trăm tuổi của bà, rồi lại chuyển thành trường thiên phức tạp, đồ sộ về cuộc sống gia đình ba thế hệ, trong bối cảnh bất ổn chính trị-xã hội ở một quốc gia giấu tên (dễ nhận ra là Chile). Tác phẩm mang yếu tố hiện thực huyền ảo: một trong hai chị em, Clara, sở hữu những năng

“

...Tôi chờ đợi những thời kỳ tốt đẹp nhất định sẽ đến và thai nghén cho đứa nhỏ mà tôi mang trong bụng, đứa con của biết bao cuộc hôn nhân, hoặc có thể là con của Miguel, nhưng trước hết, nó là con tôi...

Ngôi nhà của các hồn ma
Isabel Allende

”

lực nhu dịch chuyển tức thời và thấu thị mà cô chủ động luyện tập. Do đó, nhiều hồn ma đã đến thăm nhà cô. Allende khắc họa tình yêu, phân bội, báo thù và tham vọng trong một đất nước bị chia rẽ, nhưng cũng mang đến sự cứu rỗi khả di trong viễn cảnh đầy chất nữ tính nguyên thủy.

ĐỜI NHẸ KHÔN KHAM (1984), MILAN KUNDERA

Lấy bối cảnh Mùa xuân Prague năm 1968, một giai đoạn cải cách chính trị ngắn ngủi ở Tiệp Khắc, *Đời nhẹ khôn kham* là tác phẩm nổi tiếng nhất của Kundera. Tựa đề liên hệ đến thế lưỡng nan triết học: tu tưởng của Friedrich Nietzsche về sự trở lại vinh cửu, hay sự nặng nề, trái ngược với quan niệm của triết gia Hy Lạp cổ đại Parmenides rằng đời vốn nhẹ nhàng. Câu chuyện kể về một bác sĩ phẫu thuật theo đuổi niềm tin vào “sự nhẹ nhàng” thông qua đời sống tình ái phong lưu, đây cũng là cách giúp anh quên đi nền chính trị mong manh, bất ổn của nước mình. Anh yêu một cô bồi bàn và cưới cô ta, nhưng không thể từ bỏ những tình nhân của mình. Kundera đặt ra câu hỏi rằng liệu cuộc sống có thể có sức nặng, hay ý nghĩa, khi việc quay trở lại quá khứ là bất khả thi.

NEUROMANCER (1984), WILLIAM GIBSON

Một trong những tác phẩm đầu tiên và có ảnh hưởng nhất của “cyberpunk” – một nhánh của thể loại khoa học viễn tưởng, thường miêu tả một nhân vật phản anh hùng trong bối cảnh phân địa tầng công nghệ cao ở tương lai – *Neuromancer* của tác giả Canada gốc Mỹ Gibson (1948–) kể về một tên tin tặc bị tổn thương và có khuynh hướng tự tử. Sau khi bị tiêm chất độc của Nga ngăn anh tiếp cận

thế giới ảo, anh được một vị sếp bí ẩn giao thực hiện nhiệm vụ đặc biệt; đổi lại anh sẽ được cứu chữa. Cuốn sách kết hợp một tầm nhìn tương lai với các yếu tố trinh thám bí hiểm.

NGƯỜI TÌNH (1984), MARGUERITE DURAS

Lấy bối cảnh Đông Dương thuộc Pháp những năm 1930, *Người tình* được đúc kết từ chính trải nghiệm đời thực của tác giả Pháp, Marguerite Duras (1914–96). Tác phẩm kể tường tận mối tình cuồng nhiệt giữa một cô gái 15 tuổi xuất thân từ gia đình nghèo khó cùng một người Hoa giàu có 27 tuổi, ngoài ra tác phẩm còn nói đến sự trao quyền cho phụ nữ, quan

Don DeLillo

Sinh tại thành phố New York vào năm 1936, Don DeLillo đã gây tiếng vang với các tác phẩm đầu tay của mình và bước vào văn đàn chính thống với *Tạp âm trắng*. Lớn lên trong một gia đình Công giáo người Italy ở Bronx, ông nhận ra niềm ham thích đọc trong thời gian làm công việc giữ xe vào mùa hè. Ông làm người viết bài quảng cáo sau khi tốt nghiệp ngành nghệ thuật truyền thông vào năm 1958 nhưng vì vô mộng với công việc, ông đã xin nghỉ vào năm 1964 để viết truyện hư cấu. Những tiểu thuyết của DeLillo được mô tả là có giọng điệu Hậu Hiện đại và tập trung vào các chủ đề thường gặp như sự thừa mứa vật chất và nền văn hóa trống rỗng của Mỹ.

Tác phẩm chính

1985 *Tạp âm trắng* (xem bên phải)
1988 *Libra*
1991 *Mao II*
1997 *Địa ngục*
2011 *Thiên thần Esmeralda*

hệ giữa mẹ và con gái, tuổi mới lớn và những điều cấm kỵ xung quanh chủ nghĩa thực dân và sự xa lạ với xứ sở. Xen kẽ giữa lời kể ở ngôi thứ nhất và thứ ba, thì hiện tại và quá khứ, tiểu thuyết còn sử dụng một phong cách văn xuôi lãng mạn, đầy thơ mộng.

CHUYỆN NGƯỜI TÙY NỮ (1985), MARGARET ATWOOD

Là viên cảnh phản địa đàng ở tương lai gần, *Chuyện người tùy nữ* của nhà văn Canada Atwood (xem tr.327) phác họa một nước Mỹ theo thể chế thần quyền Kitô giáo tước đi quyền tự do của phụ nữ. Giai cấp và vai vế trở thành các nguyên tắc tổ chức xã hội. Điều này cho phép Atwood bình luận về những bất bình đẳng ngày nay. Người kể chuyện là Offred, một "tùy nữ", hay từ thiếp có chức năng sinh sản trong thời đại các bệnh lây qua đường tình dục lan tràn. Ông chủ có tình cảm với cô và cho cô những đặc quyền, thậm chí cả quyền tiếp cận một số bí mật của chế độ. Về sau, cô dính líu đến một phong trào kháng chiến đang bùng lên. Sức mạnh của tác phẩm hư cấu gây nhiều tranh cãi này đến từ sự phê phán kịch liệt chế độ gia trưởng bằng cách phóng đại các đặc trưng của nó.

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ (1985), GABRIEL GARCÍA MÁRQUEZ

Một khám phá chi tiết về những trở ngại và mơ hồ trong tình yêu, *Tình yêu thời thổ tả* của tiểu thuyết gia Colombia đoạt giải Nobel, Márquez (xem tr.284) khéo léo định hướng những khúc quanh của cảm xúc con người. Hai phiên bản tình yêu hiện lên qua hai nhân vật nam: một người mê đắm và một người thực dụng. Chàng trai yêu si mê, Florentino Ariza, đã cầu hôn người yêu thời trẻ của mình vào 50 năm sau lần đầu

“

...Cô ấy sẽ không chôn sống mình bên trong bốn bức tường này để may mắn vài liệm nhu mấy quả phụ bản địa vẫn làm.

Tình yêu thời thổ tả
Gabriel García Márquez

”

tiên thổ lộ tình yêu để rồi bị cự tuyệt, thay vào đó là bác sĩ Juvenal Urbino, một người thực dụng. Câu hỏi trọng tâm cuốn sách đặt ra là loại tình yêu nào có nhiều khả năng mang lại hạnh phúc hơn? Trong truyện, dịch thổ tả mang nghĩa đen, nhưng cũng được dùng như hình ảnh tương đồng tượng tượng với sự mê đắm. Tác phẩm còn có các chủ đề khác như sự chấp nhận tuổi già và sự tiếp nối của tình yêu lãng mạn giữa những người cao tuổi, cả khi thân xác đã hao mòn.

TẠP ÂM TRẮNG (1985), DON DELILLO

Trong tiểu thuyết bán chạy nhất của mình – *Tạp âm trắng*, tác giả, nhà viết kịch Don DeLillo kể về một giáo sư đứng đầu ngành Nghiên cứu Hitler tại một trường đại học ở Mỹ bị buộc phải đối mặt với khả năng mình sẽ chết sau khi một vụ tràn hóa chất dẫn đến "Sự kiện chất độc lan trong không khí". Cuốn sách là một phép thử thú vị và đen tối về chủ nghĩa tiêu dùng, nguy trí thức trong giới học thuật cùng như sự thống trị của các phương tiện truyền thông. Tác phẩm cũng xem xét sự gắn kết, tin tưởng và tình yêu thương trong một gia đình – nơi được mô tả là "cái

nói tam sao thất bản của thế giới”.

BỘ BA NEW YORK (1985–1986; 1987), PAUL AUSTER

Auster chơi đùa cùng bản thể, ảo ảnh và sự phi lý trong ba cuốn tiểu thuyết lồng vào nhau cực kỳ thành công của mình: *Thành phố thủy tinh*, *Những bóng ma* và *Căn phòng khóa*. Đây là bộ tiểu thuyết hình sự mang dáng dấp phim noir, với các yếu tố của chủ nghĩa thể nghiệm Hậu Hiện đại. Mỗi liên hệ giữa một tác giả và chủ đề của người này được khám phá một cách đầy mĩa mai: trong cuốn đầu tiên, nhân vật chính là một tác giả truyện trinh thám gặp rắc rối sau khi bị nhầm với một thám tử tu; trong cuốn cuối, một tác giả cạn

Paul Auster

Là một tiểu thuyết gia, người viết tiểu luận, dịch giả và nhà thơ, Auster chủ yếu viết về những ý niệm về cái tôi, bản thể và lẽ sống – và đôi khi chính tác giả cũng xuất hiện trong sách của mình. Sinh năm 1947 tại Newark, New Jersey, Mỹ, Auster chuyển đến Paris năm 1970 để dịch văn chương Pháp đương thời. Trở về Mỹ bốn năm sau đó, ông tiếp tục dịch, làm thơ và bắt đầu viết một loạt tiểu thuyết kỳ bí theo chủ nghĩa hiện sinh được gọi chung là *Bộ ba New York*. Auster còn viết kịch bản, hai trong số đó đã trở thành phim do chính ông đạo diễn.

Tác phẩm chính

1982 *Khởi sinh của cô độc*
1985–87 *Bộ ba New York* (xem bên trên)
1990 *Nhạc đòi may rùi*
2005 *Dại dột ở Brooklyn*

kiệt ý tưởng đang truy tìm một tiểu thuyết gia thành công mất tích. Khi đắm mình trong việc viết truyện, thu tù, thơ hay phóng sự, các nhân vật dần rời xa thực tại. Một chủ đề chính xuyên suốt bộ ba tác phẩm là cách sự tinh cò và trùng hợp vận hành trong cuộc sống của chúng ta.

NHỮNG VẤN THƠ CỦA QUỶ SATAN (1988), SALMAN RUSHDIE

Trong cuốn sách gây tranh cãi gay gắt này, hai người Ấn Độ sống sót sau vụ tấn công khủng bố trên một chiếc máy bay đến London trở thành biểu tượng của thiên thần và ác quỷ. Cả hai đều trải qua những sự hóa thân diệu kỳ. Tựa đề tác phẩm, *Những vần thơ của quý Satan*, mượn ý các đoạn trong sách thiêng đạo Hồi – kinh Qur’an – cho phép những người cầu nguyện cầu thay cho các vị thần ngoại đạo. Tác giả Anh gốc Ấn, Salman Rushdie (xem tr.302), đã bị Lãnh tụ Tối cao Iran tuyên án tử *fatwa* với cáo buộc báng bổ Muhammad khi một trong các nhân vật mô phỏng một phần Nhà tiên tri.

THỨ LÀM LIỀU (1989), VƯƠNG SÓC

Vương Sóc (1958–) là nhà văn Trung Quốc viết theo phong cách “luu manh”, điển hình là dùng phương ngữ Bắc Kinh để thể hiện sự thù o chế giễu các giá trị phổ thông. Là tiểu thuyết châm biếm về sự xa cách ở thị thành nổi tiếng, *Thứ làm liều* xoay quanh một vụ giết người. Người kể chuyện là nghi phạm chính, Phương Ngôn – một người đàn ông cò bạc, rượu chè và lãng nhãng. Cùng với nhân vật chính “khó tính”, cuốn sách còn có các nhân vật tội phạm và

hạ lưu, gọi nhớ đến những tiểu thuyết trinh thám bạo liệt.

BỆNH NHÂN NGƯỜI ANH (1992), MICHAEL ONDAATJE

Trong tác phẩm đoạt giải Booker *Bệnh nhân người Anh*, tác giả Canada gốc Sri Lanka Michael Ondaatje (1943–) viết về bốn mảnh đời giao nhau tại một biệt thự ở Italy vào năm 1945. Một y tá, một tên trộm và một lính công binh theo đạo Sikh bận tâm đến một nạn nhân máy bay rơi bị thương nằm trên lầu. Câu chuyện xoáy sâu vào quá khứ để tiết lộ mối tình nơi sa mạc Bắc Phi và những bí mật nguy hiểm khác. Những dối trá, thật giả lẫn lộn giúp



Sa mạc không thể được tuyên bố chủ quyền hay sở hữu – nó là một mảnh vải bị gió cuốn đi, không bao giờ bị đá đè lên, và được đặt cho hàng trăm tên gọi...

Bệnh nhân người Anh
 Michael Ondaatje



che giấu thân phận cùng bao thiệt hại về thể chất và tinh thần đều do chiến tranh và tình yêu gây ra.

TEXACO (1992), PATRICK CHAMOISEAU

Tiểu thuyết quan trọng của tác giả Martinique Chamoiseau (1953–) mượn tên một khu ngoại ô tồi tàn có thật – chính nơi đó cũng được đặt tên theo một công ty dầu mỏ do

có liên quan trong ngành. Người lập ra cộng đồng này có cha là một nô lệ được giải phóng, có kể lại câu chuyện gia đình của mình kể từ thập niên 1820. Câu chuyện được điểm xuyết bằng các đoạn trích từ sổ ghi chép, nhật ký và thư từ của cô. Trọng tâm của cuốn sách là cuộc đấu tranh giữa thực dân và người dân thuộc địa, giữa chính sự và những truyền kể truyền miệng, cả hai đều được phản ánh trong sự giao thoa của các ngôn ngữ: tiếng Pháp và tiếng Creole.

TẢNG ĐÁ CỦA TANIOS (1993), AMIN MAALOUF

Tác giả Liban viết tiếng Pháp Amin Maalouf (1949–) đoạt giải thưởng Goncourt với tác phẩm *Tảng đá của Tanios*. Tiểu thuyết lấy bối cảnh vào cuối những năm 1880, khi Liban bị kẹt giữa cuộc xung đột giữa châu Âu và Đế quốc Ottoman. Tác phẩm kể về Tanios, đứa con trai ngoài giá thú của một tù trưởng. Cậu cùng với cha nuôi rời bỏ quê hương để thoát khỏi những kẻ thù chính trị. Tanios sớm bị cuốn vào cuộc xung đột lớn hơn và trở thành trung gian không ngờ đến giữa các cường quốc phương Tây và Trung Đông.

CỎ XANH, NƯỚC CHẢY (1993), THOMAS KING

Tiểu thuyết gia Canada gốc Mỹ kiêm phát thanh viên King (1943–) mang một phần dòng máu Cherokee, chuyên viết về văn hóa thổ dân Mỹ bằng văn xuôi dân dã và tự do. *Cỏ xanh, nước chảy* lấy bối cảnh lãnh thổ của người Blackfoot thuộc tỉnh bang Alberta, Canada. Cấu trúc của cuốn tiểu thuyết khá phức tạp với bốn tuyến truyện, mỗi tuyến xen kẽ với một nhân vật sáng thế khác nhau. Mỗi tuyến phát triển đều xuất hiện các

“

Coyote mơ gì, chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Cỏ xanh, nước chảy

Thomas King

”

nhân vật từ những truyền thuyết của thổ dân châu Mỹ và Kitô giáo, cũng như từ văn học (như Robinson Crusoe). Tác phẩm vừa hài hước vừa châm biếm đề cập đến khía cạnh văn hóa và chính trị trong vấn đề đất đai của thổ dân châu Mỹ.

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN (1996), ALICE MUNRO

Alice Munro là tác giả Canada đã viết nhiều tiểu thuyết, nhưng các truyện ngắn mới được coi là thành tựu đỉnh cao của bà. Có thể thấy điều đó trong tuyển tập được chọn ra từ tám cuốn sách này của bà.

Alice Munro

Là người viết nên những câu chuyện tinh xảo, hấp dẫn và giàu cảm xúc, Alice Munro đã phát triển và nâng cao nghệ thuật viết truyện ngắn trong suốt sáu thập kỷ. Sinh năm 1931 tại Ontario, Canada, bà xuất bản tác phẩm đầu tiên vào năm 1950 khi đang học Ngôn ngữ Anh và báo chí tại Đại học Tây Ontario. Tập truyện ngắn đầu tiên của bà, *Vũ điệu của những sắc thái hạnh phúc*, xuất bản vào năm 1968, kể về cuộc sống của những người phụ nữ ở một thị trấn nhỏ ở Ontario (mặc dù

Chủ yếu lấy bối cảnh Hạt Huron, tây nam Ontario, các tác phẩm thường cho thấy sự thông thạo về cấu trúc, chuyển đổi thời gian tới lui. Các truyện đề cập đến sự mơ hồ đạo đức và sự hỗn độn trong các mối quan hệ, cũng như trách nhiệm mà mọi người đặt ra cho cha mẹ, con cái và gia đình chồng hoặc vợ vào những thời điểm khác nhau trong cuộc sống.

TRÒ ĐUA VÔ TẬN (1997), DAVID FOSTER WALLACE

Với một loạt các tình tiết hài hước và siêu thực, *Trò đua vô tận* là kiệt tác của Wallace (1962–2008), nhà văn Mỹ càng củng cố vị thế riêng biệt sau cuộc tự tử của mình. Đi sâu vào nghiện ngập, phục hồi và Giác mo Mỹ, cuốn sách đầy tham vọng lấy bối cảnh phân địa đàng ở tương lai gần. Với lối viết nhiều tầng lớp và không theo trình tự thời gian, tác phẩm có dàn nhân vật đồ sộ, như cu dân của một nhà phục hồi ở Boston, học viên tại một trường quân vợt gôn đỏ và một băng đảng của những kẻ khủng bố Québec chuyên giết người ngồi xe lăn. Tác

Munro đã rời khỏi đây mười năm trước). Trong hàng chục năm kể từ đó, bà viết một loạt truyện ngắn và tiểu thuyết ấn tượng và đi tiên phong với phong cách trần thuật vừa giàu hình ảnh nhưng cũng trù tình, nhẹ nhàng và mãnh liệt trong việc miêu tả những phức tạp của cuộc sống đời thường.

Tác phẩm chính

1978 *Bạn nghĩ bạn là ai?*

1996 *Tuyển tập truyện ngắn* (xem bên trên)

1998 *Tình yêu của một người đàn bà tốt*

2004 *Trốn chạy*

Jhumpa Lahiri

Cha của Jhumpa Lahiri di cư từ Ấn Độ đến Vương quốc Anh. Jhumpa sinh ở London vào năm 1967. Khi được hai tuổi, gia đình tác giả chuyển đến Mỹ – nơi mà bà xem là quê hương của mình. Sau khi học phổ thông, bà theo học tại Đại học Boston, đạt nhiều bằng cấp và tiếp tục dạy viết sáng tạo ở đó. Nổi tiếng với chất văn xuôi giản dị, sâu lắng, Lahiri được hoan nghênh với cả tác phẩm truyện ngắn lẫn tiểu thuyết của mình, viết về các chủ đề được đúc kết từ kinh nghiệm của bà khi là một người Mỹ gốc Ấn thế hệ thứ hai.

Tác phẩm chính

- 1999 *Người phiên dịch bệnh* (xem bên phải)
- 2003 *Trùng tên*
- 2008 *Xứ không quen*
- 2013 *Vùng đất thấp*

phẩm khai thác các chứng nghiệm nhu giải trí, tình dục, chủ nghĩa dân tộc và ma túy.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ (1998), ORHAN PAMUK

Là một vụ giết người bí ẩn khôn ngoan xoay quanh các nhà tiểu họa thế kỷ 16, *Tên tôi là Đỏ* khiến cả thế giới tán thưởng Orhan Pamuk (1952–), tác giả Thổ Nhĩ Kỳ đoạt giải Nobel. Cuốn sách phơi bày nhận thức Hậu Hiện đại về tính nghệ thuật của chính nó: các nhân vật biết họ không có thật và độc giả thường được nhắc đến. Điểm nhìn trần thuật thường được hoán đổi giữa những người kể chuyện không ngờ đến – có những đoạn được kể qua lời của một đồng xu và màu đỏ. Cuốn sách còn bao trùm các chủ đề khác như công hiến nghệ thuật, tình yêu và những

căng thẳng giữa phương Đông và phương Tây.

NGƯỜI PHIÊN DỊCH BỆNH (1999), JHUMPA LAHIRI

Người phiên dịch bệnh, tác phẩm hu cấu đầu tay của Jhumpa Lahiri, dù ban đầu bị một số nhà xuất bản từ chối nhưng về sau đã đoạt được giải Pulitzer. Là tuyển tập gồm tám truyện ngắn, chủ đề thống nhất tác phẩm là trải nghiệm của thế hệ thứ nhất và thứ hai của những người Ấn nhập cư vào Mỹ. Tác phẩm còn có những chủ đề khác như sự mất mát, kỳ vọng bất thành, sự mất kết nối giữa các thế hệ người nhập cư khác nhau và cuộc đấu tranh để tìm vị thế ở phương Tây cho văn hóa truyền thống của Ấn Độ, nơi hai truyện đạt bối cảnh. Nhiều trong số đó, thực ăn giữ vai trò quan trọng với trọng tâm duy trì tương tác con người.

AUSTERLITZ (2001), W. G. SEBALD

Thường chủ động tra chuốt ngôn từ trong tiếng mẹ đẻ của mình, tác giả Đức Sebald (1944–2001) đã dành cả phần sau đời mình để sống ở Anh. *Austerlitz* điển hình cho các tác phẩm của ông về những ưu tu

“

Không ai có thể giải thích chính xác điều gì sẽ xảy ra trong chúng ta khi cánh cửa đằng sau những nỗi kinh hoàng thời thơ ấu của chúng ta được mở ra.

Austerlitz
W. G. Sebald

”

về mất mát, kỷ ức và sự tan biến thông qua hồi ký, lịch sử và quan sát. Tựa đề của sách là tên của nhân vật trung tâm, người đã được gửi đến Anh và ở cùng với cha mẹ nuôi. Sau này, khi phát giác ra thân phận người Séc của mình và trở thành một nhà sử học kiến trúc, anh đồng thời cũng khám phá ra quá khứ rắc rối của mình.

CUỘC ĐỜI CỦA PI (2001), YANN MARTEL

Trong tiểu thuyết được khen ngợi *Cuộc đời của Pi*, tác giả Canada Martel (1963–) đã kể về hành trình một thiếu niên Ấn Độ – con trai của một người trông coi vườn thú – trôi dạt suốt 227 ngày trên một chiếc thuyền cứu hộ ở Thái Bình Dương sau một vụ đắm tàu, cùng bạn đồng hành là con hổ Bengal tên Richard Parker. Từ nghịch cảnh, cậu bé đã mở mang trí tuệ của mình trên đường đến Canada. Những trải nghiệm của cậu bé (nhu mê sáng, mù lòa, cây và táo ăn thịt) đã tạo cơ hội cho những suy ngẫm cấp thiết và gợi nhiều tâm tư về tâm linh, tôn giáo và động vật học.

NGƯỜI ĐUA ĐIỀU (2003), KHALED HOSSEINI

Khác họa chủ đề về sự phản bội, tội lỗi, sự chuộc tội và tình bạn, *Người đua điều* bắt đầu ở Afghanistan vào năm 1975. Một cậu bé 12 tuổi trù định giành chiến thắng trong trận đấu điều với sự giúp đỡ của người bạn thân nhất của mình, nhưng một hành động bạo lực đã phá hỏng cả ngày thi. Lưu vong ở California sau khi Liên Xô can thiệp vào năm 1979, nhân vật chính cuối cùng đã trở về vùng đất do Taliban cai trị. Khaled Hosseini (1965–) lấy cảm hứng để viết cuốn tiểu thuyết bán tụ truyện này sau khi hay tin việc

thả điều bị cấm ở quê hương mình.

2666 (2004), ROBERTO BOLAÑO

Tiểu thuyết mê lộ cuối cùng chua qua chỉnh sửa của nhà văn Chile Bolaño (1953–2003), *2666* (tựa đề không được lý giải cận kề) tập trung vào nhà văn bí ẩn Archimboldi. Lấy bối cảnh một phần tại Mặt trận phía Đông trong Thế chiến II, câu chuyện xảy ra chủ yếu ở một thị trấn Mexico tai tiếng với 300 vụ giết hại phụ nữ liên hoàn. Khi đã trình bày chi tiết những án mạng trong một loạt liên tục các báo cáo của cảnh sát, Bolaño tưởng thưởng sức bền của độc giả bằng phép tái



Ấn dụ là cách khiến ta đánh mất chính mình trong vẻ ngoài hay khi truy theo dòng nước nơi vùng biển của ngoại diện.

2666

Roberto Bolaño



dụng lịch sử sống động soi sáng ấn số nơi cốt lõi tiểu thuyết.

NỬA MẶT TRỜI VÀNG (2006), CHIMAMANDA NGOZI ADICHIE

Adichie đặt tên tuyệt tác của mình là *Nửa mặt trời vàng* dựa theo biểu tượng trên lá cờ của Biafra, kể về cuộc Nội chiến Nigeria (1967–70) thông qua những tác động của sự kiện này đến ba nhân vật chính. Tác phẩm có các chủ đề về thiệt hại

về người, chính trị và bản sắc ở châu Phi hậu thuộc địa, cũng như quan hệ giữa châu Phi và phương Tây. Với văn phong nữ tính chủ đạo, Adichie còn đặt câu hỏi về đạo đức của báo chí châu Âu, chức năng của hệ thống học thuật cũng như tính hiệu quả của các gói cứu trợ.

PHÙ THỦY QUẠ (2006), NGŨGĨ WA THIONG'O

Lấy bối cảnh một chế độ độc tài giả tưởng ở châu Phi, *Phù thủy quạ* là tác phẩm điên rồ châm biếm thể chế toàn trị. Tác giả Ngũgĩ wa Thiong'o (1938–), tù nhân lương tâm tại quê nhà Kenya, sau khi được trả tự do đã di cư sang Mỹ. Với thái độ giễu cợt chính quyền tha hóa, nội dung tác phẩm xoay quanh một tên độc tài bạo ngược muốn leo lên thiên đàng bằng cách cho xây Tháp Babel hiện đại. Hy vọng ngời lên giữa muôn tiếng nói bất tuân – chẳng hạn như một nhóm gây bạo loạn bằng rắn nhựa. Bị truyền thống truyền khẩu ảnh hưởng, cuốn sách phát huy giá trị với chất biếm họa bao trùm, thậm chí đôi lúc còn có cả hài bản.

NGƯỜI CHÍNH THỐNG BẤT ĐẮC DĨ (2007), MOHSIN HAMID

Với hình thức cuộc độc thoại tại một quán cà phê ở Lahore, Pakistan, *Người chính thống bất đắc dĩ* phản ánh trải nghiệm của một người Pakistan từ Mỹ về quê nhà sau cuộc tình đổ vỡ và sự kiện 11 tháng 9, đồng thời quay lưng với một công việc lương cao. Tại Pakistan, sự vô vọng của anh với chủ nghĩa tu bản Mỹ dần hóa thành tu tưởng cục đơan. Tác giả Pakistan Hamid (1971–) dùng tuyến truyện về bạn gái của người kể chuyện – người

không thể trút bỏ những mối quan hệ cũ để ẩn dụ cho sự bầu vùi của Mỹ vào vinh quang quá vắng.

TA CẦN TÊN MỚI (2013), NOVIOLET BULAWAYO

Ban đầu lấy bối cảnh một khu ổ chuột tên là Địa đàng ở Zimbabwe, tiểu thuyết thành niên *Ta cần tên mới* soi rọi cuộc sống bị giày vò bởi bạo lực, nghèo đói, bệnh tật và bất công. Người kể chuyện là một cô gái được gửi đến sống cùng dì ở miền Trung Tây nước Mỹ. Tại đây, cô phải đối mặt với một nguồn bất mãn mới: tình loại trừ của Giấc mơ Mỹ. Tiểu thuyết này đặc biệt đáng nhớ nhờ những đoạn miêu tả tình bạn keo sơn thuở nhỏ ở Zimbabwe, nơi tác giả NoViolet Bulawayo (1981–) sinh ra và lớn lên.

Chimamanda Ngozi Adichie

Sinh năm 1977 ở miền đông nam Nigeria, Chimamanda Ngozi Adichie học ngành y dược tại Đại học Nigeria ở Enugu, nơi cha cô là giáo sư môn thống kê và mẹ cô là nữ nhân viên quản lý tuyển sinh đầu tiên. Cô theo học ngành truyền thông và khoa học chính trị ở Mỹ, sau đó lấy bằng thạc sĩ ngành Phi châu học ở Đại học Yale. Trong vai trò tác giả tiểu thuyết, truyện ngắn, và thơ, cô đoạt giải Orange năm 2007 với *Nửa mặt trời vàng*. Adichie di chuyển qua lại giữa Mỹ và Nigeria, tại đây cô giảng dạy môn viết sáng tạo.

Tác phẩm chính

2003 *Hoa bụi tím*

2006 *Nửa mặt trời vàng*

(xem bên trái)

2013 *Americanah*

THUẬT NGỮ

alexandrine Câu thơ có 12 âm tiết chia thành sáu nhịp (một âm tiết mạnh theo sau một âm tiết nhẹ).

ẩn dụ (metaphore) Phép tu từ tạo thêm lớp nghĩa cho đối tượng bằng cách sánh ngang nó với một thứ khác.

ballad Một hình thức thơ phổ biến dùng để kể chuyện, thường có âm nhạc kèm theo, lan rộng khắp châu Âu thời Trung cổ đến đầu thế kỷ 19.

Báo chí Mới (New Journalism) Sáng tác **phi hư cấu** sử dụng các thủ pháp nghệ thuật từ tác phẩm **hư cấu** để nâng cao hiệu ứng văn học, giúp các sự kiện thêm kịch tính thay vì chỉ tập trung tường thuật thông tin báo chí mang tính khách quan. Những tác giả quan trọng theo trường phái này là Hunter S. Thompson, Truman Capote, Norman Mailer, và Joan Didion. Thuật ngữ Báo chí Mới bắt nguồn từ cuốn sách phát hành năm 1973 của tác giả Mỹ Tom Wolfe.

bi kịch (tragedy) Một trong hai thể loại kịch ra đời ở Hy Lạp cổ đại (còn lại là **hài kịch**), trong đó các sự kiện diễn biến đến kết cục bi thảm và các nhân vật trải qua nhiều thống khổ, thường do **khuyết điểm bi kịch**.

Bildungsroman Một "**tiểu thuyết thành nhân**" kể về những đấu tranh và giáo dục cảm xúc ban đầu của **nhân vật chính** trẻ tuổi, lớn lên và trưởng thành cùng diễn biến câu chuyện. **Thể loại** này bắt nguồn từ Đức vào cuối thế kỷ 18. Nhiều Bildungsroman được xem như một phần mang tính tự truyện.

canto Nghĩa là "khúc ca" trong tiếng Italy, là một phần trong một bài thơ dài, nhất là **sử thi**, tương ứng với một chương **tiểu thuyết** hoặc các tác phẩm **phi hư cấu** dài.

câu chuyện (narrative) Phần tường thuật loạt sự kiện liên kết với nhau, có thể **hư cấu** hoặc **phi hư cấu**.

câu thơ đôi (couplet) Hai dòng thơ liền nhau thành một cặp, thường hiệp

vân với nhau. Khi đặt ở phần kết (như **sonnet** của Shakespeare), nó có thể tóm tắt tinh cảm hay thông điệp của bài thơ.

chanson de geste Dạng **sử thi** vào các thế kỷ 11–13 kể truyền thuyết về những nhân vật lịch sử như Charlemagne, thường được hát hoặc kể lại trong triều đình. Đây thường được xem là khởi đầu của văn học Pháp. Thuật ngữ này cũng bắt nguồn từ tiếng Pháp có nghĩa là "những bài ca về chiến công anh hùng".

châm biếm (satire) Phái sinh từ **hài kịch** Hy Lạp cổ đại, đây là hình thức văn học sử dụng các yếu tố mỉa mai, chế nhạo, đùa cợt, và hóm hỉnh để vạch trần hay công kích những thói hu tật xấu, thường nhằm mục đích kêu gọi đổi mới.

chủ nghĩa Cổ điển Weimar (Weimar Classicism) Phong trào văn học Đức kéo dài từ thập niên 1780 đến năm 1805 được đặt tên theo thành phố Weimar, Đức – quê nhà của văn hào Johann Wolfgang von Goethe và Friedrich von Schiller. Các tác giả này sử dụng cấu trúc của **kịch** và **tho ca** Hy Lạp cổ điển để tạo ra các tác phẩm hòa hợp và cân đối về thẩm mỹ.

chủ nghĩa Duy mỹ (Aestheticism) Một trào lưu bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 ở Anh, đề cao "nghệ thuật vì nghệ thuật", khước từ quan điểm nghệ thuật hay văn học nên có thông điệp đạo đức hay mục đích xã hội. Những tên tuổi hàng đầu trong phong trào này gồm nhà viết kịch Oscar Wilde, họa sĩ James Whistler, nhà thơ-họa sĩ Dante Gabriel Rossetti.

chủ nghĩa Hậu Hiện đại (postmodernism) Trong văn học, đây là trào lưu bắt đầu sau Thế chiến II, phát triển từ tinh thần thể nghiệm của thời kỳ **chủ nghĩa Hiện đại**. Các tác phẩm Hậu Hiện đại thể hiện những cách tiếp cận khác biệt nhưng thường nhạo báng những truyền thống trước đây bằng hình thức **giấu nhại**, mô phỏng, hay hòa trộn các yếu tố của nghệ thuật

hàn lâm và bình dân; chúng sử dụng các kỹ thuật **siêu hư cấu** để gây chú ý đến tính nhân tạo của tác phẩm.

chủ nghĩa Hiện đại (Modernism) Trong văn học, đây là phong trào kéo dài từ thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20. Nó phá vỡ những hình thức truyền thống và mở rộng những giới hạn của **tho ca** và **tác phẩm hư cấu** bằng những phương pháp thể nghiệm nhằm đi tìm những tầng chân lý mới về tâm lý, thí dụ như **đồng ý thức**.

chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) Học thuyết triết học xuất hiện ở châu Âu vào cuối thế kỷ 19, tập trung vào trải nghiệm của cá nhân trong thế giới này cũng như tầm quan trọng của vai trò trung gian và trách nhiệm của cá nhân. Văn học hiện sinh thường chứa các yếu tố hoang mang, cô đơn và hoang tưởng trong cách phản ứng của nhân vật trước vạn vật vô nghĩa.

chủ nghĩa hiện thực (realism) Cách phản ánh chân thực đời sống mà những con người bình thường vẫn đang sống. Thuật ngữ này thường được dùng để chỉ cụ thể cách tiếp cận văn học ở Pháp (cụ thể là các **tiểu thuyết** của Gustave Flaubert) vào thế kỷ 19, nhấn mạnh vào các sự việc quan trọng hay thấu hiểu về xã hội để đáp lại bản chất tinh cảm của văn học theo **chủ nghĩa Lãng mạn**.

chủ nghĩa hiện thực huyền ảo (magic realism) Một phong cách nghệ thuật **Hậu Hiện đại** mà trong phạm trù văn học được dùng để chỉ hình thức đan cài các yếu tố siêu nhiên hay kỳ dị vào **câu chuyện hiện thực**, buộc độc giả phải nhìn nhận lại hiện thực xung quanh **tác phẩm hư cấu** này.

chủ nghĩa Lãng mạn (Romanticism) Đây là một phong trào văn học lan tỏa khắp châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18, trong đó các nhà văn chối bỏ các lý tưởng về lý luận khách quan trong thời kỳ Khai sáng để tìm về góc nhìn cá nhân của họ. Lý tính và giới hạn bị thể chỗ bởi cảm hứng và

sự chủ quan. Các chủ đề bao gồm những trải nghiệm cảm xúc mãnh liệt và vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên.

chủ nghĩa nhân văn (humanism)

Trong thời kỳ Phục hưng, đây là một phong trào trí thức nở rộ từ sự hứng thú trở lại đối với các tu tưởng Hy Lạp và La Mã cổ điển; ngày nay, thuật ngữ này dùng để chỉ một hệ thống tu tưởng vô thần, duy lý tập trung vào con người hơn là các bậc thánh thiên.

chủ nghĩa Siêu việt (Transcendentalism)

Phong trào ở Mỹ vào thế kỷ 19 mà các tác giả gắn liền với nó nhìn thấy vẻ đẹp thánh thiên cùng sự tốt lành từ thiên nhiên và muốn thể hiện vẻ đẹp ấy bằng văn học. Các tác giả nổi tiếng nhất của phong trào này là Henry David Thoreau và Ralph Waldo Emerson.

chủ nghĩa Tự nhiên (Naturalism)

Trào lưu văn học vươn xa hơn **chủ nghĩa hiện thực** trong việc cố gắng tái tạo chính xác và chi tiết hành vi của con người. Trào lưu này còn cố gắng thể hiện cách con người (đặc biệt là người nghèo) được hình thành từ môi trường và áp lực xã hội như thế nào, và thường phong trào này bị chỉ trích chỉ tập trung vào những thống khổ của con người. Phong trào này bắt nguồn từ giữa thế kỷ 19 và kết thúc, mà có lẽ điển hình nhất là các tiểu thuyết của Émile Zola.

cổ tích (fairy tale) Câu chuyện ngắn có các nhân vật kỳ ảo và các sự kiện thần kỳ mang tính chất **văn hóa dân gian** lấy bối cảnh ở xứ sở mầu nhiệm, bất hủ, và thường ở nông thôn.

cốt truyện (plot) Câu chuyện chính, hay một chuỗi liên tiếp và mối quan hệ giữa các sự kiện quan trọng với nhau, trong tác phẩm văn học.

dòng ý thức (stream of consciousness)

Một kỹ thuật thể nghiệm quan trọng được các nhà văn theo **chủ nghĩa Hiện đại** sử dụng để cố gắng thể hiện tu tưởng, cảm quan, và nhận thức của các nhân vật như thể chúng thật sự xảy ra, tức là lộn xộn và dang dở, thay vì các câu được trau chuốt trang trọng. Nhưng tên tuổi sử dụng kỹ thuật này gồm James Joyce, Virginia Woolf, và William Faulkner.

duy mỹ (aesthetic) Liên quan đến cái

đẹp và thưởng thức cái đẹp; nếu là danh từ (**mỹ học**), thuật ngữ này được dùng để chỉ tập hợp các nguyên tắc và quan điểm định nghĩa một phong trào nghệ thuật ("mỹ học cổ điển").

điệp âm (alliteration) Cách dùng một số từ trong cùng một dòng hoặc dùng gần nhau sao cho chúng đều bắt đầu bằng cùng một âm, nhất là phụ âm, mục đích để tạo ra hiệu ứng thơ ca.

độc thoại nội tâm (soliloquy) Thủ pháp sân khấu mà ở đó nhân vật diễn thành lời những tâm tư sâu thẳm của mình nhằm mục đích chia sẻ trực tiếp với khán giả.

giọng kể chuyện (narrative voice) Cách **câu chuyện** được truyền tải đến độc giả, chẳng hạn qua người kể chuyện ở ngôi thứ nhất hoặc người kể chuyện toàn tri.

Gothic Một **thể loại** khám phá những giới hạn của trí tưởng tượng, bắt nguồn từ Anh và Đức vào cuối thế kỷ 18–đầu thế kỷ 19. Thể loại này đặc trưng với những bối cảnh u ám, rùng rợn (nhu lâu đài, phế tích, hay nghĩa trang), các thể lực siêu nhiên (nhu quỷ yêu, ma cà rồng), cùng bầu không khí bí hiểm đáng sợ.

hài kịch (comedy) Một trong hai dạng **kịch** Hy Lạp cổ đại (còn lại là **bi kịch**), mục đích để tạo ra tiếng cười, sự giải trí và **châm biếm**. Trái với bi kịch, hài kịch thường có kết thúc có hậu, đề cập đến những người bình thường và những khía cạnh quen thuộc của đời sống.

haiku Thể thơ Nhật Bản theo đó một bài thơ ngắn gồm có ba câu, mỗi câu lần lượt có năm, bảy và năm âm tiết, thường mượn ý từ thế giới tự nhiên. Thể thơ này nở rộ từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 và trở nên phổ biến trong văn học phương Tây vào thế kỷ 20.

hu cấu (fiction) Tác phẩm hoàn toàn mang tính sáng tạo, với **câu chuyện** được dựng nên và các nhân vật tưởng tượng. Tác phẩm hu cấu có thể thuần không có thật hoặc được đặt vào thế giới thật. Theo nghĩa rộng, truyện hu cấu là **thể loại** bao gồm **tiểu thuyết** và truyện.

khuyết bi kịch (tragic flaw)

Trong **bi kịch** Hy Lạp, đây là yếu tố trong tính cách của **nhân vật chính** dẫn đến sự xuống dốc của anh ta.

khoa học viễn tưởng (science fiction)

Thuật ngữ chỉ các sáng tác khai thác những viễn cảnh tiềm năng mà ở thời điểm viết, công nghệ chưa cho phép, ngoại suy từ công nghệ của hiện tại; hoặc một số hình thức **vi von** mang tính tự biện dựa trên khoa học, chẳng hạn như một xã hội (trên Trái Đất hoặc một hành tinh khác) phát triển theo hướng hoàn toàn khác với chúng ta.

kịch (drama) Tác phẩm dùng để diễn trên sân khấu trước khán giả, bắt nguồn từ Athens khoảng thế kỷ 5 hay 6 TCN. Các **thể loại** chính ban đầu gồm **bi kịch** và **hài kịch**. Thuật ngữ **drama** ("kịch") bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp nghĩa là "hành động".

kinh điển (classic) Xét theo phạm trù văn học, một tác phẩm được gọi là kinh điển nếu nó được công nhận rộng rãi là có giá trị lâu dài và đáng để đào sâu nghiên cứu.

luật thơ (rhyme scheme) Hình thức **vần** được gieo trong một bài thơ. Một số loại thơ có luật thơ rất chặt chẽ như **terza rima**, **sonnet** của Shakespeare, **tụng ca** của Keat.

mô típ (motif) Một chủ đề xuất hiện nhiều lần trong một tác phẩm. Mỗi lần như thế, nó lại phản ánh hoặc nâng tầm các chủ đề khác hoặc thông điệp trung tâm của tác phẩm.

ngụ ngôn (allegory) Tác phẩm nghệ thuật hoặc văn học có ý nghĩa hay thông điệp ngầm và chỉ được thể hiện thông qua các hình tượng. Thí dụ, một câu chuyện về các súc vật nông trại cãi nhau âm ỉ để ngụ ngôn cho các lãnh đạo suy đồi của một quốc gia.

nhân cách hóa ngoại cảnh (pathetic fallacy) Được nhà phê bình thời Victoria John Ruskin đề ra lần đầu vào năm 1856, đây là thủ pháp văn học gán ghép tâm trạng con người vào thiên nhiên hay môi trường, theo cách khiến thiên nhiên như đang phản ánh nội tâm nhân vật.

nhân vật chính (protagonist) Nhân vật chính trong **câu chuyện**; nhân vật mà câu chuyện ấy xoay đến.

nhân vật chính kiểu Byron (Byronic hero) Nhân vật chính có những phẩm chất như thi sĩ Lãng mạn Anh Lord Byron,

chàng hạn nhu sự nổi loạn, bất cần, coi khinh đạo đức truyền thống, có thể có cả ham muốn hủy hoại bản thân.

nhịp (metre) Trong thơ, nhịp điệu của một bài thơ được thể hiện theo "nhịp" (âm tiết được nhấn) trong mỗi câu.

phản anh hùng (antihero) Đây là **nhân vật chính diện** của tác phẩm văn học hiện thân cho những giá trị đạo đức khác biệt đáng kể với người hùng theo thường lệ (hình mẫu) vì họ không có tính cách anh hùng hoặc chủ động làm những việc xấu xa.

phản địa đàng (dystopia) Tương phản của **utopia**: một viễn cảnh (thường dưới dạng **tiểu thuyết**) về tương lai, ở đó xã hội bị thống trị bởi một chế độ toàn trị, hoặc xã hội ấy đang sụp đổ, thường do thảm họa môi trường hay chiến tranh. Cuộc sống ở những xứ sở phản địa đàng thường rất đáng sợ và gian khổ.

phản tiểu thuyết (antinovel) Thuật ngữ do nhà văn-triết gia **hiện sinh** giữa thế kỷ 20 Jean-Paul Sartre đề ra để gọi một loại **tiểu thuyết** trong đó các thường lệ về hình thức bị cố tình bỏ qua hoặc đảo ngược. Đây là bước tiến quan trọng của văn học **Hậu Hiện đại**, một tác phẩm phản tiểu thuyết có nhiều điểm chung với **siêu hư cấu**.

phi hư cấu (non-fiction) Tác phẩm **văn xuôi** trong đó không có nội dung được dựng nên, tất cả đều dựa trên thông tin thực tế và những sự kiện có thật (ngược lại với truyện **hư cấu**).

Phục hưng Harlem (Harlem Renaissance) Sự nở rộ hoạt động sáng tác văn học (và cả hội họa, âm nhạc) của người Mỹ da đen xuất hiện trong giai cấp trung lưu da đen mới ở Harlem, New York. Kéo dài từ khoảng năm 1918 đến đầu thập niên 1930, trào lưu này đã giúp hình thành định danh văn hóa của người da đen ở Mỹ.

phương ngữ (vernacular) Ngôn ngữ của một quốc gia nào đó; ngôn ngữ thường tình theo cách mọi người vẫn hay nói, tương phản với ngôn ngữ văn học kiểu cách.

roman à clef Đây là tác phẩm trong đó người thật việc thật được trình bày dưới dạng hư cấu. Thuật ngữ

này xuất phát từ tiếng Pháp nghĩa là "**tiểu thuyết** kèm chìa khóa".

saga Dạng **câu chuyện** bắt nguồn từ Iceland hay Na Uy thời Trung cổ, hầu hết viết bằng các cổ ngữ Bắc Âu, và chủ yếu tập trung về đề tài sự ra đời của Iceland (saga gia tộc), các vị vua Na Uy (saga quân vương), hay các chiến công của các anh hùng, các huyền thoại (saga tích xưa). Dù viết bằng **văn xuôi**, saga lại có nhiều điểm tương đồng với **sử thi**.

siêu hư cấu (metafiction) Một loại sáng tác **Hậu Hiện đại** trong đó sử dụng các kỹ thuật nhắc cho độc giả nhớ về tính chất nhân tạo của tác phẩm hư cấu (thí dụ cho tác giả làm một nhân vật hay có các nhân vật nhận thức rõ mình đang ở trong một câu chuyện), từ đó làm họ chú ý đến mối quan hệ giữa **tác phẩm hư cấu** và đời thực.

sonnet Thể thơ được sáng tạo ở Italy Trung cổ, gồm 14 dòng với số âm tiết cố định tuân theo **luật thơ**. Hai dạng phổ biến nhất của thể thơ này là sonnet của Petrarch (hay sonnet Italy) và sonnet của Shakespeare (hay sonnet Anh).

Sturm und Drang "Bão táp và xung kích", một phong trào văn học Đức cuối thế kỷ 18 đã làm đảo lộn những quy chuẩn của thời kỳ Khai sáng, miệt mài trong những cực độ của tính cá nhân, bạo lực, và biểu cảm nóng nhiệt. Johann Wolfgang von Goethe và Friedrich von Schiller là những bậc thầy của phong trào này.

sử thi / trường ca (epic poem) Bài thơ dài mang tính chất của một **câu chuyện**, thuật lại chi tiết các cuộc phiêu lưu của những anh hùng trong lịch sử hoặc truyền thuyết. Sử thi là những tác phẩm văn học lâu đời nhất trên thế giới, nhiều khả năng bắt nguồn từ truyền thống truyền khẩu.

tác phẩm giễu nhại (parody) Tác phẩm bắt chước mục tiêu của nó theo cách hài hước, châm biếm, hay mỉa mai, làm theo và phóng đại những yếu tố kém hiệu quả nhất của đối tượng đó.

Tân cổ điển (neoclassicism) Sự mê hoặc đến từ những lý tưởng Hy Lạp và La Mã cổ đại trở nên thịnh hành trong nghệ thuật ở châu Âu thời kỳ

Khai sáng (1650–1800). Trong văn học, trào lưu Tân cổ điển phát triển hoàn thiện nhất ở Pháp, với các nhà viết kịch Molière và Jean Racine lần lượt sáng tác các vở **hài kịch** và **bi kịch** gắn liền với **trình đơn nhất** cổ điển. Ở Anh, những người ủng hộ chính cho trào lưu này là nhà thơ Alexander Pope và nhà văn trào phúng Jonathan Swift.

terza rima Đây là thể **tho ca** ba dòng với **luật thơ** cài vào nhau, vậy nên dòng thứ nhất và dòng thứ ba **hiệp vần** với nhau, dòng thứ hai sẽ hiệp vần với dòng thứ nhất và thứ ba của khổ kế tiếp. Thể thơ này được Dante Alighieri phát triển dù ông không phải người nghĩ ra nó.

thần thoại (myth) Chuyện kể mang tính biểu tượng về thánh thần hoặc siêu nhân đã tồn tại vào thời điểm rất lâu trước khi có lịch sử của con người. Thần thoại thường được dùng để giải thích các phong tục, lễ nghi, và niềm tin của một dân tộc hoặc nền văn hóa. Thuật ngữ này thường cùng xuất hiện, nhưng khác biệt, với **truyền thuyết**.

thể loại (genre) Phong cách hay hạng mục văn học (hay hội họa hoặc âm nhạc), thí dụ như **bi kịch**, **hài kịch**, lịch sử, truyện gián điệp, **khoa học viễn tưởng**, **truyện lãng mạn**, hay truyện điều tra tội phạm.

tho ca (poetry) Sáng tác văn học tập trung vào biểu cảm, với mục đích khơi dậy sự cộng hưởng mạnh mẽ hơn so với **văn xuôi**. Tho ca sử dụng đa dạng thủ pháp, gồm **điệp âm**, **hiệp vần**, **ẩn dụ** và nhịp điệu để đạt được hiệu ứng. Có nhiều hình thức tho ca như **sử thi**, **ballad**, **sonnet**, hoặc gán đây hơn là thơ tự do ít gò bó về cấu trúc.

tiểu thuyết (novel) Tác phẩm **hư cấu văn xuôi** dài, thường đến vài trăm trang, gồm các nhân vật và **cốt truyện**. Hình thức tiểu thuyết phát triển dần từ thế kỷ 16 về sau.

tiểu thuyết bom nghịch (picaresque novel) Thuật ngữ bắt nguồn từ tiếng Tây Ban Nha – *picaro*, nghĩa là "du đàng" hay "nhài ranh", là **câu chuyện văn xuôi** chương hồi về nhân vật chính để cảm thông nhưng không đáng kính.

tiểu thuyết châm biếm xã hội (novel of manners) Phong cách văn học

khai thác (thường theo cách châm biếm) những giá trị và mâu thuẫn xã hội thông qua các bối cảnh gia đình thuộc các giai cấp trung và thượng lưu, trong đó **chủ nghĩa hiện thực** là nhân tố chủ đạo. Phong cách này phát triển một phần để đáp lại thể loại tiểu thuyết **Gothic** vào thế kỷ 18 và sự du thừa của **chủ nghĩa Lãng mạn**.

tiểu thuyết thu từ (epistolary novel) Dạng **tiểu thuyết** phổ biến ở châu Âu thế kỷ 18, trong đó **câu chuyện** được kể hoàn toàn qua thư từ và các văn bản khác mà các nhân vật soạn thảo.

tính đơn nhất (the unities) Ba quy luật tạo nên cấu trúc của kịch **Tân cổ điển**, dựa trên những nhân định của Aristotle về kịch Hy Lạp cổ đại. Các quy luật bao gồm tính đơn nhất của hành động (một tuyến truyện hay **cốt truyện** duy nhất), tính đơn nhất về thời gian (một ngày duy nhất), tính đơn nhất về nơi chốn (một địa điểm duy nhất).

trình thám đen (hard-boiled fiction) Tác phẩm hư cấu hình sự thành thị xuất hiện trên các tạp chí trình thám lá cải vào thập niên 1920. Trong đó, vị thám tử ưa mĩa mai vào vai **nhân vật chính**, ngoài ra còn có các băng đảng, gái điếm, súng ống, tình dục, bạo lực, cũng như các đoạn đối thoại bình dân diễn ra với nhịp độ nhanh.

troubadour Người sáng tác và hát rong trong các triều đình châu Âu Trung cổ. Các troubadour thường là những nghệ sĩ có dòng dõi quý tộc diễn xướng về những mối tình vương giả thay vì câu chuyện về những chiến công tráng lệ và oai hùng.

trouvère Người sáng tác các sử thi ở miền bắc nước Pháp, hoạt động từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 14.

truyện dân gian (folktale) Một câu chuyện truyền thống hoặc phổ biến được truyền khẩu từ đời này sang đời khác; cách gọi khác của **cổ tích**.

truyện khung (frame narrative) Một **câu chuyện** ngoài lồng vào trong nó một (hay nhiều) câu chuyện khác – thường thông qua một nhân vật kể câu chuyện chính ở trong. Khung sẽ cung cấp ngữ cảnh và cấu trúc, đôi khi còn

bao hàm nhiều nhân vật khác nhau, như trong *Mười ngày* của Giovanni Boccaccio, *Chuyện kể Canterbury* của Geoffrey Chaucer.

truyện lãng mạn (romance) Tác phẩm **hu cấu** giai đoạn thế kỷ 16–18 kể về những cuộc phiêu lưu phi thường hay các yếu tố hào nhoáng. Trong thể loại truyện hư cấu đương đại, đây là một **thể loại** mà **câu chuyện** và **cốt truyện** tập trung vào tình cảm lãng mạn.

truyện ngụ ngôn (fable) Một câu chuyện đơn giản mang thông điệp đạo đức, thường có các nhân vật thú vật và các yếu tố huyền ảo.

truyện nô lệ (slave narrative) Một **câu chuyện phi hư cấu** do một nô lệ trốn thoát hoặc được thả tự do kể lại. Do các tác phẩm kiểu này khá hiếm (vì nô lệ không được đi học), chúng thường được người trong các phong trào chống chiếm nô sử dụng nhằm khiến nhiều người hơn nữa biết về cuộc đấu tranh của các nô lệ, giúp chấm dứt nạn buôn bán nô lệ ở châu Âu và bãi bỏ chế độ nô lệ ở Mỹ.

truyện thuyết (legend) Một truyện truyền thống có liên quan đến các sự kiện, nhân vật, địa điểm lịch sử và nằm trong khuôn khổ khả dĩ (trái với **thần thoại** thường có các yếu tố siêu nhiên) dù không còn biết chính xác niên đại hay các chi tiết.

tiểu thuyết ngắn (novella) Tác phẩm **văn xuôi hư cấu** ngắn hơn **tiểu thuyết** nhưng dài hơn truyện ngắn. Truyện vừa có thể chạm đến những chủ đề rộng của một tiểu thuyết hoàn chỉnh dù vẫn giữ những tính nhất quán có đống của một truyện ngắn.

tụng ca (ode) Bài thơ có lời **hiệp vần** được viết nhằm kể (thường là ca ngợi) một người, một địa điểm, hay một vật gì đó. Thể loại này bắt nguồn từ Hy Lạp cổ đại, nơi nó có cả âm nhạc phụ diễn.

utopia Một xã hội hoàn hảo trên lý thuyết, ở đó mọi người sống hòa thuận với nhau. Thuật ngữ này bắt nguồn từ tên tác phẩm ra đời năm 1516 của chính trị gia theo chủ nghĩa nhân văn Sir Thomas More.

văn học hậu thực dân (postcolonial literature) Một nhánh sáng tác, đặc biệt

là **tiểu thuyết**, phát triển ở các xứ thuộc địa cũ trên toàn thế giới vào giữa thế kỷ 20, đề cập đến những hậu quả của thời kỳ thuộc địa hóa và đào sâu vào các vấn đề áp bức và tự do, định danh văn hóa, cũng như cuộc sống tha hương.

văn học thế giới (world literature) Văn học đã có lượng độc giả và sức ảnh hưởng vượt khỏi văn hóa và ngôn ngữ gốc.

văn học thời Victoria (Victorian literature) Các tác phẩm văn học Anh ra đời dưới triều nữ hoàng Victoria (tức 1837–1901), bao gồm các **tiểu thuyết** dài và đầy tham vọng phản ánh nhiều khía cạnh giao nhau của xã hội và thường mang một bài học đạo đức. Các tác giả lớn thời kỳ này là Charles Dickens, George Eliot, và William Makepeace Thackeray.

văn học tự biện (speculative fiction) Lần đầu được nhà văn **khoa học viễn tưởng** Mỹ Robert A. Heinlein dùng như từ đồng nghĩa của khoa học viễn tưởng, ngày nay, thuật ngữ này dùng để chỉ một thể loại rộng lớn bao gồm các tác phẩm cất nghĩa câu hỏi "Sẽ ra sao nếu?" thông qua **khoa học viễn tưởng**, kinh dị, kỳ ảo, kỳ bí, và các thể loại khác, đôi khi có tất cả.

văn hóa dân gian (folklore) Những niềm tin, truyền thuyết và phong tục của một nền văn hóa được truyền khẩu từ đời này sang đời khác qua hàng trăm (thậm chí hàng ngàn) năm.

văn xuôi (prose) Hình thức ngôn ngữ viết hay nói bình thường, tự nhiên, ngược lại với các hình thức gieo vần và tuân theo cấu trúc của **tho ca**.

vần (rhyme) Cách lặp lại một âm trong từ hai từ trở lên; khi vần được gieo vào cuối các dòng, nó sẽ tạo ra hiệu ứng mà các nhà thơ dùng vào nhiều mục đích khác nhau (chẳng hạn làm gia tăng ý nghĩa, để kết bài, hay đơn giản là để cho vui).

vi von (conceit) Một phép **án dụ** phức tạp hay bất ngờ, đặc biệt phổ biến trong thời Elizabeth I, khi so sánh hai đối tượng không hẳn tương đồng. Thi sĩ Anh John Donne có phép so sánh nổi tiếng giữa một cặp tình nhân với hai chân compa, tuy cách xa nhưng luôn gắn liền.

CHỈ MỤC

Lưu ý: Số trang in đậm cho biết mục từ tương ứng là chủ đề chính.

2666 (Bolaño) **339**
451 đô F (Bradbury) 252, **287**

A

A Confederação dos Tamoios (Magalhães) 164
A Thành, *Biển địa phong lưu* 110
Abe, Kōbō, *Người đàn bà trong cơn cát* 263
Achebe, Chinua **269**
Quê hương tan rã 248, **266–69**
Acker, Kathy 313
Adichie, Chimamanda Ngozi **339**
Hoa bụi tím 269, 339
Nửa mặt trời vàng 266, **339**
Aeneid (Virgil) 19, **40–41**, 62
Aeschylus 18, 37, **54**
Oresteia **54**
Alas, Leopolda, *La Regenta* **201**
Alcott, Louisa May, *Những người phụ nữ bé nhỏ* 169, **199**
Alencar, José de, *Người Guarani* **164**
Alfonso X **57**
Cantigas de Santa Maria **57**
Alice ở Xứ sở Diệu kỳ (Carroll) 156, **168–71**
Allende, Isabel, *Ngôi nhà của những hồn ma* 302, **334**
Al-Mu'allaqat 44
Amadis xứ Gaul (Montalvo) **102–03**
Amis, Kingsley, *Jim tốt số* 318
Amis, Martin 331
An mạng trên phố Morgue (Poe) 208
Andersen, Hans Christian, *Truyện cổ Andersen* **151**, 169
Angelou, Maya 307
Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hót 259, **291**
Anh bạn điển trai (Maupassant) 160
Anh em nhà Karamazov (Dostoyevsky) 149, 178, **200–01**, 210
anh hùng ca hậu cổ điển **62–63**
Anna Karenina (Tolstoy) 149, 179, **200**
Annals (Ennius) 40
Annie Allen (Brooks) 259
Antony và Cleopatra (Shakespeare) 87, 89
Apuleius, *Con lừa vàng* 40, **56**
Ariel (Plath) 277
Ariosto, Ludovico, *Orlando Furioso* 63
Aristophanes 90
Của cái 39
Những đám mây 36
Ong bọ ve **55**

Aristotle, *Thi học* **39**, 90
Ars Amatoria (*Nghệ thuật ái tình*) (Ovid) 57
Asbjørnsen, Peter Christen, *Truyện dân gian Na Uy* 116
Asturias, Miguel Angel
Ngai tổng thống 282
Tóc người ngó 282
Atwood, Margaret 14, **327**
Chuyện người tùy nữ 252, 327, **335**
Người phụ nữ ăn được 327
Tay sát thủ mù 271, 295, **326–27**
Auden, W. H. 117
Austen, Jane 14, 90, **119**, 131, 317
Kiểu hành và đình kiến 12, 108, **118–19**
Auster, Paul **336**
Austerlitz (Sebald) **338**
Âm thanh và cuồng nộ (Faulkner) 188, 216, **242–43**, 271

B

Ba chàng lính ngự lâm (Dumas) 109, **122–23**
Ba Kim, *Gia* 222
Bà Bovary (Flaubert) 81, 146, 156, **158–63**, 190
Bà Dalloway (Woolf) 182, 217, **242**
Ba de Treymes (Wharton) 186
Bà tước Monte Cristo (Dumas) 146, **152**
Bác sĩ Zhivago (Pasternak) **288**
Bach thoại văn **222**
"Bài ballad về cô gái da nâu" (Cullen) 235
"Bài ca chim sơn ca" (Keats) 110
Bài ca Roland (Turolde) **48**
Baif, Jean Antoine de, *Những mô phỏng, bài học và cách ngôn* 74
Baldwin, James, *Hãy đi mà kể trên núi* 259, 306
Ballard, J. G. **332**
Đế quốc Mặt Trời 332
Va chạm 313, **332**
Balzac, Honoré de **151**
Cầu đen **152**
Lão Goriot **151**
Nha Chouan 122, 151
Tấn trợ đôi 156, 160
Bản vẽ nghệ thuật và khoa học (Rousseau) 98
Bản đồ mây (Mitchell) 68
Ban của chúng ta (Dickens) 166
Báo chí Mới **278–79**
Barrett Browning, Elizabeth 131
Barrie, J. M., *Peter Pan* 169

Bartleby và đồng sự (Villa-Matas) 274
Bashō, Matsuo, *Lời lên miền Oku* 61, **92**
Baudelaire, Charles 157
Les Fleurs du mal **165**
Bay trên tổ chim cúc cu (Kesey) 271, **289**
Bảy anh em (Kivi) **199**
Bảy ngày (Marguerite de Navarre) 68
Bác và Nam (Gaskell) **153**
Bát trẻ đồng xanh (Salinger) 248, **256–57**, 271, 328
Bà, Mariama, *La thu miền man* **334**
Bảy-22 (Heller) 249, **276**
Beckett, Samuel, *Đoi cho Godot* 210, 248, **262**
Ben Jelloun, Tahar, *Đưa con của cát* 223
Beowulf 14, 19, **42–43**
Berlin Alexanderplatz (Doblin) 207, **234**
"Bernice cắt tóc tèm" (Fitzgerald) 230
Ben đây thiên đang (Fitzgerald) 230
Bệnh nhân người Anh (Ondaatje) **336**
Bhagavad Gita (Chi Tôn ca) (Vyasa) 23, 25
Bi kịch Tây Ban Nha (Kyd) 75
Bi án lâu đài Udolpho (Radcliffe) 120
Biên niên kỳ chim văn dầy cọt (Murakami) **319**
Biển Sargasso rộng lớn (Rhys) 131, **290**
Biển địa phong lưu (Á Thành) 310
Biến thể (Ovid) 40, 55, 84
Bildungsroman 128, 206–07, **224–27**
Blake, William **105**
Những khúc ca về sự ngây thơ và sự từng trải **105**, 110
Boccaccio, Giovanni 14, 71
Bolaño, Roberto, 2666 **339**
Bọn lam bạc giả (Gide) **242**
Bóng ma nhà hát lớn (Leroux) 195
Borges, Jorge Luis **245**
Ficciones **245**, 282, 298, 299
"Pierre Menard, tác giả *Don Quixote*" 81
Lịch sử văn vật về sự tai tiếng 302
Bò ba Cairo (Mahfouz) 223
Bò ba Hoa Kỳ (Dos Passos) 230
Bò ba kịch Barcas (Vicente) **103**
Bò ba New York (Auster) 298, **336**
Bò tác phẩm "Thỏ" (Updike) 328
Bò truyện Narnia (Lewis) 171
Bradbury, Ray 451 đô F 252, **287**
Brecht, Bertolt, *Me Can Đám và bảy con* 238, **244–45**
Brink, André, *Mùa trăng khô cằn* **333–34**
Broch, Hermann, *Người mộng du* 234
Brontë, Charlotte **129**
Jane Eyre 109, 118, **128–31**, 137

Brontë, Emily 131, 134
Đinh Gió Hù 69, 109, 128, 132, **134–37**, 192, 271
Brooke, Rupert, "Người chết" 212
Brooks, Gwendolyn, *Annie Allen* 259
Brown, Dan, *Mặt nạ Da Vinci* 261
"Buổi chiều của một thân đồng nội" (Mallarmé) 165
Bukowski, Charles 313
Lừa mach kẹp giấm bóng 256
Bulawayo, NoViolet, *Ta cần tên moi* **339**
Bulgakov, Mikhail, *Nghệ nhân và Margarita* **290**
bùng nổ văn học Mỹ Latin **282–85**
Bunyan, John, *Cuộc hành hương* 330
buổi đầu thời niên thiếu **256–57**
Buôn nôn (Sartre) 210, **244**
Burgess, Anthony, *Vuon mây* 252, 270, **289**
Burroughs, William S. 265, 313
Bữa trưa trên trui 260, 264
Buson, Yosa 92
Butler, Octavia E, *Ho hàng* 126
Bữa trưa trên trui (Burroughs) 260, 264
Byatt, A. S., *Tài sản: Một câu chuyện tình* 318
Byron, Lord 120, 124, 185
Don Juan 110

C

các nhà thơ Thế chiến I 206, 207, **212**
Cách ta sống ngày nay (Trollope) 186
Cai bong của vũ khí (Hwang) 330
Cai chết của Artemio Cruz (Fuentes) 282, **289–90**
Cai chết của một nhà tu nhiên học (Heaney) **277**
Cai trông thiếc (Grass) 249, **270–71**, 302
Cain, James M.
Gấp đôi mức bồi thương 236
Người đưa thu luôn nhấn chuông hai lần 236
Calderon de la Barca, Pedro, *Đoi là giấc mộng* 78
Calvino, Italo 295, **299**
Lầu đài noi văn số gặp gỡ 274
Nếu một đêm đồng có người lữ khách 69, 294, **298–99**
Cám dỗ của Thánh Anthony (Flaubert) 161
Camões, Luis de, *Dân Lusiad* 62, **103**

- Camus, Albert 177, 210
Kẻ xa lạ 210, **245, 262**
- Candide (Voltaire) 61, **96-97**,
 260 *Cantar de Mio Cid* 48, **56-57**
- Cantigas de Santa Maria (Alfonso X) **57**
- Cantos (Pound) 213
- Cao bói Martin Fierro (Hernandez) **199**
- Cao Hành Kiện 310
- Cao lương đỏ (Mac) **310**
- Capote, Truman **279, 319**
Máu lạnh 249, 273, **278-79**
- Carey, Peter
Câu chuyện thật về băng đảng Kelly 311
Oscar và Lucinda 311
- Carpentaria (Wright) 311
- Carpentier, Alejo 302
Vương quốc của thế giới nay 312
- Carroll, Lewis **171**
Alice ở Xứ sở Diệu kỳ 156, **168-71**
- Carter, Angela **333**
Cân phòng máu và những câu chuyện khác 116, **333**
Đêm ở rạp xiếc 302
- Cán nhà cho ông Biswas (Naipaul) **289**
- Cán phòng đỏ (Strindberg) **185**
- Cán phòng máu và những câu chuyện khác (Carter) 116, **333**
- Câu chuyện giấc mơ (Schnitzler) 194
- Câu chuyện một nông trại châu Phi (Schreiner) **201, 322**
- Câu chuyện thật về băng đảng Kelly (Carey) 311
- Câu vòng của trọng lục (Pynchon) 294, 295, **296-97**
- Cậu đó té (McCabe) 313
- Câu Heinrich xanh (Keller) 224
- Câu Vanya, (Chekhov) **203**
- Celan, Paul, *Hoa anh túc và kỹ thuật* 238, **258**
- Cendrillon (Perrault) 117
- Cervantes, Miguel de 14, **78**
Don Quixote 51, 61, 67, **76-81**,
 274, 298, 320
- Céline, Louis-Ferdinand, *Hành trình đến tận cùng đêm tối* **243**
- Césaire, Aimé 196
Trò về đất tổ 312
- Chamoiseau, Patrick, *Texaco* **336-37**
- Chandler, Raymond **236**
- Chang ghét đời (Moliere) **90**
- Chàng Hobbit (Tolkien) 171, 287
- Chàng ngốc (Dostoyevsky) **199**
- Chàng trai thực học (Seth) 295, **314-17**
- chansons de geste **48, 50, 52**
- Charlie và nhà máy sôcôla (Dahl) 171
- Chateaubriand, Francois-René, *René* **150**
- Chaucer, Geoffrey 14, 57, **71, 219**
Chuyện kể Canterbury 60, **68-71**
Troilus và Criseyde 69
- Chân dung chàng nghệ sĩ (Joyce) 217, 225, **241, 256**
- Chân dung Dorian Gray (Wilde) 157, **194, 195**
- Chân dung một quý cô (James) 157, 174, **186-87**
- Chekhov, Anton **203**
Câu Vanya **203**
- Chết ở Venice (Mann) 194, 207, 224-25, **240**
- Chi tuyến Cu Giải (Miller) **243, 260**
- Chiến tranh và hòa bình (Tolstoy) 109, 156, **178-81, 182**
- Chim ưng Malta (Hammett) 236
- Chopin, Kate, *Tinh thức* **203**
- Chống lại tự nhiên (Huysmans) 194
- Chrétien de Troyes 49, **50**
Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo 19, **50-51**
- Christie, Agatha 207
Vu an bí ẩn ở Styles 208
- chủ nghĩa Cổ điển Weimar 99, 108, 111, **112-15**
- chủ nghĩa đa văn hóa 294-95, **324-25**
- chủ nghĩa Hiện đại 15, 69, 200, **206-07, 224, 235**
- chủ nghĩa hiện sinh **210-11**
- chủ nghĩa hiện thực huyền ảo 15, 234, 294, 295, **302-05**
- chủ nghĩa hiện thực Pháp 156, **158-63**
- chủ nghĩa hiện thực tâm lý **172-77**
- chủ nghĩa Lãng mạn Đức 99, **111, 115**
- chủ nghĩa Lãng mạn U âm **140-45, 152**
- chủ nghĩa nhân văn Phục hưng 14, **72-73**
- chủ nghĩa Siêu việt 14, **125, 140, 141**
- chủ nghĩa Tự nhiên **190-91, 219**
- chủ nghĩa Tuong trung Pháp **165**
- Chu Văn Vương 18, **21**
- Chùa Nhân (Tolkien) **287**
- Chùa Ruồi (Golding) **287**
- Chùa trời của những chuyện vụn vặt (Roy) 314,
- Chùm nho phân nộ (Steinbeck) 188, 189, **244**
- Chúng tôi (Zamyatin) 252, 253
- Chuyện cũ viết lại (Lò) 222
- Chuyện đời Frederick Douglass (Douglass) 109, **126-27**
- Chuyện hai thành phố (Dickens) **198**
- Chuyện kể Canterbury (Chaucer) 60, **68-71**
- Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình (Grimm) 45, 108, **116-17, 168-69**
- Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc (Poe) **152**
- Chuyện ma ám ở trang viên Bly (James) **203, 271**
- Chuyện Mẹ Ngóng (Perrault) 116
- Chuyện người thủy thủ gia (Coleridge) 144
- Chuyện người tùy nữ (Atwood) 252, 327, **335**
- Chuyện ông Pickwick (Dickens) 146, 147
- Chuyện rừng xanh (Kipling) 157, 168, **202**
- Chuyện tình đóa hồng (Guillaume de Lorris/Jean de Meun) **57**
- Chuyện về chiến dịch của Igor **57**
- "Chuyện về Vô Đà" (Cooper) 122, 150, 188
- Chūshingura (Imuzo, Sosuke, và Shoraku) 93
- Chữ A màu đỏ (Hawthorne) 140, **153**
- Clarissa (Richardson) 100, **104**
- Clelia (Scudéry) 185
- Có xanh, nước cháy (King) **337**
- Có đước là người (Levi) 258
- Coetzee, J. M. **323**
Ruồng bò 295, **322-23**
- Coleridge, Samuel Taylor
Chuyện người thủy thủ gia 144
Những khúc ballad trữ tình 108, **110**
- Collins, Suzanne, *Đấu trường sinh tử* 320
- Collins, Wilkie **198, 207**
- Collodi, Carlo, *Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio* 168
- Con chó của dòng họ Baskerville (Conan Doyle) 206, **208**
- Con của đất mẹ (Wright) 259
- Con đường đời khó (Okri) 269
- Con lừa vàng (Apuleius) 40, **56**
- Con mèo ngồi trên chèo lừa (Williams) 272
- Con người văn chương (Hussein) 223
- "Con qua" (Poe) 140
- Con sè vàng (Tartt) 328
- Conan Doyle, Sir Arthur 69, 157, 207
 Các truyện về Sherlock Holmes 149
Con chó của dòng họ Baskerville 206, **208**
Thế giới đã mất 184
- Conrad, Joseph **197**
Giữa lòng tam tối 157, **196-97, 267, 271**
Huân tước Jim **203**
Nostromo **240**
Trò hé của Almayer 197
- Con trai và người tình (Lawrence) 192, **240**
- Cooper, James Fenimore 109
 "Chuyện về Vô Đà" 122, 150, 188
Người Mohican cuối cùng 122, **150**
Những người tiên phong 122, 188
- Corneille, Pierre 61
Le Cid **103**
Psyche 90
- Cortázar, Julio, *Lo có* 249, **274-75, 282**
- Có kim tạp 47
- Có máy thời gian (Wells) 184
- Có su (Morante) **332**
- Cởi rì: *Trương thiên về một dòng họ Mỹ* (Haley) 306, **333**
- Công nương xứ Cleves (La Fayette) **104**
- Con đời (Hamsun) **202**
- Crane, Stephen 191
Huân chương dùng cảm đó 190, **202**
- Của cải (Aristophanes) 39
- Của chuột và người (Steinbeck) **244**
- Cullen, Countee, "Bài ballad về cô gái da nâu" 235
- Cung điện thủy tinh (Ghosh) 314,
Cuộc đời của Pi (Martel) 270, **338**
Cuộc đời, vận may và tai ương của Lazarillo de Tormes 78
Cuộc hành hương (Bunyan) 330
Cuộc sống: Hướng dẫn sử dụng (Perec) **333**
Cuốn sách của nỗi băn khoăn (Pessoa) 216, **244**
Cửu đên (Balzac) 152
-
- ## DĐ
-
- "Da khúc ngày Thánh Lucy" (Donne) 91
- d'Alembert, Rond, *Encyclopédie* 61, 96
- Dahl, Roald, *Charlie và nhà máy sôcôla* 171
Danh sách của Schindler (Keneally) 311
Daniel Deronda (Eliot) **200**
 Dante Alighieri **65, 71**
 Danticat, Edwidge, *Mùa thu hoạch xuống* 306
Đạo khúc (Wordsworth) 168
 Darwin, Charles, *Nguồn gốc các loài* 156, 190
- David Copperfield (Dickens) 94, **153, 225, 226**
- Davies, Robertson, *Phi vụ thú nảm* 326
- Dân Lusiad (Camões) 62, **103**
- Dân thanh thi (Ekwensi) 266
- Defoe, Daniel, **94, 156**
Robinson Crusoe 61, **94-95, 196**
- DeLillo, Don 328, **335**
Địa ngục 296, 335
Người đang rơi 331
Tap âm trắng **335-36**
- Demirkan, Renan, *Schwarzer Tee mit drei Stuck Zucker* 324
- Desai, Kiran, *Kế thừa mất mát* 314, 317
- Dias, Gonçalves, *I-Juca-Pirama* 164
- Diaz, Junot, *Nhâm chim* 306
- Dickens, Charles 135-36, 137, **147, 157, 166, 168, 182, 185**
Ban của chúng ta 166
Chuyện hai thành phố **198**
Chuyện ông Pickwick 146, 147
David Copperfield 94, **153, 225, 226**
Dorrit bé nhỏ 109, 166
Hiệu tạp hóa cũ 146
Martin Chuzzlewit 186
Nhà Lạnh 109, 134, **146-49, 166, 195, 208**
Những kỳ vọng lớn lao **198**
Oliver Twist 134, **151**
- Dickinson, Emily 125, 131, 213
- Diderot, Denis
Encyclopédie 61, 96
Jacques nhà dinh mệnh 96, **105**

"diên ngàm" (Qur'an) 44
Điều háu trong mưa (Hughes) 277
Digenis Akritas 56
 Disraeli, Benjamin, *Sybil* 166
Diu đang la đêm (Fitzgerald) 233
 Döblin, Alfred, *Berlin Alexanderplatz* 207, 234
Don Juan (Byron) 110
Don Quixote (Cervantes) 51, 61, 67, 76-81, 274, 298, 320
Doña Barbara (Gallegos) 242
 đồng ý thúc 15, 105, 206, 216-21, 282
 Donne, John, "Da khúc ngày Thánh Lucy" 91
Dorrit bé nhỏ (Dickens) 109, 166
 Dos Passos, John, *Bò ba Hoa Kỳ* 230
 Dostoyevsky, Fyodor 174, 211
Anh em nhà Karamazov 149, 178, 200-01, 210
Chang ngọc 199
Tôi ác và hình phạt 14, 156, 172-77, 178
 Douglass, Frederick 127
Chuyện đời Frederick Douglass 109, 126-27
Dracula (Stoker) 157, 195
 Dreiser, Theodore 191
Em Carrie 203
 "Dulce et Decorum Est" (Owen) 206, 212
 Dujardin, Édouard, *Les Lauriers sont coupés* 216
 Dumas, Alexandre 123
Ba chàng linh ngạ làm 109, 122-23
Ba tuộc Monte Cristo 146, 152
 Duras, Marguerite, *Người tình* 335
 "Đuôi bông cây đoan" (Walther) 49
Đại học đương (McCarthy) 318
 "Đào" (Heaney) 277
Đảo giấu vàng (Stevenson) 201
Đảo nhỏ (Levy) 324
Đạo đức kinh (Lão Tử) 54
Đám phá và những câu chuyện khác (Frame) 286
Đất hoang (Eliot) 192, 206, 213, 216, 230, 232
Đất nước (Park) 330
Đấu trường sinh tử (Collins) 320
Đèn sáng trong thanh phố lớn (McInerney) 313
Đẹp và đáng nguyên rủa (Fitzgerald) 230
Đế quốc Mặt Trời (Ballard) 332
Đêm ở rạp xiếc (Carter) 302
Đêm thứ mười hai (Shakespeare) 84, 85, 87, 88, 89
Đến ngọn hải đăng (Woolf) 216, 217
Đi (Holmes) 264
Đi tìm thời gian đã mất (Proust) 216, 240-41
Đi trong đêm tối (Naoya) 209
Địa đàng đã mất (Milton) 62, 103, 144
Địa ngục (DeLillo) 296, 335
Điều nháy của rừng (Soyinka) 266
Đỉnh Gio Hù (Bronte) 69, 109, 128, 132, 134-37, 192, 271

Đỏ và đen (Stendhal) 150-51, 160, 174
Đỏ Phù 19, 46
Đội quân bóng đêm (Mailer) 291
Đôi la giấc mộng (Calderón de la Barca) 78
Đời nhe khôn kham (Kundera) 334
Đôi chó Godot (Beckett) 210, 248, 262
Đôi chó một thiên thần (Habiba) 266
Đứa con của cát (Ben Jelloun) 223
Đường đến Ấn Độ (Forster) 196, 241-42
Đường thi tam bách thủ 46

E

Eça de Queirós 202
Nha Maia 202
Edda văn xuôi (Sturluson) 52
Eddur 52
 Edgeworth, Maria, *Lâu đài Rackrent* 122
Effi Briest (Fontane) 202
 Ekwensi, Cyprian, *Dân thành thị* 266
 Eliot, George 109, 183
Daniel Deronda 200
Lo xay bên sông Floss 128
Middlemarch 130-31, 156, 174, 182-83
 Eliot, T. S. 65
 "Tình khúc của J. Alfred Prufrock" 213
Đất hoang 192, 206, 213, 216, 230, 232
 Ellis, Bret Easton, *Tam thần kiêu Mỹ* 261, 270, 313
 Ellison, Ralph 249
Người vô hình 145, 259, 306, 309
Em Carrie (Dreiser) 203
 Emerson, Ralph Waldo 13, 108-09, 125
Encyclopédie (d'Alembert/Diderot) 61, 96
 Enheduanna 20
 Ennius, Quintus, *Annals* 40
Ethan Frome (Wharton) 240
Eugene Onegin (Pushkin) 109, 124
 Eugenides, Jeffrey, *Xù nữ tu tử* 328
 Euripides 18, 37

F

Faulkner, William 243
Faust (Goethe) 98, 108, 109, 112-15
 Fernando de Rojas, *La Celestina* 78
Ficciones (Borges) 245, 282, 298, 299
 Fielding, Henry 61, 81, 156
 Findley, Timothy, *Kẻ điên loạn cười cùng* 326
Finnegans Wake (Joyce) 206, 216
 First Folio (Shakespeare) 14, 61, 82-89

Fitzgerald, F. Scott 230, 256, 319
 "Bernice cắt tóc tèm" 230
Bên đây thiên đàng 230
Diu đang la đêm 233
Đẹp và đáng nguyên rủa 230
Gatsby vi đại 145, 207, 228-33
 Flaubert, Gustave 14, 160
Ba Bovary 81, 146, 156, 158-63, 190
Cam đồ của Thanh Anthony 161
Giao dục tình cảm 163, 199, 225
 Fontane, Theodore, *Effi Briest* 202
 Forster, E. M., *Đường đến Ấn Độ* 196, 241-42
 Fowles, John, *Người phụ nữ của trung úy Pháp* 291
 Frame, Janet, *Đám phá và những câu chuyện khác* 286
Frankenstein (Shelley) 108, 120-21, 184, 192
 Franzen, Jonathan 329
Hàn gán 182, 295, 328-29, 331
Vùng sóng gió 329
 Fuentes, Carlos, *Cái chết của Artemio Cruz* 282, 289-90
 Fujiwara no Shunzei, *Thiên tái tập* ("ghi chép nghìn năm") 47
 Fuller, Margaret 125

G

Gabriel-Joseph de La Vergne, bá tuộc xứ Guilleragues, *Thư của một bà phuộc Bồ Đào Nha* 100
 Gaddis, William, *Thừa nhân* 328
 Galgut, Damon, *Luong y* 322
 Galland, Antoine 45
 Gallegos, Rómulo, *Doña Barbara* 242
Gao thét (Lò) 207, 222
 Garcia Márquez, Gabriel 15, 284, 287
Tình yêu thời thổ tả 335
Trăm năm cô đơn 249, 280-85, 302
Tương quân giữa mê hồn trận 122
 Garcilaso Inca de la Vega 78, 164
Gargantua và Pantagruel (Rabelais) 60, 61, 72-73, 260
 Gaskell, Elizabeth 153
Gatsby vi đại (Fitzgerald) 145, 207, 228-33
 Gautier, Théophile, *Men góm và đá chạm* 165
Gấp đôi mức bồi thường (Cain) 236
 Genet, Jean, *Les Nègres* 262
 Ghosh, Amitav, *Cung điện thủy tinh* 314, 317
 Gia (Ba) 222
Gia đình Buddenbrook (Mann) 194, 227
Gia đình Robinson Thụy Sĩ (Wyss) 168
Giao dục tình cảm (Flaubert) 163, 199, 225
Giấc mộng đêm hè (Shakespeare) 85, 87, 88-89
 "Giấc mơ của thánh giá" 42

Giấc ngủ dài (Chandler) 207, 236-37
 "Giấy dán tường vàng" (Gilman) 128, 131
 Gibran, Khalil, *Nhà tiên tri* 223
 Gibson, William, *Neuromancer* 334-35
 Gide, André, *Bon làm bạc giá* 242
Giết con chim nhai (Lee) 249, 271, 272-73
 Gilbert, Sandra M., *Người đàn bà diên trên tầng áp mái* 131
 Gilman, Charlotte Perkins, "Giấy dán tường vàng" 128, 131
 Ginsberg, Allen 265
Tiếng hú và những bài thơ khác 248, 261, 264, 288
Giông tố (Shakespeare) 84, 87, 88, 89, 196, 243
 Gissing, George, *Phó Grub mới* 190
Giữa lòng nhuộm đỏ (Mda) 322
Giữa lòng tam tối (Conrad) 157, 196-97, 267, 271
 Glenarvon (Lamb) 185
 Godwin, William, *Những cuộc phiêu lưu của Caleb Williams* 166
 Goethe, Johann Wolfgang von 99, 115, 183
Faust 98, 108, 109, 112-15
Nói đầu của chàng Werther 98, 105, 256
Wilhelm Meister học nghề 224-25
 Gogol, Nikolai 152
Những buổi tối ở trang trại gán
Dikanka 178
Những linh hồn chết 152
 Golding, William 287
Chùa Ruồi 287
 Goldsmith, Oliver 90
 Goodison, Lorna, *Tập thơ Voi chung tôi, mọi loài hoa đều là hoa hồng* 312
 Gordimer, Nadine 322
Người của July 261
 Grass, Günter 271
Cái trống thiếc 249, 270-71, 302
 Grimm, Jacob and Wilhelm 117
Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình 45, 108, 116-17, 168-69
 Gubar, Susan, *Người đàn bà diên trên tầng áp mái* 131
 Guillaume de Lorris, *Chuyện tình đóa hồng* 57
 Guimarães Rosa, João, *Trám néo miền hoang* 288
Gulliver du ký (Swift) 61, 94, 95, 104, 270, 320
Gustavus Vassa người Phi châu 126

H

Habiba, Helon, *Đôi chó một thiên thần* 266
Hai vạn dặm dưới biển (Verne) 184

hài đen kiểu Mỹ 276
 hài kịch châm biếm xa hội 13, 61, 90
Hài kịch nhảm lẩn (Shakespeare) 88, 89
 haiku và haibun 92, 209
 Haley, Alex 307
 Còi rế: Trường thiên về một dòng họ Mỹ 306, 333
 Hamid, Mohsin, *Người chinh thống bất đắc dĩ* 331, 339
Hamlet (Shakespeare) 85, 87, 88, 144, 174, 220
 Hammett, Dashiell
 Chim ưng Malta 236
 Mùa gặt đỏ 236
 Hamsun, Knut, *Con đoi* 202
Hàn gán (Franzen) 182, 295, 328–29, 331
 Hàn Thiếu Công, *Tu điển Mã Kiếu* 310
Hành khúc Radetzky (Roth) 238
Hành trình đến tận cùng đêm tối (Celine) 243
Hành trình vào tâm Trái Đất (Verne) 184
 Hardy, Thomas 193
 Jude – Kề vô danh 202
 Nàng Tess nhà d'Urberville 157, 192–93
 Xa đăm đông điện loan 190, 200
Harmonium (Stevens) 213
Harry Potter (Rowling) 170, 261
 Hawthorne, Nathaniel 141
 Chữ A màu đỏ 140, 153
 Ngôi nhà bảy đầu hồi 140
Hãy đi đất người canh gác (Lee) 273
Hãy đi mà kể trên núi (Baldwin) 259, 306
 Heaney, Seamus
 Cái chết của một nhà tự nhiên học 277
 "Đào" 277
Heidi (Spyri) 169
 Heine, Heinrich, *Sách những bài ca* 111
 Heller, Joseph, *Bảy-22* 249, 276
 Hemingway, Ernest 188–89, 286
 Mát Trời vãn mọc 186, 230, 264, 286
 Ông già và biển cả 287
Henry IV (Shakespeare) 75, 88, 89
 Herbert, George, "Thống khổ" 91
 Herder, Gottfried 112, 113
 Hernandez, José, *Cao bói Martin Fierro* 199
 Herrick, Robert, *Hesperides* 91
 Hesiod, *Thần hệ* 28, 54
Hesperides (Herrick) 91
 Hesse, Hermann 234
 Siddhartha 241
Hiệu tap hoa cũ (Dickens) 146
Hildebrandslied 56
 Hilsenrath, Edgar, *Tên quốc xa và người thơ cao* 258
 Hộ hàng (Butler) 126
Hoa anh túc và kỳ ức (Celan) 238, 258
Hoa but tim (Adichie) 269, 339
Hóa thân (Kafka) 206, 210–11, 234

Hoàng thân xứ Homburg (von Kleist) 111
Hoàng tử bé (Saint-Exupéry) 207, 238–39
 Hoffmann, E. T. A. 109
 "Người Cát" 111, 120
 Nachtstücke 111, 120
 Holmes, John Clellon, *Đi* 264
 Holocaust 258
 Homer 28
 Iliad 18, 26–33, 41, 54, 62, 294, 312
 Odyssey 18, 28, 33, 41, 54, 62, 220–21, 312
 Horace 28, 40, 74
 Hosseini, Khaled, *Người đưa diều* 338
 Holderlin, Friedrich, *Hyperion* 111
Hội chợ Phù Hoa (Thackeray) 118, 153
Hồng lâu mộng (Tào) 66
Huân chương dưng cảm đó (Crane) 190, 202
Huân tước Jim (Conrad) 203
 Hughes, Langston, *Lời sồng người da trắng* 235
 Hughes, Ted
 Diều hầu trong mưa 277
 Qua 291
 Hughes, Thomas, *Những ngày đi học của Tom Brown* 169
 Hugo, Victor 122, 157, 167, 181, 182
 Những người khôn khéo 156, 166–67, 182
 Hurston, Zora Neale, *Mắt họ đang nhìn Chúa* 207, 235
 Hussein, Taha, *Con người và chương* 223
 Huxley, Aldous, *Thế giới mới tươi đẹp* 243, 252, 261
 Huysmans, Joris-Karl, *Chống lại tự nhiên* 194
 Hwang Sok-yong
 Cái bóng của vũ khí 330
 Vì khách 295, 330
Hyperion (Holderlin) 111

IJ

I-Juca-Pirama (Dias) 164
 Ibsen, Henrik 200
 Nhà búp bê 200
Iliad (Homer) 18, 26–33, 41, 54, 62, 294, 312
 Imuzo, Takedo, *Chūshingura* 93
 Ionesco, Eugène, *Rhinocéros* 262
 Irving, Washington, *Số tay* 150
 Issa, Kobayashi, *Mùa xuân của đời tôi* 92
Ivanhoe (Scott) 122, 150
 Jacobs, Harriet 109
 Những sự kiện trong đời một cô gái nô lệ 126
Jacques nhà định mệnh (Diderot) 96, 105
 James, Henry 177, 183, 187, 216

Chân dung một quý cô 157, 174, 186–87
Chuyện ma ám ở trang viên Bly 203, 271
Jane Eyre (Bronte) 109, 118, 128–31, 137
 Jean de Meun, *Chuyện tình đoá hồng* 57
 Jewett, Sarah Orne, *Xứ sở linh sam* 188
Jim tốt số (Amis) 318
 Johannes von Tepl, *Thơ cay xứ Bohemia* 72
 Johnson, Samuel 91
 Jonson, Ben 61, 84
 Nhà giả kim 75
 Những tác phẩm 84, 85–86
 Joyce, James 216
 Chân dung chàng nghệ sĩ 217, 225, 241, 256
 Finnegans Wake 206, 216
 Người Dublin 216
 Ulysses 206, 214–21, 241, 260
Jude – Kề vô danh (Hardy) 202
Julie, hay nàng Heloise mới (Rousseau) 100
Julius Caesar (Shakespeare) 86, 88, 89

K

Kafka bên bờ biển (Murakami) 302, 319
 Kafka, Franz 211
 Hóa thân 206, 210–11, 234
 Lâu đài 211
 Thu gửi bố 211
 Vu an 211, 242
Kalevala (Lönnrot) 116, 151
 Kalidasa 19
Karlamagnus saga 48
 Katai, Tayama, *Tám đêm* 209
 Kawabata, Yasunari, *Xứ tuyết* 286
Kẻ điên loạn cuối cùng (Findley) 326
Kẻ nghiên rượu co (Tutuola) 266
Kẻ xa lạ (Camus) 210, 245, 262
 Keats, John 256
 Keller, Gottfried, *Câu Heinrich xanh* 224
 Kemal, Yasar 288
 Keneally, Thomas, *Danh sách của Schindler* 311
 Kerouac, Jack 265
 Trên đường 185, 248, 264–65
 Kesey, Ken, *Bay trên tổ chim cúc cu* 271, 289
Kẻ thừa mất mát (Desai) 314, 317
Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu (Paton) 286, 320
 khởi sinh tuổi ấu thơ 168–71
Khu rừng (Sinclair) 166
 Khuất Nguyễn, *Số Từ* 46, 55
Khúc hát Solomon (Morrison) 307, 309

Khung rạo giêng (Izutsu) (Zeami Motokiyo) 102
 kịch Hy Lạp cổ điển 18–19, 34–39
 kịch phi lý 262
Kiều hành và dinh kiến (Austen) 12, 108, 118–19
Kim Bình Mai 66
Kim Cúc Tự (Mishima) 263
Kim tích truyện 47
 King, Thomas, *Cỏ xanh, nước chảy* 337
 Kingsley, Charles, *Những em bé nước* 168
Kinh Dịch 18, 21
Kinh Kim Cuong 19
 kinh Purana (văn bản Hindu giáo) 22
 Kinh Qur'an ("Diễn ngâm") 44
 Kinh Thánh Geneva 84
Kinh Thi 46
 kinh Vệ Đà 20, 22–23
 Kipling, Rudyard 196
 Chuyện rừng xanh 157, 168, 202
Kitchen (Yashimoto) 319
 Kivi, Aleksis, *Bảy anh em* 199
 Klinger, Friedrich Maximilian von, *Sturm und Drang* 98
 Kundera, Milan 334
 Đoi nhe khôn kham 334
 Kỳ thù (Zweig) 238
 Kỳ lục *Bartleby* (Melville) 140
 Kyd, Thomas, *Bi kịch Tây Ban Nha* 75

L

L'homme rapaillé (Miron) 332
La Celestina (Fernando de Rojas) 78
 La Fayette, Madame de, *Công nương xứ Cleves* 104
 la Fontaine, Jean de, *Ngu ngôn* 90
La Jalousie (Robbe-Grillet) 288–89
 La Quán Trung 66
 Tam quốc diễn nghĩa 60, 66–67
La Regenta (Alas) 201
Lá cỏ (Whitman) 109, 125
Lá thu miền man (Bà) 334
 Laclot, Pierre Choderlos de 101
 Lahiri, Jhumpa 317, 338
 Lamb, Lady Caroline, *Glenarvon* 185
 Lamming, George *Lâu đài của lối người này* 312
Lancelot, hiệp sĩ trên xe kéo (Chrétien de Troyes) 19, 50–51
 Lancelot-Grail (Vulgate Cycle) 50
Lao Goriot (Balzac) 151
 Lão Tử, *Đạo Đức kinh* 54
 Larkin, Philip, *Những đám cưới dịp lễ Ha trăn* 277
 Lawrence, D. H. 241
 Con trai và người tình 192, 240
 Người tình phu nhân Chatterley 260
Lazarillo de Tormes 78
Lâu đài (Kafka) 211

Lâu đài của lối người nay
(Lamming) 312
Lâu đài noi vắn số gặp gỡ (Calvino)
274
Lâu đài Rackrent (Edgeworth) 122
Lâu đài xứ Otranto (Walpole) 120
Le Cid (Corneille) 103
Le Morte d'Arthur (Malory) 50,
51, 102
Lee, Harper 273, 278
Đi dạt người canh gác 273
Giết con chim nhại 249, 271, 272-73
Lermontov, Mikhail 108
Một anh hùng thời đại 124, 151-52
Leroux, Gaston, Bong ma nhà hát
lớn 195
Les Amours de Cassandre (Ronsard)
74
Les Fleurs du mal (Baudelaire) 165
Les Lauriers sont coupés (Dujardin)
216
Les Liaisons dangereuses (Laclos)
13, 100-01
Les Nègres (Genet) 262
Lessing, Gotthold Ephraim, Nathan
thông thái 96
Levi, Primo, Có được là người 258
Levy, Andrea, Đảo nhỏ 324
Lewis, C. S., bộ truyện Narnia 171
Lewis, Matthew, Tu si 120
Lịch sử bí mật (Tartt) 318
Lịch sử văn vật về su tai tiếng
(Borges) 302
Liên minh lũ đàn (Toole) 272
Lo co (Cortázar) 249, 274-75, 282
Lo sát sinh số 5 (Vonnegut) 276, 291
Lo xây bên sông Floss (Eliot) 128
Lolita (Nabokov) 186, 248, 260-61, 270
London, Jack 191
Tiếng gọi của hoang dã 240
Lope de Vega, Những quy tắc mới
trong soạn kịch vào thời nay 78
Lönrot, Elias, Kalevala 116, 151
Lỗ Tấn
Chuyện cũ viết lại 222
Gao thét 207, 222
Lối lên miền Oku (Bashō) 61, 92
Lối sống người da trắng (Hughes) 235
Lời tu thù của Claude (Zola) 191
Lúa mạch kẹp giấm bóng
(Bukowski) 256
Lửa trên đồng (Ođka) 263
Lửa vùi hu vinh (Wolfe) 149
Luong y (Galgut) 322
Lý Bạch 19, 46

M

Maalouf, Amin, Tàng đá của Tanios
337
Mabinogion 56, 116
Mac Ngón, Cao lương đỏ 310
Macbeth (Shakespeare) 85, 87,
88, 144

Magalhães, Gonçalves de, A
Confederação dos Tamoios 164
Mahabharata (Vyasa) 13, 18, 22-25,
28
Mahfouz, Naguib, Bỏ ba Cairo 223
Mailer, Norman 291
Mallarmé, Stéphane 157
"Buổi chiều của một thân đồng
nôi" 165
Malory, Sir Thomas, Le Morte
d'Arthur 50, 51, 102
Mann, Thomas 227
Chết ở Venice 194, 207, 224-25, 240
Gia đình Buddenbrook 194, 227
Núi thần 206-07, 224-27
Marguerite de Navarre, Bảy ngày 68
Marlowe, Christopher 61, 89, 114
Martel, Yann, Cuộc đời của Pi 270, 338
Martin Chuzzlewit (Dickens) 186
Marvell, Andrew, Nhung văn thơ
đa tạp 91
Mary Barton (Gaskell) 153, 166
Mau lạnh (Capote) 249, 273, 278-79
Maupassant, Guy de, Anh bạn điển
traí 160
Mắt biếc (Morrison) 307, 309
Mắt họ đang nhìn Chúa (Hurston)
207, 235
Mắt Trôi vắn móc (Hemingway) 186,
230, 264, 286
Mắt mờ Da Vinci (Brown) 261
McCabe, Patrick, Cầu đá té 313
McCarthy, Mary, Đại học đương 318
McCullers, Carson, Trai tìm la người
tho sản đơn độc 272
McEwan, Ian 331
McInerney, Jay, Đèn sáng trong
thành phố lớn 313
Mda, Zakes, Giữa lòng nhuộm đỏ 322
Mẹ Can Đam và bảy con (Brecht)
238, 244-45
Medea (Euripides) 55
Melville, Herman 140
Ký lục Bartleby 140
Moby-Dick 109, 138-45, 296
Memed, cánh ung của tôi (Kemal) 288
Men gôm và da chàm (Gautier) 165
Mia (Toomer) 235
Middlemarch (Eliot) 130-31, 156,
174, 182-83
Miller, Henry, Chi tuyến Cu giải
243, 260
Milton, John 61, 103
Địa đàng đã mất 62, 103, 144
Miron, Gaston, L'homme rapaillé 332
Mishima, Yukio, Kim Các Tu 263
Mitchell, David, Bàn đồ máy 68
Moby-Dick (Melville) 109, 138-45, 296
Moe, Jørgen, Truyện dân gian Na
Uy 116
Molière 13, 61
Psyche 90
Montalvo, Garci Rodriguez de,
Amadis xứ Gaul 102-03
Montesquieu, Nhung lá thu Ba
Tu 96

Monzaemon, Chikamatsu, Tu sát vi
tinh ở Sonezaki 93
Morante, Elsa, Cô sự 332
More, Thomas, Utopia 252
Morrison, Toni 295, 309
Khúc ca Solomon 307, 309
Mắt biếc 307, 309
Sula 307
Yêu dấu 145, 294, 306-09
Moses đi lên (Selvon) 324
Một anh hùng thời đại (Lermontov)
124, 151-52
Một chín tám tu (Orwell) 248,
250-55, 261
Một mùa địa ngục (Rimbaud) 165, 199
Một ngày trong đời của Ivan
Denisovich (Solzhenitsyn) 289
Mù loa (Saramago) 295, 320-21
Mùa gặt đỏ (Hammett) 236
Mùa thu hoạch xương (Danticat) 306
Mùa trăng khô cạn (Brink) 333-34
Mùa xuân của đời tôi (Issa) 92
Mùi hương (Suskind) 227
Munro, Alice 337
Quả đời hạnh phúc 326
Tuyển tập truyện ngắn 337
Vũ điệu của những sắc thái hạnh
phúc 337
Murakami, Haruki
Biên niên kỳ chim vắn dây cọt 319
Kaika bên bờ biển 302, 319
Rung Na Uy 319
Murakami, Ryu, Trong súp miso 319
Murasaki Shikibu, Truyện kể Genji
19, 47, 61, 174
Musäus, Johann Karl August 116
Musil, Robert, Người không phẩm
chất 234, 243
Muội hai năm nó lệ (Northrup) 126
Muội ngay (Boccaccio) 60, 68, 72, 102

N

Nabokov, Vladimir 261
Lolita 186, 248, 260-61, 270
Nachtstücke (Hoffmann) 111, 120
Naevius, Gnaeus 40
Naipaul, V. S. 294
Căn nhà cho ông Biswas 289
Nàng Tess nhà d'Urberville (Hardy)
157, 192-93
Nàng vũ công (Ōgai) 209
Naoya, Shiga, Đi trong đêm tôi 209
Narayan, R. K. 314
Nathan thông thái (Lessing) 96
Này máu (Zola) 157, 163, 166, 190-91
Năm tuần trên khi cầu (Verne) 184
Neuromancer (Gibson) 334-35
Nếu một đêm đồng có người lữ
khách (Calvino) 69, 294, 298-99
Ngài tổng thống (Asturias) 282
Ngày châu châu (West) 276
Nghệ nhân và Margarita (Bulgakov)
290
Nghin lê một đêm 14, 19, 44-45, 68
Ngò Thừa Ân, Tây du kỳ 66
Ngôi nhà bảy đầu hói (Hawthorne)
140
Ngôi nhà của những hôn ma
(Allende) 302, 334
Ngôi nhà vui vẻ (Wharton) 118
Ngũ kinh 18, 21
Ngu ngôn (La Fontaine) 90
ngu ngôn châm biếm 295, 320-21
Ngugi wa Thiong'o, Phù thủy qua 339
Nguồn gốc các loài (Darwin) 156, 190
"Người Cát" (Hoffmann) 111, 120
"Người chết" (Brooke) 212
Người chinh thống bất đắc dĩ (Hamid)
331, 339
Người của July (Gordimer) 261
người dân chuyện không đang tin
270-71
Người Dublin (Joyce) 216
Người đàn bà diên trên tảng ap mai
(Gilbert and Gubar) 131
Người đàn bà trong cơn cát (Abe) 263
Người đang rơi (DeLillo) 331
Người đưa diều (Hosseini) 338
Người đưa thư luôn nhân chứng
hai lần (Cain) 236
Người Guarani (Alencar) 164
người kể chuyện toàn tri 182-83
Người không phẩm chất (Musil)
234, 243
Người Mohican cuối cùng (Cooper)
122, 150
Người phiên dịch bệnh (Lahiri) 338
Người phụ nữ ăn được (Atwood) 327
Người phụ nữ của trung úy Pháp
(Fowles) 291
Người tình (Duras) 335
Người tình phu nhân Chatterley
(Lawrence) 260
Người trong nhà (Pinter) 262
Người vô hình (Ellison) 145, 259,
306, 309
Nhà búp bê (Ibsen) 200
Nhà Chouan (Balzac) 122, 151
Nhà giả kim (Jonson) 75
Nhà Lanh (Dickens) 109, 134, 146-
49, 166, 195, 208
Nhà Maia (Eça de Queiros) 202
Nhà tiên tri (Gibran) 223
nhân cách hóa ngoại cảnh 192-93
nhân vật "đôi thừa" 108, 124
Nhấn chìm (Diaz) 306
Nhật ký đôi thừa (Turgenev) 124
Nho giáo 18, 21
nhóm Oulipo 299, 333
Những buổi tối ở trang trại gần
Dikana (Gogol) 178
Những câu chuyện của ông Belkin
(Pushkin) 178
Những chuyến lang thang của
Franz Sternbald (Tieck) 224
Những cuộc phiêu lưu của Caleb
Williams (Godwin) 166

Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn (Twain) 145, 157, **188–89**, 270

Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio (Collodi) 168

Những đám cưới dịp lễ Hạ trăn (Larkin) 277

Những đám mây (Aristophanes) 36

Những dịch thù (Quinault) 90

Những đứa con của nửa đêm (Rushdie) 227, 271, 294, **300–05**, 314, 315

Những em bé nước (Kingsley) 168

Những khúc ballad trữ tình (Wordsworth/Coleridge) 108, **110**

Những khúc ca (Ronsard) 74

Những khúc ca về sự ngây thơ và sự tung trái (Blake) **105**, 110

Những kỳ vọng lớn lao (Dickens) **198**

Những lá thư Ba Tu (Montesquieu) 96

Những linh hồn chết (Gogol) **152**

Những mô phỏng, bài học và cách ngôn (Baif) 74

Người mộng du (Broch) 234

Những ngày đi học của Tom Brown (Hughes) 169

Những người khôn khéo (Hugo) 156, **166–67**, 182

Những người phụ nữ bé nhỏ (Alcott) 169, **199**

Những người tiên phong (Cooper) 122, 188

Những nhà thơ Lãng mạn Anh quốc **110**

những nhà thơ Siêu hình **91**

những nhà văn lưu vong **238–39**

những triết gia **96–97**

Những quy tắc mới trong soạn kịch vào thời này (Lope de Vega) 78

Những sự kiện trong đời một cô gái nô lệ (Jacobs) 126

Những tác phẩm (Jonson) 84, 85–86

Những tên cướp (Schiller) 61, **98–99**

Những tiếng nói khác, những can phong khác (Capote) 279

Những văn thơ (Owen) 206, 207, **212**

Những văn thơ của quỷ Satan (Rushdie) 260, 261, 302, **336**

Những văn thơ đa tạp (Marvell) **91**

Nibelungenlied 57

Nietzsche, Friedrich, *Zarathustra đã nói như thế* 210

Northup, Solomon 109

Muoi hai năm nô lệ 126

Nostramo (Conrad) **240**

Nói đau của chàng Werther (Goethe) 98, **105**, 256

Nội nước can Đồi-Chim-Boi (O'Brien) 274

Núi thần (Mann) 206–07, **224–27**

Nữ công tước Malfi (Webster) 75

Nữ hoàng tiên (Spenser) 63, **103**

nữ quyền thời Victoria **128–31**

Nửa mặt trời vàng (Adichie) 266, **339**

nước Mỹ hậu 11 tháng 9 **331**

O

O'Brien, Flann, *Nội nước can Đồi-Chim-Boi* 274

Odyssey (Homer) 18, 33, 38, 41, **54**, 62, 220–21, 312

Okri, Ben, *Con đường đời khó* 269

Oliver Twist (Dickens) 134, **151**

Omeros (Walcott) 294, **312**

Ondaatje, Michael

Bệnh nhân người Anh **336**

Trong lối su tử 324

Ong bô vè (Aristophanes) 55

Oresteia (Aeschylus) **54**

Orlando Furioso (Ariosto) 63

Orwell, George **252**

Một chín tám tu 248, **250–55**, 261

Trai súc vật **245**, 248, 252, 253, 320

Oscar và Lucinda (Carey) **311**

Ovid 28, 71

Ars Amatoria (Nghệ thuật ái tình) 57

Biển thế 40, 55, 84

Owen, Wilfred

"Dulce et Decorum Est" 206, **212**

Những văn thơ 206, 207, **212**

"Ozymandias" (Shelley) 110

Ōgai, Mori, *Nàng vũ công* 209

Ōoka, Shōhei, *Lửa trên đống* 263

Ông già và biển cả (Hemingway) **287**

P

Palahniuk, Chuck, *San đầu* 313

Pamela (Richardson) 94, 100, 104, 118, 174, 216

Pamuk, Orhan, *Tên tôi là đó* **338**

Park Kyong-ni, *Đất nước* 330

Paroles (Prévert) **286**

Pasternak, Boris, *Bác sĩ Zhivago* **288**

Paton, Alan, *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* **286**, 322

Pedro Paramo (Rulfo) **287–88**

Perdita (Scharper) 326

Perec, Georges, *Cuộc sống: Hương dẫn sử dụng* **333**

Perrault, Charles

"Cendrillon" 117

Chuyện Mẹ Ngông 116

Pessoa, Fernando, *Cuốn sách của nỗi băn khoăn* 216, **244**

Peter Pan (Barrie) 169

Petrarch 72, 74

Phả giới (Shimazaki) 209

phản tiểu thuyết 249, **274–75**

Phân xét sẽ bị phân xét (Shakespeare) 87, 88

Phêre (Racine) 90, **103–04**

Phi vụ thu nam (Davies) 326

phong trào *tám cán* **310**

phong trào dân quyền 235, **259**, 272, 273, 295, 306, 309

phong trào Sturm und Drang 14, **98–99**, 105, 108, 113

phong trào văn học Négritude 196

Phố Grub mới (Gissing) 190

Phù thủy qua (Ngugi wa Thiong'o) **339**

Phục hưng Harlem **235**

"Pierre Menard, tác giả Quixote" (Borges) 81

Pinter, Harold, *Người trông nhà* 262

Plath, Sylvia

Ariel 277

Quả chuông ác mộng 185, 256, **290**

Poe, Edgar Allan 109, 134, 141, 207, 327

An mạng trên phố Morgue 208

Chuyện kể kinh dị và huyền hoặc **152**

"Con qua" 140

Pound, Ezra 206, 216, 230

Cantos 213

Prévert, Jacques, *Paroles* **286**

Proust, Marcel 216

Đi tìm thời gian đã mất 216, **240–41**

Psyché (Molière/Corneille/Quinault) 90

Pushkin, Alexander 108

Eugene Onegin 109, **124**

Những câu chuyện của ông Belkin 178

Pynchon, Thomas **296**

Câu vóng của trong lúc 294, 295, **296–97**

Tiếng gọi của lò 49 276, **290**, 296

Tối tàn 296, 331

V. 296

QR

Quả chuông ác mộng (Plath) 185, 256, **290**

Quả ngọt thất lạc của tình yêu (Shakespeare) 87, 88

Quả đời hạnh phúc (Munro) 326

Qua (Hughes) **291**

Quán rượu (Zola) 166

Quê hương tan rã (Achebe) 248, **266–69**

Quinault, Philippe

Psyché 90

Những dịch thù 90

Rabelais, François **73**, 218

Gargantua và Pantagruel 60, 61, **72–73**, 260

Racine, Jean 61

Phêre 90, **103–04**

Radcliffe, Ann, *Bi án lâu đài Udolpho* 120

Ramayana (Valmiki) 18, 22, 23, 25, 55

Rand, Ayn, *Suối nguồn* **245**

Ráng trắng (Smith) 295, **324–25**

René (Chateaubriand) **150**

Rhinoceros (Ionesco) 262

Rhys, Jean, *Biển Sargasso rộng lớn* 131, **290**

Richard III (Shakespeare) 86, 88, **89**

Richardson, John, *Wacousta* 326

Richardson, Samuel **104**

Clarissa 100, **104**

Pamela 94, 100, 104, 118, 174, 216

Rimbaud, Arthur, *Một mùa địa ngục* 165, **199–200**

Rob Roy (Scott) 122

Robbe-Grillet, Alain, *La Jalousie* **288–89**

Robinson Crusoe (Defoe) 61, **94–95**, 196

roman a clef **185**

Ronsard, Pierre de

Les Amours de Cassandre **74**

Những khúc ca 74

Sonnet cho Hélène 74

Rossetti, Christina 131

Roth, Joseph, *Hành khúc Radetzky* 238

Roth, Philip 328

Tam biệt, Columbus 276

Vết nhỏ của người 318

Rousseau, Jean-Jacques 96

Bản vẽ nghệ thuật và khoa học 98

Emile 168

Julie, hay nàng Heloise mới 100

Rowe, Nicholas, *Shakespeare toan tập* 84

Rowling, J. K., loạt truyện *Harry Potter* **170**, 261

Roy, Arundhati, *Chùa trời của những chuyện vụn vặt* 314, 317

Rulfo, Juan, *Pedro Paramo* **287–88**

Ruồng bọ (Coetzee) 295, **322–23**

Rushdie, Salman 294, **302**, 317, 325

Những đứa con của nửa đêm 227, 271, 294, **300–05**, 314, 315

Những văn thơ của quỷ Satan 260, 261, 302, **336**

Ruskin, John 137, 171, 192

Rừng Na Uy (Murakami) 319

S

sách bị cấm 243, **260–61**, 322

Sach Exeter 42

Sách gói đầu (Sei Shōnagon) 19, 47, **56**

Sách những bài ca (Heine) 111

Sachs, Nelly, "Tai những nơi cu ngu của cái chết" 258

Safran Foer, Jonathan, *Vô cùng vàng đời và kẻ cận lạ thương* 295, **331**

saga Bắc Âu **52–53**

saga Iceland 19, **52–53**

Saga về Njal **52–53**

- Saint-Exupéry, Antoine de **239**
Sakurajima (Umezaki) 263
 Salinger, J. D. **257**
Bát trẻ đồng xanh 248, **256–57**, 271, 328
San đầu (Palahniuk) 313
 Saramago, José 287, 295, **321**
Mù loa 295, **320–21**
 Sartre, Jean-Paul 177, 211, 248, 274
Buồn nòn 210, **244**
 Sassoon, Siegfried 212
Sắc tia (Walker) 306
 sân khấu Jacobethan **75**
 sân khấu Kabuki và Bunraku **93**
 Scharper, Hilary, *Perdita* 326
 Schiller, Friedrich **99**, 112, 112–13, 115
Những tên cướp 61, **98–99**
Wallenstein 112
 Schnitzler, Arthur, *Câu chuyện giấc mơ* 194
 Schreiner, Olive, *Câu chuyện một nông trai châu Phi* **201**, 322
Schwarzer Tee mit drei Stuck Zucker (Demirkan) 324
 Scott, Sir Walter 53, 109, **150**, 162
Ivanhoe 122, **150**
Rob Roy 122
Waverley 122, 150
 Scudéry, Madeleine de, *Clelia* 185
 Sebald, W. G., *Austerlitz* **338**
 Sei Shōnagon **56**
Sách gói đầu 19, 47, **56**
 Selvon, Sam, *Moses đi lên* 324
 Senghor, L-S 196
 Seth, Vikram 294, **315**
Chàng trai thích hop 295, **314–17**
 Shakespeare, William **82–89**, 125
Antony và Cleopatra 87, 89
First Folio 14, 61, **82–89**
Giấc mộng đêm hè 85, 87, **88–89**
Giông tố 84, 87, 88, 89, 196, 243
Hai kịch nhảm lần 88, 89
Hamlet 85, 87, **88**, 144, 174, 220
Henry IV 75, 88, 89
Julius Caesar 86, 88, 89
Macbeth 85, 87, 88, 144
 những mô tip thường xuất hiện **88**
Phân xét sẽ bị phân xét 87, 88
Quả ngọt thất lạc của tình yêu 87, 88
Richard III 86, 88, **89**
 tranh cãi về quyền tác giả 89
Vua Lear **88**, 144
Xin như ý ban 85, 88, 89
 Shelley, Mary **121**, 131
Frankenstein 108, **120–21**, 184, 192
 Shelley, Percy Bysshe 120, 121
 Sheridan, Richard Brinsley 90
 Shika, Masaoka 92
 Shimazaki, Tōson, *Pha giới* 209
 Shoraku, Miyoshi, *Chūshingura* 93
 Shriver, Lionel, *Ta cần nói chuyện về Kevin* 328
Siddhartha (Hesse) **241**
 siêu hu câu 295, **298–99**, 302–03
 Sinclair, Upton 191
Khu rừng 166
Sir Gawain và Hiệp Sĩ Xanh 71, **102**
 Smith, Zadie **325**
Ràng trắng 295, **324–25**
 Solzhenitsyn, Aleksandr, *Một ngày trong đời của Ivan Denisovich* **289**
Sonnet cho Helene (Ronsard) 74
 Sophocles 18, **36**
Vua Oedipus **34–39**
 Sosuke, Namiki, *Chūshingura* 93
 Soyinka, Wole, *Điều nhảy của rừng* 266
 Sōseki, Natsume, *Tôi là con mèo* **209**
Số tay của quý ông Geoffrey Crayon (Irving) **150**
Số từ (Khuất Nguyễn) 46, **55**
Sợ hãi và kinh tởm ở Las Vegas (Thompson) **332**
 Spenser, Edmund 61
Nữ hoàng tiên 63, **103**
 Spyri, Johanna, *Heidi* 169
 Stein, Gertrude 230
 Steinbeck, John 12, **244**
Chum nhỏ phân nò 188, 189, **244**
Cửa chuối và người **244**
 Stendhal
Đỏ và đen **150–51**, 160, 174
Tu viên thanh Parma 160
 Sterne, Laurence 12
Tristram Shandy 61, **104–05**, 221, 271, 298
 Stevens, Wallace, *Harmonium* 213
 Stevenson, Robert Louis **201**
Đảo giấu vàng **201**
Hai vạn dặm dưới biển **184**
Hành trình vào tâm Trái Đất 184
Năm tuần trên khi cầu 184
Truong hợp la lũng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde 157, 195, **201–02**
 Stoker, Bram, *Dracula* 157, **195**
 Stowe, Harriet Beecher 15
Túp lều bác Tom 145, **153**, 166, 188, 261
 Strindberg, August, *Cán phong đó* **185**
Sturlungasogur 52
 Sturluson, Snorri, *Edda văn xuôi* 52
Sturm und Drang (Klinger) 98
 Sula (Morrison) 307
Suối nguồn (Rand) **245**
 Sūskind, Patrick, *Mùi hương* 227
Sử thi Gilgamesh 13, 18, **20**, 28
 sử thi Hy Lạp **26–33**
 sử thi tiếng Phan 18, 19, **22–25**
Su sang chánh cấp tiến và hăm he người đồ đan (Wolfe) 278
 Swift, Jonathan, *Gulliver du kỳ* 61, 94, 95, **104**, 270, 320
Sybil (Disraeli) 166

T

Ta cần nói chuyện về Kevin (Shriver) 328
Ta cần tên mới (Bulawayo) **339**
Tại sân: Một câu chuyện tình (Byatt) 318
"Tái lâm" (Yeats) 267
"Tại những nơi cư ngụ của cái chết" (Sachs) 258
 Talese, Gay 278
Tam quốc diễn nghĩa (La) 60, **66–67**
Tam biệt, Columbus (Roth) 276
Tàng đá của Tanios (Maalouf) **337**
 Tanpinar, Ahmet Hamdi, *Viên quản lý thời gian* **289**
 Tào Tuyết Cần, *Hồng lâu mộng* 66
Tap âm trắng (DeLillo) **335–36**
 Tartt, Donna
Con sè vàng 328
Lịch sử bi mật **318**
Tay sát thủ mù (Atwood) 271, 295, **326–27**
Tâm thần kiêu Mỹ (Ellis) 261, 270, **313**
Tâm đèm (Katai) 209
Tân trờ đời (Balzac) 156, 160
Tây du kỳ (Ngô) 66
"Tây Tang: Hôn buộc đầu roi" (Zhaxi (Tashi) Dawa) 310
Texaco (Chamoiseau) **336–37**
Tên quốc xa và người thợ cạo (Hilsenrath) 258
Tên tôi là Đò (Pamuk) **338**
 Thackeray, William Makepeace
Hội chợ Phu Hoa 118, **153**
 thảm họa diệt chủng người Do Thái Holocaust **258**
Thành phố và lũ chó (Vargas Llosa) **290**
Thảm mỹ phân kháng (Weiss) **333**
Thần hệ (Hesiod) 28, **54**
Thần khúc (Dante) 41, 60, **62–65**, 312
Thérèse Raquin – Thiểu phụ đam mê (Zola) **198**
 thể nghiệm văn học thời Weimar 207, **234**
"Thế giới" (Vaughan) 91
Thế giới đã mất (Conan Doyle) 184
Thế giới mới tươi đẹp (Huxley) **243**, 252, 261
 thể hệ Beat 243, 248, 249, **264–65**, 288
 Thế kỷ Hoàng kim của Tây Ban Nha **78–81**
 thi ca Trung Hoa để chế **46**
Thi học (Aristotle) **39**, 90
 Thi Nại Am, *Thủy hử* 60, 66
 thi phái Pliade **74**
Thiên tài tập ("ghi chép nghìn năm") (Fujiwara) 47
 Thomas nước Anh, *Tristan* 50
 Thompson, Hunter S., *Sợ hãi và kinh tởm ở Las Vegas* **332**
 Thoreau, Henry David 108–09
Walden 125
"Thống khổ" (Herbert) 91
 thơ ca bằng tiếng Anh Có **42–43**
 thơ ca hậu chiến **277**
 thơ cantar de gesta 48
Thợ cày xứ Bohemia (Johannes von Tepl) 72
 thơ Hiên đại **213**, 232
Thơ không lời (Verlaine) 165
 thơ trữ tình **49**
 Thời đại Hoàng kim của văn học
 Hồi giáo 19, 44–45
 Thời đại Hoàng kim Nga **178–81**
 Thời đại Đò đồng 20
 Thời đại Hoàng kim của văn học tiếng Latin **40–41**
Thủ lam liêu (Vuong) **336**
Thủy hử (Thi) 60, 66
Thu của một bà phuộc Bô Đào Nha (Guilleragues) 100
Thu về nước Anh (Voltaire) 97
Thưa nhân (Gaddis) 328
 Tieck, Ludwig, *Những chuyện lang thang của Franz Sternbald* 224
Tiến sĩ Faustus (Marlowe) 60, **75**
Tiếng gọi của hoàng dã (London) **240**
Tiếng gọi của lò 49 (Pynchon) 276, **290**, 296
Tiếng hú và các bài thơ khác (Ginsberg) 248, 261, 264, **288**
 tiếng nói Ả Rập hiện đại **223**
 tiếng nói Mỹ **188–89**
 tiếng nói Nigeria **266–69**
 tiếng Pháp cổ **48**, 51
Tiểu báo trang (Vuong) 310
 tiểu thuyết bách khoa toàn thư **296–97**
 tiểu thuyết bom nghịch , 127
 tiểu thuyết châm biếm xã hội **118–19**
 tiểu thuyết học đương **318**
 tiểu thuyết lịch sử **122–23**
 tiểu thuyết Mỹ vi đại **145**
 tiểu thuyết phản kháng **259**
 tiểu thuyết phản kháng xã hội **166–67**
 tiểu thuyết thu từ 15, **100–01**, 104, 105, 174
"Tình khúc của J. Alfred Prufrock" (Eliot) 213
Tình yêu thời thơ ấu (Garcia Márquez) **335**
Tình thực (Chopin) **203**
Toàn Đường thi **46**
 Tolkien, J. R. R. 43, 53
Chàng Hobbit 171, 287
Chùa Nhân **287**
 Tolstoy, Leo **181**, 182
Anna Karenina 149, 179, **200**
Chiến tranh và hòa bình 109, 156, **178–81**, 182
Tom Jones (Fielding) 94, **104**, 182
 Toole, John Kennedy, *Liên minh lũ đần* 272
 Toomer, Jean, *Mia* 235
Tóc người ngó (Asturias) 282
Tôi biết vì sao chim trong lồng lại hót (Angelou) 259, **291**
Tôi là con mèo (Sōseki) **209**
Tôi tàn (Pynchon) 296, 331
Tôi ác và hình phạt (Dostoyevsky) 14, 156, **172–77**, 178
Trái tim là người thợ săn đơn độc (McCullers) 272
Trại súc vật (Orwell) **245**, 248, 252, 253, 320

trào lưu Tân Cổ điển Pháp **90**, 103
Trăm năm cô đơn (García Márquez) 249, **280–85**, 302
Trăm nẻo miền hoang (Guimarães Rosa) **288**
Trên đường (Kerouac) 185, 248, **264–65**
 triêu Heian, Nhật Bản 19, **47**
Tristan (Thomas nước Anh) 50
Tristram Shandy (Sterne) 61, 104–05, 221, 271, 298
Trò chơi hạt thùy tinh (Hesse) 234
Trò chuyện trong quán La Catedral (Vargas Llosa) 282
Trò đùa vô tận (Wallace) 296, **337**
Trò hề của Almayer (Conrad) 197
Troilus và Criseyde (Chaucer) 69
 Trollope, Anthony, *Cách ta sống ngày nay* 186
Trong lối su tù (Ondaatje) 324
Trong súp miso (Murakami) 319
 troubadour và minnesinger **49**
Trò về đất tổ (Césaire) 312
 truyền thống "thi" 46
Truyện Bayad và Riyad 44
Truyện cổ Andersen (Andersen) **151**, 169
Truyện cổ Genji (Murasaki) 19, **47**, 61, 174
 truyền dài kỳ **146–49**
Truyện dân gian Na Uy (Asbjørnsen/Moe) 116
 truyện Gothic sơ kỳ **120–21**
 truyện hiệp sĩ lãng mạn về thời Arthur 19, **50–51**
 truyện khoa học **184**
 truyện khung 23, **68–71**, 102, 203
Truyện nàng Ochikubo 47
 truyện nô lệ **126–27**
 truyện *Sherlock Holmes* (Doyle) 149
 truyện trinh thám 207, **208**
 truyện trinh thám đen 207, **236–37**, 336
 truyện xuyên Đại Tây Dương **186–87**
Trường hợp lạ lùng về bác sĩ Jekyll và ông Hyde (Stevenson) 157, 195, **201–02**
 trường phái Anh-điêng **164**
Tu sĩ (Lewis) 120
Túp lều bác Tom (Stowe) 145, **153**, 166, 188, 261
 Turgenev, Ivan 108
Nhật ký đời thừa 124
 Turolf, *Bài ca Roland* **48**
 Tutuola, Amos, *Ké nghiên rượu cọ* 266
Tuyển tập thơ (Auden) 277
 tuyển tập truyện dân gian **116–17**
Tuyển tập truyện ngắn (Munro) **337**
 tu tiểu thuyết **209**
Từ điển Ma Kiếu (Hàn) 310
Từ thu Ai Cập 20, **54**
 từ đại danh tác 61, **66–67**
Từ sát vì tình ở Sonezaki (Monzaemon) **93**

tự truyện hư cấu **94–95**
Tuong quân giữa mẹ hôn trần (García Márquez) 122
 Twain, Mark 15, **189**
Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn 145, 157, **188–89**, 270

UV

Ulysses (Joyce) 206, **214–21**, 241, 260
 Umezaki, Haruo, *Sakurajima* 263
 Updike, John, *Bộ tác phẩm "Thỏ"* 328
Utopia (More) 252
 V. (Pynchon) 296
Và cham (Ballard) 313, **332**
 Valmiki **55**
Ramayana 22, 23, 25, **55**
 Vargas Llosa, Mario
Thành phố và lũ chó **290**
Trò chuyện trong quán La Catedral 282
 Vaughan, Henry, "Thế giới" 91
 văn học
 bùng nổ toàn cầu 15
 câu chuyện 13–14
 định nghĩa và kinh điển văn học 12–13
 vốn từ được mở rộng 15
 văn học Á Rập sơ kỳ **44–45**
 văn học Anglo-Saxon 19, **42–43**, 48, 219
 văn học Australia **311**
 văn học Caribbean 294, **312**
văn học của "thế hệ Lạc lõng" 207, **228–33**
 văn học Gothic miền nam **272–73**
 văn học Gothic Nam Ontario **326–27**
 văn học Gothic thành thị 157, **195**
 văn học Gothic thời Victoria **134–37**
 văn học hậu Auschwitz **258**
 văn học La Mã **40–41**
 văn học Mỹ gốc Phi đương đại 295, **306–09**
 văn học Nam Phi 295, **322–23**
 văn học người da đen **235**
 văn học Nhật Bản hậu chiến **263**
 văn học phân địa đàng **250–55**
 văn học thực dân 157, **196–97**, 248
 văn học tiếng Anh gốc Ấn 294, 295, **314–17**
 văn học toàn cầu **319**
 văn học vượt rào **313**
 vấn đề trong gia đình hiện đại 295, **328–29**
 Verlaine, Paul, *Thơ không lời* 165
 Verne, Jules 157
Vết nho của người (Roth) 318
Vết tích lịch sử tự nhiên của sự sáng thế 184
 Vi tuyến **38 330**
 vi tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên **330**

Vị khách (Hwang) 295, **330**
 Vicente, Gil, *Bộ ba kịch Barcas* **103**
Viên kim cương Moonstone (Collins) 146, 149, **198–99**, 208, 271
Viên quản lý thời gian (Tanpinar) **289**
 Villa-Matas, Enrique, *Bartleby và đồng sự* 274
 Villette (Brontë) 128
 Virgil 28, **40**, 64
Aeneid 19, **40–41**, 62
 Voltaire **97**
Candide 61, **96–97**, 260
Thu về nước Anh 97
 Von Kleist, Heinrich, *Hoàng thân xứ Homburg* 111
 Vonnegut, Kurt, *Lo sát sinh số 5* 276, **291**
 Voss (White) 311
Vô cùng vàng đời và kẻ cần la thương (Safran Foer) 295, **331**
 Vô tình (Yi) **241**
Voi chúng tôi, mọi loài hoa đều là hoa hồng (Goodison) 312
Vũ điệu của những sắc thái hạnh phúc (Munro) 337
 Vu an (Kafka) 211, **242**
Vu an bí ẩn ở Styles (Christie) 208
Vua Lear (Shakespeare) **88**, 144
Vua Oedipus (Sophocles) **34–39**
 Vulgate Cycle (Lancelot-Grail) 50
Vùng sông gió (Franzen) 329
Vuon lên tu kiếp nô lệ (Washington) 306
Vuon máy (Burgess) 252, 270, **289**
 Vương An Úc, *Tiểu báo trang* 310
 Vương Duy 19, **46**
Vương quốc của thế giới nay (Carpentier) 312
 Vương Sóc, *Thủ làm liếu* **336**
 Vyasa
Bhagavad Gita (*Chi Tôn ca*) 23, 25
Mahabharata 13, 18, **22–25**, 28

W

Wacousta (Richardson) 326
 Walcott, Derek 294
Omeros 294, **312**
 Walden (Thoreau) 125
 Waldere 42
 Walker, Alice 307
Sắc tia 306
 Wallace, David Foster, *Trò đùa vô tận* 296, **337**
Wallenstein, (Schiller) 112
 Walpole, Horace, *Lâu đài xu Otranto* 120
 Walther von der Vogelweide, "Dưới bóng cây đoan" **49**
 Washington, Booker T., *Vuon lên tu kiếp nô lệ* 306
Waverley (Scott) 122, 150
 Webster, John, *Nữ công tước Malii* 75

Weiss, Peter, *Thảm mỹ phản kháng* **333**
 Wells, H. G., *Có máy thời gian* 184
 West, Nathanael, *Ngày châu châu* 276
 Wharton, Edith 187
Ethan Frome **240**
Madame de Treymes 186
Ngôi nhà vui vẻ 118
 White, Patrick, Voss 311
 Whitman, Walt 108–09
La cô 109, **125**
 Wieland, Christoph Martin 113
 Wilde, Oscar 90
Chân dung Dorian Gray 157, **194**, 195
Wilhelm Meister học nghề (Goethe) 224–25
 Williams, Tennessee, *Con mèo ngồi trên chảo lửa* 272
 Wolfe, Tom
Lửa vùi hu vinh 149
Sự sang chảnh cấp tiến và hăm he người do đản 278
 Wollstonecraft, Mary 121
 Woolf, Virginia 135, **242**
Bà Dalloway 182, 217, **242**
Đến ngọn hải đăng 216, 217
 Wordsworth, William
Đạo khúc 168
Những khúc ballad trữ tình 108, **110**
 Wright, Alexis, *Carpentaria* 311
 Wright, Richard, *Con của đất mẹ* 259
 Wyss, Johann David, *Gia đình Robinson Thụy Sĩ* 168

XYZ

Xa đăm đòng diên loan (Hardy) 190, **200**
Xin như ý ban (Shakespeare) 85, 88, 89
Xù nữ tu tù (Eugenides) 328
Xù số linh sam (Jewett) 188
Xù tuyết (Kawabata) **286**
 Yeats, W. B., "Tài làm" 267
Yêu dấu (Morrison) 145, 294, **306–09**
 Yi Kwang-su, *Vô tình* **241**
 Yoshimoto, Banana, *Kitchen* 319
 Zamyatin, Yevgeny, *Chúng tôi* 252, 253
Zarathustra đã noi như thế (Nietzsche) 210
 Zeami Motokiyo, *Khung rào giêng* (*Izutsu*) **102**
 Zhaxi (Tashi) Dawa, "Tây Tang: Hôn buộc đầu roi" 310
 Zola, Émile **191**, 218–19
Lời tu thủ của Claude 191
Này mâm 157, 163, 166, **190–91**
Quán rượu 166
Therèse Raquin – Thiếu phụ đam mê **198**
 Zweig, Stefan, *Kỳ thủ* 238

LỜI CẢM ƠN

Dorling Kindersley chân thành cảm ơn Margaret McCormack đã làm chỉ mục; Christopher Westhorp đọc bóng; Alexandra Beeden, Sam Kennedy và Georgina Palfy hỗ trợ biên tập; cùng Gadi Farfour và PhilGamble hỗ trợ thiết kế.

Trích dẫn ở trang 212 lấy từ *Tho về chiến tranh* của Wilfred Owen (Chatto & Windus, 1994), Jon Stallworthy biên tập.

Trích dẫn ở trang 223 lấy từ *Nhà tiên tri* của Kahlil Gibran (Penguin Books, 2002) Lời giới thiệu © Robin Waterfield, 1998.

BẢN QUYỀN HÌNH ẢNH

Nhà xuất bản chân thành cảm ơn các đơn vị sau đây đã cho phép chúng tôi sử dụng hình ảnh của họ:

(Các chữ viết tắt: a-trên, b-duới, c-giữa, l-trái, r-phải, t-đỉnh)

23 akg-images: Roland and Sabrina Michaud (br). **25 akg-images:** British Library (tl). **28 Alamy Images:** Peter Horree (bl). **29 Dreamstime.com:** Nikolai Sorokin (br). **30 Corbis:** Alfredo Dagli Orti/The Art Archive (tr). **32 Getty Images:** Universal History Archive/Contributor (b). **33 Alamy Images:** ACTIVE MUSEUM (tr). **36 Corbis:** (bl). **Dreamstime.com:** Emicristea (tr). **38 Getty Images:** De Agostini Picture Library (bl). **39 Alamy Images:** epa european pressphoto agency b.v. (tl). **51 Alamy Images:** World History Archive (tl). **64 Corbis:** David Lees (tl). **65 Corbis:** Hulton-Deutsch/Hulton-Deutsch Collection (tr). **67 The Art Archive:** Ashmolean Museum (br). **69 The Bridgeman Art Library:** Private Collection/Bridgeman Images (tl). **70 Alamy Images:**

Pictorial Press Ltd. (bl). **71 Corbis:** (tr). **73 Corbis:** Michael Nicholson (tr). **78 Corbis:** (bl). **81 Dreamstime.com:** Typhoonski (bl). **84 Corbis:** (bl). **85 Corbis:** Steven Vidler/Eurasia Press (tr). **87 Corbis:** Lebrecht Authors/Lebrecht Music & Arts (tl). **Alamy Images:** Lebrecht Music and Arts Photo Library (br). **88 Corbis:** John Springer Collection (br). **89 Alamy Images:** AF archive (tl). **97 Corbis:** The Art Archive (tr). **99 Corbis:** (bl). **101 Corbis:** Leemage (tr). **114 Corbis:** Robbie Jack (tl). **115 Topfoto:** The Granger Collection (bl). **Corbis:** Leemage (tr). **117 Getty Images:** DEA PICTURE LIBRARY (tr). **119 Corbis:** Hulton-Deutsch/Hulton-Deutsch Collection (tr). **121 Corbis:** (tr). **123 Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (tr). **127 Corbis:** (bl). **129 Getty Images:** Stock Montage/Contributor (bl). **134 Getty Images:** Hulton Archive/Stringer (bl). **136 Alamy Images:** Daniel J. Rao (t). **137 Corbis:** (tr). **140 Corbis:** (bl). **142 Corbis:** John Springer Collection (tl). **143 Corbis:** (br). **144 Alamy Images:** North Wind Picture Archives (tl). **145 Alamy Images:** United Archives GmbH (tl). **147 Corbis:** Chris Hellier (tr). **Alamy Images:** Classic Image (bc). **148 Corbis:** Geoffrey Clements (tl). **160 Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (bl). **161 Corbis:** Leemage (tr). **162 Topfoto:** The Granger Collection (tr). **163 The Bridgeman Art Library:** Archives Charmet (br). **167 Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (tr). **170 Corbis:** (tl). **Alamy Images:** ITAR-TASS Photo Agency (bl). **171 Getty Images:** Oscar G. Rejlander/Contributor (tr). **Corbis:** Derek Bayes/Lebrecht Music & Arts/Lebrecht Music & Arts (bc). **174 Corbis:** (bl). **175 Getty Images:** Imagno (tr). **176 Corbis:** David Scharf (tl). Hulton-Deutsch Collection (br). **180 Alamy Images:** Heritage Image Partnership Ltd. (tl). **181 Corbis:** Leemage (bl). **Alamy Images:** GL Archive (tr). **183 Corbis:** The Print Collector (bl). **187 Corbis:** (bl). **189 Corbis:** (tr). **191 Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (tr). **193 Corbis:** (tr). **197 Corbis:** Hulton-Deutsch

Collection (tr). **211 Corbis:** (tr). **216 Getty Images:** Culture Club/Contributor (bl). **217 Getty Images:** Apic/Contributor (tr). **219 Alamy Images:** Gabriela Insuratelu (tl). **220 Corbis:** Leemage (br). **225 akg-images:** ullstein bild (t). **227 akg-images:** (bc). **Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (tr). **230 Corbis:** (bl). **231 Getty Images:** Paramount Pictures/Handout (tr). **239 Corbis:** Bettmann (tr). **252 Getty Images:** Hulton Archive/Stringer (bl). **255 Getty Images:** Heritage Images/Contributor (br). **257 Dreamstime.com:** Nicolarena (tr). **Corbis:** Bettmann (tr). **261 Alamy Images:** Everett Collection Historical (bl). **265 Corbis:** Bettmann (bl). CHARLES PLATIAU/Reuters (tr). **267 Alamy Images:** Eye Ubiquitous (tl). **268 Topfoto:** Charles Walker (bl). **269 Alamy Images:** ZUMA Press, Inc. (tr). **271 Corbis:** Marc Brasz (tr). **273 Getty Images:** Donald Uhrbrock/Contributor (bl). **274 Getty Images:** Keystone-France/Contributor (b). **275 Corbis:** Sophie Bassouls/Sygma (tr). **279 Corbis:** Hulton-Deutsch Collection (bl). **282 Corbis:** Karl-Heinz Eiferle/dpa (br). **284 Getty Images:** Philippe Le Tellier/Contributor (bl). **285 Alamy Images:** Jan Sochor (tr). **297 Corbis:** Bettmann (br). **299 Corbis:** Sophie Bassouls/Sygma (tr). **302 Corbis:** Walter McBride (bl). **303 Alamy Images:** Dinodia Photos (br). **304 Getty Images:** Dinodia Photos/Contributor (tl). **305 Alamy Images:** FotoFlirt (br). **307 Corbis:** (tr). **309 Corbis:** Nigel Pavitt/JAI (bl). Colin McPherson (tr). **315 Corbis:** Destinations (bl). Eric Fougere/VIP Images (tr). **317 Corbis:** Jihan Abdalla/Blend Images (tl). **321 Alamy Images:** PPF Collection (tr). **Corbis:** Sophie Bassouls/Sygma (bl). **323 Corbis:** James Andanson/Sygma (tr). **325 Corbis:** Colin McPherson (bl). **327 Corbis:** Rune Hellestad (tr). **329 Alamy Images:** dpa picture alliance (tr).

Nhưng hình ảnh khác © Dorling Kindersley. Xem thêm thông tin tại: www.dkimages.com

